TA LÀ CÁI ĐÓ

Talks with

Sri Nisargadatta Maharaj

The real does not die, the unreal never lived.

Once you know that death happens to the body and not to you, you just watch your body falling off like a discarded garment.

The real you is timeless and beyond birth and death. The body will survive as long as it is needed. It is not important that it should live long.

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Ta là cái đó

Contents

1. Ý thức "Ta hiện hữu". 1

2. Nỗi ám ảnh về thân xác. 3

3. Hiện tại sinh động. 6

4. Thế giới thật ở ngoài tâm.. 9

5. Cái gì được sinh ra phải chết đi 11

6. Thiền. 13

1. Ý thức "Ta hiện hữu"

Hỏi: Theo kinh nghiệm thường ngày, thế giới đột nhiên xuất hiện ngay khi người ta thức dậy. Vậy nó từ đâu đến?

Maharaj: Trước khi bất cứ gì có thể xuất hiện thì phải có người để nó xuất hiện đối với người đó. Tất cả mọi xuất hiện và biến mất bao hàm một sự thay đổi đối với một hậu cảnh bất biến.

Hỏi: Trước khi thức dậy tôi không có ý thức.

Maharaj: Theo nghĩa nào? Đã quên đi, hay chưa từng kinh nghiệm? Thế không phải ông vẫn kinh nghiệm ngay cả khi không có ý thức? Liệu ông có thể tồn tại mà không biết? Có phải một sự ngắt quãng trong ký ức là bằng chứng của sự không tồn tại? Liệu có hợp lý khi ông nói về sự không tồn tại của ông như là một kinh nghiệm thực tế? Thậm chí ông cũng không thể nói rằng tâm ông đã không tồn tại trong khi ngủ. Thế không phải ông tỉnh dậy khi được gọi hay sao? Và ngay khi thức dậy, không phải ý thức "Ta hiện hữu" xuất hiện trước tiên? Một mầm mống nào đó của ý thức chắc chắn phải tồn tại ngay cả trong khi ông ngủ hay bất tỉnh. Khi thức dậy, kinh nghiệm diễn ra: "Ta hiện hữu – thân xác – trong thế gian." Kinh nghiệm này có vẻ như xuất hiện theo trình tự trong một chuỗi diễn tiến, nhưng thật ra nó hình thành cùng một lúc – một ý tưởng duy nhất về sự có một thân xác trong thế giới. Liệu có thể có ý thức "Ta hiện hữu" mà không là một người nào đó hay một cái gì đó?

H: Tôi luôn luôn là một người với những ký ức và thói quen riêng. Tôi không biết cái "Ta hiện hữu" nào khác.

M: Có thể một cái gì đó ngăn che không cho ông biết. Khi người khác biết một cái gì đó mà ông không biết thì ông làm gì?

H: Tôi sẽ nhờ họ chỉ dẫn để tìm ra nguồn gốc sự hiểu biết của họ.

M: Theo ông – tìm hiểu có phải ông chỉ là thân xác hay ông là một cái gì khác – có quan trọng không? Hoặc, có thể ông không là gì cả? Ông không thấy rằng tất cả mọi vấn đề của ông đều là vấn đề của thân xác hay sao – thực phẩm, quần áo, chỗ ở, gia đình, bằng hữu, tên tuổi, danh vọng, sự an toàn, sự sống còn – tất cả những thứ này sẽ mất đi ý nghĩa ngay khi ông nhận ra rằng ông không phải chỉ là một thân xác.

H: Biết được tôi không phải thân xác thì có lợi lạc gì?

M: Thậm chí nói rằng ông không phải là thân xác thì cũng không đúng hẳn. Về một phương diện nào đó, ông là tất cả các thân xác, tất cả những trái tim, tất cả tâm và nhiều cái khác nữa. Đi sâu vào ý thức "Ta hiện hữu" ông sẽ tìm ra. Ông phải làm gì để tìm ra một cái gì đó mà ông đã để sai chỗ hay quên đi? Ông để nó trong tâm cho đến khi nào nhớ ra nó. Ý thức hiện hữu, ý thức "Ta hiện hữu" xuất hiện trước tiên. Hãy tự hỏi nó từ đâu đến, hoặc im lặng quan sát nó. Khi tâm an trú trong cái "Ta hiện hữu" bất động, ông nhập vào một trạng thái không thể diễn tả bằng ngôn từ, nhưng có thể chứng nghiệm được. Tất cả những gì ông cần làm là thường xuyên tinh tấn. Xét cho cùng, ý thức "Ta hiện hữu" lúc nào cũng ở với ông, chỉ có điều ông ràng buộc đủ mọi thứ vào nó – thân xác, cảm thọ, ý nghĩ, ý tưởng, sự sở hữu, vân vân. Tất cả những nhận dạng về chính mình như thế đều sai lạc. Chính vì chúng mà ông cho ông là những gì không phải là ông.

H: Vậy tôi là cái gì?

M: Chỉ cần biết cái mà ông không phải, là đủ. Ông chẳng cần biết ông là cái gì. Vì chừng nào biết có nghĩa là sự mô tả theo những gì đã biết, qua nhận thức hay khái niệm, thì không thể nào có cái gọi là biết chính mình, vì cái mà ông *là* không thể mô tả được, ngoại trừ sự phủ định hoàn toàn. Ông chỉ có thể nói: "Ta không là cái này, Ta không là cái kia". Ông không thể nói: "Ta là cái này." Điều này hoàn toàn vô nghĩa. Những gì ông có thể chỉ ra như "này", "kia" thì không thể nào là chính ông. Chắc chắn, ông không thể là "một cái gì" khác. Ông là cái không thể nhận thức được, hay tưởng tượng ra được. Nhưng, nếu không có ông thì không thể có nhận thức hay tưởng tượng. Ông quan sát trái tim rung động, tâm trí tư duy, thân xác hành hoạt; ngay chính hành vi nhận thức chứng tỏ rằng ông không phải là những gì được ông nhận thức. Liệu có thể có nhận thức, kinh nghiệm mà không có ông? Một kinh nghiệm thì phải "thuộc về". Phải có một

người nào đó xuất hiện và tuyên bố kinh nghiệm đó là của mình. Nếu không có người kinh nghiệm thì kinh nghiệm không thật. Chính người kinh nghiệm đem lại hiện thực cho kinh nghiệm. Một kinh nghiệm mà ông không thể có được thì có giá trị gì đối với ông?

H: Thế không phải ý thức "Ta hiện hữu", ý thức chính mình là người kinh nghiệm cũng là một kinh nghiệm?

M: Hiển nhiên, bất cứ gì được kinh nghiệm đều là một kinh nghiệm, và trong mỗi kinh nghiệm đều có người kinh nghiệm nó xuất hiện. Ký ức tạo ra ảo tưởng về sự liên tục, nhưng trong thực tế mỗi một kinh nghiệm có riêng người kinh nghiệm của nó, và cảm tưởng về sự giống nhau là do yếu tố chung ở tại gốc rễ của tất cả những tương quan giữa người kinh nghiệm và kinh nghiệm. Sự giống nhau và sự liên tục không phải là một. Mỗi bông hoa có mầu sắc riêng của nó, nhưng tất cả mầu sắc đều được tạo ra bởi cùng một ánh sáng; tương tự như thế có vô số người kinh nghiệm xuất hiện trong tánh biết nguyên vẹn và bất khả phân chia; mỗi người kinh nghiệm thì riêng biệt trong ký ức, nhưng lại giống nhau trong tánh thể. Tánh thể này là gốc rễ, là nền tảng, là khả năng phi thời và phi xứ của tất cả kinh nghiệm.

H: Làm sao tôi tìm ra tánh thể đó?

M: Ông chẳng cần tìm ra nó, vì ông *là* nó. Nó sẽ tìm ông nếu ông cho nó cơ hội. Hãy quẳng bỏ mọi ràng buộc của ông với những cái hư giả thì cái chơn thật sẽ nhanh chóng và dễ dàng đi vào vị trí của nó. Hãy chấm dứt tưởng tượng chính ông là cái này hay cái kia, hoặc làm cái này hay cái kia, thì sự giác ngộ ra rằng ông là nguồn gốc và là trái tim của tất cả sẽ bừng nở trong ông. Cùng đến với sự giác ngộ là tình yêu vĩ đại, không lựa chọn, không thiên vị, không trói buộc, mà là một sức mạnh biến tất cả mọi thứ thành đáng yêu và dễ yêu.

***

2. Nỗi ám ảnh về thân xác

Hỏi: Maharaj, ông đang ngồi trước mặt tôi, và tôi ngồi đây dưới chân ông. Sự khác biệt căn bản giữa ông và tôi là gì?

Maharaj: Chẳng có sự khác biệt căn bản nào cả.

H: Nhất định phải có một sự khác biệt thực tế nào đó. Tôi đến với ông, nhưng ông không đến với tôi.

M: Vì tưởng tượng ra những khác biệt nên ông bôn ba đây đó tìm người "siêu việt" hơn ông.

H: Ông cũng là một người siêu việt. Ông nhận mình là người biết cái chơn thật, còn tôi thì không.

M: Có bao giờ Ta nói ông là người hèn kém vì ông không biết? Hãy để những ai nghĩ ra những khác biệt như thế chứng minh sự khác biệt. Ta không tự

nhận mình biết cái mà ông không biết. Thật ra, ta biết còn ít hơn ông.

H: Lời lẽ của ông thông thái, cung cách của ông cao cả, lòng từ ái của ông đầy uy lực.

M: Ta không hề biết đến những thứ đó, và cũng chẳng thấy sự khác biệt nào giữa Ta và ông. Cũng như cuộc đời ông, cuộc đời Ta chỉ là một chuỗi các diễn tiến. Chỉ có điều là Ta không bị ràng buộc, Ta thấy vở tuồng trôi qua là vở tuồng trôi qua, còn ông thì vướng mắc đủ mọi thứ và lăn trôi cùng với chúng.

H: Điều gì đã làm cho ông thản nhiên như thế?

M: Chẳng có gì đặc biệt cả. Có được sự thản nhiên ấy là do tín tâm của Ta đối với Tôn sư. Ngài bảo Ta không là gì khác ngoài cái Ta của Ta, và Ta đã tin lời. Tin tưởng Tôn sư, Ta đã hành xử theo lời Ngài chỉ dạy và không còn bận tâm đến những gì không phải là Ta, hoặc của Ta.

H: Vì sao ông có cơ may đặt tất cả tín tâm vào Tôn sư, trong khi sự tin tưởng của chúng tôi chỉ là hình thức và ngôn từ?

M: Ai biết được? Chuyện chỉ xảy ra như thế. Mọi chuyện xảy ra không hề có nguyên nhân hay lý do, mà xét cho cùng, ai là ai thì có gì quan trọng? Những cao kiến của ông về Ta chỉ là ý kiến của ông. Ông có thể thay đổi ý kiến bất cứ lúc nào. Tại sao lại ràng buộc sự quan trọng vào ý kiến, ngay cả ý kiến của ông?

H: Nhưng ông vẫn khác biệt. Tâm ông hình như lúc nào cũng tĩnh lặng và an lạc. Phép lạ xảy ra quanh ông.

M: Ta chẳng hề biết đến phép lạ, Ta tự hỏi liệu thiên nhiên có thừa nhận ngoại lệ đối với những quy luật của nó hay không, trừ khi chúng ta đồng ý rằng cái gì cũng là phép lạ. Theo Ta thì không có chuyện như thế. Chỉ có ý thức mà trong đó mọi chuyện xảy ra. Điều này quá hiển nhiên và trong phạm vi kinh nghiệm của mỗi người. Ông quan sát chưa kỹ đó thôi. Hãy quan sát kỹ, và sẽ thấy cái Ta thấy.

H: Ông thấy cái gì?

M: Ta thấy cái mà ông cũng có thể thấy – ở đây và bây giờ – nếu tiêu điểm chú ý của ông không sai lệch. Ông chẳng hề chú ý đến cái Ta của chính ông. Tâm ông luôn luôn bận bịu với sự kiện, con người và ý tưởng, nhưng chẳng bao giờ với cái Ta của ông. Hãy đặt cái Ta của ông vào tiêu điểm của sự chú ý, và biết rõ sự tồn tại của chính ông. Hãy thấy chính ông hành xử như thế nào, quan sát những nguyên do và hậu quả các hành động của ông. Bằng sự chú ý, hãy tìm hiểu cái nhà tù ông đã dựng lên quanh ông. Bằng cách biết cái không phải là ông, ông sẽ biết được cái Ta của chính ông. Con đường trở lại với cái Ta của ông là con đường thông qua sự phủ nhận và khước từ. Có một điều chắc chắn: cái thật không phải là tưởng tượng, nó không phải là sản phẩm của tâm. Ngay cả ý thức "Ta hiện hữu" cũng không liên tục, mặc dù nó là một chỉ điểm hữu

ích; nó chỉ chỗ tìm kiếm ở đâu, nhưng không chỉ cái gì phải tìm. Hãy quan sát nó thật kỹ. Một khi ông tin rằng ông không thể nói bất cứ điều gì đúng thật về cái Ta của ông, ngoại trừ cái "Ta hiện hữu", và những gì có thể chỉ điểm được thì không thể là ông, lúc đó ý thức "Ta hiện hữu" sẽ không còn cần thiết nữa – vì ông không còn có ý định ngôn từ hóa cái mà ông là. Tất cả những gì ông cần là từ bỏ cái khuynh hướng định nghĩa cái Ta của ông. Tất cả mọi định nghĩa chỉ áp dụng cho thân xác của ông và những thể hiện của nó. Một khi nỗi ám ảnh thân xác không còn nữa, ông sẽ trở lại trạng thái tự nhiên một cách tùy nghi và chẳng cần cố gắng. Sự khác biệt duy nhất giữa ông và Ta là: Ta biết rõ trạng thái tự nhiên của Ta, còn ông thì bối rối. Cũng giống như vàng khi được làm thành đồ trang sức chẳng hề có ưu thế hơn vàng cám – trừ khi cái tâm bày vẽ ra như thế – vì vậy chúng ta là một trong hiện hữu, và chỉ khác hình tướng bề ngoài. Chúng ta phát hiện ra điều này bằng sự thành khẩn, bằng tìm hiểu, bằng thắc mắc, bằng tra vấn hằng ngày và hằng giờ, bằng sự dâng hiến cuộc đời cho sự khám phá này.

***

3. Hiện tại sinh động

Hỏi: Như chỗ tôi thấy, không có gì bất ổn với thân xác của tôi, cũng như với sự hiện hữu chơn thật của tôi. Cả hai đều không phải do tôi tạo ra, và cũng chẳng cần phải làm cho tốt đẹp hơn. Cái bất ổn là cái "nội thân", gọi là tâm, ý thức, *Antahkarana*, hay bất cứ danh xưng nào khác.

Maharaj: Điều gì làm ông cho rằng tâm ông bất ổn?

H: Nó không an nghỉ, nó ham muốn lạc thú và sợ hãi phiền trược.

M: Có gì là không đúng khi tâm ông tìm kiếm lạc thú và trốn tránh phiền trược? Giữa hai bờ đau khổ và lạc thú là dòng đời trôi chảy. Chỉ khi nào tâm không chịu trôi theo dòng đời, mà vướng mắc hai bên bờ thì lúc đó vấn đề mới khởi sinh. Trôi theo dòng đời, Ta muốn nói là chấp nhận – cái gì đến thì cứ để nó đến, cái gì đi thì cứ để nó đi. Chẳng ham muốn, và cũng chẳng lo sợ; quan sát cái đang xảy ra như nó đang xảy ra và khi nó xảy ra, vì ông không phải những gì xảy ra – những gì xảy ra là xảy ra đối với ông. Cuối cùng, ngay cả ông cũng không phải là người quan sát. Ông là tiềm năng tối hậu mà sự biểu thị và thể hiện của nó là ý thức bao trùm tất cả

H: Nhưng giữa thân và cái Ta là một đám mây ý nghĩ và cảm thọ, chẳng phục vụ gì cho thân hoặc cái Ta. Những ý nghĩ và cảm thọ này rất mong manh, vô thường và vô nghĩa; chúng là lớp bụi tâm lý tạo ra ngăn che và bế tắc, nhưng chúng có đó, gây chướng ngại và phá hoại.

M: Chắc chắn là vậy, ký ức về một sự kiện hay dự tính về một sự kiện thì không thể được cho là chính sự kiện. Nhưng sự kiện hiện tại là ngoại lệ duy

nhất, khác với cái trước đó hay cái sắp đến. Nó có một sự sinh động, một hiện thực; nó nổi bật như thể được chiếu sáng. Chỉ cái hiện thực mới mang "dấu ấn của thực tại" còn quá khứ và tương lai thì không.

H: Cái gì ban cho hiện tại "dấu ấn của thực tại"?

M: Chẳng có gì đặc thù trong sự kiện hiện tại khiến cho nó khác với quá khứ và tương lai. Quá khứ đã từng là hiện thực trong một khoảnh khắc, và tương lai cũng sẽ trở thành như thế. Vậy cái gì làm cho hiện tại khác biệt? Rõ ràng là sự có mặt của Ta. Ta là thật vì Ta luôn luôn là bây giờ, trong hiện tại, và những gì hiện hữu với Ta bây giờ đều dự phần trong thực tại của Ta. Quá khứ ở trong ký ức, còn tương lai trong tưởng tượng. Tự thân sự kiện hiện tại thì chẳng có gì làm chính nó nổi bật như cái thật. Nó có thể là một sự xảy ra đơn điệu và định kỳ, giống như tiếng gõ của đồng hồ. Chúng ta biết rằng những tiếng đồng hồ gõ liên tiếp đều giống nhau, nhưng tiếng gõ hiện tại rất khác với tiếng trước và tiếng sau – vì tiếng trước được ghi nhớ, và tiếng sau được mong đợi. Một vật được đưa vào tiêu điểm của hiện tại thì hiện hữu cùng Ta vì Ta luôn luôn hiện tại. Ta truyền đạt thực tại của chính Ta cho sự kiện hiện tại.

H: Nhưng chúng ta hành xử với những gì được ghi nhớ như thể chúng là thật.

M: Chỉ khi nào ký ức xuất hiện trong hiện tại thì chúng ta mới nghĩ đến nó. Cái đã bị quên đi thì không được biết tới cho đến khi người ta được gợi nhớ – điều này hàm ý đưa nó vào *bây giờ*.

H: Đúng, tôi có thể thấy trong hiện tại có một số yếu tố không biết được, và chính yếu tố này làm cho cái hiện thực ngắn ngủi trở thành thực tại nhất thời.

M: Ông không thể nói nó là cái không biết được, vì ông thấy nó hoạt động không ngừng. Từ khi ông được sinh ra đến nay, nó có bao giờ thay đổi? Sự việc và ý nghĩ luôn luôn thay đổi. Nhưng cảm giác *cái gì bây giờ là có thật* thì chẳng bao giờ thay đổi, ngay cả trong chiêm bao.

H: Trong giấc ngủ sâu không hề có kinh nghiệm về thực tại hiện tiền.

M: Tình trạng vô ký của giấc ngủ sâu hoàn toàn là do sự trống vắng những ký ức riêng biệt nào đó. Nhưng ký ức tổng quát về một trạng thái an lành vẫn còn đó. Có một sự khác biệt trong cảm thọ khi chúng ta nói "Tôi đã ngủ sâu," và "Tôi đã vắng mặt."

H: Trở lại câu hỏi mà chúng tôi đã bắt đầu lúc nãy: ở giữa nguồn sống và thể hiện của sự sống (có nghĩa là thân xác) là: tâm và những trạng thái thường xuyên biến dịch của nó. Giòng chảy của những trạng thái tâm thì bất tận, vô nghĩa và đầy đau khổ. Đau khổ là yếu tố bất biến. Cái mà chúng ta gọi là lạc thú chỉ là một khoảng trống, một sự xen vào giữa hai trạng thái đau khổ. Tham ái và

lo sợ là những đường chỉ dọc, ngang của đời sống, và cả hai đều được tạo ra từ đau khổ. Câu hỏi của chúng tôi là: Liệu có thể có một cái tâm an lạc?

M: Tham ái là ký ức của khoái lạc, và lo sợ là ký ức của đau khổ. Cả hai làm cho tâm bất an. Những khoảnh khắc của khoái lạc đơn thuần chỉ là những khoảng trống trên giòng đau khổ. Làm sao tâm có thể an lạc?

H: Điều đó đúng khi chúng ta ham muốn khoái lạc hay chờ mong đau khổ. Nhưng cũng có những lúc vui sướng bất ngờ, không dự tính trước. Vui sướng thuần túy, không bị nhiễm ô bởi tham ái – không tìm kiếm, không biện bạch được, và Trời cho.

M: Nhưng, vui sướng là vui sướng trước một hậu cảnh khổ đau.

H: Đau khổ là một sự kiện vũ trụ, hay thuần túy tâm lý?

M: Vũ trụ thì viên mãn, và ở nơi viên mãn, nơi không có gì thiếu vắng, thì cái gì có thể gây đau khổ?

H: Vũ trụ có thể viên mãn khi là một tổng thể, nhưng khi đi vào chi tiết thì không trọn vẹn.

M: Một phần của tổng thể được thấy trong tương quan với cái tổng thể thì cũng viên mãn. Chỉ khi nào được thấy trong cô lập thì mới trở nên khiếm khuyết và do đó gây đau khổ. Cái gì tạo ra sự cô lập?

H: Dĩ nhiên là những hạn chế của tâm. Tâm không thể thấy một phần như tổng thể.

M: Tốt, Tâm, do bản chất của nó, phân chia và gây đối nghịch. Liệu có thể có một cái tâm nào khác, hợp nhất và hòa hợp tất cả, thấy cái toàn thể trong một phần và một phần hoàn toàn liên quan với cái toàn thể?

H: Cái tâm khác – tìm nó ở đâu?

M: Bằng cách vượt ra ngoài cái tâm hữu hạn, phân chia và gây đối nghịch. Bằng sự chấm dứt tiến trình tâm lý như chúng ta biết nó. Khi tiến trình này chấm dứt, cái tâm đó khởi sinh.

H: Trong cái tâm đó, vấn đề vui sướng và đau khổ không còn?

M: Không như chúng ta biết chúng qua ưa thích hay chán ghét. Đúng ra, nó trở thành vấn đề của sự thể hiện tìm kiếm tình yêu và đối diện với trở ngại. Một cái tâm dung nhiếp là tình yêu trong hành động, đương đầu với mọi hoàn cảnh; khởi đầu trở ngại, nhưng tối hậu thành công.

H: Có phải tình yêu tạo dựng cây cầu giữa tâm linh và thân xác?

M: Còn gì khác hơn? Tâm tạo ra hố thẳm, trái tim vượt qua hố thẳm đó.

***

4. Thế giới thật ở ngoài tâm

Hỏi: Trong nhiều dịp, câu hỏi được nêu lên là vũ trụ có tuân theo luật nhân quả không, hay nó hiện hữu và hoạt động ngoài mọi luật lệ. Hình như ông cho

rằng vũ trụ không do nhân duyên nào tạo ra, và mọi vật, dù nhỏ đến đâu đều không do nhân duyên mà có, chúng xuất hiện và biến mất không vì bất cứ lý do gì có thể biết được.

Maharaj: Tương quan nhân quả có nghĩa là sự nối tiếp trong thời gian của các sự kiện xảy ra trong không gian – không gian là không gian vật lý hoặc không gian tâm lý. Thời gian, không gian, tương quan nhân quả là những dạng tâm thức, nổi lên và chìm xuống cùng với tâm.

H: Chừng nào tâm còn hoạt động thì luật nhân quả vẫn có hiệu lực.

M: Cũng như những gì thuộc về tâm, cái gọi là luật nhân quả mẫu thuẫn với chính nó. Không cái gì tồn tại lại có một nguyên nhân riêng biệt nào đó; toàn thể vũ trụ góp phần cho sự tồn tại của ngay cả những cái nhỏ nhất; không gì có thể như chính nó là nếu vũ trụ không là chính vũ trụ. Khi nguồn gốc và nền tảng của tất cả mọi vật là nguyên nhân duy nhất của tất cả mọi vật, thì nói về tương quan nhân quả như một quy luật vũ trụ là sai. Vũ trụ không hề bị ràng buộc bởi nội dung của chính nó, vì tiềm năng của vũ trụ thì vô biên; ngoài ra, vũ trụ là một sự biểu thị, hoặc sự thể hiện của một nguyên lý căn bản và hoàn toàn tự do.

H: Vâng, xét cho cùng một người có thể thấy rằng khi nói một cái là nguyên nhân duy nhất của một cái khác là hoàn toàn sai. Nhưng trong thực tế cuộc sống, chúng ta bao giờ cũng khởi sinh một hành động với ý định mong chờ một kết quả.

M: Đúng, có rất nhiều hành động như thế đang xảy ra vì vô minh. Nếu người ta biết được rằng không gì có thể xảy ra trừ khi toàn thể vũ trụ làm cho nó xảy ra, thì có lẽ họ đã đạt được nhiều hơn mà lại ít tiêu hao năng lực hơn.

H: Nếu mọi cái đều là sự thể hiện của một tổng thể các nguyên nhân, thì làm sao chúng ta có thể nói về một hành động có chủ đích hướng về một sự thành tựu?

M: Ngay chính sự thôi thúc để đạt thành cũng là một sự thể hiện của toàn thể vũ trụ. Nó đơn thuần cho thấy rằng nguồn năng lượng tiềm tàng đã dâng đến một điểm nhất định nào đó. Chính ảo tưởng về thời gian làm cho ông nói đến tương quan nhân quả. Khi quá khứ và tương lai được thấy trong cái *bây giờ* vô thời, như những thành phần của một mô hình chung, thì cái ý tưởng nhân quả mất đi giá trị, và sự tự do sáng tạo sẽ thay chỗ của nó.

H: Nhưng tôi vẫn không thể hiểu được vì sao mọi vật xuất hiện mà không có một nguyên nhân.

M: Khi nói một vật hiện hữu mà không có nguyên nhân, Ta muốn nói rằng nó có thể hiện hữu mà không có một nguyên nhân riêng biệt nào đó. Ông không cần mẹ ruột của ông sinh ông ra, bất cứ người đàn bà nào khác đều có thể sinh ra ông. Nhưng ông không thể được sinh ra mà không có mặt trời và trái đất.

Ngay cả mặt trời và trái đất cũng không thể làm ông sinh ra nếu không có yếu tố quan trọng nhất: lòng ham muốn được sinh ra của chính ông. Chính lòng ham muốn đó tạo ra sự sinh, tạo ra danh xưng và hình tướng. Dục vọng được tưởng ra và cần đến, nên thị hiện tự thân thành một cái gì đó hữu hình hay có thể nhận thức được. Thế giới mà trong đó chúng ta sống, thế giới cá nhân của chúng ta, được tạo ra như thế. Thế giới thật thì ở ngoài sự hiểu biết của tâm; chúng ta nhìn thế giới ấy qua tấm lưới của lòng tham ái, nên nó bị chia cắt thành lạc thú và đau khổ, đúng và sai, bên trong và bên ngoài. Muốn thấy vũ trụ này như nó là, ông phải bước ra khỏi tấm lưới. Điều này chẳng mấy khó khăn, vì tấm lưới đầy những lỗ hổng.

H: Ông nói những lỗ hổng là thế nào? Và làm sao tìm ra chúng?

M: Hãy nhìn tấm lưới và vô số mâu thuẫn của nó. Cứ mỗi bước ông tạo ra rồi lại hủy đi. Ông muốn hòa bình, yêu thương, hạnh phúc nhưng làm hết sức để gây đau khổ, hận thù và chiến tranh. Ông muốn trường thọ nhưng ăn uống quá độ, ông muốn tình hữu nghị nhưng bóc lột thẳng tay. Thấy tấm lưới của ông được đan kết bởi những mâu thuẫn như thế, và loại bỏ chúng – chính sự thấy biết của ông làm cho chúng cuốn gói ra đi.

H: Sự thấy biết các mâu thuẫn của tôi làm cho mâu thuẫn ra đi, vậy không có liên quan nhân quả nào giữa cái thấy của tôi và sự ra đi của các mâu thuẫn hay sao?

M: Tương quan nhân quả, cho dù chỉ là một quan điểm, không áp dụng cho sự hỗn loạn.

H: Ở chừng mực nào thì lòng tham ái là một yếu tố nhân quả?

M: Một trong vô số. Có vô số yếu tố tương quan nhân quả đối với mọi vật. Nhưng nguồn gốc của tất cả những gì hiện hữu là Khả Năng Vô Biên, là Thực Tại Tối Thượng – nó ở ngay trong chính ông, nó tỏa năng lượng, ánh sáng và tình yêu cho từng kinh nghiệm. Nhưng nguồn gốc này không phải là một nguyên nhân và không nguyên nhân nào lại là một nguồn gốc. Chính vì thế mà Ta nói mọi vật hiện hữu không có nguyên nhân. Ông có thể truy tìm một cái gì đó xảy ra như thế nào, nhưng không thể nào ông biết được tại sao một vật *hiện hữu* như chính nó là. Một vật hiện hữu như chính nó là, bởi vì vũ trụ *hiện hữu* như chính vũ trụ là.

***

5. Cái gì được sinh ra phải chết đi

Hỏi: Ý thức nhân chứng có thường hằng hay không?

Maharaj: Nó không thường hằng. Người biết thăng trầm với cái bị biết. Cái mà trong đó cả người biết và cái bị biết nổi lên và chìm xuống thì siêu việt thời gian. Từ ngữ thường hằng hay vĩnh cửu đều không áp dụng được ở đây.

H: Trong khi ngủ không hề có cái bị biết và cũng chẳng có người biết. Cái gì giữ cho thân xác nhạy cảm và tiếp nhận cảm giác?

M: Chắc chắn ông không thể nói rằng người biết vắng mặt. Kinh nghiệm về sự việc và ý nghĩ không có vào lúc đó, chỉ thế thôi. Nhưng không có kinh nghiệm cũng là kinh nghiệm. Cũng giống như khi vào một phòng tối và bảo: "Tôi không thấy gì." Một người mù bẩm sinh thì không hề biết bóng tối là gì. Tương tự như thế, chỉ có người biết biết mình không biết. Ngủ chỉ là một sự ngắt quãng của ký ức. Sự sống tiếp tục.

H: Còn chết là gì?

M: Chết là sự thay đổi trong tiến trình sống của một thân xác riêng biệt nào đó. Sự hòa hợp chấm dứt và sự tan rã xảy ra.

H: Thế còn người biết. Liệu người biết có biến mất cùng với sự mất đi của thân xác?

M: Người biết của thân xác xuất hiện khi sinh thì người biết cũng biến mất khi tử.

H: Và chẳng có gì còn lại?

M: Sự sống còn lại. Ý thức cần một phương tiện và một công cụ để thị hiện. Khi sự sống tạo nên một thân xác khác, một người biết khác lại xuất hiện.

H: Có một liên quan nhân quả nào giữa thân và người biết kế tiếp, hoặc thân và tâm kế tiếp?

M: Có, có một cái có thể gọi là thân ký ức, hay thân nhân quả, một sự ghi lại của tất cả những gì đã được nghĩ tưởng, mong muốn và hành động. Nó giống như một đám mây của những hình ảnh quyện lại với nhau.

H: Ý thức về sự tồn tại riêng biệt này là gì?

M: Đó là ảnh phản chiếu của thực tại duy nhất trong một thân riêng biệt. Trong ảnh phản chiếu này cái vô hạn và cái hữu hạn lẫn lộn với nhau và bị lầm tưởng là giống nhau. Hóa giải sự lẫn lộn này là mục đích của Yoga.

H: Không phải cái chết hóa giải sự lẫn lộn này?

M: Khi chết thì chỉ có thân xác chết. Sự sống không chết, ý thức không chết, thực tại không chết. Và sự sống chưa bao giờ sống động như sau khi chết.

H: Nhưng một người có tái sinh không?

M: Cái gì được sinh ra thì phải chết đi. Chỉ cái bất sinh thì mới bất tử. Tìm xem cái gì chẳng bao giờ ngủ và chẳng bao giờ thức dậy, và ảnh phản chiếu lờ mờ của nó là ý thức "Ta" của chúng ta.

H: Làm sao tôi khởi sự cuộc tìm kiếm này?

M: Làm sao ông khởi sự tìm kiếm một cái gì? Bằng cách dồn hết tâm trí cho nó. Phải để tâm và thường xuyên nhớ. Nhớ những gì cần được nhớ là bí quyết của thành công. Ông chỉ có thể đến với nó bằng sự thành khẩn.

H: Ông muốn nói rằng chỉ mong muốn đi tìm là đủ? Chắc chắn phải cần đến cả khả năng và cơ hội.

M: Những thứ đó sẽ đến với sự thành khẩn. Điều quan trọng tối hậu là thoát ra khỏi mọi mâu thuẫn: mục đích và con đường không thể ở hai bình diện khác nhau; sự sống và ánh sáng không xung đột với nhau; cách hành xử không phản lại sự tin tưởng. Gọi nó là lòng thành thật, chính trực, toàn vẹn; ông không được quay trở lại, phá hủy, làm bung rễ, và từ bỏ những công trình đã chinh phục được. Kiên trì với mục đích và thành thật trong sự theo đuổi sẽ đưa ông đến đích.

H: Lòng kiên trì và thành thật là những đức tính thiên bẩm, chắc chắn là như thế! Tôi không có được một chút nào của hai đức tính đó.

M: Tất cả sẽ đến nếu ông tiếp tục dấn thân. Hãy đi bước đầu tiên trước. Mọi phước báu sẽ đến từ bên trong. Quay vào trong. Ông biết cái "Ta hiện hữu". Hãy ở với nó trong mọi lúc mà ông có thể giành được thời gian, cho đến khi ông có thể trở lại với nó một cách tùy nghi. Chẳng còn cách nào đơn giản hơn và dễ dàng hơn.

***

6. Thiền

Hỏi: Tất cả các Đạo sư đều khuyên hành thiền. Mục đích của thiền là gì?

Maharaj: Chúng ta biết thế giới bên ngoài của các cảm giác và hành động, nhưng thế giới bên trong của ý nghĩ và cảm thọ thì chúng ta biết rất ít. Mục đích chính của thiền là trở nên có ý thức vào đời sống nội tâm, và quen thuộc với đời sống nội tâm của chúng ta. Mục đích tối hậu của thiền là đến được cội nguồn của sự sống và ý thức.

Thực hành thiền định tác động sâu xa, một cách ngẫu nhiên, đến bản tính của chúng ta. Đối với những gì không biết, chúng ta là nô lệ, nhưng đối với cái đã biết chúng ta là chủ nhân. Dù nội tâm có xấu xa hay yếu đuối đến đâu nhưng khi phát hiện và hiểu rõ những nguyên do và hành hoạt của nó thì chúng ta sẽ vượt qua bằng chính sự hiểu biết; cái vô thức sẽ tan biến khi được đưa vào ý thức. Sự tan biến của cái vô thức tỏa ra năng lượng; tâm cảm thấy thỏa mãn và trở nên tĩnh lặng.

H: Một cái tâm tĩnh lặng có công năng gì?

M: Khi tâm tĩnh lặng, chúng ta sẽ biết mình như một nhân chứng thuần túy. Chúng ta thoát ra khỏi kinh nghiệm và người kinh nghiệm, đứng riêng ra trong tánh biết thuần túy, tánh biết đó vừa ở giữa, vừa ở bên ngoài kinh nghiệm và người kinh nghiệm. Tính cách cá nhân, dựa trên sự nhận dạng cái Ta, tưởng tượng mình là một cái gì đó: "Ta là thế này, Ta là thế nọ" thì vẫn tiếp tục, nhưng

chỉ là một phần của thế giới khách quan. Sự đồng hóa của cá nhân với nhân chứng chấm dứt.

H: Theo chỗ tôi hiểu, tôi sống trên nhiều bình diện khác nhau và sự sống trên mỗi bình diện cần đến năng lượng. Cái Ta, do bản chất của nó, hài lòng với bất cứ cái gì và năng lượng của nó tuôn chảy ra ngoài. Thế không phải mục đích của thiền là ngăn giữ năng lượng ở những bình diện cao hơn, hoặc đẩy lùi năng lượng ngược lên, để tạo cho các bình diện cao hơn sung mãn?

M: Đây không phải bình diện mà đúng hơn là tính chất – *Gunas*. Thiền là một sinh hoạt thanh tịnh, chơn thật với mục đích loại bỏ hoàn toàn quán tính hay sức ì – *Tamas* – và động lực – *Rajas*. Sự hài hòa thuần tịnh – *Sattva* – là hoàn toàn không còn biếng nhác và hiếu động.

H: Làm thế nào để *Sattva* trở nên kiên cố và trong sạch?

M: *Sattva* luôn luôn trong sạch và mãnh liệt. Nó cũng giống như mặt trời. Nó có thể bị mây và bụi che khuất, nhưng chỉ theo quan điểm của người nhận thức. Hãy giải quyết những nguyên nhân của sự ngăn che, chứ không phải mặt trời.

H: *Sattva* có công dụng gì?

M: Sự công dụng của chân lý, của cái thiện, của sự hài hòa, của cái đẹp là gì? Chúng là mục đích của chính chúng. Chúng thể hiện một cách tự sinh khởi và dễ dàng khi mọi chuyện cứ được để tự nhiên – không bị can thiệp, không bị lảng tránh, hay mong cầu, hay bị khái niệm hóa – mà chỉ được kinh nghiệm trong sự tỉnh thức hoàn toàn. Chính sự tỉnh thức như thế là *Sattva*. Nó chẳng cần dùng đến sự vật hay con người – nó đáp ứng tất cả.

H: Vì không cải thiện được *Sattva*, tôi chỉ còn cách giải quyết *Tamas* và *Rajas*? Làm sao tôi giải quyết chúng?

M: Bằng cách quan sát ảnh hưởng của chúng trong ông và đối với ông. Biết rõ *Tamas* và *Rajas* trong khi chúng hoạt động, quan sát những thể hiện của *Tamas* và *Rajas* trong ý nghĩ, lời nói, và hành động của ông; dần dần sự kiềm tỏa của *Tamas* và *Rajas* sẽ giảm đi và quang minh của *Sattva* sẽ xuất hiện. Đây không phải là một tiến trình cam go, và dai dẳng; lòng thành khẩn là điều kiện duy nhất để thành công.

H: Ông không đắm chìm miên viễn trong cái trừu tượng?

M: Trừu tượng thuộc về tâm, thuộc về ngôn từ. Nó biến mất trong khi ngủ, hay bất tỉnh, và tái xuất hiện trong thời gian. Ta ở trong trạng thái phi thời của chính Ta – *bây giờ*. Qua khứ và tương lai chỉ ở trong tâm – Ta là *bây giờ*.

H: Thế giới cũng là bây giờ.

M: Thế giới nào?

H: Thế giới quanh ông và tôi.

M: Đó là thế giới của ông mà ông có trong tâm, không phải của Ta. Ngay cả cuộc đối thoại giữa Ta và ông cũng ở trong thế giới của ông, ông biết gì về Ta? Ông không có một lý do nào để tin được thế giới của Ta giống với thế giới của ông. Thế giới của Ta thì thực có và chơn thật như nó được nhận thức, còn thế giới của ông xuất hiện và biến mất theo trạng thái của tâm ông. Thế giới của ông là một cái gì xa lạ và ông sợ hãi nó. Thế giới của Ta là chính Ta. Ta ở ngay trong nhà.

H: Nếu ông là thế giới, làm sao ông biết được nó? Thế không phải chủ thể của ý thức khác với đối tượng của nó?

M: Ý thức xuất hiện và biến mất cùng với thế giới, do đó chúng là hai phương diện của cùng một trạng thái.

H: Trong khi ngủ không có tôi nhưng thế giới vẫn tiếp tục.

M: Làm sao ông biết?

H: Khi thức dậy tôi biết. Ký ức của tôi cho tôi biết.

M: Ký ức ở trong tâm. Tâm vẫn tiếp tục trong khi ông ngủ.

H: Trong khi ngủ, một phần của nó không hoạt động.

M: Nhưng hình ảnh mà nó có về thế giới thì không bị ảnh hưởng. Chừng nào tâm còn đó, thân ông và thế giới của ông còn đó. Thế giới của ông do tâm tạo ra, nó chủ quan, giới hạn trong nội vi của tâm, nó manh mún, tạm bợ, cá nhân, và đeo bám trên sợi chỉ của ký ức.

H: Không phải thế giới của ông cũng thế?

M: Ồ, không. Ta sống trong một thế giới của những hiện thực, còn thế giới của ông là của những tưởng tượng. Thế giới của ông là thế giới cá nhân, riêng tư, không chia sẻ được, và mật thiết với chính ông. Không ai có thể thâm nhập được thế giới của ông để thấy như ông thấy, nghe như ông nghe, cảm nhận những xúc động của ông và suy nghĩ những ý nghĩ của ông. Trong thế giới của ông, ông thực sự một mình, ông nằm gọn trong giấc mộng vô thường của ông mà ông cho đó là cuộc đời. Thế giới của Ta là một thế giới rộng mở, chung cho tất cả, và tất cả đều có thể tiếp cận. Trong thế giới của Ta chỉ có cái chung, sự sáng suốt, tình yêu, phẩm chất chơn thật; cái cá nhân là cái toàn thể, cái toàn thể – trong cái cá nhân. Tất cả là Một và Một là tất cả.

H: Thế giới của ông có đông người và đầy những sự, vật như thế giới của tôi?

M: Không, nó chỉ đầy chính Ta.

H: Nhưng ông có thấy và nghe như chúng tôi?

M: Có, Ta có vẻ như nghe, thấy, nói chuyện và hành hoạt, nhưng đối với Ta nó chỉ xảy ra, cũng như sự tiêu hóa và bài tiết xảy ra với ông. Bộ máy thân tâm điều hành những chuyện như thế, nhưng chừa Ta ra. Cũng như ông không bận

tâm đến chuyện tóc mọc, thì Ta cũng chẳng bận tâm đến lời lẽ và hành vi. Chúng cứ xảy ra và để mặc Ta vô tâm, vì trong thế giới của Ta không bao giờ có sự sai lầm xảy ra.

***

8. Cái Ta ở ngoài Tâm

Hỏi: Khi còn nhỏ tôi vẫn thường trải qua những trạng thái hoàn toàn hạnh phúc, gần với cực lạc, sau này thì không còn nữa. Nhưng từ khi tôi đến Ấn Độ những trạng thái này lại xuất hiện trở lại, đặc biệt là sau khi tôi gặp ông. Tuy nhiên, những trạng thái này, dù tuyệt diệu đến đâu, không tồn tại lâu dài. Chúng đến rồi đi và không thể biết khi nào sẽ trở lại.

Maharaj: Làm sao có cái gì an ổn trong một cái tâm mà chính nó bất an?

H: Làm sao tôi có thể làm cho tâm tôi an?

M: Làm sao một cái tâm bất an có thể an được chính nó? Dĩ nhiên là nó không thể. Chính bản chất của tâm là lang thang bất định. Tất cả những gì ông có thể làm là dời tiêu điểm của ý thức ra ngoài tâm.

H: Làm sao thực hiện?

M: Từ bỏ mọi ý nghĩ, ngoại trừ ý nghĩ duy nhất: "Ta hiện hữu". Thoạt tiên tâm sẽ nổi loạn, nhưng trước lòng kiên nhẫn và sự kiên trì nó sẽ chịu thua và giữ im lặng. Một khi ông tĩnh lặng, mọi chuyện sẽ xảy ra một cách tùy thuận và rất tự nhiên mà không có một sự can thiệp nào của ông.

H: Liệu tôi có thể tránh được cuộc chiến giai dẳng với tâm của tôi?

M: Có, ông có thể. Cứ sống cuộc đời của ông như nó đến với ông, nhưng tỉnh thức, quan sát, cứ để mọi chuyện xảy ra như nó xảy ra, làm những chuyện tự nhiên một cách tự nhiên, đau khổ, mừng vui – như cuộc đời đem đến. Đây cũng là một cách.

H: Vậy thì tôi có thể lập gia đình, có con cái, điều hành một cơ sở kinh doanh... và hạnh phúc.

M: Đúng thế. Có thể ông hạnh phúc hay không hạnh phúc, cứ chấp nhận nó một cách thản nhiên.

H: Nhưng tôi muốn hạnh phúc.

M: Hạnh phúc chơn thật không thể tìm thấy trong những gì thay đổi và vô thường. Lạc thú và đau khổ thay phiên nhau một cách lạnh lùng. Hạnh phúc đến từ cái Ta và chỉ có thể tìm thấy trong cái Ta. Chỉ cần tìm ra cái Ta chơn thật của ông – Swarupa – rồi tất cả những cái khác sẽ đến với nó.

H: Nếu cái Ta chơn thật của tôi là an lạc và tình yêu, tại sao nó bất an như thế?

M: Không phải sự hiện hữu chơn thật của ông bất an nhưng ảnh phản chiếu của nó trong tâm có vẻ như bất an bởi vì tâm bất an. Cũng giống như ảnh phản

chiếu của mặt trăng trong nước bị gió khuấy động. Ngọn gió tham ái khuấy động tâm, và "tôi" – tức ảnh phản chiếu của cái Ta trong tâm – có vẻ như biến động. Nhưng tất cả những ý nghĩ về sự biến dịch và bất an, về lạc thú và đau khổ này đều ở trong tâm. Cái Ta đứng ngoài tâm, thấy biết nhưng thản nhiên.

H: Làm sao đạt đến nó?

M: Ông là cái Ta, ở đây và bây giờ. Cứ để kệ tâm, hãy đứng một cách tỉnh thức và thản nhiên rồi ông sẽ nhận ra rằng đứng một cách tỉnh thức, vô tư, quan sát những diễn tiến đến rồi đi, là một phương diện thuộc bản tánh chân thật của ông.

H: Những phương diện khác là gì?

M: Phương diện thì vô số. Nhận ra một, ông sẽ nhận ra tất cả.

H: Hãy cho tôi biết một cái gì đó giúp được tôi.

M: Ông biết rõ nhất cái ông cần!

H: Tôi bất an. Làm sao tôi đạt được an lạc?

M: Ông cần an lạc để làm gì?

H: Để hạnh phúc.

M: Thế bây giờ ông không hạnh phúc?

H: Tôi có cái tôi không muốn, và tôi muốn cái tôi không có.

M: Làm sao ông biết được cái gì là thích thú và cái gì không?

H: Dĩ nhiên là do kinh nghiệm đã trải qua.

M: Được ký ức hướng dẫn, ông theo đuổi sự thích thú và lãng tránh sự khó chịu. Thế ông đã thành công chưa?

H: Chưa, tôi chẳng thành gì cả. Sự thích thú không bền lâu. Đau khổ lại tái diễn.

M: Đau khổ nào?

H: Lòng ham muốn lạc thú, sợ hãi đau khổ, cả hai đều là những trạng thái phiền não. Liệu có thể có một trạng thái lạc thú thuần túy?

M: Mọi lạc thú, vật lý hay tâm lý đều cần đến một công cụ. Cả hai loại công cụ vật lý và tâm lý đều là vật chất, rồi chúng sẽ mỏi mệt và hao mòn. Lạc thú mà chúng đem lại chắc chắn hạn chế về cường độ và sự lâu bền. Đau khổ luôn luôn ở đằng sau tất cả những lạc thú của ông. Ông muốn chúng vì ông đau khổ. Mặt khác, chính sự tìm kiếm lạc thú là nguyên nhân của đau khổ. Đây là một cái vòng luẩn quẩn.

H: Tôi có thể thấy được cái cơ cấu gây ra sự bối rối của tôi, nhưng tôi không thấy lối thoát.

M: Lối thoát nằm ngay trong chính sự tìm hiểu cơ cấu ấy. Xét cho cùng, mọi bối rối chỉ ở trong tâm ông, mà cho đến nay tâm ông chưa bao giờ nổi dậy

chống lại sự bối rối và tóm được sự bối rối. Tâm ông chỉ nổi dậy chống lại sự đau khổ.

H: Như thế, tôi chỉ có cách là cứ ở trong tình trạng bối rối.

M: Hãy tỉnh thức. Đặt câu hỏi, quan sát, tìm hiểu, bằng mọi cách để biết sự bối rối, cách hoạt động của nó, và xem nó làm gì ông và người khác. Biết rõ sự bối rối, ông sẽ không còn bị bối rối.

H: Khi nhìn vào trong tôi, tôi thấy ham muốn mãnh liệt nhất là làm một cái gì đáng để ghi nhớ, tạo dựng một cái gì đó tồn tại lâu bền hơn tôi. Ngay cả khi tôi nghĩ đến một gia đình với vợ con thì cũng chỉ vì đó là một chứng tích lâu dài và bền chắc đối với tôi.

M: Được, cứ dựng cho chính ông một công trình đáng được ghi nhớ. Thế ông định xây cất nó như thế nào?

H: Tôi xây cất cái gì thì chẳng quan trọng, miễn là nó trường tồn.

M: Chắc chắn là ông có thể tự thấy rằng không có gì là trường tồn. Tất cả mọi thứ đều hư hoại, phân hóa, và tan rã. Ngay chính cái nền móng mà trên đó ông xây dựng cũng sụp đổ. Làm sao ông có thể xây dựng được cái gì lâu bền hơn tất cả?

H: Bằng tri thức, bằng ngôn từ, tôi biết rõ rằng tất cả là vô thường. Nhưng không hiểu vì sao lòng tôi mong muốn sự thường hằng. Tôi muốn tạo nên một cái gì đó trường tồn.

M: Thế thì ông phải xây dựng nó bằng một chất liệu trường tồn. Ông có cái gì trường tồn? Thân và tâm ông đều không trường tồn. Ông phải tìm ở một nơi nào khác.

H: Tôi mong muốn cái thường hằng, nhưng không tìm thấy nó ở đâu.

M: Thế ông, chính ông, không thường hằng sao?

H: Tôi đã được sinh ra, và tôi sẽ chết đi.

M: Liệu ông có thể nói rằng ông đã không có trước khi ông được sinh ra, và vào lúc chết liệu ông có thể nói: "Giờ đây Ta không còn nữa." Nói như thế có đúng không? Ông không thể nói từ kinh nghiệm của chính ông rằng ông không hiện hữu. Ông chỉ có thể nói "Ta hiện hữu". Thậm chí người khác cũng không thể bảo ông rằng ông không hiện hữu.

H: Không hề có cái "Ta hiện hữu" trong khi ngủ.

M: Trước khi phát ngôn một cách bao biện như thế, hãy cẩn thận xem xét trạng thái thức của ông. Ông có sớm nhận ra rằng nó đầy những khoảng trống khi tâm trở nên vô ký. Ông có để ý rằng ông nhớ rất ít ngay cả khi ông hoàn toàn thức. Ông không thể nói rằng ông không biết gì trong khi ngủ. Ông chỉ không nhớ. Một khoảng trống trong ký ức không nhất thiết phải là một khoảng trống trong ý thức.

H: Liệu tôi có thể nhớ lại trạng thái ngủ sâu cảu tôi?

M: Dĩ nhiên! Bằng cách loại trừ những sự xen vào ngắn hạn của các trạng thái vô ý trong thời gian thức, thì dần dần ông sẽ loại trừ được sự xen vào dài hơn của tình trạng đãng trí mà ông gọi là ngủ. Lúc đó ông sẽ biết rất rõ là ông đang ngủ.

H: Tuy nhiên, vấn đề thường hằng, vấn đề tiếp tục hiện hữu vẫn chưa được giải quyết.

M: Thường hằng đơn thuần chỉ là một ý tưởng, phát sinh từ hành vi thời gian. Thời gian lại tùy thuộc vào ký ức. Khi nói về sự thường hằng, ông hàm ý một ký ức liên tục xuyên qua thời gian bất tận. Ông muốn vĩnh cửu hóa tâm, đây là điều không thể được.

H: Thế cái gì vĩnh cửu?

M: Cái không thay đổi với thời gian. Ông không thể vĩnh cửu hóa một cái gì biến dịch – chỉ cái bất biến mới vĩnh cửu.

H: Tôi khá quen thuộc với ý nghĩa tổng quát của những gì ông nói. Tôi không khao khát thêm kiến thức. Tất cả những gì tôi cần là sự an lạc.

M: Ông có thể có tất cả an lạc mà ông muốn cho sự đòi hỏi của ông.

H: Tôi đang đòi hỏi.

M: Ông phải đòi hỏi với một trái tim trọn vẹn, và sống một cuộc sống hợp nhất.

H: Bằng cách nào?

M: Hãy cách ly chính ông với tất cả những gì làm cho tâm ông bất an. Loại bỏ tất cả những gì quấy nhiễu sự an lạc của tâm. Nếu muốn an lạc, ông hãy tỏ ra xứng đáng được an lạc.

H: Chắc chắn là mọi người đều đáng được an lạc.

M: Những người đáng được an lạc đều là những người không quấy nhiễu sự an lạc.

H: Tôi quấy nhiễu sự an lạc bằng cách nào?

M: Bằng cách làm nô lệ cho tham ái và lo sợ.

H: Ngay cả khi chúng là chính đáng?

M: Những phản ứng thuộc cảm xúc – sinh khởi từ vô minh hay vô ý – chẳng bao giờ là chính đáng. Hãy tìm một cái tâm trong, và một trái tim sạch. Những gì ông cần chỉ là giữ tỉnh thức trong tĩnh lặng, tìm hiểu sâu xa bản tánh chơn thật của chính ông. Đó là cách duy nhất đến với an lạc.

***

9. Phản ứng của ký ức

Hỏi: Một số người nói rằng vũ trụ được tạo ra. Nhiều người khác cho rằng vũ trụ luôn luôn tồn tại và thường xuyên trải qua những biến dịch. Có người

bảo vũ trụ tuân theo những quy luật vĩnh cửu. Có người thậm chí phủ nhận vũ trụ do nhân duyên tạo ra. Có người nói thế giới là thật. Người khác thì bảo nó không hề có thực thể.

Maharaj: Ông thắc mắc về thế giới nào?

H: Dĩ nhiên là thế giới thuộc về những nhận thức của tôi.

M: Thế giới mà ông nhận thức thì thật sự rất nhỏ bé, và hoàn toàn riêng tư. Cứ xem nó như một giấc chiêm bao và quẳng nó đi.

H: Làm sao tôi có thể xem nó như một giấc chiêm bao? Một giấc chiêm bao thì không lâu dài.

M: Vậy thế giới nhỏ bé của ông lâu dài đến bao giờ?

H: Xét cho cùng thế giới nhỏ bé của tôi chính là một phần của toàn thể.

M: Thế không phải ý tưởng về một thế giới toàn thể cũng là một phần của thế giới thuộc riêng ông? Vũ trụ không đến bảo ông rằng ông là một phần của nó. Chính ông là người nghĩ tưởng ra một cái tổng thể dung chứa ông như một phần của nó. Thật ra, tất cả những gì ông biết là thế giới của riêng ông, dù ông có trang bị cho nó những tưởng tượng và hoài bảo to lớn đến đâu.

H: Nhận thức chắc chắn không phải là tưởng tượng!

M: Còn gì khác? Nhận thức là nhận ra qua hồi tưởng, có phải không? Người ta có thể cảm nhận một cái gì hoàn toàn xa lạ, nhưng không thể nhận thức được nó. Nhận thức có liên hệ với ký ức.

H: Cứ cho rằng như thế, nhưng ký ức không biến nó thành một ảo tưởng.

M: Nhận thức, tưởng tượng, mong đợi, dự đoán, ảo tưởng – tất cả đều dựa trên ký ức. Hầu như không có một ranh giới rõ rệt nào giữa chúng. Chúng tương nhập lẫn nhau. Tất cả đều là phản ứng của ký ức.

H: Tuy nhiên, ký ức có đó để chứng minh thế giới của tôi là hiện thực.

M: Ông nhớ được bao nhiêu? Thử viết ra từ ký ức của ông vào ngày 30 tháng trước ông đã nghĩ gì, nói gì và làm gì?

H: Đúng, tôi không nhớ được.

M: Nhưng không đến nỗi tệ như thế. Ông nhớ rất nhiều – chính ký ức vô thức làm cho ông rất quen thuộc với cái thế giới mà trong đó ông sống.

H: Đành rằng thế giới mà trong đó tôi sống là chủ quan và phiến diện. Thế còn ông? Ông sống trong loại thế giới nào?

M: Thế giới của Ta cũng giống như của ông. Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm thọ, Ta tư duy, Ta nói và hành động trong một thế giới mà Ta nhận thức, cũng như ông. Nhưng với ông đó là tất cả, còn với Ta thì nó hầu như không là gì cả. Tuy biết rõ thế giới là một phần của chính Ta, nhưng Ta chú ý đến nó không nhiều hơn ông chú ý đến thực phẩm mà ông đã ăn. Trong khi được làm thành món và được ông ăn, thực phẩm còn tách biệt với ông và ông để ý đến nó; nhưng khi đã

nuốt, ông hoàn toàn không biết nó nữa. Ta đã ăn trọn thế giới và Ta không cần thiết suy nghĩ về nó.

H: Thế ông không trở nên hoàn toàn vô trách nhiệm?

M: Làm sao được? Làm sao Ta có thể gây đau khổ cho cái gì đó là một với Ta. Trái lại, vì không nghĩ gì về thế giới nên bất cứ gì Ta làm đều lợi lạc cho nó. Cũng như thân xác tự đặt nó vào một vị trí đúng một cách vô thức, Ta không ngừng hành động để đặt thế giới vào đúng vị trí của nó.

H: Nhưng liệu ông có biết những đau khổ vô biên của thế giới?

M: Dĩ nhiên là Ta biết, còn rõ hơn ông biết.

H: Thế ông làm gì?

M: Ta nhìn thế giới qua đôi mắt của Thượng Đế và thấy tất cả đều an lành.

H: Làm sao ông có thể nói tất cả đều an lành? Hãy nhìn những cuộc chiến tranh, bóc lột, đấu tranh tàn nhẫn giữa công dân và nhà nước.

M: Tất cả những đau khổ đó đều do con người tạo ra và con người có đủ quyền năng để chấm dứt chúng. Thượng đế giúp Ta bằng cách cho con người đối diện với hậu quả của các hành động mà con người gây ra, và đòi hỏi rằng sự quân bình phải được tái lập. Nghiệp – Karma – là luật pháp hành xử cho lẽ phải, và cũng là bàn tay hàn gắn thương đau của Thượng đế.

***

10. Hành vi nhân chứng

Hỏi: Tôi đầy những ham muốn và tôi muốn chúng được thỏa mãn. Làm sao tôi có được cái tôi muốn?

Maharaj: Ông có xứng đáng được cái ông muốn không? Bằng cách này hay cách khác ông phải bỏ ra công sức để thực hiện những ham muốn của ông. Hãy dồn năng lực vào cái ông muốn dồi chờ kết quả.

H: Tôi lấy năng lực ấy ở đâu?

M: Tự thân ham muốn là năng lực.

H: Vậy tại sao mọi ham muốn không được thỏa mãn?

M: Có thể là nó không đủ mạnh và lâu bền.

H: Đúng, đó là vấn đề của tôi. Tôi muốn đủ thứ nhưng khi phải hành động thì lại quá lười.

M: Khi lòng ham muốn của ông không rõ ràng và không mãnh liệt thì nó không thể định hình. Ngoài ra, nếu những ham muốn của ông chỉ có tính cách cá nhân, và cho sự hưởng dụng của riêng ông thì năng lực mà ông bỏ ra nhất thiết là hạn chế, nó không thể nhiều hơn cái mà ông có.

H: Nhưng những người bình thường vẫn đạt được mong muốn của họ.

M: Chỉ sau khi họ mong muốn rất thiết tha và sau một thời gian dài. Mặc dù vậy, những gì họ đạt được cũng rất hạn chế.

H: Thế còn những ham muốn vô vị kỷ?:

M: Khi ông ham muốn cái tốt lành chung, cả thế giới cùng ham muốn với ông. Hãy xem ham muốn của nhân loại như ham muốn của chính ông, rồi ra tay hành động. Như thế ông không thể nào thất bại.

H: Nhân loại là chuyện của Thượng đế, không phải chuyện của tôi. Tôi chỉ quan tâm đến chính tôi. Tôi không có quyền thấy những ham muốn chính đáng của tôi thành tựu hay sao? Những ham muốn của tôi chẳng gây đau khổ cho ai cả. Chúng rất chính đáng. Là những ham muốn đúng, tại sao chúng không trở thành hiện thực?

M: Ham muốn đúng hay sai tùy theo hoàn cảnh, và còn tùy thuộc vào cách nhìn của ông. Sự khác biệt giữa đúng và sai chỉ có giá trị đối với cá nhân.

H: Một sự khác biệt như thế có những chỉ dấu gì? Làm sao tôi biết được ham muốn nào của tôi là đúng và ham muốn nào là sai?

M: Trong trường hợp của ông, những ham muốn nào đưa đến đau khổ là sai, và ham muốn nào đem lại hạnh phúc là đúng. Nhưng ông không được quên người khác. Đau khổ và hạnh phúc của họ cũng phải được biết đến.

H: Kết quả thì thuộc về tương lai. Làm sao tôi biết nó như thế nào?

M: Dùng tâm của ông. Nhớ. Quan sát. Ông không khác với tha nhân. Hầu hết những kinh nghiệm của họ cũng có giá trị đối với ông. Hãy suy nghĩ minh bạch và sâu xa, hãy đi vào toàn thể cái cơ cấu ham muốn của ông cùng với những dây mơ rễ má của nó. Chúng là phần quan trọng nhất của kết cấu tâm lý và cảm xúc của ông, chúng tác động rất mạnh đến hành động của ông. Hãy nhớ rằng ông không được bỏ qua những gì ông không biết. Để vượt ra khỏi chính ông, ông phải biết chính ông.

H: Biết chính tôi nghĩa là thế nào? Biết chính tôi, một cách chính xác là tôi biết cái gì?

M: Tất cả những gì không phải là ông.

H: Chứ không phải cái mà tôi là?

M: Cái mà ông là, thì ông đã là. Biết được cái không phải là ông thì ông thoát ra khỏi nó, và ở trong trạng thái tự nhiên của chính ông. Tất cả sẽ xảy ra một cách tự phát và chẳng cần dụng công.

H: Và tôi sẽ phát hiện được gì?

M: Ông sẽ phát hiện ra rằng chẳng có gì để phát hiện. Ông là cái mà ông là, và chỉ thế thôi.

H: Nhưng tối hậu tôi là cái gì?

M: Là sự phủ nhận tối hậu tất cả những gì không phải là ông.

H: Tôi không hiểu!

M: Chính định kiến của ông cho rằng ông phải là một cái gì đó làm cho ông không thấy.

H: Làm sao tôi loại bỏ được định kiến đó?

M: Nếu ông tin Ta, thì hãy tin tưởng khi Ta bảo ông rằng ông là tánh biết thuần túy, tánh biết đó soi sáng ý thức và nội dung bao la của ý thức. Nhận ra tánh biết này và sống thuận theo nó. Nếu ông không tin tưởng Ta, thì quay vào trong, tìm hiểu "Ta là cái gì?" hoặc, đặt tiêu điểm của tâm ông vào cái "Ta hiện hữu" tức là sự hiện hữu thuần túy và chân phương.

H: Lòng tin của tôi đối với ông tùy thuộc vào cái gì?

M: Vào cái nhìn sáng suốt của ông tận tim người. Nếu ông không thể nhìn vào tim Ta, thì nhìn vào tim ông.

H: Tôi không thể làm được hai điều đó.

M: Hãy làm cho ông trong sạch bằng một cuộc sống ngăn nắp và hữu ích. Quan sát ý nghĩ, cảm thọ, lời lẽ và hành động của ông. Điều này sẽ làm cho cái nhìn của ông sáng suốt.

H: Thế không phải trước tiên tôi phải từ bỏ tất cả, và sống một cuộc sống không nhà.

M: Ông không thể từ bỏ tất cả. Ông có thể bỏ nhà ra đi và để lại phiền não cho gia đình, nhưng mọi ràng buộc là ở trong tâm ông, và chúng sẽ không rời ông cho đến khi ông biết tâm một cách tường tận. Cái cần làm trước hãy làm trước – biết chính ông – tất cả những cái khác sẽ đến cùng với nó.

H: Nhưng ông đã bảo tôi là Thực tại Tối thượng. Thế không phải đó là sự biết mình?

M: Dĩ nhiên ông là Thực tại Tối thượng! Có sao đâu? Mỗi mỗi hạt cát là Thượng đế; biết được điều này rất quan trọng, nhưng đó mới là khởi đầu.

H: Ông bảo tôi là Thực tại Tối thượng. Tôi tin ông. Tiếp đến tôi phải làm gì?

M: Ta đã bảo ông rồi. Phát hiện ra tất cả những gì không phải là ông. Thân xác, cảm thọ, tư tưởng, ý nghĩ, thời gian, không gian, hiện hữu và phi hiện hữu, cái này hay cái kia – không có gì cụ thể hay trừu tượng mà ông có thể nêu ra được, lại là ông. Một câu nói suông chưa đủ – ông có thể lải nhải liên tu bất tận một công thức nào đó nhưng sẽ chẳng đem lại một kết quả nào. Ông phải quan sát chính ông liên tục – nhất là tâm ông – từ lúc này sang lúc khác, không được bỏ sót một cái gì. Hành vi nhân chứng này là điều thiết yếu để tách rời cái Ta khỏi những gì không phải là cái Ta.

H: Hành vi nhân chứng – không phải đó là bản chất chơn thật của tôi?

M: Để chứng kiến, thì phải có một cái gì đó để chứng kiến. Chúng ta vẫn còn trong vòng nhị nguyên.

H: Thế còn chứng kiến nhân chứng, biết cái biết?

M: Sắp xếp chữ nghĩa chẳng đưa ông đến đâu. Quay vào trong và phát hiện cái không phải là ông. Ngoài ra chẳng có gì là quan trọng.

***

11. Tánh biết và ý thức

Hỏi: Ông làm gì trong khi ngủ?

Maharaj: Ta biết Ta đang ngủ.

H: Thế không phải ngủ là một trạng thái vô thức?

M: Đúng, Ta biết Ta vô thức.

H: Thế còn khi thức, hoặc chiêm bao?

M: Ta biết Ta thức, hoặc chiêm bao.

H: Tôi không hiểu ông. Một cách chính xác ông muốn nói gì? Để tôi minh định những từ ngữ đã dùng: khi ngủ – tôi muốn nói là không có ý thức, khi thức - tôi muốn nói là có ý thức, khi chiêm bao – tôi muốn nói là có ý thức về nội tâm, nhưng không có ý thức về những gì xung quanh.

M: Thế thì sự minh định của ông cũng gần giống với Ta. Nhưng, có một sự khác biệt. Khi ở trong một trạng thái ông quên hai trạng thái kia, còn với Ta chỉ có một trạng thái hiện hữu duy nhất, dung nhiếp và siêu vượt ba trạng thái của tâm: thức, chiêm bao và ngủ.

H: Ông có thấy trong thế giới có một khuynh hướng và một mục đích?

M: Thế giới không gì khác hơn là ảnh phản chiếu trí tưởng tượng của Ta. Ta có thể thấy bất cứ gì Ta muốn thấy. Nhưng việc gì Ta lại phải bày đặt ra những mô thức của sáng tạo, tiến hóa và hủy diệt? Ta chẳng cần đến chúng. Thế giới ở trong Ta, thế giới là chính Ta. Ta không hề sợ nó và cũng chẳng có ý muốn giam hãm nó trong bức tranh của tâm.

H: Trở lại giấc ngủ. Ông có chiêm bao không?

M: Dĩ nhiên.

H: Những giấc mơ của ông là gì?

M: Chúng là tiếng vang vọng của trạng thái thức.

H: Còn trong giấc ngủ sâu của ông?

M: Ý thức của não bộ tạm ngưng.

H: Thế trong lúc đó ông vô thức?

M: Đối với môi trường xung quanh – Đúng.

H: Không hoàn toàn vô thức?

M: Ta vẫn biết Ta vô thức.

H: Ông dùng các từ ngữ như "biết" và "ý thức" một cách riêng biệt. Không phải chúng như nhau?

M: Tánh biết là tiên nguyên, nó là trạng thái nguyên thủy, không có sự khởi đầu, không có sự kết thúc, không do nhân duyên tạo ra, không tùy thuộc, không

gồm những thành phần, và không thay đổi. Ý thức khởi sinh do tiếp xúc, nó là ảnh phản chiếu từ một bề mặt, và là một trạng thái nhị nguyên. Không thể có ý thức nếu không có tánh biết, nhưng có thể có tánh biết mà không có ý thức, chẳng hạn như trong giấc ngủ sâu. Tánh biết thuộc về tuyệt đối, còn ý thức liên quan với nội dung của nó; ý thức luôn luôn thuộc về một cái gì đó. Ý thức thì phiến diện và thay đổi, còn tánh biết là toàn thể, bất biến, tĩnh và lặng. Tánh biết là cái khuôn chung của mọi kinh nghiệm.

H: Làm sao một người vượt ra khỏi ý thức để thể nhập với tánh biết?

M: Vì chính tánh biết làm cho ý thức khả hữu, nên trong bất cứ trạng thái nào của ý thức cũng đều có tánh biết. Do đó, ngay chính ý thức về ý thức đã là một động thái trong tánh biết. Sự chú ý vào giòng ý thức sẽ đưa ông đến tánh biết. Đó không phải là một trạng thái mới lạ. Nó được nhận ra ngay tức thời như là sự tồn tại căn bản và nguyên thủy, tức là chính sự sống, và cũng là tình yêu và hỷ lạc.

H: Vì thực tại luôn luôn hiện hữu với chúng ta, giác ngộ chính mình bao gồm những gì?

M: Giác ngộ không gì khác hơn là ngược lại với vô minh. Xem thế giới là thật và cái Ta của chính mình là không thật – là vô minh, là nguồn gốc của đau khổ. Biết được cái Ta là thực tại duy nhất, còn tất cả những cái khác là vô thường và biến dịch – là tự do và an lạc. Đơn giản chỉ có thế. Thay vì nhìn sự vật theo tưởng tượng, hãy biết cách nhìn chúng như chúng là. Khi có thể thấy bất cứ gì như chính nó là, thì ông cũng thấy chính ông như ông là. Điều này cũng như lau sạch một tấm gương. Tấm gương cho ông thấy thế giới như chính nó là, thì chính nó cũng cho ông thấy bộ mặt thật của chính ông. Ý nghĩ "Ta hiện hữu" chính là tấm vải lau. Hãy dùng nó.

***

12. Con người không phải Thực tại

Hỏi: Xin vui lòng cho chúng tôi biết ông đã giác ngộ như thế nào?

Maharaj: Năm 34 tuổi Ta gặp Tôn sư, và năm 37 tuổi Ta giác ngộ.

H: Chuyện gì đã xảy ra? Sự thay đổi đã diễn ra thế nào?

M: Lạc thú và đau khổ không còn tác động được Ta. Ta hoàn toàn thoát khỏi tham ái và lo sợ. Ta cảm thấy chính Ta viên mãn, chẳng cần gì cả. Ta thấy trong đại dương của tánh biết thanh tịnh, trên bề mặt của ý thức vũ trụ, vô số những đợt sóng của thế giới hiện tượng nổi lên và chìm xuống mà không hề có sự khởi đầu hay chấm dứt. Là ý thức – tất cả chúng là Ta. Là sự kiện xảy ra – tất cả chúng là của Ta. Có một quyền năng bí ẩn chăm lo cho chúng. Quyền năng đó là tánh biết, là Ta, là Sự sống, là Thượng đế, là bất cứ danh xưng gì mà các ông muốn gọi. Nó là nền tảng, là sự nương tựa tối hậu của tất cả mọi hiện hữu,

giống như vàng là căn bản của tất cả những đồ trang sức bằng vàng. Và nó là của chúng ta một cách rất thân thuộc! Tách rời danh xưng và hình tướng ra khỏi món đồ trang sức thì vàng hiển lộ. Không còn danh xưng và hình tướng, không còn tham ái và lo sợ mà chúng tạo ra, thì cái gì còn lại?

H: Cái không gì cả.

M: Đúng, còn lại cái không, nhưng là cái không đầy ắp. Nó là tiềm năng vô tận còn ý thức là hiện thực vô biên.

H: Khi nói tiềm năng, ông hàm ý tương lai?

M: Quá khứ, hiện tại, tương lai – tất cả đều có đó. Và vô tận.

H: Nhưng vì cái không là không, nó chẳng ích lợi bao nhiêu cho chúng tôi.

M: Làm sao ông có thể nói như thế được? Nếu sự tiếp xúc không bị phá vỡ thì làm sao có tái sinh? Liệu có thể có sự tân tạo mà không có sự chết đi? Thậm chí bóng tối của giấc ngủ làm cho người ta hồi sức và tươi trẻ lại. Nếu không có cái chết, chúng ta sẽ mắc kẹt trong lão suy đến muôn đời.

H: Thế không có cái gì là bất tử?

M: Khi sống và chết được xem như tương quan thiết yếu, như hai phương diện của một hiện hữu, thì đó là bất tử. Thấy được kết thúc trong bắt đầu và bắt đầu trong kết thúc là thấy được hàm ý của sự bất diệt. Chắc chắn bất tử không phải là sự tiếp tục. Chỉ có tiến trình thay đổi liên tục. Chẳng có gì tồn tại mãi.

H: Tánh biết có tồn tại mãi không?

M: Tánh biết không thuộc thời gian. Thời gian chỉ tồn tại trong ý thức. Bên ngoài ý thức, không gian và thời gian ở chỗ nào?

H: Trong nội vi phạm trù ý thức của ông còn có cả thân xác ông.

M: Dĩ nhiên. Nhưng cái ý tưởng "thân ta" – khác với những thân khác – không có trong đó. Đối với Ta nó là "một cái thân" nhưng không phải "thân ta", "một cái tâm" nhưng không phải "tâm ta". Tâm lo được cho thân, Ta chẳng cần can thiệp. Cái gì cần làm đang được làm, một cách bình thường và tự nhiên.

Có thể ông không ý thức rõ những chức năng sinh lý của ông, nhưng khi ý nghĩ và cảm thọ, ham muốn và lo sợ trở thành vấn đề, thì ông ý thức về chính ông một cách rất rõ rệt. Đối với Ta những cái đó hầu hết cũng là vô thức. Ta biết Ta nói chuyện với người khác, hoặc làm mọi chuyện đều rất đúng và thích hợp, mà không cần ý thức nhiều về những hành vi như thế. Có vẻ như Ta sống đời sống vật lý, và tỉnh thức một cách tự động, phản ứng một cách tùy nghi và chính xác.

H: Phản ứng tùy nghi của ông có được là kết quả của sự giác ngộ, hay nhờ luyện tập?

M: Cả hai. Cống hiến cho mục đích sẽ khiến ông sống một cuộc sống trong sạch và tử tế – một cuộc sống cống hiến cho sự tìm kiếm chân lý và giúp ích

người khác; còn sự giác ngộ – bằng cách loại trừ vĩnh viễn mọi trở ngại dưới những hình thức tham ái, lo sợ và tà kiến – sẽ khiến cho đức hạnh cao thượng trở nên dễ dàng và tùy nghi.

H: Ông không còn tham ái và lo sợ?

M: Số mệnh sinh Ta ra là một người đơn giản, bình thường như mọi người khác, một tiểu thương khiêm tốn, với chút ít học vấn. Cuộc đời Ta cũng bình thường, với những tham ái và lo sợ như mọi người khác. Rồi, qua sự tin tưởng vào tôn sư, và làm theo lời ngài, Ta giác ngộ sự hiện hữu chơn thật của Ta. Ta bỏ lại phía sau bản chất thuộc về con người tự lo liệu lấy, cho đến khi định mệnh của nó kết thúc. Thỉnh thoảng một phản ứng cũ, cảm xúc hay tâm lý, xảy ra trong tâm, nhưng ngay lập tức nó bị phát hiện và bị loại bỏ. Xét cho cùng, chừng nào còn hệ lụy với một con người, người ta vẫn bị tác động bởi cách suy nghĩ, hành sử và thói quen của con người đó.

H: Thế ông không sợ chết?

M: Ta đã chết rồi.

H: Theo nghĩa nào?

M: Ta chết đến hai lần, Không những Ta chết với thân mà còn chết cả với tâm.

H: Vậy mà trông ông chẳng chết chút nào!

M: Ông nói thế! Hình như ông còn biết rõ trạng thái của Ta còn rõ hơn cả chính Ta!

H: Xin ông bỏ qua. Nhưng tôi không hiểu được. Ông bảo ông không còn thân mà cũng chẳng còn tâm, nhưng tôi thấy ông vẫn sống và nói chuyện lưu loát.

M: Trong não bộ và thân xác ông, một hoạt động vô cùng phức tạp lúc nào cũng đang xảy ra, ông có ý thức được nó không? Hoàn toàn là không. Nhưng đối với người ngoài tất cả dường như diễn ra một cách trí tuệ và có chủ đích. Tại sao không thừa nhận rằng toàn thể đời sống cá nhân của một người có thể chìm dưới ngưỡng cửa của ý thức, nhưng đời sống ấy vẫn diễn ra một cách hợp lý và trôi chảy?

H: Liệu như thế có bình thường không?

M: Cái gì bình thường? Cuộc đời ông – thường xuyên bị ám ảnh bởi tham ái và lo sợ, đầy những đấu tranh và xung đột, vô nghĩa và không hề có một niềm vui – Liệu cuộc đời đó có bình thường? Ý thức rất rõ về thân ông thì liệu có bình thường? Bị những cảm xúc giằng xé, bị ý nghĩ hành hạ thì liệu có bình thường? Một cái thân khỏe mạnh, một cái tâm lành mạnh sống hầu như không được chủ nhân của chúng biết đến, chỉ khi nào đau đớn hay khổ sở thì thân mới kêu gọi sự quan tâm, và tâm mới cần đến sự sáng suốt. Tại sao không áp dụng

như thế cho toàn thể đời sống cá nhân? Một người vẫn có thể hành xử đúng, đối đáp giỏi và đầy đủ đối với bất cứ gì xảy ra mà chẳng cần phải chuyên tâm chú ý. Khi khả năng kiểm soát chính mình trở thành bản tính thứ hai, tánh biết sẽ rời tiêu điểm của nó vào những bình diện sâu hơn của sự sống và hành động.

H: Thế không phải ông trở thành người máy?

M: Có hại gì khi tự động hóa những gì có tính cách thói quen và lập lại? Mặc dù là tự động, nhưng khi bị rối loạn, nó cũng gây đau đớn và khổ sở và kêu gọi sự chú ý. Toàn thể mục đích của một cuộc sống trong sạch và ngăn nắp là giải thoát con người khỏi sự khống chế của hỗn loạn và gánh nặng của đau khổ.

H: Ông có vẻ bênh vực một cuộc sống computer hóa.

M: Có gì sai với một cuộc sống không còn phiền trược? Tính cách con người đơn thuần chỉ là ảnh phản chiếu của cái chơn thật. Tại sao ảnh phản chiếu không trung thực với nguyên bản như một điều hiển nhiên, và tự động? Liệu con người cần phải có kiểu mẫu nào đó của riêng nó? Cuộc sống mà sự thể hiện của nó là con người sẽ hướng dẫn con người. Một khi nhận ra con người chỉ là cái bóng của thực tại mà không phải chính thực tại thì ông chẳng còn băn khoăn và lo lắng. Ông sẽ chấp thuận để được hướng dẫn từ bên trong, và đời sống trở thành một cuộc hành trình vào cái không thể biết.

***

13. Cái Tối Thượng, Tâm và Thân

Hỏi: Theo những gì ông nói thì hình như ông không ý thức rõ những gì xảy ra quanh ông. Nhưng theo chúng tôi thấy, ông có vẻ cực kỳ tỉnh thức và năng động. Chúng tôi không thể tin ông ở trong một tình trạng bị thôi miên, mất hết ký ức. Trái lại, trí nhớ của ông có vẻ còn xuất sắc. Chúng tôi phải hiểu thế nào về câu ông nói rằng thế giới và tất cả những gì nó dung chứa đều không tồn tại đối với ông.

Maharaj: Tất cả chỉ là tiêu điểm của sự chú ý. Tâm ông chú ý vào thế giới, tâm Ta chú ý vào thực tại. Cũng giống như mặt trăng giữa ban ngày – khi mặt trời chiếu sáng thì không thấy được mặt trăng. Hoặc, quan sát sự tiêu hóa thức ăn của ông. Bao giờ thức ăn còn trong miệng, ông còn biết; nhưng khi đã nuốt, ông đâu còn bận tâm đến nó. Nếu cứ luôn luôn nghĩ đến thức ăn cho đến khi nó được tiêu hóa hoàn toàn thì thật là phiền toái. Bình thường thì tâm phải ở trong tình trạng yên nghỉ – hoạt động không ngừng là một trạng thái bệnh hoạn của tâm. Vũ trụ hoạt động bởi chính nó – đó là điều Ta biết. Có gì khác mà Ta cần biết?

H: Như vậy chỉ khi nào chú tâm thì người giác ngộ biết mình đang làm gì, còn không thì người ấy chỉ hành động mà chẳng quan tâm.

M: Một người bình thường không ý thức về thân mình cũng như thế. Người giác ngộ ý thức về các cảm giác, cảm xúc và ý nghĩ của mình. Nhưng một khi người ấy xa lìa, thì chúng rời khỏi tâm điểm của ý thức một cách tự nhiên và dễ dàng.

H: Vậy lúc đó cái gì ở tâm điểm của ý thức?

M: Cái không thể đặt tên hay có hình tướng, vì nó không có một đặc tính nào và ở ngoài ý thức. Ông có thể gọi nó là một điểm trong ý thức, nhưng lại ở ngoài ý thức. Cũng như cái lỗ trên mặt một tờ giấy, nó vừa ở trong tờ giấy nhưng lại không thuộc về tờ giấy; trạng thái tối thượng ở ngay chính tâm điểm của ý thức nhưng lại ở ngoài ý thức. Cũng giống như có một khoảng trống trong tâm mà qua đó ánh sáng tràn ngập tâm. Khoảng trống không phải là ánh sáng. Nó chỉ là một khoảng trống.

H: Một khoảng trống thì chẳng có gì, và trống vắng.

M: Gần như thế. Theo cái nhìn của tâm, nó không gì khác hơn là một khoảng trống để ánh sáng của tánh biết tràn vào không gian của tâm. Tự thân ánh sáng có thể ví như một khối rắn chắc, đậm đặc, cứng như đá, thuần nhất và bất biến của tánh biết thuần túy, hoàn toàn không có những mô hình của tâm về danh xưng và hình tướng.

H: Có sự dung thông nào giữa không gian của tâm và cảnh giới Tối thượng?

M: Cái Tối thượng làm cho tâm tồn tại. Tâm làm cho thân tồn tại.

H: Thế cái gì ở bên ngoài?

M: Để ví dụ. Có một tôn giả Yogi, một bậc thầy về thuật trường sinh, đích thân đã sống trên một nghìn năm, đến truyền cho Ta thuật sống lâu. Dù rất tôn kính và thật tình khâm phục những chứng đắc của tôn giả, nhưng Ta chỉ có thể nói với vị đó rằng: sự trường thọ có ích lợi gì đối với Ta? Ta ở ngoài thời gian. Cuộc đời, dù trường thọ đến đâu, cũng chỉ là một khoảnh khắc, một giấc chiêm bao. Cũng như thế, Ta vượt ra ngoài mọi thuộc tính. Chúng xuất hiện và biến mất trong ánh sáng của Ta, nhưng chúng không thể mô tả Ta. Vũ trụ đầy những danh xưng và hình tướng dựa trên những đặc tính và sự khác biệt, còn Ta ở ngoài. Thế giới có đó vì có Ta, nhưng Ta không phải thế giới.

H: Nhưng ông đang sống trong thế giới!

M: Đó là ông nói! Ta biết có thế giới, thế giới đó bao gồm thân này và tâm này, nhưng Ta không xem chúng là "của Ta" và khác với những cái tâm và thân khác. Thân và tâm có đó, trong thời gian và không gian, còn Ta thì phi thời, phi xứ.

H: Vì tất cả đều tồn tại trong ánh sáng của ông, vậy không phải ông là đấng sáng tạo thế giới?

M: Ta không phải tiềm năng hay sự hiện thực hóa, mà cũng chẳng phải hiện thực của vạn vật. Trong ánh sáng của Ta mọi thứ đến và đi như những hạt bụi nhảy múa trong tia nắng. Ánh nắng chiếu sáng những hạt bụi, nhưng không tùy thuộc vào chúng. Không thể nói ánh nắng tạo ra chúng. Và cũng không thể nói là ánh nắng biết chúng.

H: Tôi hỏi ông một câu và ông đang trả lời. Ông có ý thức cả câu hỏi và câu trả lời?

M: Trong thực tế, Ta không nghe và cũng chẳng trả lời. Trong thế giới của các sự kiện, câu hỏi xảy ra và câu trả lời xảy ra. Không có gì xảy ra với Ta. Tất cả tự xảy ra.

H: Thế ông là nhân chứng?

M: Nhân chứng nghĩa là gì? Sự biết thuần túy. Lúc nãy trời mưa và bây giờ hết mưa. Ta không bị ướt. Ta biết trời đã mưa nhưng Ta không bị ảnh hưởng. Ta chỉ chứng kiến cơn mưa.

H: Một người hoàn toàn giác ngộ, tùy nghi hành xử trong trạng thái tối thượng, nhưng có vẻ ăn, uống và sinh hoạt như bình thường. Người giác ngộ có biết những chuyện đó hay không?

M: Cái mà trong đó ý thức diễn ra, dù là ý thức vũ trụ hay tâm, chúng ta gọi đó là cõi ý thức. Toàn thể các đối tượng của ý thức tạo ra vũ trụ. Cái siêu vượt cả hai, nhưng vẫn dung dưỡng cả hai, là trạng thái tối thượng, một trạng thái hoàn toàn tĩnh và lặng. Bất cứ ai vào đó cũng đều biến mất. Nó là cái không thể đạt đến bằng ngôn từ hay tâm. Ông có thể gọi cái đó là Thượng đế, là Parabrahman, hay Thực tại Tối thượng, nhưng tất cả chỉ là danh xưng cho tâm đặt ra. Nó là trạng thái không có tên gọi, không có nội dung, không cần cố gắng và tùy nghi, vượt ra khỏi hiện hữu và phi hiện hữu.

H: Thế một người ở trong đó vẫn ý thức?

M: Cũng như vũ trụ là thân của tâm, ý thức là thân của cái Tối thượng. Cái Tối thượng không ý thức nhưng ý thức từ đó khởi sinh.

H: Hầu hết các hành hoạt hàng ngày của tôi đều là thói quen và tự động. Tôi biết rõ mục đích tổng quát, nhưng không thể biết từng hành động một cách chi tiết. Khi ý thức của tôi trở nên rộng lên và sâu thêm, các chi tiết giảm đi, để tôi tự do với những khuynh hướng chung. Điều này cũng xảy ra với một người giác ngộ, hay còn hơn thế?

M: Trên bình diện ý thức - có. Trong trạng thái Tối thượng – không. Trạng thái này hoàn toàn là một duy nhất, không thể phân chia, nó là một khối kiên cố duy nhất của thực tại. Cách duy nhất để biết nó là *là* nó. Tâm không thể đạt đến nó. Để nhận thức được nó – không cần đến các giác quan. Để biết nó – không cần đến tâm.

H: Đó là cách Thượng đế vận hành thế giới.

M: Thượng đế chẳng hề vận hành thế giới.

H: Vậy ai làm chuyện đó?

M: Chẳng có ai cả. Tất cả đều tự diễn ra. Ông đặt câu hỏi và cũng chính ông đưa ra câu trả lời. Ông biết câu trả lời khi ông đặt câu hỏi. Tất cả chỉ là một vở kịch diễn ra trong ý thức. Mọi phân chia đều là hư giả. Ông chỉ có thể biết cái hư giả. Còn cái chơn thật thì chính ông phải *là*.

H: Có ý thức được chứng kiến và có ý thức chứng kiến. Ý thức chứng kiến có phải là cái tối thượng?

M: Có hai – con người và nhân chứng, hay người quan sát. Khi ông thấy hai là một, và vượt ra ngoài, thì lúc đó ông ở trong trạng thái tối thượng. Trạng thái đó không thể nhận thức được vì nó là cái làm cho nhận thức khả hữu. Nó ở ngoài hiện hữu và phi hiện hữu. Nó không phải là gương mà cũng chẳng phải là ảnh trong gương. Nó là cái đang *là* – thực tại vô thời, vô cùng rắn chắc và kiên cố.

H: Người giác ngộ là nhân chứng, hay là cái Tối thượng?

M: Dĩ nhiên là cái Tối thượng, nhưng còn có thể được xem như nhân chứng vũ trụ.

H: Nhưng người giác ngộ vẫn còn là một con người?

M: Khi ông tin rằng chính ông là một con người thì ông thấy con người ở bất cứ đâu. Trong thực tế, không hề có con người, mà chỉ có những xâu chuỗi của ký ức và thói quen. Ngay vào lúc giác ngộ, con người biến mất. Ý thức về cái Ta thì còn, nhưng ý thức về cái Ta thì không phải con người, nó sẵn có trong chính thực tại. Con người không có sự hiện hữu nào trong chính nó, con người chỉ là ảnh phản chiếu của nhân chứng trong tâm, tức cái "Ta hiện hữu" mà cái "Ta hiện hữu" lại là một cách hiện hữu.

H: Cái Tối thượng có ý thức không?

M: Chẳng hữu thức mà cũng chẳng vô thức. Ta nói với ông điều này từ kinh nghiệm.

H: *Praganam Brahma*. Cái *Pragna* này là gì?

M: Nó là cái biết vô ngã thức về chính cuộc sống.

H: Có phải nó là sức sống, năng lượng của cuộc sống, và sự sống?

M: Năng lượng có trước. Vì tất cả mọi vật đều là một hình thức của năng lượng. Ý thức được phân biệt rõ nhất trong trạng thái thức. Ít hơn trong khi chiêm bao. Rất ít trong khi ngủ. Thuần nhất – trong trạng thái thứ tư. Ra khỏi bốn trạng thái này là thực tại duy nhất bất khả phân và không thể diễn tả được, đây là trú xứ của người giác ngộ.

H: Tôi vừa bị đứt tay. Bây giờ đã lành. Năng lực nào đã làm cho tay tôi lành lại?

M: Năng lực của sự sống.

H: Cái gì là nguồn gốc của ý thức?

M: Tự thân ý thức là nguồn gốc của tất cả mọi thứ.

H: Liệu có thể có sự sống mà không có ý thức?

M: Không, cũng như không thể có ý thức mà không có sự sống. Cả hai là một. Nhưng trong thực tế chỉ có cái Tối Hậu *hiện hữu*. Những cái còn lại chỉ là danh xưng và hình tướng. Chừng nào ông còn bám víu vào ý tưởng cho rằng chỉ những gì có danh xưng và hình tướng tồn tại thì cái Tối thượng đối với ông không tồn tại. Khi ông hiểu ra rằng mọi danh xưng và hình tướng chỉ là những cái vỏ rỗng tuếch không có bất cứ gì bên trong, còn cái gì là thật thì không có danh xưng và cũng chẳng có hình tướng, là năng lượng thuần túy của sự sống, là ánh sáng của ý thức, thì lúc đó ông an lạc và chìm đắm trong sự im lặng sâu thẳm của thực tại.

H: Nếu thời gian và không gian đơn thuần chỉ là ảo ảnh, còn ông siêu vượt ra ngoài, xin vui lòng cho tôi biết thời tiết ở New York bây giờ ra sao. Bên đó trời đang nóng hay mưa?

M: Làm sao Ta có thể nói cho ông biết? Những chuyện như thế cần một sự luyện tập chuyên biệt. Hay là, chỉ việc bay sang New York. Ta biết chắc Ta ở ngoài không gian và thời gian, nhưng không thể xác định chính Ta như ý muốn vào một thời điểm nào đó của thời gian và không gian. Ta không mấy quan tâm đến những chuyện như thế, và cũng chẳng có ý định theo học một khóa luyện tập Yoga chuyên biệt nào cả. Ta chỉ mới nghe đến New York. Đối với Ta, đó chỉ là một từ ngữ. Việc gì Ta phải biết nhiều hơn những gì mà từ ngữ đó chuyên chở. Mỗi một nguyên tử có thể là một vũ trụ, và cũng phức tạp như vũ trụ của chúng ta. Ta có cần phải biết hết mọi nguyên tử không? Nếu luyện tập thì Ta có thể.

H: Khi đặt câu hỏi về thời tiết ở New York, tôi đã phạm sai lầm ở chỗ nào?

M: Thế giới và tâm đều là những trạng thái hiện hữu. Cái Tối thượng không phải là một trạng thái. Nó bao trùm tất cả các trạng thái, nhưng lại không phải là một trạng thái của một cái gì khác. Nó hoàn toàn phi nhân duyên, bất tùy thuộc, và tự viên mãn trong chính nó, nó siêu vượt thời gian và không gian, ở ngoài tâm và vật.

H: Ông nhận ra nó qua chỉ dấu nào?

M: Nó là một điểm không để lại dấu vết. Không có gì để qua đó nhận ra nó. Nó phải được thấy một cách trực tiếp, bằng cách từ bỏ mọi sự truy tìm dấu vết và lối vào. Khi tất cả danh xưng và hình tướng mất đi thì cái thật còn lại với

ông. Ông chẳng cần phải tìm kiếm nó. Đa nguyên và đa dạng chỉ là vở kịch của tâm. Thực tại là Một duy nhất.

H: Nếu thực tại không để lại bằng chứng, thì không thể nói gì về nó được.

M: Thực tại hiện hữu mà không thể bị bác bỏ. Thực tại thì sâu thẳm và đen tối, bí ẩn ngoài mọi bí ẩn, nhưng thực tại hiện hữu trong khi tất cả những cái khác chỉ xảy ra.

H: Có phải thực tại là cái Không Biết?

M: Nó ở ngoài cả hai, cái biết và cái không biết. Nhưng Ta có thể gọi nó là cái biết, hơn là cái không biết. Vì bất cứ khi nào một cái gì đó được biết, thì chỉ cái thật mới được biết.

H: Sự im lặng có phải là một thuộc tính của cái thật?

M: Cả nó cũng thuộc về tâm. Tất cả mọi trạng thái và điều kiện đều thuộc về tâm.

H: Cõi giới của Samadhi – định – là gì?

M: Không dùng đến ý thức là Samadhi. Ông chỉ cần mặc kệ tâm. Không mong cầu chi, chẳng phải nơi thân mà cũng chẳng phải nơi tâm.

***

14. Biểu hiện và Thực tại

Hỏi: Ông vẫn nói đi nói lại rằng các sự kiện đều không do nhân duyên sinh ra, một vật chỉ đơn thuần xảy ra và không thể gán cho nó một nguyên nhân nào. Theo tôi, chắc chắc mọi thứ đều do một, hay nhiều nhân duyên mà có. Làm sao tôi hiểu được tính phi nhân duyên của vạn vật?

Maharaj: Từ cái nhìn cao nhất, thế giới không do nhân duyên tạo ra.

H: Nhưng kinh nghiệm của riêng ông là gì?

M: Mọi thứ đều tự có. Thế giới không có nguyên nhân.

H: Tôi không hỏi về những nguyên nhân đã đưa đến sự hình thành thế giới. Ai là kẻ đã chứng kiến sự hình thành thế giới? Thậm chí nó có thể không có một sự khởi đầu mà luôn luôn tồn tại. Nhưng tôi không nói về thế giới. Tôi xem thế giới tồn tại – một cách nào đó. Nó dung chứa rất nhiều thứ. Chắc chắn mỗi thứ phải do một, hay nhiều nhân duyên mà nó.

M: Một khi tạo ra cho chính ông một thế giới trong không gian và thời gian, được điều hành bởi những tương quan nhân quả, thì ông buộc phải truy tìm và phát hiện nguyên nhân cho mọi thứ. Ông nêu câu hỏi và áp đặt câu trả lời.

H: Câu hỏi của tôi thật đơn giản: Tôi thấy đủ mọi thứ và tôi hiểu rằng mỗi thứ phải do một, hay nhiều nhân duyên tạo ra. Ông bảo chúng không do nhân duyên nào tạo ra – theo cái nhìn của ông. Đối với ông không gì có thực thể, và, do đó, câu hỏi về nhân duyên không được đặt ra. Ông có vẻ như thừa nhận sự tồn tại của vạn vật, nhưng phủ nhận nhân duyên tạo ra chúng. Đó là điều tôi

không nắm bắt được. Một khi đã chấp nhận sự tồn tại của vạn vật, tại sao lại bác bỏ nguyên nhân tạo ra chúng?

M: Ta chỉ thấy có ý thức, và biết mọi thứ chỉ là ý thức, cũng như ông biết hình ảnh trên màn ảnh xinê không gì khác hơn là ánh sáng.

H: Tuy nhiên, những chuyển động của ánh sáng đều có nguyên nhân.

M: Ánh sáng không hề chuyển động. Ông biết rất rõ sự chuyển động chỉ là ảo giác, được tạo ra bởi một chuỗi liên tiếp những sự ngăn che ánh sáng và màu sắc trong phim. Cái chuyển động là phim – tức là tâm.

H: Điều này cũng không làm cho hình ảnh trở thành phi nhân duyên. Bộ phim có đó, cùng với các diễn viên, các chuyên viên kỹ thuật, đạo diễn, nhà sản xuất, và các xưởng chế tạo. Thế giới được điều hành bởi quy luật nhân quả. Tất cả mọi thứ đều tương quan liên kết.

M: Dĩ nhiên, mọi thứ đều tương quan liên kết. Và, do đó, mọi vật đều có vô số nguyên nhân. Toàn thể vũ trụ góp phần cho cái nhỏ nhặt nhất. Một vật hiện hữu như nó là, vì thế giới hiện hữu như nó là. Ông thấy không, ông chỉ quan tâm đến những món trang sức bằng vàng, còn Ta quan tâm đến vàng. Giữa những món trang sức khác nhau không hề có liên hệ nhân quả. Khi ông nấu chảy một món trang sức để làm thành món khác, không hề có liên hệ nhân quả giữa hai món. Yếu tố chung là vàng. Nhưng ông không thể nói vàng là nguyên nhân. Vàng không thể được gọi là nguyên nhân, vì tự thân vàng chẳng chẳng tạo ra món trang sức nào. Nó được phản chiếu trong tâm thành cái "Ta hiện hữu" như tên gọi và hình dáng riêng của món trang sức. Nhưng tất cả đều là vàng. Cũng cách đó, thực tại làm cho mọi vật khả hữu, nhưng không có gì làm cho một vật như nó là, danh xưng và hình tướng của nó từ thực tại mà ra.

Nhưng tại sao lại quá câu nệ nguyên nhân? Nguyên nhân có gì là quan trọng khi tự thân vạn vật là vô thường? Hãy để cái gì đến cứ đến, và cái gì đi cứ đi, tại sao nắm giữ chúng lại để truy tìm nguyên nhân?

H: Theo cái nhìn tương đối, mọi thứ phải có một nguyên nhân.

M: Cái nhìn tương đối có ích lợi gì cho ông? Ông có thể nhìn từ cái nhìn tuyệt đối – tại sao lại trở về với cái tương đối? Ông sợ cái tuyệt đối?

H: Tôi sợ. Tôi sợ ngủ quên với những cái gọi là tất định tuyệt đối. Để sống một cuộc sống chừng mực, những cái tuyệt đối chẳng giúp ích gì. Khi cần một cái áo, ông mua vải rồi thuê một người may, vân vân.

M: Tất cả những gì nói ra chứng tỏ là vô minh.

H: Vậy quan điểm của bậc giác ngộ là gì?

M: Chỉ có ánh sáng và ánh sáng là tất cả. Tất cả những gì khác chỉ là một bức tranh được tạo ra bằng ánh sáng. Bức tranh ở trong ánh sáng và ánh sáng ở

trong bức tranh. Sống và chết, ngã và phi ngã – hãy buông bỏ tất cả những ý tưởng này. Chúng chẳng ích lợi gì cho ông.

H: Từ quan điểm nào mà ông bác bỏ quy luật tương quan nhân quả? Từ cái nhìn tương đối - vũ trụ là nguyên nhân của mọi vật. Từ cái nhìn tuyệt đối – hoàn toàn không có vật.

M: Ông hỏi từ trạng thái nào?

H: Từ trạng thái thức hàng ngày, chỉ trong trạng thái đó những cuộc thảo luận như thế này mới xảy ra.

M: Trong trạng thái thức tất cả mọi vấn đề nảy sinh, vì bản chất của nó là như thế. Nhưng không phải lúc nào ông cũng ở trong trạng thái đó. Ông làm được cái gì tốt đẹp trong một trạng thái mà ông rơi vào và từ đó ông trồi lên một cách vô vọng. Biết được vạn vật có tương quan nhân quả – như chúng xuất hiện trong trạng thái thức của ông – giúp ích gì cho ông?

H: Thế giới nổi lên và chìm xuống cùng với trạng thái thức.

M: Khi tâm tịnh và tuyệt đối im lặng, trạng thái thức không còn nữa.

H: Những từ ngữ như Thượng đế, vũ trụ, cái toàn thể, cái tuyệt đối, cái Tối thượng chỉ là những tiếng ồn trong không khí, vì chẳng có thể làm gì được chúng.

M: Ông đưa ra những câu hỏi mà chỉ ông mới có thể trả lời.

H: Đừng gạt phắt tôi đi như thế! Ông thật nhạy miệng biện hộ cho cái toàn thể, cho vũ trụ và những thứ tưởng tượng! Những thứ đó không thể đến đây ngăn cấm ông nhân danh chúng thuyết giảng. Tôi ghét những luận điệu chung chung vô trách nhiệm đó! Và ông có khuynh hướng nhận chúng là của ông. Nếu không có tương quan nhân quả thì không thể có sự ổn định, không thể có những hành động có mục đích nào.

M: Ông muốn biết tất cả nguyên nhân của mỗi một sự kiện. Điều ấy có thể được chăng?

H: Tôi biết là không thể được! Tôi chỉ muốn biết là liệu có nguyên nhân cho mọi vật không và liệu có thể nào tác động vào nguyên nhân, do đó thay đổi được sự kiện?

M: Để thay đổi sự kiện, việc gì ông phải cần biết đến nguyên nhân. Thật là một cách giải quyết vòng vo! Thế không phải ông là nguồn gốc và cũng là sự kết thúc của mọi sự kiện? Tác động vào sự kiện ngay tại nguồn gốc của nó.

H: Sáng nào cầm báo lên đọc tôi cũng đều bàng hoàng về những nỗi thống khổ của thế giới – nghèo đói, hận thù và chiến tranh – tiếp tục không ngớt. Câu hỏi của tôi liên quan đến thực tế đau khổ, nguyên nhân và phương cách chữa trị. Đừng gạt phắt tôi đi, bảo rằng đó là chuyện Phật giáo! Đừng gắn cho tôi một

nhãn hiệu nào. Sự khăng khăng của ông về tính cách phi nhân duyên làm mất đi tất cả hy vọng của một thế giới luôn luôn thay đổi.

M: Ông bối rối, vì ông tin rằng ông ở trong thế giới, chứ không phải thế giới ở trong ông. Ai sinh ra trước – ông hay cha mẹ ông? Ông tưởng tượng rằng ông được sinh ra vào một thời điểm nào đó và ở một nơi chốn nào đó, rằng ông có một ông bố và có một người mẹ, một cái thân và một cái tên. Đó là lỗi lầm và cũng là tai họa của ông! Chắc chắn ông có thể thay đổi thế giới của ông nếu ông hành động. Bằng mọi cách, hành động. Ai ngăn cản ông? Ta chưa bao giờ ngăn cản ông. Có nguyên nhân hay không có nguyên nhân, ông đã tạo ra thế giới này thì ông có thể thay đổi nó.

H: Một thế giới không do nhân duyên tạo ra thì hoàn toàn ngoài sự kiểm soát của tôi.

M: Trái lại, một thế giới mà ông là nguồn gốc và cũng là nền tảng của nó thì hoàn toàn ở trong quyền năng thay đổi của ông. Cái gì được tạo ra đều luôn luôn có thể bị hủy diệt và được tái tạo. Tất cả sẽ đều xảy ra như ông muốn, với điều kiện là ông thật sự muốn nó xảy ra.

H: Tất cả những gì tôi muốn biết là làm thế nào để giải quyết những đau khổ của thế giới?

M: Ông đã tạo ra chúng từ những tham ái và lo sợ của chính ông, thì ông giải quyết chúng. Tất cả chỉ vì ông đã quên mất sự hiện hữu của chính ông. Cho chuyện phim trên màn ảnh là thực tại, rồi ông yêu những người trong phim, ông đau khổ cho họ và tìm cách cứu họ. Không phải như thế. Ông phải bắt đầu với chính ông. Không có cách nào khác. Dĩ nhiên là hành động. Chẳng có hại gì khi hành động.

H: Vũ trụ của ông hình như dung chứa mọi kinh nghiệm có thể xảy ra. Một người tìm đường đi xuyên qua nó và kinh nghiệm những trạng thái thích thú cũng như khó chịu. Điều này gây nên những thắc mắc và tìm hiểu, làm mở rộng tầm nhìn và giúp cho người đó vượt ra ngoài cái thế giới nhỏ hẹp và tự tạo, hữu hạn và hướng ngã của hắn. Cái thế giới riêng tư này có thể thay đổi theo thời gian. Còn vũ trụ thì vô thời và toàn hảo.

M: Nhận biểu hiện là thực tại là một lỗi lầm nghiêm trọng và là nguồn gốc của mọi tai họa. Ông là tánh biết trùm khắp, vĩnh cửu và sáng tạo vô biên – là ý thức. Tất cả những cái khác chỉ là cục bộ và nhất thời. Đừng quên cái mà ông là. Trước mắt, hành động theo những gì chất chứa trong tim ông. Hành động phải đi cùng với hiểu biết.

H: Tôi có cảm tưởng rằng sự phát triển tâm linh của tôi không do tôi định đoạt. Vạch ra những dự tính của chính mình rồi thực hiện chúng chẳng đưa đi đến đâu. Tôi chỉ chạy quanh chính mình. Khi Thượng đế xét rằng một trái cây

đã chín, Ngài hái nó và ăn. Bất cứ trái nào Ngài thấy còn xanh thì vẫn tiếp tục ở trên cành cây của thế giới thêm một ngày nữa.

M: Ngay cả thế giới Thượng đế còn không biết. Ông nghĩ là Thượng đế biết đến ông?

H: Thượng đế của ông khác. Thượng đế của tôi khác. Thượng đế của tôi nhân từ hơn, Ngài đau khổ cùng với chúng tôi.

M: Ông cầu nguyện để cứu một người trong khi cả ngàn người chết. Nếu tất cả mọi người không chết thì sẽ chẳng còn chỗ trên thế gian này.

H: Tôi không sợ chết. Mối quan tâm của tôi là phiền não và đau khổ. Thượng đế của tôi chỉ là một thần linh chất phác và chẳng giúp ích được gì. Ngài chẳng có quyền phép bắt chúng tôi khôn ngoan mà chỉ biết đứng chờ.

M: Nếu cả ông lẫn Thượng đế của ông đều vô phương, thế không phải điều đó hàm ý là thế giới này ngẫu nhiên mà có? Và nếu đúng như thế, điều duy nhất ông có thể làm là vượt ra khỏi nó.

***

15. Grani – Bậc giác ngộ

Hỏi: Nếu không có quyền năng của Thượng đế thì không gì có thể được thực hiện. Ngay cả ông cũng không thể ngồi đây nói chuyện với chúng tôi mà không có Ngài.

Maharaj: Tất cả đều do Ngài làm ra, chẳng có gì nghi hoặc. Nhưng Ta chẳng mong cầu chi thì điều đó có nghĩa gì đối với Ta? Thượng đế có thể ban phát, hay tước đoạt của Ta cái gì? Cái của Ta là của Ta và đã là của Ta ngay từ khi không có Thượng đế. Dĩ nhiên, nó chỉ là một cái gì vô cùng nhỏ bé, một đốm nhỏ – ý thức "Ta hiện hữu", thực tế của sự hiện hữu. Đây là nơi chỗ của chính Ta, mà không phải do ai ban phát. Trái đất này là của Ta, cái gì mọc trên đó là của Thượng đế.

H: Thế Thượng đế thuê lại của ông trái đất này?

M: Thượng đế là người sùng kính Ta và đã làm tất cả những điều đó cho Ta.

H: Lìa ông ra thì không có Thượng đế?

M: Làm sao có thể có Thượng đế mà không có Ta? "Ta hiện hữu" là gốc, Thượng đế là cây. Việc gì Ta phải sùng kính ai, và để làm gì?

H: Ông là người sùng kính hay là đối tượng của sự sùng kính?

M: Ta không phải cả hai. Ta chính là sự sùng kính.

H: Không có đủ sự sùng kính trên thế gian này.

M: Ông luôn luôn theo đuổi ý định làm cho thế giới tốt đẹp hơn. Ông thực sự tin tưởng rằng thế giới đang chờ để được ông cứu vớt?

H: Tôi không biết tôi có thể làm được bao nhiêu cho thế giới. Tất cả tôi có thể làm là cố gắng. Ông còn muốn tôi làm điều gì khác?

M: Không có ông, liệu có thế giới? Ông biết tất cả về thế giới, nhưng còn chính ông thì ông chẳng biết gì. Ông chính là dụng cụ cho việc làm của ông, ông chẳng có dụng cụ nào khác. Tại sao ông không quan tâm đến dụng cụ trước khi nghĩ đến việc làm của ông?

H: Tôi có thể chờ, còn thế giới thì không thể chờ đợi.

M: Vì không tìm hiểu, ông để thế giới chờ đợi.

H: Chờ đợi cái gì?

M: Một ai đó có thể cứu vớt nó.

H: Thượng đế điều khiển thế giới, Thượng đế sẽ cứu vớt thế giới.

M: Đó là ông nói! Thế Thượng đế có đến bảo ông rằng thế giới do Ngài sáng tạo nên là mối quan tâm của Ngài, chứ không phải của ông?

H: Tại sao đó lại là sự quan tâm của riêng tôi?

M: Thử nghĩ xem. Thế giới mà trong đó ông sống, có ai khác biết về nó?

H: Ông biết, mọi người biết.

M: Có ai từ bên ngoài thế giới của ông đến nói với ông điều đó không? Ta và mọi người khác xuất hiện và biến mất trong thế giới của ông. Ta và họ đều trong quyền định đoạt của ông.

H: Làm gì đến nỗi như thế! Tôi tồn tại trong thế giới của ông cũng như ông tồn tại trong thế giới của tôi.

M: Ông chẳng có bằng chứng nào về thế giới của Ta. Ông hoàn toàn bị giấu kín trong cái thế giới của chính ông tạo ra.

H: Tôi biết. Hoàn toàn, nhưng có vô vọng không?

M: Trong cái thế giới nhà tù của ông xuất hiện một người, người đó bảo ông rằng cái thế giới của những mâu thuẫn đầy đau đớn mà ông đã tạo ra – không tiếp tục và cũng chẳng thường hằng – cái thế giới đó dựa trên những thấy biết sai lầm. Người đó khẩn thiết bảo ông thoát ra – cũng bằng cách mà ông đã đi vào thế giới ấy. Vì quên mất cái ông là nên ông đã đi vào thế giới ấy, và ông chỉ có thể thoát ra bằng cách biết chính ông như ông là.

H: Làm như thế sẽ tác động gì đến thế giới?

M: Khi thoát ra khỏi thế giới thì ông mới có thể làm một cái gì đó cho thế giới. Chừng nào còn là tù nhân của nó thì không có cách gì ông thay đổi nó. Trái lại, bất cứ gì ông hành động chỉ làm cho tình thế tồi tệ hơn.

H: Hành động đúng sẽ giải thoát tôi.

M: Hành động đúng chắc chắn sẽ làm cho ông và thế giới của ông là một nơi dễ chịu, và thậm chí còn hạnh phúc. Nhưng có ích lợi gì? Thế giới đó không có thực thể. Nó không thể tồn tại lâu dài.

H: Thượng đế sẽ cứu giúp.

M: Muốn cứu giúp ông Thượng đế phải biết sự tồn tại của ông. Nhưng cả ông lẫn thế giới của ông đều là những trạng thái chiêm bao. Trong chiêm bao có thể ông đau khổ. Nhưng không ai biết sự đau khổ của ông, vì thế chẳng ai có thể cứu giúp ông.

H: Như vậy tất cả những thắc mắc, tìm tòi và nghiên cứu của tôi chẳng ích lợi gì?

M: Đó chỉ là những cọ quậy của một người đã chán không muốn ngủ nữa. Chúng không phải là những nguyên nhân của sự tỉnh thức, mà chỉ là những dấu hiệu ban đầu. Tuy nhiên, ông đừng hỏi những câu vu vơ mà ông đã biết trước câu trả lời.

H: Làm sao tôi tìm được một câu trả lời đích thực?

M: Bằng cách đặt câu hỏi đích thực – không bằng lời lẽ suông, mà bằng sự can đảm dám sống theo sự hiểu biết của ông. Một người sẵn sàng chết cho chân lý sẽ đạt được chân lý.

H: Một câu hỏi khác. Có con người. Có người biết con người. Có nhân chứng. Người biết và nhân chứng là một, hay là hai trạng thái khác biệt?

M: Người biết và nhân chứng là hai hay một? Khi người biết được xem như tách biệt với cái bị biết, thì nhân chứng đứng một mình. Khi cái bị biết và người biết được xem là một, nhân chứng trở thành một với người biết và cái bị biết.

H: Ai là bậc giác ngộ - Gnani? Nhân chứng hay cái Tối thượng?

M: Gnani là cái Tối thượng và cũng là nhân chứng. Gnani vừa là hiện hữu vừa là tánh biết. Trong tương quan với ý thức Gnani là tánh biết. Trong tương quan với vũ trụ Gnani là sự hiện hữu thuần túy.

H: Thế còn con người? Ai có trước, con người hay người biết?

M: Con người chỉ là một vật rất nhỏ bé. Thực ra con người là một sự cấu thành, không thể nói con người tự tồn tại. Nếu không được nhận thức, con người không có đó. Con người chỉ là cái bóng của tâm, tổng hợp của vô số ký ức. Hiện hữu thuần túy – được phản ánh trong tấm gương của tâm – là trạng thái biết. Cái bị biết hình thành con người, dựa trên ký ức và thói quen. Con người chỉ là một cái bóng, hay một phóng ảnh của người biết lên màn ảnh của tâm.

H: Tấm gương có đó, ảnh phản chiếu có đó. Nhưng mặt trời ở đâu?

M: Cái Tối thượng là mặt trời.

H: Cái Tối thượng phải ý thức.

M: Cái Tối thượng không ý thức mà cũng chẳng vô thức. Đừng nghĩ về nó theo quan điểm ý thức hay vô thức. Nó là sự sống, dung chứa cả hai và siêu vượt cả hai.

H: Sự sống vô cùng trí tuệ. Làm sao nó có thể vô thức?

M: Ông chỉ nói đến vô thức khi nào có sự gián đoạn trong ký ức. Trong thực tế chỉ có ý thức. Toàn thể sự sống là ý thức, toàn thể ý thức – là sống.

H: Ngay cả đá?

M: Ngay cả đá cũng ý thức và sống.

H: Mối lo ngại của tôi là tôi có khuynh hướng phủ nhận sự tồn tại của những gì tôi không tưởng tượng ra được.

M: Nếu khôn ngoan hơn thì ông nên phủ nhận sự tồn tại của những gì ông tưởng tượng. Chính cái được tưởng tượng là cái không thật.

H: Liệu tất cả những gì có thể tưởng tượng được đều không thật?

M: Tưởng tượng dựa trên ký ức thì không thật. Tương lai không phải hoàn toàn là không thật.

H: Phần nào của tương lai là thật, phần nào không?

M: Cái không được mong đợi và cái không thể đoán trước là thật.

***

16. Vô tham ái là cực lạc

Hỏi: Tôi đã gặp rất nhiều người giác ngộ, nhưng chưa bao giờ gặp một người giải thoát. Ông đã gặp người nào giải thoát chưa, hay giải thoát có nghĩa – trong những phương cách của nó – là từ bỏ thân xác

Maharaj: Ông hiểu thế nào là giác ngộ và giải thoát?

H: Giác ngộ có nghĩa là một kinh nghiệm tuyệt vời của an lạc, thiện và mỹ, khi thế giới có ý nghĩa, và có một sự hợp nhất bao trùm tất cả bản chất lẫn tánh thể. Một kinh nghiệm như thế dù không dài lâu, nhưng không thể quên được. Nó chiếu sáng trong tâm, vừa như ký ức vừa như mong đợi. Tôi biết điều tôi đang nói vì tôi đã từng trải qua những kinh nghiệm như thế.

Còn giải thoát theo tôi có nghĩa là thường xuyên ở trong trạng thái tuyệt vời đó. Điều tôi muốn hỏi là liệu giải thoát có tương hợp với sự sống lâu của thân xác?

M: Có gì không ổn với thân xác?

H: Thân xác thì quá yếu đuối và ngắn ngủi. Nó tạo ra những đòi hỏi và thèm khát. Nó giới hạn con người một cách trầm trọng.

M: Thì đã sao? Cứ mặc kệ những thể hiện vật lý hữu hạn. Còn giải thoát là đem cái Ta khỏi những ý nghĩ sai lầm và tự áp đặt; giải thoát không phải là nội dung của một kinh nghiệm riêng biệt nào đó, dù huy hoàng đến đâu.

H: Giải thoát có tồn tại mãi?

M: Tất cả kinh nghiệm đều bị rang buộc bởi thời gian. Bất cứ gì có một khởi đầu đều phải có một kết thúc.

H: Như vậy giải thoát, theo ý nghĩa từ ngữ của tôi, không tồn tại?

M: Trái lại, một người luôn luôn tự do. Ông vừa ý thức vừa tự do ý thức. Không ai có thể tước đoạt của ông. Có bao giờ ông biết chính ông không tồn tại, hoặc vô thức?

H: Tôi không thể nhớ, những điều đó không bác bỏ thực tế là có những lúc tôi vô thức.

M: Tại sao ông không từ bỏ kinh nghiệm để quay sang người kinh nghiệm, và nhận ra tất cả ý nghĩa của chân ngôn duy nhất: "Ta hiện hữu"?

H: Làm sao thực hiện được điều đó?

M: Không có "làm sao" ở đây. Chỉ cần giữ trong tâm cảm giác "Ta hiện hữu", nhập vào nó, cho đến khi tâm ông và cảm giác trở nên một. Bằng những cố gắng lập đi lập lại ông sẽ ngẫu nhiên đạt được sự quân bình đúng mức giữa chú ý và cảm xúc, và tâm ông sẽ được dựng lập một cách kiên cố trong cái ý-nghĩ-và-cảm-giác "Ta hiện hữu". Dù ông nghĩ gì, nói gì hay làm gì thì ý thức về sự hiện hữu bất di bất dịch và thân thiết này luôn luôn hiện diện như hậu cảnh của tâm.

H: Và ông gọi đó là giải thoát?

M: Ta gọi đó là bình thường. Có gì không đúng khi hiện hữu, biết và hành động một cách vui sướng mà chẳng cần phải cố gắng? Tại sao lại cho đó là điều bất thường để muốn hủy diệt thân xác ngay lập tức. Có gì không phải với cái thân xác mà cuối cùng nó sẽ chết đi? Hãy sửa lại thái độ của ông đối với thân xác của ông, và cứ để kệ nó. Đừng nuông chiều và cũng đừng hành hạ thân xác. Cứ để nó hành hoạt trong hầu hết mọi lúc dưới ngưỡng của sự chú ý hữu thức.

H: Ký ức của những kinh nghiệm tuyệt vời cứ ám ảnh tôi. Tôi muốn chúng trở lại.

M: Vì muốn chúng trở lại nên ông không thể có chúng. Trạng thái khao khát sẽ ngăn chặn những kinh nghiệm sâu sắc hơn. Không gì có giá trị lại xảy ra với một cái tâm biết chính xác cái nó mong cầu. Vì không gì mà tâm có thể hình dung được và mong cầu lại có giá trị.

H: Thế thì có gì đáng mong cầu?

M: Mong cầu cái Tối thượng. Hạnh phúc tối thượng, tự do vô biên. Vô tham ái là cực lạc.

H: Tự do vô tham ái không phải thứ tự do mà tôi muốn. Tôi muốn tự do thỏa mãn mọi mong cầu của tôi.

M: Ông hoàn toàn tự do thỏa mãn mọi mong cầu của ông. Thật ra, ông chẳng làm gì khác.

H: Tôi thử rồi, nhưng có những chướng ngại làm cho tôi nản lòng.

M: Khắc phục chúng.

H: Không được, tôi quá nhu nhược.

M: Cái gì làm cho ông nhu nhược? Cái gì là sự yếu đuối? Nhiều người thực hiện được những mong muốn của họ, tại sao ông lại không?

H: Chắc là tôi thiếu năng lực.

M: Chuyện gì xảy ra với năng lực của ông? Nó tiêu tán đi đâu? Thế không phải ông đã phung phí nó cho quá nhiều ham muốn và theo đuổi đầy mâu thuẫn. Ông không thể có một nguồn năng lượng vô tận.

H: Tại sao lại không?

M: Mục đích của ông thì nhỏ bé và thấp kém. Chúng không đòi hỏi nhiều. Chỉ có năng lực của Thượng đế là vô tận vì Thượng đế không ham muốn gì cho chính Ngài. Hãy giống như Ngài rồi tất cả những mong muốn của ông sẽ được thực hiện. Mục đích của ông càng cao, mong muốn của ông càng lớn thì ông càng có nhiều năng lực để thực hiện chúng. Mong muốn những điều tốt lành cho mọi người thì vũ trụ sẽ hành động với ông. Nhưng nếu chỉ mong cầu lạc thú riêng tư thì ông phải kiếm nó một cách nhọc nhằn. Trước khi mong muốn, hãy tỏ ra xứng đáng.

H: Tôi đang học triết học, xã hội học và giáo dục. Tôi nghĩ rằng cần phải phát triển thêm tâm thức trước khi mơ tưởng đến sự giác ngộ chính mình. Tôi có đi đúng đường không?

M: Để kiếm sống thì cần phải có một kiến thức chuyên biệt nào đó. Hiển nhiên kiến thức tổng quát phát triển tâm thức. Nhưng nếu suốt đời gom góp kiến thức thì ông chỉ dựng lên một bức tường quanh ông. Để vượt ra khỏi tâm, không cần phải có một cái tâm được trang bị tốt.

H: Vậy cái gì là cần thiết?

M: Đừng tin vào tâm, và ra khỏi tâm.

H: Tôi sẽ tìm thấy gì bên ngoài tâm?

M: Kinh nghiệm trực tiếp về hiện hữu, biết và tình yêu.

H: Làm sao một người vượt ra khỏi tâm?

M: Có nhiều điểm khởi đầu – chúng đều dẫn đến cùng một đích. Ông có thể bắt đầu với những việc làm vô vị kỷ, không màng đến kết quả của hành động; rồi ông có thể buông bỏ mọi ý nghĩ và kết thúc bằng buông bỏ mọi tham ái. Ở đây, buông bỏ là yếu tố chủ động. Hoặc ông chẳng cần bận tâm đến bất cứ gì ông mong cầu, suy nghĩ, hay hành động, mà chỉ an trú trong ý-nghĩ-và-cảm-giác "Ta hiện hữu", tâm kiên trì chú ý cái "Ta hiện hữu". Đủ mọi loại kinh nghiệm sẽ xảy đến với ông, nhưng hãy tuyệt nhiên bất động trong sự hiểu biết rằng tất cả những gì có thể nhận thức được đều biến dịch, chỉ cái "Ta hiện hữu" mới bất biến.

H: Tôi không thể dành trọn đời cho những tu tập như thế. Tôi còn có những nhiệm vụ khác phải làm.

M: Bằng mọi cách cứ làm các nhiệm vụ của ông. Hành động – mà ông không can dự vì cảm xúc, đem lại lợi lạc và không gây đau khổ - sẽ không trói buộc được ông. Ông có thể tham dự vào những phương hướng khác nhau, hành động vô cùng hăng say, nhưng bên trong vẫn tự do và tĩnh lặng, với một cái tâm trong như mặt gương, phản chiếu tất cả mà không hề bị tác động.

H: Liệu một trạng thái như thế có thể thực hiện được không?

M: Nếu không được thì Ta đã không nói. Việc gì Ta lại can dự vào những điều hoang tưởng?

H: Mọi người đều viện dẫn kinh điển.

M: Những người chỉ biết kinh điển thì chẳng biết gì. Biết là *hiện hữu*. Ta biết Ta đang nói gì, cái Ta nói không qua đọc sách hay nghe nói mà biết.

H: Tôi đang học Phạn ngữ dưới sự chỉ dẫn của một giáo sư, nhưng thật ra tôi chỉ đọc kinh sách. Tôi đi tìm sự giác ngộ chính mình, và đến đây để mong được chỉ giáo. Làm ơn cho tôi biết tôi phải làm gì?

M: Ông đã từng đọc kinh sách, vậy hỏi Ta làm gì?

H: Kinh sách chỉ cho biết những đường hướng tổng quát, một người cần những chỉ giáo riêng.

M: Cái Ta của ông là đạo sư tối hậu của ông – *Sadguru*. Đạo sư bên ngoài – *Guru* – chỉ là phương tiện chỉ đường. Chỉ có đạo sư bên trong của ông mới đi cùng với ông đến đích, vì ông ta là đích đến.

H: Tìm đến với đạo sư bên trong không phải là chuyện dễ dàng.

M: Vì Đạo sư ở trong ông và ở cùng với ông, nên sự khó khăn không phải là nghiêm trọng. Hãy nhìn vào bên trong và ông sẽ tìm thấy vị Đạo sư.

H: Khi nhìn vào trong tôi chỉ thấy các cảm giác và nhận thức, ý nghĩ và cảm thọ, tham ái và lo sợ, ký ức và chờ mong. Tôi bị chìm đắm trong đám mây đó và chẳng thấy gì khác.

M: Cái thấy được những cái ông nói, và thấy được cả cái không – chính là vị đạo sư bên trong của ông. Chỉ có vị đạo sư *hiện hữu*, tất cả những cái khác chỉ có vẻ như hiện hữu. Đạo sư là cái Ta của chính ông – Swarupa – là niềm hy vọng và cũng là sự bảo đảm đem lại tự do của chính ông. Hãy tìm ra vị Đạo sư và bám chặt lấy ông ta, ông sẽ được cứu độ và an toàn.

H: Tôi hoàn toàn tin ông, nhưng khi thực sự đi tìm cái Ta bên trong, tôi thấy nó lẩn trốn tôi.

M: Cái ý nghĩ "nó lẩn trốn tôi" sinh khởi từ đâu?

H: Trong tâm.

M: Ai là kẻ biết tâm?

H: Nhân chứng của tâm biết tâm.

M: Có kẻ nào đến bảo ông rằng: "Ta là nhân chứng của tâm ông" không?

H: Dĩ nhiên là không. Nếu có thì kẻ đó chỉ là một ý nghĩ khác trong tâm.

M: Vậy ai là nhân chứng?

H: Tôi.

M: Như thế, ông biết nhân chứng vì chính ông là nhân chứng. Ông chẳng cần nhìn thấy nhân chứng trước mặt ông. Một lần nữa, nên nhớ rằng: *hiện hữu* là biết.

H: Vâng, tôi thấy rằng tôi là nhân chứng, là tự thân tánh biết. Nhưng điều đó có lợi lạc gì cho tôi?

M: Thật là một câu hỏi ngớ ngẩn! Ông chờ mong lợi lạc gì? Biết được cái ông là chưa đủ lợi lạc hay sao?

H: Những công năng của sự biết chính mình là gì?

M: Nó giúp ông hiểu được cái mà ông không là, và đoạn trừ mọi tà kiến, tham ái và hành động sai lầm của ông.

H: Nếu tôi chỉ là nhân chứng thì đúng và sai có gì quan trong?

M: Cái gì giúp cho ông biết chính ông là cái đúng. Cái gì ngăn trở là sai. Biết được cái Ta thật của chính mình là hỷ lạc, quên mất nó là đau khổ.

H: Có phải ý thức nhân chứng là cái Ta thật?

M: Nó là ảnh phản chiếu của cái thật trong tâm – Buddhi. Cái thật ở ngoài. Nhân chứng là cánh cửa mà qua đó ông đi ra ngoài.

H: Mục đích của thiền là gì?

M: Thấy cái giả là giả, đó là thiền. Điều này phải xảy ra trong mọi lúc.

H: Chúng tôi được chỉ dạy phải thường xuyên hành thiền.

M: Chủ định hằng ngày thực tập phân biệt giữa cái thật và cái giả, là hành thiền. Khởi sự thì có nhiều loại thiền, nhưng cuối cùng tất cả sẽ hội nhập làm một.

H: Vui lòng cho tôi biết con đường nào ngắn nhất đưa đến sự giác ngộ chính mình?

M: Chẳng có con đường nào dài và cũng chẳng có con đường nào ngắn, chỉ có người nhiều nhiệt tâm hay ít nhiệt tâm. Để Ta cho ông biết về trường hợp của Ta. Ta chỉ là một người chân phương, và tuyệt đối tin tưởng Tôn sư. Điều Tôn sư bảo Ta làm, Ta đã làm theo. Tôn sư bảo Ta tập trung vào cái "Ta hiện hữu", Ta đã làm như thế. Tôn sư bảo Ta ở ngoài tất cả những gì có thể nhận thức được và nghĩ tưởng được, Ta tin theo. Ta trao trọn cho Tôn sư trái tim và tâm hồn, tất cả sự chú ý và thời gian rãnh rỗi (Ta còn phải làm việc để nuôi sống gia đình). Kết quả của tín tâm và sự thành khẩn thực hành, trong vòng ba năm Ta đã giác ngộ cái Ta – swarupa – của Ta.

Ông có thể chọn bất cứ cách nào thích hợp với ông; lòng thành khẩn sẽ quyết định tiến độ của ông.

H: Không có một gợi ý riêng nào cho tôi?

M: Kiên cố an định chính ông trong cái biết "Ta hiện hữu". Đây là sự khởi đầu và cũng là sự kết thúc của tất cả mọi tinh tấn.

***

17. Hiện tại thường hằng

Hỏi: Những năng lực cao nhất của tâm là hiểu, trí tuệ và sự sáng suốt. Con người có ba thân – thân vật lý, thân tâm lý và thân nhân quả - Prana, Mana, Karana. Thân vật lý phản ảnh sự hiện hữu của con người; thân tâm lý phản ảnh sự hiểu biết, và thân nhân quả phản ánh tính sáng tạo vui tươi. Dĩ nhiên tất cả đều là những hình tướng trong ý thức. Nhưng chúng có vẻ tách rời nhau, với những tính chất riêng. Trí tuệ - *Buddhi* – là sự phản chiếu của khả năng biết – *Chit* – lên tâm. Nó chính là cái làm cho tâm hiểu biết. Trí tuệ càng sáng suốt thì sự hiểu biết càng rộng, càng sâu, và càng đúng thật Biết vạn vật, biết con người và biết chính mình đều là các chức năng của trí tuệ - biết chính mình là quan trọng nhất và bao gồm hai cái kia. Hiểu sai chính mình và hiểu sai thế giới sẽ đưa đến tà kiến và tham ái – là những thứ đưa đến ràng buộc. Hiểu biết đúng đắn về chính mình là cần thiết để thoát khỏi ràng buộc của những cái hư giả. Về lý thuyết, tôi hiểu tất cả những điều đó, nhưng khi thực hành tôi thấy mình thất bại một cách vô vọng trong các ứng xử với tình huống và con người, rồi tôi cộng thêm những phản ứng không đúng đó vào sự ràng buộc. Cuộc sống thì quá nhanh chóng đối với cái tâm u mê và trì trệ của tôi. Tôi hiểu nhưng quá trễ, khi những lỗi lầm cũ cứ tiếp tục lập lại.

Maharaj: Vậy cái gì là nan đề của ông?

H: Tôi cần một phản ứng với cuộc sống, không những thông minh mà còn nhanh nhạy. Một phản ứng không thể nhanh nhạy nếu nó không hoàn toàn tùy nghi.Làm sao tôi có thể đạt đến một sự tùy nghi như thế?

M: Tấm gương không thể làm gì để thu hút mặt trời. Chỉ có cách duy nhất là giữ nó trong sáng. Ngay khi tâm sẵn sàng thì mặt trời sẽ chiếu sáng trong nó.

H: Ánh sáng thuộc về cái Ta, hay thuộc về tâm?

M: Cả hai. Nó không do nhân duyên sinh ra và tự thân không thay đổi, nhưng khi được tâm tô mầu thì nó có vẻ như chuyển động và thay đổi. Nó rất giống với một phim xinê. Ánh sáng không ở trong phim, nhưng phim tô mầu ánh sáng và làm cho ánh sáng có vẻ như chuyển động bằng những ngăn che liên tiếp.

H: Hiện ông đang trong trạng thái toàn hảo?

M: Toàn hảo là một trạng thái của tâm khi tâm thanh tịnh. Ta ở ngoài tâm, dù tâm ở trong bất cứ trạng thái nào, tịnh hay bất tịnh. Biết là bản tánh của Ta; Ta siêu vượt hiện hữu và phi hiện hữu.

H: Liệu thiền có giúp tôi đạt đến trạng thái của ông?

M: Thiền sẽ giúp ông nhận ra những gì ràng buộc ông, tháo gỡ và vất bỏ chúng. Khi không còn bị ràng buộc với bất cứ gì, ông đã làm xong phần việc của ông. Phần còn lại sẽ được hoàn tất cho ông?

H: Bởi ai?

M: Bởi cùng cái năng lực đã thúc đẩy ông cho đến nay, cái năng lực thôi thúc trái tim ông khao khát chân lý, và tâm ông đi tìm chân lý. Nó cũng là cái năng lực duy trì sự sống của ông. Ông có thể gọi nó là sự sống hay cái Tối thượng.

H: Và cũng năng lực đó sau này sẽ giết tôi vào đúng lúc.

M: Có thật ông đã vắng mặt vào lúc ông được sinh ra? Liệu có thật là ông sẽ vắng mặt vào lúc ông chết đi? Tìm ra kẻ luôn luôn có mặt, rồi vấn đề phản ứng tùy nghi và toàn hảo của ông sẽ được giải quyết.

H: Nhận ra cái vĩnh cửu, và, một phản ứng thích nghi dễ dàng đối với một sự kiện nhất thời và luôn luôn thay đổi, là hai vấn đề riêng biệt và khác biệt nhau. Ông có vẻ như cuốn chúng lại làm một. Điều gì khiến ông làm như thế?

M: Nhận ra cái Vĩnh cửu là trở thành cái Vĩnh cửu, tức cái toàn thể, hay vũ trụ, cùng với tất cả những gì được dung chứa trong đó. Mỗi một sự kiện là kết quả và cũng là sự thể hiện của cái toàn thể, và cùng ở trong sự hài hòa căn bản với cái toàn thể. Tất cả phản ứng từ cái toàn thể nhất định là đúng, dễ dàng và ngay lập tức.

Nếu đúng thì nó không thể là cái gì khác. Một phản ứng bị trì hoãn là một phản ứng sai. Ý nghĩ, cảm thọ và hành động phải là một và đồng thời với tình huống đòi hỏi.

H: Nó đến bằng cách nào?

M: Ta đã bảo ông rồi. Tìm ra kẻ có mặt lúc ông sinh ra và chứng kiến lúc ông chết đi.

H: Cha và mẹ của tôi?

M: Phải, cái cha mẹ của ông, nguồn gốc mà từ đó ông sinh ra. Để giải quyết một vấn đề ông phải truy nó đến tận nguyên ủy. Chỉ bằng cách hòa tan một vấn đề trong dung môi vũ trụ của sự tìm hiểu vô tư, thì một giải pháp đúng cho nó mới được tìm ra.

***

18. Muốn biết cái ông là, hãy tìm ra cái không phải là ông

Hỏi: Theo như ông mô tả vũ trụ gồm có vật, tâm và tinh thần. Ngoài ra còn có nhiều mô thức khác được cho là phù hợp với vũ trụ, khiến một người cảm thấy bối rối không biết mô thức nào đúng và mô thức nào sai. Cuối cùng người đó hoài nghi rằng tất cả các mô thức chỉ là ngôn từ, và chẳng có mô thức nào

chứa đựng thực tại. Theo ông, thực tại bao gồm ba phạm trù rộng lớn: Phạm trù vật chất năng lượng – *Mahadakash*, phạm trù ý thức – *Chidakash*, và phạm trù thuần túy tinh thần – *Paramakash*. Phạm trù thứ nhất là một cái gì đó có cả sự chuyển động và quán tính. Chúng ta nhận thức. Chúng ta cũng biết rằng chúng ta nhận thức. Chúng ta ý thức và cũng biết rằng chúng ta ý thức. Như thế, chúng ta có hai: vật chất – năng lượng, và, ý thức. Vật chất có vẻ như ở trong không gian, còn năng lượng luôn luôn trong thời gian, liên quan đến thay đổi và được đo lường bằng nhịp độ thay đổi. Ý thức, một cách nào đó, có vẻ như ở đây và bây giờ, trong một điểm duy nhất của không gian và thời gian. Nhưng hình như ông cho rằng cả ý thức cũng mang tính vũ trụ - điều này có nghĩa ý thức là phi thời, phi xứ và phi nhân cách. Một cách nào đó tôi có thể hiểu rằng không có mâu thuẫn nào giữa cái phi thời phi xứ, với cái ở đây và bây giờ, nhưng tôi không thể hiểu được ý thức phi nhân cách. Theo tôi ý thức luôn luôn được tập trung, hướng tâm, cá nhân hóa, và là một con người. Ông có vẻ cho rằng có thể có nhận thức mà không có người nhận thức, biết mà không có người biết, yêu mà không có người yêu, hành động mà không có người hành động. Tôi thấy bộ ba – biết, người biết, và cái bị biết – có thể thấy được trong bất cứ động thái nào của sự sống. Ý thức hàm ý: một sự hiện hữu có ý thức, một đối tượng của ý thức và thực tế của sự ý thức. Cái có ý thức tôi gọi là con người. Con người sống trong thế giới, là một phần của thế giới, con người tác động vào thế giới và bị thế giới tác động.

Maharaj: Thế tại sao ông không tìm hiểu xem thế giới và con người thật đến thế nào?

H: Ồ, không! Tôi chẳng cần tìm hiểu. Nếu con người cũng thật như cái thế giới mà trong đó hắn tồn tại, đối với tôi thế là đủ.

M: Vậy câu hỏi là gì?

H: Con người là thật, vũ trụ là khái niệm, hay vũ trụ là thật và con người là tưởng tượng?

M: Cả hai đều không thật.

H: Chắc chắn là tôi phải đủ thật để đáng được ông trả lời, và tôi là một con người.

M: Nhưng trong khi ngủ thì không.

H: Chìm xuống không phải là vắng mặt. Mặc dù ngủ, tôi vẫn hiện hữu.

M: Là một con người thì ông phải ý thức về chính ông. Ông ý thức về chính ông trong mọi lúc?

H: Dĩ nhiên là không trong khi ngủ, hoặc khi bất tỉnh hay bị gây mê.

M: Trong suốt thời gian thức, ông luôn luôn ý thức về chính ông?

H: Không, có những lúc tôi đãng trí, hoặc bị thu hút bởi một cái gì đó.

M: Trong những lúc ý thức về chính mình bị gián đoạn, ông vẫn là một con người?

H: Dĩ nhiên tôi luôn luôn là cùng một con người. Tôi nhớ chính tôi như tôi đã là vào hôm qua, vào năm ngoái – hiển nhiên, tôi là cùng một con người.

M: Như thế, là một con người, ông cần phải có ký ức?

H: Dĩ nhiên.

M: Nếu không có ký ức, ông là gì?

H: Một ký ức không hoàn chỉnh đưa đến một tính cách cá nhân không hoàn chỉnh. Không có ký ức tôi không thể tồn tại như một con người.

M: Chắc chắn ông vẫn tồn tại mà không có ký ức. Ông vẫn tồn tại – trong khi ngủ.

H: Chỉ theo nghĩa còn sống. Chứ không phải là một con người.

M: Như ông thừa nhận ông là một con người và sự tồn tại của ông lúc có lúc không; ông có thể cho biết ông là gì trong những lúc gian cách xen vào giữa các kinh nghiệm về chính ông như một con người?

H: Tôi hiện hữu, nhưng không phải là một con người. Vì không ý thức về chính mình trong những lúc gian cách, tôi chỉ có thể nói rằng tôi tồn tại, nhưng không phải là một con người.

M: Chúng ta có thể gọi đó là sự tồn tại phi nhân cách?

H: Tôi muốn gọi đó là sự tồn tại vô thức; tôi hiện hữu, nhưng tôi không biết tôi hiện hữu.

M: Ông vừa mới nói: "Tôi hiện hữu, nhưng tôi không biết tôi hiện hữu." Ông có thể nói như thế về sự hiện hữu của ông trong một trạng thái vô thức?

H: Không, tôi không thể.

M: Ông chỉ có thể mô tả nó trong thời quá khứ: "Tôi đã không biết, tôi đã không ý thức" theo nghĩa không nhớ mà thôi.

H: Đã không ý thức thì làm sao tôi nhớ và nhớ cái gì?

M: Ông đã thực sự không ý thức hay ông không nhớ?

H: Làm sao tôi phân biệt được?

M: Ông thử suy nghĩ xem. Ông có thể nhớ từng giây phút một của ngày hôm qua không?

H: Dĩ nhiên là không.

M: Lúc đó ông đã không có ý thức?

H: Dĩ nhiên là không phải không có ý thức.

M: Vậy là ông có ý thức nhưng ông không nhớ?

H: Đúng.

M: Có thể ông có ý thức trong khi ngủ nhưng ông không nhớ.

H: Không, tôi đã không ý thức. Tôi đã ngủ. Tôi đã không hành xử như một con người có ý thức.

M: Một lần nữa, làm sao ông biết?

H: Những người thấy tôi ngủ bảo tôi như thế.

M: Tất cả những gì họ có thể xác nhận là họ thấy ông nằm im, hai mắt nhắm và thở đều đặn. Họ không thể biết được lúc đó ông có ý thức hay không. Bằng chứng duy nhất mà ông có là ký ức của ông. Nhưng ký ức lại là một bằng chứng không chắc chắn!

H: Vâng, tôi thừa nhận rằng theo cách diễn giải của tôi thì tôi là một con người trong thời gian thức. Tôi là cái gì ở giữa những lúc đó thì tôi không biết.

M: Ít ra ông biết là ông không biết! Vì ông cho rằng ông không có ý thức trong những khoảng gian cách giữa những thời gian thức, chúng ta sẽ không đả động đến những khoảng gian cách. Chỉ bàn về thời gian thức của ông.

H: Tôi là cùng một con người trong các giấc chiêm bao của tôi

M: Đồng ý. Hãy bàn đến cả hai – thức và chiêm bao. Khác biệt chỉ là sự liên tục. Nếu những giấc chiêm bao của ông tiếp tục một cách nhất quán, đêm này sang đêm khác, với cùng những cảnh quan và cùng những nhân vật thì ông hoàn toàn không phân biệt được lúc nào là thức và lúc nào là chiêm bao. Do đó, khi nói về trạng thái thức, chúng ta bao gồm cả trạng thái chiêm bao.

H: Đồng ý. Tôi là một con người trong quan hệ hữu thức với một thế giới.

M: Thế giới và sự quan hệ hữu thức với nó có cần thiết cho sự kiện ông là một con người hay không?

H: Dù bị nhốt kí trong một cái hang, tôi vẫn còn là một con người

M: Điều đó hàm ý một thân xác và một cái hang. Và một thế giới mà trong đó cái hang và ông tồn tại.

H: Vâng, tôi thấy được điều đó. Thế giới và ý thức về thế giới là cần thiết đối với sự tồn tại của tôi như một con người.

M: Điều này khiến cho con người là một phần không thể tách rời được của thế giới, hay ngược lại. Hai là một.

H: Ý thức đứng riêng một mình. Con người và thế giới xuất hiện trong ý thức.

M: Ông nói: xuất hiện. Ông có thể thêm: biến mất?

H: Không, tôi không thể. Tôi chỉ có thể biết sự xuất hiện của tôi và sự xuất hiện của thế giới. Là một con người, tôi không thể nói: "Không có thế giới." Nếu không có thế giới thì không thể có tôi để nói như thế. Vì có thế giới, nên mới có tôi để nói: "Có thế giới."

M: Xoay ngược lại lập luận thì đúng hơn. Vì có ông nên mới có thế giới.

H: Lập luận như vậy, đối với tôi là không có nghĩa.

M: Sự vô nghĩa sẽ biến mất khi tìm hiểu.

H: Chúng ta bắt đầu ở đâu?

M: Theo Ta biết, bất cứ cái gì tùy thuộc đều không thật. Cái thật thì hoàn toàn không tùy thuộc. Vì sự tồn tại của con người tùy thuộc vào sự tồn tại của thế giới, vì bị hạn chế trong thế giới và được xác định bởi thế giới, nên con người không thể nào là thật.

H: Nhưng chắc chắn con người không phải là mộng huyễn.

M: Ngay cả giấc mộng cũng có sự tồn tại của nó, khi nó được nhận thức và thưởng thức, hoặc được kéo dài. Bất cứ gì ông tư duy hay cảm thọ đều có sự hiện hữu. Nhưng nó có thể không phải là cái mà ông cho nó là. Cái gì mà ông nghĩ là một con người có thể là một cái gì đó hoàn toàn khác hẳn.

H: Tôi là cái mà tôi biết chính tôi là.

M: Ông không thể nói rằng ông là cái mà ông nghĩ chính ông là! Những ý nghĩ của chính ông về chính ông thay đổi từ ngày này sang ngày khác, và từ lúc này sang lúc khác. Hình ảnh về cái Ta của ông thay đổi nhiều nhất

trong những gì mà ông có. Nó rất dễ bị tác động, và bị chi phối bởi bất cứ hiện tượng nào đi qua. Chỉ cần một nỗi bất hạnh, một sự mất việc, một sự sỉ nhục thì hình ảnh mà ông có về chính ông, tức là cái mà ông gọi là con người của ông thay đổi một cách sâu sắc. Để biết được cái mà ông là thì trước tiên ông phải tìm hiểu và biết được cái không phải là ông. Mà muốn biết cái không phải là ông thì ông phải quan sát chính ông tường tận, ông phải loại bỏ tất cả những gì không cần thiết đi chung với thực tế căn bản: "Ta hiện hữu". Tất cả những ý nghĩ: Ta đã được cha mẹ sinh ra tại một nơi nào đó, và bây giờ Ta là thế này, sống ở, lập gia đình với, là cha của, là nhân viên của, và vân vân, đều không có sẵn trong ý thức "Ta hiện hữu". Thái độ thông thường của chúng ta là "Ta là thế này". Hãy tách cái "Ta là" một cách cương quyết và kiên trì ra khỏi những cái "thế này" hay "thế nọ", và tìm cách cảm thấy *hiện hữu* nghĩa là gì, chỉ *hiện hữu*, mà không là "thế này" hay "thế nọ". Tất cả các thoi quen sẽ cưỡng lại trạng thái này. Cưỡng lại những thói quen đó nhiều khi là một công việc lâu dài và khó khăn, nhưng một sự hiểu biết thông suốt sẽ giúp ông rất nhiều. Nếu càng hiểu rõ rằng trên bình diện của tâm, ông chỉ có thể được mô tả bằng những ngôn từ phủ định thì ông càng nhanh chóng đến đích của sự tìm kiếm, và nhận ra sự hiện hữu vô biên của ông.

***

19. Thực tại nằm trong Tính khách quan

Hỏi: Tôi là một họa sĩ và tôi kiếm sống bằng nghề vẽ tranh. Từ cái nhìn tâm linh vẽ tranh có một giá trị nào không?

Maharaj: Khi vẽ, bà nghĩ về cái gì?

H: Khi vẽ, chỉ có bức tranh và chính tôi.

M: Bà làm gì ở đó?

H: Tôi vẽ.

M: Không, bà không vẽ. Bà thấy bức tranh đang diễn ra. Bà chỉ quan sát, tất cả những cái khác đều diễn ra.

H: Bức tranh tự vẽ chính nó? Hay là, một cái "tôi" sâu kín, hoặc một thần linh nào đó vẽ?

M: Tự thân ý thức là người họa sĩ vĩ đại nhất. Toàn thể thế giới là một bức tranh.

H: Ai đã vẽ ra bức tranh thế giới?

M: Người họa sĩ ở ngay trong bức tranh.

H: Bức tranh ở trong tâm của người họa sĩ, và người họa sĩ ở trong bức tranh, mà bức tranh đó lại ở trong tâm của người họa sĩ, mà người họa sĩ đó lại ở trong bức tranh! Không phải sự vô tận này của các trạng thái và cảnh giới là vô lý? Ngay lúc chúng ta nói về bức tranh trong tâm, thì tâm chính nó lại ở trong bức tranh; chúng ta gặp một chuỗi vô tận các nhân chứng, nhân chứng cao hơn chứng kiến nhân chứng thấp hơn. Cũng giống như đứng ở giữa hai tấm gương rồi thắc mắc về một đám đông!

M: Rất đúng! Một mình bà và tấm gương đôi. Giữa hai tấm gương, bà có vô số hình tướng và danh xưng.

H: Ông nhìn thế giới như thế nào?

M: Ta thấy một người họa sĩ đang vẽ một bức tranh. Ta gọi bức tranh là thế giới, người họa sĩ là Thượng đế. Ta không phải bức tranh và cũng chẳng phải là Thượng đế. Ta không sáng tạo, và cũng không được tạo ra. Ta dung chứa tất cả, không có gì dung chứa Ta.

H: Khi tôi nhìn một cái cây, một khuôn mặt, một buổi hoàng hôn thì bức tranh thật hoàn hảo. Khi nhắm mắt lại, hình ảnh trong tâm tôi mờ nhạt và không rõ nét. Nếu chính tâm tôi phóng chiếu ra hình ảnh, tại sao tôi cần phải mở mắt để thấy một đóa hoa duyên dáng, nhưng khi nhắm mắt lại tôi chỉ thấy nó một cách mơ hồ

M: Đó là vì mắt bên ngoài của bà tốt hơn mắt bên trong. Tâm bà hoàn toàn hướng ra bên ngoài. Khi bà học được cách nhìn thế giới tâm của bà, bà sẽ thấy nó còn nhiều màu sắc hơn và hoàn hảo hơn bất cứ gì mà thân xác có thể đem lại. Dĩ nhiên là bà cần một sự luyện tập nào đó. Nhưng việc gì phải lý sự? Bà tưởng tượng rằng bức tranh phải được tạo ra bởi người họa sĩ, tức là người thực sự vẽ ra nó. Bà luôn luôn truy tìm nguồn gốc và nguyên nhân. Tương quan nhân quả chỉ ở trong tâm; ký ức tạo ra ảo tưởng về sự liên tục và sự lập đi lập lại gây nên ý tưởng về tương quan nhân quả. Khi mọi vật cùng xảy ra một cách lập đi lập lại, chúng ta có khuynh hướng thấy một liên hệ nhân quả giữa chúng. Điều này tạo ra một thói quen tâm lý, nhưng một thói quen thì không phải là một sự cần thiết.

H: Ông vừa mới nói thế giới được Thượng đế tạo ra.

M: Nên nhớ rằng ngôn ngữ chỉ là một công cụ của tâm, được tạo ra bởi tâm, và cho tâm. Một khi bà thừa nhận một nguyên nhân, thì Thượng đế là nguyên nhân tối hậu và thế giới là kết quả. Hai cái khác nhau, nhưng không tách rời nhau.

H: Người ta nói chuyện thấy Thượng đế.

M: Khi bà thấy thế giới tức là bà thấy Thượng đế. Không hề có chuyện thấy Thượng đế ngoài thế giới. Ngoài thế giới mà thấy Thượng đế thì chính là Thượng đế. Ánh sáng nhờ đó bà thấy thế giới, tức Thượng đế, là đốm sáng nhỏ: "Ta hiện hữu" rõ ràng là rất nhỏ, nhưng nó khởi đầu và chấm dứt trong từng hành vi biết và yêu thương.

H: Tôi phải thấy thế giới mới thấy được Thượng đế?

M: Còn cách nào khác? Không có thế giới, không có Thượng đế.

H: Vậy cái gì còn lại?

M: Bà còn lại như sự hiện hữu thuần túy.

H: Vậy lúc đó thế giới, và Thượng đế sẽ như thế nào?

M: Hiện hữu thuần túy – *Avyakta*.

H: Nó cũng đồng với phạm trù Vĩ Đại – *Paramakash*?

M: Bà có thể gọi nó như thế. Ngôn từ không quan trọng, vì ngôn từ không thể đạt đến nó. Ngôn từ phải xoay trở lại trong sự phủ định hoàn toàn.

H: Làm sao tôi có thể thấy thế giới là Thượng đế? Thấy thế giới là thấy Thượng đế - nghĩa là thế nào?

M: Cũng giống như vào một căn phòng tối. Bà không thấy gì cả - bà có thể sờ mó, nhưng không thấy – không có màu sắc, không có hình dáng. Bất chợt cửa sổ mở và căn phòng tràn ngập ánh sáng. Màu sắc và hình thể xuất hiện. Cửa sổ đem lại ánh sáng nhưng không phải là nguồn sáng. Mặt trời mới là nguồn sáng. Tương tự như thế, vật là căn phòng tối, ý thức là cửa sổ, làm cho vật tràn ngập cảm giác và nhận thức là mặt trời – cũng là cái Tối thượng, nguồn gốc của cả vật lẫn ánh sáng. Cửa sổ có thể đóng hay mở, nhưng mặt trời luôn luôn chiếu sáng. Cửa sổ làm cho căn phòng hoàn toàn khác hẳn, mà không hề làm cho mặt trời khác đi. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ là thứ yếu đối với một cái vô cùng nhỏ bé, tức cái "Ta hiện hữu". Không có cái "Ta hiện hữu" thì không có gì cả. Tất cả mọi hiểu biết là hiểu biết về cái "Ta hiện hữu". Mọi ý tưởng sai lầm về cái "Ta hiện hữu" này đưa đến ràng buộc; chỉ hiểu biết đúng mới đưa đến tự do và an lạc.

H: "Ta hiện hữu" và "Cái đó hiện hữu" có giống nhau không?

M: "Ta hiện hữu" hàm ý bên trong, "Cái đó hiện hữu" hàm ý bên ngoài. Cả hai đều dựa trên ý thức hiện hữu.

H: Ý thức hiện hữu có giống với kinh nghiệm về sự tồn tại?

M: Tồn tại có nghĩa là là một cái gì đó, một vật, một cảm xúc, một ý nghĩ, một ý tưởng. Tất cả tồn tại đều có tính riêng biệt. Chỉ có hiện hữu là

có tính vũ trụ, theo nghĩa mỗi hiện hữu đều tương hợp với mọi hiện hữu khác. Khi có nhiều sự tồn tại thì gây ra va chạm, còn hiện hữu thì không bao giờ. Tồn tại có nghĩa là trở thành, thay đổi, sinh, tử, và tái sinh, còn trong hiện hữu chỉ có sự an lạc tĩnh lặng.

H: Nếu tôi là kẻ tạo ra thế giới thì tại sao tôi lại làm cho nó tồi tệ?

M: Mỗi người sống trong thế giới riêng của chính mình. Tất cả thế giới không xấu, hay tốt như nhau.

H: Cái gì quyết định sự khác biệt?

M: Tâm phóng chiếu ra thế giới, tô mầu thế giới theo cách riêng của nó. Khi bà gặp một người đàn ông, ông ta chỉ là một người lạ. Khi bà lấy ông ta, ông ta trở thành cái Ta của chính bà. Khi gây gỗ, ông ta trở thành kẻ thù của bà. Chính thái độ của tâm bà quyết định người đàn ông đó là gì đối với bà

H: Tôi có thể thấy rằng thế giới của tôi là chủ quan. Điều này có thể làm cho nó trở thành hư huyễn?

M: Nó là hư huyễn chừng nào nó còn là chủ quan, và chỉ trong phạm vi đó mà thôi. Thực tại nằm trong tính khách quan.

H: Tính khách quan nghĩa là gì? Lúc nãy ông nói thế giới là chủ quan, bây giờ ông lại nói về tính khách quan. Thế không phải mọi vật là chủ quan?

M: Mọi vật là chủ quan, nhưng cái thật thì khách quan.

H: Theo nghĩa nào?

M: Nó không tùy thuộc vào ký ức và hoài bão, tham ái và lo sợ, thích và không thích. Tất cả đều được thấy như thị.

H: Có phải đó là cái mà ông gọi là trạng thái thứ tư – Turiya?

M: Bà gọi nó là gì tùy ý. Nó kiên cố, bền chắc, bất biến, vô thủy, vô chung, luôn luôn mới, và luôn luôn tươi trẻ.

H: Làm sao đạt đến nó?

M: Vô tham ái và vô úy sẽ đưa bà đến đó.

***

20. Cái Tối thượng siêu vượt tất cả

Hỏi: Ông nói thực tại là một. Tính một, tính duy nhất là biểu trưng của con người. Như vậy thực tại là một con người, với vũ trụ là thân xác của nó ?

Maharaj: Bất cứ gì ông có thể nói ra đều vừa đúng và vừa sai. Ngôn từ không thể vươn đến cái ở ngoài tâm.

H: Tôi chỉ đang cố hiểu những gì ông nói. Ông nói với chúng tôi về Con Người, Cái Ta, và Cái Tối Thượng – Vyakti, VyakTa, AvyakTa. Ánh sáng của Tánh Biết Thuần Túy – Pragna – được hội tụ thành "Ta hiện hữu" trong Cái Ta – Jivatma; thành ý thức – Chetana – soi sáng tâm – Antabkarana; và thành sự sống – Prana – đem lại sinh khí cho thân xác – Deha. Tất cả những cái đó qua ngôn từ thì có vẻ xuôi tai. Nhưng khi phải phân biệt trong chính tôi Con Người với Cái Ta, và Cái Ta với Cái Tối Thượng thì tôi lẫn lộn.

M: Con người không bao giờ là chủ thể. Ông có thể thấy một con người, nhưng ông không phải con người. Ông luôn luôn là Cái Tối Thượng, xuất hiện vào một điểm nào đó trong không gian và thời gian như nhân chứng, như một cây cầu giữa tánh biết thuần túy của Cái Tối Thượng và ý thức đa dạng của con người.

H: Khi quan sát chính mình, tôi thấy tôi là nhiều con người tranh giành lẫn nhau để xử dụng một thân xác.

M: Chúng tương ứng với các khuynh hướng khác nhau – Samskara – của tâm.

H: Liệu tôi có thể hòa giải chúng?

M: Làm sao được? Chúng quá mâu thuẫn với nhau! Cứ thấy chúng như chúng là – những thói quen của ý nghĩ và cảm thọ, một mớ ký ức và những thôi thúc.

H: Nhưng tất cả chúng đều nhận: "Ta là".

M: Điều đó xảy ra là vì ông tự đồng hóa ông với chúng. Một khi nhận ra rằng bất cứ gì xuất hiện trước ông đều không thể là chính ông, và chúng không thể nói "Ta là", thì ông hoàn toàn tự do đối với tất cả những "con người" của ông, và những yêu sách của chúng. Ý thức "Ta là" là của riêng ông. Ông không thể tách rời nó, nhưng ông có thể gán nó cho bất cứ thứ gì, như khi ông bảo: Ta là trẻ trung, ta là giầu có, vân vân. Nhưng những sự đồng hóa cái Ta như thế rõ ràng là sai, và là nguyên nhân của ràng buộc.

H: Bây giờ tôi có thể hiểu được rằng tôi không phải là con người, mà là cái – khi được phản ánh trong con người – cho con người một cảm giác hiện hữu. Thế còn Cái Tối Thượng? Bằng cách nào tôi biết chính tôi là Cái Tối Thượng?

M: Nguồn gốc của ý thức không thể là một đối tượng của ý thức. Muốn biết nguồn gốc thì phải *là* nguồn gốc. Khi nhận ra ông không phải con người mà ông là nhân chứng thuần túy, im lặng, và tánh biết vô úy đó chính

là sự hiện hữu của ông thì lúc đó ông *là* sự hiện hữu. Đó chính là cội nguồn, là khả năng vô tận.

H: Có nhiều nguồn gốc hay chỉ có một cho tất cả?

M: Còn tùy cách ông nhìn nó, từ đầu nào. Trong thế giới có vô số các vật thể, nhưng con mắt thấy chúng thì chỉ có một. Cái cao hơn luôn luôn xuất hiện như là một đối với cái thấp hơn, và cái thấp hơn xuất hiện như là nhiều đối với cái cao hơn.

H: Tất cả hình tướng và danh xưng đều là của một Thượng đế duy nhất?

M: Một lần nữa, còn tùy cách ông nhìn. Trên bình diện ngôn từ mọi vật là tương đối. Cái Tuyệt đối phải được chứng nghiệm, không thể bằng sự luận bàn.

H: Làm thế nào để chứng nghiệm cái Tuyệt Đối ?

M: Nó không phải là một vật thể để được nhận ra và cất giữ trong ký ức. Nó ở ngay trong hiện tại, và đúng hơn là trong sự cảm nhận. Nó liên hệ với "thế nào" hơn là với "cái gì". Nó ở trong phẩm chất, trong giá trị. Là nguồn gốc của mọi vật, nó ở ngay trong mọi vật.

H: Nếu là nguồn gốc, tại sao và làm thế nào nó thị hiện chính nó?

M: Nó khai sinh ra ý thức. Tất cả những cái khác đều ở trong ý thức.

H: Tại sao lại có nhiều trung tâm ý thức?

M: Vũ trụ khách quan – *Mahadakash* – luôn luôn chuyển động, phóng chiếu ra và làm biến mất đi vô số các hình tướng. Bất cứ khi nào một hình tướng được truyền cho sự sống – *Prana*, thì tánh biết phản chiếu vào vật chất làm ý thức – *Chetana* – xuất hiện.

H: Cái Tối Thượng bị tác động như thế nào?

M: Làm sao có cái gì tác động được nó ? Cội nguồn thì không thể bị tác động bởi những thay đổi bất thường của dòng sông, cũng như kim loại không thể bị tác động bởi hình dáng của những món trang sức làm ra từ nó. Ánh sáng có bị phim ảnh trên màn hình tác động? Cái Tối Thượng làm cho mọi vật khả hữu, chỉ có thế.

H: Vậy tại sao một số điều xảy ra và một số điều lại không xảy ra?

M: Truy tìm nguyên nhân chỉ là một thú tiêu khiển của tâm. Không hề có tính nhị nguyên nhân quả. Mỗi vật đều là nguyên nhân của chính nó.

H: Như vậy không thể có một hành động có chủ đích?

M: Ta chỉ có thể nói là ý thức dung chứa tất cả. Trong ý thức tất cả đều khả hữu. Trong thế giới của ông, ông có thể có nhiều nguyên nhân nếu ông

muốn. Người khác có thể thỏa mãn với một nguyên nhân: Ý chí của Thượng đế. Còn nguyên nhân gốc chỉ có một: Ý thức "Ta hiện hữu".

H: Quan hệ giữa cái Ta và cái Tối Thượng là gì?

M: Từ quan điểm của cái Ta: Thế giới là cái biết, cái Tối Thượng là cái Không Biết. Cái Không Biết khai sinh ra cái biết nhưng vẫn là Không Biết. Cái biết là vô tận nhưng cái Không Biết là vô biên của những cái vô tận. Cũng như một tia nắng không thể được nhìn thấy trừ khi nó bị những hạt bụi ngăn che, cái Tuyệt đối làm cho mọi cái được biết, nhưng chính nó vẫn không được biết.

H: Điều đó có nghĩa là cái Không Biết thì không thể tiếp cận được.

M: Ồ, không. Cái Tối Thượng là cái có thể tiếp cận dễ nhất vì nó chính là sự hiện hữu của ông. Chỉ cần chấm dứt mọi suy tư và tham ái, đó là Cái Tối Thượng.

H: Nếu tôi không ham muốn gì, ngay cả ham muốn cái Tối Thượng?

M: Thì hoặc là ông chết, hoặc ông là cái Tối Thượng.

H: Thế giới đầy những ham muốn. Mọi người đều ham muốn một cái gì đó. Ai là kẻ ham muốn? Con người hay cái Ta?

M: Cái Ta. Tất cả mọi ham muốn, thánh thiện hay phàm tục đều từ cái Ta mà ra; tất cả đều treo trên ý thức "Ta hiện hữu".

H: Tôi có thể hiểu được những ham muốn thánh thiện – *Satyakama* – phát sinh từ cái Ta. Đó có thể là sự thể hiện khía cạnh cực lạc *Sadchitananda* (Hiện hữu – Tánh biết – Hạnh phúc) của cái Ta. Nhưng tại sao lại có những ham muốn phàm tục?

M: Tất cả mọi ham muốn đều nhắm đến hạnh phúc. Hình tướng và tính chất của ham muốn phụ thuộc vào *Psyche*[1] (*Antahkarana*). Ở đâu quán tính sức ì chiếm ưu thế thì ở đó chúng ta tìm thấy sự xấu xa. Cùng với năng lượng, sự đam mê khởi sinh. Cùng với sự trong sáng, động lực đằng sau ham muốn là thiện ý, là từ bi, là sự thôi thúc đem lại hạnh phúc hơn là hưởng hạnh phúc. Nhưng Cái Tối Thượng siêu vượt tất cả, và vì tính thấu suốt vô cùng của Cái Tối Thượng nên tất cả mọi ham muốn lành mạnh đều có thể được thỏa mãn.

H: Những ham muốn nào là lành mạnh?

M: Những ham muốn tiêu diệt chủ thể, hay đối tượng của chúng, hoặc không giảm bớt khi đã được toại nguyện đều là những ham muốn tự mâu thuẫn và không thể thỏa mãn. Chỉ có những ham muốn được thôi thúc bởi

lòng yêu thương, thiện ý và từ bi, đem lại lợi lạc cho cả chủ thể lẫn đối tượng thì mới có thể được thỏa mãn hoàn toàn.

H: Tất cả mọi ham muốn đều đau đớn, cả thánh thiện lẫn phàm tục.

M: Chúng không giống nhau nên sự đau đớn cũng không giống nhau. Đam mê thì đầy đau đớn, còn từ bi thì không bao giờ. Toàn thể vũ trụ phấn đấu nhằm thỏa mãn một ham muốn sinh khởi từ tâm từ bi.

H: Cái Tối Thượng có biết chính nó? Cái Vô Nhân Cách có ý thức không?

M: Nguồn gốc của tất cả có tất cả. Bất cứ cái gì từ đó chảy ra đều phải ở sẵn trong đó dưới hình thức chủng tử. Cũng như một hạt giống là cái tối hậu của vô số hạt giống, hàm tàng kinh nghiệm và sự hứa hẹn của vô số khu rừng, thì cái Không Biết dung chứa tất cả những cái đã là, hay có thể đã là, và tất cả những cái sẽ là và có thể sẽ là. Toàn thể phạm trù của sự trở thành luôn luôn rộng mở và có thể tiếp cận được; quá khứ và tương lai cùng tồn tại trong cái *bây giờ* vĩnh cửu.

H: Ông đang sống trong cái Không Biết Tối Thượng?

M: Còn nơi nào khác?

H: Vì sao ông nói thế?

M: Không còn tham ái nào sinh khởi trong tâm Ta.

H: Vậy ông không còn ý thức?

M: Dĩ nhiên là có ! Ta hoàn toàn ý thức, nhưng vì không còn tham ái hay lo sợ xâm nhập tâm Ta, nên chỉ có sự im lặng tuyệt đối.

H: Ai là người biết sự im lặng?

M: Sự im lặng biết chính nó. Đó là sự im lặng của cái tâm im lặng, khi si mê và tham ái cái "Ta là" được làm cho im lặng.

H: Ông có thỉnh thoảng kinh nghiệm tham ái?

M: Tham ái chỉ là những đợt sóng trong tâm. Ông biết một con sóng khi ông thấy nó. Tham ái chỉ là một trong nhiều thứ khác. Ta cảm thấy không có sự thôi thúc nào bắt Ta phải thỏa mãn một tham ái, và cũng chẳng có hành động nào là cần thiết để đối phó với nó. Không còn tham ái có nghĩa là: Không có sự thôi thúc phải thỏa mãn.

H: Tại sao tham ái lại khởi sinh?

M: Bởi vì ông tưởng tượng rằng ông đã được sinh ra, và ông sẽ chết nếu ông không lo cho thân xác của ông. Mong muốn sự tồn tại hữu thân là căn nguyên của phiền trược.

H: Nhưng, có rất nhiều linh hồn – *Jivas* – nhập vào các thân xác. Chắc chắn không thể là một sai lầm nào đó trong nhận xét, mà phải có một mục đích. Mục đích đó có thể là gì?

M: Để biết chính nó, cái Ta phải được đối diện với cái đối nghịch của nó – tức không phải cái Ta. Lòng ham muốn đưa đến kinh nghiệm. Kinh nghiệm đưa đến phân biệt, xa lìa, tự biết mình - giải thoát. Xét cho cùng thì giải thoát là gì? Là biết ông ở ngoài sinh tử. Vì ông quên mất chính mình, và tưởng tượng rằng ông là một sinh vật hữu tử, ông tạo ra vô số phiền trược cho chính ông; ông phải tỉnh thức, như vừa ra khỏi cơn mộng dữ.

Sự tìm hiểu cũng làm cho ông tỉnh thức. Ông chẳng cần phải đợi cho đến khi đau khổ, mà tốt hơn nên tìm hiểu hạnh phúc là gì, vì tâm ở trong sự hài hòa và an lạc.

H: Một cách chính xác, ai là người kinh nghiệm tối hậu – cái Ta hay cái Không biết?

M: Dĩ nhiên là cái Ta.

H: Vậy tại sao ông lại đưa ra ý niệm về cái Không Biết Tối Thượng?

M: Để giải thích cái Ta.

H: Nhưng có cái gì ở ngoài cái Ta?

M: Ngoài cái Ta thì chẳng có gì cả. Tất cả là một và tất cả được dung chứa trong "Ta hiện hữu". Trong trạng thái thức và chiêm bao nó là con người. Trong giấc ngủ sâu, và *Turiya*[2] nó là cái Ta. Bên ngoài sự chuyên chú linh hoạt của *Turiya* là sự an lạc tĩnh lặng vĩ đại của cái Tối Thượng. Nhưng thật ra tất cả là một trong tánh thể và tương quan trong biểu hiện. Trong vô minh người thấy trở thành cái bị thấy, trong trí tuệ người thấy là hành vi thấy.

Nhưng việc gì phải bận tâm với cái Tối Thượng? Chỉ cần biết người người biết thì tất cả sẽ được biết.

***

21. Ta là ai?

Hỏi: Chúng tôi được khuyên là nên tôn thờ Thực tại, hiện thân là Thượng đế, hoặc Đấng Toàn Hảo, và được bảo là đừng tìm cách tôn thờ cái Tuyệt đối, vì điều này quá khó khăn đối với một ý thức tập trung trong não bộ.

Maharaj: Cái Thật thì rất đơn giản và khai mở cho tất cả. Tại sao ông lại làm cho phức tạp? Cái Thật luôn luôn yêu và đáng yêu. Cái Thật dung

chứa tất cả, chấp nhận tất cả, và làm cho tất cả đều thanh tịnh. Chỉ cái không thật mới khó khăn và là nguồn gốc của phiền trược. Cái không thật luôn luôn cần cầu, mong đợi, và đòi hỏi. Vì là hư giả nên nó rỗng tuếch, luôn luôn tìm kiếm sự xác nhận và bảo đảm. Nó rất sợ hãi và né tránh mọi sự tìm hiểu. Nó đồng hóa tự thân với bất cứ sự chống đỡ nào, dù yếu ớt hay tạm bợ đến đâu. Bất cứ gì nó có, nó đều đánh mất và đòi thêm. Do đó đừng tin vào ý thức. Bất cứ gì ông có thể thấy được, cảm thọ được, hay suy nghĩ được đều không phải như thế. Ngay cả tội lỗi và đức hạnh, giá trị và vô giá trị đều không phải là những gì mà chúng thể hiện bề ngoài. Thông thường cái xấu và cái tốt chỉ là vấn đề quy ước và tập quán, chúng bị xa lánh hay được tiếp đón tùy theo cách vận dụng ngôn từ.

H: Thế không phải có những ham muốn tốt và xấu, cao thượng và thấp hèn?

M: Tất cả ham muốn đều xấu, nhưng vẫn có những ham muốn xấu xa hơn những ham muốn khác. Theo đuổi bất cứ ham muốn nào cũng đều đem lại cho ông phiền trược.

H: Ngay cả ham muốn không còn ham muốn?

M: Tại sao lại ham muốn? Ham muốn một trạng thái không còn ham muốn không làm ông trở nên tự do. Không gì có thể làm ông tự do, vì chính ông *là* tự do. Chỉ thấy được ông bằng sự sáng suốt vô tham ái, thế là đủ.

H: Để biết chính mình cần phải có thời gian.

M: Thời gian có thể giúp gì cho ông? Thời gian chỉ là một chuỗi liên tiếp các khoảnh khắc, mà mỗi khoảnh khắc xuất hiện từ hư vô và biến mất vào hư vô, không bao giờ xuất hiện trở lại. Làm sao ông có thể xây dựng trên một cái gì vô thường đến như thế?

H: Vậy cái gì thường hằng?

M: Quay về với chính ông để tìm cái thường hằng. Lặn sâu vào bên trong và tìm ra cái chơn thật trong ông.

H: Làm thế nào để tìm chính tôi?

M: Bất cứ gì xảy ra, đều xảy ra đối với ông. Bất cứ gì ông làm, người làm ở trong ông. Tìm ra chủ thể của tất cả những gì là ông, một con người.

H: Tôi còn có thể là một cái gì khác?

M: Tìm xem. Dù Ta có bảo ông rằng ông là nhân chứng, là người quan sát thầm lặng thì cũng vô nghĩa đối với ông, trừ khi ông tìm ra con đường đưa đến sự hiện hữu của chính ông.

H: Câu hỏi của tôi là: Làm sao tìm ra con đường đưa đến sự hiện hữu của chính mình?

M: Buông bỏ tất cả các câu hỏi, ngoại trừ câu hỏi: "Ta là ai?" Xét cho cùng, điều duy nhất mà ông biết chắc chắn là chính ông *hiện hữu*. Cái "Ta là" thì chắc chắn. "Ta là cái này" thì không phải. Tinh tấn tìm cho ra cái ông là trong thực tế.

H: Suốt 60 năm qua tôi đã chẳng làm gì khác hơn điều đó.

M: Tinh tấn có gì là sai? Tại sao lại vọng cầu kết quả? Tự thân tinh tấn chính là bản chất chơn thật của ông.

H: Tinh tấn thì đầy gian khổ.

M: Ông biến nó thành gian khổ vì ông vọng cầu kết quả. Tinh tấn mà không vọng cầu, phấn đấu mà không tham lam.

H: Tại sao Thượng đế lại sinh tôi ra như tôi là?

M: Ông nói đến Thượng đế nào? Thượng đế là gì? Không phải Thượng đế chính là ánh sáng mà nhờ đó ông đặt câu hỏi? Tự thân "Ta hiện hữu" là Thượng đế. Tự thân sự tìm kiếm là Thượng đế. Trong khi tìm kiếm ông sẽ khám phá ra rằng ông không phải thân mà cũng chẳng phải tâm, và tình yêu cái Ta trong ông cũng là tình yêu cái Ta trong tất cả. Hai là một. Ý thức trong ông và ý thức trong Ta, rõ ràng là hai nhưng thật ra là Một. Hãy tìm ra tính Một duy nhất, và đó là tình yêu.

H: Làm sao tôi tìm ra tình yêu đó?

M: Ông yêu cái gì bây giờ? Cái "Ta hiện hữu". Dành hết trái tim và tâm trí cho nó, đừng bận tâm đến bất cứ gì khác. Một khi không còn phải cố gắng và thật tự nhiên thì đó là trạng thái cao nhất. Trong trạng thái đó tự thân tình yêu vừa là người yêu vừa là người được yêu.

H: Mọi người đều muốn sống, muốn tồn tại. Đó không phải là lòng yêu thương chính mình?

M: Tất cả mọi ham muốn đều bắt nguồn từ cái Ta. Vấn đề là lựa chọn ham muốn đúng.

H: Đúng hay sai thay đổi tùy theo thói quen và tập quán. Mỗi xã hội có những tiêu chuẩn khác nhau.

M: Hãy quẳng đi tất cả những tiêu chuẩn có tính cách truyền thống. Cứ để chúng cho các nhà đạo đức giả. Chỉ cái gì giải thoát ông khỏi tham ái, lo sợ và tà kiến là cái tốt. Bao giờ còn ưu tư về tội lỗi và đức hạnh thì ông còn bất an.

H: Theo tôi tội lỗi và đức hạnh chỉ là những mặc ước xã hội. Nhưng có thể có những tội lỗi tâm linh và đức hạnh tâm linh. Tôi muốn nói tâm linh là tuyệt đối. Liệu có cái như tội lỗi tuyệt đối và đức hạnh tuyệt đối?

M: Tội lỗi và đức hạnh chỉ dùng cho con người. Nếu không có con người tội lỗi hay con người đức hạnh thì cái gì là tội lỗi, cái gì là đức hạnh? Ở bình diện tuyệt đối, không hề có con người; đại dương bao la của tánh biết thuần túy không đức hạnh mà cũng chẳng tội lỗi. Tội lỗi và đức hạnh luôn luôn là tương đối?

H: Liệu tôi có thể buông bỏ những quan niệm không cần thiết như thế không?

M: Bao giờ còn nghĩ ông là con người thì không được.

H: Nhờ chỉ dấu nào tôi biết được tôi vượt ra khỏi tội lỗi và đức hạnh?

M: Nhờ không còn tham ái và lo sợ, không còn ý nghĩ là một con người. Nuôi dưỡng những ý nghĩ như "Ta là kẻ có tội" là có tội. Đồng hóa chính mình với một cái gì đó riêng biệt là tất cả mọi tội lỗi. Cái phi nhân cách thì chơn thật, cái có nhân cách thì sinh diệt. "Ta là" là sự hiện hữu phi nhân cách. "Ta là cái này" là con người. Con người thì tương đối, còn hiện hữu thuần túy là căn nguyên.

H: Chắc chắn sự hiện hữu thuần túy không phải là vô thức, và cũng không phải là vô phân biệt. Làm sao nó ở ngoài tội lỗi và đức hạnh? Xin vui lòng cho biết nó có trí tuệ hay không?

M: Tất cả những câu hỏi vừa nêu lên đều khởi sinh từ sự tin tưởng rằng chính ông là một con người. Hãy thoát ra khỏi tính cách con người thì ông sẽ thấy.

H: Một cách chính xác ông muốn nói gì khi bảo tôi chấm dứt là một con người?

M: Ta không bảo ông chấm dứt hiện hữu – đó là điều ông không thể. Ta chỉ bảo ông chấm dứt tưởng tượng rằng ông đã được sinh ra, có cha mẹ, là một thân xác, sẽ chết đi, và vân vân. Hãy thử thực hiện một bước khởi đầu - nó không quá khó khăn như ông tưởng.

H: Cho rằng mình có nhân cách là tội lỗi của cái phi nhân cách.

M: Một lần nữa lại là cái nhìn của tính cách cá nhân ! Tại sao ông cứ khăng khăng làm nhiễm ô cái phi nhân cách bằng những ý nghĩ của ông về tội lỗi và đức hạnh? Tội lỗi và đức hạnh không áp dụng được đối với cái phi nhân cách. Cái phi nhân cách không thể được mô tả bằng những hình

thức tốt và xấu. Hiện hữu – Trí tuệ - Tình yêu – tất cả là tuyệt đối. Phạm vi của tội lỗi ở đâu trong đó? Còn đức hạnh mới là sự đối nghịch của tội lỗi.

H: Chúng ta đang nói về đức hạnh thiêng liêng.

M: Đức hạnh chơn thật là đức hạnh thiêng liêng. Cái mà ông *là* thực sự là đức hạnh của ông. Còn cái đối nghịch với tội lỗi mà ông gọi là đức hạnh chỉ là sự vâng lời phát sinh từ sợ hãi.

H: Vậy tại sao mọi cố gắng chỉ để trở nên tốt lành?

M: Tất cả những cố gắng chỉ để duy trì ông tiến tới. Ông tiếp tục tiến tới cho đến khi tìm thấy Thượng đế. Rồi Thượng đế sẽ tiếp nhận ông vào trong chính Ngài – và làm cho ông như chính Ngài là.

H: Cùng một hành động, được xem là tự nhiên vào một điểm, và tội lỗi ở một điểm khác. Cái gì làm cho nó trở nên tội lỗi?

M: Bất cứ gì ông làm ngược lại với sự hiểu biết tốt lành là tội lỗi.

H: Hiểu biết tùy thuộc vào ký ức.

M: Nhớ cái Ta của ông là đức hạnh, quên mất cái Ta của ông là tội lỗi. Chung qui tất cả chỉ là sự nối kết tinh thần hay tâm lý giữa tâm và vật. Chúng ta có thể gọi sự nối kết đó là *Psyche*. Khi *Psyche* còn thô thiển, chưa phát triển, còn sơ khai, thì nó bị chi phối bởi những ảo tưởng thô thiển. Khi tâm thức tăng trưởng theo bề rộng và gia tăng độ bén nhậy, nó trở thành sự nối kết hoàn hảo giữa thuần vật chất và thuần tinh thần, và đem lại ý nghĩa cho vật chất và sự thể hiện cho tinh thần.

Có thế giới vật chất – *Mahadakash* – và thế giới tinh thần – *Paramakash*. Ở giữa hai cái là tâm thức vũ trụ - *Chidakash*, cũng là trái tim vũ trụ - *Premakash*. Chính tình yêu sáng suốt làm cho hai cái thành một.

H: Có người đần độn, có người thông minh. Sự khác biệt là Psyche của họ. Những người trưởng thành có nhiều kinh nghiệm phía sau họ. Cũng như một đứa trẻ lớn lên nhờ ăn, uống, ngủ và chơi đùa, thì Psyche của một người được định hình bởi tất cả những gì người ấy tư duy, cảm thọ và hành động, cho đến khi nó hoàn hảo để được dùng như một cây cầu giữa tinh thần và thể xác. Cũng như cây cầu nối liền sự lưu thông giữa hai bờ song, Psyche liên kết nguồn gốc và sự thể hiện của nguồn gốc.

M: Gọi nó là tình yêu. Cây cầu là tình yêu.

H: Xét cho cùng, tất cả đều là kinh nghiệm. Bất cứ gì chúng ta suy nghĩ, cảm thọ, và hành động đều là kinh nghiệm. Đằng sau là người kinh nghiệm. Như vậy, tất cả chúng ta biết gồm có hai yếu tố - người kinh nghiệm và kinh nghiệm. Nhưng thật ra hai là một – chỉ người kinh nghiệm là kinh

nghiệm. Tuy nhiên, người kinh nghiệm lại cho rằng kinh nghiệm thuộc về bên ngoài. Cũng như thế, tinh thần và thể xác là một; chúng chỉ có vẻ như là hai.

M: Đối với Tinh thần, không có cái gì là thứ hai.

H: Thế cái thứ hai xuất hiện đối với ai? Theo tôi hình như tính nhị nguyên chỉ là một ảo tưởng được tạo ra bởi sự không hoàn hảo của *Psyche*. Khi *Psyche* toàn hảo, tính nhị nguyên không còn được thấy nữa.

M: Quả là như thế.

H: Tuy nhiên, tôi phải lập lại câu hỏi rất đơn giản: Ai tạo ra sự phân biệt giữa tội lỗi và đức hạnh?

M: Kẻ nào có thân thì có tội với thân. Kẻ nào có tâm thì có tội với tâm.

H: Nếu chỉ đơn thuần có thân và tâm không nhất thiết phải là tội lỗi. Phải có một yếu tố thứ ba ở ngay nguồn gốc của nó. Tôi vẫn tiếp tục trở lại câu hỏi về tội lỗi và đức hạnh này, vì ngày nay bọn trẻ cứ cho rằng chẳng có cái như là tội lỗi, nên chẳng cần phải câu nệ quá mà hãy sẵn sàng bắt kịp những ham muốn hiện tiền. Bọn họ phớt lờ truyền thống và uy quyền; chỉ có tư tưởng kiên cố và chân thật may ra mới có thể ảnh hưởng được họ.

Nếu bọn họ có kiềm chế một số hành động nào đó thì chẳng qua là vì sợ cảnh sát chứ không phải vì sự tin tưởng. Chắc chắn là phải có một cái gì đó trong những gì họ nói, vì chúng ta có thể thấy các giá trị của chúng ta thay đổi từ nơi này đến nơi khác, và từ lúc này sang lúc khác. Chẳng hạn như chém giết trong chiến tranh là một đức tính anh hùng hôm nay, nhưng có thể bị coi là tội ác ghê tởm vào thế kỷ sau.

M: Một người cùng di chuyển với trái đất chắc chắn sẽ trải qua ngày và đêm. Người nào ở cùng với mặt trời sẽ không biết bóng tối là gì. Thế giới của Ta không phải là thế giới của các ông. Theo như Ta thấy, các ông đang đóng trò trên sân khấu. Không hề có thực tế nào trong việc đến và đi của các ông. Mọi vấn đề của các ông chẳng thật chút nào !

H: Có thể chúng tôi là những kẻ mộng du, hay đang ở trong ác mộng. Ông không thể làm gì được sao?

M: Đây là điều Ta làm: Ta đã đi vào trạng thái chiêm bao của các ông và bảo: "Ngưng làm cho chính mình và tha nhân đau khổ, chấm dứt đau khổ và tỉnh thức."

H: Vậy tại sao chúng tôi không thức tỉnh?

M: Các ông sẽ thức tỉnh. Không gì có thể ngăn trở Ta. Có lẽ phải cần một thời gian. Khi các ông bắt đầu đặt câu hỏi về giấc chiêm bao của chính

mình thì sự tỉnh thức không còn bao lâu.

***

22. Sự sống là Tình yêu và Tình yêu là Sự sống

Hỏi: Có phải tu tập *Yoga* là luôn luôn có ý thức? Hay, có thể nào là vô thức, ở bên dưới ngưỡng cửa của biết?

Maharaj: Đối với những người sơ cơ, việc tu tập *Yoga* thường là có chủ ý và đòi hỏi quyết tâm cao. Nhưng sau nhiều năm tu tập nghiêm túc, hành giả có thể thường xuyên chuyên chú trong sự giác ngộ chính mình, dù có ý thức hay không. Pháp môn *Sadhana*[3] - trực chỉ một cách vô thức – là hữu hiệu nhất, vì nó tùy nghi và chắc chắn.

H: Phải hiểu như thế nào về một người từng tu tập *Yoga* nghiêm túc trong một thời gian, rồi sau đó chán nản và buông trôi mọi cố gắng?

M: Chỉ xét đoán bề ngoài một người làm, hay không làm cái gì đó, thì thường là lầm lẫn. Người đó trông có vẻ như thờ ơ nhưng có thể là để gom góp sức lực. Các nguyên nhân về thái độ của chúng ta rất vi tế. Một người không nên vội vàng lên án, và thậm chí cũng chớ vội ca tụng. Nên nhớ rằng *Yoga* là sự tác động của cái Ta bên trong – *VyakTa* – lên cái Ta bên ngoài – *Vyakti*. Tất cả những gì cái bên ngoài làm đơn thuần chỉ là phản ứng đối với cái bên trong.

H: Nhưng cái bên ngoài vẫn hữu ích.

M: Nó hữu ích được bao nhiêu và bằng cách nào? Nó có thể điều khiển một phần nào thân xác, và có thể hoàn chỉnh tư thế cũng như cách thở. Còn đối với ý nghĩ và cảm thọ của tâm thì nó chỉ có rất ít ưu thế, vì nó chính là tâm. Chính cái bên trong mới có thể điều khiển cái bên ngoài. Cái bên ngoài sẽ tuân theo một cách khôn ngoan.

H: Nếu cái bên trong có trách nhiệm tối hậu đối với sự phát triển tâm linh của con người, thì tại sao người ta lại hô hào và khuyến khích cái bên ngoài?

M: Cái bên ngoài có thể giúp ích bằng cách giữ im lặng và làm cho không còn tham ái và lo sợ. Chắc ông có để ý rằng tất cả những chỉ thị đối với cái bên ngoài đều là dưới hình thức phủ định như: đừng, chấm dứt, kiềm chế, từ bỏ, buông bỏ, hy sinh, bỏ, thấy cái hư giả là hư giả. Ngay cả mô tả ngắn gọn về thực tại cũng là sự phủ nhận: "Không phải cái này, Không phải cái này" – *Neti*, *Neti*. Tất cả những cái khẳng định thuộc cái Ta bên trong, cùng như tất cả những cái tuyệt đối thuộc về Thực tại.

H: Làm sao chúng ta phân biệt được cái bên trong và cái bên ngoài qua kinh nghiệm thực tế?

M: Cái bên trong là nguồn gốc của cảm hứng, cái bên ngoài được vận hành bằng ký ức. Nguồn gốc thì không thể truy tầm, trong khi tất cả ký ức đều bắt đầu ở một nơi nào đó. Như vậy cái bên ngoài luôn luôn được xác định, còn cái bên trong thì không thể nắm bắt bằng ngôn từ. Sự nhầm lẫn của các môn đồ Yoga là họ tưởng tượng rằng cái bên trong là cái gì có thể nắm bắt được, họ quên rằng tất cả những gì có thể nhận thức được đều biến dịch, và do đó không thật. Chỉ có cái làm cho nhận thức trở nên khả hữu – gọi nó là Sự Sống hay Đại Ngã – Brahman, hay bất cứ gì mà ông muốn – mới là thật.

H: Sự sống có cần phải có một cái thân để thể hiện chính nó?

M: Thân xác tìm cách sống. Không phải sự sống cần đến thân xác mà chính thân xác cần đến sự sống.

H: Sự sống làm như vậy một cách có chủ đích?

M: Thế tình yêu có hành xử một cách có chủ đích? Có và không. Sự sống là tình yêu và tình yêu là sự sống. Cái gì giữ cho thân xác được liên tục nếu không phải tình yêu? Tham ái là gì, nếu không phải là yêu quí cái Ta? Lo sợ là gì, nếu không phải là sự mong muốn được bảo vệ? Và hiểu biết là gì nếu không phải là lòng yêu chuộng sự thật? Phương diện và hình thức có thể sai lầm, nhưng động cơ phía sau luôn luôn là sự yêu quí – yêu quí cái Ta và yêu quí cái của Ta. Cái Ta và cái của Ta có thể là nhỏ bé, hoặc có thể bùng nổ và bao gồm cả vũ trụ, nhưng tình yêu lúc nào cũng thế.

H: Tụng niệm danh xưng Thượng đế là điều rất phổ biến ở Ấn Độ, liệu có công thức nào không?

M: Khi biết tên một vật, hay một người, ông có thể tìm ra vật đó hay người đó một cách dễ dàng. Kêu gọi Thượng đế bằng tên của Ngài, ông mời Ngài đến với ông.

H: Ngài đến dưới hình thức nào?

M: Tùy theo sự mong đợi của ông. Nếu ông kém may mắn và một người thánh thiện nào đó cho ông một câu thần chú – *Mantra* – may mắn, và ông trì niệm câu chú với tất cả tín tâm và thành khẩn thì vận rủi của ông chắc chắn sẽ ra đi. Tín tâm kiên cố vẫn mãnh liệt hơn định mệnh. Định mệnh là kết quả của nhiều nguyên nhân, hầu hết là ngẫu nhiên, và do đó đan kết với nhau một cách rất lỏng lẻo. Niềm tin và hy vọng sẽ vượt qua định mệnh một cách dễ dàng.

H: Khi niệm chú thì chuyện gì xảy ra?

M: Âm thanh của câu chú tạo ra hình tướng và hình tướng đó là hiện thân của cái Ta. Cái Ta có thể là hiện thân của bất cứ hình tướng nào – và hành hoạt qua hình tướng đó. Xét cho cùng, cái Ta thể hiện tự thân trong hành động – và câu chú là năng lượng khởi đầu hành động. Nó tác động đến ông, và nó tác động đến môi trường quanh ông.

H: Thần chú thuộc về truyền thống? Có bắt buộc phải như thế không?

M: Từ ngàn xưa đã có sự liên hệ giữa một số từ ngữ với những năng lượng tương ứng; nếu lập lại nhiều lần các từ ngữ đó thì sự liên hệ sẽ tăng thêm cường độ. Nó cũng giống như một con đường để đi. Đó là một con đường dễ dàng – chỉ cần có tín tâm là đủ. Người trì chú tin tưởng con đường sẽ đưa mình đến nơi muốn đến.

H: Ở Âu châu không có truyền thống thần chú, ngoại trừ trong một số dòng tu kín. Trì chú có ích lợi gì đối với một thanh niên Tây phương thời nay?

M: Chẳng có ích lợi gì, trừ khi anh ta bị thu hút rất mạnh. Đối với anh ta cách đúng nhất là chuyên chú với ý nghĩ rằng anh ta là nền tảng của mọi sự hiểu biết, là tánh biết bất biến và bất diệt về tất cả những gì xảy đến với các giác quan và tâm. Nếu luôn luôn giữ điều đó trong tâm, thấy biết và tỉnh thức, thì anh ta chắc chắn sẽ phá vỡ mọi giới hạn của vô minh, và thể nhập vào sự sống thuần túy, ánh sáng và tình yêu. Ý nghĩ "Ta chỉ là nhân chứng" sẽ thanh tẩy thân tâm và khai mở con mắt của trí tuệ. Anh ta vượt ra khỏi mọi ảo tưởng và trong lòng hoàn toàn không còn tham ái. Cũng như băng tan thành nước, nước bốc hơi, hơi nước hòa tan trong không khí và biến mất trong không gian, thì thân xác sẽ hòa tan trong tánh biết thuần túy – Chidakash, rồi thành sự **hiện hữu thuần túy – Paramakash, là cái ở ngoài mọi tồn tại và không tồn tại**.

H: Bậc giác ngộ cũng ăn uống và ngủ nghỉ. Cái gì khiến bậc giác ngộ làm như vậy?

M: Người giác ngộ được vận hành bởi cùng năng lượng vận hành vũ trụ.

H: Tất cả đều được vận hành bởi cùng một năng lượng; sự khác biệt là gì?

M: Đây là sự khác biệt duy nhất: Bậc giác ngộ biết được cái người khác chỉ nghe nói suông mà không trải qua. Về phương diện tri thức thì người

thường có vẻ tin tưởng nhưng trong hành động họ để lộ ra sự ràng buộc, còn người giác ngộ chẳng bao giờ lầm lẫn.

H: Mọi người đều nói "Ta là". Bậc giác ngộ cũng nói "Ta là". Sự khác biệt ở chỗ nào?

M: Sự khác biệt ở trong ý nghĩa gắn liền với câu: "Ta là". Đối với người giác ngộ, kinh nghiệm: "Ta là thế giới, thế giới là của ta" có một giá trị tuyệt đối – người giác ngộ suy nghĩ, cảm thọ và hành động một cách hợp nhất, và là một với tất cả chúng sinh. Người đó thậm chí có thể không biết đến cả lý thuyết lẫn phương pháp tu hành sự giác ngộ của chính mình, người đó có thể được sinh ra và chẳng được giáo dục những quan niệm về tôn giáo hay siêu hình. Nhưng không hề có một lầm lẫn nào, dù nhỏ nhặt nhất, trong sự hiểu biết và lòng từ bi của người giác ngộ.

H: Giả sử tôi gặp một khất sĩ lõa thể và đói khát, tôi hỏi người đó: "Ông là ai?" Người khất sĩ trả lời: "Ta là cái Ta Tối Thượng." Tôi đáp: "Được, ông là Cái Tối Thượng, vậy hãy thay đổi trạng thái hiện nay của ông đi." Người đó sẽ làm gì?

M: Người đó sẽ hỏi ông: "Trạng thái nào? Có cái gì cần phải thay đổi? Cái gì là không đúng với Ta?

H: Tại sao người đó lại trả lời như vậy?

M: Bởi vì người đó không còn bị ràng buộc với hình tướng bề ngoài, người đó không đồng hóa chính mình với danh xưng và hình tướng. Người đó sử dụng ký ức, nhưng ký ức không thể sử dụng được người đó.

H: Thế không phải tất cả hiểu biết đều dựa trên kinh nghiệm?

M: Hiểu biết ở trình độ thấp thì đúng. Hiểu biết ở trình độ cao, hiểu biết Thực tại có sẵn trong bản chất chơn thật của con người.

H: Liệu tôi có thể nói rằng tôi không phải cái mà tôi ý thức được, và tôi cũng không phải tự thân ý thức?

M: Bao giờ ông còn là người tìm kiếm, thì tốt hơn hãy bám chặt với ý nghĩ ông là ý thức thuần túy, hoàn toàn không có nội dung. Vượt ra khỏi ý thức là trạng thái tối thượng.

H: Sự mong cầu giải thoát khởi sinh từ trong ý thức hay bên ngoài?

M: Dĩ nhiên là từ trong ý thức. Tất cả mọi ham muốn đều khởi sinh từ ký ức và ở trong nội vi phạm trù ý thức. Cái ở bên ngoài ý thức thì không còn cố gắng cần cầu. Ngay chính sự ham muốn vượt ra khỏi ý thức vẫn còn trong nội vi ý thức.

H: Liệu có vết tích, hay dấu ấn nào của cái bên ngoài lưu lại trên ý thức?

M: Không, không thể nào có.

H: Vậy cái gì nối kết hai cái? Làm sao có thể tìm ra được sự dung thông giữa hai trạng thái không hề có sự tương đồng? Không phải tánh biết thuần túy là sự nối kết giữa hai cái hay sao?

M: Ngay cả tánh biết thuần túy cũng là một hình thức của ý thức.

H: Vậy cái gì ở bên ngoài? Hư không?

M: Một lần nữa, hư không ám chỉ ý thức. Viên mãn và hư không là những điều kiện tương đối. Cái Thật mới thực sự ở bên ngoài – bên ngoài không những trong tương quan với ý thức mà còn trong bất cứ mọi tương quan nào. Sự khó khăn ở đây là việc sử dụng từ ngữ "trạng thái". Cái Thật không phải là trạng thái của một cái gì khác – nó không phải là một trạng thái của tâm, của ý thức, hay *Psyche* – nó cũng không phải là một cái gì có khởi đầu và kết thúc, hiện hữu hay không hiện hữu. Tất cả mọi cái đối nghịch đều được dung chứa trong nó – nhưng nó không hề bị tác động bởi những cái đối nghịch. Ông chớ xem nó như là kết thúc của một sự chuyển tiếp. Nó là chính nó, sau khi những ý thức như thế không còn nữa. Lúc đó những từ ngữ như "Ta là con người," hoặc "Ta là thượng đế" không còn ý nghĩa. Nó chỉ có thể được nghe, và được thấy trong sự im lặng và bóng tối.

***

23. Sự sáng suốt đưa đến tính vô tư

Maharaj: Trời mưa to quá làm ông ướt sũng hết cả người. Trong thế giới của Ta thời tiết luôn luôn tốt đẹp. Không có ngày và cũng chẳng có đêm, không nóng và cũng không lạnh. Trong đó chẳng có lo âu hay nuối tiếc nào câu thúc Ta. Tâm Ta hoàn toàn vô niệm, vì chẳng còn tham ái nào bắt Ta làm nô lệ.

Hỏi: Có đến hai thế giới sao?

M: Thế giới của ông thì vô thường và biến dịch. Thế giới của Ta thì toàn hảo và bất biến. Ông có thể kể cho Ta điều ông thích về thế giới của ông, Ta sẽ lắng nghe chăm chú, và thậm chí còn thích thú nữa, nhưng lúc nào Ta cũng biết rõ là thế giới của ông không có, và ông đang chiêm bao.

H: Cái gì làm cho thế giới của ông khác biệt với thế giới của tôi?

M: Thế giới của Ta không có một đặc tính nào để có thể được nhận dạng. Ông không thể nói gì về thế giới của Ta. Ta là thế giới của Ta. Thế giới của Ta là chính Ta. Nó trọn vẹn và hoàn hảo. Mọi vết tích đều bị xóa sạch, mọi kinh nghiệm đều bị khước từ. Ta chẳng cần gì, ngay cả chính Ta, vì Ta không thể đánh mất chính Ta.

H: Ông cũng chẳng cần đến Thượng đế?

M: Tất cả những ý tưởng và sai biệt như thế chỉ tồn tại trong thế giới của ông; trong thế giới của Ta không có cái gì như thế. Thế giới của Ta đơn độc và rất đơn sơ.

H: Không có cái gì xảy ra trong thế giới của ông?

M: Bất cứ gì xảy ra trong thế giới của ông thì chỉ có giá trị trong thế giới của ông, và chỉ kích thích những phản ứng trong thế giới của ông. Trong thế giới của Ta chẳng có gì xảy ra,

H: Ngay sự kiện ông kinh nghiệm thế giới của ông đã hàm ý nhị nguyên có sẵn trong mọi kinh nghiệm.

M: Về ngôn từ thì đúng. Nhưng lời lẽ của ông không đến được với Ta. Thế giới của Ta là thế giới vô ngôn. Trong thế giới của ông cái không được nói ra thì không tồn tại. Trong thế giới của Ta – ngôn từ và nội dung của nó không có sự hiện hữu. Trong thế giới của ông không có gì ở lại, trong thế giới của Ta chẳng có gì đổi thay. Thế giới của Ta là thật, còn thế giới của ông dấy khởi từ chiêm bao.

H: Nhưng ông và tôi đang cùng trò chuyện.

M: Cuộc trò chuyện xảy ra trong thế giới của ông. Trong thế giới của Ta chỉ có sự im lặng vĩnh cửu. Sự im lặng của Ta ca hát, sự rỗng rang của Ta thì viên mãn, Ta chẳng thiếu một cái gì. Ông không thể biết được thế giới của Ta cho đến khi nào ông đến đó.

H: Như thế thì hình như chỉ có một mình ông trong thế giới của ông.

M: Làm sao ông có thể nói một mình hay không một mình khi ngôn từ không có chỗ áp dụng? Dĩ nhiên là Ta một mình vì Ta là tất cả.

H: Có bao giờ ông đến thế giới của chúng tôi?

M: Có gì đến và đi đối với Ta? Một lần nữa lại là ngôn từ. *Hiện hữu* – từ đó mà Ta đến và từ đó mà Ta đi.

H: Thế giới của ông có ích gì đối với tôi?

M: Hãy quan sát kỹ hơn thế giới của ông, tìm hiểu nó thật nghiêm túc, rồi bất chợt một ngày nào đó ông sẽ tìm thấy ông trong thế giới của Ta.

H: Như thế thì được gì?

M: Ông chẳng được gì cả. Ông chỉ bỏ lại phía sau những gì không phải của ông, và tìm ra cái mà ông chưa bao giờ mất – sự hiện hữu của chính ông.

H: Ai là người cai trị thế giới của ông?

M: Trong thế giới của Ta không có người cai trị và kẻ bị trị. Không hề có bất cứ hình thức nhị nguyên nào. Ông chỉ phóng chiếu ra những ý nghĩ của chính ông. Kinh điển và thần linh của ông hoàn toàn vô nghĩa ở đây.

H: Nhưng ông vẫn còn có một danh xưng và hình tướng, ông còn biểu lộ ý thức và hành động.

M:Trong thế giới của ông thì Ta có vẻ như thế. Trong thế giới của Ta, Ta chỉ có sự hiện hữu. Không còn gì khác. Các ông giầu có những ý tưởng về sự sở hữu, về số lượng và chất lượng. Ta hoàn toàn không còn một ý tưởng nào.

H: Trong thế giới của tôi đầy những phiền nhiễu, khốn khó và tuyệt vọng. Ông có vẻ sống ung dung bằng một nguồn thu nhập bí ẩn, còn tôi phải làm nô lệ cho sự kiếm sống.

M: Tùy ông thôi. Ông muốn bỏ thế giới của ông để sang thế giới của Ta lúc nào cũng được.

H: Làm thế nào để vượt sang?

M: Thấy thế giới của ông như nó là, mà không phải như ông tưởng tượng nó là. Sự sáng suốt sẽ đưa đến tính vô tư; tính vô tư sẽ đảm bảo đưa đến hành động đúng; hành động đúng sẽ kiến tạo cây cầu bên trong nối liền với sự hiện hữu chơn thật của ông. Hành động là bằng chứng của lòng thành khẩn. Hãy chuyên cần và tin tưởng thực hành những gì ông được chỉ bảo, mọi trở ngại sẽ tiêu tan.

H: Ông có vui sướng không?

M: Trong thế giới của ông có lẽ Ta là kẻ khốn khổ nhất. Thức dậy, ă, nói chuyện, rồi lại đi ngủ - thật là phiền !

H: Thậm chí ông cũng chẳng muốn sống?

M: Sống, chết – những từ ngữ này mới thật vô nghĩa ! Khi ông thấy Ta sống thì Ta chết. Khi ông nghĩ Ta chết thì Ta sống. Quả thật làm rối trí ông !

H: Ông mới thản nhiên làm sao ! Tất cả những đau khổ của thế giới này chẳng là gì cả đối với ông.

M: Ta biết rất rõ những phiền não của ông.

H: Vậy ông làm gì?

M: Ta chẳng cần làm gì cả. Chúng đến rồi đi.

H: Có phải chúng đi bằng chính hành vi mà ông dành cho chúng sự chú ý của ông?

M: Đúng vậy. Sự khó khăn có thể là vật lý, cảm xúc hay tinh thần, nhưng nó luôn luôn có tính cách cá nhân. Những tai họa có quy mô lớn là

sự cộng hưởng của vô số những định mệnh cá nhân, và phải trải qua một thời gian mới ổn định. Nhưng chết không bao giờ là một tai họa.

H: Ngay cả khi một người bị sát hại?

M: Tai họa thuộc về kẻ sát nhân.

H: Hình như vẫn có hai thế giới, thế giới của tôi và thế giới của ông.

M: Thế giới của Ta thì chơn thật, thế giới của ông thuộc về tâm.

H:Thử tưởng tượng có một tảng đá, tảng đá đó có một cái lỗ và trong cái lỗ có một con ếch. Con ếch có thể suốt đời an hưởng cực lạc, không hề bị phân tâm, không hề bị quấy nhiễu. Bên ngoài tảng đá thế giới vẫn vận hành. Nếu có ai nói với nó về thế giới bên ngoài, thì con ếch sẽ bảo: "Chẳng hề có những thứ như thế. Thế giới của Ta vô cùng an lạc. Thế giới của ông chỉ là một cấu trúc ngôn từ, nó không có thực thể." Ông cũng như thế. Khi ông bảo thế giới của chúng tôi đơn thuần không tồn tại thì chúng tôi và ông không có một cơ sở nào chung để bàn luận. Hay, lấy một ví dụ khác. Tôi đến gặp bác sĩ và nói vơi ông ta tôi bị đau dạ dày. Bác sĩ khám tôi và bảo: "Ông không sao cả." Tôi đáp: "Nhưng tôi đau". Bác sĩ khẳng định: "Sự đau đớn của ông là thuộc về tâm." Tôi đáp: "Biết được sự đau đớn của tôi thuộc về tâm chẳng giúp ích gì cho tôi. Ông là bác sĩ, hãy làm cho tôi hết đau. Nếu không chữa cho tôi khỏi, ông không phải là bác sĩ."

M: Rất đúng.

H: Ông vừa đặt xong đường rầy, nhưng không có cầu nên xe hỏa không qua được. Phải bắc cầu.

M: Chẳng cần đến cầu.

H: Phải có cái gì đó nối liền thế giới của ông với thế giới của tôi.

M: Không cần một sự nối liền nào giữa một thế giới thật và một thế giới tưởng tượng, vì không thể có một sự kết nối nào như thế được.

H: Vậy chúng tôi phải làm gì?

M: Tìm hiểu thế giới của ông, dồn hết tâm trí cho nó, xem xét nó thật kỹ lưỡng, tìm hiểu cẩn thận mọi ý nghĩ về nó; thế là đủ.

H: Thế giới thì quá rộng lớn để tìm hiểu. Tất cả những gì tôi biết là tôi hiện hữu. Thế giới gây phiền não cho tôi, và tôi làm cho thế giới phiền não.

M: Theo kinh nghiệm của Ta thì mọi thứ đều là cực lạc. Nhưng lòng ham muốn cực lạc gây ra đau khổ. Như thế cực lạc trở thành mầm mống của đau khổ. Toàn thể vũ trụ bao la của sự đau khổ đều khởi sinh từ tham ái. Hãy từ bỏ sự ham muốn lạc thú, ông sẽ không còn biết đau khổ là gì.

H: Làm sao lạc thú có thể là mầm mống của đau khổ?

M: Chỉ vì để có được lạc thú ông phạm không biết bao nhiêu tội lỗi. Và quả của tội lỗi là sự đau khổ và cái chết.

H: Ông bảo rằng thế giới không có ích lợi gì đối với chúng tôi, mà chỉ là một nỗi thống khổ. Tôi cảm thấy không phải như thế. Thượng đế không phải là một kẻ ngu ngốc. theo tôi thế giới là một nhà máy khổng lồ biến tiềm năng thành hiện thực, vật chất thành sự sống, cái vô thức thành cái hoàn toàn tỉnh thức. Để nhận ra cái tối thượng chúng ta cần kinh nghiệm của những cái đối nghịch. Cũng như muốn xây dựng một đền đài chúng ta cần đến đá và hồ vữa, gỗ và sắt, kính và ngói; như vậy để trở nên thánh nhân, chủ tể của sự sống và cái chết, một người phải cần đến chất liệu của mọi kinh nghiệm. Cũng như một người đàn bà ra chợ, mua đủ loại thực phẩm, về nhà nấu nướng rồi dâng cho vị chủ nhân ăn, chúng ta hãy nướng mình thật ngon trong ngọn lửa của sự sống để dâng lên Thượng đế thọ dụng.

M: Thế à, nếu ông nghĩ như thế thì cứ hành động đi. Bằng mọi cách, mời Thượng đế của ông thọ dụng.

H: Một đứa trẻ đến trường học đủ mọi thứ để rồi sau này chẳng dùng được cái gì. Nhưng qua tiến trình học hỏi đứa trẻ trưởng thành. Tương tự như thế chúng ta trải qua vô số kinh nghiệm và quên đi tất cả, nhưng trong lúc đó chúng ta luôn luôn trưởng thành. Một *Gnani* là gì nếu không phải là một con người với một thiên tài về thực tại ! Thế giới này của tôi không thể là ngẫu nhiên. Nó có ý nghĩa, và như thế là phải có một đồ án đằng sau nó. Và đồ án đó ở trong tay Thượng đế của tôi.

M: Nếu thế giới là hư giả thì đồ án và người thiết kế đồ án đó cũng là hư giả.

H: Ông lại phủ nhận thế giới. Không có một cây cầu nào giữa chúng ta.

M: Không cần phải có cây cầu. Sự lầm lẫn của ông là tin tưởng ông được sinh ra. Ông chưa hề được sinh ra và ông sẽ không bao giờ chết đi, nhưng ông tin rằng ông đã được sinh ra vào một ngày nào đó, ở một nơi nào đó, và một thân xác nào đó là của chính ông.

H: Thế giới hiện hữu, tôi hiện hữu. Đó là những sự kiện thực tế.

M: Vì sao ông lại bận tâm đến thế giới trước khi lo lắng cho chính ông? Ông muốn cứu vớt thế giới, có phải thế không? Liệu ông có cứu được thế giới trước khi tự cứu ông? Và được cứu vớt có nghĩa là gì? Được cứu vớt khỏi cái gì? Khỏi ảo tưởng. Sự cứu vớt có nghĩa là thấy mọi vật như chính chúng là. Ta thật sự không thấy Ta có liên quan với bất cứ ai và bất cứ cái

gì. Thậm chí cũng chẳng liên quan đến một cái Ta, dù cái Ta đó là gì. Ta không bao giờ có thể được xác định. Ta vừa ở trong vừa ở ngoài – vô cùng thân thiết nhưng không thể đến gần.

H: Làm sao ông đã đạt được như thế?

M: Bằng tín tâm đối với Tôn sư. Tôn sư đã bảo Ta: "Chỉ một mình ông *là*" và Ta đã không nghi ngờ ngài. Ta đã tư duy sâu sắc về lời ngài nói, cho đến khi nhận ra đó là chân lý tuyệt đối.

H: Tin tưởng bằng sự lập đi lập lại?

M: Bằng sự giác ngộ chính mình. Ta nhận ra rằng Ta luôn luôn ý thức và an vui tuyệt đối. Chỉ vì lầm lẫn nên Ta mới tưởng rằng nhờ thân xác và thế giới của những thân xác mà Ta có được hiện hữu – ý thức – an lạc.

H: Ông không phải là người có học thức. Ông cũng chẳng đọc kinh sách nhiều, và những gì ông đọc hay nghe có lẽ không tự mâu thuẫn. Còn tôi là người có sở học khá cao, và đã từng đọc rất nhiều; tôi nhận thấy sách vở và thầy dạy mâu thuẫn với nhau một cách vô vọng. Do đó tôi nghi hoặc bất cứ gì đọc được hay nghe được. Phản ứng đầu tiên của tôi luôn luôn là: "Nó có thể là như thế, hoặc, nó không thể là như thế." Vì tâm tôi không thể quyết định cái gì là thật và cái gì là hư giả nên tôi chơi vơi trong nghi hoặc. Trong *Yoga* mang một cái tâm nghi hoặc là một bất lợi vô cùng to lớn.

M: Nghe những điều ông nói kể cũng hay; nhưng Tôn sư cũng dạy tôi phải tuyệt đối nghi hoặc tất cả mọi thứ. Ngài bảo: "phủ nhận sự tồn tại đối với tất cả mọi cái ngoại trừ cái Ta của người." Bằng tham ái ông đã tạo ra thế giới với những lạc thú và khổ đau của nó.

H: Thế giới có bắt buộc phải đau khổ như thế không?

M: Làm sao khác được? Chính bản chất của lạc thú là hữu hạn và vô thường. Lạc thú khởi sinh từ đau khổ, trong đau khổ nó tìm kiếm sự thỏa mãn, và kết thúc trong nỗi đau đớn của sự chán chường và tuyệt vọng. Đau khổ luôn luôn là hậu cảnh của lạc thú, mọi tìm cầu lạc thú đều khởi sinh từ đau khổ và chấm dứt trong đau khổ.

H: Tất cả những điều ông nói đối với tôi quá rõ ràng. Nhưng khi có phiền não vật lý hay tâm lý xảy đến thì tâm tôi lại trở nên u tối và ảm đạm, hoặc tìm cách giải khuây một cách điên cuồng.

M: Điều ấy có gì quan trọng? Chỉ cái tâm là u tối và bất ổn, có phải ông đâu? Ông nhìn xem, đủ mọi chuyện xảy ra trong căn phòng này. Ta có làm cho chúng xảy ra đâu? Chúng chỉ xảy ra. Với ông cũng thế - cuốn sổ định mệnh tự khai mở và hiện thực hóa những gì bất khả tránh. Ông không thể

thay đổi dòng diễn tiến của các sự kiện, nhưng ông có thể thay đổi được thái độ của ông, và điều thực sự quan trọng là thái độ chứ không phải đơn thuần sự kiện. Thế gian là cõi giới của tham ái và lo sợ. Ông không thể tìm được sự an lạc trong đó. Muốn có an lạc ông phải vượt ra khỏi thế giới. Nguyên nhân căn bản của thế giới là sự yêu quí chính mình. Vì nó mà chúng ta tìm kiếm lạc thú và né tránh khổ đau. Thay sự yêu quí chính mình bằng sự yêu quí cái Ta thì bức tranh sẽ thay đổi. Đấng sáng tạo *Brahma* là tổng thể của tất cả mọi tham ái. Thế giới là phương tiện để thỏa mãn những tham ái đó. Người ta chấp nhận bất cứ lạc thú nào mà họ mong muốn để rồi trả giá bằng nước mắt. Thời gian sẽ thanh toán mọi nợ nần. Luật quân bình có hiệu lực tối thượng.

H: Để trở thành một siêu nhân trước tiên phải là một con người. Thành nhân là kết quả của vô số kinh nghiệm. Lòng ham muốn đưa đến kinh nghiệm. Như thế, vào thời điểm của nó và ở bình diện của nó, lòng ham muốn là chính đáng.

M: Về một phương diện tất cả điều đó đều đúng. Nhưng rồi sẽ đến một ngày, sau khi gom góp đầy đủ ông phải khởi công xây dựng. Lúc đó sàng lọc và loại bỏ - Viveka-Vairagya – là vô cùng cần thiết. Mọi thứ cần phải được xem xét cẩn thận và những cái không cần thiết phải được loại bỏ một cách không thương tiếc. Cứ tin Ta đi, loại bỏ thì chắc chắn là nhiều, vì trong thực tế chẳng cái gì có giá trị. Cứ thản nhiên một cách tha thiết – thế là đủ.

***

24. Thượng đế là Người làm ra tất cả, Bậc giác ngộ là Kẻ chẳng làm gì cả

Hỏi: Một số bậc giác ngộ - Mahatmas – cho rằng thế giới không phải là một sự ngẫu nhiên và cũng chẳng phải là một trò chơi của Thượng đế mà là thành quả và sự thể hiện của một công cuộc vĩ đại nhằm thức tỉnh và phát triển ý thức trong khắp vũ trụ. Từ không có sự sống đến sự sống, từ vô thức đến ý thức, từ vô minh đến trí tuệ, từ tà kiến đến sáng suốt – đó là phương hướng mà theo đó thế giới không ngừng di chuyển một cách miệt mài. Dĩ nhiên là có những lúc nghỉ ngơi và bóng tối bao phủ khi vũ trụ có vẻ như không hoạt động, nhưng rồi sự nghỉ ngơi chấm dứt và công trình ý thức lại tiếp tục. Theo cái nhìn của chúng tôi, thế giới là một thung lũng đầy nước mắt, một nơi chốn cần phải thoát ly càng sớm càng tốt, và bằng mọi phương tiện có được. Đối với những bậc giác ngộ thế giới là tốt đẹp và nó

phục vụ cho một mục đích tốt đẹp. Dù không phủ nhận rằng thế giới là một cơ cấu của tâm, và, tối hậu tất cả là một duy nhất, nhưng các vị ấy thấy và cho rằng cơ cấu đó có ý nghĩa, và phục vụ cho một mục đích được mong muốn cao nhất. Điều mà chúng tôi gọi là ý chí của Thượng đế không phải là một ý tưởng thất thường của một vị thần linh tinh nghịch, mà là sự thể hiện của một sự cần thiết tuyệt đối để trưởng thành trong tình yêu, trí tuệ và quyền năng, để hiện thực hóa những tiềm năng vô biên của sự sống và ý thức.

Một người làm vườn trồng hoa, từ một hạt giống nhỏ bé thành một đóa toàn hảo rực rỡ; tương tự như thế trong vườn hoa của Thượng đế, Ngài trồng từ con người đến siêu nhân, là những người hiểu biết, có lòng yêu thương và làm việc cùng với Ngài.

Khi Thượng đế nghỉ ngơi – *Pralaya*, nhưng ai chưa hoàn tất sự phát triển sẽ trở nên vô thức trong một thời gian, còn những người đã toàn hảo, tức là những người đã thoát ra khỏi mọi hình tướng và nội dung của ý thức tiếp tục biết rõ sự im lặng của vũ trụ. Khi đến lúc một vũ trụ mới xuất hiện, những người còn ngủ sẽ thức dậy, và công việc của họ bắt đầu. Những người có trình độ cao thức dậy trước và chuẩn bị cơ sở cho những người kém hơn – là những người cảm thấy các hình thái và mô thức của thái độ thích hợp cho sự phát triển sâu xa hơn của họ.

Những giải thích của các vị đó là như thế. Sự khác biệt với điều ông chỉ dạy: Ông khẳng định thế giới là bất thiện và cần phải xa lánh. Họ còn cho rằng sự nhàm chán thế giới chỉ là một giai đoạn trôi qua, tuy cần thiết nhưng nhất thời; rồi sự nhàm chán sẽ được thay thế bằng một tình yêu bao trùm lên tất cả, và một ý chí kiên quyết để làm việc cùng Thượng đế.

Maharaj: Tất cả những gì ông nói đều đúng cho con đường đi ra – *Pravritti*. Còn con đường trở về - *Nivritti* – thì sự không hóa chính mình (*naughting oneself*) là cần thiết. Chỗ đứng của Ta là *không – Paramakash*, nơi ngôn từ và tư duy không thể đạt đến. Đối với tâm nó hoàn toàn là bóng tối và im lặng. Rồi ý thức bắt đầu khuấy động và đánh thức tâm – *Chidakash*, tâm phóng chiếu ra thế giới *Mahadakash* – được dựng lập bằng ký ức và tưởng tượng. Một khi thế giới được hình thành, thì tất cả những gì ông nói có thể là như thế. Nghĩ tưởng ra mục đích, phấn đấu để đạt được mục đích, tìm kiếm phương tiện và đường lối, trình bày viễn ảnh, biểu lộ năng lực và lòng dũng cảm – tất cả những thứ đó

đều ở trong bản chất của tâm. Đó là những thuộc tính thiêng liêng và Ta không phủ nhận chúng. Nhưng chỗ Ta chọn là nơi không có sự khác biệt, không có vật và cũng chẳng có tâm tạo ra vật. Ở đó là Ta ở nhà. Bất cứ gì xảy ra chẳng hề tác động đến Ta – sự vật tác động đến sự vật, thế thôi. Vì không còn ký ức và chờ mong, nên Ta luôn luôn tươi mới, hồn nhiên và nồng nhiệt. Tâm là một người thợ vĩ đại – *MahakarTa* – và cần được nghỉ ngơi. Vì không cần gì cả nên Ta không lo sợ. Mà sợ ai? Không hề có sự phân chia, chúng ta không phải là những cái Ta riêng biệt. Chỉ có một cái Ta duy nhất, đó là Thực tại Tối thượng, trong đó nhân cách và phi nhân cách là một.

H: Tất cả những gì tôi muốn là có thể giúp ích cho thế giới.

M: Ai nói là ông không thể giúp gì cho thế giới? Chính ông quyết định thế nào là giúp, và cái gì cần giúp, rồi tự đưa ông vào một cuộc xung đột giữa những gì ông nên làm và những gì ông có thể làm, giữa sự cần thiết và khả năng.

H: Nhưng tại sao chúng tôi làm như thế?

M: Tâm ông phóng chiếu ra một cơ cấu, rồi ông tự đồng hóa mình với cơ cấu đó. Chính bản chất của lòng tham muốn thúc giục tâm tạo ra một thế giới để nó thỏa mãn. Một ham muốn nhỏ thậm chí có thể mở đầu cho một chuỗi dài các hành động, huống chi là một ham muốn mãnh liệt? Ham muốn có thể tạo ra cả một vũ trụ, sức mạnh của lòng ham muốn thật mầu nhiệm. Một que diêm bé nhỏ có thể làm cho cả một khu rừng mênh mông bốc cháy, thì lòng ham muốn cũng thế, nó làm cho những ngọn lửa của sự thể hiện bùng cháy. Chính mục đích của sự sáng tạo là thỏa mãn lòng ham muốn. Ham muốn có thể là cao thượng, hay thấp hèn, còn hư không thì vô tính – một người có thể chất đầy hư không tất cả những gì mình thích. Ông nên cẩn thận với những gì ông ham muốn. Còn với những người ông muốn giúp, ông nên nhớ rằng họ đang ở trong cái thế giới tương ứng với sự ham muốn của họ, ông không có cách nào giúp được họ, ngoại trừ cách thông qua sự ham muốn của họ. Ông chỉ có thể dạy cho họ nên có những ham muốn chính đáng thì may ra họ có thể vươn cao hơn chính họ, và không còn bị thôi thúc tạo ra và tái tạo những thế giới của tham ái, là cõi giới của lạc thú và khổ đau.

H: Phải đến một ngày vở tuồng kết thúc, một người phải chết, và một vũ trụ đi đến sự tận cùng.

M: Như một người ngủ say quên hết tất cả và thức dậy cho một ngày mới, hoặc một người chết đi rồi xuất hiện trong một cuộc sống khác thì các thế giới của tham ái và lo sợ cũng tan biến và xuất hiện như thế. Còn nhân chứng vũ trụ, cái Ta Tối Thượng không bao giờ ngủ và cũng chẳng bao giờ chết. Trái tim vĩ đại không bao giờ ngừng đập, vào mỗi nhịp đập của nó một vũ trụ mới lại hình thành.

H: Cái Ta Tối thượng có ý thức không?

M: Nó ở ngoài tất cả những gì mà tâm nhận thức. Nó vượt ra khỏi hiện hữu và phi hiện hữu. Nó là Có và cũng là Không đối với tất cả, nó vừa ở bên ngoài vừa ở bên trong, vừa tạo dựng vừa hủy diệt, nó chơn thật ngoài sức tưởng tượng.

H: Thượng đế và *Mahatma* là một hay hai?

M: Là một.

H: Phải có một sự khác biệt nào đó.

M: Thượng đế là Người Làm Ra Tất Cả, người giác ngộ là người không làm gì cả. Đích thân Thượng đế không bảo rằng: "Ta làm ra tất cả". Đối với Thượng đế mọi chuyện xảy ra là do bản chất tự nhiên của nó. Đối với bậc giác ngộ, tất cả đều do Thượng đế tạo ra. Bậc giác ngộ không thấy có sự khác biệt giữa Thượng đế và tự nhiên. Cả Thượng đế và bậc giác ngộ đều biết mình là trung tâm bất động của tất cả mọi chuyển động, là nhân chứng thường hằng của cái vô thường. Trung tâm là một điểm trống không, còn nhân chứng là một điểm của tánh biết thuần túy; cả hai đều biết mình là không, do đó không có gì cưỡng lại được cả hai.

H: Trong kinh nghiệm của riêng ông những điều đó được thấy và cảm nhận như thế nào?

M: Vì không là gì cả nên Ta là tất cả. Tất cả mọi cái là Ta, tất cả mọi cái là của Ta. Cũng như thân xác Ta chuyển động bởi ý nghĩ của Ta về sự chuyển động; mọi chuyện xảy ra khi Ta nghĩ về chúng. Nên nhớ rằng Ta chẳng làm gì cả. Ta chỉ nhìn chúng xảy ra.

H: Mọi chuyện xảy ra theo như ông muốn chúng xảy ra, hay ông để chúng xảy ra như chúng xảy ra?

M: Cả hai. Ta chấp nhận và được chấp nhận. Ta là tất cả và tất cả là Ta. Là thế giới, nên Ta không sợ thế giới. Là tất cả, thì có cái gì mà Ta phải sợ? Nước không sợ nước, và lửa không sợ lửa. Không những thế, Ta không sợ vì Ta không là cái có thể kinh nghiệm sự sợ hãi, hay gặp nguy hiểm. Ta không có hình tướng hay danh xưng. Chính vì ràng buộc với danh xưng và

hình tướng nên sợ hãi sinh khởi. Ta không hề bị ràng buộc. Ta là cái Không, và cái Không thì không sợ cái gì. Trái lại, cái gì cũng sợ cái Không, vì khi một cái gì đó chạm đến cái Không thì nó trở thành Không. Cái Không cũng như một cái giếng không đáy, bất cứ gì rơi xuống đó đều biến mất.

H: Thế không phải Thượng đế là một con người?

M: Bao giờ ông còn nghĩ ông là một con người, thì Thượng đế cũng là một con người. Khi ông là tất cả, ông thấy Thượng đế là tất cả.

H: Liệu tôi có thể thay đổi sự kiện bằng cách thay đổi thái độ?

M: Thái độ là sự kiện. Lấy sự giận dữ làm ví dụ. Ta giận dữ, đi tới đi lui trong phòng; cùng lúc đó Ta biết Ta là một trung tâm của trí tuệ và tình yêu, một nguyên tử của sự tồn tại thuần túy. Tất cả lắng xuống và tâm hòa nhập vào sự im lặng.

H: Như thế, một đôi khi ông vẫn còn giận dữ?

M: Ta nổi giận với ai và để làm gì? Cơn giận đến và tan biến ngay khi Ta nhớ lại chính mình. Tất cả chỉ là một trò chơi của Gunas[4]. Khi tự đồng hóa với chúng, Ta là nô lệ của chúng. Khi đứng riêng ra, Ta là chủ nhân của chúng.

H: Liệu ông có thể ảnh hưởng đến thế giới bằng thái độ của ông? Khi tách mình ra khỏi thế giới ông làm mất đi mọi hy vọng cứu giúp thế giới.

M: Làm sao lại có thể như thế? Tất cả là chính Ta – vì sao Ta không thể giúp chính Ta? Ta không đồng hóa chính Ta với bất cứ người nào đó riêng biệt, vì Ta là tất cả - vừa là cái riêng biệt, vừa là vũ trụ.

H: Liệu ông có thể giúp tôi, một con người riêng biệt?

M: Ta luôn luôn giúp ông – từ bên trong. Cái Ta của Ta và cái Ta của ông là một. Ta biết, nhưng ông không biết điều đó. Đó là tất cả mọi khác biệt – và sự khác biệt đó không tồn tại mãi.

H: Và ông cứu giúp toàn thể thế giới bằng cách nào?

M: *Gandhi* chết, nhưng tâm của vị ấy tỏa khắp thế giới. Tư tưởng của một người giác ngộ thẩm nhập khắp nhân loại và mãi mãi hoạt động không ngừng. Vì không có danh xưng và xuất hiện từ bên trong, nên nó mãnh liệt hơn và có sức thuyết phục hơn. Đó là cách mà thế giới trở nên tốt đẹp hơn – cái bên trong trợ lực và làm cho cái bên ngoài hạnh phúc. Khi chết đi, người người giác ngộ không còn nữa, theo cùng ý nghĩa một con song không còn nữa khi nó hòa nhập vào biển cả; danh xưng và hình tướng

không còn nữa, nhưng nước vẫn còn và trở thành một với nước biển. Khi người giác ngộ hội nhập với tâm vũ trụ, tất cả tinh hoa và trí tuệ của vị đó trở thành di sản của nhân loại, và nâng cao tâm thức của mỗi một chúng sinh.

H: Chúng tôi gắn liền với tính cách con người của chúng tôi. Tính cách cá nhân của chúng tôi, sự hiện hữu của chúng tôi khác biệt với người khác, đó là những gì chúng tôi vô cùng yêu quý. Ông có vẻ cho rằng cả hai đều vô dụng. Thế cái bất thị hiện của ông có ích gì đối với chúng tôi?

M: Bất thị hiện, thị hiện, tính cách cá nhân, tính cách con người – *Nirguna, Saguna, Vyaka, Vyakti*, tất cả chỉ là ngôn từ suông, là quan điểm, và thuộc tính của tâm. Chúng không hề có thực thể. Cái thật được chứng nghiệm trong im lặng. Ông bám víu lấy tính cách con người – nhưng ông chỉ ý thức mình là một con người khi nào ông gặp phiền não – còn khi không gặp phiền não thì ông chẳng bao giờ nghĩ đến chính ông.

H: Ông chưa nói với tôi về những công năng của cái Bất Thị Hiện.

M: Chắc chắn là ông phải ngủ để thức dậy. Ông phải chết đi để sống, ông phải được nấu chảy để tạo hình một cái mới. Ông phải phá hủy để xây dựng, hủy diệt trước khi sáng tạo. Cái Tối Thượng là dung môi của vũ trụ, nó ăn mòn bất cứ gì chứa nó, nó xuyên thủng mọi trở ngại. Nếu không có sự phủ nhận tuyệt đối tất cả mọi vật thì tính chuyên chế của mọi vật sẽ là tuyệt đối. Cái Tối Thượng là người hòa hợp vĩ đại, người đảm bảo sự quân bình tối hậu và toàn hảo, người bảo vệ sự sống trong tự do. Nó làm cho ông tan biến, và như thế tái khẳng định sự hiện hữu chơn thực của ông.

H: Cái Tối Thượng hoàn toàn tốt đẹp ở bình diện của nó. Nhưng làm sao nó hoạt động trong cuộc sống hàng ngày?

M: Cuộc sống hàng ngày là cuộc sống của hành động. Dù có yêu thích cuộc sống hay không, ông vẫn phải hành động. Bất cứ gì ông làm vì lợi ích của chính ông đều tích lũy lại và trở thành thuốc nổ; một ngày nào đó nó sẽ nổ tung, gieo tai họa cho ông và cho cả thế giới của ông. Khi tự lừa dối mình rằng ông làm điều tốt đẹp cho tất cả thì ông càng làm cho mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn, vì ông không được để những ý tưởng của ông định đoạt điều gì là tốt đẹp cho người khác. Kẻ nào tự nhận mình biết được điều tốt đẹp cho người khác là một người nguy hiểm.

H: Vậy thì một người phải hành động như thế nào?

M: Không cho chính ông và cũng chẳng cho người khác mà vì lợi ích của hành động. Một cái gì đó đáng làm là vì chính mục đích và ý nghĩa của

nó. Đừng biến một cái gì thành phương tiện cho một cái khác. Đừng ràng buộc. Thượng đế không tạo ra cái này để phục vụ cho cái kia. Mỗi cái được tạo ra vì chính nó. Vì nó được tạo ra cho chính nó, nên nó không xen vào cái khác. Ông đang sử dụng đồ vật và con người cho những mục đích xa lạ với chúng và họ, nên ông phá hoại thế giới và chính ông.

H: Như ông nói, sự hiện hữu chơn thật lúc nào cũng ở với chúng tôi. Tại sao chúng tôi không nhận ra nó?

M: Đúng, ông luôn luôn là Cái Tối Thượng. Nhưng sự chú ý của ông lại đặt vào những cái khác, hoặc vật lý hoặc tâm lý. Khi sự chú ý của ông vừa rời một cái gì đó và chưa đặt vào một cái khác, thì trong khoảng xen kẽ ở giữa đó ông chính là sự hiện hữu thuần túy. Khi đã thuần thục thực hành pháp sáng suốt và vô tư – Viveka-Vairagya, ông không còn thấy những trạng thái thuộc cảm giác và tâm, lúc đó hiện hữu thuần túy xuất hiện như một trạng thái tự nhiên.

H: Làm thế nào để mất đi ý thức tách biệt này?

M: Bằng cách chú ý tâm vào "Ta là,", vào ý niệm hiện hữu, thì "Ta là thế này thế nọ" sẽ biến mất; "Ta chỉ là nhân chứng" vẫn còn, và cả nó sẽ chìm trong "Ta là tất cả". Rồi cái tất cả trở thành cái Một, và cái Một – chính ông, không tách biệt với Ta. Hãy buông bỏ ý tưởng về một cái "ta" riêng biệt, thì câu hỏi "Kinh nghiệm của ai?" sẽ không sinh khởi.

H: Ông nói từ sự chứng nghiệm của chính ông. Làm sao tôi biến nó thành của tôi?

M: Ông nói về kinh nghiệm của Ta như thể nó khác với kinh nghiệm của ông, bởi vì ông tin là chúng ta tách biệt. Nhưng chúng ta không tách biệt. Ở bình diện sâu hơn, kinh nghiệm của Ta chính là kinh nghiệm của ông. Lặn sâu vào trong chính ông và ông sẽ nhận thấy nó thật dễ dàng và thật đơn giản. Cứ đi theo hướng "Ta hiện hữu".

***

25. Bám chặt cái "Ta hiện hữu"

Hỏi: Có bao giờ ông vui hay buồn? Ông có biết vui sướng và đau khổ là gì không?

Maharaj: Ông gọi chúng là gì thì tùy ý. Đối với Ta chúng chỉ là những trạng thái của tâm, còn Ta không phải là tâm.

H: Tình yêu có phải là một trạng thái của tâm?

M: Một lần nữa, điều đó còn tùy ông hiểu tình yêu theo nghĩa nào. Tham ái, dĩ nhiên, là một trạng thái của tâm. Nhưng sự giác ngộ tính duy

nhất thì ở ngoài tâm. Đối với Ta, không có gì tự tồn tại. Tất cả là cái Ta, tất cả là chính Ta. Thấy chính mình trong mọi người và mọi người trong chính mình thì chắc chắn là tình yêu.

H: Khi trông thấy một cái gì đó vừa ý, tôi muốn nó. Một cách chính xác, ai muốn? Cái Ta hay tâm?

M: Câu hỏi được đặt sai. Không có "ai". Mà chỉ có tham ái, lo sợ, giận dữ, và cái tâm bảo – đây là Ta, cái này là của Ta. Không có cái gì có thể được gọi là "ta" hay "của ta". Tham ái là một trạng thái của tâm, được tâm nhận thức và đặt tên. Nếu không có cái tâm nhận thức và đặt tên thì tham ái ở ddaau?

H: Nhưng liệu có nhận thức mà không có sự đặt tên?

M: Dĩ nhiên. Sự đặt tên không thể vượt ra ngoài tâm, còn nhận thức chính là ý thức.

H: Khi một người chết đi thì chính xác chuyện gì xảy ra?

M: Chẳng có gì xảy ra. Một cái gì đó trở thành không. Cái không đã có đó, và cái không vẫn có đó.

H: Chắc chắn phải có một sự khác biệt giữa người sống và người chết. Ông nói về người sống như chết, và người chết như sống.

M: Tại sao ông lo lắng về một người qua đời, nhưng chẳng mấy quan tâm đến hàng triệu người chết đi mỗi ngày? Toàn thể vũ trụ nổ vào bên trong và nổ ra bên ngoài trong từng khoảnh khắc – Ta có cần phải thương khóc chăng? Đối với Ta có một điều rất rõ ràng. Tất cả những gì *là*, sống, và chuyển động đều có sự hiện hữu trong ý thức, còn Ta vừa ở trong và vừa ở ngoài ý thức. Ở trong ý thức – Ta là nhân chứng. Ở ngoài ý thức – Ta là Hiện Hữu.

H: Chắc chắn là ông quan tâm khi con ông đau ốm, có phải thế không?

M: Chẳng việc gì Ta phải bối rối. Ta chỉ làm cái gì cần thiết. Ta chẳng lo lắng về tương lai. Một phản ứng đúng đối với mọi tình huống ở trong bản tánh của Ta. Ta không dừng lại để nghĩ phải làm gì. Ta hành động và tiếp tục tiến tới. Kết quả không hề ảnh hưởng đến Ta. Ta chẳng cần biết chúng tốt hay xấu. Chúng là bất cứ gì mà chúng là – nếu chúng trở lại thì Ta hành xử với chúng hoàn toàn mới. Hay, đúng hơn, là Ta ngẫu nhiên hành xử với chúng hoàn toàn mới. Không hề có ý thức chủ định nào trong bất cứ gì Ta làm. Mọi chuyện xảy ra vì chúng xảy ra – không phải vì Ta làm cho chúng xảy ra, mà vì Ta *hiện hữu* nên chúng xảy ra. Trong thực tế không hề có gì xảy ra. Khi tâm động thần *Shiva* nhảy múa, cũng như nước hồ dợn sóng

làm cho mặt trăng nhảy múa. Tất cả đều là hiện tướng, khởi sinh do những ý nghĩ sai lầm.

H: Chắc chắn là ông biết rất nhiều điều và hành xử theo bản chất của chúng. Ông đối xử với đứa trẻ như đứa trẻ, với người lớn như người lớn.

M: Cũng như vị mặn thấm nhuần khắp đại dương và mỗi một giọt nước biển đều mang cùng một vị, thì mỗi một kinh nghiệm đều cho Ta giao tiếp với thực tại, và sự giác ngộ luôn luôn tươi mới về hiện hữu của chính Ta.

H: Tôi có tồn tại trong thế giới của ông như ông tồn tại trong thế giới của tôi?

M: Dĩ nhiên, ông hiện hữu và Ta hiện hữu. Nhưng chỉ là những điểm trong ý thức; chúng ta không là gì ngoài ý thức. Cần phải hiểu rõ điều này: Thế giới treo trên sợi chỉ của ý thức; không có ý thức thì không có thế giới.

H: Có vô số điểm trong ý thức; như vậy cũng có vô số thế giới?

M: Lấy chiêm bao làm ví dụ. Trong một bệnh viện có rất nhiều bệnh nhân, tất cả đều ngủ, và tất cả đều chiêm bao. Mỗi người mơ một giấc chiêm bao riêng biệt, và cá nhân, không liên hệ đến nhau và không tác động đến nhau, nhưng có một yếu tố chung duy nhất là sự đau ốm. Tương tự như thế, trong sự tưởng tượng chúng ta tách rời chính mình khỏi thế giới thật của kinh nghiệm chung, và bao phủ chúng ta là một đám mây tham ái và lo sợ, hình ảnh và ý nghĩ, ý tưởng và khái niệm riêng tư.

H: Điều đó thì tôi có thể hiểu được. Nhưng cái gì có thể là nguyên nhân của thế giới riêng tư muôn hình vạn trạng?

M: Sự khác biệt không nhiều lắm đâu. Tất cả các giấc chiêm bao đều cùng bao phủ lên một thế giới chung. Ở một mức độ nào đó chúng định hình và tác động lẫn nhau. Tính duy nhất căn bản chi phối tất cả. Ở tận gốc rễ của tất cả là sự quên mất mình, không biết mình là ai.

H: Để quên, một người phải biết. Liệu tôi có biết tôi là ai trước khi tôi quên tôi?

M: Dĩ nhiên, Quên chính mình có sẵn trong biết chính mình. Ý thức và vô thức là hai phương diện của cuộc đời. Chúng cùng tồn tại. Khi biết thế giới ông quên mất cái Ta – khi biết cái Ta ông quên mất thế giới. Xét cho cùng thì cái gì là thế giới? Nếu không phải là một sự tổng hợp của các ký ức. Hãy bám vào một cái quan trọng, bám chặt cái "Ta hiện hữu" và buông bỏ những cái khác. Đó chính là *Sadhana*. Trong giác ngộ, không có cái gì để bám víu vào và cũng chẳng có gì để quên. Tất cả mọi cái đều được biết, nhưng không có gì được ghi nhớ.

H: Cái gì là nguyên nhân của sự quên mất chính mình?

M: Không có nguyên nhân bởi vì không có sự quên. Các trạng thái của tâm nối tiếp nhau, cái sau xóa đi cái trước. Nhớ chính mình là một trạng thái của tâm, và quên chính mình là một trạng thái khác của tâm. Chúng thay phiên nhau như ngày và đêm. Thực tại ở ngoài cả hai.

H: Chắc chắn là phải có một sự khác biệt giữa quên và không biết. Không biết thì không cần đến nguyên nhân. Còn quên hàm ý một sự biết trước đó và một khuynh hướng hoặc khả năng quên. Tôi nhìn nhận là tôi không thể biết được lý do của sự không biết, nhưng quên thì chắc chắn phải có một cơ sở nào đó.

M: Không hề có cái như là cái không biết. Mà chỉ có quên. Quên có gì là không đúng? Quên cũng đơn giản như nhớ.

H: Quên mất chính mình không phải là một tai họa sao?

M: Thì nó cũng tệ hại như thường xuyên nhớ chính mình. Có một trạng thái ở ngoài quên và không quên: Trạng thái tự nhiên. Nhớ, quên – là các trạng thái của tâm, bị giới hạn trong ý nghĩ, và hạn chế trong ngôn từ. Lấy ý tưởng được sinh ra làm ví dụ. Ta được bảo rằng Ta đã được sinh ra nhưng Ta không nhớ. Ta được bảo rằng Ta sẽ chết đi nhưng Ta không mong chờ. Ông có thể cho rằng Ta quên, hoặc thiếu tưởng tượng. Nhưng Ta không thể nhớ cái chưa bao giờ xảy ra, và Ta cũng không thể mong chờ một cái gì hiển nhiên không thể xảy ra. Thân xác được sinh ra và thân xác chết đi, điều đó có gì liên quan đến Ta? Thân xác đến và ra đi trong ý thức, và tự thân ý thức có nguồn gốc trong Ta. Ta là sự sống, tâm và thân là của Ta.

H: Ông bảo rằng sự quên mất chính mình nằm ngay gốc rễ của thế giới. Để quên thì tôi phải nhớ. Tôi đã quên nhớ cái gì? Tôi chưa hề quên rằng tôi hiện hữu.

M: Cái "Tôi hiện hữu" này cũng là một phần của ảo tưởng.

H: Làm sao có thể như thế được? Ông không thể chứng minh với tôi rằng tôi không có. Thậm chí khi tôi tin rằng tôi không có – thì vẫn có tôi.

M: Thực tại không thể được chứng minh hay bác bỏ. Còn ở trong tâm thì ông không thể làm được hai điều đó, mà khi ở ngoài tâm thì ông chẳng cần cả hai. Trong cái thật, câu hỏi "cái gì là thật?" không khởi sinh. Cái thị hiện – *Saguna* – và cái bất thị hiện – *Nirguna* – không khác nhau.

H: Trong trường hợp đó tất cả đều thật.

M: Ta là tất cả. Tất cả là thật như chính Ta. Ngoài Ta ra, không có gì là thật.

H: Tôi không có cảm tưởng thế giới là hậu quả của một lỗi lầm.

M: Ông chỉ có thể nói như thế sau khi đã tìm hiểu đến nơi đến chốn, chứ không phải trước khi. Dĩ nhiên, khi ông nhận thức rõ và loại bỏ tất cả những gì không thật, cái còn lại là thật.

H: Liệu có gì còn lại?

M: Cái thật còn lại. Đừng bị ngôn từ lừa gạt !

H: Từ vô thủy, và trải qua vô lượng kiếp, tôi tạo dựng, cải thiện và làm đẹp thế giới của tôi. Tuy nó không hoàn hảo nhưng cũng chẳng phải là không thật. Nó là một tiến trình.

M: Ông lầm rồi. Thế giới không hề tồn tại ngoài ông. Trong từng khoảnh khắc nó không gì khác hơn là ảnh phản chiếu của chính ông. Ông tạo ra nó và ông là người hủy diệt nó.

H: Rồi lại tạo dựng nó, và nó được cải thiện.

M: Để cải thiện nó, ông phải hủy diệt nó. Một người phải chết đi để sống. Không hề có tái sinh mà không qua cái chết.

H: Vũ trụ của ông có thể toàn hảo. Vũ trụ của riêng tôi luôn luôn trong tiến trình cải thiện.

M: Cái vũ trụ của riêng ông tự nó không tồn tại. Nó đơn thuần chỉ là một cái nhìn hữu hạn và méo mó về cái thật. Vũ trụ chẳng cần được cải thiện mà cái cần được cải thiện là cách nhìn của chính ông.

H: Ông nhìn vũ trụ như thế nào?

M: Vũ trụ chỉ là một sân khấu mà trên đó vở tuồng thế giới đang được trình diễn. Điều quan trọng là phẩm chất của sự trình diễn; không phải những gì các diễn viên nói và làm, mà là cách họ nói và làm.

H: Tôi không thích ý tưởng vở tuồng – *Lila* – này. Tôi muốn so sánh thế giới với một công trường mà trong đó chúng ta là những người thợ xây dựng.

M: Ông quá quan trọng hóa vấn đề. Có gì không đúng với vở kịch? Ông chỉ có một mục đích chừng nào ông chưa hoàn tất; khi chưa thực hiện xong thì sự hoàn tất, và toàn hảo là mục đích. Khi ông hoàn tất trong chính ông, bên trong và bên ngoài là một duy nhất thì lúc đó ông hưởng dụng vũ trụ, ông không còn tốn công mệt sức. Đối với những kẻ phân biệt thì ông có vẻ như đang bỏ ra rất nhiều công sức, nhưng đó chỉ là ảo tưởng của họ. Các vận động viên thể thao có vẻ như cố gắng ghê gớm: Nhưng động cơ duy nhất của họ là thi đấu và phô diễn.

H: Ông muốn nói Thượng đế chỉ vui đùa, ngài tham dự vào những hành động vô mục đích?

M: Thượng đế không những chơn thật và tốt lành, mà còn đẹp đẽ nữa – *Satyam-Shivam-Sundarm*. Ngài tạo ra cái đẹp chỉ vì yêu thích cái đẹp.

H: Như thế cái đẹp là mục đích của ngài !

M: Tại sao ông cứ muốn đề cập đến mục đích? Mục đích hàm ý chuyển động, thay đổi, một ý nghĩa không toàn hảo. Thượng đế không nhắm đến cái đẹp – bất cứ gì Thượng đế làm đều đẹp. Liệu ông có thể cho rằng một đóa hoa cố tìm cách để đẹp? Đóa hoa đẹp bởi chính bản thân của nó. Tương tự như thế, Thượng đế chính là sự toàn hảo, chứ không phải là sự cố gắng để toàn hảo.

H: Mục đích tự hoàn thành chính nó trong cái đẹp.

M: Đẹp là gì? Bất cứ gì được cảm nhận một cách an lạc là đẹp. Sự an lạc là tinh hoa của cái đẹp.

H: Ông nói đến *Sat-chit-ananda*. Ta hiện hữu thì hiển nhiên. Ta biết thì hiển nhiên. Ta vui sướng thì không hiển nhiên. Hạnh phúc của Ta đã đi đâu?

M: Hoàn toàn biết rõ sự hiện hữu của chính ông thì ông sẽ biết an lạc. Vì không để tâm vào chính ông mà đặt nó vào cái không phải là ông, nên ông mất ý thức về sự an lạc, về sự hiện hữu an vui.

H: Phía trước chúng ta có hai con đường – con đường của sự tinh tấn – *Yoga Marga*, và con đường của sự nhàn hạ - *Bhoga Marga*. Cả hai đều đưa đến cùng một mục đích: Giải thoát.

M: Vì sao ông lại gọi *Bhoga* là con đường? Làm sao nhàn hạ có thể đưa lại cho ông sự toàn hảo?

H: Hành giả toàn hảo – *Yogi* – sẽ tìm thấy thực tại. Người hưởng dụng toàn hảo – *Bhogi* – cũng sẽ đến đó.

M: Làm sao có thể như thế được? Không phải họ mâu thuẫn với nhau?

H: Những cái phi thường đều gặp nhau. Làm một *Bhogi* toàn hảo vẫn khó hơn là một *Yogi* toàn hảo.

Tôi chỉ là một kẻ phàm phu, không dám mạo muội phán xét về giá trị. Nhưng xét cho cùng, cả hành giả *Yogi* lẫn người hưởng dụng Bhogi đều quan tâm đến sự tìm kiếm hạnh phúc. Hành giả *Yogi* muốn hạnh phúc thường hằng, người hưởng dụng *Bhogi* thỏa mãn với cái thất thường, lúc có lúc không. Thường thì *Bhogi* phấn đấu nhiều hơn *Yogi*.

M: Nếu phải phấn đấu và hao công tốn sức thì hạnh phúc của ông có gì xứng đáng? Hạnh phúc chơn thật thì tự sinh khởi và chẳng cần phải cố gắng.

H: Tất cả chúng sinh đều tìm kiếm hạnh phúc, tuy phương tiện có khác nhau. Người tìm nó bên trong và do đó được gọi là *Yogi*, còn người tìm nó ở ngoài thì bị lên án là *Bhogi*. Nhưng họ vẫn cần lẫn nhau.

M: Lạc thú và đau khổ thay phiên nhau. Còn hạnh phúc thì bất di bất dịch. Cái mà ông có thể tìm và thấy thì không phải cái thật. Hãy tìm cái ông chưa bao giờ mất, hãy tìm cái bất khả chuyển nhượng.

***

26. Tính cách con người – một chướng ngại

Hỏi: Theo tôi thấy, thế giới là một trường *Yoga* và tự thân cuộc sống là sự thực hành *Yoga*. Mọi người đều phấn đấu cho sự toàn hảo, và *Yoga* là gì nếu không phải là phấn đấu. Chẳng có gì là đáng khinh đối với những người được gọi là "phàm phu" và cuộc sống "phàm tục" của họ. Họ phấn đấu cũng cam go và chịu đựng cũng không kém hành giả *Yogi*, chỉ có điều là họ không ý thức được mục đích thật sự của họ.

Maharaj: Người thường các cậu cũng tương tự như *Yogi* về phương diện nào?

H: Mục đích tối hậu thì như nhau. Cái mà hành giả *Yogi* đạt được bằng sự tu hành – *Tyaga* – thì người thường – *Bhoga* – đạt được qua kinh nghiệm. Con đường *Bhoga* thì vô thức, do đó lập đi lập lại và kéo dài, còn con đường *Yoga* thì có chủ đích và chuyên sâu, nên nhanh chóng hơn.

M: Có thể là các giai đoạn của *Yoga* và *Bhoga* luân phiên nhau. Trước tiên là *Bhogi*, rồi *Yogi*, trở lại *Bhogi*, rồi lại *Yogi*.

H: Mục đích của sự luân phiên đó là gì?

M: Những ham muốn hời hợt có thể được loại trừ bằng nội quán và thiền định, nhưng các tham ái mãnh liệt và thâm căn cố đế thì phải được thực hiện, và quả của chúng, dù ngọt hay đắng, đều phải được nếm.

H: Vậy tại sao chúng ta phải tôn kính các hành giả *Yogi* và xem thường những người *Bhogi*? Về một phương diện tất cả đều là *Yogi*.

M: Trên bậc thang giá trị của con người những cố gắng có chủ đích thì được xem là đáng ca tụng. Trong thực tế, cả hành giả *Yogi* và những người *Bhogi* đều thuận theo bản chất riêng của họ, tùy hoàn cảnh và cơ hội. Cuộc đời của hành giả *Yogi* được điều khiển bởi một ước muốn duy nhất – tìm kiếm Chân lý, còn người *Bhogi* phục vụ cho nhiều chủ nhân. Nhưng một

Bhogi có thể trở thành một hành giả *Yogi*, và một hành giả *Yogi* có thể quay trở lại thời kỳ của một *Bhogi*. Kết quả chung cuộc thì vẫn như nhau.

H: Theo kinh sách, Đức Phật có nói rằng khi được nghe về sự giác ngộ thì vô cùng quan trọng, vì một sự đảo ngược hoàn toàn và chuyển hóa sẽ xảy ra trong ý thức. Tin lành được ví như đốm lửa trong một chuyến tàu chở đầy bông gòn; một cách chậm chạp nhưng chắc chắn tất cả sẽ biến thành tro. Tương tự như thế, tin lành về sự giác ngộ không sớm thì muộn sẽ đem lại một sự chuyển hóa.

M: Đúng, trước tiên là nghe – *Sbravana*, nhớ - *Smarana*, rồi tư duy – *Manama*, vân vân. Chúng ta tương đồng về quan điểm. Người nào nghe được tin lành thì trở thành *Yogi*, những người còn lại tiếp tục với lối sống *Bhoga* của họ.

H: Nhưng ông đồng ý rằng khi sống một cuộc đời – chỉ sống một cuộc đời tầm thường thế tục, được sinh ra để chết đi, và chết đi để được sinh ra – con người sẽ thăng tiến bằng chính lực đẩy của cuộc đời, cũng như một giòng sông tìm đường ra biển bằng chính khối lượng nước mà nó huân tập được.

M: Trước khi có thế giới, đã có ý thức. Thế giới hình thành trong ý thức, tồn tại trong ý thức, rồi tan biến vào trong ý thức thuần túy. Ở tận nguồn gốc của tất cả là nhận thức "Ta hiện hữu". Trạng thái tâm "có một thế giới" là thứ yếu; để hiện hữu, Ta không cần thế giới, mà thế giới cần Ta.

H: Sự ham sống là một cái gì thật phi thương.

M: Nhưng phi thường hơn nữa là sự tự do không còn bị thôi thúc phải sống.

H: Tự do đối với mọi gánh nặng?

M: Phải, tự do đối với mọi gánh nặng, và còn nhiều hơn thế nữa. Tự do vô biên và hữu thức.

H: Thế không cần phải có tính cách con người để thu nhập kinh nghiệm?

M: Như cậu hiện nay, tính cách con người chỉ là một chướng ngại. Đồng hóa chính mình với thân xác có thể là một điều tốt cho một đứa trẻ, nhưng một sự trưởng thành thật sự lại tùy thuộc vào sự loại bỏ chướng ngại thân xác. Bình thường, một người cần từ bỏ những ham muốn thuộc thân xác ngay từ khi còn sớm trong đời. Thậm chí một *Bhogi*, kẻ không từ chối hưởng thụ, cũng chẳng cần phải thèm khát những gì đã nếm qua. Thói

quen, sự ham muốn lập lại làm cả *Yogi* lẫn *Bhogi* cảm thấy không được thỏa mãn.

H: Tại sao ông cứ tiếp tục gạt bỏ con người như chẳng có gì quan trọng? Tính cách con người là thực tế thiết yếu của sự tồn tại. Nó chiếm toàn thể sân khấu.

M: Chừng nào còn không thấy được tính cách con người chỉ là thói quen, dựng lập trên ký ức, thúc giục bởi tham ái, thì cậu còn nghĩ mình là một con người – sống, cảm thọ, suy nghĩ, năng động, thụ động, hài lòng hay đau đớn. Hãy đặt câu hỏi với chính cậu, tự hỏi cậu: "Có phải vậy không?" "Ta là ai?" "Cái gì ở đằng sau và bên ngoài tất cả những điều này?" Chẳng bao lâu cậu sẽ nhận ra sự lầm lẫn của cậu. Bản chất của lầm lẫn là nó tự nhiên biến mất khi được nhận diện.

H: Yoga của sự sống, của chính cuộc sống, chúng ta có thể gọi là *Yoga* tự nhiên – *Nisarga Yoga*. Nó làm tôi nhớ đến *Yoga* căn bản – *Adhi Yoga*, đề cập trong kinh *Rig-Veda*, và được mô tả như là cuộc hôn nhân của cuộc sống với tâm.

M: Một cuộc sống được sống một cách sâu sắc, trong sự tỉnh thức hoàn toàn, chính nó là *Nisarga Yoga*.

H: Hôn nhân giữa cuộc sống và tâm nghĩa là gì?

M: Sống trong sự tỉnh thức tự nhiên, trong ý thức về sự sống thanh thản, hoàn toàn quan tâm đến cuộc sống của chính mình – đó là tất cả những hàm ý.

H: Sharada Devi, hiền thê của ngài Ramakrishna Paramahamsa, vẫn thường quở các môn đồ của ngài về sự cố gắng quá mức. Bà so sánh họ với những trái xoài trên cây được hái trước khi chin. "Tại sao lại vội vàng?" Bà thường bảo: "Chờ cho đến khi các ông hoàn toàn chín mùi, và trở nên ngọt lịm".

M: Bà quả thật đúng ! Có rất nhiều người vừa mới sáng sớm đã cho là giữa trưa, một kinh nghiệm nhất thời đã cho là toàn giác, và làm thui chột chút chứng đắc nhỏ nhoi bằng sự kiêu căng quá lố. Lòng khiêm tốn và sự im lặng là cần thiết cho một hành giả *Sadhaka*, dù cao cấp đến đâu. Chỉ bậc giác ngộ hoàn toàn chín chắn mới có thể cho phép mình hoàn toàn tùy nghi tự ý.

H: Hình như môn đồ của nhiều phái *Yoga* sau khi đã phát huệ vẫn buộc phải tịnh khẩu từ 7 đến 12 hay 15 hoặc thậm chí đến 25 năm. Ngay cả đạo

sư *Bhagavan Sri Ramana Maharshi* cũng tự tịnh khẩu 20 năm trước khi thuyết giảng.

M: Đúng, quả bên trong phải thật chín mùi. Giới hạnh, và sự sống tỉnh thức vẫn tiếp tục cho đến khi hành giả thực sự chín mùi. Lâu dần sự tu tập càng trở nên vi tế, cho đến khi không còn một hình thức nào nữa.

H: Krishnamurti cũng nói đến sự sống trong tỉnh thức.

M: Ông ấy luôn luôn nhắm thẳng vào "cái tối hậu". Đúng, cuối cùng thì tất cả các pháp môn *Yoga* đều hội tụ trong *Adhi Yoga* như cậu nói, được xem là cuộc hôn nhân của ý thức (cô dâu) và cuộc sống (chú rể). Ý thức và hiện hữu hội ngộ trong hỷ lạc. Để hỷ lạc khởi sinh thì phải có gặp gỡ, giao tiếp, và sự khẳng định của cái duy nhất trong nhị nguyên.

H: Đức Phật cũng nói rằng để đạt được Nirvana một người phải đến với chúng sinh. Ý thức cần cuộc sống để trưởng thành.

M: Tự thân thế giới là sự giao tiếp – toàn thể các giao tiếp được thực hiện trong ý thức. Tinh thần tiếp xúc với vật và ý thức khởi sinh. Những ý thức như thế, khi bị nhiễm ô bởi ký ức và chờ mong, trở nên ràng buộc. Kinh nghiệm thuần túy thì không ràng buộc; kinh nghiệm vướng mắc giữa ham muốn và lo sợ thì bất tịnh và tác nghiệp.

H: Có thể nào có hạnh phúc trong tính một duy nhất? Không phải tất cả hạnh phúc hàm ý cần thiết của giao tiếp, do đó mang tính nhị nguyên?

M: Chả có gì không đúng với nhị nguyên chừng nào nó không tạo ra xung đột. Nhiều và đa dạng mà không xung đột là hỷ lạc. Ánh sáng ở trong ý thức thuần túy. Để có sự nồng nhiệt thì giao tiếp là cần thiết. Bên trên tính duy nhất của hiện hữu là sự hợp nhất của tình yêu. Tình yêu là ý nghĩa và mục đích của tính nhị nguyên.

H: Tôi là một đứa con nuôi. Tôi không biết cha ruột của tôi. Mẹ tôi chết khi tôi mới sinh ra. Để làm vui lòng một người vợ không con, cha nuôi tôi đã nhận nuôi tôi – hầu như là tình cờ. Ông ấy là một người bình dị - vừa là chủ vừa là tài xế của một chiếc xe tải. Mẹ nuôi tôi lo việc nhà. Năm nay tôi 24 tuổi. Suốt hai năm rưỡi qua tôi đi khắp nơi, không ngừng tìm kiếm. Tôi muốn sống một cuộc sống tốt đẹp, một cuộc sống thánh thiện. Tôi phải làm gì?

M: Trở về nhà, đảm đương công việc của cha, chăm sóc cha mẹ trong tuổi già. Lấy cô gái đang chờ cậu, hãy chung thủy, bình dị và khiêm tốn. Đừng phô trương đức hạnh và sống thầm lặng. Năm giác quan và ba tính chất là tám bước đi của cậu trong *Yoga*. Và "Ta hiện hữu" là Thần chú Vĩ

đại – *Mahamantra*. Cậu có thể học ở chúng tất cả những gì cần biết. Hãy chuyên chú và không ngừng tìm hiểu. Tất cả chỉ có thế.

H: Nếu chỉ sống cuộc sống của chính mình là giải thoát, vậy tại sao tất cả mọi người không giải thoát?

M: Tất cả đều đang được giải thoát. Không phải cậu sống cái gì mà cậu sống thế nào mới đáng kể. Ý niệm về sự giác ngộ là vô cùng quan trọng. Chỉ cần biết được giác ngộ là điều có thể xảy ra thì cũng đã thay đổi toàn diện cái nhìn của một con người. Nó cũng giống như một que diêm cháy trong đống mạt cưa. Tất cả các đại sư không làm gì khác hơn. Một tia lửa của chân lý có thể thiêu rụi cả một ngọn núi của những điều hư giả. Và ngược lại thì cũng vậy: Mặt trời chân lý vẫn bị che khuất sau đám mây của sự đồng hóa chính mình với thân xác.

H: Phổ biến tin lành về sự giác ngộ có lẽ là điều vô cùng quan trọng.

M: Chỉ mới nghe đã là một hứa hẹn của sự giác ngộ. Gặp được một Đạo sư là đảm bảo một sự giải thoát. Cái toàn hảo thì đem lại sự sống và sáng tạo.

H: Một bậc giác ngộ có bao giờ nghĩ: "Ta giác ngộ"? Vị ấy không ngạc nhiên khi được người khác tôn vinh thành quan trong? Bậc giác ngộ không xem mình là một con người bình thường?

M: Chẳng bình thường, mà cũng chẳng phi thường. Chỉ tỉnh thức và yêu thương – một cách mãnh liệt. Người giác ngộ nhìn vào chính mình mà không hề có những định nghĩa về chính mình, và nhận dạng về chính mình. Người giác ngộ không hề biết mình là một cái gì tách biệt với thế giới. Người giác ngộ là thế giới. Người giác ngộ từ bỏ hoàn toàn chính mình, như một người giầu có nhưng không ngừng cho đi sự giầu có của mình. Người giác ngộ không giầu có vì chẳng có gì, nhưng không nghèo túng vì cho đi rất hào phóng. Người giác ngộ thì vô sản. Tương tự như thế, người giác ngộ vô ngã, và đã mất đi khả năng tự đồng hóa với bất cứ gì. Người giác ngộ không có vị trí, không có trú xứ, siêu vượt không gian thời gian, và thế giới. Người giác ngộ ở ngoài ngôn ngữ và tư duy.

H: Hừ! Quả thật là một điều kỳ bí khó dò đối với một con người đơn giản như tôi.

M: Chính cậu mới khó dò, phức tạp, kỳ bí và khó hiểu. Ta chính là sự đơn giản, khi so với cậu. Ta là cái đang là – không hề có bất cứ phân biệt nào xen vào giữa bên trong và bên ngoài, của Ta và của người, tốt và xấu. Thế giới là cái gì thì Ta là cái đó; Ta là cái gì thì thế giới là cái đó.

H: Làm sao có chuyện mỗi con người tạo ra thế giới của riêng mình?

M: Trong một nhóm người đang ngủ, mỗi người mơ giấc chiêm bao riêng của riêng mình. Chỉ khi nào tỉnh giấc thì câu hỏi về những giấc chiêm bao khác nhau mới được đặt ra, và cũng ngay lúc đó câu hỏi được giải đáp vì chiêm bao được thấy là chiêm bao, là cái gì đó tưởng tượng.

H: Ngay cả chiêm bao cũng có một cơ sở nào đó.

M: Nó ở trong ký ức. Cho dù như thế, cái gì được nhớ thì cũng chỉ là một giấc chiêm bao khác. Ký ức về cái hư giả thì không thể không tạo ra cái hư giả. Chẳng có gì là không đúng với ký ức như thế. Hư giả là nội dung của nó. Hãy nhớ cái thật, quên đi ý tưởng.

H: Cái gì là thật?

M: Cái được nhận thức trong tánh biết thuần túy, không bị tác động bởi tham ái và lo sợ - là thật.

***

27. Cái không có sự bắt đầu luôn luôn bắt đầu

Hỏi: Hôm trước tôi có hỏi ông về hai con đường của sự trưởng thành – tu hành và hưởng thụ (*Yoga* và *Bhoga*). Sự khác biệt giữa hai con đường không quá lớn như nó có vẻ như thế. Hành giả *Yogi* tu hành để hưởng thụ; người Bhogi hưởng thụ để tu hành. Hành giả *Yogi* tu hành trước, người *Bhogi* hưởng thụ trước.

Maharaj: Rồi sao? Mặc kệ hành giả *Yogi* với *Yoga*, và người *Bhogi* với lối sống *Bhoga* của họ.

H: Con đường *Bhoga* theo tôi có vẻ hay hơn. Hành giả *Yogi* như một quả xoài xanh, bị hái khỏi cây lúc còn non và ủ cho chín trong một giỏ rơm. Trong môi trường thiếu không khí và quá nóng, quả xoài chín nhưng hương vị thực sự và mùi thơm của nó mất đi. Quả xoài còn ở trên cây tăng trưởng đến hết cỡ, mầu sắc đẹp và hương vị thơm ngọt, một sự vui tươi về mọi phương diện. Nhưng không hiểu vì sao *Yoga* nhận được đủ mọi ca tụng, còn *Bhoga* chịu đủ mọi nguyền rủa. Theo chỗ tôi thấy *Bhoga* vẫn hay hơn *Yoga*.

M: Vì sao cậu nói thế?

H: Tôi quan sát các hành giả *Yogi* và những cố gắng phi thường của họ. Ngay cả khi họ giác ngộ, vẫn có một cái gì cay đắng hay khắc khổ về sự chứng đắc của họ. Họ dành hầu hết thời gian cho những cơn xuất thần nhập định, và khi mở miệng họ không nói gì ngoài kinh điển. Vào lúc huy hoàng nhất những người giác ngộ đó giống như những bông hoa toàn hảo, nhưng

chỉ là những bông hoa nhỏ tỏa chút hương thơm trong một phạm vi nhỏ hẹp. Nhưng có những người khác, họ như cả một khu rừng – phong phú, đa dạng, mênh mông và đầy những ngạc nhiên – trong họ là cả một thế giới. Chắc chắn là phải có một lý do về sự khác biệt này.

M: Quả là như thế. Theo cậu, một người bị ức chế trong *Yoga*, còn người khác thăng hoa trong lối sống *Bhoga* hưởng thụ.

H: Không phải thế sao? Hành giả *Yogi* sợ hãi cuộc đời và tìm kiếm sự an thân, trong khi người *Bhogi* mạo hiểm, đầy phấn khởi, và dám dấn thân. Hành giả *Yogi* bị trói buộc vào một lý tưởng, còn người *Bhogi* lúc nào cũng sẵn sàng khám phá.

M: Đó chỉ là vấn đề ham muốn nhiều hay thỏa mãn với cái ít. Hành giả *Yogi* có nhiều tham vọng còn người *Bhogi* chỉ đơn thuần phiêu lưu. Người *Bhogi* của cậu có vẻ phong phú hơn và lịch lãm hơn, nhưng thực tế không phải như thế. Hành giả *Yogi* thu hẹp lại như mép cắt của lưỡi dao. Người hành giả phải như thế - để cắt sâu và ngọt, xuyên qua một cách chính xác vô số các tầng lớp của sự hư giả. Người *Bhogi* cúng vái ở vô số bàn thờ, còn hành giả *Yogi* chẳng phụng sự ai ngoài cái Ta thật của chính mình.

Không hề có mục đích nào trong sự đối nghịch giữa hành giả *Yogi* và những người *Bhogi*. Con đường đi ra – *Pravritti* – cần thiết có trước con đường trở về - *Nivritti*. Đưa ra phán xét và phê bình suông thì chỉ là chuyện lố bịch. Tất cả đều cống hiến cho sự toàn hảo tối hậu. Một số người cho rằng ba phương diện của thực tại: Chân lý – Trí tuệ - Hỷ lạc. Người nào đi tìm chân lý trở thành *Yogi*, người nào tìm kiếm trí tuệ trở thành người giác ngộ, người nào đi tìm hạnh phúc trở thành con người của hành động.

H: Chúng tôi nghe nói về sự hỷ lạc của tính bất nhị.

M: Một sự hỷ lạc như thế thuộc về bản chất của một sự an lạc vĩ đại. Còn lạc thú và đau khổ là kết quả của hành động đúng và không đúng.

H: Cái gì tạo ra sự khác biệt?

M: Sự khác biệt là ở chỗ cho và giữ. Dù cách tiếp cận là gì đi nữa, thì rốt cuộc tất cả sẽ trở thành một.

H: Nếu không có sự khác biệt trong mục đích, việc gì lại phân biệt giữa các phương cách tiếp cận khác nhau?

M: Cứ để mỗi người hành động theo bản chất riêng. Dù gì đi nữa thì mục đích tối hậu cũng sẽ đạt được. Tất cả những phân biệt và phân loại của cậu khá đúng, nhưng nó không xảy ra trong trường hợp của Ta. Một giấc mơ dù được mô tả một cách chi tiết và chính xác đến đâu, thì nó vẫn chẳng

có một cơ sở nào, tương tự như thế mô thức của cậu chẳng thích hợp với bất cứ gì ngoài những giả định của chính cậu. Cậu bắt đầu với một ý tưởng và chấm dứt với cùng một ý tưởng dưới một lớp áo khác.

H: Ông nhìn sự vật như thế nào?

M: Đối với Ta một và tất cả đều như nhau. Cùng một ý thức – *Chit*, lúc là hiện hữu – *Sat* – và lúc là hỷ lạc – *Ananda*. Khi động ý thức là hỷ lạc, khi tịnh ý thức là hiện hữu.

H: Ông vẫn còn phân biệt giữa động và tịnh.

M: Vô phân biệt nói trong sự im lặng. Ngôn từ chuyên chở sự phân biệt. Cái bất thị hiện – *Nirguna* – thì không có danh xưng, tất cả danh xưng đều dùng cho cái thị hiện – *Saguna*. Giằng co với ngôn từ để diễn tả một cái ngoài ngôn từ thì chỉ là chuyện vô ích. Ý thức – *Chidananda* – là tinh thần - *Purusha*, ý thức là vật chất – *Prakriti*. Tinh thần không toàn hảo là vật chất, vật chất toàn hảo là tinh thần. Vào lúc khởi đầu cũng như vào lúc chấm dứt, tất cả là một.

Tất cả mọi phân chia đều ở trong tâm – Chitta; không có gì trong thực tại – Chit. Động và tịnh là các trạng thái của tâm, và chúng không thể có nếu không có cái đối nghịch.Tự thân không có gì động, và chẳng có gì tịnh. Cho những gì tâm tạo dựng là tồn tại tuyệt đối – là một lỗi lầm nghiêm trọng. Không có gì tự tồn tại.

H: Ông có vẻ đồng hóa tịnh với Trạng thái Tối thượng?

M: Có cái tịnh như một trạng thái của tâm – Chidaram – và có cái tịnh như một trạng thái hiện hữu – Atmaram. Cái tịnh của tâm đến rồi đi, còn cái tịnh chơn thật lại ở ngay tâm của hành động. Điều đáng tiếc là ngôn từ là một công cụ của tâm và chỉ dùng được trong phạm vi của những cái đối nghịch.

H: Khi là nhân chứng, ông động hay tịnh?

M: Nhân chứng là một kinh nghiệm, còn tịnh thì thoát ra khỏi mọi kinh nghiệm.

H: Hai cái không thể cùng tồn tại – như tiếng náo động của sóng và sự tĩnh lặng của độ sâu cùng tồn tại trong biển cả - hay sao?

M: Bên ngoài tâm không có cái gì là kinh nghiệm. Kinh nghiệm là một trạng thái nhị nguyên. Cậu không thể nói về thực tại như một kinh nghiệm. Một khi thấu hiểu điều này thì cậu không còn tìm kiếm hiện hữu và trở thành như hai cái riêng biệt và đối nghịch. Trong thực tế, chúng là một và bất khả phân, như rễ và cành của cùng một cây. Cả hai chỉ có thể tồn tại

trong ánh sáng của ý thức, mà ý thức lại khởi sinh theo sau "Ta hiện hữu". Đây là sự kiện tiên quyết. Nếu để vuột nó thì cậu để vuột tất cả.

H: Có phải cảm giác hiện hữu chỉ là một sản phẩm của kinh nghiệm? Có phải đại chân ngôn (*Mahavakya*) *Tat-Sat* chỉ là một phương thức của tâm?

M: Bất cứ gì nói ra thì chỉ là ngôn từ. Bất cứ gì tư tưởng được thì chỉ là ý nghĩ. Ý nghĩa chơn thật thì có thể chứng nghiệm được nhưng không thể giải thích được. *Mahavakya* là chơn thật, còn ý tưởng của cậu là hư vọng, vì tất cả ý tưởng – *Kalpana* – đều hư vọng.

H: Thế sự tin tưởng "Ta là Cái Đó" cũng hư vọng?

M: Dĩ nhiên. Tin tưởng là một trạng thái của tâm. Trong "Cái Đó" không có "Ta là". Khi ý thức "Ta là" hiện lên thì "Cái Đó" bị che khuất, cũng như khi mặt trời lên thì sao biến mất. Tương tự như ánh sáng cùng đến với mặt trời, thì hỷ lạc – *Chidananda* – cùng đến với ý thức về cái Ta. Con người tìm kiếm nguồn gốc của hỷ lạc trong cái "không phải Ta", do đó ràng buộc khởi sinh.

H: Trong cuộc sống hàng ngày, ông luôn luôn ý thức về trạng thái thực của ông?

M: Chẳng phải ý thức mà cũng chẳng phải vô thức. Ta không cần đến sự tin tưởng. Ta sống bằng lòng dũng cảm. Can đảm là cốt tủy của Ta, nó là tình yêu cuộc sống. Ta hoàn toàn không còn ký ức và dự tính, chẳng hề bận tâm đến Ta là cái gì hay Ta không là cái gì. Ta không lệ thuộc vào những mô tả về chính mình – *Soham* và *Brahmasmi* "Ta là Ngài" "Ta là Cái Tối Thượng" đều vô ích đối với Ta. Ta có lòng dũng cảm để là: không gì cả, và thấy thế giới như chính nó là: Không gì cả. Nghe đơn giản như thế đấy, hãy thử xem!

H: Nhưng cái gì cho ông sự can đảm?

M: Cái nhìn của cậu thật lầm lạc làm sao! Can đảm có cần để được ai cho? Câu hỏi của cậu hàm ý lo âu là trạng thái bình thường còn can đảm là trạng thái bất thường. Xoay ngược lại thì mới đúng. Lo âu và hy vọng do tưởng tượng sinh ra – Ta hoàn toàn không còn cả hai. Ta chỉ là sự *hiện hữu* đơn thuần, Ta không cần gì để nương tựa.

H: Nếu ông không biết chính ông thì sự hiện hữu của ông có lợi lạc gì đối với ông? Để hạnh phúc với cái ông là, ông phải biết cái là ông.

M: Hiện hữu chiếu sáng là biết, biết là yêu thương nồng nhiệt. Tất cả là một. Cậu tưởng tượng ra những phân chia rồi tự băn khoăn với những câu

hỏi. Đừng quá bận tâm với những công thức. Hiện hữu thuần túy thì không thể mô tả được.

H: Nếu một cái gì đó không thể biết được và không thể hưởng dụng được thì chẳng lợi lạc gì cho tôi. Trước tiên, nó phải là một phần kinh nghiệm của tôi.

M: Cậu lôi kéo thực tại xuống ngang hàng với kinh nghiệm. Làm sao thực tại có thể tùy thuộc vào kinh nghiệm khi chính nó lại là nền tảng – Adhar – của kinh nghiệm. Thực tại ở ngay trong chính thực tế của kinh nghiệm, chứ không phải trong bản chất của kinh nghiệm. Xét cho cùng, kinh nghiệm là một trạng thái của tâm, còn hiện hữu thì nhất định không thể là một trạng thái của tâm.

H: Tôi lại bối rối! Hiện hữu có tách biệt với biết?

M: Sự tách biệt chỉ là một thể hiện bề ngoài. Cũng như giấc chiêm bao không thể tách biệt với người chiêm bao, biết không thể tách rời hiện hữu. Giấc chiêm bao là người chiêm bao, cái biết là người biết, sự khác biệt đơn thuần chỉ là ngôn từ.

H: Bây giờ tôi thấy được *Sat* và *Chit* chỉ là một. Thế còn hỷ lạc – *Ananda*? Hiện hữu và ý thức luôn luôn có mặt với nhau, còn hỷ lạc chỉ thỉnh thoảng mới lóe lên.

M: Trạng thái hiện hữu vô phiền nhiễu là hỷ lạc; trạng thái phiền nhiễu là cái hiển hiện thành thế giới. Hỷ lạc ở trong tính bất nhị, còn kinh nghiệm thuộc về nhị nguyên. Cái gì đến và đi là kinh nghiệm cùng với tính cách nhị nguyên – đau khổ và lạc thú – của nó. Hỷ lạc thì không thể được biết. Một người luôn luôn hỷ lạc, nhưng không bao giờ cảm thấy hỷ lạc. Hỷ lạc không phải là một thuộc tính.

H: Tôi còn một câu hỏi nữa: Một số hành giả Yogi đạt được mục đích của họ nhưng chẳng lợi lạc gì cho người khác. Họ không biết chia sẻ, hoặc không thể chia sẻ. Những người có thể chia sẻ cái họ có thì khai tâm được cho người khác. Sự khác biệt nằm ở đâu?

M: Chẳng có gì khác biệt. Cách tiếp cận sự việc của cậu không đúng. Không hề có người khác để giúp. Một người giầu có sau khi trao lại tất cả tài sản cho gia đình thì chẳng còn một xu để cho ăn mày. Người giác ngộ rũ bỏ tất cả mọi quyền thế và những gì sở hữu thì cũng giống như thế. Không gì, đúng vậy, không gì có thể nói về người giác ngộ. Người giác ngộ không thể cứu giúp một ai vì người ấy là mọi người. Người giác ngộ là người nghèo khó và cũng là sự nghèo khó, là tên trộm và cũng là sự ăn trộm. Làm

sao có thể nói được rằng người giác ngộ cứu giúp khi người ấy không tách rời một ai? Người nào nghĩ mình tách biệt với thế giới thì hãy để người đó cứu giúp thế giới.

H: Nhưng vẫn còn nhị nguyên, có đau khổ nên có sự cần cứu khổ. Nếu cho rằng đau khổ chỉ là chiêm bao thì chẳng đạt được cái gì.

M: Cách duy nhất có thể cứu giúp là tỉnh giấc chiêm bao.

H: Cần phải có một người đánh thức.

M: Người đánh thức lại ở ngay trong giấc chiêm bao. Người đánh thức là báo hiệu khởi đầu của sự chấm dứt. Không có giấc chiêm bao nào là bất tận.

H: Ngay cả khi nó không có sự bắt đầu?

M: Tất cả mọi thứ đều bắt đầu với cậu. Còn cái nào là cái không có sự bắt đầu?

H: Tôi bắt đầu khi được sinh ra.

M: Đó là điều cậu nghe người khác nói lại. Có thật cậu bắt đầu khi được sinh ra? Thế cậu có thấy chính cậu bắt đầu?

H: Tôi chỉ bắt đầu ngay bây giờ. Tất cả những cái khác đều là ký ức.

M: Đúng thế. Cái không có sự bắt đầu thì luôn luôn bắt đầu. Cũng cách đó, Ta cho vô tận bởi vì Ta không có gì cả. Không là gì cả, không có gì cả, không giữ gì cả cho chính mình là sự cho nhiều nhất, là lòng hào phóng rộng rãi nhất.

H: Thế sự quan tâm đến chính mình không còn nữa?

M: Dĩ nhiên Ta quan tâm đến chính Ta, cái Ta là tất cả. Trong thực tế nó xuất hiện dưới hình thức thiện ý, không bao giờ cạn kiệt và mang tính vũ trụ. Cậu có thể gọi nó là tình yêu, là bao trùm tất cả, là cứu chuộc tất cả. Tình yêu đó vô cùng năng động – nhưng không ý thức về hành động.

***

28. Mọi đau khổ đều khởi sinh từ tham ái

Hỏi: Tôi từ một xứ sở xa xôi đến đây. Tôi có một số chứng nghiệm nội tâm riêng, và muốn trao đổi với ông.

Maharaj: Được. Ông có biết chính ông không.

H: Tôi biết tôi không phải là thân. Tôi cũng chẳng phải là tâm.

M: Vì sao ông nói vậy?

H: Tôi không cảm thấy tôi ở trong thân. Tôi hình như ở khắp nơi, mọi nơi. Còn đối với tâm, tôi có thể đóng, mở tùy ý, có thể nói là như thế. Điều này khiến tôi nhận biết tôi không phải là tâm.

M: Khi ông cảm thấy ông ở mọi nơi trên thế giới, ông vẫn tách biệt với thế giới? Hay, ông là thế giới?

H: Cả hai. Có khi tôi cảm thấy mình không phải là tâm hay thân, mà là con mắt duy nhất thấy tất cả. Khi vào sâu trong trạng thái đó, tôi thấy tôi là tất cả những gì tôi thấy. Thế giới và tôi trở thành một.

M: Hay lắm. Thế còn tham ái? Ông còn tham ái không?

H: Có, tham ái có đến, nhưng ngắn và hời hợt.

M: Và ông làm gì với tham ái?

H: Tôi làm gì được? Chúng đến, chúng đi. Tôi quan sát chúng. Có khi tôi thấy thân và tâm tôi tham dự vào sự thỏa mãn chúng.

M: Tham ái của ai được thỏa mãn?

H: Chúng là một phần của thế giới mà trong đó tôi sống. Chúng cũng như cây cối và mây trong thế giới đó.

M: Thế không phải chúng là biểu hiện của một sự không toàn hảo nào đó?

H: Làm sao chúng có thể như thế được? Chúng là chúng, và tôi là tôi. Làm sao sự xuất hiện và biến mất của tham ái có thể tác động đến tôi? Dĩ nhiên, chúng tác động đến tướng trạng và nội dung của tâm.

M: Tốt lắm, ông làm nghề gì?

H: Tôi là nhân viên giám sát phạm nhân sau khi được phóng thích và còn trong thời kỳ quản chế.

M: Nghĩa là thế nào?

H: Các thanh thiếu niên phạm pháp sau khi được tha, bị quản chế một thời gian, được các nhân viên chuyên ngành giám sát thái độ, hướng dẫn học nghề và giúp tìm công ăn việc làm.

M: Ông có phải làm việc không?

H: Ai làm việc? Công việc tình cờ xảy ra.

M: Ông có cần làm việc khoong?

H: Tôi cần nó vì tiền. Tôi thích công việc của tôi vì tôi có dịp giao tiếp với người khác.

M: Ông cần người khác để làm gì?

H: Có thể các thanh niên đó cần tôi, và chính định mệnh của họ khiến tôi đảm nhận công việc này. Xét cho cùng, đó là cùng một cuộc đời.

M: Ông đạt đến trạng thái hiện nay bằng cách nào?

H: Tôi theo con đường của tôi nhờ sự chỉ giáo của ngài *Ramana Maharshi*. Rồi tôi gặp một người tên *Douglas Harding*, người này đã chỉ

cho tôi cách quán "Ta là ai?"

M: Nó đến một cách bất ngờ hay từ từ?

H: Rất bất ngờ. Giống như một cái gì đó bị quên bẵng đi bỗng nhiên trở lại với tâm trí. Hoặc, giống như một sự hiểu biết chợt lóe lên. "Thật giản dị làm sao," tôi thốt lên: "Thật giản dị làm sao; Ta không phải cái mà Ta tưởng Ta là! Ta không phải cái được nhận thức và cũng chẳng phải người nhận thức, Ta chỉ là hành vi nhận thức."

M: Thậm chí cũng không phải hành vi nhận thức, mà là cái làm cho tất cả những cái đó khả hữu.

H: Tình yêu là gì?

M: Khi ý thức phân biệt và phân chia không có, ông có thể gọi đó là tình yêu.

H: Vì sao có quá nhiều căng thẳng trong tình yêu nam nữ?

M: Vì yếu tố hạnh phúc trong đó quá nổi bật.

H: Không phải hạnh phúc là yếu tố nổi bật trong tất cả tình yêu?

M: Không nhất thiết phải như thế. Tình yêu có thể gây đau khổ. Lúc đó ông có thể gọi đó là lòng từ bi.

H: Hạnh phúc là gì?

M: Sự hài hòa giữa trong và ngoài là hạnh phúc. Trái lại, đồng hóa chính mình với nguyên nhân bên ngoài là đau khổ.

H: Sự nhận dạng cái Ta xảy ra như thế nào?

M: Bản chất của cái Ta là nó chỉ biết chính nó. Vì thiếu kinh nghiệm nên nó cho bất cứ gì được nhận thức là chính nó. Bị dằn vặt tả tơi, nó học cách nhìn ra – *Viveka* – và sống đơn độc – *Vairagya*. Khi thái độ đúng – Uparati – trở nên bình thường thì sự thôi thúc mãnh liệt – *Mukmuk-Shutva* – bên trong giục nó tìm kiếm nguồn gốc của nó. Ngọn nến của thân xác được thắp lên, tất cả trở nên rõ ràng và sáng sủa – *Atma-prakash*.

H: Nguyên nhân đích thực của đau khổ là gì?

M: Đồng hóa chính mình với cái hữu hạn – Vyaktitva. Các cảm giác, theo đúng nghĩa của chúng, dù mãnh liệt đến đâu cũng không hề gây đau khổ. Mà chính tâm, bị tà kiến làm cho điên đảo, si mê với ý nghĩ: "Ta là cái này", "Ta là cái kia". Vì sợ mất và muốn được nên tâm đau khổ khi thất vọng.

H: Tôi có một người bạn vẫn thường mơ thấy ác mộng, hết đêm này sang đêm khác. Đi ngủ đối với anh ta là một cực hình. Không có cách nào giúp anh ta được.

M: Làm bạn với cái chơn thiện – Satsang – sẽ giúp anh ta.

H: Cuộc đời tự nó là một cơn ác mộng.

M: Làm bạn với cái chơn thiện là phương thức tối thượng thừa lành mọi bệnh tật, dù thuộc thân hay tâm.

H: Thường thì một người không thể tìm được một tình bạn như thế.

M: Tìm bên trong. Cái Ta của ông là người bạn quý nhất của ông.

H: Vì sao cuộc đời đầy những mâu thuẫn?

M: Điều đó nhằm phá vỡ tính kiêu mạn. Chúng ta phải nhận ra mình tầm thường và yếu đuối như thế nào. Chừng nào còn tự lừa dối bằng những gì mà chúng ta tưởng mình là, mình biết, mình có, và mình làm thì chúng ta còn ở trong cảnh ngộ thật đáng buồn. Chỉ trong sự phủ định hoàn toàn cái ta thì chúng ta mới có cơ may nhận ra sự hiện hữu chơn thật của chính mình.

H: Vì sao phủ định cái ta lại có quá nhiều căng thẳng đến như thế?

M: Giác ngộ chính mình cũng vậy. Phải từ bỏ được cái ta hư giả trước khi tìm ra cái ta thật.

H: Cái ta mà ông chọn để gọi là hư giả thì với tôi nó thật một cách đáng buồn nhất. Nó là cái ta duy nhất mà tôi biết. Cái mà ông gọi là cái Ta thật đơn thuần chỉ là một khái niệm, một cách nói, một sản phẩm của tâm, một bóng ma hấp dẫn. Phải nhìn nhận rằng cái ta thường ngày của tôi không toàn mỹ, nhưng nó là cái ta duy nhất của tôi. Ông bảo tôi là một cái ta khác, hoặc có một cái ta khác, thế ông có thấy nó không – nó có phải là một thực thể đối với ông, hay ông muốn tôi tin cái mà chính ông không thấy?

M: Đừng vội vàng kết luận như thế. Cái cụ thể không nhất thiết là thật, cái chỉ nhận thức được không nhất thiết là giả. Những nhận thức dựa trên cảm giác và được định hình bởi ký ức hàm ý một người nhận thức, mà bản chất của người đó ông chưa bao giờ muốn tìm hiểu thực sự. Hãy dành cho nó tất cả sự chú ý của ông, tìm hiểu nó với sự quan tâm trìu mến, rồi ông sẽ nhận ra những cái cao siêu và thâm sâu của hiện hữu, mà một người như ông – bị cái hình ảnh bé nhỏ của chính mình choán hết – đã không giám mơ tưởng đến.

H: Để tìm hiểu chính mình một cách có kết quả, tôi phải có một tâm trạng đúng.

M: Ông phải nghiêm túc, kiên quyết, và thực sự quan tâm. Ông phải đầy thiện chí với chính ông.

H: Tôi hoàn toàn vị kỷ phải không?

M: Không phải. Ông luôn luôn phá hoại chính ông và những gì ông có bằng sự tôn thờ những thần linh xa lạ, độc hại và giải dối. Cứ vị kỷ, nhưng đúng cách. Hãy cầu mong sự an lành cho chính ông, hãy ra sức thực hiện những gì tốt đẹp cho chính ông. Hãy phá hủy tất cả những gì ngăn trở ông với hạnh phúc. Là tất cả - yêu thương tất cả - cảm thấy hạnh phúc – tạo hạnh phúc. Không có hạnh phúc nào hạnh phúc hơn thế.

H: Vì sao có quá nhiều đau khổ trong tình yêu?

M: Tất cả mọi đau khổ đều khởi sinh từ tham ái. Tình yêu chơn thật thì không bao giờ bị thất vọng. Làm sao ý thức về tính duy nhất có thể bị thất vọng? Cái có thể bị thất vọng là lòng khao khát sự thể hiện. Khao khát như thế thuộc về tâm. Đối với tất cả những gì thuộc về tâm, thất vọng là điều bất khả tránh.

H: Tình dục có vai trò gì trong tình yêu?

M: Yêu là một trạng thái hiện hữu. Tình dục là năng lượng. Tình yêu thì sáng suốt còn tình dục thì mù quáng. Một khi bản chất thật sự của tình yêu và tình dục được hiểu rõ thì không còn xung đột hay lẫn lộn.

H: Có rất nhiều tình dục mà không có tình yêu.

M: Không có tình yêu tất cả đều độc ác. Tự thân cuộc sống không có tình yêu thì độc ác.

H: Cái gì có thể làm cho tôi yêu?

M: Ông chính là tình yêu, khi vô úy.

***

29. Sống là mục đích duy nhất của cuộc đời

Hỏi: Thất bại trong *Yoga* nghĩa là gì? Ai là kẻ thất bại trong *Yoga*?

Maharaj: Đây chỉ là một câu hỏi không hoàn chỉnh. Người nào không hoàn tất *Yoga* vì một lý do nào đó thì được coi là thất bại trong *Yoga*. Một sự thất bại như thế chỉ có tính cách nhất thời, vì trong *Yoga* không có chiến bại. *Yoga* là một cuộc chiến luôn luôn thắng, vì đây là một cuộc chiến giữa cái thật và cái giả. Cái giả không có cơ hội thắng thế.

H: Ai thất bại? Con người – *Vyakti* – hay cái Ta – *Vyakta*?

M: Câu hỏi được đặt sai. Không có vấn đề thất bại, dù là trước mắt hay lâu dài. Cũng giống như đi trên một con đường dài và gian khổ trong một đất nước xa lạ. Trong vô số bước đi thì chỉ bước cuối cùng đưa ông đến đích. Nhưng ông không thể cho rằng những bước trước đó là thất bại. Mỗi bước đưa ông đến gần đích, ngay cả khi ông phải quay trở lại để vòng qua một trở ngại. Trong thực tế mỗi bước đều đưa ông đến đích, vì luôn luôn di

chuyển, học hỏi, khám phá, khai mở là định mệnh muôn đời của ông. Sống là mục đích duy nhất của cuộc đời. Cái Ta không đồng hóa chính nó với thành công hay thất bại – ngay cả ý tưởng trở thành cái này hay cái kia cũng không thể có. Cái Ta hiểu rằng thành công hay thất bại chỉ là tương đối và tùy thuộc, chúng chỉ là những sợi chỉ ngang, dọc của cuộc đời. Học từ cả thành công lẫn thất bại và đi xa hơn. Nếu ông chưa học được thì làm lại.

H: Tôi phải học cái gì?

M: Sống mà không băn khoăn, lo lắng về chính mình. Muốn thế ông phải biết sự hiện hữu chơn thật của ông – *Swarupa* – là bất khuất, vô úy, và luôn luôn chiến thắng. Một khi biết chắc rằng không gì có thể quấy nhiễu được ông mà chỉ có sự tưởng tượng của chính ông thì ông không còn bận tâm với tham ái và lo sợ, khái niệm và ý tưởng, mà chỉ sống theo chân lý duy nhất.

H: Điều gì có thể là lý do vì sao có người thành công và có người thất bại trong *Yoga*? Có phải đó là định mệnh, hay cá tính, hay chỉ là sự tình cờ?

M: Chưa có ai thất bại trong *Yoga* bao giờ. Tất cả chỉ là nhịp độ tiến bộ mà thôi. Khởi đầu thì chậm chạp nhưng kết thúc thì nhanh. Khi hành giả thực sự thuần thục thì sự giác ngộ nổ bùng. Nó xảy ra một cách tự phát, hoặc chỉ do một gợi ý nhỏ. Nhanh không hẳn đã hay hơn chậm. Chậm chạp chín mùi và nhanh chóng khai hoa xen kẽ nhau. Cả hai đều tự nhiên và đúng.

M: Tuy nhiên, tất cả những điều như vậy chỉ ở trong tâm mà thôi. Còn theo Ta thấy thì không có gì như thế. Trong tấm gương vĩ đại của ý thức mọi hình ảnh xuất hiện rồi biến mất, chỉ có ký ức tạo cho chúng sự tiếp tục. Mà ký ức là vật chất – có thể bị phá hủy, có thể bị hư hoại, và biến dịch vô thường. Trên những nền tảng mong manh như thế chúng ta xây dựng ý thức về sự tồn tại của con người – mơ hồ, lúc có lúc không, như mộng huyễn. Sự tin tưởng mơ hồ "Ta là thế này, thế nọ" ngăn che trạng thái bất biến của tánh biết thuần túy, và làm cho chúng ta tin rằng mình được sinh ra để chịu đau khổ và chết đi.

H: Cũng như một đứa trẻ không thể không lớn lên, thì một người, do bản chất thúc ép, phải tiến bộ. Việc gì cần phải gắng sức? Sự cần thiết của *Yoga* ở chỗ nào?

M: Tiến bộ luôn luôn có trong mọi lúc. Tất cả mọi thứ đều góp phần cho sự tiến bộ. Nhưng đây là sự tiến bộ của vô minh. Vòng vô minh có thể luôn

luôn mở rộng, nhưng vô minh lúc nào cũng trói buộc. Vào đúng thời điểm một Đạo sư sẽ xuất hiện để giáo hóa và khuyến khích chúng ta thực hành *Yoga*, và một sự chín mùi xảy ra mà hậu quả của nó là màn đêm vô lượng kiếp của vô minh tan biến trước bình minh của mặt trời trí tuệ. Nhưng trong thực tế chẳng có gì đã xảy ra. Mặt trời luôn luôn có đó, không hề có đêm tối đối với mặt trời. Tâm bị mê mờ vì ý tưởng "Ta là thân xác" không ngừng tuôn ra sợi chỉ ảo hóa của nó.

H: Nếu tất cả là một phần của sự tiến bộ tự nhiên, việc gì cần phải cố gắng?

M: Ngay cả cố gắng cũng là một phần của sự tiến bộ. Khi vô minh trở nên cố đế, chai lì, cá tính trở nên dung tục thì chắc chắn phải cần đến cố gắng và nỗi vất vả của sự cố gắng là điều không tránh khỏi. Còn hoàn toàn thuận theo tự nhiên thì chẳng cần đến cố gắng. Hạt sống của đời sống tâm linh phát triển trong im lặng và trong bóng tối cho đến đúng giờ đã định.

H: Chúng tôi tình cờ tiếp xúc với một số người đã từng là những vật có tiếng tăm, nhưng về già thì trở nên trẻ con, tầm thường, hay sinh sự và hằn học. Làm sao họ lại thoái hóa nhiều đến như thế?

M: Họ là những hành giả *Yogi* không toàn hảo, không hoàn toàn điều ngự được thân xác. Hoặc, có thể họ chẳng cần bận tâm giữ gìn thân xác trước sự thoái hóa tự nhiên. Một người không nên đi đến kết luận trước khi hiểu rõ tất yếu mọi yếu tố liên quan. Quan trọng hơn cả, một người không nên đưa ra những phán xét về sự hèn kém hay ưu việt. Sự trẻ trung thì thiên về sinh khí – *Prana* – hơn là về trí tuệ - *Gnana*.

H: Người ta có thể trở nên già đi, nhưng vì sao lại mất đi tất cả sự bén nhạy và sáng suốt?

M: Ý thức và vô thức khi còn ở trong thân thì tùy thuộc vào điều kiện của não bộ. Nhưng cái Ta ở ngoài cả hai, ở ngoài não bộ, và ở ngoài tâm. Khuyết tật của dụng cụ không phản ánh người sử dụng nó.

H: Tôi nghe nói bậc giác ngộ chẳng bao giờ hành hoạt thiếu trang nghiêm. Vị ấy luôn luôn cư xử theo khuôn mẫu.

M: Ai đặt ra khuôn mẫu? Vì sao một người đã giải thoát lại cần thiết tuân theo những quy ước? Ngay khi trở nên có thể đoán biết được thì người ấy không thể nào tự do. Tự do của người ấy là ở trong sự tự do hoàn tất cái gì cần thiết vào lúc đó, hoặc tuân theo sự đòi hỏi của tình huống. Tự do làm cái mình thích thì vẫn bị ràng buộc, còn tự do làm cái mình phải làm, cái gì đúng thì mới là tự do thực sự.

H: Tuy nhiên, phải có một cách nào đó để phân biệt ai là người giác ngộ và ai chưa. Một người giác ngộ vẫn giống như người khác thì người ấy có gì hữu ích?

M: Người nào biết rõ chính mình thì không nghi hoặc về chính mình. Người đó cũng chẳng cần người khác công nhận trạng thái của mình hay không. Chẳng mấy khi người giác ngộ tiết lộ sự giác ngộ của mình; phước báu cho những ai gặp được người giác ngộ, vì người đó tiết lộ sự giác ngộ cho lợi lạc lâu dài của họ.

H: Khi nhìn quanh, một người cảm thấy kinh hoàng trước mức độ đau khổ không cần thiết đang xảy ra. Những người cần được cứu giúp thì không được cứu giúp. Thử tưởng tượng một phòng bệnh đầy những bệnh nhân không thể cứu chữa đang lăn lộn và rên la. Nếu có quyền giết hết họ để chấm dứt sự đau đớn mà họ đang chịu đựng, liệu ông có làm không?

M: Ta sẽ để tự họ quyết định.

H: Nhưng nếu định mệnh của họ là phải chịu đau khổ? Làm sao ông có thể can thiệp vào định mệnh?

M: Định mệnh của họ là cái đang xảy ra. Không thể ngăn cản định mệnh. Ông muốn nói rằng cuộc đời của mỗi người hoàn toàn được định đoạt vào lúc sinh ra? Thật là một ý tưởng lạ lùng! Nếu quả thật như thế thì ai đó có quyền năng quyết định sẽ bảo đảm chắc chắn rằng không có người nào chịu đau khổ.

H: Thế còn nhân quả?

M: Mỗi một khoảnh khắc chứa đựng toàn thể quá khứ và tạo ra toàn thể tương lai.

H: Nhưng liệu quá khứ và tương lai tồn tại?

M: Chỉ trong tâm mà thôi. Thời gian ở trong tâm, không gian ở trong tâm. Luật nhân quả cũng là một lối suy nghĩ. Trong thực tại tất cả ở đây và bây giờ, và tất cả là một. Tính nhiều và đa dạng chỉ có trong tâm.

H: Tuy nhiên, ông vẫn hậu thuẫn cho sự làm dịu bớt đau khổ, dù bằng cách phải hủy diệt những thân xác mắc bệnh trầm kha vô phương cứu chữa?

M: Một lần nữa, ông nhìn từ bên ngoài vào còn Ta nhìn từ bên trong ra. Ta không thấy một người đau khổ, Ta là người đau khổ. Ta biết người đó từ bên trong, và làm cái gì đúng một cách tùy nghi và chẳng cần dụng sức. Ta không tuân theo một luật lệ nào và cũng chẳng đặt ra luật lệ. Ta trôi chảy với cuộc sống – một cách thủy chung, không cưỡng lại.

H: Tuy nhiên ông vẫn có vẻ là một người rất thực tế, hoàn toàn chủ động đối với những gì quanh ông.

M: Ông muốn Ta là một cái gì khác? Một kẻ không thích hợp?

H: Nhưng ông không thể giúp ích nhiều cho người khác.

M: Dĩ nhiên, Ta có thể giúp ích. Cả ông cũng có thể giúp ích. Mọi người đều có thể giúp ích. Nhưng sự đau khổ luôn luôn tái diễn. Chỉ con người mới có thể đoạn trừ nguồn gốc của đau khổ trong chính mình. Người khác có thể giúp làm dịu đi nỗi đau khổ nhưng không thể làm gì được với **nguyên nhân của sự đau khổ: sự vô minh cùng cực của nhân loại**.

H: Liệu sự vô minh đó có bao giờ chấm dứt?

M: Trong con người – **dĩ nhiên, vào bất cứ lúc nào**. Trong nhân loại, như chúng ta biết, phải sau rất nhiều năm. Trong tạo dựng – không bao giờ, vì **tự thân tạo dựng bắt nguồn từ vô minh**; tự thân vật là vô minh. Không biết, và không biết mình không biết là nguồn gốc của đau khổ triền miên.

H: Chúng tôi có nghe nói về các *Avatars*, tức là các đấng cứu thế vĩ đại.

M: Thế họ có cứu được thế gian này không? Họ đến rồi đi – và thế giới vẫn lăn trôi trong trần lao. Dĩ nhiên là họ đã làm rất nhiều và mở ra nhiều chiều hướng mới trong tâm thức của nhân loại. Nhưng bảo là cứu thế thì phóng đại.

H: Không có sự cứu vớt nào cho thế giới sao?

M: Thế giới nào mà ông muốn cứu vớt? Cái thế giới được chính ông phóng chiếu ra? Chính ông hãy cứu nó. Còn thế giới của Ta? Hãy chỉ cho Ta thế giới của Ta và Ta sẽ lo liệu nó. Ta không biết bất cứ thế giới nào tách biệt với chính Ta, dù Ta hoàn toàn tự do cứu vớt hay không cứu vớt. Việc gì mà ông muốn cứu vớt thế giới, trong khi điều mà thế giới cần là được cứu vớt khỏi ông? Cứ bước ra khỏi bức tranh và xem liệu có gì còn lại để cứu vớt?

H: Hình như điều mà ông muốn nhấn mạnh là nếu không có ông thì thế giới của ông đã không tồn tại, và do đó điều duy nhất mà ông có thể làm cho thế giới là: **kéo màn chấm dứt vở tuồng**. Đó không phải là lối thoát. Cho dù thế giới là sự tạo dựng của riêng tôi thì sự hiểu biết này chẳng cứu giúp gì được nó. Sự hiểu biết chỉ có thể giải thích. Câu hỏi vẫn là: Tại sao tôi đã tạo ra một thế giới khốn khổ như thế, và tôi có thể làm gì để thay đổi nó? Ông có vẻ như bảo rằng: Quên nó đi và chiêm ngưỡng hạnh phúc trên thiên đường của chính ông. Chắc chắn là ông không hàm ý như thế. Sự mô tả một căn bệnh và nguyên nhân của căn bệnh không chữa khỏi căn bệnh. Cái mà chúng tôi cần là phương thuốc đúng.

M: Sự mô tả và nguyên nhân là phương cách trị liệu cho một căn bệnh được gây ra bởi u mê và ngu dốt. Cũng như bệnh thiếu vitamine được chữa khỏi bằng cách cung cấp những chất bị thiếu thì mọi căn bệnh của cuộc đời đều được chữa khỏi bằng một liều thuốc đúng của sự vô tư trí tuệ - *Viveka-Vairagya*.

H: Ông không thể cứu vớt thế gian bằng cách rao giảng những giáo điều về sự toàn hảo. Con người là như thế. Họ có bắt buộc phải chịu đau khổ không?

M: Bao giờ con người vẫn là như thế thì không có một lối thoát nào ra khỏi sự đau khổ. Hãy dẹp bỏ cái ý thức về sự riêng biệt thì xung đột sẽ không còn.

H: Một thông điệp được in ra có thể chỉ là giấy và mực. Chính bản văn mới là quan trọng. Khi phân tích thế giới thành những thành phần và tính chất chúng ta bỏ qua một điều quan trọng nhất - ý nghĩa của nó. Việc ông thu gọn tất cả mọi thứ thành chiêm bao đã không tính đến sự khác biệt giữa giấc mơ của một con côn trùng và giấc mơ của một thi sĩ. Tất cả đều là chiêm bao, cứ cho là như thế. Nhưng không phải tất cả đều như nhau.

M: Các giấc chiêm bao thì không đồng hành như nhau, nhưng người chiêm bao là một. Ta là con côn trùng, Ta là nhà thơ – trong chiêm bao. Nhưng trong hiện thực Ta không phải cả hai. Ta ở ngoài tất cả những giấc chiêm bao. Ta là ánh sáng mà trong đó tất cả các giấc chiêm bao xuất hiện và biến mất. Ta vừa ở trong vừa ở ngoài giấc chiêm bao. Giống như một người bị nhức đầu biết cơn đau và cũng biết rằng mình không phải là cơn đau thì Ta biết giấc chiêm bao, chính Ta đang chiêm bao và chính Ta không chiêm bao – tất cả cùng một lúc. Ta là Ta, trước, trong khi và sau giấc chiêm bao. Nhưng cái Ta thấy trong chiêm bao thì không phải là Ta.

H: Tất cả chỉ là tưởng tượng. Một người tưởng tượng rằng mình đang chiêm bao, một người khác tưởng tượng mình không chiêm bao. Không phải cả hai đồng như nhau?

M: Đồng và không đồng. Không chiêm bao – như là một khoảng xen vào giữa hai giấc chiêm bao – dĩ nhiên là một phần của giấc chiêm bao. Còn không chiêm bao – như là một sự liên tục không gián đoạn, tồn tại phi thời trong thực tại – thì chẳng có liên quan gì với chiêm bao. Theo nghĩa này thì Ta chưa bao giờ chiêm bao, và sẽ chẳng bao giờ chiêm bao.

H: Nếu cả chiêm bao và ra khỏi chiêm bao đều là tưởng tượng, vậy lối thoát là gì?

M: Chẳng cần lối thoát! Ông không thấy rằng lối thoát cũng là một phần của giấc chiêm bao? Tất cả những gì ông cần làm: thấy chiêm bao là chiêm bao.

H: Nếu tôi khởi sự thực hành gạt bỏ tất cả mọi thứ, xem chúng như một giấc chiêm bao thì nó sẽ đưa tôi đến đâu?

M: Dù có đưa ông đến bất cứ đâu thì nó vẫn là một giấc chiêm bao. Cái ý tưởng thoát ra khỏi giấc chiêm bao chỉ là một ảo tưởng. Việc gì phải đi đâu? Chỉ cần nhận ra rằng ông đang chiêm bao một giấc chiêm bao mà ông

gọi nó là thế giới, và chấm dứt tìm cách thoát ra. Giấc chiêm bao không phải là vấn đề của ông. Vấn đề của ông là ông thích đoạn này, nhưng lại không thích đoạn khác của giấc chiêm bao. Hoặc yêu thích tất cả, hoặc không tất cả, và đừng than van nữa. Một khi đã thấy chiêm bao là chiêm bao thì ông vừa làm xong tất cả những gì cần làm.

H: Có phải chiêm bao do suy nghĩ mà có?

M: Mọi thứ đều là trò chơi của tư tưởng. Trong trạng thái vô tưởng – Nirvikalpa Samadhi – không có gì được nhận thức. Ý tưởng căn nguyên vẫn là: "Ta hiện hữu". Nó phá vỡ trạng thái ý thức thuần túy và theo sau là vô số cảm giác và nhận thức, cảm thọ và ý tưởng – mà tổng thể của chúng tạo ra Thượng đế và thế giới của Ngài. Cái "Ta hiện hữu" vẫn là nhận chứng, chính ý chí của Thượng đế mà mọi chuyện xảy ra.

H: Tại sao lại không do ý chí của tôi?

M: Một lần nữa, ông lại phân chia chính ông thành Thượng đế và nhân chứng. Cả hai là một.

***

30. Ông tự do ngay bây giờ

Hỏi: Có rất nhiều thuyết về bản chất của con người và vũ trụ. Thuyết sáng thế, thuyết ảo ảnh, thuyết mộng huyễn. Trong các thuyết đó, thuyết nào đúng?

Maharaj: Tất cả đều đúng, và tất cả đều sai. Ông có thể chọn thuyết nào mà ông ưa thích nhất.

H: Ông có vẻ thiên về thuyết mộng huyễn.

M: Tất cả chỉ là những cách xếp đặt chữ nghĩa với nhau. Một số thiên về cách này, một số thuận theo cách khác. Lý thuyết thì không đúng mà cũng chẳng sai. Chúng chỉ là những cố gắng nhằm giải thích cái không thể giải thích được. Điều quan trọng không phải là lý thuyết mà là cách nó được thử nghiệm. Chính sự thử nghiệm lý thuyết làm cho lý thuyết thành công. Hãy thử nghiệm bất cứ lý thuyết nào mà ông yêu thích – nếu ông thực sự nghiêm túc và thành thật thì sự đạt đến thực tại sẽ thuộc về ông. Mang lấy kiếp người, ông bị câu thúc trong một tình huống bất trắc và đầy đau khổ, và ông đang tìm lối thoát. Ông được mời xem một số họa đồ về cái nhà tù giam giữ ông mà chẳng cái nào đúng hẳn. Nhưng nếu ông thật sự thành khẩn thì chúng có một giá trị nào đó. Chính sự thành khẩn – chứ không phải lý thuyết – sẽ giải thoát ông.

H: Lý thuyết có thể lừa dối, còn sự thành khẩn thì mù quáng.

M: Lòng chân thành sẽ hướng dẫn ông. Hiến mình cho mục đích tự do và sự toàn hảo sẽ khiến ông từ bỏ mọi lý thuyết và phương pháp để sống với sự hiểu biết, trí tuệ và tình yêu năng động. Lý thuyết có thể hữu ích như là những điểm khởi đầu, nhưng cần phải được từ bỏ, càng sớm càng tốt.

H: Có một hành giả *Yogi* nói rằng để giác ngộ thì chẳng cần đến pháp môn *Yoga* tám giai đoạn, chỉ riêng sức mạnh của ý chí là đủ. Chỉ cần tập trung vào mục đích với tất cả sự tin tưởng vào sức mạnh thuần ý chí là đủ để đạt được một cách dễ dàng và nhanh chóng những gì mà người khác phải mất hàng chục năm mới thành tựu.

M: Tập trung, hoàn toàn tin tưởng, thuần ý chí! Với những vốn quý như thế thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi một người thành tựu một cách nhanh chóng. Loại *Yoga* ý chí này dành cho những hành giả trưởng thành, đã loại bỏ được tất cả ham muốn và chỉ còn một. Xét cho cùng, ý chí không gì khác hơn là sự kiên định của trái tim và tâm thức. Với sự kiên định như thế cái gì cũng có thể đạt được.

H: Theo chỗ tôi hiểu thì hành giả Yogi đó không có ý muốn nói sự kiên định với mục đích sẽ đưa đến sự theo đuổi không ngừng và tinh tấn. Vị ấy muốn nói rằng chỉ cần đặt ý chí vào mục đích thì chẳng cần đến sự theo đuổi hay tinh tấn. Chính yếu tố ý chí thu hút đối tượng của nó.

M: Dù có gọi nó là gì đi nữa: ý chí, mục đích bất dịch, hay nhất tâm, thì ông vẫn trở lại với sự thành khẩn, chân thành, và thành thật. Khi thật sự thành khẩn, ông dồn hết tất cả, từng giây phút của cuộc sống cho mục đích của ông. Ông không phung phí thời gian và sức lực cho những cái khác. Ông hoàn toàn dâng hiến, ông có thể gọi đó là ý chí, là tình yêu, hay lòng thành thật. Chúng ta là những sinh vật phức tạp, thường xuyên chịu xung đột cả trong lẫn ngoài. Chúng ta luôn luôn mâu thuẫn với chính mình, hôm nay phá hủy những gì xây dựng hôm qua. Chẳng có gì làm ngạc nhiên khi chúng ta gặp bế tắc. Một chút trực tâm cũng có thể tạo ra một khác biệt lớn.

H: Cái nào mãnh liệt hơn, lòng ham muốn hay định mệnh?

M: Lòng ham muốn tạo ra định mệnh.

H: Và định mệnh tạo ra ham muốn. Ham muốn của tôi bị điều kiện hóa bởi tính di truyền và hoàn cảnh, bởi cơ hội và sự tình cờ, bởi cái mà chúng ta gọi là định mệnh.

M: Vâng, ông có thể cho là như thế.

H: Khi nào tôi được tự do ham muốn điều tôi ham muốn?

M: Ông tự do ngay bây giờ. Ông ham muốn gì? Cứ ham muốn đi.

H: Dĩ nhiên là tôi hoàn toàn tự do ham muốn, nhưng tôi không được tự do hành động như tôi ham muốn. Những thôi thúc khác làm cho tôi lạc hướng. Ham muốn được tôi chấp nhận thì không đủ mãnh liệt, trong khi những ham muốn mà tôi không chấp nhận thì lại mãnh liệt hơn.

M: Có thể ông tự lừa dối ông. Có thể ông đang diễn tả những ước muốn đích thực của ông, còn những ước muốn được ông chấp nhận và phô bày ngoài mặt chỉ vì tính cách khả kính.

H: Có thể đúng như ông nói, nhưng đấy lại là một lý thuyết khác. Thực tế là tôi không cảm thấy tự do để ham muốn cái mà tôi nghĩ tôi nên ham muốn, và khi có vẻ như ham muốn một cách chính đáng thì tôi lại không hành động tương ứng.

M: Tất cả là do sự nhu nhược của tâm và sự phân hóa của não bộ. Hãy tập trung và giữ cho tâm ông kiên cố rồi ông sẽ nhận thấy rằng ý nghĩ và cảm thọ, ngôn từ và hành động của ông sẽ tự điều hướng theo ý chí của ông.

H: Lại thêm một giáo điều nữa về sự toàn hảo! Đạt đến sự nhất tâm và giữ tâm kiên cố không phải là chuyện dễ dàng! Một người phải bắt đầu như thế nào?

M: Ông chỉ có thể bắt đầu từ chỗ của ông hiện nay. Ông ở đây và bây giờ, ông không thể lìa khỏi đây và bây giờ.

H: Nhưng tôi có thể làm gì ở đây và bây giờ?

M: Ông có thể biết rõ về sự hiện hữu của ông - ở đây và bây giờ.

H: Chỉ thế thôi sao?

M: Thế thôi. Chẳng có gì hơn nữa.

H: Trong tất cả những lúc thức cũng như chiêm bao tôi đều ý thức về chính mình. Nhưng điều đó chẳng giúp tôi được bao nhiêu.

M: Ông biết ông suy nghĩ, cảm thọ, và hành động. Nhưng ông không biết sự hiện hữu của ông.

H: Ông muốn đưa tôi vào yếu tố mới nào?

M: Thái độ của hành vi nhân chứng thuần túy, quan sát các sự kiện mà không can thiệp.

H: Điều đó có tác động gì đến tôi?

M: Sự thiếu quyết tâm là do thiếu thông minh, thiếu hiểu biết, mà chúng lại là kết quả của sự không tỉnh thức. Bằng cách tinh tấn để tỉnh thức ông sẽ gom được tâm và làm cho nó trở nên kiên cố.

H: Tôi có thể hoàn toàn tỉnh thức về những gì đang xảy ra, nhưng không có cách nào ảnh hưởng đến chúng.

M: Ông lầm rồi. Những gì đang xảy ra chỉ là phóng ảnh của tâm ông. Một cái tâm nhu nhược không thể điều khiển những phóng ảnh của chính nó. Do đó, hãy biết rõ tâm ông và những phóng ảnh của nó. Ông không thể điều khiển những gì ông không biết. Trái lại, sự hiểu biết tạo nên sức mạnh. Trong thực hành thì rất đơn giản. Muốn điều ngự chính mình thì phải biết chính mình.

H: Có thể tôi sẽ đạt đến được sự điều ngự chính mình, nhưng liệu tôi có thể đối phó với những hỗn loạn trên thế giới?

M: Chẳng hề có hỗn loạn nào trên thế giới, ngoại trừ những hỗn loạn do tâm ông tạo ra. Tâm tự tạo ra có nghĩa là ngay tại tâm điểm của nó có một ý tưởng sai lầm về chính mình, cho mình là một cái gì đó khác biệt, tách rời khỏi những cái khác. Trong thực tế, ông không là một cái gì cả, và cũng chẳng hề tách biệt. Ông là tiềm năng vô biên, khả năng vô tận. Vì ông hiện hữu, nên tất cả mới có thể hiện hữu. Vũ trụ chỉ là một phần thể hiện của khả năng trở thành của ông, mà khả năng đó thì vô hạn.

H: Tôi nhận thấy tôi hoàn toàn bị sai xử bởi lòng ham muốn lạc thú và nỗi lo sợ sự đau đớn. Dù ham muốn của tôi có cao thượng đến đâu và lo sợ của tôi có chính đáng đến đâu thì hạnh phúc và đau khổ vẫn là hai cực mà ở giữa là cuộc đời tôi xoay vần.

M: Hãy xông vào tận nguồn gốc của cả đau khổ lẫn lạc thú, ham muốn và lo sợ. Hãy quan sát, tra vấn, và tìm cách hiểu chúng.

H: Ham muốn lẫn lo sợ đều là những cảm xúc được tạo ra bởi các yếu tố vật chất hay tâm lý. Chúng có đó và rất dễ quan sát. Nhưng tại sao chúng có đó? Tại sao tôi lại ham muốn lạc thú và sợ hãi đau khổ?

M: Lạc thú và đau khổ là những trạng thái của tâm. Chừng nào ông còn nghĩ ông là tâm, hay đúng hơn là thân-tâm, thì ông còn nêu lên những câu hỏi như thế.

H: Khi nhận ra chính mình không phải là thân xác, liệu tôi có thể thoát khỏi ham muốn và lo sợ?

M: Chừng nào còn có một thân xác và một cái tâm bảo vệ thân thì ông còn bị tác động bởi những lực hấp dẫn và xô đẩy. Chúng luôn luôn có đó, trong phạm trù của các sự kiện, nhưng chẳng hề làm ông bận tâm. Đặt trọng tâm chú ý của ông vào một chỗ khác. Ông không hề bị phân tâm.

H: Nhưng chúng vẫn còn đó. Liệu một người không bao giờ được hoàn toàn tự do?

M: Ông hoàn toàn tự do thậm chí ngay bây giờ. Cái mà ông gọi là định mệnh thực ra chỉ là kết quả của ý muốn ham sống của chính ông. Muốn biết được ý muốn ham sống này mãnh liệt như thế nào thì ông có thể nhận biết nó qua nỗi sợ chết đến độ kinh hoàng của mọi loài chúng sinh.

H: Người ta chết một cách tự nguyện cũng khá nhiều.

M: Chỉ khi nào phương cách duy nhất còn lại tồi tệ hơn cái chết. Nhưng sự sẵn sàng chết như thế cũng có cùng một nguồn gốc với ý muốn ham sống, và nguồn gốc đó còn sâu kín hơn cả chính cuộc sống. Là một sinh vật thì không phải là trạng thái tối hậu; còn có một cái gì siêu việt, tuyệt vời hơn rất nhiều, nó không phải hiện hữu mà cũng chẳng phải phi hiện hữu, không phải sinh mà cũng chẳng phải vô sinh. Đó là trạng thái của tánh biết thuần túy, vượt ra ngoài mọi hữu hạn của không gian và thời gian. Một khi cái ảo tưởng cho rằng thân-tâm là chính mình đã được loại bỏ thì cái chết không còn là mối kinh hoàng, mà trở thành một phần của sự sống.

***

31. Đừng xem thường sự chú ý

Hỏi: Theo cái nhìn của tôi, ông có vẻ là một người nghèo khó với phương tiện rất hạn chế, đang phải đối diện với tất cả những hệ lụy của sự nghèo khó và phiền toái của tuổi già như mọi người khác.

Maharaj: Nếu như Ta giàu có thì có gì khác biệt? Ta là cái Ta là. Làm sao Ta có thể là một cái gì khác? Ta không giàu mà cũng không nghèo, Ta là chính Ta.

H: Nhưng ông vẫn nếm mùi lạc thú và đau khổ.

M: Ta trải qua những cái đó trong ý thức, nhưng Ta chẳng phải ý thức mà cũng chẳng phải nội dung của ý thức.

H: Ông bảo rằng chúng ta đều bình đẳng trong sự hiện hữu chơn thật của chính mình. Nhưng vì sao kinh nghiệm của ông lại khác với kinh nghiệm của chúng tôi đến thế?

M: Kinh nghiệm thật sự của Ta thì không khác. Nhưng sự đánh giá và thái độ của Ta thì khác. Ta thấy cùng một thế giới như ông thấy, nhưng cách thấy thì không cùng. Chẳng có gì là kỳ bí cả. Mọi người thấy thế giới qua cái ý tưởng mà họ có về chính mình. Ông nghĩ ông là thế nào thì ông cho thế giới là như thế. Khi ông tưởng tượng ông tách biệt với thế giới thì thế

giới sẽ có vẻ tách biệt với ông, và ông sẽ trải qua tham ái và lo sợ. Ta không thấy thế giới tách biệt với Ta, nên chẳng có gì để Ta tham ái và lo sợ.

H: Ông là một điểm sáng trong thế giới. Không phải ai cũng như thế.

M: Hoàn toàn không có sự khác biệt nào giữa Ta và người khác, ngoại trừ điều Ta biết Ta như chính Ta là. Ta là tất cả. Ta biết chắc như thế, còn ông thì không.

H: Rốt cuộc thì chúng ta vẫn khác nhau.

M: Không, chúng ta không khác. Sự khác biệt chỉ xảy ra trong tâm và nhất thời. Ta đã từng như ông, và ông sẽ như Ta.

H: Thượng đế đã tạo ra một thế giới đa dạng nhất.

M: Sự đa dạng chỉ có trong ông. Thấy chính ông như ông là thì ông sẽ thấy thế giới như thế giới là – một khối thực thể duy nhất, không thể phân chia, và không thể mô tả. Chính khả năng sáng tạo của ông phóng chiếu lên nó một bức tranh và tất cả câu hỏi của ông đặt ra là về bức tranh.

H: Một *Yogi* người Tây Tạng đã viết rằng Thượng đế sáng tạo ra thế giới cho một mục đích và điều hành thế giới theo một phương án. Mục đích đó rất tốt đẹp, và phương án đó là khôn ngoan nhất.

M: Tất cả những cái đó đều nhất thời, còn Ta liên quan với cái vĩnh cửu. Các thần linh và vũ trụ của họ xuất hiện và biến mất, các đấng cứu thế tiếp nối nhau trong một chuỗi vô tận, và cuối cùng chúng ta trở lại với nguồn gốc. Ta chỉ nói đến nguồn gốc vô thời của tất cả các thần linh cùng với vũ trụ của họ, trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

H: Ông biết tất cả các thần linh đó? Ông có nhớ người nào không?

M: Dăm ba đứa trẻ làm trò cho vui thì có gì để xem và có gì để nhớ?

H: Tại sao một nửa nhân loại là đàn ông và một nửa là đàn bà?

M: Vì hạnh phúc của họ. Cái phi nhân cách trở thành nhân cách vì hạnh phúc trong quan hệ. Nhờ ân đức Tôn sư, Ta có thể thấy cái phi nhân cách lẫn cái nhân cách bằng con mắt bình đẳng. Đối với Ta cả hai là một. Trong cuộc sống, nhân cách hội nhập với phi nhân cách.

H: Nhân cách sinh khởi từ phi nhân cách như thế nào?

M: Chúng chỉ là các phương diện của một Thực tại. Bảo cái này có trước cái kia là không đúng. Tất cả những ý tưởng như thế thuộc về trạng thái thức.

H: Cái gì gây ra trạng thái thức?

M: Ham muốn nằm ngay ở gốc rễ của mọi sự sáng tạo. Ham muốn và trí tưởng tượng nuôi dưỡng và củng cố lẫn nhau. Trạng thái thứ tư – Turiya –

là trạng thái nhân chứng thuần túy, là tánh biết vô tư, vô cảm tính và vô ngôn. Nó cũng giống như hư không, hoàn toàn không bị tác động bởi những gì nó dung chứa. Mọi phiền não của thân và tâm không đạt đến nó – phiền trược thì ở bên ngoài, "ở đó", còn nhân chứng thì luôn luôn "ở đây".

H: Cái nào thật, cái chủ quan hay cái khách quan? Tôi có khuynh hướng tin rằng vũ trụ khách quan là thật còn cái tâm chủ quan của tôi luôn luôn biến dịch và vô thường. Ông có vẻ cho rằng thực tại thuộc về những trạng thái nội tâm và chủ quan của ông, và ông phủ nhận thực tại đối với thế giới cụ thể bên ngoài.

M: Cả cái chủ quan lẫn cái khách quan đều biến dịch và vô thường. Chẳng có gì là thật về chúng. Hãy tìm cái thường hằng trong cái vô thường, yếu tố duy nhất bất biến trong mọi kinh nghiệm.

H: Yếu tố bất biến này là gì?

M: Dù Ta có gọi nó bằng nhiều tên khác nhau, và chỉ cho ông bằng nhiều cách khác nhau thì cũng chẳng giúp gì nhiều, trừ khi ông có khả năng thấy nó. Một người bị mờ mắt không thể nhìn thấy con vẹt đậu trên cành cây, dù ông có cố gắng gợi ý đến đâu để chỉ cho người đó thấy. Giỏi lắm là người đó thấy được ngón tay ông chỉ. Trước tiên là làm cho thị giác của ông trong sáng, rồi học cách thấy thay vì trố mắt nhìn, ông sẽ nhận ra con vẹt kia. Ông cũng cần phải thành khẩn muốn thấy. Ông cần cả tính trong sáng và lòng thành khẩn cho sự hiểu biết chính mình. Ông cần sự trưởng thành của trái tim và tâm thức, mà sự trưởng thành đó phát sinh từ sự thành khẩn ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày những gì ông đã hiểu, dù ít đến đâu. Trong *Yoga* không có cái gì như là thỏa hiệp lừng chừng.

Nếu ông muốn tội lỗi, hãy tội lỗi hết mình và công khai. Cũng như đức hạnh có những bài học để dạy các bậc thánh thiện thành khẩn thì tội lỗi cũng có những bài học để dạy kẻ tội lỗi thành khẩn. Chính sự lẫn lộn hai cái với nhau mới tai hại. Không gì có thể ngăn trở ông một cách hữu hiệu bằng thái độ thỏa hiệp lừng chừng, vì nó chứng tỏ sự thiếu thành khẩn, nếu không thành khẩn thì chẳng làm được chuyện gì.

H: Tôi tán thành khắc khổ, nhưng trong thực tế lại chuộng sự xa hoa. Thói quen chạy theo lạc thú và lẫn tránh đau khổ đã thâm căn cố đế trong tôi đến nỗi tất cả những ý định tốt đẹp của tôi, khá nhiều trên bình diện lý thuyết, nhưng không thể nào bám rễ trong cuộc sống hàng ngày. Bảo rằng tôi không thành thật thì chẳng giúp ích gì được tôi, vì tôi không biết cách làm thế nào để thành thật.

M: Ông không thành thật mà cũng chẳng dối trá – đặt tên cho những trạng thái của tâm thì chỉ hữu ích để bày tỏ sự vừa ý hay không vừa ý của ông. Phiền trược không phải là của ông – mà là của tâm ông. Ông hãy bắt đầu bằng cách xa lìa tâm ông. Hãy kiên trì tự nhắc nhở rằng ông không phải là tâm, và mọi phiền trược là của tâm chứ không phải là của ông.

H: Tôi có thể bắt đầu tự nhủ: "Ta không phải là tâm, ta chẳng cần quan tâm đến những phiền trược của nó" nhưng tâm vẫn còn đó, và những phiền trược của nó vẫn còn nguyên như cũ. Này ông, xin đừng nói lý do là tôi chưa đủ thành khẩn, và tôi cần phải thành khẩn hơn nữa! Tôi biết điều ông nói, tôi công nhận điều ông nói, và tôi chỉ hỏi ông – làm sao thực hiện đây?

M: Ít ra là ông hỏi! Đủ để bắt đầu. Hãy khởi sự tư duy, thắc mắc, và quan tâm tìm một phương cách. Hãy ý thức rõ chính ông, quan sát tâm ông, dành tất cả chú ý cho nó. Đừng mong đợi kết quả xổi thì, có thể ông sẽ không nhận ra một kết quả nào. Cái Psyche của ông sẽ trải qua một sự thay đổi mà ông không hay biết, tư duy của ông sẽ trong sáng hơn, cảm xúc của ông sẽ bao dung hơn, và thái độ của ông sẽ thanh thoát hơn. Ông không cần thiết phải nhắm đến những cái đó – ông sẽ chứng kiến sự thay đổi thì cũng thế thôi. Vì, cái mà ông là hiện nay là kết quả của sự không chú ý, và cái mà ông trở thành là kết quả của sự chú ý.

H: Vì sao đơn thuần chú ý lại quan trọng đến như thế?

M: Cho đến nay cuộc đời ông tăm tối và bất an (*Tamas* và *Rajas*). Chú ý, tỉnh thức, sự biết rõ, tính trong sáng, sự linh hoạt, sinh khí là tất cả những thị hiện của sự toàn vẹn, sự hợp nhất với bản chất chơn thật của ông – *Sattva*. Chính trong bản thể của Sattva mà sự tăm tối và bất an được thanh tẩy và hóa giải, và tính cách con người được tái tạo theo đúng với bản chất chơn thật của cái Ta. *Sattva* là tôi tớ trung thành của cái Ta, nó luôn luôn chu đáo và vâng lời.

H: Tôi sẽ đạt đến trạng thái đó bằng sự chú ý thuần túy?

M: Chớ xem thường sự chú ý. Chú ý có nghĩa là quan tâm và cũng là tình yêu. Muốn biết, muốn làm, muốn khám phá, hay muốn sáng tạo ông phải dành hết tâm huyết vào đó – có nghĩa là chú ý. Mọi phước báu từ đó mà ra.

H: Ông bảo chúng tôi tập trung vào ý thức "Ta hiện hữu". Có phải đó cũng là một hình thức chú ý?

M: Còn gì nữa? Dành tất cả chú ý của ông cho cái quan trọng nhất đời ông – chính ông. Trong cái vũ trụ của riêng ông, ông là tâm điểm – không

biết được tâm điểm thì ông có thể biết được cái gì?

H: Nhưng làm sao tôi có thể biết được chính tôi? Muốn biết được chính tôi thì tôi phải ra ngoài tôi. Nhưng cái ở ngoài tôi thì không thể là chính tôi. Như vậy, có vẻ như tôi không thể biết chính tôi, mà chỉ biết cái mà tôi cho là chính tôi.

M: Đúng thế. Cũng như ông không thể thấy mặt ông, mà chỉ thấy ảnh phản chiếu của nó trong gương; tương tự như thế ông chỉ có thể thấy hình ảnh của chính ông phản chiếu trong tấm gương không hề bị hoen ố của tánh biết thuần túy.

H: Làm sao tôi có được tấm gương không hoen ố đó?

M: Rõ ràng là ông phải tẩy sạch các vết hoen ố. Thấy được những vết hoen ố và tẩy sạch chúng. Giáo huấn từ ngàn xưa vẫn có giá trị.

H: Cái gì thấy và cái gì tẩy xóa?

M: Bản chất trong sáng của tấm gương toàn hảo là cái mà ông không thể thấy được. Bất cứ gì mà ông thấy chắc chắn phải là một vết hoen ố. Lơ nó đi, buông bỏ nó, biết nó như một cái gì không cần đến.

H: Tất cả những gì có thể nhận thức được có phải là những vết hoen ố?

M: Tất cả đều là những vết hoen ố.

H: Toàn thể thế giới là một vết ố.

M: Phải, đúng thế.

H: Khủng khiếp quá! Như thế, vũ trụ chẳng có giá trị gì?

M: Nó vô cùng giá trị. Vượt ra khỏi nó thì ông nhận ra chính ông.

H: Nhưng tại sao nó xuất hiện ngay từ đầu?

M: Ông sẽ biết được điều đó khi nó chấm dứt.

H: Liệu có bao giờ nó chấm dứt?

M: Có chứ, do ông.

H: Nó đã bắt đầu từ khi nào?

M: Bây giờ.

H: Nó sẽ chấm dứt khi nào?

M: Bây giờ.

H: Nó có chấm dứt bây giờ đâu?

M: Ông không để cho nó chấm dứt.

H: Tôi muốn để nó chấm dứt.

M: Ông không muốn. Tất cả cuộc đời ông gắn liền với nó. Quá khứ và tương lai của ông, tham ái và lo sợ của ông, tất cả đều bắt nguồn từ thế giới. Không có thế giới, ông ở đâu, và ông là ai?

H: Một cách chính xác, đó là điều tôi gặp ông để tìm ra.

M: Và Ta bảo cho ông biết một cách chính xác điều này: hãy tìm được một chỗ đặt chân ở bên ngoài, rồi tất cả sẽ sáng tỏ và dễ dàng.

***

32. Cuộc sống là Đạo sư tối thượng

Hỏi: Hai người chúng tôi từ những xứ sở xa xôi đến, một là người Anh, và một là người Mỹ. Thế giới mà trong đó chúng tôi sinh ra đang băng hoại, và vì còn trẻ nên chúng tôi rất lo lắng. Những người lớn tuổi hy vọng họ sẽ chết bằng cái chết của họ, còn bọn trẻ chúng tôi không có hy vọng đó. Một số người trong chúng tôi có thể không chấp nhận giết, nhưng không ai có thể chấp nhận để bị giết. Liệu chúng tôi có hy vọng chấn chỉnh thế giới nội trong đời chúng tôi.

Maharaj: Vì sao các cậu lại nghĩ rằng thế giới sắp diệt vong?

H: Các phương tiện hủy diệt đã trở nên vô cùng khốc liệt. Không những thế, ngay cả các hoạt động sản xuất vẫn không ngừng tàn phá thiên nhiên, cũng như các giá trị văn hóa và xã hội của chúng tôi.

M: Cậu nói về thời đại hiện nay. Từ trước đến nay điều này vẫn luôn như thế ở mọi nơi. Nhưng tình thế đáng lo ngại này có thể là nhất thời và có tính cách địa phương. Rồi mọi chuyện sẽ qua đi, và người ta sẽ quên đi.

H: Thảm họa sắp xảy ra có một quy mô rộng lớn không thể tưởng tượng. Chúng ta đang sống giữa một vụ nổ dữ dội.

M: Mỗi con người đau khổ riêng và chết riêng. Con số thì chẳng quan trọng. Hàng triệu người chết thì cũng nhiều như một người bị sát hại.

H: Thiên nhiên có thể tiêu diệt hàng triệu người, nhưng điều đó không làm tôi kinh sợ. Những biến cố như thế có thể là một thảm kịch hay một điều kỳ bí, nhưng không tàn bạo. Điều làm tôi kinh hoàng là những đau khổ mang tính hủy diệt và tàn phá do con người tạo ra. Thiên nhiên luôn luôn hùng vĩ trong sự tạo dựng và phá hủy. Nhưng hành vi của con người thì độc ác và điên cuồng.

M: Đúng. Như vậy, vấn đề cậu quan tâm không phải là đau khổ và cái chết, mà là sự độc ác và điên cuồng tại nguồn gốc của chúng. Thế không phải độc ác cũng là một hình thức điên cuồng? Và không phải điên cuồng là một sự dụng tâm sai lầm? Vấn nạn của nhân loại là ở trong sự dụng tâm sai lầm. Toàn thể kho báu của thiên nhiên và tinh thần luôn luôn rộng mở đối với ai dụng tâm đúng đắn.

H: Thế nào là dụng tâm đúng đắn?

M: Lo sợ và tham ái tạo nên sự dụng tâm sai lầm. Dụng tâm đúng đắn là phụng sự tình yêu, cuộc sống, chân lý và cái đẹp.

H: Nói thì dễ hơn làm. Yêu chân lý, yêu người, thiện ý – toàn là những thứ hiếm quý! Chúng ta cần rất nhiều những thứ đó để chấn chỉnh thế giới, nhưng ai là người ban phát?

M: Cậu có thể muôn đời tìm kiếm chân lý và tình yêu, trí tuệ và thiện ý ở bất cứ đâu; van xin Thượng đế và con người – tất cả đều vô ích. Cậu phải bắt đầu trong chính mình, với chính mình – đây là định luật bất di bất dịch. Cậu không thể sửa đổi hình ảnh trong gương mà không sửa đổi bộ mặt. Trước tiên, hãy nhận ra rằng thế giới chỉ là ảnh phản chiếu của chính cậu, và ngừng tìm kiếm sai lầm trong ảnh phản chiếu. Hãy chú ý đến chính cậu, chấn chỉnh chính cậu – về tâm lý cũng như cảm xúc. Thân xác vật lý sẽ tự động theo sau. Cậu nói nhiều về những cải tổ: kinh tế, xã hội, chính trị. Cứ mặc kệ những cải tổ mà hãy quan tâm đến người cải tổ. Một kẻ vô minh, tham lam và tàn ác tạo ra một thế giới như thế nào?

H: Nếu phải chờ một sự thay tâm đổi ý thì chúng ta chờ đến muôn đời. Những gì ông nói chỉ là giáo điều về sự toàn hảo, và cũng là giáo điều của sự tuyệt vọng. Khi tất cả toàn hảo, thế giới sẽ toàn hảo. Thật là một lập luận hiển nhiên vô tích sự!

M: Ta có bảo thế đâu. Ta chỉ nói: Cậu không thể sửa đổi thế giới trước khi sửa đổi chính cậu; Ta không bảo trước khi sửa đổi mọi người. Sửa đổi người khác là chuyện không cần thiết và không thể được. Nhưng nếu cậu có thể sửa đổi chính mình thì cậu sẽ nhận ra rằng không có sửa đổi nào khác là cần thiết. Muốn sửa đổi hình ảnh thì chỉ cần sửa đổi cuốn phim, cậu chẳng cần phải công kích màn ảnh!

H: Làm sao ông chắc chắn về ông đến như thế? Làm sao ông biết được điều ông nói ra là đúng thật?

M: Ta không chắc chắn về chính Ta, mà Ta chắc chắn về cậu. Tất cả những gì cậu cần là chấm dứt tìm kiếm bên ngoài cái mà cậu chỉ có thể tìm thấy bên trong. Hãy đặt lại cho đúng cách nhìn của cậu trước khi hoạt động. Cậu đau khổ vì sự hiểu lầm nghiêm trọng. Hãy làm cho tâm cậu trong sáng, tim cậu trong sạch, đời cậu thánh thiện – đó là phương cách nhanh chóng nhất để sửa đổi thế giới của cậu.

H: Vô số thánh nhân và các bậc thần bí đã từng xuất hiện và ra đi. Chẳng ai sửa đổi thế giới của tôi.

M: Làm sao họ có thể sửa đổi? Thế giới của cậu không phải là của họ, và thế giới của họ không phải là của cậu.

H: Chắc chắn là có một thế giới thực tế chung cho mọi người.

M: Thế giới của sự vật, năng lượng và vật chất? Cho dù có một thế giới chung gồm các sự vật và động lực vật lý thì đó cũng không phải là thế giới mà trong đó chúng ta đang sống. Thế giới của chúng ta là thế giới của cảm thọ và ý nghĩ, của những thu hút và xô đẩy, của những nấc thang giá trị, của các động cơ và khuyến khích – một thế giới hoàn toàn tâm lý. Về phương diện sinh học, chúng ta cần rất ít; tất cả vấn đề của chúng ta đều thuộc về một giai tầng khác. Những vấn đề do tham ái, lo sợ, và tà kiến tạo ra chỉ có thể giải quyết trên bình diện của tâm. Cậu phải điều ngự tâm cậu, mà muốn thế thì cậu phải vượt ra khỏi nó.

H: Vượt ra khỏi tâm nghĩa là thế nào?

M: Cậu đã vượt ra khỏi thân xác, có phải thế không? Cậu có theo dõi một cách chi tiết sự tiêu hóa, tuần hoàn hay bài tiết của cậu đâu. Những sinh hoạt đó đều trở thành tự động. Tương tự như thế, tâm phải hành hoạt một cách tự động, mà không cần phải kêu gọi sự chú ý. Điều này chỉ có thể xảy ra khi nào tâm cậu hoạt động hoàn chỉnh. Chúng ta thường xuyên ý thức về tâm và thân, bởi vì chúng luôn luôn kêu gọi giúp đỡ. Đau đớn và đau khổ chỉ là những tiếng la của thân và tâm kêu gọi sự chú ý. Để vượt ra khỏi thân, cậu phải khỏe mạnh; để vượt ra khỏi tâm cậu phải đặt tâm trong một trật tự hoàn toàn. Cậu không thể để lại phía sau một đống bầy hầy và đi ra ngoài. Đống bầy hầy đó sẽ làm cậu vướng chân. "Dọn rác của mình bầy ra" là một luật chung. Và đó cũng là luật công bằng.

H: Xin phép hỏi ông đã vượt ra khỏi tâm như thế nào?

M: Nhờ công đức của Tôn sư.

H: Công đức ấy là gì?

M: Ngài nói với Ta cái gì là chân lý.

H: Ông ấy đã nói gì với ông?

M: Ngài bảo Ta là Thực thể Tối thượng.

H: Ông đã làm gì với điều đó?

M: Ta tin tưởng Tôn sư và ghi nhớ lời dạy.

H: Chỉ có thế thôi sao?

M: Phải, Ta nhớ Tôn sư, Ta nhớ lời ngài dạy.

H: Ông muốn nói rằng chỉ có thế là đủ?

M: Còn phải làm gì nữa? Nhớ đến Tôn sư và lời ngài dạy là đã quá nhiều. Lời khuyên của Ta cho cậu còn dễ hơn thế - chỉ cần nhớ chính mình. "Ta hiện hữu" là đủ chữa lành bệnh của tâm và đưa cậu ra khỏi tâm. Chỉ cần chút tín tâm. Ta không lừa dối cậu đâu. Việc gì Ta phải làm như thế? Ta mong cầu nơi cậu điều chi? Ta mong cậu an lành – đó là bản chất của Ta. Việc gì Ta phải lừa dối cậu?

Lý lẽ thường tình cũng có thể cho cậu biết rằng muốn thực hiện một ước muốn cậu phải để tâm vào nó. Nếu muốn biết bản chất chơn thật của chính mình, cậu phải để tâm đến chính mình trong mọi lúc, cho đến khi bí mật hiện hữu của cậu phô bày.

H: Vì sao nhớ chính mình lại đưa đến sự giác ngộ chính mình?

M: Bởi vì chúng là hai phương diện của cùng một trạng thái. Nhớ chính mình là ở trong tâm, còn giác ngộ chính mình là ở ngoài tâm. Hình ảnh trong gương là của bộ mặt ở bên ngoài gương.

H: Khá đúng. Nhưng mục đích là gì?

M: Muốn giúp người khác, một người phải vượt ra khỏi sự cần giúp.

H: Tất cả những gì tôi muốn là hạnh phúc.

M: Hãy hạnh phúc để tạo hạnh phúc.

H: Và mặc kệ người khác lo cho chính họ.

M: Này cậu, cậu không tách biệt với tha nhân đâu. Hạnh phúc mà cậu không thể chia sẻ được là hạnh phúc giả tạm. Chỉ cái gì có thể chia sẻ được thì mới thực sự đáng mong cầu.

H: Đúng. Nhưng tôi có cần một Đạo sư không? Những gì ông nói với tôi rất đơn giản và rất thuyết phục. Tôi sẽ nhớ lời ông, nhưng không có nghĩa ông là Đạo sư của tôi.

M: Điều quan trọng không phải là kính ngưỡng một ai đó, mà là sự kiên trì và chiều sâu của sự cống hiến cho công cuộc. Tự thân cuộc sống là vị Đạo sư Tối thượng; hãy chú ý đến những bài học và tuân theo các mệnh lệnh của cuộc sống. Khi nhân cách hóa nguồn gốc của những bài học, cậu có một Đạo sư ở bên ngoài; khi tiếp nhận các bài học trực tiếp từ cuộc sống thì vị Đạo sư ở bên trong. Ghi nhớ lời dạy của Đạo sư – bên ngoài hay bên trong – thắc mắc, tư duy, sống với nó, yêu quí nó, trở thành nó, trưởng thành với nó, biến nó thành của riêng mình. Cứ bỏ vào đó tất cả và cậu sẽ có tất cả. Ta đã làm như thế. Ta đã cống hiến tất cả thời gian của Ta cho Tôn sư và những gì ngài chỉ dạy.

H: Tôi sống bằng nghề viết văn. Ông có thể cho tôi một lời khuyên nào đó, riêng biệt cho tôi?

M: Viết văn là một tài năng và cũng là một kỹ năng. Trưởng thành với tài năng và phát triển với kỹ năng. Hãy ham muốn cái gì đáng ham muốn, và ham muốn nó một cách tốt đẹp. Muốn tìm lối ra giữa đám đông thì phải lách qua nhiều người, tương tự như thế cậu tìm đường ra giữa các sự kiện mà không để mất hướng. Điều này rất dễ, nếu cậu thành khẩn.

H: Rất nhiều lần ông đề cập đến sự cần thiết phải thành khẩn. Nhưng chúng tôi không phải là những người thuần ý chí. Chúng tôi là những mớ ham muốn và cần cầu, đòi hỏi bản năng và thôi thúc. Chúng bò lúc nhúc lên nhau, lúc cái này, lúc cái khác ngoi lên trên, nhưng chẳng bao giờ được lâu.

M: Chẳng có cần cầu, mà chỉ có ham muốn.

H: Ăn, uống, có chỗ nương thân: có phải đó là sống?

M: Ước muốn sinh tồn là một ước muốn căn bản nhất. Tất cả những thứ khác đều tùy thuộc vào nó.

H: Chúng ta sống vì chúng ta phải sống.

M: Chúng ta sống vì chúng ta khao khát sự tồn tại mang tính cảm giác.

H: Một điều mang tính chung nhất như thế thì không thể sai trái.

M: Dĩ nhiên là không sai. Vào đúng chỗ và đúng thời thì chẳng có gì sai. Nhưng khi quan tâm đến chân lý, đến thực tại thì cậu phải đặt câu hỏi về mọi thứ, ngay cả chính cuộc đời của cậu. Bằng cách khẳng định sự cần thiết của kinh nghiệm thuộc cảm giác và tri thức, cậu thu hẹp sự tìm hiểu trong phạm vi tìm kiếm sự thỏa mãn.

H: Tôi tìm kiếm hạnh phúc, chứ không phải sự thỏa mãn.

M: Ngoài sự thỏa mãn của tâm và thân, cậu còn biết hạnh phúc nào khác?

H: Liệu còn có hạnh phúc khác?

M: Hãy tìm ra cho chính cậu. Đặt câu hỏi về từng sự thôi thúc, đừng cho bất cứ ham muốn nào cũng là chính đáng. Hãy từ bỏ tất cả mọi sở hữu, vật lý cũng như tâm lý, hoàn toàn không còn bận tâm đến chính mình, hãy cởi mở để khám phá.

H: Theo truyền thống tâm linh Ấn Độ, chỉ cần sống thân cận với một vị thánh nhân hay một bậc hiền triết thì cũng đủ để đạt đến giải thoát mà chẳng cần đến phương tiện nào khác. Vì sao ông không lập một tịnh xá – *Ashram* – để nhiều người có thể sống gần ông.

M: Ngay khi lập ra một tổ chức nào đó thì Ta trở thành tù nhân của nó. Thật ra, ai cũng có thể gặp Ta. Ăn ở chung nhà không làm cho người ta cảm thấy được tiếp đãi ân cần hơn. "Sống gần" không có nghĩa là hít thở cùng không khí. "Sống gần" có nghĩa là tin tưởng và quy thuận, không để những thiện ý của Đạo sư trở nên uổng phí. Luôn luôn để Đạo sư trong tim và ghi nhớ những lời ngài dạy – đó mới chính là thật sự ăn ở cùng với chân lý. Sự thân cận có tính cách vật lý thì không mấy quan trọng. Hãy biến tất cả đời cậu thành sự thể hiện tín tâm và lòng yêu quí đối với Đạo sư – đó mới chính là sống thân cận với Đạo sư.

***

33. Mọi chuyện đều tự xảy ra

Hỏi: Bậc giác ngộ có chết không?

Maharaj: Người giác ngộ ở ngoài sống và chết. Điều mà chúng ta cho là bất khả tránh – sinh ra và chết đi – thì đối với người giác ngộ chỉ là một cách thể hiện cái động trong cái tịnh, cái biến đổi trong cái bất biến, cái chấm dứt trong cái bất tận. Đối với người giác ngộ thì hiển nhiên là không có gì được sinh ra và chẳng có gì chết đi, không có gì bền lâu và cũng chẳng có gì thay đổi, tất cả hiện hữu như chính nó là – một cách phi thời.

H: Ông nói bậc giác ngộ ở ngoài. Ở ngoài cái gì? Ở ngoài sự hiểu biết?

M: Sự hiểu biết nổi lên và chìm xuống. Ý thức xuất hiện rồi biến mất. Đó là điều xảy ra hàng ngày và quan sát được. Chúng ta đều biết rằng nhiều lúc chúng ta có ý thức và cũng có nhiều lúc không. Khi không có ý thức, chúng ta ở trong trạng thái tối tăm hoặc không biết gì cả. Nhưng một người giác ngộ biết rõ chính mình không phải hữu thức mà cũng chẳng phải vô thức; người giác ngộ biết một cách thuần túy, như một nhân chứng về ba trạng thái của tâm và nội dung của các trạng thái đó.

H: Hành vi nhân chứng này bắt đầu khi nào?

M: Đối với người giác ngộ không có gì bắt đầu hoặc chấm dứt. Cũng như muối hòa tan trong nước, tất cả mọi thứ tan biến vào trong sự hiện hữu thuần túy. Trí tuệ là sự phủ nhận vĩnh viễn cái hư giả. Thấy được cái hư giả là trí tuệ. Siêu vượt ra ngoài là cái bất khả diễn giải.

H: Trong tôi có sự tin tưởng: "Ta là thân xác." Cứ cho là tôi nói từ vô minh. Nhưng trạng thái cảm nhận chính mình là thân, là thân-tâm, là tâm-thân, hay thậm chí là tâm thuần túy – bắt đầu từ bao giờ?

M: Ông không thể nói đến một sự bắt đầu của ý thức. Ngay chính những ý tưởng về sự bắt đầu và thời gian đều ở trong ý thức. Muốn nói một cách

có ý nghĩa về sự bắt đầu của bất cứ cái gì thì ông phải bước ra khỏi nó. Và ngay khi bước ra khỏi, ông nhận ra rằng chẳng có cái gì như thể và chưa bao giờ đã có cái như thế. Chỉ có thực tại, trong đó không cái gì tự nó có thực thể. Cũng như sóng không thể xa lìa biển, tất cả mọi tồn tại đều bắt nguồn từ hiện hữu.

H: Thực tế là ngay đây và bây giờ, tôi hỏi ông: cái cảm tưởng "Ta là thân xác" khởi lên khi nào? Lúc tôi sinh ra? Hay mới sáng nay?

M: Ngay bây giờ.

H: Nhưng tôi nhớ hôm qua tôi cũng có nó!

M: Ký ức về ngày hôm qua chỉ có ngay bây giờ.

H: Nhưng chắc chắn là tôi tồn tại trong thời gian. Tôi có một quá khứ và một tương lai.

M: Đó là cách ông tưởng tượng – ngay bây giờ.

H: Chắc chắn đã phải có một sự bắt đầu.

M: Ngay bây giờ.

H: Thế còn chấm dứt?

M: Cái không có sự bắt đầu thì không thể chấm dứt.

H: Tôi biết tôi hỏi cái gì.

M: Một câu hỏi sai thì không thể có câu trả lời. Nó chỉ có thể được xem là hư giả.

H: Đối với tôi nó là thật.

M: Nó xuất hiện như thật với ông bao giờ? Ngay bây giờ.

H: Đúng, nó rất thật với tôi – ngay bây giờ.

M: Cái gì là thật về câu hỏi của ông? Câu hỏi của ông là một trạng thái của tâm. Không có trạng thái nào của tâm lại thật hơn chính tâm. Tâm có thật không? Nó chỉ là sự kết tập của các trạng thái, mà mỗi trạng thái đều biến diệt. Làm sao một chuỗi liên tiếp các trạng thái biến diệt có thể được xem là thật?

H: Cũng giống như những chuỗi hạt trên một sợi dây, sự kiện tiếp nối sự kiện – mãi mãi.

M: Tất cả chúng đều treo trên một ý nghĩ căn bản: "Ta là thân xác." Nhưng ngay cả ý nghĩ này cũng là một trạng thái của tâm và không lâu bền. Nó đến rồi đi như tất cả các trạng thái khác. Cái ảo tưởng là thân-tâm có đó chỉ vì nó không được tìm hiểu đến nơi đến chốn. Chính sự không tìm hiểu đến nơi đến chốn là sợi dây mà trên đó tất cả những trạng thái của tâm bám víu. Cũng giống như bóng tối trong một căn phòng đóng kín. Rõ ràng là có

nó. Nhưng khi cửa phòng mở toang, bóng tối đi đâu? Nó chẳng đi đâu cả, bởi vì nó đã không ở phòng. Tất cả những trạng thái của tâm, tất cả những dãnh xưng và hình tướng của sự tồn tại bắt nguồn từ sự không thắc mắc, không tìm hiểu đến nơi đến chốn, từ sự tưởng tượng và dễ tin. Khi nói "Ta là" thì đúng, những nếu bảo rằng "Ta là cái này", "Ta là cái kia" thì đó là một dấu hiệu của sự không thắc mắc, thiếu suy xét, của một cái tâm nhu nhược, hoặc thờ ơ.

H: Nếu tất cả đều là ánh sáng, thì bóng tối xuất hiện như thế nào? Làm sao có thể có bóng tối ngay giữa ánh sáng?

M: Chẳng có bóng tối nào ở giữa ánh sáng. Quên mất chính mình là tối. Khi bị thu hút bởi những cái khác, bởi những cái không phải là Ta, chúng ta quên mất cái Ta. Chẳng có gì là không tự nhiên về điều đó. Nhưng tại sao lại quên mất chính mình trong quá nhiều ràng buộc? Trí tuệ là ở chỗ không bao giờ quên mình là nguồn gốc thường tại của cả người kinh nghiệm lẫn kinh nghiệm.

H: Trong trạng thái hiện nay của tôi, ý nghĩ "Ta là thân xác" xuất hiện một cách tự nhiên, còn ý nghĩ "Ta là hiện hữu thuần túy" phải được áp đặt lên tâm như một cái gì có thật, dù chưa bao giờ thực chứng.

M: Đúng, việc thực hành bao gồm có sự tự nhắc nhở một cách kiên quyết về "trạng thái hiện hữu" thuần túy của chính mình, rằng mình không phải là bất cứ gì cá biệt, hay một tập hợp của những cá biệt, và thậm chí cũng không phải là tổng thể của những cá biệt, tạo thành vũ trụ. Tất cả đều tồn tại trong tâm, ngay cả thân cũng chỉ là sự hợp nhất trong tâm của vô số những nhận thức thuộc cảm giác, mà mỗi nhận thức lại là một trạng thái của tâm. Nếu ông bảo: "Ta là thân xác" hãy cho Ta xem.

H: Nó đây.

M: Chỉ khi nào ông nghĩ về nó. Cả tâm và thân đều là những trạng thái thất thường, lúc có lúc không. Sự tổng hợp của những trạng thái chợt lóe lên rồi chợt tắt này tạo ra cái ảo tưởng về sự tồn tại. Tìm ra cái thường hằng trong cái vô thường, cái chơn thật trong cái hư giả. Đó chính là *Sadhana*.

H: Thực tế, tôi nghĩ tôi là thân xác.

M: Bằng mọi cách hãy nghĩ về chính ông. Nhưng đừng đem ý nghĩ về một thân xác vào bức tranh. Chỉ có một giòng những cảm giác, nhận thức, ký ức, và ý tưởng. Thân xác chỉ là một cái gì trừu tượng, được hình thành bởi khuynh hướng tìm kiếm sự đơn nhất trong cái đa dạng – điều này, một lần nữa, chẳng có gì sai.

H: Tôi được bảo rằng ý nghĩ "Ta là thân xác" là một khuyết tật trong tâm.

M: Tại sao lại nói thế? Những phát biểu như thế gây ra đủ thứ phiền trược. Cái Ta là nguồn gốc của tất cả, và là nơi đến cuối cùng của tất cả. Không có gì ở ngoài nó.

H: Khi ý nghĩ về thân xác trở nên một sự ám ảnh, thì không phải điều đó hoàn toàn sai?

M: Chẳng có gì sai trong ý nghĩ về thân xác, thậm chí cũng chẳng có gì không đúng trong ý nghĩ "Ta là thân xác". Nhưng giới hạn chính mình chỉ trong một thân xác là sai lầm. Trong thực tế tất cả mọi tồn tại, mọi hình tướng là của chính Ta, trong nội vi ý thức của Ta. Ta không thể nói Ta là cái gì bởi vì ngôn từ chỉ có thể mô tả cái không phải là Ta. Ta hiện hữu, và bởi vì Ta hiện hữu, nên tất cả hiện hữu. Nhưng Ta ở ngoài ý thức, và, do đó, trong ý thức Ta không thể nói Ta là cái gì. Nhưng, Ta hiện hữu. Câu hỏi "Ta là ai?" không có đáp án. Không kinh nghiệm nào có thể trả lời, vì cái Ta ở ngoài mọi kinh nghiệm.

H: Nhưng câu hỏi "Ta là ai?" phải có một công năng nào đó.

M: Nó không có câu trả lời trong ý thức, và, do đó, giúp người hỏi vượt ra ngoài ý thức.

H: Tôi ở đây – trong khoảnh khắc hiện tại. Cái gì là thật và cái gì là không thật trong đó? Xin đừng bảo tôi rằng câu hỏi của tôi sai. Hỏi lại câu hỏi của tôi chẳng đưa tôi đến đâu cả.

M: Câu hỏi của ông không sai. Nhưng nó không cần thiết. Ông nói: "Ta ở đây và bây giờ." Dừng lại ở đó, đó là thật. Đừng biến một sự kiện thực tế thành câu hỏi. Sự sai lầm của ông là ở đó. Ông không phải biết mà cũng chẳng phải không biết, không phải tâm mà cũng chẳng phải vật; đừng cố tìm cách mô tả ông dưới hình thức tâm hay vật.

H: Vừa mới đây một cậu bé có vấn đề gì đó đến gặp ông. Ông nói vài câu rồi cậu Ta ra đi. Thế ông có giúp cậu Ta không?

M: Tất nhiên.

H: Vì sao ông lại đoan chắc như thế?

M: Giúp ích là bản tính của Ta.

H: Làm sao ông biết được điều đó?

M: Chẳng cần phải biết. Nó tự vận hành.

H: Ông vẫn đưa ra một phát biểu. Sự phát biểu của ông dựa trên cái gì?

M: Những gì mà người khác bảo Ta. Ông là người thắc mắc về các bằng chứng. Ta chẳng cần chúng. Xắp đặt mọi thứ cho đúng cách là bản tánh của Ta, đó là cái thật, cái thiện và cái đẹp – *Satyam*, *Shivam*, *Sundram*.

H: Khi một người đến gặp ông để được chỉ giáo, và ông chỉ dạy người đó. Sự chỉ giáo đó ở đâu mà có và nhờ ở quyền năng nào nó giúp người kia?

M: Sự hiện hữu của người đó tác động đến tâm của chính người đó và tạo ra một sự đáp ứng.

H: Thế vai trò của ông là gì?

M: Người đó và cái Ta của người đó cùng đến trong Ta.

H: Vì sao cái Ta không giúp được người đó nếu không có ông?

M: Vì Ta là cái Ta! Ông tưởng tượng Ta tách biệt, nên đặt câu hỏi. Không hề có "cái Ta của ta" và "cái Ta của người đó." Chỉ có cái Ta, cái Ta duy nhất cho tất cả. Bị lầm lẫn bởi sự đa dạng của danh xưng và hình tướng, tâm và thân, ông tưởng tượng có nhiều cái Ta. Ông và Ta là cái Ta, nhưng ông có vẻ không tin điều đó. Bàn về cái Ta cá nhân và **cái Ta vũ trụ** là thuộc về phạm vi của kẻ sơ cơ; hãy vượt ra ngoài, đừng vướng mắc trong nhị nguyên.

H: Trở lại với người cần giúp. Người đó đến với ông.

M: Nếu người đó đến, chắc chắn sẽ được giúp. Vì định mệnh buộc người đó cần giúp, người đó tìm đến. Chẳng có gì lạ lùng về điều đó. Ta không thể giúp người này và từ chối người khác. Mọi người đến đều được giúp, đó là định luật. Cách giúp thì khác vì tùy theo sự cần giúp.

H: Vì sao người đó phải tìm đến đây để được giúp? Người đó không thể tìm được từ bên trong hay sao?

M: Người đó không nghe được vì tâm người đó mải vọng ra ngoài. Nhưng thực ra tất cả kinh nghiệm đều xảy ra trong tâm, vì vậy dù người đó đến gặp Ta và được giúp thì tất cả cũng đều ở trong chính người đó. Thay vì tìm ra câu trả lời trong chính mình, người đó tưởng tượng tìm ra đáp án từ bên ngoài. Còn đối với Ta, không có Ta, không có người cần giúp và cũng không có sự giúp. Tất cả chỉ là một thoáng trong tâm. Ta là sự im lặng và an lạc vô biên trong đó không có gì xuất hiện, vì tất cả những gì xuất hiện đều biến mất. Không có người đến nhờ giúp, không có người giúp, không có người được giúp. Tất cả chỉ là một sự phô diễn trong ý thức.

H: Nhưng quyền năng giúp có đó, và phải có ai đó hoặc cái gì đó làm cho quyền năng đó hiển hiện; gọi người đó hay cái đó là Thượng đế, là Ta,

hay là Tâm thức vũ trụ. Điều quan trọng là sự kiện, chứ không phải danh hiệu.

M: Đó là quan điểm của thân-tâm. Cái tâm thuần túy thấy mọi thứ như chúng là: những bọt bong bóng trong ý thức. Chúng xuất hiện, biến mất, và tái xuất hiện mà không hề có một thực thể. Không một nhân duyên riêng biệt nào có thể gán cho chúng, vì mỗi cái được toàn thể tạo ra, và tác động lên toàn thể. Mỗi bọt bong bóng là một thân và tất cả thân đó là của Ta.

H: Có phải ông muốn nói rằng ông có quyền năng làm tất cả mọi chuyện một cách đúng đắn?

M: Chẳng có quyền năng nào tách biệt khỏi Ta. Nó có sẵn ngay trong bản tánh của Ta. Gọi nó là năng lực sáng tạo. Từ một thỏi vàng ông có thể làm ra nhiều món trang sức – mỗi món trang sức vẫn là vàng. Tương tự như thế, trong bất cứ vai trò nào mà Ta xuất hiện, và bất cứ chức năng nào mà Ta hành xử - Ta vẫn là cái Ta là: cái "Ta hiện hữu" bất động, bất di bất dịch và bất tùy thuộc. Cái mà ông gọi là vũ trụ, là thiên nhiên là tính tùy nghi sáng tạo của Ta. Bất cứ gì xảy ra – xảy ra. Bản tánh của Ta là thế nên tất cả sẽ chấm dứt trong an lạc.

H: Tôi gặp trường hợp một đứa trẻ bị mù vì người mẹ ngu ngốc cho nó uống lầm một loại cồn công nghiệp có chất *methyl*. Tôi khẩn khoản nhờ ông giúp đứa trẻ mù. Ông có đầy lòng từ bi, và, dĩ nhiên là sự thành tâm cứu giúp người khác. Bằng quyền năng nào ông có thể giúp đứa trẻ?

M: Trường hợp của đứa trẻ được ghi nhận trong ý thức. Nó ở đó – không thể tẩy xóa được. Ý thức sẽ hành sử.

H: Nếu tôi nhờ ông giúp thì có gì khác biệt?

M: Sự nhờ giúp của ông là một phần thuộc sự mù mắt của đứa trẻ. Vì nó mù nên ông mới nhờ. Ông chẳng thêm vào cái gì cả.

H: Nhưng sự cứu giúp của ông sẽ là một yếu tố mới.

M: Không, tất cả đều ở trong sự mù mắt của đứa trẻ. Tất cả đều ở trong đó – bà mẹ, đứa trẻ, ông và Ta, cùng những yếu tố khác. Tất cả là một sự kiện.

H: Ông muốn nói rằng ngay cả cuộc nói chuyện của tôi và ông về đứa trẻ cũng là tiền định.

M: Còn gì nữa? Tất cả đều hàm chứa tương lai của chính nó. Đứa trẻ xuất hiện trong ý thức. Ta ở bên ngoài. Ta không ra lệnh cho ý thức. Ta biết rằng sắp xếp mọi thứ cho đúng đắn là thuộc bản chất của tánh biết. Hãy để cho ý thức lo cho những gì nó tạo ra! Sự đau khổ của đứa trẻ, lòng trắc ẩn

của ông, sự lắng nghe của Ta, và hành vi của ý thức – tất cả là một sự kiện duy nhất – đừng phần chia nó thành những thành phần rồi đặt câu hỏi.

H: Tâm ông hành hoạt thật lạ lùng!

M: Ông lạ lùng, không phải Ta. Ta rất bình thường. Ta rất minh mẫn. Ta thấy sự vật như chính chúng là, do đó Ta không hề sợ chúng. Còn ông thì sợ hãi thực tại.

H: Tại sao tôi lại sợ?

M: Chính sự vô minh về chính ông làm ông sợ và ông cũng không biết ông sợ. Đừng tìm cách không sợ. Trước tiên hãy phá xập bức tường vô minh.

Mọi người sợ chết vì người ta không biết cái chết là gì. Bậc giác ngộ chết trước khi cái chết đến với vị ấy, nên thấy chẳng có gì để sợ. Ngay khi biết được sự hiện hữu chơn thật của ông thì ông chẳng sợ gì nữa. Cái chết đem lại tự do và sức mạnh. Muốn tự do trong thế giới, ông phải chết đi đối với thế giới. Lúc đó cả vũ trụ thuộc về ông, nó trở nên thân xác ông, sự thể hiện và cũng là công cụ thể hiện. Hạnh phúc được tự do tuyệt đối thì ở ngoài mọi mô tả. Trái lại, kẻ nào sợ tự do thì không thể chết.

H: Ông muốn nói rằng người nào không thể chết đi, thì không thể sống?

M: Ông muốn nói sao cũng được. Ràng buộc là câu thúc, buông bỏ là tự do, tham ái là nô lệ.

H: Có phải nếu ông được cứu vớt, thì thế giới được cứu vớt?

M: Là cái toàn thể, nên thế giới chẳng cần được cứu vớt. Con người lầm lẫn và gây nên đau khổ; khi sự đau khổ đi vào phạm trù tánh biết, tức là ý thức của người giác ngộ nó liền được chỉnh lại cho đúng. Bản tánh của người giác ngộ là như thế.

H: Hãy quan sát một diễn tiến có thể được gọi là tiến bộ tâm linh. Một người vị kỷ trở nên mộ đạo, điều ngự bản thân, thanh lọc ý nghĩ và cảm thọ, tu tập tâm linh, nhận ra sự hiện hữu chơn thật của chính mình. Một sự tiến bộ như thế được điều hành bởi luật tương quan nhân quả, hay chỉ là một sự ngẫu nhiên.

M: Theo cái nhìn của Ta mọi thứ đều tự xảy ra, một cách tự phát. Nhưng con người tưởng tượng rằng mình phấn đấu cho một mục đích để được thưởng công. Người ta lúc nào cũng nghĩ đến phần thưởng và tìm cách để đạt nó.

H: Một kẻ phàm phu, thô thiển sẽ chẳng làm gì nếu không có phần thưởng. Có gì là không đúng nếu hứa hẹn với người đó một sự thưởng công

nào đó?

M: Dù sao thì người đó cũng tạo cho mình sự tưởng thưởng nào đó. Người đó không ý thức rằng sự trưởng thành là ở trong bản chất của ý thức. Người đó sẽ tiến bộ nhờ sự khuyến khích này đến sự khích lệ khác, và sẽ theo đuổi các Đạo sư để mong được thỏa mãn những ham muốn của mình. Một khi, theo những quy luật của hiện hữu, người đó tìm ra được con đường quay về và lúc đó sẽ từ bỏ tất cả mọi khích lệ, vì sự bận tâm đến thế gian không còn nữa. Người đó không còn ham muốn – nơi tha nhân hay từ chính mình. Người đó chết đi đối với tất cả và trở thành cái Tất Cả. Vô cầu và vô vi – đó chính là sáng tạo thật sự! Nhìn vũ trụ xuất hiện và biến mất trong tim mình là một cảnh quan kỳ vĩ.

H: Chướng ngại lớn nhất cho sự nội tinh tấn là nỗi nhàm chán. Người môn đồ cảm thấy nhàm chán.

M: Tính trì trệ và sự bất an – *Tamas* và *Rajas* – đi cùng với nhau, chúng làm giảm bớt sự trong sáng và tính hòa hợp – *Sattva*. *Tamas* và *Rajas* phải được điều ngự trước khi *Sattva* xuất hiện. Nó sẽ xuất hiện vào đúng thời cơ, và tự nhiên.

H: Nếu thế thì chẳng cần đến tinh tấn?

M: Khi cần thì tinh tấn xuất hiện. Khi vô dụng công là cần thiết thì tự nó sẽ khẳng định. Ông chẳng cần phải xô đẩy cuộc sống. Cứ việc trôi theo với cuộc sống và cống hiến chính ông hoàn toàn cho công việc của khoảnh khắc hiện tại, có nghĩa là chết ngay bây giờ đối với hiện tại. Vì sống tức là chết. Nếu không có cái chết thì không thể nào có sự sống.

Hãy nắm bắt được yếu chỉ: Thế giới và cái Ta là một và toàn hảo. Chỉ có thái độ của ông là sai lầm và cần được điều chỉnh.

Tiến trình này hay sự tái điều chỉnh là cái mà ông gọi là *Sadhana*. Ông đạt đến nó bằng cách chấm dứt sự lười biếng và vận dụng tất cả công sức để dọn đường cho tính trong sáng và lòng từ tâm. Trong thực tế, đó là những dấu hiệu của một sự trưởng thành tất yếu. Đừng lo sợ, đừng đề kháng, đừng trì hoãn. Hãy là cái ông là. Chẳng có gì để sợ. Hãy tin tưởng và thử xem. Hãy thử nghiệm một cách thành thật. Hãy cho sự hiện hữu chơn thật của ông một cơ hội để định hình cuộc đời ông. Ông sẽ không ân hận đâu.

***

34. Tâm chính là sự bất an

Hỏi: Tôi là người Thụy Điển. Tôi hiện đang dạy *Hatha Yoga* ở Mễ và Mỹ.

Maharaj: Ông học *Hatha Yoga* ở đâu?

H: Tôi học một vị thầy Ấn Độ, ở Mỹ.

M: Hatha *Yoga* đã đem lại cho ông những gì?

H: *Yoga* đã đem lại cho tôi sức khỏe tốt và một phương tiện sinh sống.

M: Tốt lắm. Đó là tất cả những gì mà ông mong muốn?

H: Tôi tìm sự an lạc cho tâm. Tôi ghê tởm những sự tàn ác do những kẻ gọi là Thiên Chúa giáo, nhân danh Đấng Christ, gây ra. Có một dạo tôi chẳng theo tôn giáo nào cả. Thế rồi tôi bị *Yoga* lôi cuốn.

M: Ông đã được những gì?

H: Tôi nghiên cứu triết lý *Yoga*, và triết lý *Yoga* đã giúp tôi.

M: Triết lý *Yoga* đã giúp ông bằng cách nào? Căn cứ vào chỉ dấu nào mà ông kết luận rằng triết lý *Yoga* đã giúp ông?

H: Sức khỏe tốt là một cái gì khá rõ rệt.

M: Cảm thấy khỏe mạnh rõ ràng là điều vui thích. Sự vui thích là tất cả những gì ông kỳ vọng ở *Yoga*?

H: Niềm vui sướng của sự an mạnh là một phần thưởng của *Yoga*. Nhưng một cách tổng quát *Yoga* đem lại nhiều hơn thế nữa. *Yoga* giải đáp rất nhiều vấn đề.

M: Khi nói đến *Yoga* ông muốn nói gì?

H: Toàn thể nền đạo giáo của Ấn Độ - sự tiến hóa, luân hồi, nghiệp, và nhiều điều khác.

M: Được, ông có đủ tất cả kiến thức ông mong muốn. Nhưng ông hưởng được lợi lạc từ kiến thức đó như thế nào?

H: Nó cho tôi một cái tâm an lạc.

M: Có thật không? Tâm ông an lạc? Sự tìm kiếm của ông đã kết thúc?

H: Ồ, chưa.

M: Tất nhiên. Sẽ không có kết thúc nào cho sự tìm kiếm đó, vì không hề có cái như là tâm an lạc. Tâm có nghĩa là nhiễu loạn. Bất an chính là tâm. *Yoga* không phải là một thuộc tính của tâm, và cũng chẳng phải là một trạng thái của tâm.

H: Có một mức độ an định nào đó mà tôi hưởng được từ *Yoga*.

M: Hãy quan sát kỹ và ông sẽ nhận thấy rằng tâm luôn luôn lăng xăng với ý nghĩ. Thỉnh thoảng nó ở trong trạng thái vô ký, nhưng chỉ một lúc rồi

trở lại trạng thái bất an cố hữu. Một cái tâm được trấn an thì không phải một cái tâm an.

Ông nói rằng ông muốn làm cho tâm ông an. Liệu chính người muốn làm cho tâm an, có an không?

H: Không. Tôi không an, tôi cần sự trợ lực của *Yoga*.

M: Ông không thấy sự mâu thuẫn sao? Suốt nhiều năm ông tìm kiếm sự an tâm. Ông không thể tìm ra nó, vì một cái mà bản chất vốn dĩ bất an thì không thể nào an.

H: Có một sự cải thiện nào đó.

M: Sự an định mà ông tự cho là đã tìm được thì rất mong manh, bất cứ chuyện nhỏ nhặt nào cũng có thể làm nó tan vỡ. Cái mà ông gọi là an chẳng qua chỉ là sự nhiễu loạn đi vắng. Nó không đáng được gọi là an. Thật sự an thì không thể bị quấy nhiễu. Liệu ông có thể tự nhận là đã tìm được sự an tâm, bất khả xâm phạm?

H: Tôi đang phấn đấu.

M: Cả phấn đấu cũng là một hình thức bất an.

H: Vậy thì cái gì an?

M: Cái Ta không cần phải làm cho an. Nó chính là an, mà không phải cảm thấy an. Chỉ cái tâm là bất an. Tất cả những gì tâm biết là sự bất an, dưới vô số dạng thức và mức độ khác nhau. Những gì thích thú thì được cho là ưu việt và những gì gây đau khổ thì không được kể đến. Điều mà chúng ta gọi là tiến bộ chỉ là sự thay đổi từ trạng thái không vừa ý sang trạng thái vừa ý. Tự thân những cái thay đổi không thể đem chúng ta vào cái không thay đổi, vì bất cứ gì có sự khởi đầu đều có sự kết thúc. Cái thật thì không bắt đầu; nó chỉ tự hiển lộ là cái vô thủy vô chung, nó bao trùm lên tất cả, nó đầy quyền năng, là động lực đầu tiên nhưng bất động, và bất biến với thời gian.

H: Vậy một người phải làm gì?

M: Nhờ *Yoga* ông đã thu thập được kiến thức và kinh nghiệm. Đó là điều không thể phủ nhận. Nhưng nó có lợi ích gì cho ông? *Yoga* có nghĩ là sự hợp nhất, là kết hợp. Ông đã tái hợp nhất với cái gì, và đã tái kết hợp với cái gì?

H: Tôi đang tìm cách tái kết hợp tính cách con người trở lại với cái Ta chơn thật.

M: Tính cách con người – *Vyakti* – chỉ là sản phẩm của tưởng tượng. Còn cái Ta – *VyakTa* – là nạn nhân của sự tưởng tượng này. Chính sự nhận

lầm cái không phải ông là ông đã trói buộc ông. Không thể nói rằng con người tồn tại nhờ những thực trạng của chính nó; chính cái Ta tin rằng có một con người, và [cái ta] ý thức nó là con người đó. Bên ngoài cái Ta – *VyakTa* – là cái bất thị hiện – *AvyakTa* – tức là nguồn gốc phi nhân duyên của tất cả mọi sự vật. Thậm chí khi nói về sự tái hợp nhất của con người với cái Ta cũng không đúng bởi vì không hề có con người, mà chỉ có một hình ảnh của tâm được tạo ra bởi sự tin tưởng vào một thực tế sai lầm. Không có gì bị phân chia và do đó chẳng có gì để hợp nhất.

H: Yoga trợ giúp sự tìm kiếm và tìm ra cái Ta.

M: Ông có thể tìm ra cái ông đã mất. Nhưng ông không thể tìm ra cái ông chưa mất bao giờ.

H: Nếu chưa bao giờ làm mất thì lẽ ra tôi đã giác ngộ. Nhưng tôi có giác ngộ đâu. Tôi đang tìm kiếm. Thế không phải chính sự tìm kiếm của tôi là bằng chứng tôi đã làm mất một cái gì đó hay sao?

M: Nó chỉ cho thấy một điều là ông tin tưởng rằng ông đã làm mất. Nhưng ai là người tin? Và cái gì được tin là đã bị mất? Ông đã làm mất một người nào đó giống như chính ông? Thế ông đang tìm kiếm cái Ta nào? Hay, một cách chính xác là ông mong tìm được cái gì?

H: Sự hiểu biết chơn thật về cái Ta.

M: Sự hiểu biết chơn thật về cái Ta không phải là một kiến thức. Nó không phải là một cái gì đó ông có thể phát hiện bằng cách đi tìm, giáo giác khắp nơi. Không thể nào tìm ra nó trong không gian và thời gian. Kiến thức chỉ là một ký ức, một mô thức của ý nghĩ, một thói quen của tâm. Tất cả những cái đó được thúc giục bởi lạc thú và đau khổ. Chính vì bị dằn vặt bởi lạc thú và đau khổ mà ông đi tìm sự hiểu biết. Là chính mình thì hoàn toàn ở bên ngoài mọi sự thúc giục. Ông không thể là chính ông vì một lý do nào đó. Ông *là* chính ông, và không lý do nào là cần thiết.

H: Bằng cách tu tập *Yoga* tôi sẽ tìm ra sự an lạc.

M: Liệu có thể nào sự an lạc tách rời khỏi chính ông? Ông nói từ kinh nghiệm của chính ông hay chỉ từ sách vở? Kiến thức sách vở của ông rất hữu ích để bắt đầu, nhưng cần phải mau chóng từ bỏ nó để trực tiếp chứng nghiệm, mà thực chất của sự chứng nghiệm đó thì bất khả diễn tả. Ngôn từ còn có thể được sử dụng để hủy diệt, ngôn từ tạo ra hình ảnh và cũng chính ngôn từ hủy diệt hình ảnh. Ông đưa đẩy ông đến trạng thái hiện nay qua lối tư duy bằng ngôn từ, ông phải thoát ra khỏi nó cũng bằng con đường mà ông đã đi vào.

H: Tôi đã đạt được một mức độ an lạc nội tâm. Tôi cũng phải hủy nó hay sao?

M: Cái gì đạt được thì có thể lại bị mất. Chỉ khi nào ông nhận ra sự an lạc chơn thật, sự an lạc mà ông chưa bao giờ mất thì sự an lạc đó sẽ ở với ông, vì nó đã chưa bao giờ lìa xa ông. Thay vì bỏ công tìm kiếm cái mà ông không có, hãy nhận ra cái mà ông chưa bao giờ mất. Cái luôn luôn có đó, trước sự khởi đầu và sau sự chấm dứt của tất cả mọi cái – cái bất sinh và bất tử. Trạng thái bất di bất dịch đó, không hề bị ảnh hưởng bởi sinh và tử của một cái thân, hay của một cái tâm. Ông phải nhận ra trạng thái đó.

H: Những phương tiện để đạt được nhận thức như thế là gì?

M: Trong cuộc sống, chẳng có gì có được mà không phải vượt qua chướng ngại. Những chướng ngại đối với sự nhận thức rõ ràng về sự hiện hữu chơn thật của chính mình là lòng ham muốn lạc thú và nỗi lo sợ đau khổ. Chính cái động cơ lạc thú và đau khổ là chướng ngại. Chính sự tự do không còn mọi thôi thúc – trạng thái trong đó không còn tham ái sinh khởi – là trạng thái tự nhiên.

H: Liệu từ bỏ tham ái có cần đến thời gian?

M: Nếu ông giao phó nó cho thời gian thì phải cần đến hàng triệu năm. Từ bỏ hết tham ái này đến tham ái khác là một tiến trình dài lê thê mà chẳng bao giờ thấy được sự kết thúc. Cứ mặc kệ các tham ái và lo sợ của chính ông, dành tất cả sự chú ý cho chủ thể, tức kẻ ở đằng sau từng kinh nghiệm tham ái và lo sợ. Hãy hỏi: Ai tham ái? Hãy để từng tham ái đem ông trở lại với chính ông.

H: Nguồn gốc của tất cả tham ái và lo sợ là một: lòng mong cầu hạnh phúc.

M: Cái hạnh phúc mà ông có thể nghĩ tưởng đến và mong cầu đơn thuần chỉ là những thỏa mãn vật lý và tâm lý. Những lạc thú có tính cách cảm quan và tâm lý như thế không phải là hạnh phúc chơn thật và tuyệt đối.

H: Những lạc thú có tính cách cảm quan và tâm lý, cũng như cái cảm giác chung về sự bình an phát sinh từ sự khỏe mạnh của thân xác và tinh thần, chắc chắn là phải có nguồn gốc trong thực tại.

M: Nguồn gốc của chúng ở trong sự tưởng tượng. Một người được ai đó cho một hòn đá và bảo rằng đó là viên kim cương vô giá thì sẽ vô cùng sung sướng cho đến khi nhận ra sự lầm lẫn của chính mình; cũng như thế mọi lạc thú sẽ mất đi vị ngọt và đau khổ sẽ không còn cay đắng khi cái Ta được nhận ra. Cả lạc thú lẫn đau khổ đều được thấy như chính chúng là –

những phản ứng có tính cách điều kiện, thuần phản ứng, chỉ là những lôi kéo và xô đẩy dựa trên ký ức, hay những nhận thức đã có từ trước. Thường thì lạc thú và đau khổ chỉ được kinh nghiệm khi nào chúng được mong đợi. Tất cả chỉ là sự tin tưởng và thói quen được huân tập.

H: Lạc thú có thể là tưởng tượng, nhưng đau khổ thì thực có.

M: Đau khổ và lạc thú luôn luôn đi cùng với nhau. Thoát ra khỏi một cái thì cũng có nghĩa là thoát ra khỏi cả hai. Nếu ông không màng đến lạc thú, thì ông chả sợ gì đau khổ. Nhưng có một thứ hạnh phúc không phải cả hai, mà hoàn toàn siêu vượt ra ngoài. Thứ hạnh phúc mà ông biết thì có thể diễn tả và đo lường được. Nó thuộc về khách quan giới, có thể nói như thế. Mà cái thuộc về khách quan giới thì không thể là của riêng ông. Đồng hóa chính mình với một cái gì đó ở bên ngoài là một sai lầm nghiêm trọng. Đào xới các tầng lớp của tâm chẳng đi đến đâu. Thực tại ở ngoài chủ quan giới lẫn khách quan giới, siêu vượt mọi tầng lớp của tâm, và mọi khác biệt. Một cách chắc chắn, thực tại không phải là nguyên thủy, cội nguồn hay gốc rễ của chúng. Chúng sinh khởi từ sự mê mờ thực tại, mà không phải từ chính thực tại, tức là cái không thể diễn tả, ở ngoài hiện hữu và phi hiện hữu.

H: Rất nhiều vị thầy bảo tôi theo đuổi và nghiên cứu các triết thuyết khác nhau, nhưng không ai đã cho tôi đúng cái tôi muốn.

M: Ham muốn tìm kiếm cái Ta sẽ được thực hiện, miễn là ông đừng vọng cầu bất cứ gì khác. Ông phải thành thật với chính ông và thực sự không mong cầu gì khác. Nếu hiện nay ông ham muốn nhiều thứ khác và mải mê theo đuổi chúng thì mục đích chính của ông sẽ bị trì hoãn cho đến khi ông trở nên khôn ngoan hơn và không còn bị giằng co giữa những thôi thúc đầy mâu thuẫn. Hãy đi vào, đừng để mất định hướng, đừng bao giờ nhìn ra.

H: Nhưng tham ái và lo sợ của tôi vẫn còn đó.

M: Chúng ở đâu nếu không phải trong ký ức của ông? Một khi nhận ra gốc rễ của chúng là ở trong sự mong cầu, do ký ức đẻ ra thì chúng sẽ thôi ám ảnh ông.

H: Tôi hiểu rất rõ rằng công tác xã hội là một việc làm không bao giờ kết thúc, vì tiến hóa và thoái hóa, tiến bộ và thoái bộ đi cùng với nhau. Chúng ta có thể thấy điều đó từ mọi góc cạnh, và trên mọi bình diện. Cái gì còn lại?

M: Bất cứ công việc nào ông đảm nhiệm – hãy làm xong. Đừng nhận thêm công việc nào mới, trừ khi được yêu cầu bởi một tình huống liên quan

cụ thể đến đau khổ và làm dịu bớt đau khổ. Hãy tìm ra chính ông trước, vô số phước báu sẽ theo sau. Không có gì đem lại lợi lạc cho thế gian nhiều cho bằng sự từ bỏ mọi lợi lạc. Người nào không còn tư duy theo thói quen được và mất mới thật là người bất bạo động, vì đã ở ngoài mọi xung đột.

H: Đúng, tôi luôn luôn bị thu hút bởi ý tưởng *Ahimsa* – bất bạo động.

M: Trước tiên, *Ahimsa* có nghĩa: "đừng gây đau khổ." Không phải làm điều thiện trước, mà trước tiên hãy ngừng gây đau khổ, đừng tạo thêm đau khổ. *Ahimsa* không phải là làm cho người khác hoan hỉ.

H: Tôi không nói đến chuyện làm cho người khác hoan hỉ, mà tôi hết lòng muốn giúp người khác.

M: Sự giúp duy nhất xứng đáng để đem cho là sự không cần phải giúp thêm. Sự giúp được lập lại thì không phải là giúp. Đừng nói đến chuyện cứu giúp một ai đó, nếu ông không đưa được người đó ra khỏi mọi sự cần cầu cứu giúp.

H: Làm sao có thể thoát ra khỏi mọi sự cần cầu? Một người có thể giúp được người khác như vậy sao?

M: Khi ông hiểu ra rằng tất cả mọi tồn tại – trong phân chia và hữu hạn – thì đầy đau khổ, và khi ông sẵn sàng và có thể sống một cách hợp nhất, trong tính một duy nhất với tất cả cuộc sống, như sự hiện hữu thuần túy, thì lúc đó ông vượt ra khỏi mọi sự cần giúp. Ông có thể giúp người khác bằng những lời chỉ giáo, những ví dụ, nhưng trên tất cả, bằng chính sự hiện hữu của ông. Ông không thể cho cái mà ông không có, và ông không có cái không phải là ông. Ông chỉ có thể cho cái ông là – và cái đó thì ông cho vô tận.

H: Nhưng liệu có thật là tất cả mọi tồn tại đều đau khổ?

M: Thế cái gì khác có thể là nguyên nhân của sự tìm cầu hạnh phúc có tính chung nhất cho mọi loài chúng sinh? Liệu một người hạnh phúc có còn đi tìm hạnh phúc? Con người chẳng bao giờ yên nghỉ, mà luôn luôn di chuyển. Đó là vì người ta đau khổ và tìm thuốc giảm đau trong lạc thú. Tất cả hạnh phúc mà con người có thể tưởng tượng được là ở trong sự bảo đảm cho lạc thú được tái diễn.

H: Nếu cái tôi là – con người mà tôi cho là tôi như hiện nay – không thể hạnh phúc, thì tôi phải làm gì?

M: Ông chỉ có thể chấm dứt hiện hữu – như ông có vẻ hiện hữu vào bây giờ. Chẳng có gì độc ác trong điều Ta nói. Đánh thức một người ra khỏi cơn ác mộng là từ bi. Ông tìm đến đây vì ông đau khổ, và tất cả những gì

Ta có thể bảo ông là: thức tỉnh, biết chính ông, là chính ông. Sự chấm dứt của đau khổ không ở trong lạc thú. Khi nhận ra rằng ông ở ngoài đau khổ và lạc thú, xa lìa và bất khả xâm phạm thì lúc đó sự theo đuổi hạnh phúc mới ngừng, và kết quả là đau khổ cũng vậy. Vì đau khổ nhắm vào hạnh phúc và hạnh phúc chấm dứt trong đau khổ, luôn luôn là như thế.

H: Trong trạng thái tối thượng có thể nào không có hạnh phúc?

M: Cũng chẳng có đau khổ, mà chỉ có tự do. Hạnh phúc tùy thuộc vào một ai đó hay một cái gì đó thì có thể mất đi; tự do khỏi tất cả mọi thứ, không tùy thuộc vào bất cứ cái gì thì không thể mất đi. Tự do khỏi đau khổ thì không có nguyên nhân, và, do đó, không thể bị hủy diệt. Hãy nhận ra sự tự do đó.

H: Thế không phải tôi được sinh ra để chịu đau khổ do một kết quả từ quá khứ? Liệu có thể có tự do? Có thể nào tôi đã được sinh ra bởi ý muốn của chính tôi? Thế không phải tôi là một sinh vật được tạo ra?

M: Những gì được sinh ra và chết đi chỉ là sự bắt đầu và chấm dứt của một giòng diễn tiến các sự kiện trong ý thức. Chính vì cái ý tưởng phân chia và hữu hạn nên chúng mới đầy đau khổ. Một sự giảm đau nhất thời chúng ta gọi là lạc thú, chúng ta xây dựng lâu đài trong hư không với hy vọng an hưởng lạc thú bất tận mà chúng ta gọi là hạnh phúc. Tất cả hoàn toàn là do hiểu lầm và lạm dụng. Hãy thức tỉnh, vượt ra ngoài, và sống thật.

H: Kiến thức của tôi thì hạn hẹp, còn sức lực thì chẳng có bao nhiêu.

M: Là nguồn gốc của cả hai, cái Ta ở ngoài cả tri kiến lẫn sức lực. Cái có thể quan sát được thì ở trong tâm. Bản chất của cái Ta là tánh biết thuần túy, nhân chứng thuần túy, không hề bị tác động bởi sự có mặt hay vắng mặt của tri kiến, hay sự hài lòng.

Hãy đặt sự hiện hữu của chính ông ở ngoài xác thân sinh tử này thì tất cả mọi vấn nạn của ông sẽ được giải quyết. Chúng tồn tại vì ông tin rằng ông được sinh ra để chết đi. Đừng tự lừa dối mình và hãy tự do. Ông không phải là một con người.

***

35. Đạo sư vĩ đại nhất là cái Ta trong chính ông

Hỏi: Đi đến đâu tôi cũng nghe rằng điều kiện đầu tiên của sự giác ngộ chính mình là thoát ra khỏi mọi tham ái và ưa thích. Theo tôi điều kiện đó không thể thực hiện được. Vô minh về chính mình nên khởi sinh tham ái, và tham ái làm cho vô minh tồn tại. Quả thật là một cái vòng lẩn quẩn!

M: Chẳng có điều kiện nào để thỏa mãn. Chẳng có gì để làm, chẳng có gì để buông bỏ. Chỉ quan sát và ghi nhớ. Bất cứ gì ông nhận thức đều không phải là ông, mà cũng chẳng phải của ông. Nó ở đó trong phạm trù ý thức, nhưng ông không phải là phạm trù và nội dung của nó, mà thậm chí cũng chẳng phải là người biết phạm trù. Chính ý nghĩ cho rằng ông phải làm đủ mọi chuyện đã ràng buộc ông với hậu quả những cố gắng của ông – sự thôi thúc, ước muốn, sự bất thành, cảm giác thất vọng – tất cả những thứ đó níu kéo ông. Chỉ quan sát bất cứ gì xảy ra, và biết rõ rằng ông ở ngoài nó.

H: Điều này có nghĩa là tôi không được làm gì cả?

M: Làm sao được! Cái gì tiếp tục thì cứ tiếp tục. Nếu dừng lại đột ngột ông sẽ gây đổ vỡ.

H: Vậy vấn đề có phải là cái bị biết và người biết trở nên một?

M: Cả hai đều là những ý tưởng trong tâm, và ngôn từ diễn tả chúng. Không hề có cái Ta trong chúng. Cái Ta không phải cả hai, không ở giữa mà cũng không ở bên ngoài. Tìm cái Ta trên bình diện của tâm là điều vô ích. Ngưng tìm kiếm, và nhìn – nó ở ngay đây và bây giờ - nó chính là cái "Ta hiện hữu" mà ông biết rất rõ. Tất cả những gì ông cần làm là chấm dứt cho rằng ông ở trong phạm trù của ý thức. Nếu ông chưa bao giờ suy gẫm sâu xa những điều đó, mà chỉ nghe Ta nói có một lần thôi thì chưa đủ. Hãy quên đi những kinh nghiệm và chứng đắc của ông trước kia, hãy đứng trần truồng, phơi mình giữa mưa gió của cuộc đời, thế nào ông cũng có một cơ hội.

H: Tín tâm – *Bhakti* – có một vị trí nào trong sự chỉ giáo của ông?

M: Khi ông không khỏe, ông đi gặp một thầy thuốc. Người đó sẽ cho ông biết vì sao ông không khỏe và ông cần uống thuốc gì. Nếu ông tin người thầy thuốc thì mọi chuyện rất đơn giản: ông uống thuốc, tuân theo những kiêng khem về ăn uống, và ông bình phục. Nhưng nếu không tin người đó, thì hoặc là ông phó mặc cho số phận, hoặc chính ông học nghề thuốc để tự chữa lấy! Trong tất cả các trường hợp, chính ước muốn bình phục thúc giục ông, chứ không phải người thầy thuốc.

Nếu không có lòng tin thì không an tâm. Ông luôn luôn tin tưởng một người nào đó – có thể là mẹ ông, hay vợ ông. Trong tất cả mọi người, chỉ có người biết cái Ta, người đã giải thoát, là người đáng tin cậy nhất. Nhưng chỉ có tín tâm thôi thì vẫn chưa đủ, ông còn phải ước muốn. Nếu không có ước muốn tự do, thì tín tâm có ích lợi gì để ông có thể đạt được tự do? Ước

muốn và tín tâm phải đi cùng với nhau. Ước muốn càng mãnh liệt thì sự trợ giúp càng đến dễ dàng. Đạo sư vĩ đại nhất cũng phải bó tay nếu người môn đồ không thành tâm muốn học. Nhiệt tình và lòng thành thật là tất cả những gì quan trọng. Sự tin tưởng sẽ đến cùng với kinh nghiệm về những gì trải qua. Hãy hiến thân cho mục đích của ông – rồi sự thành tâm với người chỉ giáo ông sẽ đến sau. Nếu ước muốn và tín tâm của ông mãnh liệt, chúng sẽ vận hành và mau chóng đưa ông đến đích, vì không bị trì hoãn bởi thái độ chần chờ, do dự của ông.

Vị đạo sư vĩ đại nhất là cái Ta bên trong chính ông. Thật thế, cái Ta bên trong ông là Đạo sư vô thượng. Chỉ vị Đạo sư đó mới có thể đưa ông đến đích, và sẽ gặp ông ở cuối đường. Hãy đặt tín tâm vào Đạo sư bên trong ông, và chẳng cần đến bất cứ Đạo sư bên ngoài nào. Nhưng một lần nữa, ông phải ước muốn mãnh liệt để tìm vị Đạo sư đó, đừng tạo bất cứ chướng ngại và chậm trễ nào. Đừng phí sức lực và thời gian cho sự nuối tiếc. Học từ những sai lầm của chính ông và đừng bao giờ tái phạm.

H: Ông cho phép tôi hỏi một câu có tính cách riêng tư được không?

M: Được, ông cứ hỏi.

H: Tôi thấy ông ngồi trên một miếng da linh dương. Làm sao điều này có thể phù hợp với ý tưởng bất bạo lực?

M: Suốt cuộc đời lao động của Ta, Ta quấn thuốc lá để bán, giúp tay cho người khác làm hại sức khỏe của họ. Trước cửa nhà Ta chính quyền địa phương đặt một nhà vệ sinh công cộng, làm hại sức khỏe của Ta. Trong thế giới đầy bạo lực này làm sao một người có thể tránh khỏi một hình thức bạo lực này hay hình thức bạo lực khác?

H: Chắc chắn là những bạo lực có thể tránh được thì cần phải tránh. Ở Ấn Độ, bậc thánh nhân nào cũng có một miếng da hổ, da sư tử, da beo hay da linh dương để ngồi.

M: Có thể là vào thời cổ chưa có vải nhựa, da là thứ chống ẩm tốt nhất. Chứng phong thấp thì chẳng hấp dẫn chút nào, ngay cả đối với một thánh nhân! Vì thế theo truyền thống người ta cần có một miếng da để ngồi thiền lâu. Cũng như da trống trong đền thờ, hành giả *Yogi* cần có một miếng da để ngồi. Chẳng ai bận tâm đến chuyện đó.

H: Nhưng phải có sự sát hại thú vật.

M: Ta chưa hề nghe một *Yogi* nào giết cọp để lấy da ngồi. Người giết không phải *Yogi*, và *Yogi* không phải người giết.

H: Thế ông không bày tỏ sự phản đối bằng cách từ chối không ngồi lên một miếng da?

M: Thật là một ý tưởng lạ lùng! Toàn thể vũ trụ này Ta còn không chấp nhận, thì xá gì một miếng da?

H: Vũ trụ có gì sai trái?

M: Quên mất chính cái Ta của ông là một mất mát lớn; tất cả mọi tai họa đều từ đó mà ra. Hãy quan tâm đến cái tối quan trọng, những cái ít quan trọng hơn sẽ tự lo liệu lấy. Ông không cần phải sắp xếp một căn phòng tăm tối cho ngăn nắp. Trước tiên là mở các cửa sổ. Để ánh sáng vào thì mọi chuyện sẽ dễ dàng. Vì vậy, hãy chờ cho đến khi chúng ta thấy được mình như chính mình là, và đã thay đổi, thì lúc đó hãy nghĩ đến chuyện cải sửa người khác. Vòng vo với những câu hỏi bất tận thì không cần thiết; hãy tìm ra chính ông trước rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đó.

H: Sự thôi thúc quay về với cội nguồn thì thật hy hữu. Điều đó có tự nhiên không?

M: Theo tự nhiên thì đi ra vào lúc đầu, và quay về vào lúc cuối. Nhưng thật ra tuy hai mà một, cũng như thở ra và hít vào là một.

H: Tương tự như thế, không phải thân xác và người ở trong thân xác là một?

M: Những sự kiện xảy ra trong thời gian và không gian – sinh và tử, nhân và quả - có thể được xem là một; nhưng thân xác và cái được hiện thân thì không cùng một trình tự của thực tại. Thân xác tồn tại trong thời gian và không gian, vô thường và hữu hạn, còn cái ở trong thân xác thì phi thời và phi xứ, thường hằng và bao trùm lên tất cả. Đồng hóa hai cái là một lỗi lầm nghiêm trọng và là nguyên nhân của đau khổ triền miên. Ông có thể nói thân và tâm là một, nhưng thân-tâm thì không phải là thực tế căn bản.

H: Dù là ai đi nữa thì người ở trong thân điều khiển thân, và, do đó, có trách nhiệm với thân.

M: Có một quyền năng vũ trụ, quyền năng đó điều hành và chịu trách nhiệm.

H: Nếu vậy thì tôi làm bất cứ gì tôi thích và đổ lỗi cho một quyền năng vũ trụ nào đó. Thật dễ dàng!

M: Đúng, thật dễ dàng. Chỉ cần nhận ra Người Tác Động Duy Nhất (*the One Mover*) ở đằng sau tất cả mọi chuyển động và phó mặc cho Người đó. Nếu ông không do dự, hay gian dối, thì đó là con đường ngắn nhất đưa đến

thực tại. Hãy đứng thẳng, không tham ái hay sợ hãi, từ bỏ mọi uy quyền và trách nhiệm.

H: Thật là một sự điên rồ!

M: Phải, một sự điên rồ thần thánh. Có gì là không đúng khi buông bỏ cái ảo tưởng về uy quyền cá nhân và trách nhiệm cá nhân? Cả hai chỉ ở trong tâm. Dĩ nhiên, chừng nào còn tưởng tượng rằng mình là người có uy quyền thì ông còn nghĩ rằng mình có trách nhiệm. Cái này hàm chứa cái kia.

H: Làm sao vũ trụ có thể chịu trách nhiệm cho cái cá biệt?

M: Tất cả sự sống trên trái đất này đều tùy thuộc vào mặt trời. Nhưng ông không thể quy trách cho mặt trời về tất cả những gì xảy ra, dù cho đó là nguyên nhân tối hậu. Ánh sáng tạo nên màu sắc của hoa, nhưng nó không điều khiển mà cũng chẳng có trách nhiệm trực tiếp về màu sắc của hoa. Nó làm cho màu sắc thể hiện, chỉ thế thôi.

H: Điều tôi không thích trong những gì ông nói là sự núp bóng một quyền năng vũ trụ nào đó.

M: Ông không thể tranh biện với những sự kiện thực tế.

H: Những sự kiện thực tế nào? Của ông hay của tôi?

M: Của ông. Ông không thể bác bỏ những thực tế của Ta, vì ông không biết chúng. Nếu biết được chúng thì ông đã không bác bỏ. Điều rắc rối ở chỗ ông cho sự tưởng tượng của ông là thực tế, và thực tế của Ta là tưởng tượng. Ta biết chắc chắn rằng tất cả là một. Sự khác biệt không có nghĩa là tách biệt. Hoặc là ông vô trách nhiệm với tất cả, hoặc là ông có trách nhiệm với tất cả. Tưởng tượng rằng ông làm chủ một thân xác, và chỉ có trách nhiệm với nó là sự sai lầm của quan niệm thân-tâm.

H: Nhưng, ông vẫn bị giới hạn bởi thân xác ông.

M: Chỉ trong những gì liên quan đến thân xác. Điều đó chẳng làm Ta bận tâm. Nó cũng giống như trải qua các mùa trong năm. Chúng đến, chúng đi nhưng chẳng tác động gì đến Ta. Cũng như thế các thân-tâm đến rồi đi – cuộc sống luôn luôn tìm kiếm những sự thể hiện mới.

H: Nếu ông không trút hết gánh nặng của sự xấu xa lên Thượng đế thì tôi thỏa mãn với lập luận của ông. Có thể có một Thượng đế cho tất cả, nhưng đối với tôi Thượng đế chỉ là một ý niệm được tâm con người phóng chiếu ra. Thượng đế có thể là một thực tế đối với ông, còn với tôi thì xã hội còn thật hơn cả Thượng đế, vì tôi vừa là sản phẩm vừa là tù nhân của nó.

Những giá trị của ông là trí và bi, còn giá trị của xã hội là sự ích kỷ ranh mãnh. Tôi sống trong một thế giới rất khác biệt với thế giới của ông.

M: Chẳng có gì có thể bắt buộc được.

H: Chẳng có gì bắt buộc được ông, nhưng tôi thì bị bắt buộc. Thế giới của tôi là một thế giới xấu xa, đầy nước mắt, trần lao và đau khổ. Lý giải nó bằng những lập luận trí thức, bằng cách đưa ra những triết thuyết như tiến hóa, và nghiệp quả thì chỉ làm cho vết thương thêm đau đớn. Thượng đế của một thế giới xấu xa là Thượng đế độc ác.

M: Ông là Thượng đế của thế giới của ông, và ông vừa ngu vừa độc ác. Cứ cho Thượng đế là một ý niệm – do chính ông tạo ra. Hãy tìm biết ông là ai, ông đã vào đời, tìm kiếm chân lý, cái thiện mỹ trong một thế giới xấu xa như thế nào. Biện hộ hay công kích Thượng đế thì có ích gì khi ông chẳng biết Thượng đế là ai, và ông đang nói về cái gì. Thượng đế được khai sinh từ đau khổ và hy vọng, được tạo ra bởi tham ái và tưởng tượng thì không thể là cái Quyền Năng Đó Là (*the Power That Is*), tức là Tâm thức và Trái tim của vũ trụ.

H: Đồng ý rằng thế giới mà trong đó tôi sống, và Thượng đế mà tôi tin đều là sản phẩm của tưởng tượng. Nhưng cả hai đã được tạo ra từ tham ái bằng cách nào? Việc gì tôi lại tưởng tượng ra một thế giới đau khổ, và một vị Thượng đế nhẫn tâm đến như thế? Việc gì tôi lại tự hành hạ mình một cách tàn tệ như vậy? Một bậc giác ngộ đến bảo tôi rằng: "Đó chỉ là một giấc chiêm bao, cần phải chấm dứt", thế không phải chính vị ấy cũng là một phần của giấc chiêm bao? Tôi cảm thấy mình bị cùng đường và không thấy lối ra. Ông nói là ông tự do. Ông tự do đối với cái gì? Hãy vì sự thánh thiện, đừng cho tôi ăn lời lẽ suông, mà hãy giác ngộ tôi, giúp tôi tỉnh thức, vì chính ông là người thấy tôi đang trăn trở trong giấc ngủ của tôi.

M: Khi Ta nói Ta tự do, Ta chỉ nói lên một thực tế. Khi là người lớn thì ông đã thoát ra khỏi thời niên thiếu. Ta thoát ra khỏi mọi mô tả và nhận dạng. Bất cứ gì ông có thể nghe, thấy, hay nghĩ tưởng ra được, đều không phải là Ta. Ta hoàn toàn không phải là một đối tượng của tri thức, hay là một khái niệm.

H: Nhưng ông vẫn còn một thân xác, và ông tùy thuộc vào nó.

M: Ông vẫn cho quan điểm của ông là duy nhất đúng. Ta lập lại: Ta đã không phải, hiện không phải, và sẽ không phải là một thân xác. Đối với Ta đó là một thực tế. Trước kia Ta cũng có ảo tưởng đã được sinh ra, nhưng Tôn sư đã cho Ta thấy sinh và tử chỉ là những ý tưởng – sinh chỉ là ý tưởng:

“Ta có một thân xác.” Và tử: “Ta đã mất đi thân xác.” Giờ đây, khi biết Ta không phải là một thân xác, nên thân xác có đó hay không thì có gì khác biệt? Thân-tâm cũng như một căn phòng. Nó có đó, nhưng không nhất thiết lúc nào Ta cũng phải sống trong đó.

H: Nhưng có một thân xác và ông phải lo cho nó.

M: Cái quyền năng tạo ra nó, lo cho nó.

H: Chúng ta luôn luôn nhảy từ bình diện này sang bình diện khác.

M: Chỉ có hai bình diện để lưu ý đến: Vật lý – của các sự kiện, và tâm – của ý nghĩ. Ta siêu vượt cả hai. Sự kiện và ý nghĩ của ông đều không phải là của Ta. Cái Ta thấy thì siêu vượt cả hai. Hãy qua bên này và cùng thấy với Ta.

H: Điều tôi muốn nói rất đơn giản. Chừng nào còn tin rằng: “Ta là thân xác” thì tôi không được nói: “Thượng đế sẽ lo cho thân ta.” Thượng đế sẽ không làm như thế. Thượng đế sẽ để kệ cho nó đói khát, đau ốm và chết đi.

M: Ông còn mong đợi gì khác ở một cái chỉ là thân xác? Tại sao ông lại bận tâm với nó đến thế?

Vì ông nghĩ rằng ông là thân xác nên ông muốn nó bất hoại. Ông có thể kéo dài sinh mạng của nó bằng những sự tu tập đúng cách, nhưng cho lợi ích tối hậu nào?

H: Sống lâu và khỏe mạnh vẫn tốt hơn chứ. Nó cho chúng ta cơ hội tránh được những sai lầm của thời niên thiếu và thanh xuân, những thất vọng của tuổi trưởng thành, những khốn khổ và lão suy của tuổi già.

M: Hãy sống trường thọ bằng mọi cách. Nhưng ông không phải là chủ nhân của thân xác. Liệu ông có thể định đoạt ngày sinh và ngày chết của ông? Chúng ta không nói cùng ngôn ngữ. Ngôn ngữ của ông là của thế giới tưởng tượng, mọi thứ đều treo trên những giả thuyết và phỏng định. Ông nói một cách rất quả quyết về những gì ông không biết chắc.

H: Vì thế tôi đến đây.

M: Ông chưa đến đây. Ta mới ở đây. Mời vào! Nhưng ông không vào. Ông muốn Ta sống cuộc sống của ông, cảm nhận theo cách của ông, sử dụng ngôn ngữ của ông. Ta không thể, và điều đó cũng chẳng giúp gì ông. Ông phải đến với Ta. Ngôn từ là của tâm và tâm thì ngăn che và vo tròn bóp méo. Do đó, điều cần thiết tất yếu là phải vượt ra khỏi ngôn từ, và qua bên này với Ta.

H: Hãy đưa tôi qua.

M: Ta đang làm chuyện đó, nhưng ông cứ cưỡng lại. Ông biến thực tại thành khái niệm, trong khi khái niệm chỉ là những hình ảnh méo mó về thực tại. Hãy từ bỏ mọi cố gắng khái niệm hóa, an trú với sự im lặng và chú ý. Hãy thành khẩn với điều đó, rồi mọi chuyện sẽ tốt lành với ông.

***

36. Sự giết hại gây đau khổ cho kẻ giết, chứ không phải người bị giết

Hỏi: Một ngàn năm về trước có một người đã sống và chết đi. Tính cách cá biệt tức thân vi tế của người đó – Antahkarana – tái xuất hiện trong một thân xác mới. Vì sao người đó không nhớ được kiếp trước của mình? Và nếu người đó nhớ được thì liệu có thể đưa ký ức về tiền kiếp đó vào ý thức?

Maharaj: Làm sao ông biết được cùng một con người tái xuất hiện vào thân xác mới? Một thân xác mới có thể là một con người hoàn toàn mới.

H: Hãy tưởng tượng một hũ ghee. Khi cái hũ bể, ghee còn lại và được chuyển sang một hũ khác. Cái hũ cũ có mùi riêng của nó, và cái hũ mới cũng vậy. Ghee sẽ mang mùi của hũ này sang hũ khác. Tương tự như thế, thân thức của một người được di chuyển từ thân này sang thân khác.

M: Tốt. Khi có thân, những đặc điểm riêng biệt của thân tạo ra những biểu hiện của một con người. Khi không có thân, thân thức thuần túy của chúng ta ở trong ý thức "Ta hiện hữu". Khi ông tái sinh vào một thân mới, cái thế giới đã kinh nghiệm trước kia ở đâu?

H: Mỗi thân kinh nghiệm thế giới riêng của nó.

M: Trong cái thân hiện tại thì cái thân cũ chỉ là một ý tưởng, hay là một ký ức?

H: Dĩ nhiên là một ý tưởng. Làm sao bộ óc có thể nhớ được cái mà nó chưa kinh nghiệm?

M: Ông vừa trả lời câu hỏi của chính ông. Việc gì phải đùa giỡn với những ý tưởng? Hãy bằng lòng với những gì ông biết chắc. Cái duy nhất mà ông biết chắc là cái "Ta hiện hữu". Hãy ở với nó, buông bỏ tất cả mọi thứ khác. Đó là *Yoga*.

H: Tôi chỉ có thể buông bỏ bằng ngôn từ. Giỏi lắm là tôi có thể nhớ và lặp lại: "Cái này không phải là Ta, cái này không phải là của Ta. Ta ở ngoài tất cả những cái này."

M: Thế là tốt rồi. Trước tiên là bằng ngôn từ, rồi bằng tâm và cảm thọ, rồi trong hành động. Hãy chú ý vào thực tại trong ông và nó sẽ hiển lộ.

Cũng như đánh sữa làm bơ. Hãy làm đúng cách và chuyên cần thì chắc chắn kết quả sẽ đến.

H: Làm sao cái tuyệt đối có thể là kết quả của một tiến trình?

M: Ông nói đúng, cái tương đối không thể đem lại cái tuyệt đối. Nhưng cái tương đối có thể ngăn trở cái tuyệt đối, cũng như nếu không đánh sữa thì không thể làm bơ tách ra khỏi sữa. Chính cái thật tạo nên sự thúc giục; cái bên trong thúc giục và cái bên ngoài đáp ứng bằng sự quan tâm và tinh tấn. Nhưng tối hậu thì chẳng có bên trong mà cũng chẳng có bên ngoài; ánh sáng của ý thức vừa là người sáng tạo vừa là vật được sáng tạo, vừa là người kinh nghiệm vừa là kinh nghiệm, vừa là thân xác vừa là cái thị hiện qua thân xác. Hãy để tâm đến nguồn năng lực phóng chiếu ra tất cả những cái đó, rồi mọi vấn đề của ông sẽ chấm dứt.

H: Năng lực phóng chiếu đó là gì?

M: Đó là trí tưởng tượng được thôi thúc bởi lòng ham muốn.

H: Tôi biết tất cả những điều đó, nhưng tôi chẳng có một quyền năng gì đối với chúng.

M: Lại thêm một ảo tưởng nữa của ông, do sự vọng cầu kết quả.

H: Có gì là không đúng với một hành vi có chủ đích?

M: Hành vi có chủ đích không dùng được ở đây. Trong những vấn đề như thế này không hề có mục đích, mà cũng chẳng có hành động. Tất cả những gì ông cần là lắng nghe, ghi nhớ, và tư duy. Cũng giống như ăn. Tất cả những gì ông có thể làm là cắn, nhai và nuốt, sau đó là hoàn toàn vô thức và tự động. Lắng nghe, ghi nhớ và hiểu – tâm vừa là diễn viên vừa là sân khấu. Tất cả đều thuộc về tâm, mà ông thì không phải là tâm. Tâm được sinh ra và tái sinh, chứ không phải ông. Tâm tạo ra thế giới và tính đa dạng tuyệt vời của nó. Trong một vở tuồng, ông cần đủ loại nhân vật và tình huống khác nhau, tương tự như thế ông cần mỗi thứ một ít để tạo ra thế giới.

H: Trong một vở tuồng thì chẳng có ai đau khổ.

M: Trừ khi một người tự đồng hóa mình với nó. Đừng đồng hóa ông với thế giới thì ông sẽ không đau khổ.

H: Nhưng người khác sẽ đau khổ.

M: Vậy thì hãy bằng mọi cách làm cho thế giới của ông hoàn hảo. Nếu tin vào Thượng đế, hãy cùng tạo dựng với Ngài. Nếu không tin vào Thượng đế, thì hãy trở thành Thượng đế. Hoặc là thấy thế giới như một vở tuồng, hoặc là xây dựng nó bằng tất cả sức lực của mình. Hoặc cả hai.

H: Thế còn nội thân hay tính cách cá biệt của người chết? Chuyện gì sẽ xảy ra với nó khi người đó chết đi? Ông có đồng ý là nó sẽ tiếp tục trong một thân xác khác?

M: Nó tiếp tục và nó cũng không tiếp tục. Tất cả còn tùy thuộc vào cách ông nhìn nó. Xét cho cùng thì cái gì là tính cách cá biệt? Một sự tiếp tục trong ký ức? Liệu ông có thể nói đến tính cách cá biệt mà không có ký ức?

H: Có chứ, tôi có thể. Một đứa bé có thể không biết cha mẹ là ai, nhưng các đặc tính di truyền trong nó vẫn có đó.

M: Ai nhận ra những đặc tính di truyền đó? Phải có một người với một ký ức để ghi nhận và so sánh. Ông có thấy rằng ký ức cũng giống như cái khung dệt của đời sống tâm lý, và tính cách cá biệt chỉ là một kiểu mẫu của các sự kiện xảy ra trong thời gian và không gian. Thay đổi kiểu mẫu là ông thay đổi con người.

H: Kiểu mẫu rất cần thiết và quan trọng. Nó có giá trị riêng của nó. Nếu nói rằng một mẫu dệt đơn thuần chỉ là những sợi chỉ đã được nhuộm mầu thì ông bỏ qua điều quan trọng nhất – cái đẹp của nó. Hoặc, nếu ông bảo rằng quyển sách chỉ là một xấp giấy với những dấu mực in thì ông bỏ qua ý nghĩa trong đó. Tính cách cá biệt rất quý giá vì nó là nền tảng của một cá nhân, nó làm cho mỗi người trong chúng ta là độc nhất và bất khả thay thế. "Ta hiện hữu" là trực giác của tính một duy nhất.

M: Đúng và sai. Tính cách cá biệt, tính cách cá nhân, tính độc nhất – chúng là những phương diện quý giá nhất của tâm, nhưng chỉ của tâm mà thôi. "Ta là tất cả những gì hiện hữu" cũng là một kinh nghiệm có giá trị tương đương. Cái riêng biệt và cái chung nhất thì bất khả phân. Chúng là hai phương diện của cái vô danh xưng, được nhìn từ cả bên ngoài lẫn bên trong. Điều đáng tiếc là ngôn từ chỉ có thể đề cập về nó, nhưng không chuyên chở được nó. Hãy tìm cách siêu vượt ngôn từ.

H: Cái gì chết theo với cái chết?

M: Cái ý nghĩ "Ta là thân xác này" chết; nhân chứng thì không.

H: Những người theo giáo phái *Jana* tin vào tính cách đa nhân chứng, luôn luôn tách biệt nhau.

M: Đó là truyền thống của họ, dựa trên kinh nghiệm của những vĩ nhân nào đó. Nhân chứng duy nhất phản chiếu tự thân thành cái "Ta hiện hữu" trong vô số thân xác. Chừng nào các thân xác đó, dù vi tế đến đâu, còn tồn tại thì cái "Ta hiện hữu" xuất hiện như là nhiều. Bên ngoài thân xác chỉ có Một duy nhất.

H: Thượng đế?

M: Đấng sáng tạo là một người, thân người đó là thế giới. Cái Một vô danh xưng thì siêu vượt thánh thần.

H: Đạo sư *Ramana Maharsi* đã mất. Cái chết đã tạo ra sự khác biệt nào đối với ông ấy?

M: Chẳng có gì khác biệt. Ông ấy là cái mà ông ấy đã là – Thực tại Tuyệt đối.

H: Nhưng đối với người thường thì cái chết tạo ra một sự khác biệt.

M: Trước khi chết người đó nghĩ mình là cái gì thì sẽ tiếp tục là cái đó sau khi chết. Hình ảnh về chính mình (*self-image*) của người đó vẫn còn.

H: Hôm trước ông có giải thích về điều các bậc giác ngộ dùng da thú để ngồi thiền, vân vân. Tôi vẫn không cảm thấy thuyết phục. Biện minh bằng cách nêu lên phong tục và truyền thống thì quá dễ. Phong tục có thể tàn ác và truyền thống có thể đồi bại. Phong tục và truyền thống là cách giải thích nhưng không thể biện minh.

M: Ta chưa bao giờ có ý nói rằng vô luật lệ sẽ theo sau sự giác ngộ chính mình. Một người đã giải thoát là một người vô cùng tuân thủ luật pháp nhưng là luật của cái Ta chơn thật, không phải luật pháp của xã hội. Người đã giải thoát có thể tuân thủ hay vi phạm luật pháp của xã hội tùy theo tình huống và sự cần thiết, nhưng chẳng bao giờ làm chuyện kỳ cục hay mất trật tự.

H: Tôi không thể chấp nhận sự biện minh bằng phong tục và thói quen.

M: Khó khăn là ở trong quan điểm khác biệt của chúng ta. Ông nói từ quan điểm thân-tâm. Quan điểm của Ta thuộc về nhân chứng. Sự khác biệt đó là căn bản.

H: Nhưng, tàn ác vẫn là tàn ác.

M: Chẳng có gì bắt buộc ông phải tàn ác.

H: Lợi dụng sự tàn ác của người khác là tàn ác dấu tay.

M: Nếu nhìn kỹ vào tiến trình sống, ông sẽ thấy sự tàn ác ở khắp nơi, sự sống này sống bằng sự sống khác. Đó là một thực tế, nhưng điều đó không làm ông cảm thấy tội lỗi vì sống. Ông bắt đầu một cuộc sống tàn ác bằng cách gây cho mẹ ông không biết bao nhiêu phiền nhiễu. Suốt đời ông cho đến khi chết ông tranh giành ăn, mặc, chỗ ở, bám víu vào thân xác, giành giật cho các nhu cầu của nó, muốn nó được an ổn trong một thế giới của sự bất trắc và cái chết. Nhìn từ quan điểm thú tính, bị giết hại không phải là hình thức rùng rợn nhất của cái chết; dĩ nhiên người ta vẫn muốn chết vì

bệnh hoạn, và lão suy hơn. Sự tàn ác nằm ở động cơ giết, chứ không phải sự giết. Giết hại gây đau khổ cho kẻ giết, chứ không phải người bị giết.

H: Đồng ý, vậy thì một người không nên nhận gì của những tay thợ săn và bọn đồ tể.

M: Ai bảo ông nhận?

H: Ông nhận.

M: Đó là cách ông nhìn Ta! Ông tố cáo, buộc tội, lên án và thi hành án nhanh quá! Nhưng tại sao lại bắt đầu với Ta mà không phải với chính ông?

H: Một người như ông phải làm gương.

M: Ông sẵn sàng theo gương Ta chứ? Ta đã chết đi đối với thế giới. Ta chẳng muốn gì cả, ngay cả sống. Hãy là như Ta là, làm như Ta làm. Ông phán xét Ta bằng quần áo và thức ăn của Ta, trong khi Ta chỉ nhìn động cơ thúc giục ông. Nếu ông tin rằng ông chỉ là thân, tâm và hành động theo sự tin tưởng đó, thì ông phạm một tội ghê tởm nhất: tàn ác với sự hiện hữu chơn thật của chính ông. So với sự tàn ác đó thì mọi sự tàn ác khác chẳng là gì.

H: Ông nại cớ rằng ông không phải là thân xác để trốn tránh. Nhưng ông điều khiển thân xác của ông và chịu trách nhiệm về tất cả những gì nó làm. Để thân xác hoàn toàn tùy tiện là ngu ngốc và điên rồ.

M: Hãy bình tĩnh. Ta chống lại mọi sự sát hại thú vật để lấy thịt và lông, nhưng đó không phải ưu tiên hàng đầu. Ăn chay là một lý do chính đáng, nhưng không phải là điều cấp bách nhất; tất cả mọi lý do đều được thỏa mãn tốt đẹp nhất bởi một người đã trở về với cội nguồn.

H: Khi còn ở *Sri Ramanashram*, tôi cảm thấy *Bhagavan*[5] ở khắp mọi nơi, bao trùm tất cả, thấy biết tất cả.

M: Ông đã có được tín tâm cần thiết. Những ai thực sự có tín tâm với *Bhagwan* thì luôn luôn thấy *Bhagwan* ở khắp nơi. Tất cả đều xảy ra theo tín tâm của ông, và tín tâm của ông là hình tướng của lòng ham muốn của ông.

H: Thế không phải tín tâm mà ông có đối với chính ông cũng là hình tướng của một sự ham muốn?

M: Khi nói: "Ta hiện hữu", Ta không hàm ý một thực thể tách biệt có một thân xác là trung tâm của nó. Ta muốn nói sự toàn thể của hiện hữu, đại dương của ý thức, toàn thể vũ trụ của tất cả hiện hữu và biết. Ta chẳng có gì để ham muốn, vì Ta luôn luôn toàn hảo.

H: Ông có thể giao tiếp với đời sống nội tâm của người khác?

M: Ta là mọi người.

H: Tôi không muốn nói sự giống nhau của tánh thể hay thực chất, mà cũng không phải sự tương tự về hình tướng. Tôi muốn nói sự nhập vào tâm thức và trái tim của người khác một cách thực sự, và tham dự vào những kinh nghiệm cá nhân của họ. Ông có thể cùng vui sướng và đau khổ với tôi, hay ông chỉ phỏng đoán những cảm xúc của tôi bằng sự quan sát và phép loại suy?

M: Tất cả mọi hiện hữu đều ở trong Ta. Nhưng đem vào não bộ nội dung của một bộ óc khác đòi hỏi một sự tập luyện đặc biệt. Nếu tập luyện thì chẳng có gì là không làm được.

H: Tôi không phải là phóng ảnh của ông, và ông cũng không phải là phóng ảnh của tôi. Tôi có tư cách cá nhân của tôi, mà không phải là tạo vật của ông. Cái triết lý thô thiển về sự tưởng tượng và phóng chiếu chẳng hấp dẫn đối với tôi. Ông tước đoạt tất cả thực tại của tôi. Ai là hình ảnh của ai? Ông là hình ảnh của tôi, hay tôi là hình ảnh của ông? Hay tôi là một hình ảnh trong hình ảnh của chính tôi! Không, có cái gì không ổn ở đâu đó.

M: Ngôn từ tự tố cáo sự rỗng tuếch của nó. Cái thật thì không thể mô tả, mà phải được chứng nghiệm. Ta không thể tìm ra ngôn từ nào chính xác hơn cho những gì Ta biết. Những gì Ta nói nghe có vẻ khôi hài, nhưng điều mà ngôn từ tìm cách chuyển tải là chân lý tối thượng. Dù chúng ta có ngụy biện đến đâu thì tất cả vẫn là một. Tất cả được thực hiện để làm vừa lòng cái nguồn gốc và mục đích duy nhất của mọi tham ái, cái mà tất cả chúng ta đều biết: cái "Ta hiện hữu."

H: Chính đau khổ ở tại nguồn gốc của tham ái. Sự thôi thúc căn bản là trốn tránh đau khổ.

M: Cái gì là nguồn gốc của đau khổ? Vô minh về chính ông. Cái gì là nguồn gốc của tham ái? Sự thôi thúc tìm kiếm chính ông. Mọi sinh vật đều vất vả tìm kiếm cái Ta của nó, và chỉ khi nào trở về với cái Ta thì nó mới an nghỉ.

H: Bao giờ nó trở về?

M: Nó có thể trở về bất cứ khi nào ông muốn.

H: Còn thế giới?

M: Ông có thể đem nó theo.

H: Liệu tôi có cần hoãn lại việc cứu giúp thế gian cho đến khi tôi đạt được sự toàn hảo?

M: Hãy giúp thế gian bằng mọi cách. Ông sẽ chẳng giúp được bao nhiêu, nhưng sự cố gắng sẽ làm ông trưởng thành. Tìm cách cứu giúp thế gian thì chẳng có gì sai.

H: Chắc chắn đã có nhiều người – những con người bình thường – đã giúp ích rất nhiều cho thế gian này.

M: Khi đến lúc thế gian cần được cứu giúp, một số người nào đó sẽ được ban cho ý chí, trí tuệ và quyền năng để tạo ra những thay đổi vĩ đại.

***

37. Bên ngoài đau khổ và lạc thú là an lạc

Maharaj: Trước tiên ông phải nhận ra rằng ông là bằng chứng của mọi thứ, kể cả chính ông. Không người nào có thể chứng minh được sự tồn tại của ông, vì chính sự tồn tại của người đó phải được ông xác nhận trước. Sự hiện hữu và tánh biết của ông không nhờ ai mà có. Nên nhớ rằng ông không tùy thuộc ai. Ông chẳng ở đâu đến, và ông cũng chẳng đi đâu. Ông là tánh biết và sự hiện hữu phi thời.

Hỏi: Có một sự khác biệt căn bản giữa ông và tôi. Ông biết cái thật, còn tôi chỉ biết những hành hoạt của tâm tôi. Vì thế ông nói một đàng, tôi nghe một nẻo. Cùng ngôn từ, nhưng những gì ông nói là đúng, còn tôi hiểu thì sai. Giữa ông và tôi có một khoảng cách. Làm thế nào để thu hẹp khoảng cách đó?

M: Hãy từ bỏ cái ý tưởng cho rằng ông là cái mà ông nghĩ thì sẽ không còn khoảng cách. Vì tưởng tượng ông tách biệt nên chính ông đã tạo ra khoảng cách. Ông chẳng cần phải vượt qua nó mà chỉ cần đừng tạo ra nó. Tất cả là ông và của ông. Chẳng có ai khác. Đây là một thực tế.

H: Lạ nhỉ! Cùng một lời lẽ - đối với ông thì đúng, còn đối với tôi thì sai. "Chẳng có ai khác." Rõ ràng là không thể nào đúng được!

M: Đúng hay không đúng thì cứ để đó. Ngôn từ chẳng quan trọng. Điều quan trọng là cái ý tưởng ông có về chính ông vì nó ngăn che ông. Hãy buông bỏ nó.

H: Ngay từ khi còn nhỏ tôi được dạy để suy nghĩ rằng tôi được giới hạn trong danh xưng và hình thể của tôi. Một lời nói suông mang ý nghĩa trái ngược không thể xóa được vết hằn trong tâm thức. Cần phải có một cuộc tẩy não, nếu điều đó có thể thực hiện được.

M: Ông gọi là tẩy não, Ta gọi là Yoga – san bằng tất cả những vết mòn trong tâm thức. Ông không bị bắt buộc phải tư duy lập đi lập lại cùng những ý nghĩ. Hãy đi tới!

H: Nói thì dễ hơn làm.

M: Đừng trẻ con! Thay đổi thì vẫn dễ hơn là chịu đựng. Hãy từ bỏ thái độ trẻ con của ông để trưởng thành, chỉ có thế thôi.

H: Những chuyện như thế thì chẳng cần phải làm. Chúng xảy ra.

M: Tất cả mọi thứ luôn luôn xảy ra, nhưng ông phải sẵn sàng tiếp nhận. Sẵn sàng là sự chín mùi. Ông không thấy được cái thật vì tâm ông chưa sẵn sàng tiếp nhận nó.

H: Nếu thực tại là bản chất chơn thật của tôi thì tại sao tôi không luôn luôn sẵn sàng?

M: Không sẵn sàng có nghĩa là sợ. Ông sợ cái ông là. Nơi đến của ông là cái toàn thể. Nhưng ông lại sợ sẽ mất cái tính cách cá biệt của ông. Bám chặt lấy tham ái và lo sợ, ý kiến và ý tưởng là hành động của trẻ con bám chặt lấy đồ chơi. Hãy từ bỏ tất cả những cái đó và sẵn sàng để cho cái thật tự khẳng định. Sự tự khẳng định này được thể hiện bằng ngôn từ đúng nhất: "Ta hiện hữu." Không gì khác có thực thể. Ông hoàn toàn chắc chắn về điều này.

H: Dĩ nhiên "Tôi hiện hữu", và "Tôi biết" nữa. Tôi biết tôi là thế này thế nọ, là chủ nhân của thân xác, trong vô số quan hệ với các chủ nhân của các thân xác khác.

M: Đó chỉ là tất cả ký ức được đem vào cái *bây giờ*.

H: Tôi chỉ có thể chắc chắn với cái bây giờ. Quá khứ và tương lai, ký ức và tưởng tượng, tất cả đều là những trạng thái của tâm, nhưng chúng là những gì tôi biết và chúng đang là bây giờ. Ông bảo tôi từ bỏ chúng. Làm sao một người có thể từ bỏ cái bây giờ?

M: Dù muốn hay không thì ông vẫn luôn luôn di chuyển vào tương lai.

H: Tôi di chuyển từ hiện tại này sang hiện tại khác – tôi không hề di chuyển. Tất cả mọi cái khác di chuyển – tôi thì không.

M: Cứ cho là như thế. Nhưng tâm ông di chuyển. Trong hiện tại ông vừa là cái di chuyển, vừa là cái bất khả di chuyển. Cho đến nay ông vẫn cho ông là cái di chuyển và không thấy được cái bất khả di chuyển. Hãy lật ngược tâm ông: đừng chú ý đến cái di chuyển, ông sẽ thấy chính ông là thực tại bất biến và thường tại, không thể diễn tả được, nhưng kiên cố như một khối đá.

H: Nếu nó là hiện tại, vì sao tôi không biết?

M: Bởi vì ông cứ khư khư với cái ý nghĩ ông không biết nó. Hãy bỏ ý nghĩ đó đi.

H: Bỏ nó thì cũng chẳng làm cho tôi biết.

M: Khoan đã. Ông muốn ở hai bên bức tường cùng một lúc. Ông chỉ có thể làm được điều đó nếu ông phá bỏ bức tường. Hoặc ông nhận ra rằng bức tường và hai bên của nó là một không gian duy nhất, đối với khoảng không gian đó ý tưởng "bên này" hay "bên kia" đều không áp dụng.

H: So sánh chẳng chứng minh được gì. Điều đáng trách duy nhất của tôi là: Vì sao tôi không thấy cái ông thấy, vì sao lời lẽ của ông nghe không đúng trong tâm tôi. Hãy cho tôi biết thật rõ về điều này, những điều khác thì cứ để đó. Ông có trí tuệ còn tôi u mê; ông thấy, còn tôi thì không. Tôi phải làm thế nào để tìm được trí tuệ của tôi, và ở đâu?

M: Nếu biết được ông u mê thì ông đâu có u mê!

H: Biết được tôi bệnh không làm tôi khỏe, biết được tôi u mê không thể làm tôi có trí tuệ.

M: Biết được ông bệnh thì không phải lúc đầu ông phải khỏe đã chứ?

H: Ồ, không. Tôi biết bằng cách đối chiếu. Giả sử rằng tôi bị mù bẩm sinh, phải sờ mó mới biết; nghe ông bảo ông biết được mọi thứ mà không cần phải sờ mó thì tôi biết là tôi mù, nhưng tôi vẫn không hiểu được nhìn thấy là thế nào. Tương tự như thế, tôi biết tôi thiếu một cái gì đó nên khi ông khẳng định sự việc thì tôi không thể nào nắm bắt được. Ông cho tôi biết những điều tuyệt vời về chính tôi; theo ông thì tôi vĩnh cửu, tôi hiện hữu khắp nơi, thông suốt mọi sự, là hạnh phúc tối thượng, là người sáng tạo, người bảo vệ và cũng là kẻ phá hủy tất cả những gì hiện hữu, tôi là suối nguồn của sự sống, là trái tim của hiện hữu, là chủ tể và là người được yêu quí của mọi loài chúng sinh. Ông xếp tôi ngang hàng với Thực tại Tối hậu, nguồn gốc và mục đích của tất cả sự sống. Tôi chỉ biết chớp mắt, vì tôi biết chính tôi chỉ là một mớ cỏn con của lòng tham ái và lo sợ, một bọt bong bóng đau khổ, một thoáng lóe lên của ý thức trong đại dương tăm tối.

M: Trước khi có đau khổ thì đã có ông. Đau khổ qua đi, ông vẫn còn đó. Đau khổ là nhất thời, còn ông thì không.

H: Rất tiếc là tôi không thấy được cái ông thấy. Từ ngày sinh ra cho đến khi chết đi, mô hình của đời tôi được đan dệt bằng đau khổ và lạc thú. Tôi hoàn toàn không biết gì về sự hiện hữu trước khi sinh ra và sau khi chết đi. Tôi không chấp nhận và cũng không phủ nhận những gì ông nói. Tôi nghe cái ông nói nhưng tôi không biết cái đó.

M: Hiện bây giờ ông biết, phải thế không?

H: Xin đừng hỏi tôi về trước và sau. Tôi chỉ biết cái gì ngay bây giờ.

M: Tốt. Như vậy là ông biết. Cứ giữ trạng thái ấy. Khi ông không biết thì vẫn có những trạng thái. Gọi đó là hiện hữu vô thức.

H: Là vô thức?

M: Ý thức và vô thức không áp dụng ở đây. Sự tồn tại thì ở trong ý thức, còn tánh thể thì không tùy thuộc vào ý thức.

H: Nó là sự trống rỗng? Nó là sự im lặng?

M: Việc gì phải chi tiết tỉ mỉ? Hiện hữu thì trùm khắp và siêu vượt ý thức. Ý thức khách quan là một phần của ý thức thuần túy, chứ không ở ngoài.

H: Làm sao ông biết được trạng thái hiện hữu thuần túy, không phải hữu thức mà cũng chẳng phải vô thức? Tất cả mọi sự hiểu biết đều chỉ ở trong ý thức. Có thể có một trạng thái như là sự trống vắng của tâm. Liệu lúc đó ý thức xuất hiện như nhân chứng?

M: Nhân chứng chỉ ghi lại các sự kiện. Trong sự trống vắng của tâm ngay cả cái ý thức "Ta hiện hữu" cũng biến mất. Không hề có "Ta hiện hữu" mà không có tâm.

H: Không có tâm có nghĩa là không có ý nghĩ. "Ta hiện hữu" như một ý nghĩ thì chìm xuống. "Ta hiện hữu" như một ý thức về sự hiện hữu thì vẫn còn.

M: Tất cả mọi kinh nghiệm đều chìm xuống cùng với tâm. Nếu không có tâm thì không thể có người kinh nghiệm và cũng chẳng có kinh nghiệm.

H: Thế không phải nhân chứng vẫn còn?

M: Nhân chứng chỉ làm công việc ghi lại sự có mặt và vắng mặt của kinh nghiệm. Tự thân nhân chứng không phải là một kinh nghiệm, nhưng ngay khi ý nghĩ "Ta là nhân chứng" khởi sinh thì nó trở thành một kinh nghiệm.

H: Tất cả những gì tôi biết là tâm có lúc hoạt động và có lúc ngừng. Tôi gọi kinh nghiệm im lặng của tâm là sự trống vắng của tâm.

M: Có gọi nó là sự im lặng, trống rỗng, hay trống vắng, thì thực tế là cả ba – người kinh nghiệm, hành vi kinh nghiệm, và kinh nghiệm – đều không có. Trong hành vi nhân chứng, trong tánh biết, trong ý thức về chính mình thì không có ý thức là cái này, là cái kia. Sự hiện hữu vô danh sắc (*unidentified being*) vẫn còn.

H: Như một trạng thái vô thức?

M: Khi liên hệ nó với bất cứ gì thì nó ngược lại. Không những thế nó còn ở giữa, và ở ngoài mọi sự đối nghịch. Nó không phải ý thức mà cũng

chẳng phải vô thức, không phải ở giữa và cũng chẳng phải ở ngoài cả hai. Nó là chính nó, không hề liên hệ với bất cứ gì gọi là kinh nghiệm, hay sự trống vắng kinh nghiệm.

H: Lạ quá nhỉ! Ông nói về nó như thể nó là một kinh nghiệm.

M: Ngay khi Ta nghĩ đến nó thì nó trở thành một kinh nghiệm.

H: Cũng như ánh sáng thì vô sắc, nhưng khi bị một bông hoa ngăn lại thì trở thành màu sắc?

M: Đúng, ông có thể cho là như thế. Nó ở trong màu sắc những không phải là màu sắc.

H: Cũng giống như luận pháp bốn lần phủ định của Long Thọ Bồ Tát (Nagarjuna): "không phải cái này mà cũng không phải cái kia, không phải cả hai, không phải không phải cả hai." Tâm tôi quay mòng mòng!

M: Sự khó hiểu đối với ông phát sinh từ ý tưởng cho rằng thực tại là một trạng thái của ý thức, trong vô số các trạng thái khác. Ông có khuynh hướng cho rằng: "Cái này thật. Cái kia không thật. Và cái này nửa thật, nửa không thật" như thể thực tại là một thuộc tính hay phẩm chất có trong nhiều cách đo lường khác nhau.

H: Để tôi diễn tả theo một cách khác. Xét cho cùng, ý thức trở nên một vấn đề khi nào nó gây đau khổ. Một trạng thái thường an lạc thì không gây nên vấn đề gì. Chúng tôi nhận thấy tất cả ý thức chỉ là sự pha trộn giữa lạc thú và đau khổ. Tại sao vậy?

M: Tất cả ý thức đều hữu hạn và do đó gây đau khổ. Tại nguồn gốc của ý thức là tham ái, là sự thôi thúc mong muốn kinh nghiệm.

H: Ông muốn nói rằng nếu không có tham ái thì không thể có ý thức? Thế thì lợi ích của trạng thái vô thức là gì? Nếu phải từ bỏ lạc thú để thoát khỏi đau khổ, thì tốt hơn là tôi giữ cả hai.

M: Bên ngoài đau khổ và lạc thú là hỷ lạc.

H: Hỷ lạc vô thức, liệu có lợi lạc gì?

M: Không phải hữu thức mà cũng chẳng phải vô thức. Chơn thật.

H: Vì sao ông bác bỏ ý thức?

M: Nó là một gánh nặng. Thân xác có nghĩa là gánh nặng. Cảm thọ, tham ái, ý nghĩ – tất cả đều là gánh nặng. Tất cả ý thức đều thuộc về xung đột.

H: Thực tại được mô tả là hiện hữu chơn thật, ý thức thuần túy, hỷ lạc vô biên. Vậy đau khổ có liên quan gì với thực tại?

M: Đau khổ và lạc thú xảy ra; đau khổ là cái giá của lạc thú, và lạc thú là phần thưởng của đau khổ. Trong cuộc sống ông vẫn thường thích thú bằng cách gây đau khổ, và gây đau khổ bằng cách tạo ra thích thú. Biết được đau khổ và lạc thú là một thì an lạc.

H: Tất cả những gì ông nói rất hấp dẫn, không có gì là nghi hoặc, nhưng mục đích của tôi đơn giản hơn thế. Tôi chỉ muốn nhiều lạc thú và ít đau khổ hơn trong đời sống. Tôi phải làm gì?

M: Bao giờ còn có ý thức thì chắc chắn còn có lạc thú và đau khổ. Bản chất của cái "Ta hiện hữu," bản chất của ý thức là tự đồng hóa chính nó với những cái đối nghịch.

H: Vậy tất cả những cái đó có lợi ích gì đối với tôi? Nó không làm tôi thỏa mãn.

M: Ông là ai, ai không thỏa mãn?

H: Tôi, con người đau-khổ-lạc-thú.

M: Đau khổ và lạc thú đều là hỷ lạc. Ngay tại đây, Ta đang ngồi trước mặt ông và nói với ông – từ sự chứng nghiệm trực tiếp và bất biến – đau khổ và lạc thú là chóp và chân của những con sóng trong biển an lạc. Sự viên mãn ở tận dưới sâu kia.

H: Kinh nghiệm của ông có thường hằng?

M: Nó phi thời và bất biến.

H: Tất cả những gì tôi biết là lòng ham muốn lạc thú và nỗi sợ hãi đau khổ.

M: Đó là điều ông nghĩ về chính ông. Hãy chấm dứt. Nếu không thể từ bỏ ngay một thói quen thì hãy suy nghĩ về một lối tư duy quen thuộc và thấy được sự sai lầm của nó. Tìm hiểu thói quen là nhiệm vụ của tâm. Cái gì được tâm tạo ra thì tâm phải phá hủy. Hoặc, ông nhận ra rằng tham ái chỉ có ở trong tâm, và hãy ở ngoài tâm.

H: Nói thật ra, tôi không tin cách giải thích cho rằng tất cả đều do tâm tạo. Tâm chỉ là một công cụ, cũng như mắt là một công cụ. Ông có thể cho rằng nhận thức là sáng tạo? Tôi thấy thế giới qua khung cửa sổ, chứ không phải trong khung cửa sổ. Những gì ông nói đều ăn khớp với nhau vì chúng có cùng một cơ sở chung, nhưng tôi không biết cơ sở đó ở trong thực tại, hay chỉ ở trong tâm. Tôi chỉ có một hình ảnh của tâm về nó mà thôi. Nó có ý nghĩa gì đối với ông thì tôi không biết được.

M: Chừng nào ông còn đứng trong tâm thì ông còn thấy Ta ở trong tâm.

H: Để hiểu thì ngôn từ không thỏa đáng chút nào!

M: Không có ngôn từ thì có gì để hiểu? Vì hiểu sai nên mới cần hiểu. Những gì Ta nói là chân lý, nhưng đối với ông nó chỉ là một triết thuyết. Làm sao ông có thể hiểu được đó là sự thật? Hãy lắng nghe, ghi nhớ, tư duy, hình dung, kinh nghiệm. Không những thế, còn phải ứng dụng trong đời sống hàng ngày. Hãy kiên nhẫn với Ta, và trên tất cả hãy kiên nhẫn với chính ông, vì ông là chướng ngại duy nhất của chính ông. Con đường xuyên suốt qua ông siêu vượt chính ông. Chừng nào ông còn tin chỉ cái cá biệt là thật, là biết được và hạnh phúc, và bác bỏ thực tại bất nhị, cho nó là một cái gì được tưởng tượng ra, một khái niệm trừu tượng thì ông còn nhận thấy Ta chỉ đưa ra những khái niệm và lý thuyết mơ hồ. Nhưng một khi đã chạm được vào cái chơn thật bên trong sự hiện hữu của chính ông thì ông sẽ nhận ra rằng Ta chỉ mô tả cho ông cái mà ông gần gũi nhất và quý giá nhất.

***

38. Tu tập tâm linh là ý chí được khẳng định và tái khẳng định

Hỏi: Những người Tây phương thỉnh thoảng vẫn đến gặp ông đều đối diện với một sự khó khăn có tính cách đặc thù. Họ hoàn toàn không có ý niệm về người giải thoát, người giác ngộ, người tự giác, người biết được Thượng đế, người siêu vượt thế gian. Tất cả những gì họ có trong nền văn hóa Thiên Chúa giáo là ý tưởng về một vị thánh: Một người ngoan đạo, tuân thủ luật pháp, kính sợ Thượng đế, yêu thương tín hữu, siêng năng cầu nguyện, thỉnh thoảng nhập vào trạng thái xuất thần và được xác nhận bằng một vài phép lạ. Ý tưởng về một bậc giác ngộ - *Gnani* - hoàn toàn xa lạ trong nền văn hóa Tây phương, nó có vẻ lạ lùng và khó tin. Cho dù người Tây phương có chấp nhận sự tồn tại của một *Gnani* thì họ vẫn nhìn người đó với sự ngờ vực, và do đó là một trường hợp hưng phấn tự cảm ứng, kết quả của những tư thế kỳ quái của thân xác và những thái độ tâm lý. Ý tưởng về một cảnh giới mới trong ý thức đối với họ hình như huyễn hoặc và có vẻ viễn vông.

Cách giúp họ tốt nhất là tạo cơ hội để họ được nghe một *Gnani* thuật lại chính kinh nghiệm giác ngộ, các nguyên nhân và những bước đầu, sự tiến bộ và những chứng đắc, cùng với phép tu tập thực tế trong cuộc sống thường ngày. Hầu hết những gì vị *Gnani* nói ra có vẻ rất xa lạ, thậm chí còn vô nghĩa, nhưng vẫn để lại một cảm nhận về thực tại, một không khí của sự chứng nghiệm thực sự, không thể diễn tả được, nhưng rất thật, một trung điểm mà từ đó người ta có thể sống một cuộc đời mẫu mực.

Maharaj: Kinh nghiệm đó có lẽ là không thể truyền đạt được. Liệu một người có thể truyền đạt được một kinh nghiệm?

H: Được chứ, nếu người đó là một nghệ sĩ. Tinh hoa của nghệ thuật là truyền đạt cảm xúc, và kinh nghiệm.

M: Để tiếp nhận sự truyền đạt, ông phải sẵn sàng tiếp thu.

H: Dĩ nhiên. Phải có một cái máy thu. Nhưng máy phát không phát thì máy thu dùng để làm gì?

M: *Gnani* thuộc về tất cả. Gnani bố thí chính mình một cách không mệt mỏi và trọn vẹn cho bất cứ ai tìm đến. Nếu không bố thí thì người đó không phải một *Gnani*. *Gnani* chia sẻ bất cứ gì mình có.

H: Nhưng liệu *Gnani* có thể chia sẻ cái mà người ấy *là*?

M: Ông muốn nói rằng liệu một *Gnani* có thể biến người khác thành *Gnani*? Có và không. Không, vì các *Gnani* không được tạo ra, họ nhận ra chính mình là như thế khi họ trở về với cội nguồn, với bản tánh chơn thật của họ. Ta không thể biến ông thành cái mà ông đã là như thế. Tất cả những gì Ta chỉ có thể nói với ông là con đường mà Ta đã đi qua, và Ta mời ông đi con đường đó.

H: Điều đó không trả lời câu hỏi của tôi. Tôi có trong tâm một con người Tây phương hay phê phán và hoài nghi, con người đó phủ nhận sự khả hữu của bất cứ trạng thái ý thức siêu việt nào. Gần đây, ma túy đã phá vỡ sự hoài nghi cố hữu, nhưng không ảnh hưởng đến quan niệm duy vật của người đó. Ma túy hay không phải ma túy, thân xác vẫn là yếu tố căn bản, còn tâm chỉ là thứ yếu. Ra khỏi tâm, người ta không thấy gì cả. Từ Đức Phật trở về sau, các trạng thái giác ngộ chính mình đều được mô tả bằng những từ ngữ phủ định, như "không phải cái này, không phải cái kia." Có phải phủ định là tất yếu? Nếu không thể mô tả thì người ta không thể minh họa nó hay sao? Tôi công nhận rằng không sự mô tả nào bằng ngôn từ lại có thể chính xác, khi trạng thái được mô tả vượt ra khỏi ngôn từ. Nhưng nó vẫn ở trong vòng ngôn từ chứ. Thơ là một nghệ thuật diễn tả bằng ngôn từ cái không thể diễn tả được.

M: Chẳng thiếu gì các nhà thơ tôn giáo. Hãy đến gặp họ để tìm cái ông muốn. Với Ta, sự chỉ giáo rất đơn giản: Cứ tin Ta một thời gian và làm những gì Ta bảo. Nếu kiên nhẫn, ông sẽ nhận ra sự tin tưởng của ông là chính đáng.

H: Nhưng đối với những người hoàn toàn không tin mà chỉ quan tâm thì sao?

M: Nếu ở gần Ta họ có thể tin Ta. Khi đã tin họ sẽ làm theo những gì Ta chỉ dẫn, và tự tìm ra cho chính họ.

H: Tôi không hỏi về sự tu tập mà tôi hỏi về kết quả. Ông có cả hai. Ông sẵn sàng chỉ cho chúng tôi cách tu tập, nhưng khi hỏi về kết quả thì ông không chịu chia sẻ. Hoặc là ông nói trạng thái của ông siêu vượt ngôn từ, hoặc là ông nói chẳng có gì khác biệt, và những gì chúng tôi thấy có sự khác biệt thì ông thấy không. Trong cả hai trường hợp chúng tôi đều bị hụt hẫng, không biết rõ được trạng thái của ông.

M: Làm sao ông có thể biết rõ được trạng thái của Ta khi ông không biết rõ trạng thái của chính ông? Khi chính công cụ để hiểu không có thì điều quan trọng không phải là tìm nó trước hay sao? Điều ông nói chẳng khác nào một người mù muốn học vẽ tranh trước khi lấy lại được thị giác. Ông muốn biết trạng thái của Ta – thế ông có biết trạng thái của vợ ông, hay của người giúp việc cho ông?

H: Tôi chỉ muốn hỏi một vài gợi ý.

M: Được, Ta cho ông một gợi ý vô cùng quan trọng - ở đâu ông thấy sự khác biệt thì Ta không thấy. Đối với Ta thế là đủ. Nếu ông nghĩ nó vẫn chưa đủ thì Ta chỉ có thể lập lại: Thế là đủ. Hãy suy gẫm điều đó thật sâu xa, và ông sẽ thấy chỗ Ta thấy.

Ông muốn có một sự sáng suốt tức thời mà quên rằng cái tức thời bao giờ cũng theo sau một tiến trình chuẩn bị lâu dài. Quả rụng tức thời nhưng tiến trình chín mùi đòi hỏi phải có thời gian.

Xét cho cùng, khi Ta bảo hãy tin Ta thì sự tin tưởng chỉ là một thời gian ngắn, vừa đủ để ông bắt đầu. Sự thành khẩn càng nhiều thì sự tin tưởng ông cần càng ít, vì chẳng bao lâu ông sẽ thấy niềm tin ông đặt nơi Ta là chính đáng. Ông muốn Ta chứng tỏ với ông rằng Ta là một người khả tín! Làm sao Ta làm được điều đó, và việc gì Ta phải làm như thế? Xét cho cùng, những gì Ta nói với ông chỉ là phương cách tiếp cận có thể sử dụng được, rất hiện hành trong khoa học Tây phương. Sau khi nghe một khoa học gia mô tả một thử nghiệm và những kết quả của nó, thông thường ông chấp nhận những phát biểu của nhà khoa học dựa trên sự tin tưởng, rồi ông làm lại cuộc thử nghiệm theo sự mô tả. Một khi đã đạt được cùng kết quả hay kết quả tương tự, ông chẳng cần tin nhà khoa học kia nữa mà ông tin kinh nghiệm của chính ông. Được khuyến khích, ông tiến hành và cuối cùng đạt được những kết quả rất tương tự.

H: Cái tâm của người Ấn đã được chuẩn bị bởi sự giáo dục và nền văn hóa Ấn Độ để sẵn sàng cảm nhận các kinh nghiệm siêu hình. Đối với người Ấn những từ ngữ như "trực nhận Thực tại Tối thượng" là có ý nghĩa và đem lại những phản ứng từ tận cùng sâu thẳm của hiện hữu. Đối với người phương Tây thì chúng chẳng có ý nghĩa gì mấy; mặc dù được giáo dục với một giáo lý đa dạng như Thiên Chúa giáo, nhưng người phương Tây không dám tư duy vượt ra ngoài sự tuân thủ những điều răn của Chúa, và các lời dạy của Đấng *Christ*. Đối với họ sự hiểu biết trực tiếp về thực tại không những vượt quá tham vọng, mà còn ở ngoài nhận thức. Có mấy người Ấn đã bảo tôi: "Vô vọng. Người phương Tây sẽ không thể, vì họ không thể. Đừng nói với họ một điều gì về sự giác ngộ chính mình; cứ để họ sống một cuộc sống hữu ích rồi nhờ đó được tái sinh ở Ấn Độ. Lúc đó thì may ra." Lại có người nói: "Thực tại dành cho tất cả một cách đồng đều, nhưng không phải tất cả được hưởng một cách đồng đều cái khả năng nắm bắt nó. Khả năng đi cùng với ước muốn sẽ trở thành lòng sùng tín, và tối hậu sẽ là dâng hiến trọn vẹn chính mình. Với lòng chính trực và nhiệt thành, cũng như ý chí sắt đá để vượt qua mọi trở ngại, người phương Tây có cùng một cơ hội như người phương Đông. Tất cả những gì người phương Tây cần là phát khởi sự quan tâm." Để phát khởi sự quan tâm hiểu biết chính mình, người phương Tây cần phải được thuyết phục về những lợi ích của nó.

M: Ông tin rằng một kinh nghiệm cá nhân có thể trao truyền được?

H: Tôi không rõ. Ông nói về sự hợp nhất, tính đồng nhất giữa người thấy và cái bị thấy. Khi tất cả là một thì sự truyền đạt là khả thi.

M: Muốn có kinh nghiệm trực tiếp về một đất nước nào đó ông phải đến đó sinh sống. Đừng đòi hỏi cái bất khả. Thắng lợi tâm linh của một người chắc chắn đem lại lợi lạc cho nhân loại, nhưng chỉ để lợi lạc cho một cá nhân khác thì cần phải có một quan hệ thân cận giữa hai người. Một quan hệ như thế không phải tình cờ, và không phải ai cũng có thể có được. Mặt khác, để đem lại lợi lạc cho mọi người thì còn có phương pháp rất khoa học: "Tin – Thử - Trải qua" (*Trust – Test – Taste*) ông còn cần gì hơn nữa? Việc gì phải cố nhồi nhét Chân lý xuống những cuống họng không muốn nuốt? Dù có bằng cách nào đi nữa thì điều đó cũng không thể thực hiện được. Nếu không có người nhận, người cho có thể làm được gì?

H: Tinh hoa của nghệ thuật là vận dụng hình thức bên ngoài để chuyển tải một kinh nghiệm nội tại. Dĩ nhiên, một người phải bén nhạy với cái bên

trong thì cái bên ngoài mới có thể có ý nghĩa. Một người phát triển tính bén nhạy bằng cách nào?

M: Dù ông có nói kiểu gì thì rốt cục cũng thế. Người cho thì nhiều, người nhận ở đâu?

H: Ông không thể chia sẻ sự bén nhạy của ông?

M: Được chứ, nhưng chia sẻ là một con đường hai chiều. Trong chia sẻ phải có hai. Ai là kẻ sẵn sàng nhận cái Ta sẵn sàng cho?

H: Ông bảo chúng ta là một. Như thế chưa đủ sao?

M: Ta là một với ông. Nhưng ông có là một với Ta không? Nếu là một với Ta thì ông đâu có hỏi. Nếu ông không là một với Ta, nếu ông không thấy như Ta thấy, thì ngoài cách chỉ ông nhìn rõ hơn, liệu Ta còn làm được gì khác?

H: Cái ông không thể cho được thì không phải là của chính ông.

M: Ta chẳng nhận cái gì là của riêng Ta. Khi cái "Ta" không có thì "cái của Ta" ở đâu? Hai người cùng nhìn một cái cây. Một người thấy quả ẩn giấu sau lá, còn người kia thì không. Ngoài ra chẳng có gì khác biệt giữa hai người. Người thấy biết rằng chỉ cần một chút chú ý thì người kia cũng có thể thấy, vấn đề chia sẻ chẳng cần phải đặt ra. Cứ tin Ta đi, Ta không phải là kẻ keo kiệt giữ lại phần chia thực tại của ông. Trái lại, Ta hoàn toàn là của ông, cứ ăn Ta và uống Ta đi. Ông không ngừng lập đi lập lại "cho, cho" nhưng chẳng làm gì để nhận cái cho. Ta chỉ cho ông một con đường ngắn và dễ dàng để ông có thể thấy như Ta thấy, thì ông cứ khư khư với những thói quen tư duy, cảm thọ và hành động cũ, rồi trút mọi trách móc lên Ta. Ta chẳng có gì mà ông không có. Hiểu biết chính mình không phải là một món tài sản để có thể cho và nhận. Nó hoàn toàn là một cảnh giới mới, trong đó không có gì để cho và nhận.

H: Ít ra ông có thể cho chúng tôi một sự hiểu biết nào đó về nội dung của tâm ông trong lúc ông sống cuộc sống thường ngày. Ăn, uống, trò chuyện và ngủ - ông cảm thấy thế nào?

M: Đối với những sinh hoạt thường ngày của đời sống: Ta kinh nghiệm cũng như ông. Sự khác biệt là những gì Ta không kinh nghiệm: Ta không sợ hãi, tham lam, sân hận. Ta không van xin, không từ chối, và không giữ lại bất cứ gì. Ta không lừng khừng trong những cái như thế. Có lúc đó là sự khác biệt nổi bật giữa ông và Ta. Ta không lừng khừng, Ta rất thật với chính Ta, trong khi ông sợ hãi thực tại.

H: Theo quan điểm của người phương Tây, có một cái gì đó bất ổn trong cách của ông. Ngồi một mình trong một góc nào đó, và lải nhải: "Ta là Thượng đế, Thượng đế là Ta" thì rõ ràng là điên. Làm sao có thể thuyết phục một người phương Tây rằng những cách tu tập như thế sẽ đưa đến sự sáng suốt tối thượng?

M: Cả người tự xưng là Thượng đế, lẫn kẻ hoài nghi Thượng đế đều bị đánh lừa. Họ nói trong chiêm bao.

H: Nếu tất cả đều là chiêm bao thì cái gì tỉnh thức?

M: Làm sao có thể mô tả trạng thái tỉnh thức bằng ngôn ngữ của xứ chiêm bao. Ngôn từ không thể diễn tả, chúng chỉ là những biểu tượng.

H: Một lần nữa ông lại viện cớ rằng ngôn từ không thể chuyên chở thực tại.

M: Nếu ông muốn ngôn từ, Ta sẽ cho ông một số cổ tự đầy công năng. Ông cứ tụng những cổ tự đó và chúng sẽ đem lại sự màu nhiệm.

H: Ông nghiêm túc đấy chứ? Ông bảo một người phương Tây lập đi lập lại những tiếng "Om", "Ram", "Hare Krishna" bất kể người đó không có chút tín tâm, và sự tin tưởng phát sinh từ một nền văn hóa và tôn giáo đúng đắn. Nếu không có sự tin tưởng và lòng nhiệt thành, mà chỉ lập đi lập lại một cách máy móc một số tiếng nào đó, thì liệu một người có đạt được gì không?

M: Tại sao không? Chính sự thúc giục, động cơ tiềm ẩn mới quan trọng, chứ không phải hình thức của nó. Nếu chỉ vì mục đích tìm kiếm cái Ta chơn thật, một người dù có làm gì đi nữa thì cũng sẽ đến được với chính mình.

H: Mà không cần tin vào tính hiệu quả của phương tiện?

M: Không cần tin, tức không mong cầu kết quả. Ở đây chỉ hành động mới đáng kể. Bất cứ gì ông làm vì chân lý sẽ đưa ông đến chân lý. Chỉ cần thành khẩn và chân thật. Hình thức thể hiện chẳng quan trọng.

H: Thế thì sự biểu lộ ước muốn của mình cần thiết ở chỗ nào?

M: Không cần. Chẳng làm gì cũng tốt. Chỉ cần ước muốn, mà ước muốn đó không bị sao lãng bởi ý nghĩ và hành động; ước muốn thuần túy và tập trung sẽ đưa ông đến đích mau chóng. Chính động cơ chơn thật mới quan trọng, chứ không phải phương cách.

H: Khó tin quá! Làm sao một sự lập đi lập lại tẻ nhạt trong buồn chán, gần như tuyệt vọng, lại có kết quả?

M: Ngay chính thực tế của sự lập đi lập lại, của sự phấn đấu liên tục, tính nhẫn nại và lòng kiên trì, bất kể sự nhàm chán, tuyệt vọng, và hoàn toàn không có sự tin tưởng là vô cùng thiết yếu. Tự thân những yếu tố đó không quan trọng, nhưng sự thành khẩn đằng sau chúng mới là tất cả những gì quan trọng. Phải có một lực đẩy bên trong và một lực kéo bên ngoài.

H: Những câu hỏi của tôi là điển hình của phương Tây. Bên đó người ta suy nghĩ theo tương quan nhân quả, phương tiện và cứu cánh. Người phương Tây không thấy khả dĩ có liên quan nhân quả giữa một từ ngữ nào đó với Thực tại Tuyệt đối.

M: Chẳng có liên quan nào cả. Nhưng có sự liên quan giữa từ ngữ và ý nghĩa của nó, giữa hành động và nguyên do. Tu tập tâm linh là ý chí được khẳng định và tái khẳng định. Người không táo bạo thì khi được cho cái thật cũng không dám nhận. Sự ngần ngại phát sinh từ sợ hãi là chướng ngại duy nhất.

H: Có cái gì để sợ?

M: Cái không thể biết. Cái không hiện hữu, không biết, không làm. Cái bên ngoài.

H: Ý ông muốn nói là ông có thể chia sẻ phương cách đã đưa ông đến chứng đắc, nhưng ông không thể chia sẻ được kết quả?

M: Dĩ nhiên là Ta có thể chia sẻ được kết quả, và Ta luôn luôn làm như thế. Nhưng ngôn ngữ của Ta là ngôn ngữ im lặng. Hãy học cách lắng nghe và hiểu.

H: Tôi không cho rằng một người có thể bắt đầu mà không có sự tin tưởng.

M: Hãy ở với Ta một thời gian, hoặc dành hết tâm trí cho những gì Ta nói, và làm theo, rồi sự tin tưởng sẽ khởi sinh.

H: Không phải ai cũng có dịp gặp ông.

M: Hãy gặp cái Ta của chính ông. Hãy ở với cái Ta của chính ông, lắng nghe nó, tuân theo nó, yêu quí nó, lúc nào cũng để nó trong tâm. Ông chẳng cần sự hướng dẫn nào khác. Chừng nào sự thôi thúc đi tìm chân lý của ông tác động đến đời sống thường ngày của ông thì tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp đối với ông. Hãy sống cuộc sống của ông và đừng gây đau khổ cho ai. Không hại người là một hình thức *Yoga* mãnh liệt nhất, nó sẽ đưa ông đến đích của ông một cách nhanh chóng. Ta gọi đó là *Nisarga Yoga – Yoga* Tự Nhiên. Đó là nghệ thuật sống trong sự an lạc và hài hòa, trong sự thân thiện và tình yêu. Quả của nó là hạnh phúc, sẵn có và vô tận.

H: Tuy nhiên, tất cả những điều này vẫn hàm ý một sự tin tưởng nào đó.

M: Hãy quay vào trong và ông sẽ tin tưởng chính ông. Còn mọi chuyện khác, sự tin tưởng sẽ đến cùng với kinh nghiệm.

H: Khi một người bảo tôi rằng người đó biết một cái gì đó mà tôi không biết, thì tôi có quyền hỏi lại: "Cái gì là cái ông biết mà tôi không biết?"

M: Nếu người đó bảo ông cái đó không thể diễn tả được bằng ngôn từ?

H: Thế thì tôi quan sát kỹ người đó và cố tìm ra.

M: Đó chính là điều mà Ta muốn ông làm! Hãy quan tâm, chú ý, cho đến khi một sự hiểu biết lẫn nhau được dựng lập. Lúc đó sự chia sẻ sẽ dễ dàng. Thật ra mà nói, tất cả sự giác ngộ chỉ là chia sẻ. Ông nhập vào một ý thức rộng lớn hơn và chia sẻ trong đó. Ngần ngại đi vào và chia sẻ là chướng ngại duy nhất. Ta không bao giờ nói về sự khác biệt, vì đối với Ta sự khác biệt không hề có. Ông cho là có, vậy hãy chỉ những khác biệt đó cho Ta xem. Bằng mọi cách, hãy chỉ cho Ta thấy những khác biệt. Để hiểu vì sao đối với Ta không có sự khác biệt thì ông phải hiểu Ta, và lúc đó ông sẽ không còn nói đến những khác biệt. Hiểu thấu đáo một điều, và như thế là ông đã đến. Sự ngăn trở không cho ông biết không phải là vắng thiếu cơ hội, mà là vắng thiếu khả năng tập trung trong tâm ông cái ông muốn hiểu. Nếu ông giữ được trong tâm cái ông không biết thì nó sẽ phơi bày những bí mật của nó với ông. Nhưng nếu ông hời hợt và thiếu kiên nhẫn, không đủ nhiệt tình để quan sát và chờ đợi, thì ông chỉ là một đứa trẻ khóc lóc đòi trăng.

***

39. Không có gì tự tồn tại

Hỏi: Khi nghe ông nói, tôi nhận thấy có hỏi ông cũng vô ích. Dù tôi đặt câu hỏi theo cách nào thì cũng bị ông bẻ ngược trở lại, và đưa tôi đến một thực tế căn bản là tôi sống với ảo tưởng của chính tôi tạo ra, và thực tại thì không thể diễn tả bằng ngôn từ. Ngôn từ chỉ gây thêm rắc rối, và cách không ngoan nhất là im lặng tìm kiếm bên trong.

Maharaj: Xét cho cùng, chính tâm tạo ra ảo tưởng và cũng chính tâm hóa giải nó. Ngôn từ có thể làm cho ảo tưởng thêm kiên cố, nhưng ngôn từ cũng có thể làm cho ảo tưởng tan biến. Chẳng có gì là không đúng trong sự lập đi lập lại cùng một sự thật cho đến khi nó trở thành thực tại. Việc làm mẹ đâu phải đã xong sau khi sinh con ra. Bà còn phải nuôi nấng cho đến khi nó không còn cần đến bà nữa. Người ta cần nghe ngôn từ, cho đến khi các sự kiện thực tế nói với họ còn to hơn cả ngôn từ.

H: Như thế chúng tôi là trẻ con được nuôi sống bằng ngôn từ?

M: Bao giờ còn cho ngôn từ là quan trọng thì ông còn là trẻ con.

H: Được, vậy hãy làm mẹ chúng tôi.

M: Đứa trẻ ở đâu trước khi nó được sinh ra? Thế không phải nó đã có sẵn trong bà mẹ? Vì đã có sẵn trong bà mẹ nên nó mới được sinh ra.

H: Chắc chắn bà mẹ đã không mang đứa con khi chính bà ấy còn là một đứa trẻ.

M: Tiềm năng thì bà ấy đã là mẹ. Hãy vượt ra khỏi ảo tưởng về thời gian.

H: Câu trả lời của ông lúc nào cũng giống nhau. Một cái đồng hồ điểm giờ lập đi lập lại.

M: Còn cách nào khác. Giống như một mặt trời được phản chiếu trong hàng triệu giọt sương, cái phi thời cũng được lập lại một cách vô tận như thế. Khi lập đi lập lại: "Ta hiện hữu, Ta hiện hữu" thì Ta chỉ khẳng định và tái khẳng định một thực tế thường tại (ever-present). Ông nhàm chán ngôn từ của Ta vì ông không thấy được chân lý sống động đằng sau chúng. Tiếp xúc với cái chân lý sống động đó thì ông sẽ nhận ra đầy đủ ý nghĩa của cả ngôn từ và của sự im lặng.

H: Ông bảo rằng đứa bé gái đã là mẹ của đứa trẻ tương lai. Tiềm năng thì đúng. Hiện thực thì không.

M: Tiềm năng trở thành hiện thực bởi tư duy. Thân xác và những hệ lụy của nó chỉ tồn tại trong tâm.

H: Và tâm là ý thức khi động, và ý thức là một phương diện đã bị điều kiện hóa – *Saguna* – của cái Ta. Cái không bị điều kiện hóa – *Nirguna* – là một phương diện khác. Bên ngoài là sự bao la của cái tuyệt đối – *Paramartha*.

M: Đúng thế - ông diễn tả một cách tuyệt vời.

H: Nhưng với tôi đó chỉ là ngôn từ suông. Nghe và lập lại suông chưa đủ, cần phải chứng nghiệm chúng.

M: Chẳng có gì ngăn cản được ông, nhưng vì mải mê với bên ngoài nên ông mất đi sự chú ý với bên trong. Không có cách nào khác, ông không thể bỏ qua sự tu tập. Ông phải quay lưng lại với thế giới và đi vào trong, cho đến khi bên ngoài và bên trong nhập làm một; lúc đó ông có thể vượt ra khỏi cái bị điều kiện hóa, dù bên trong hay bên ngoài.

H: Chắc chắn cái không bị điều kiện hóa cũng chỉ là một ý nghĩ trong cái tâm bị điều kiện hóa. Tự thân cái không bị điều kiện hóa không tồn tại.

M: Không có gì tự tồn tại. Mọi cái đều cần cái chính nó không có. Hiện hữu, có nghĩa là hiện hữu một cách minh thị, hiện hữu ở đây chứ không phải ở kia, hiện hữu ngay bây giờ chứ không phải vào lúc đó, hiện hữu như thế chứ không thể nào khác. Cũng như nước có hình thể của vật chứa nó, thì mọi cái đều được quyết định bởi nhiều điều kiện khác nhau. Cũng như nước vẫn là nước dù vật chứa nó có hình dáng ra sao, ánh sáng vẫn là ánh sáng dù cho màu sắc được nó làm cho hiển lộ là màu gì, thì cái thật vẫn là thật bất kể những điều kiện mà qua đó nó được phản ảnh. Tại sao chỉ giữ ảnh phản chiếu trong tiêu điểm của ý thức? Mà không phải chính cái thật?

H: Tự thân ý thức là ảnh phản chiếu. Làm sao nó giữ được cái thật?

M: Biết được ý thức và nội dung của nó chỉ là những ảnh phản chiếu, biến dịch và vô thường – là thấy rõ cài thật. Không thấy con rắn trong sợi dây thừng là điều kiện ắt có để thấy sợi dây thừng.

H: Chỉ ắt có, hay còn và đủ?

M: Một người cần phải thấy sợi dây thừng và sợi dây thừng đó trông giống một con rắn. Tương tự như thế, một người phải biết rằng cái thật tồn tại và cái thật đó thuộc về bản thể của ý thức nhân chứng. Dĩ nhiên là nó ở bên ngoài nhân chứng, nhưng muốn thể nhập nó thì trước tiên cần phải nhận ra trạng thái nhân chứng thuần túy. Khi biết rõ các điều kiện, người ta biết được cái không bị điều kiện hóa.

H: Liệu cái không bị điều kiện hóa có thể được chứng nghiệm?

M: Biết cái bị điều kiện hóa là bị điều kiện hóa – là tất cả những gì có thể nói về cái không bị điều kiện hóa. Một ngôn từ khẳng định chỉ là những gợi ý và gây ngộ nhận.

H: Liệu chúng ta có thể nói về nhân chứng cái thật?

M: Làm sao được? Chúng ta chỉ có thể nói về cái không thật, cái hư giả, cái vô thường, cái bị điều kiện hóa. Muốn vượt ra ngoài, chúng ta phải trải qua một tiến trình phủ nhận hoàn toàn sự tồn tại độc lập của mọi vật. Tất cả mọi thứ đều tùy thuộc.

H: Chúng tùy thuộc vào cái gì?

M: Vào ý thức. Và ý thức lại tùy thuộc vào nhân chứng.

H: Và nhân chứng tùy thuộc vào cái thật?

M: Nhân chứng là sự phản chiếu của cái thật trong trạng thái thuần nhất của nó. Nhân chứng còn tùy thuộc vào điều kiện của tâm. Khi nào sự trong sáng và tính vô tư chiếm ưu thế thì ý thức nhân chứng xuất hiện. Cũng như khi nói chỗ nào nước trong và lặng thì hình ảnh của mặt trăng xuất hiện. Hay, cũng như ánh sáng lấp lánh trong kim cương.

H: Liệu có thể có ý thức mà không có nhân chứng?

M: Không có nhân chứng thì ý thức trở thành vô thức, chỉ có sự sống. Nhân chứng tàng ẩn trong mọi trạng thái của ý thức, cũng như ánh sáng tàng ẩn trong mọi màu sắc. Không thể nào có sự biết mà không có người biết, và không có người biết nếu không có nhân chứng. Không những ông biết, mà ông còn biết ông biết.

H: Nếu cái không bị điều kiện hóa không thể kinh nghiệm được, vì tất cả kinh nghiệm đều bị điều kiện hóa, vậy thì nói về nó để làm gì?

M: Làm sao ông có thể biết được cái bị điều kiện hóa nếu không có cái không bị điều kiện hóa? Phải có một cội nguồn mà từ đó tất cả mọi thứ chảy ra, một nền tảng mà tất cả đều đứng trên đó. Nhận ra chính mình là trước tiên biết rõ sự điều kiện hóa của chính mình, và biết rõ rằng vô số trạng thái khác nhau của các điều kiện đều tùy thuộc vào khả năng vô biên của chúng ta để được điều kiện hóa và tạo ra những trạng thái khác nhau. Đối với cái tâm bị điều kiện hóa thì cái không bị điều kiện hóa xuất hiện như là cái tất cả, và cũng là cái không gì cả. Cả hai đều không thể được kinh nghiệm trực tiếp, nhưng không có nghĩa là không tồn tại.

H: Không phải nó là một cảm thọ?

M: Cảm thọ cũng là một trạng thái của tâm. Giống như một thân thể khỏe mạnh không kêu gọi sự chú ý thì cái không bị điều kiện hóa không có trong kinh nghiệm. Lấy kinh nghiệm cái chết làm ví dụ. Người thường rất sợ chết, vì họ sợ sự thay đổi. Người giác ngộ không sợ chết vì tâm của người giác ngộ đã chết. Người giác ngộ không nghĩ: "Ta sống." Người giác ngộ biết: "Có sự sống." Trong đó không có sự thay đổi và không có sự chết. Cái chết xuất hiện như một sự thay đổi trong thời gian và không gian. Nếu không có thời gian và không gian, làm sao có cái chết? Người giác ngộ đã chết đi đối với tất cả danh xưng và hình tướng. Vậy sự mất đi của hình

tướng và danh xưng làm sao có thể ảnh hưởng đến người giác ngộ? Người ở trên tàu di chuyển từ nơi này đến nơi khác, người ở ngoài con tàu thì chẳng đi đâu, vì người đó không bị ràng buộc bởi một nơi đến. Người đó không có chỗ nào để đi đến, không có gì để làm, và không có gì để trở thành. Những ai đặt ra kế hoạch, dự tính thì được sinh ra để thực hiện kế hoạch, dự tính. Những ai không đặt ra kế hoạch, dự tính thì không cần thiết phải được sinh ra.

H: Mục đích của đau khổ và lạc thú là gì?

M: Thế chúng tự tồn tại, hay chỉ ở trong tâm.

H: Nhưng chúng vẫn tồn tại. Đừng bận tâm đến tâm.

M: Đau khổ và lạc thú chỉ là những hiện tướng, là kết quả của hiểu biết sai lầm và cảm thọ sai lầm. Một kết quả thì không thể có mục đích của chính nó.

H: Trong sự cai quản của Thượng đế, mọi thứ đều có một mục đích riêng.

M: Ông có biết Thượng đế không mà sao ông lại nói về Thượng đế một cách tùy tiện như thế? Theo ông Thượng đế là gì? Một âm thanh, một chữ viết trên giấy, hay là một ý tưởng trong tâm?

H: Chính nhờ quyền năng của Thượng đế, tôi mới được sinh ra và được duy trì sự sống.

M: Và đau khổ, và chết đi. Ông vui chứ?

H: Tôi đã được tạo ra cho cuộc sống vĩnh cửu. Có thể là do lỗi lầm của tôi mà tôi đau khổ và chết đi.

M: Tại sao vĩnh cửu lại ở trong tương lai, mà không phải trong quá khứ. Cái gì có sự bắt đầu thì phải có sự chấm dứt. Chỉ cái vô thủy mới vô chung.

H: Có thể Thượng đế đơn thuần chỉ là một quan niệm, một lý thuyết có thể chấp nhận được. Một quan niệm rất hữu ích thì cũng tốt vậy!

M: Muốn vậy thì quan niệm đó phải hoàn toàn không còn những mâu thuẫn nội tại, nhưng nó không phải là trường hợp ở đây. Tại sao không thử tư duy lý thuyết: Ông vừa là người sáng tạo vừa là vật được sáng tạo. Theo đó thì ít ra là chẳng có Thượng đế nào ở bên ngoài để ông đấu tranh với.

H: Thế giới thì quá phong phú và phức tạp – làm sao tôi có thể tạo ra nó?

M: Ông có thật sự biết rõ chính ông, để biết ông có thể và không thể làm được những gì? Ông không hay biết gì về những quyền năng của chính

ông. Ông chẳng bao giờ tìm hiểu điều đó. Hãy bắt đầu với chính ông ngay bây giờ.

H: Mọi người đều tin vào Thượng đế.

M: Theo Ta ông là Thượng đế của chính ông. Nhưng nếu ông nghĩ khác thì hãy nghĩ cho đến cùng. Nếu có Thượng đế, thì tất cả đều là của Thượng đế và tất cả đều vì mục đích tốt lành nhất. Hãy đón nhận tất cả những gì đến với ông bằng một tấm lòng vui vẻ và biết ơn. Hãy yêu thương tất cả mọi loài. Bằng cách này ông cũng có thể đến được với cái Ta của chính ông.

***

40. Chỉ cái Ta là thật

Maharaj: Thế giới chỉ là một vở tuồng, trông hào nhoáng nhưng rỗng tuếch. Nó vừa có mà vừa không. Chừng nào Ta muốn thấy và tham dự trong đó thì nó có. Khi Ta không còn để ý thì nó biến mất. Nó không có nguyên nhân và cũng chẳng phục vụ cho một mục đích nào. Nó chỉ xảy ra khi chúng ta đãng trí. Nó xuất hiện một cách chính xác như cái vẻ bề ngoài của nó, nhưng bên trong nó không có chiều sâu mà cũng chẳng có ý nghĩa. Chỉ có người chứng kiến là thật, gọi người đó là Ta hay Tiểu Ngã – *Atma*. Đối với cái Ta thế giới chỉ là một vở tuồng đầy mầu sắc, cái Ta thưởng thức vở tuồng chừng nào nó còn đó, và quên mất vở tuồng khi nó kết thúc. Bất cứ gì diễn ra trên sân khấu đều làm cái Ta rùng mình sợ hãi, hay ôm bụng cười, nhưng cái Ta luôn luôn biết đó là một vở tuồng. Cái Ta thưởng thức vở tuồng như đang diễn ra, mà không hề tham ái hay lo sợ.

Hỏi: Con người dù đắm chìm trong thế giới nhưng vẫn có một cuộc đời đầy hương vị. Con người khóc, cười, yêu và ghét, ước muốn và lo sợ, đau khổ và vui sướng. Còn cuộc đời của một *Gnani* – người không còn tham ái và lo sợ - thì thế nào? *Gnani* có xa rời thực tế trong thái độ xa cách của mình?

M: Cảnh giới của Gnani không hoang lieu đến thế đâu. Nó có hương vị của sự an lạc thuần túy, sẵn có và không thể tan loãng. Người giác ngộ thì hạnh phúc và hoàn toàn biết rõ hạnh phúc là bản tánh của mình, người giác ngộ không cần phải làm gì, mà cũng chẳng cần phấn đấu để được nó. Hạnh phúc theo liền với người giác ngộ; nó thật hơn cả thân xác, và gần hơn cả tâm. Ông tưởng rằng không có nguyên nhân thì không thể có hạnh phúc. Tùy thuộc vào bất cứ gì để có hạnh phúc, đối với Ta, là vô cùng khốn khổ.

Lạc thú và đau khổ có nguyên nhân, còn trạng thái của Ta là của chính Ta, hoàn toàn phi nhân duyên, bất tùy thuộc và bất khả xâm phạm.

H: Cũng giống như một vở kịch trên sân khấu?

M: Vở kịch được viết ra, được dàn dựng, và được diễn tập. Còn thế giới đột nhiên xuất hiện từ cái không, rồi trở về với cái không.

H: Không có người tạo ra nó? Vậy không phải thế giới ở trong tâm của Đại Ngã – Brahma – trước khi nó được tạo ra?

M: Chừng nào còn ở bên ngoài trạng thái của Ta thì ông còn có các Đấng Tạo Hóa, Đấng Giữ Gìn, Đấng Hủy Diệt, nhưng một khi đã thể nhập với Ta thì ông chỉ còn biết cái Ta, và thấy chính ông trong tất cả.

H: Dù sao thì ông vẫn hành động.

M: Khi bị chóng mặt ông thấy thế giới quay cuồng. Bị ám ảnh với ý nghĩ cứu cánh và phương tiện, việc làm và mục đích, nên ông thấy Ta có vẻ đang hành động. Thật ra, Ta chỉ quan sát. Bất cứ gì được thực hiện, chỉ ở trên sân khấu. Vui sướng và đau khổ, sống và chết chỉ thật đối với những ai còn bị ràng buộc; còn đối với Ta tất cả những cái đó chỉ diễn ra trong vở kịch, và cũng hư cấu như chính vở kịch.

Có thể Ta cảm nhận thế giới cũng như ông, nhưng ông tin là ông ở trong đó, còn Ta thấy nó như một giọt óng ánh trong đại dương bao la của ý thức.

H: Chúng ta đều trở nên già nua. Tuổi già thì chẳng vui thú gì – đau đớn và bệnh hoạn, suy yếu và cái chết đến gần. Là một người cao niên, bậc giác ngộ cảm thấy thế nào? Cái Ta bên trong của bậc giác ngộ nhìn sự lãi suy của chính mình ra sao?

M: Càng về già người giác ngộ càng an lạc. Xét cho cùng thì người ấy đang về nhà. Cũng như một lữ khách sắp sửa đến đích, gom góp hành lý và rời con tầu không chút lưu luyến.

H: Rõ ràng là có một sự mâu thuẫn. Chúng tôi được biết *Gnani* ở ngoài mọi thay đổi. Hạnh phúc của bậc giác ngộ bất tăng bất giảm. Làm sao *Gnani* lại vui mừng vì già đi, chưa kể đến sự lão suy của thân xác, và những phiền trược khác.

M: Chẳng có gì mâu thuẫn. Vòng quay của định mệnh sắp ngừng – tâm mừng vui. Tấm màn của sự tồn tại thân xác được kéo lên – gánh nặng thân xác ngày một trở nên nhẹ dần.

H: Giả sử như *Gnani* bị ốm. Vị ấy bị cúm và các khớp xương đau nhức. Trạng thái trong tâm của *Gnani* lúc đó như thế nào?

M: Mọi cảm thọ đều được quan sát trong sự thanh thản tuyệt đối. Không có sự mong cầu và cũng không có sự từ khước một cảm thọ nào. Nó như thế là nó như thế, và người giác ngộ nhìn nó với một nụ cười vô tư trìu mến.

H: Gnani có thể tách ra khỏi sự đau đớn của chính mình, nhưng sự đau đớn vẫn còn đó.

M: Sự đau đớn có đó nhưng chẳng có gì quan trọng. Dù ở trong bất cứ trạng thái nào, Ta cũng đều thấy đó là một trạng thái của tâm và chấp nhận như chính nó *là*.

H: Đau đớn là đau đớn. Ông vẫn phải kinh nghiệm nó thôi.

M: Người nào kinh nghiệm thân xác thì kinh nghiệm đau khổ và lạc thú của thân xác. Ta không phải thân xác mà cũng chẳng phải người kinh nghiệm thân xác.

H: Giả sử bây giờ ông hai mươi lăm tuổi. Việc lập gia đình đã được sắp xếp và hoàn tất, trách nhiệm gia đình đè nặng lên ông. Ông cảm thấy thế nào?

M: Cũng giống như Ta đang cảm thấy bây giờ. Ông cứ khăng khăng cho rằng trạng thái nội tâm của Ta được đúc nặn từ các sự kiện bên ngoài. Không phải vậy. Bất cứ gì xảy ra thì Ta vẫn như thế. Ở ngay gốc rễ sự hiện hữu của Ta là tánh biết thuần túy, một điểm sáng chói lọi. Điểm sáng này, do bản thể của nó, chiếu sáng và tạo ra những hình ảnh trong không gian và diễn tiến trong thời gian – một cách dễ dàng và tùy nghi. Chừng nào nó chỉ biết thuần túy thì chẳng có gì xảy ra. Nhưng khi tâm phân biệt xuất hiện và tạo ra những tính cách khác biệt thì lạc thú và đau khổ khởi sinh. Trong khi ngủ, tâm ở trong trạng thái trống vắng, đau khổ và lạc thú cũng vậy. Tiến trình sáng tạo vẫn tiếp tục nhưng không có sự chú ý. Tâm là một hình thức của ý thức, và ý thức là một phương diện của sự sống. Sự sống tạo ra tất cả, còn cái Tối Thượng ở bên ngoài tất cả.

H: Cái Tối Thượng là chủ nhân và ý thức là tôi tớ?

M: Vị chủ nhân ở trong ý thức, chứ không ở ngoài ý thức. Trong tương quan với ý thức – cái Tối thượng vừa là sự sáng tạo vừa là sự xóa bỏ, vừa cụ thể vừa trừu tượng, vừa là tâm điểm vừa là vũ trụ. Mà nó cũng không phải những cái nói trên. Ngôn từ không thể đạt đến nó, mà tâm cũng thế.

H: *Gnani* có vẻ là một sự hiện hữu rất cô độc, hoàn toàn chỉ có một mình.

M: Người giác ngộ thì đơn độc, nhưng cũng là tất cả. Thậm chí người giác ngộ cũng không phải là một sự hiện hữu. Người giác ngộ là sự hiện hữu của tất cả mọi hiện hữu. Mà cũng không phải thế. Không ngôn từ nào có thể áp dụng. Người giác ngộ là cái mà người ấy *là*, người giác ngộ là đất mà từ đó tất cả mọc ra.

H: Ông không sợ chết sao?

M: Để Ta kể cho ông nghe Tôn sư của Ta đã chết như thế nào. Sau khi thông báo là sự kết thúc cận kề, ngài không ăn gì nữa, nhưng vẫn giữ nguyên sinh hoạt thường nhật. Đến ngày thứ mười một, vào giờ cầu nguyện ngài hát và vỗ tay thật to rồi hốt nhiên thị tịch! Đúng như thế, giữa hai khoảnh khắc, như một ngọn nến bị thổi tắt. Người ta sống thế nào thì chết thế ấy. Ta không sợ chết vì Ta không sợ sống. Ta sống một cuộc sống hạnh phúc và Ta sẽ chết một cái chết hạnh phúc. Sinh ra thì khổ nhưng chết thì không. Tất cả đều tùy thuộc vào cách ông nhìn nó.

H: Không thể có bằng chứng nào về trạng thái của ông. Tất cả những gì tôi biết là do ông nói lại. Tất cả những gì tôi thấy là một ông già độc đáo.

M: Ông là một ông già độc đáo, chứ không phải Ta! Chưa bao giờ Ta được sinh ra. Làm sao Ta già? Ta xuất hiện như thế nào đối với ông thì chỉ tồn tại trong tâm ông. Ta chẳng quan tâm đến nó.

H: Dù là một giấc chiêm bao, ông vẫn là một giấc chiêm bao lạ thường nhất.

M: Ta là giấc chiêm bao có thể làm ông tỉnh giấc. Ông sẽ có bằng chứng về nó ngay khi ông chợt tỉnh.

H: Giả sử, ông được tin tôi chết. Có người đến báo với ông: "Ông biết ông đó chứ? Ông ấy chết rồi." Phản ứng của ông sẽ như thế nào?

M: Ta sẽ vui mừng vì có ông về nhà. Thật sự vui mừng khi thấy ông thoát khỏi sự ngu xuẩn.

H: Sự ngu xuẩn nào?

M: Sự ngu xuẩn của ý nghĩ cho rằng ông đã được sinh ra và chết đi, ông là một thân xác tiêu biểu cho một cái tâm, và tất cả những thứ vớ vẩn như thế. Trong thế giới của Ta không có ai được sinh ra và cũng chẳng có ai chết đi. Có người đi xa rồi trở về, có người chẳng bao giờ đi đâu. Mà thật ra thì chẳng có gì khác biệt vì họ chỉ đi chơi xứ chiêm bao, mỗi người được gói trọn trong giấc chiêm bao của riêng mình. Chỉ sự thức tỉnh mới quan trọng. Biết được cái "Ta hiện hữu" là thực tại và cũng là tình yêu – là đủ.

H: Cách tiếp cận của tôi không được rốt ráo như thế nên mới khởi sinh câu hỏi. Ở khắp phương Tây người ta đi tìm một cái gì đó chơn thật. Họ trông cậy vào khoa học, mà khoa học cho họ biết rất nhiều về vật, rất ít về tâm, và không có gì về bản thể và mục đích của ý thức. Đối với người phương Tây, thực tại thì khách quan, và ở bên ngoài những gì có thể quan sát được, có thể mô tả được một cách trực tiếp hay bằng suy luận; còn phương diện chủ quan của thực tại thì họ không biết gì cả. Thật vô cùng quan trọng để cho họ biết rằng có thực tại, và thực tại chỉ có thể tìm ra trong sự giải thoát ý thức khỏi vật, cùng những hữu hạn và xuyên tạc của nó. Hầu hết mọi người trên thế gian này không biết được rằng có thực tại, mà thực tại chỉ có thể được tìm thấy và chứng nghiệm trong ý thức. Nếu chính họ nghe được tin lành đó từ một người đã thân chứng thực tại thì quả là một điều vô cùng quan trọng. Những nhân chứng như thế luôn luôn tồn tại, và các chứng ngôn của họ thật vô cùng quý giá.

M: Hiển nhiên là như thế. Chân lý về sự giác ngộ chính mình, một khi đã được nghe thì không bao giờ có thể quên được. Cũng như một hạt giống đã gieo xuống đất, khi thời tiết thuận tiện sẽ đâm chồi và lớn thành một đại thụ.

***

41. Phát huy thái độ nhân chứng

Hỏi: Trạng thái tâm của người giác ngộ hàng ngày, hàng giờ ra sao? Người giác ngộ thấy, nghe, ăn, uống, thức, ngủ, làm việc và nghỉ ngơi như thế nào? Có gì là bằng chứng về sự khác biệt giữa các trạng thái của người giác ngộ và của chúng tôi? Ngoài những xác nhận bằng ngôn từ của những người được gọi là giác ngộ thì không còn cách nào để kiểm chứng các trạng thái của họ một cách khách quan. Liệu không có những khác biệt nào có thể quan sát được qua những phản ứng sinh lý và thần kinh, trong tiến trình chuyển hóa thức ăn, qua điện não đồ, hay trong cơ cấu tương quan giữa tinh thần và thể xác của họ?

Maharaj: Ông có thể tìm ra những khác biệt, mà cũng có thể không. Tất cả đều tùy thuộc vào khả năng quan sát của ông. Tuy nhiên, những khác biệt khách quan thì ít quan trọng hơn cả. Sự quan trọng là cách nhìn, thái độ của người giác ngộ - hoàn toàn vô tư, thản nhiên và bất can thiệp.

H: Khi con của *Gnani* chết, *Gnani* có cảm thấy đau khổ không, bậc giác ngộ không còn đau khổ hay sao?

M: Người giác ngộ đau khổ với những ai đau khổ. Tự thân sự kiện đau khổ không quan trọng lắm, nhưng người giác ngộ đầy lòng từ bi đối với người đau khổ, dù còn sống hay đã chết, dù còn trong thân hay đã ra khỏi thân. Xét cho cùng, tình yêu và lòng từ bi chính là bản tánh của người giác ngộ. Người giác ngộ là Một với tất cả chúng sinh, và tình yêu là tính Một đó trong hành động.

H: Mọi người đều rất sợ chết.

M: Gnani chẳng sợ gì cả. Nhưng người giác ngộ thương xót cho kẻ sợ hãi. Xét cho cùng thì được sinh ra, sống và chết là lẽ tự nhiên. Nhưng sợ hãi thì không tự nhiên. Muốn biết như thế, dĩ nhiên, cần phải chú ý.

H: Giả sử ông đau ốm – sốt cao, đau nhức và run rẩy. Bác sĩ cho ông biết tình trạng của ông rất nguy kịch, ông chỉ còn sống vài ba ngày nữa. Phản ứng đầu tiên của ông sẽ thế nào?

M: Chẳng có phản ứng nào cả. Một cây nhang cháy hết thì cũng tự nhiên như một thân xác chết đi. Thật ra, cái chết chẳng quan trọng gì lắm. Điều quan trọng là Ta không phải thân mà cũng không phải tâm. Ta *hiện hữu*.

H: Chắc chắn gia đình ông sẽ tuyệt vọng. Ông sẽ nói với họ thế nào?

M: Những gì mà người ta vẫn thường nói: chẳng việc gì phải sợ, cuộc sống tiếp tục, Thượng đế sẽ che chở các người và chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau, và vân vân. Nhưng đối với Ta tất cả những chuyện rùm beng như thế chẳng có nghĩa gì cả, vì Ta không phải là cái thực thể tưởng tượng chính nó sống và chết. Ta không được sinh ra và Ta cũng không thể chết đi. Ta chẳng có gì để nhớ, hay để quên.

H: Thế còn những lời cầu nguyện cho người chết?

M: Bằng mọi cách cứ cầu nguyện cho người chết. Họ sẽ hả dạ vô cùng. Họ cảm thấy được tôn vinh. *Gnani* chẳng cần đến những lời cầu nguyện. *Gnani* chính là câu trả lời cho những sự cầu nguyện của ông.

H: *Gnani* hành hoạt như thế nào sau khi chết?

M: *Gnani* đã chết. Ông muốn *Gnani* chết thêm lần nữa?

H: Chắc chắn là sự hư hoại của thân xác là một biến cố quan trọng, ngay cả đối với một *Gnani*.

M: Chẳng có biến cố nào là quan trọng đối với *Gnani*, trừ khi có ai đó đạt đến mục đích tối thượng. Lúc đó chỉ có trái tim của *Gnani* vui mừng, mọi cái khác đều không đáng kể. Toàn thể vũ trụ là thân của người giác ngộ, tất cả sự sống là sự sống của người giác ngộ. Cũng như trong một

thành phố đầy ánh sáng, một bóng đèn có tắt đi thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến toàn hệ thống; cái chết của một thân xác không ảnh hưởng gì đến cái toàn thể.

H: Cái cá thể có thể chẳng quan trọng đối với cái toàn thể, nhưng nó quan trọng với cái cá thể. Cái toàn thể chỉ là trừu tượng, còn cái cá thể, cái cụ thể mới thật có.

M: Đó là ông nói. Đối với Ta thì ngược lại – cái toàn thể mới là thật, cái thành phần đến rồi đi. Cái cá thể được sinh ra và tái sinh, thay tên đổi dạng, *Gnani* là Thực tại Bất biến, và cái bất biến đó làm cho cái thay đổi khả hữu. Nhưng *Gnani* không thể ban cho ông sự tin tưởng. Sự tin tưởng chỉ đến với sự thân chứng của ông. Đối với Ta tất cả là một, tất cả đều bình đẳng.

H: Vậy tội lỗi và đức hạnh là một, và như nhau?

M: Những cái đó chỉ là giá trị của con người đặt ra! Chúng là gì đối với Ta? Cái gì chấm dứt trong hạnh phúc là đức hạnh, cái gì kết thúc trong đau khổ là tội lỗi. Cả hai đều là những trạng thái của tâm. Công đức của Ta không phải là trạng thái của tâm.

H: Chúng tôi như những người mù, hoàn toàn không hiểu thấy là gif.

M: Ông có thể diễn tả theo cách nào thì tùy ý.

H: Thực hành sự im lặng như một phép tu, có hiệu nghiệm không?

M: Bất cứ gì ông làm vì sự giác ngộ đều đưa ông đến gần đích hơn. Bất cứ gì ông làm mà không nhớ nghĩ đến sự giác ngộ đều làm ông chậm lại. Nhưng việc gì phải rắc rối? Chỉ cần biết ông ở trên và ở ngoài mọi sự vật và ý nghĩ. Cái mà ông muốn là, thì ông đã là cái đó. Hãy nhớ điều đó trong tâm.

H: Tôi nghe điều ông nói, nhưng không thể tin được.

M: Trước kia Ta cũng vậy. Nhưng Ta tin tưởng tôn sư và ngài đã chứng tỏ là đúng thật. Nếu có thể thì hãy tin Ta. Giữ trong tâm điều Ta nói với ông: Đừng mong cầu chi vì ông không thiếu gì cả. Chính sự tìm kiếm ngăn trở sự phát hiện của ông.

H: Ông có vẻ thờ ơ với tất cả mọi thứ!

M: Không phải Ta thờ ơ, mà Ta không thiên vị. Ta không dành sự ưa thích cho cái Ta và cái của Ta. Một rổ đất hay một rổ châu báu đối với Ta đều không cần thiết. Sống và chết đối với Ta cũng như nhau.

H: Chính sự không thiên vị làm cho ông thờ ơ.

M: Trái lại, từ bi và tình yêu là cốt tủy của Ta. Vì không có gì là riêng tư, nên Ta tự do yêu thương.

H: Đức Phật dạy rằng ý tưởng giác ngộ vô cùng quan trọng. Nhiều người suốt đời không hề biết đến chuyện như là giác ngộ, huống hồ là tinh tấn để giác ngộ. Một khi người ta được nghe nói về sự giác ngộ, tức là một hạt giống đã được gieo và không thể nào mất đi được. Vì vậy, Đức Phật thường phái các tỳ kheo đi khắp nơi thuyết pháp ròng rã suốt tám tháng mỗi năm.

M: Tôn sư vẫn thường bảo "Một người có thể bố thí thực phẩm, quần áo, chỗ ở, kiến thức, tình cảm, nhưng sự bố thí cao thượng nhất vẫn là chân lý về sự giác ngộ." Ông nói đúng, giác ngộ là sự tốt lành cao thượng nhất. Một khi đã có được nó thì không ai có thể tước đoạt của ông.

H: Nói như ông thế này ở phương Tây người ta sẽ cho là ông điên.

M: Dĩ nhiên là họ có thể nghĩ như thế. Đối với những kẻ vô minh, bất cứ gì không hiểu họ đều cho là điên rồ. Có sao đâu? Cứ để kệ họ như họ là. Ta là như Ta là, không phải vì công đức của Ta – và họ là như họ là, không phải vì lỗi lầm của họ. Thực tại Tối thượng thể hiện tự thân bằng nhiều cách. Danh xưng và hình tướng của Thực tại thì vô số. Tất cả dấy khởi, tất cả hội nhập vào cùng một đại dương, nguồn gốc của tất cả chỉ có một. Tìm kiếm nhân quả chỉ là trò giải trí của tâm. Cái *đang là* thì đáng yêu. Tình yêu không phải là một kết quả, mà chính là nền tảng của hiện hữu. Dù đi bất cứ đâu, ông cũng đều tìm thấy hiện hữu, ý thức và tình yêu. Tại sao và việc gì phải đặt ra những lựa chọn?

H: Khi tiên tai như lũ lụt, động đất làm cho hàng ngàn người, hàng triệu người thiệt mạng tôi không đau lòng. Nhưng nếu có ai chết vì tay của một người khác thì tôi vô cùng đau xót. Cái bất khả tránh có vẻ uy nghi riêng của nó, nhưng sự sát hại là điều khả tránh, và, do đó xấu xa và đáng kinh tởm.

M: Tất cả xảy ra như nó xảy ra. Tai họa – dù do thiên nhiên hay con người tạo ra – xảy ra, và không cần thiết phải cảm thấy kinh tởm.

H: Làm sao mọi chuyện lại không có nguyên nhân?

M: Toàn thể vũ trụ được phản ảnh trong từng biến cố. Nguyên nhân tối hậu thì không thể truy tìm. Ngay chính cái ý tưởng tương quan nhân quả cũng chỉ là một cách suy nghĩ, một cách nói. Một sự xuất hiện phi nhân duyên là điều chúng ta không thể tưởng tượng được. Tuy nhiên, điều không thể tưởng tượng không phải là bằng chứng cho sự tồn tại của tương quan nhân quả.

H: Thiên nhiên thì vô tâm, nên vô trách. Con người có tâm nhưng tại sao lại tàn ác?

M: Nguyên nhân của tính tàn ác cũng rất tự nhiên – tính di truyền, môi trường, và vân vân. Ông kết án vội vàng quá. Đừng bận tâm với tha nhân. Hãy để ý đến tâm ông trước. Khi nhận ra rằng cả tâm của ông cũng là một phần của thiên nhiên thì tính nhị nguyên không còn nữa.

H: Có một cái gì đó bí hiểm trong điều ông nói mà tôi không thể thăm dò. Làm sao tâm có thể là một phần của thiên nhiên?

M: Vì thiên nhiên ở trong tâm; nếu không có tâm thì thiên nhiên ở đâu?

H: Nếu thiên nhiên ở trong tâm và tâm là của chính tôi thì tôi phải chế ngự được thiên nhiên, nhưng không phải thế. Những động lực ngoài sự kiểm soát của tôi quyết định thái độ của tôi.

M: Hãy phát huy thái độ nhân chứng, và ông sẽ nhận thấy ngay trong kinh nghiệm của chính ông rằng tính vô tư đem đến sự chuyển động. Trạng thái nhân chứng thì đầy sức mạnh, nó không hề thụ động.

***

42. Thực tại thì bất khả diễn tả

Hỏi: Tôi nhận thấy có một cái Ta mới xuất hiện trong tôi, độc lập với cái Ta cũ. Một cách nào đó cả hai cùng tồn tại. Cái Ta cũ vẫn tiếp tục theo những cách quen thuộc; cái Ta mới cứ để mặc cái Ta cũ, nhưng không đồng hóa nó với cái Ta cũ.

Maharaj: Sự khác biệt chính giữa cái Ta cũ và cái Ta mới là gì?

H: Cái Ta cũ muốn tất cả phải được minh định và giải thích. Nó muốn mọi thứ phù hợp với nhau về mặt ngôn từ. Cái Ta mới không cần đến những giải thích bằng ngôn từ - nó chấp nhận sự vật như chúng là, và không tìm cách liên hệ sự vật với những gì đã được ghi nhớ trước đó.

M: Ông có thể biết một cách đầy đủ và thường xuyên về sự khác biệt giữa những gì thuộc thói quen và những gì thuộc tâm linh? Thái độ của cái Ta mới và cái Ta cũ như thế nào?

H: Cái Ta mới chỉ nhìn cái Ta cũ. Nó không thân thiện và cũng chẳng thù nghịch. Nó chỉ chấp nhận cái Ta cũ cùng với những thứ khác. Nó không phủ nhận sự hiện hữu của cái Ta cũ, nhưng không chấp nhận giá trị và tính cách hợp lý của cái Ta cũ.

M: Cái mới là sự phủ nhận hoàn toàn cái cũ. Cái mới được cho phép thì không phải cái mới thực sự. Nó chỉ là thái độ mới của cái cũ. Cái mới thực sự thì xóa sạch hoàn toàn cái cũ. Hai cái không thể đi đôi với nhau. Có một

tiến trình từ bỏ cái Ta, một sự liên tục từ chối chấp nhận những ý tưởng và giá trị cũ, hay chỉ có một sự dung thứ lẫn nhau? Quan hệ giữa cái cũ và cái mới như thế nào?

H: Không có một sự liên hệ đặc thù nào cả. Chúng cùng tồn tại.

M: Khi nói về cái Ta cũ và cái Ta mới, ông có trong tâm cái Ta nào? Vì có sự liên tục trong ký ức giữa hai cái, cái này nhớ cái kia, làm sao ông có thể nói về hai cái Ta?

H: Một cái là nô lệ của thói quen, còn cái kia thì không. Một cái thì khái niệm hóa, còn cái kia thì hoàn toàn không còn ý niệm.

M: Làm sao lại có hai cái Ta? Giữa cái bị ràng buộc và cái tự do thì không thể có một quan hệ nào. Ngay chính thực tế của sự cùng tồn tại chứng tỏ tính duy nhất căn bản giữa chúng. Chỉ có một cái Ta – nó luôn luôn là *bây giờ*. Cái mà ông gọi là cái Ta kia – dù cũ hay mới – chỉ là một hình thái, một phương diện khác của cái Ta. Cái Ta chỉ có một. Ông là cái Ta đó và ông có những ý tưởng về những gì ông đã và đang là, hoặc sẽ là. Nhưng một ý tưởng thì không phải cái Ta. Ngay bây giờ đây, trong lúc ông đang ngồi trước mặt Ta thì cái Ta nào là ông? Cái cũ hay cái mới?

H: Hai cái xung đột lẫn nhau?

M: Làm sao có thể có xung đột giữa cái là và cái không phải là? Xung đột là bản chất của cái cũ. Khi cái mới xuất hiện thì cái cũ biến mất. Ông không thể nói về cái mới và cái xung đột trong cùng một hơi thở. Ngay cả nỗ lực phấn đấu để đạt đến cái Ta mới cũng thuộc về cái cũ. Ở đâu có xung đột, cố gắng, đấu tranh, phấn đấu, mong cầu một sự thay đổi, thì ở đó không thể có cái mới. Ông thoát khỏi khuynh hướng có tính cách thói quen tạo ra xung đột, và làm cho xung đột luôn luôn xảy ra – đến chừng mực nào?

H: Tôi không thể nói rằng bây giờ tôi là một con người khác. Nhưng tôi đã phát hiện những điều mới về chính tôi, những trạng thái rất khác với những gì tôi đã biết trước kia, nên tôi nhận thấy gọi chúng là mới thì rất chính đáng.

M: Cái Ta cũ là cái Ta của chính ông. Trạng thái đột nhiên xuất hiện, phi nhân duyên, không mang một vết tích nào của cái Ta – ông có thể gọi nó là Thượng đế. Cái không mầm mống, không gốc rễ, cái không đâm chồi, mọc lên, ra hoa và kết quả, cái đột nhiên xuất hiện với tất cả sự huy hoàng một cách kỳ bí và lạ thường, ông có thể gọi cái đó là Thượng đế. Nó hoàn toàn bất ngờ nhưng chắc chắn xảy ra, vô cùng quen thuộc nhưng rất ngạc nhiên,

ngoài mọi hy vọng nhưng tuyệt đối chắc chắn. Vì nó vô nhân duyên, nên nó vô chướng ngại. Nó chỉ tuân theo một quy luật duy nhất: quy luật tự do. Bất cứ gì hàm ý một sự liên tục, tiếp nối, một sự trải qua từ giai đoạn này đến giai đoạn khác thì không thể là cái chơn thật. Trong thực tại không hề có một tiến trình nào. Thực tại là chung cuộc, toàn hảo, và phi quan hệ.

H: Làm sao tôi có thể làm cho nó xảy ra?

M: Ông không thể làm gì cho nó xảy ra, nhưng ông có thể tránh tạo ra những chướng ngại. Hãy quan sát tâm ông xem nó xuất hiện như thế nào. Khi quan sát tâm ông, ông phát hiện chính cái Ta của ông là người quan sát. Khi ông đứng bất động, chỉ quan sát, ông sẽ phát hiện chính cái Ta của ông là ánh sáng phía sau người quan sát. Nguồn gốc của ánh sáng thì tối, không biết là nguồn gốc của biết. Chỉ có duy nhất nguồn gốc đó. Quay về với nguồn gốc đó và an trú ở đó. Nó không ở trên trời mà cũng không ở trong hư không trùm khắp. Thượng đế là tất cả những gì vĩ đại và tuyệt vời; còn Ta không là gì cả, không có gì cả, không làm gì cả nhưng tất cả đều từ Ta mà ra – cội nguồn là Ta; gốc rễ, nguyên thủy là Ta.

Khi thực tại bùng nổ trong ông, ông có thể gọi đó là sự chứng nghiệm Thượng đế. Hay, đúng hơn, là Thượng đế chứng nghiệm ông. Thượng đế biết ông khi ông biết chính ông. Thực tại không phải là kết quả của một tiến trình, nó là một vụ nổ. Thực tại chắc chắn ở ngoài tâm, và tất cả những gì ông có thể làm là biết rõ tâm ông. Không phải tâm sẽ giúp ông, nhưng nhờ biết rõ tâm mà ông có thể tránh không để tâm phá hoại ông. Ông phải vô cùng tỉnh táo, nếu không thì tâm ông sẽ lừa ông. Cũng như theo dõi một tên trộm – không phải ông mong cầu tên trộm cho ông cái gì, mà ông không muốn nó lấy gì của ông. Cũng cách đó, ông phải hết sức chú ý đến tâm ông mà không mong cầu ở nó điều chi.

Hoặc, lấy một ví dụ khác. Chúng ta thức và ngủ. Sau một ngày làm việc cơn buồn ngủ kéo đến. Vậy Ta đi ngủ hay sự mất chú ý – đặc tính của trạng thái ngủ - đến với Ta? Hay nói một cách khác – chúng ta thức vì chúng ta đang ngủ. Chúng ta không tỉnh giấc để vào một trạng thái tỉnh thức thật sự. Trong trạng thái thức, thế giới xuất hiện từ vô minh và đưa một người vào trạng thái chiêm bao thức. Cả ngủ và thức đều là những từ ngữ được dùng sai. Chúng ta chỉ chiêm bao. Chỉ người giác ngộ mới biết thức thật và ngủ thật. Chúng ta chiêm bao thấy mình thức, và chúng ta chiêm bao thấy mình ngủ. Cả ba trạng thái chỉ là những tướng trạng khác nhau của trạng thái chiêm bao. Xem tất cả như một giấc chiêm bao tức là giải thoát. Chừng nào

còn cho chiêm bao là thực tại thì ông còn là nô lệ của chiêm bao. Bằng sự tưởng tượng rằng ông được sinh ra là người này người kia thì ông trở thành nô lệ cho người này người kia. Bản chất của nô lệ là sự tưởng tượng chính ông như một tiến trình, có quá khứ và tương lai, có lịch sử. Thật ra, chúng ta không có lịch sử, chúng ta không phải là một tiến trình, chúng ta không phát triển, mà cũng không thoái hóa. Xem tất cả như một giấc chiêm bao, và ở ngoài giấc chiêm bao đó.

H: Nghe lời ông thì có lợi lạc gì cho tôi?

M: Ta đang gọi ông trở về với chính ông. Tất cả những gì Ta yêu cầu ông là hãy nhìn chính ông, về hướng chính ông, vào trong chính ông.

H: Để làm gì?

M: Ông sống, ông cảm thọ, và ông tư duy. Bằng cách chú ý đến sự sống của ông, cảm thọ và ý nghĩ của ông, ông sẽ giải thoát ông khỏi chúng. Tính cách con người của ông biến mất và chỉ còn lại nhân chứng. Rồi ông vượt ra khỏi nhân chứng. Đừng hỏi điều đó xảy ra bằng cách nào. Hãy tìm kiếm trong chính ông.

H: Cái gì tạo ra sự khác biệt giữa con người và nhân chứng?

M: Cả hai đều là tướng trạng của ý thức. Trong tướng trạng con người ông tham ái và lo sợ, trong tướng trạng nhân chứng ông không hề bị tác động bởi lạc thú và đau khổ, và không hề bị tác động bởi các sự kiện, ông để chúng đến và đi.

H: Làm sao một người có thể nhập vào trạng thái cao hơn, tức trạng thái nhân chứng thuần túy?

M: Ý thức tự nó không chiếu sáng. Ý thức chiếu sáng nhờ một ánh sáng bên ngoài nó. Sau khi thấy được tính chất chiêm bao của ý thức, hãy tìm cái ánh sáng mà trong đó ý thức xuất hiện, cái ánh sáng cho nó sự hiện hữu. Có nội dung của ý thức và cũng có cái biết nội dung đó.

H: Tôi biết, và tôi biết rằng tôi biết.

M: Quả thế, miễn là cái biết thứ hai hoàn toàn vô điều kiện và không bị tác động bởi thời gian. Quên cái được biết, nhưng nhớ ông là người biết. Đừng luôn luôn chìm đắm trong những kinh nghiệm của ông. Thường xuyên nhớ rằng ông ở bên ngoài người kinh nghiệm, ông bất sinh và bất tử. Khi nhớ như vậy, tính chất của sự biết thuần túy sẽ nổi lên, đó là ánh sáng của tánh biết vô điều kiện.

H: Một người kinh nghiệm thực tại ở điểm nào?

M: Kinh nghiệm thuộc về thay đổi, đến rồi đi. Thực tại không phải là một sự kiện, thực tại không thể được kinh nghiệm. Thực tại không thể được nhận thức theo cùng một phương cách mà sự kiện được cảm nhận. Nếu ông chờ thực tại đến như chờ một sự kiện xảy ra thì ông sẽ chờ đến muôn đời vì thực tại không đến mà cũng không đi. Thực tại được nhận thức chứ không phải được mong đợi. Thực tại cũng không phải là một cái gì đó xảy ra vì có sự chuẩn bị, và dự kiến. Nhưng chính sự mong muốn và tìm kiếm thực tại là động thái, là sự vận hành, và hành vi của thực tại. Tất cả ông có thể làm là nắm vững điều then chốt: Thực tại không phải là một sự kiện nên không bao giờ xảy ra. Bất cứ gì xảy ra, bất cứ gì đến và đi đều không phải là thực tại.

H: Theo ông thực tại thể hiện tự thân trong hành động hơn là trong sự hiểu biết? Hay nó là một loại cảm nhận nào đó?

M: Không phải hành động, cũng chẳng phải cảm nhận, hoặc ý nghĩ thể hiện thực tại. Không hề có cái như là một sự thể hiện của thực tại. Ông đem nhị nguyên vào chỗ hoàn toàn không có. Thực tại chỉ *là*, không còn gì khác. Cả ba trạng thái thức, chiêm bao và ngủ đều không phải Ta, và Ta không ở trong chúng. Khi Ta chết đi, thế giới sẽ nói: "Ôi, *Maharaj* chết!" nhưng đối với Ta đó chỉ là ngôn từ mà không có nội dung; chúng hoàn toàn vô nghĩa. Thường thì sự sùng bái được thực hiện trước hình ảnh của đạo sư, tất cả diễn ra như thể vị đạo sư thức dậy, đi tắm, ăn, nghỉ, đi dạo rồi trở về, ban phát công đức cho tất cả môn đồ rồi đi ngủ. Dù cho các nghi thức được chú trọng thật tỉ mỉ và chi tiết, nhưng vẫn có một cái gì hư huyễn về chúng. Trường hợp của Ta cũng thế. Tất cả xảy ra như cần thiết, nhưng không có gì xảy ra. Ta làm những gì có vẻ như cần thiết, nhưng cùng lúc đó Ta biết chẳng có gì là cần thiết, và *tự thân cuộc đời chỉ là một trò hư giả*.

H: Vậy tại sao lại sống? Tại sao thức, ngủ, ăn uống và tiêu hóa – tất cả những sự không cần thiết này – đến và đi?

M: Ta chẳng làm gì cả, tất cả chỉ xảy ra, Ta không mong đợi, không trù tính, Ta chỉ quan sát các sự kiện xảy ra, và biết chúng là hư giả.

H: Ông luôn luôn như thế từ khoảnh khắc đầu tiên của sự giác ngộ?

M: Ba trạng thái vẫn thay phiên như thường lệ - thức, ngủ và thức trở lại, nhưng chúng không xảy ra đối với Ta. Chúng chỉ xảy ra. Đối với Ta chưa bao giờ có gì xảy ra. Có một cái gì đó bất biến, bất di bất dịch, bất khả di chuyển, rắn chắc như đá, bất khả xâm phạm; một khối kiên cố hiện-hữu-

ý-thức-an-lạc thuần túy. Ta chưa bao giờ rời khỏi nó, dù đó là cực hình hay tai họa.

H: Nhưng ông ý thức!

M: Có và không. Có sự an lạc – sâu thẳm, bao la, và bất khả lay chuyển. Tất cả các sự kiện vẫn được ghi nhận vào ký ức nhưng chẳng có gì quan trọng. Ta hầu như không biết đến chúng.

H: Nếu tôi hiểu ông đúng thì trạng thái này không đến do sự tu tập.

M: Nó không đến. Nó luôn luôn như thế. Chỉ có sự phát hiện và sự phát hiện rất hốt nhiên. Lúc được sinh ra ông hốt nhiên phát hiện thế giới như thế nào thì Ta hốt nhiên phát hiện sự hiện hữu đích thực của Ta cũng như thế.

H: Có phải nó bị mây mù che lấp và công phu tinh tấn của ông làm cho mây mù tan biến? Khi trạng thái chơn thật trở nên rõ ràng với ông, nó vẫn luôn luôn rõ ràng, hay lại bị che khuất? Trạng thái đó thường hằng hay lúc có lúc không?

M: Hoàn toàn không thay đổi. Dù Ta có làm bất cứ gì, thì nó vẫn có đó như một khối đá – bất động. Một khi đã tỉnh thức thực tại thì ông luôn luôn ở trong thực tại. Một đứa trẻ không trở về dạ con của mẹ nó! Nó là một trạng thái chân phương, nhỏ hơn cái nhỏ nhất và lớn hơn cái lớn nhất. Nó là sự tự chứng nhưng ở ngoài mọi diễn tả.

H: Có cách nào đạt đến nó?

M: Mọi cái đều có thể là phương tiện, với điều kiện là ông chú tâm. Hãy nghiền ngẫm những gì Ta nói và tìm cách hiểu ý nghĩa rốt ráo trong đó là một cách tu tập, đủ phá sập bức tường vô minh. Không có gì làm cho Ta phiền não. Ta không đối kháng với phiền não nên phiền não không ở lại với Ta. Bên bờ của ông có quá nhiều phiền não. Bên bờ của Ta không còn phiền não. Hãy sang bên bờ của Ta. Ông dễ bị phiền não quấy nhiễu, còn Ta thì miễn nhiễm. Dù gì đi nữa, điều cần thiết vẫn là sự quan tâm chân thành. Sự thành khẩn sẽ làm được.

H: Liệu tôi có thể làm được?

M: Dĩ nhiên. Ông có thể sang được bên này. Chỉ cần thành khẩn.

***

43. Có thể nhận ra vô minh nhưng không thể nhận ra giác ngộ

Hỏi: Thuyết giáo của ông chẳng có gì thay đổi, năm nào cũng thế. Hình như không có tiến triển nào trong những gì ông nói với chúng tôi.

Maharaj: Người đau ốm trong bệnh viện được chữa trị và bình phục. Chữa trị là công việc lập đi lập lại một cách đều đặn, hầu như chẳng có gì thay đổi, nhưng sức khỏe thì không như thế. Thuyết giảng của Ta có thể lập đi lập lại một cách đều đặn, nhưng kết quả của nó lúc nào cũng mới đối với từng người.

H: Giác ngộ là gì? Ai là người giác ngộ? Bằng chỉ dấu nào để nhận ra một *Gnani*?

M: Giác ngộ không hề có một chỉ dấu khác biệt nào. Chỉ có thể nhận ra vô minh, nhưng không thể nhận ra giác ngộ. Người giác ngộ cũng không tự nhận là một cái gì đặc biệt. Tất cả những ai tuyên bố về sự vĩ đại và tính độc nhất của mình đều không phải là *Gnani*. Họ nhầm lẫn một sự phát triển khác thường nào đó với giác ngộ. *Gnani* không có khuynh hướng tự nhận mình là một người giác ngộ. Người giác ngộ xem mình hoàn toàn bình thường, đúng với bản tánh chơn thật của chính mình. Tự xưng mình là một thần linh có quyền năng vô hạn, thông suốt mọi sự và hiện hữu khắp nơi là một biểu hiện rõ ràng của vô minh.

H: Liệu Gnani có thể truyền đạt kinh nghiệm của mình cho một kẻ vô minh? Liệu sự giác ngộ có thể được trao truyền từ người này sang người khác?

M: Có thể chứ. Lời dạy của Gnani có công năng xóa bỏ vô minh và sự tăm tối trong tâm. Lời dạy không quan trọng, nhưng công năng đằng sau lời dạy mới quan trọng.

H: Công năng đó là gì?

M: Công năng của sự tin tưởng, dựa trên sự giác ngộ cá nhân, và chứng nghiệm trực tiếp của chính mình.

H: Một số vị giác ngộ nói rằng phải đạt được, chứ không thể cho. Một người chỉ có thể dạy, nhưng học lại thuộc về riêng mỗi người.

M: Thì cũng thế thôi.

H: Có rất nhiều người tập luyện *Yoga* trong nhiều năm nhưng không có kết quả. Điều gì có thể là nguyên nhân thất bại của họ?

M: Một số người quá say mê với những trạng thái xuất thần, với ý thức trong tình trạng trống vắng. Nếu không ý thức trọn vẹn thì làm sao có thể có tiến bộ?

H: Rất nhiều người tu tập pháp định *Samadhi*. Trong *Samadhi* ý thức rất mãnh liệt, nhưng họ vẫn không đạt kết quả gì.

M: Họ mong đợi những kết quả gì? Vì sao giác ngộ lại là kết quả của một cái gì đó? Cái này đưa đến cái kia, nhưng sự giác ngộ không phải là một cái gì đó bị ràng buộc bởi các tương quan nhân quả. Giác ngộ hoàn toàn ở mọi tương quan nhân quả. Nó ở ngay trong cái Ta. Hành giả *Yogi* biết rất nhiều điều kỳ diệu, nhưng không biết gì về cái Ta. Người giác ngộ trông rất bình thường và cảm thấy rất bình thường, nhưng biết rất rõ cái Ta.

H: Có rất nhiều người cố gắng một cách tha thiết để hiểu rõ chính mình, nhưng kết quả rất hiếm. Cái gì có thể là nguyên nhân?

M: Họ chưa truy tìm nguồn gốc của sự hiểu biết một cách đúng mức, họ chưa thực sự biết rõ cảm thọ, cảm xúc và ý nghĩ của chính mình. Điều này có thể là một nguyên nhân của sự trì trệ. Nguyên nhân khác: một số tham ái vẫn còn.

H: Tiến bộ hay thoái bộ trong tu tập là điều tất nhiên. Người tìm đạo nhiệt thành vẫn gắng sức đi tới bất chấp mọi chướng ngại. Bậc giác ngộ có thể giúp gì cho một người tìm đạo như thế?

M: Nếu tha thiết, người đi tìm có thể nhận được ánh sáng. Ánh sáng dành cho tất cả và luôn luôn có đó, nhưng người đi tìm thì chẳng có bao nhiêu, và trong số ít người đó những người sẵn sàng lại càng hiếm hoi. Sự chín mùi của trái tim và tâm thức là vô cùng cần thiết.

H: Sự giác ngộ của ông do tinh tấn mà có, hay do công đức của Tôn sư?

M: Giáo pháp là của Tôn sư, tín tâm là của Ta. Tín tâm của Ta đối với Tôn sư làm cho Ta tin lời ngài là đúng thật, Ta đi sâu vào lời ngài nói, sống lời ngài nói, và bằng cách đó Ta đã nhận ra cái Ta là. Con người và lời lẽ của Tôn sư làm cho Ta tin tưởng, và tín tâm của Ta đem lại kết quả.

H: Liệu một Đạo sư có thể trao truyền sự giác ngộ mà không cần đến ngôn từ, tín tâm; như ngay bây giờ, không có một sự chuẩn bị nào?

M: Được chứ, nhưng người nhận đâu? Ông biết đó, Ta rất tương cảm với Tôn sư, Ta tin tưởng ngài đến độ chỉ còn lại rất ít đề kháng trong Ta, nên tất cả đã diễn ra thật dễ dàng và chóng vánh. Nhưng không phải ai cũng may mắn như thế. Sự lười biếng và bất an thường gây chướng ngại cho đến khi được phát hiện và loại trừ, sự tiến bộ diễn ra rất chậm chạp. Tất cả những người chứng ngộ ngay tại chỗ, chỉ bằng một cái chạm nhẹ, một cái nhìn hay một ý nghĩ, đều là những người đã chín mùi. Những trường hợp như thế thật hi hữu. Đa số cần thời gian để chín mùi. *Sadhana* làm cho sự chín mùi nhanh hơn.

H: Điều gì làm cho một người chín mùi? Yếu tố gây chín mùi là gì?

M: Dĩ nhiên là sự thành khẩn, một người phải thực sự khao khát. Xét cho cùng, người giác ngộ là người thành khẩn nhất. Dù làm bất cứ gì người giác ngộ đều làm một cách trọn vẹn, không hạn chế mà cũng không dè dặt. Lòng trung thực sẽ đưa ông đến thực tại.

H: Ông có yêu thương thế gian này không?

M: Khi bị đau đớn, ông khóc. Vì sao thế? Vì ông yêu thương chính ông. Đừng giam hãm tình yêu của ông bằng cách giới hạn nó với thân xác; hãy để nó rộng mở. Lúc đó nó sẽ trở thành tình yêu thương tất cả. Khi tất cả mọi sự nhận dạng hư giả về cái Ta bị quẳng đi, cái gì còn lại là tình yêu bao trùm tất cả. Hãy loại bỏ mọi ý tưởng về chính ông, ngay cả ý tưởng ông là Thượng đế. Không một định nghĩa nào về cái Ta là có giá trị.

H: Tôi chán ngấy những hứa hẹn. Tôi ngao ngán chuyện tu tập vì chỉ làm tôi mất thì giờ và công sức mà chẳng được gì. Tôi muốn thực tại ngay đây và bây giờ. Có thể được chăng?

M: Dĩ nhiên là được, miễn là ông thực sự nhàm chán tất cả mọi thứ, kể cả những pháp môn tu tập của ông. Khi ông chẳng mong cầu gì ở thế giới, ở Thượng đế, khi ông không muốn gì, không tìm kiếm gì, không mong đợi gì thì Thực tại Tối thượng sẽ đến với ông mà chẳng cần mời mọc, và thật bất ngờ!

H: Nếu một người bận rộn với đời sống gia đình, và những chuyện thế gian, nhưng tu tập nghiêm túc như được chỉ dạy trong kinh sách, liệu người đó có đạt được kết quả không?

M: Sẽ đạt được kết quả, nhưng người đó sẽ bị kết quả trói buộc như một tổ kén.

H: Nhiều bậc thánh nhân bảo rằng khi một người đã chín mùi và sẵn sàng thì sẽ giác ngộ. Những gì các vị đó nói có thể là sự thật, nhưng chẳng ích lợi gì nhiều. Phải có một con đường thoát ra, không tùy thuộc vào sự chín mùi, tức là cần đến thời gian; cũng không tùy thuộc vào sự tu tập, tức là cần đến tinh tấn.

M: Không thể gọi đó là một con đường, nó gần như là một diệu thuật thì đúng hơn. Mà thậm chí cũng không phải thế. Hãy ở trong trạng thái rộng mở và yên lặng, chỉ thế thôi. Cái mà ông tìm kiếm kề cận với ông đến nỗi không thể có chỗ cho một con đường.

H: Có rất nhiều người vô minh trên thế gian này, còn những bậc giác ngộ chẳng có bao nhiêu. Vì sao vậy?

M: Đừng bận tâm đến tha nhân, mà hãy quan tâm đến chính ông. Chỉ cần biết ông *hiện hữu*. Đừng bận tâm đến danh xưng, *chỉ hiện hữu*. Bất cứ danh xưng hay hình tướng nào mà ông gán cho chính mình đều ngăn che bản tánh chơn thật của ông.

H: Tại sao lại ngưng tìm kiếm trước khi giác ngộ?

M: Mong cầu chân lý là mong cầu cao thượng nhất trong các mong cầu, nhưng nó vẫn là một sự mong cầu. Tất cả mọi mong cầu phải được buông bỏ để cho cái thật hiện hữu. Hãy nhớ rằng ông *hiện hữu*. Đó là vốn luân chuyển của ông. Hãy xoay cái vốn đó, rất nhiều lãi sẽ sinh ra.

H: Vì sao lại có sự tìm kiếm?

M: Đời là một sự tìm kiếm, người ta không thể không tìm kiếm. Khi tất cả mọi sự tìm kiếm chấm dứt, đó là Trạng thái Tối thượng.

H: Vì sao Trạng thái Tối thượng đến và đi?

M: Trạng thái Tối thượng không đến, không đi. Nó *hiện hữu*.

H: Ông nói từ chứng nghiệm của chính ông?

M: Dĩ nhiên. Đó là một trạng thái phi thời, thường tại.

H: Với tôi nó đến và đi, với ông thì không. Vì sao có sự khác biệt này?

M: Có thể là Ta không còn ham muốn. Hoặc là sự ham muốn cái Tối Thượng của ông chưa đủ mãnh liệt. Chắc hẳn là ông sẽ cảm thấy tuyệt vọng khi tâm ở ngoài tầm với.

H: Tôi phấn đấu suốt đời nhưng chẳng đạt được bao nhiêu. Tôi đọc. Tôi nghe. Tất cả đều vô ích.

M: Nghe và đọc đã trở thành một thói quen với ông.

H: Tôi cũng bỏ rồi. Bây giờ tôi không đọc nữa.

M: Cái mà ông đã bỏ thì bây giờ không còn quan trọng. Cái gì mà ông chưa bỏ? Tìm ra cái đó và bỏ nó đi. Tu tập – Sadhana – là tìm cái để buông bỏ. Hãy buông bỏ cho đến khi ông hoàn toàn rỗng rang.

H: Làm sao một kẻ vô minh lại có thể mong cầu trí tuệ? Một người cần biết đối tượng của sự mong cầu để mong cầu. Khi cái Tối thượng là cái không thể biết thì làm sao nó có thể được mong cầu?

M: Con người chín mùi một cách tự nhiên và trở nên sẵn sàng cho sự giác ngộ.

H: Nhưng yếu tố làm cho chín mùi là gì?

M: Nhớ rõ chính mình, sự biết rõ cái "Ta hiện hữu" làm cho người ta chín mùi rất mãnh liệt và nhanh chóng. Hãy từ bỏ tất cả những ý tưởng về chính ông, chỉ đơn thuần *hiện hữu*.

H: Tôi chán ngán tất cả những pháp môn và phương tiện, những diệu thuật, kỹ xảo, và tất cả những trò nhào lộn của tâm. Có cách nào cảm nhận thực tại một cách trực tiếp và tức thời?

M: Ngưng dùng đến tâm của ông rồi xem chuyện gì xảy ra. Làm điều duy nhất này một cách rốt ráo. Tất cả chỉ có thế.

H: Lúc còn trẻ, tôi đã từng có những kinh nghiệm lạ lùng – thoáng qua nhưng có thể nhớ được – về *không*, chỉ *không*, nhưng hoàn toàn ý thức. Nhưng điều nguy hiểm là sự mong muốn tái tạo lại từ ký ức những khoảng khắc đã qua đi.

M: Tất cả chỉ là tưởng tượng. Trong ánh sáng của ý thức đủ mọi chuyện xảy ra, một người không cần phải cho chuyện gì đó là quan trọng đặc biệt. Cảnh trí của một đóa hoa cũng kỳ diệu như linh ảnh của Thượng đế. Cứ để kệ mọi chuyện như chúng là. Việc gì phải ghi nhớ rồi biến ký ức thành phiền não? Đừng để ý đến chúng, đừng phân chia thành cao, thấp, trong, ngoài, thường và vô thường. Vượt ra khỏi chúng, trở về với nguồn gốc, đến với cái Ta không bao giờ thay đổi, dù bất cứ chuyện gì xảy ra. Chỗ yếu của ông là ông tin rằng ông đã được sinh ra vào thế giới. Trong thực tế thế giới luôn luôn được tái tạo trong ông và bởi ông. Hãy thấy được tất cả mọi thứ đều xuất phát từ ánh sáng, tức cội nguồn hiện hữu của chính ông. Trong ánh sáng đó ông sẽ tìm thấy tình yêu và năng lượng vô tận.

H: Nếu tôi là ánh sáng đó, tại sao tôi không biết?

M: Muốn biết, ông cần một cái tâm biết, một cái tâm có khả năng biết. Nhưng tâm ông lúc nào cũng chạy, không bao giờ tĩnh lặng, không bao giờ phản chiếu đầy đủ. Làm sao ông thấy được mặt trăng với tất cả vẻ đẹp lộng lẫy khi mắt ông bị bệnh tật ngăn che?

H: Liệu chúng ta có thể bảo rằng mặt trời tạo ra cái bóng, nhưng một người không thể nhìn thấy mặt trời trong cái bóng. Người ấy phải quay lại.

M: Một lần nữa, ông lại đề cập đến bộ ba: mặt trời, thân và bóng. Trong thực tế không hề có một sự phân chia như thế. Những gì Ta đang nói chẳng liên quan gì đến nhị nguyên hay tam nguyên. Đừng hình dung và ngôn từ hóa. Chỉ thấy và *hiện hữu*.

H: Tôi có phải thấy, để *là*?

M: Thấy cái ông là. Đừng hỏi ai khác, đừng để người khác bảo ông về chính ông. Hãy nhìn vào trong và thấy. Tất cả các đạo sư chỉ có thể nói với ông là như thế. Chẳng cần phải tìm cầu hết đạo sư này đến đạo sư khác. Tất

cả các giếng đều có cùng một thứ nước. Ông chỉ cần lấy nước từ giếng nào gần nhất. Trường hợp Ta, nước ở trong Ta, và Ta là nước.

***

44. "Ta là" thì thật, tất cả những cái khác chỉ là suy luận

Maharaj: Người nhận thức thế giới có trước thế giới, hay xuất hiện cùng với thế giới?

Hỏi: Thật là một câu hỏi lạ lùng! Vì sao ông lại đặt những câu hỏi như thế?

M: Nếu không biết câu trả lời đúng ông sẽ không tìm được sự an lạc.

H: Khi tôi thức dậy sáng nay, thế giới đã có sẵn, chờ đợi tôi. Chắc chắn là thế giới phải xuất hiện trước. Tôi cũng xuất hiện nhưng sau thế giới rất nhiều, có sớm lắm thì chỉ vào lúc tôi sinh ra. Thân xác là phương tiện trung gian giữa tôi và thế giới. Nếu không có thân xác thì không có tôi mà cũng chẳng có thế giới.

M: Thân ông xuất hiện trong tâm ông, tâm ông là nội dung ý thức của ông. Ông là nhân chứng bất động của giòng tâm thức, giòng tâm thức đó thay đổi không ngừng nhưng nó không thể nào thay đổi được ông. Tính bất biến của chính ông hiển nhiên đến độ ông không để ý đến nó. Hãy quan sát kỹ chính ông thì tất cả những hiểu lầm và ngộ nhận sẽ tan biến. Cũng như tất cả thủy vi sinh vật đều ở trong nước, chúng không thể có nếu không có nước, thì toàn thể vũ trụ đều ở trong ông và không thể hiện hữu nếu không có ông.

H: Chúng ta gọi cái đó là Thượng đế.

M: Thượng đế chỉ là một ý tưởng trong tâm ông. Cái thật là ông. Điều duy nhất mà ông biết chắc chắn: "Ta hiện hữu ở đây và bây giờ." Lấy đi cái "ở đây và bây giờ" cái "Ta hiện hữu" vẫn còn, bất khả xâm phạm. Thế giới tồn tại trong ký ức, ký ức xuất hiện trong ý thức, ý thức tồn tại trong tánh biết, và tánh biết là sự phản chiếu của ánh sáng trên mặt nước của sự tồn tại.

H: Tôi vẫn không thể hiểu được vì sao thế giới có thể ở trong tôi, trong khi điều ngược lại – "Tôi ở trong thế giới" thì quá hiển nhiên.

M: Thậm chí nói rằng "Ta là thế giới, thế giới là ta" cũng là một biểu hiện của vô minh. Nhưng khi nhớ rõ tính đồng nhất của Ta với thế giới và xác định nó trong cuộc sống thì một sức mạnh sinh khởi trong Ta, sức mạnh đó tiêu diệt vô minh, thiêu hủy vô minh một cách rốt ráo.

H: Nhân chứng của vô minh có tách biệt với vô minh? Không phải khi nói rằng: "Ta vô minh" cũng là một phần của vô minh?

M: Dĩ nhiên. Ta có thể nói một cách đúng thật là: "Ta hiện hữu," tất cả những gì còn lại đều là suy luận. Nhưng suy luận đã trở thành một thói quen. Hãy từ bỏ mọi thói quen trong suy nghĩ và thấy. Ý thức "Ta hiện hữu" là biểu hiện của một nguyên nhân sâu kín, ông có thể gọi nguyên nhân đó là Ta, là Thượng đế, là Thực tại hay bất cứ danh xưng nào. Cái "Ta hiện hữu" ở trong thế giới, nhưng nó là chìa khóa để mở cánh cửa ra ngoài thế giới. Mặt trăng nhảy múa trên nước trông như ở trong nước, nhưng được tạo ra bởi mặt trăng trên trời, chứ không phải bởi nước.

H: Tôi vẫn không nắm bắt được ý chính. Đành rằng thế giới trong đó tôi sống, đi lại và có sự hiện hữu của tôi là do chính tôi tạo ra; nó là một phóng ảnh, là sự tưởng tượng của chính tôi chiếu lên cái thế giới không biết, thế giới như nó là, thế giới của "cái tuyệt đối", dù cái đó là bất cứ gì. Thế giới do chính tôi tạo ra có thể rất khác với cái tối thượng, hay thế giới thật, cũng như màn ảnh xi nê thì không phải là phim ảnh phóng chiếu lên nó. Tuy nhiên cái thế giới tuyệt đối đó tồn tại, hầu như không tùy thuộc vào chính tôi.

M: Gần như thế, thế giới của Thực tại Tuyệt đối – mà trong đó tâm ông phóng chiếu cái thế giới hư giả và tương đối này – không tùy thuộc vào chính ông, vì lý do rất đơn giản: nó là chính ông.

H: Thế không phải có sự mâu thuẫn trong ngôn từ? Làm sao sự không tùy thuộc lại có thể chứng minh được tính đồng nhất?

M: Hãy tìm hiểu động thái của sự thay đổi thì ông sẽ thấy. Cái có thể thay đổi – trong khi ông không thay đổi – thì được cho là không tùy thuộc vào ông. Còn cái không thay đổi thì phải là một với bất cứ cái gì khác cũng không thay đổi. Vì, nhị nguyên hàm ý tương quan qua lại, mà tương quan qua lại có nghĩa là thay đổi. Nói một cách khác, cái tuyệt đối vật chất và cái tuyệt đối tinh thần, cái hoàn toàn khách quan và cái hoàn toàn chủ quan là đồng nhất, cả về bản chất lẫn tánh thể.

H: Cũng giống như trong một cuốn phim ba chiều, ánh sáng tạo nên màn ảnh của chính nó.

M: So sánh cách nào cũng được. Nhưng điểm chính yếu cần nắm bắt là: Ông đã phóng chiếu lên chính ông một thế giới do ông tưởng tượng, dựa vào ký ức, tham ái và lo sợ, và ông đã tự giam hãm mình trong đó. Hãy đập tan sự u mê và giải thoát.

H: Làm thế nào để đập tan sự u mê?

M: Hãy khẳng định tính bất tùy thuộc của ông trong ý nghĩ và hành động. Xét cho cùng, tất cả đều bám víu vào lòng tin trong chính ông, vào sự tin tưởng rằng những gì ông thấy và nghe, tư duy và cảm thọ đều là thật. Tại sao không đặt câu hỏi về lòng tin của ông? Chẳng có gì nghi hoặc rằng thế giới này được chính ông tô vẽ lên màn ảnh của ý thức, và nó hoàn toàn là thế giới riêng tư của ông. Chỉ có ý thức "Ta hiện hữu" tuy ở trong thế giới nhưng lại không thuộc về thế giới. Không thể nào bằng cố gắng của lý luận, hay trí tưởng tượng mà ông có thể biến cái "Ta hiện hữu" thành "Ta không hiện hữu." Trong khi phủ nhận sự hiện hữu của chính ông thì ông đã tự khẳng định nó. Một khi nhận ra rằng thế giới chỉ là phóng ảnh của chính ông thì ông thoát ra khỏi thế giới. Ông chẳng cần phải giải thoát ông ra khỏi một thế giới mà tự thân nó không tồn tại, ngoại trừ trong trí tưởng tượng của ông! Dù bức tranh đẹp xấu thế nào, ông vẫn là người vẽ ra nó chứ không phải ông tùy thuộc vào nó. Nên nhớ rằng chẳng có ai áp đặt nó lên ông, mà do thói quen của ông cho tưởng tượng là có thật. Thấy tưởng tượng là tưởng tượng thì không còn sợ hãi.

Cũng như mầu sắc của tấm thảm này hiển hiện nhờ ánh sáng, nhưng ánh sáng thì không phải mầu sắc; thế giới này được ông tạo ra nhưng ông không phải là thế giới.

Ông có thể gọi cái tạo ra và duy trì thế giới là Chúa, là Thượng đế, nhưng tối hậu ông vẫn là bằng chứng xác minh Thượng đế tồn tại, thay vì ngược lại. Vì, trước khi bất cứ câu hỏi nào về Thượng đế được đặt ra thì phải có ông để đặt câu hỏi.

H: Thượng đế là một kinh nghiệm trong thời gian, còn người kinh nghiệm thì vô thời.

M: Ngay cả người kinh nghiệm cũng là thứ yếu. Chính yếu vẫn là sự mênh mông vô hạn của ý thức, cái khả năng vô tận, cái tiềm năng vô biên của tất cả những gì đã là, đang là, và sẽ là. Khi nhìn bất cứ gì, ông đều thấy cái tối hậu, nhưng ông lại tưởng tượng rằng ông thấy một đám mây, hay một cái cây.

H: Hãy học cách nhìn mà không tưởng tượng, nghe mà không xuyên tạc, chỉ thế thôi. Hãy chấm dứt gán ghép danh xưng, hình tướng cho cái hoàn toàn vô danh xưng, vô hình tướng; hãy nhận ra rằng mọi trạng thái nhận thức đều chủ quan, có nghĩa là bất cứ gì được thấy, nghe, sờ mó, nếm ngửi, cảm thọ, hay tư duy – được mong đợi hay tưởng tượng – đều ở trong

tâm chứ không phải ở trong thực tại, lúc đó ông sẽ chứng nghiệm sự an lạc và vô úy.

Ngay cả ý thức "Ta hiện hữu" gồm có ánh sáng thuần túy và ý thức hiện hữu. Cái "Ta" vẫn có đó dù cho không có "hiện hữu." Ánh sáng thuần túy cũng thế, nó vẫn có đó dù ông có nói "Ta" hay không. Biết được ánh sáng thuần túy đó thì không bao giờ ông có thể mất nó. Tính hiện hữu trong hiện hữu, tánh biết trong ý thức, sự hiểu biết trong mỗi kinh nghiệm thì không thể mô tả được, nhưng hoàn toàn có thể tiếp cận được, vì không còn cái gì khác.

H: Ông nói về thực tại một cách trực tiếp – như là nguyên nhân đầu tiên, trùm khắp, thường tại, bất diệt, biết rõ tất cả, là nguồn năng lực của tất cả. Nhiều đạo sư khác không bao giờ bàn về thực tại. Họ bảo rằng thực tại ở ngoài tâm, trong khi mọi bàn luận đều ở trong phạm trù của tâm, tức là ngôi nhà của sự hư giả. Phương cách của họ là phủ định, họ chỉ ra cái hư giả và thoát ra khỏi cái hư giả để vào cái thật.

M: Sự khác biệt chỉ ở trong ngôn từ. Khi nói về cái thật, Ta nói nó là cái bất hư giả, vô xứ, vô thời, vô nhân duyên, vô thủy và vô chung. Rốt cuộc thì cũng thế. Ngôn từ chẳng quan trọng, miễn là nó đưa đến sự giác ngộ. Đẩy hay kéo một cái xe thì có gì quan trọng, miễn là ông làm nó chuyển động. Có khi ông bị thu hút bởi thực tại, và có khi ông cảm thấy bị xô đẩy ra khỏi cái hư giả; chúng là những trạng thái thay đổi nhau,cả hai đều cần thiết cho sự giải thoát hoàn toàn. Ông có thể đi con đường này hay con đường khác – nhưng mỗi lần ông đi nó đều là con đường đúng vào lúc đó; hãy đi một cách nhiệt tình, đừng phí thời gian nghi ngờ hay chần chờ do dự. Có nhiều loại thức ăn để nuôi lớn một đứa trẻ, nhưng hành động ăn thì như nhau. Về mặt lý thuyết – tất cả mọi phương cách đều tốt. Trong thực hành, và vào một lúc nhất định nào đó, ông chỉ có thể đi theo một con đường. Không sớm thì muộn chắc chắn ông sẽ nhận ra rằng nếu thực sự muốn tìm, ông phải đào một nơi duy nhất: bên trong.

Cái mà ông tìm kiếm – sự hiện hữu – biết được cái Ta của ông, và sự an lạc vĩ đại đi cùng với nó thì cả thân lẫn tâm đều không thể cho ông.

H: Chắc chắn mỗi phương cách đều có giá trị và hiệu nghiệm riêng.

M: Trong mỗi trường hợp giá trị là ở chỗ đưa ông đến với sự cần thiết phải tìm kiếm bên trong. Đùa giỡn với nhiều phương cách khác nhau có thể là do ngần ngại đi vào bên trong, lo sợ phải từ bỏ ảo tưởng mình là một cái gì đó hay một ai đó riêng biệt. Muốn tìm nước ông không cần phải đào

nhiều hố cạn khắp nơi, mà chỉ cần đào thật sâu ở một chỗ. Tương tự như thế, muốn tìm ra cái Ta của ông thì ông phải khám phá chính ông. Khi nhận ra rằng ông là ánh sáng của thế giới thì ông cũng nhận ra ông là tình yêu thế giới, vì biết là yêu và yêu là biết.

Trong tất cả các tình cảm, lòng yêu thương chính mình đến trước tiên. Tình yêu của ông đối với thế giới chỉ là phản ảnh tình yêu của ông đối với chính ông, vì thế giới của ông là sự sáng tạo của chính ông. Ánh sáng và tình yêu thì không của riêng ai, nhưng cả hai được phản chiếu trong tâm ông thành sự biết chính mình và ước muốn chính mình tốt lành. Chúng ta luôn luôn thân mật với chính mình, nhưng không thường xuyên hiểu biết. *Yogi* là người kết hợp thiện ý với trí tuệ.

***

45. Cái gì đến và đi thì không có thực thể

Hỏi: Tôi đến để được thân cận ông, hơn là nghe ông nói. Những gì nói ra được bằng lời lẽ thì rất ít, còn truyền đạt trong im lặng thì rất nhiều.

Maharaj: Trước tiên là lời lẽ, rồi đến im lặng. Một người cần phải chín mùi mới cảm nhận được sự im lặng.

H: Liệu tôi có thể sống trong im lặng?

M: Việc làm vô vị kỷ đưa đến sự im lặng, vì khi hành động vô vị kỷ ông chẳng cần nhờ đến ai. Vì không màng đến kết quả, ông sẵn sàng hành động với phương tiện thiếu thốn nhất. Ông chẳng cần phải có nhiều năng khiếu và được trang bị đầy đủ. Mà ông cũng chẳng cần được công nhận hay trợ giúp. Ông chỉ làm những gì cần làm, phó mặc thành công và thất bại cho cái không biết, vì mọi chuyện đều được tạo nên bởi vô số yếu tố, mà nỗ lực của ông chỉ là một. Nhưng tâm thức và trái tim con người kỳ diệu đến nỗi cái bất khả vẫn có thể xảy ra một khi ý chí của con người và tình yêu kết hợp với nhau.

H: Khi việc mình làm là xứng đáng thì kêu gọi giúp đỡ có gì là không đúng?

M: Sự cần thiết phải kêu gọi giúp đỡ ở đâu? Nó chỉ chứng tỏ sự yếu đuối và lo âu. Cứ tiếp tục hành động, và cả vũ trụ sẽ cùng hành động với ông. Xét cho cùng thì ý nghĩ làm điều đúng đến với ông từ cái không biết. Cứ phó mặc kết quả cho cái không biết, chỉ cần làm những động tác cần thiết. Ông chỉ là một mắt xích trong chuỗi dài của những tương quan nhân quả. Về cơ bản, tất cả chỉ xảy ra trong tâm. Khi ông hết lòng và kiên quyết làm một cái gì đó thì nó sẽ xảy ra, vì chức năng của tâm là làm cho mọi

chuyện xảy ra. Trong thực tại không có gì là vắng thiếu, và không có gì được cần đến; tất cả mọi việc làm chỉ xảy ra trên bề mặt. Tận đáy sâu là sự an lạc hoàn toàn. Tất cả những vấn đề của ông sinh khởi là vì ông đã xác định chính ông và do đó giới hạn chính ông. Khi ông không còn nghĩ rằng ông là thế này, thế nọ thì tất cả mọi xung đột chấm dứt. Mọi cố gắng làm một cái gì đó về những phiền não của ông chắc chắn sẽ thất bại, vì cái gì được tạo ra bởi tham ái chỉ có thể được hóa giải bằng sự thoát ra khỏi tham ái. Ông tự đóng khung trong thời gian và không gian, dồn ép chính ông vào một kiếp sống và thể tích của một thân xác, vì thế ông đã tạo ra không biết bao nhiêu xung đột về sống và chết, lạc thú và đau khổ, hy vọng và sợ hãi. Ông không thể đoạn trừ phiền não mà không từ bỏ mọi ảo tưởng.

H: Con người thì tự nhiên là hữu hạn.

M: Không hề có cái gì là một con người. Chỉ có những hạn chế và hữu hạn. Tổng hợp tất cả những hạn chế và hữu hạn là định nghĩa về con người. Ông cho rằng ông biết được ông khi ông biết được *cái* mà ông là. Nhưng ông không bao giờ biết được ông là *ai*. Con người chỉ có vẻ như là, cũng như khoảng không bên trong cái hũ thì có vẻ có hình dáng, thể tích và mùi của cái hũ. Hãy thấy được rằng ông không phải cái mà ông tin ông là. Hãy dùng tất cả sức lực của ông để chống lại ý tưởng ông là một cái gì có thể đặt tên và mô tả được. Ông không phải cái đó. Từ bỏ lối suy nghĩ cho rằng ông là thế này hay thế nọ. Chẳng có con đường nào khác đưa ông ra khỏi sự khốn khổ mà ông đã tạo ra cho chính ông bằng sự chấp nhận mù quáng, không tra vấn. Đau khổ là một sự kêu gọi để được hiểu, tất cả mọi đau khổ cần phải được tìm hiểu. Đừng lười suy nghĩ.

H: Hành động là cốt lõi của thực tại. Vô hành thì vô hạnh. Cùng với tư duy thì phải làm một cái gì đó.

M: Làm một cái gì đó trong thế gian này thì thật là khó, đừng làm cái gì đó không cần thiết thì lại càng khó hơn.

H: Đối với con người, quan niệm Ta là tất cả có vẻ như bất khả.

M: Ông biết được những gì về chính ông? Ông chỉ có thể là cái mà ông là trong thực tế; ông chỉ có vẻ là cái mà ông không là. Ông chưa bao giờ lìa xa sự toàn hảo. Mọi ý tưởng về sự cải thiện chính mình chỉ mang tính quy ước và ngôn từ. Cũng như mặt trời không biết đến bóng tối, thì cái Ta không hề biết cái không phải cái Ta. Chính tâm, vì biết cái khác, nên trở thành cái khác. Mà tâm không gì khác hơn là cái Ta. Chính cái Ta trở thành cái khác – cái không phải cái Ta – nhưng vẫn là cái Ta. Tất cả những cái

khác chỉ là giả. Cũng như một đám mây che khuất mặt trời nhưng không hề ảnh hưởng đến mặt trời thì cái giả có thể ngăn che thực tại nhưng không thể hủy diệt thực tại. Ngay chính cái ý tưởng hủy diệt thực tại tự nó là điều khôi hài; người hủy diệt bao giờ cũng thật hơn là cái bị hủy diệt. Thực tại là người hủy diệt tối hậu. Mọi phân biệt, mọi chia ly và ngăn cách đều sai lầm. Tất cả là một – đây chính là giải pháp tối hậu cho mọi xung đột.

H: Vì sao chúng tôi không tiến bộ mặc dù được rất nhiều trợ lực và chỉ giáo?

M: Chừng nào chúng ta còn tưởng tượng rằng mình là những tính cách cá nhân riêng biệt, khác biệt nhau, thì chúng ta không thể nắm bắt được thực tại, tức là cái thiết yếu phi nhân cách. Trước tiên chúng ta phải biết mình chỉ là nhân chứng, là trung điểm quan sát vô xứ vô thời, tiếp đến là nhận ra được đại dương mênh mông của tánh biết thuần túy, vừa là tâm vừa là vật, và ở ngoài cả hai.

H: Dù cho có ở trong thực tại, tôi vẫn cảm thấy mình là một con người nhỏ bé và riêng biệt, là cái một trong cái nhiều.

M: Ông – một con người – là do ảo tưởng về không gian và thời gian; ông tưởng tượng mình ở vào một điểm nào đó choán một thể tích nào đó; tính cách cá nhân của ông là do ông tự đồng hóa mình với thân xác. Ý nghĩ và cảm thọ của ông tồn tại trong một chuỗi các diễn tiến, kéo dài trong thời gian, làm cho ông tưởng tượng là chính ông, vì có ký ức nên có một khoảng thời gian. Trong thực tế thời gian và không gian tồn tại trong ông; ông không tồn tại trong chúng. Chúng chỉ là những tướng trạng của nhận thức, nhưng chúng không phải là duy nhất. Thời gian và không gian cũng như chữ viết trên giấy; giấy thì thật, chữ viết chỉ là quy ước. Ông bao nhiêu tuổi?

H: Bốn mươi tám!

M: Cái gì khiến ông nói bốn mươi tám? Cái gì khiến ông nói: Tôi ở đây? Những thói quen có tính cách ngôn từ hình thành từ những giả định. Tâm tạo ra thời gian và không gian, rồi cho những gì nó tạo ra là thực tại. Tất cả đều ở đây và bây giờ, nhưng chúng ta không thấy được điều đó. Sự thật là tất cả đều ở trong Ta và bởi Ta. Không còn gì khác. Chính ý nghĩ về "khác" là một thảm họa và bất hạnh.

H: Cái gì là nguyên nhân của sự nhân cách hóa, của sự tự giới hạn trong thời gian và không gian?

M: Cái không tồn tại thì không thể có nguyên nhân. Không hề có cái như một con người riêng biệt. Dù cho theo quan điểm của kinh nghiệm chủ nghĩa, rõ ràng là mỗi một cái đều là nguyên nhân của mỗi một cái, mỗi một cái là như nó là, vì toàn thể vũ trụ là như nó là.

H: Nhưng tính cách con người phải có một nguyên nhân.

M: Tính cách con người hình thành như thế nào? Bởi ký ức. Bởi đồng hóa hiện tại với quá khứ rồi phóng chiếu vào tương lai. Thử nghĩ về chính ông như là cái gì đó thoáng qua, không có quá khứ và tương lai thì tính cách con người của ông biến mất.

H: Thế không phải cái "Ta hiện hữu" còn lại?

M: Từ ngữ "còn lại" không áp dụng được ở đây. "Ta hiện hữu" thì luôn luôn tươi mới. Ông không cần phải nhớ để *hiện hữu*. Thật vậy, trước khi kinh nghiệm bất cứ gì thì luôn luôn phải có ý thức về sự hiện hữu. Trong hiện tại, hiện hữu của ông bị lẫn lộn với kinh nghiệm. Tất cả những gì ông cần là tháo gỡ hiện hữu ra khỏi mớ bòng bong kinh nghiệm. Một khi đã nhận ra được sự hiện hữu thuần túy của ông, không phải là thế này hay thế nọ thì ông sẽ phân biệt ra nó trong mớ kinh nghiệm, và sẽ không còn bị mê lầm bởi hình tướng và danh xưng.

Tự giới hạn là cốt lõi của tính cách con người.

H: Làm sao tôi trở thành vũ trụ?

M: Ông *là* vũ trụ. Ông không cần và không thể trở thành cái mà ông đã là. Chỉ cần chấm dứt tưởng tượng chính ông là cái cá biệt. Cái gì đến và đi thì không có thực thể. Nó xuất hiện là nhờ có thực tại. Ông biết có thế giới nhưng liệu thế giới có biết ông? Tất cả sự hiểu biết, cũng như tất cả mọi hiện hữu và hỷ lạc, đều từ ông mà ra. Hãy nhận ra rằng ông là cội nguồn vĩnh cửu, và chấp nhận tất cả là của chính ông. Một sự chấp nhận như thế là tình yêu chân thật.

H: Tất cả những gì ông nói nghe rất tốt đẹp nhưng làm sao có thể biến nó thành một lối sống?

M: Chưa bao giờ ra khỏi nhà nhưng ông đã hỏi đường về nhà. Hãy từ bỏ những ý nghĩ sai lầm, tất cả chỉ có thế. Huân tập những ý nghĩ đúng cũng chẳng đưa ông đi đến đâu. Chỉ cần chấm dứt tưởng tượng.

H: Vấn đề không phải là sự chứng đắc, mà là hiểu.

M: Đừng tìm cách hiểu! Chỉ không hiểu sai là đủ. Đừng trông cậy vào tâm để giải thoát. Chính tâm đã đưa ông vào trói buộc. Hãy rốt ráo vượt ra khỏi tâm.

Cái gì không có sự khởi đầu thì không có nguyên nhân. Vấn đề không phải là ông đã biết cái ông là, rồi ông quên nó đi. Một khi biết, ông không thể quên. Vô minh không có sự khởi đầu, nhưng có thể có sự chấm dứt. Chỉ cần hỏi: **ai vô minh** thì vô minh sẽ tan biến như một giấc chiêm bao. Thế giới đầy những mâu thuẫn, vậy mà ông tìm sự hòa hợp trong thế giới, vì thế giới là sản phẩm của hỗn loạn. Muốn tìm sự an ổn ông phải tìm bên trong. Thế giới chỉ xuất hiện khi nào ông được sinh vào một thân xác. Không có thân – không có thế giới. Trước tiên hãy tìm hiểu xem ông có phải là thân xác hay không. Hiểu về thế giới sẽ đến sau.

H: Những điều ông nói nghe rất thuyết phục, nhưng có ích gì cho một con người riêng biệt, con người đó chỉ biết mình ở trong thế giới và của thế giới?

M: Hàng triệu người ăn bánh mì, nhưng chẳng mấy ai biết về lúa mì. Chỉ những người biết mới có thể làm cho bánh mì ngon hơn. Tương tự như thế, chỉ những ai biết cái Ta, những ai đã nhìn siêu việt thế giới mới có thể làm cho thế giới tốt đẹp hơn. Côn đức của họ đối với những con người cá thể thật vô lượng, vì họ là nguồn hy vọng cứu vớt duy nhất của các cá nhân. Cái gì ở trong thế giới thì không thể cứu thế giới. Nếu ông thật tình quan tâm cứu giúp thế giới thì ông phải bước ra khỏi nó.

H: Liệu tôi có thể bước ra khỏi thế giới?

M: Ai được sinh ra trước, ông hay thế giới? Chừng nào còn cho rằng thế giới có trước thì ông còn bị ràng buộc bởi thế giới, chừng nào ông nhận ra, không chút nghi hoặc nào, rằng thế giới ở trong ông chứ không phải ông ở trong thế giới thì ông ra khỏi nó. Dĩ nhiên thân xác ông còn ở trong thế giới và của thế giới, nhưng ông không còn bị nó lừa dối. Tất cả mọi kinh điển đều nói rằng trước khi có thế giới thì đã có Tạo hóa. Ai biết Tạo hóa? Người có trước Tạo hóa không ai khác hơn là sự hiện hữu là sự hiện hữu chơn thật của chính ông, nguồn gốc của tất cả thế giới cùng với người tạo ra chúng.

H: Tất cả lý lẽ của ông được gắn bó bởi giả thuyết cho rằng thế giới là phóng ảnh của chính ông. Ông công nhận rằng thế giới cá nhân và chủ quan của ông là cái thế giới do các giác quan và tâm đem lại cho ông. Trong ý nghĩa đó, mỗi người chúng ta sống trong một thế giới được hình thành bởi sự phóng chiếu của chính mình. Những thế giới riêng tư này không thể giao tiếp với nhau, chúng nổi lên và biến mất vào cái "Ta hiện hữu" ở tâm điểm của chúng. Nhưng chắc chắn đằng sau những thế giới

riêng tư này, phải có một thế giới khách quan chung nhất, mà các thế giới riêng tư chỉ là cái bóng của nó. Ông có phủ nhận sự tồn tại của một thế giới khách quan và chung nhất như thế?

M: Thực tại không phải chủ quan hay khách quan, không phải tâm hay vật, không phải thời gian hay không gian. Những phân chia như thế cần phải có một ai đó – như một trung tâm ý thức tách biệt – để chúng xảy ra với người đó. Nhưng thực tại là tất cả và cũng không là gì cả, nó vừa là cái toàn thể vừa là cái loại trừ, vừa là cái viên mãn vừa là cái trống không, nó hoàn toàn nhất quán, nhưng tuyệt đối nghịch lý. Ông không thể nói về thực tại, ông chỉ có thể mất đi cái Ta của ông trong đó. Khi ông phủ nhận tất cả mọi cái là thực tại thì ông sẽ đến với cái còn lại không thể phủ nhận.

Tất cả mọi luận bàn về giác ngộ chỉ là một biểu hiện của vô minh. Chính tâm tưởng tượng nó không biết rồi mới biết. Thực tại không hay biết gì đến những lập luận quanh co này. Ngay cả cái ý nghĩ cho rằng Thượng đế là Đấng sáng tạo cũng lầm lẫn. Liệu sự hiện hữu của Ta có vì sự hiện hữu khác mà có? Vì Ta *hiện hữu*, nên tất cả *hiện hữu*.

H: Làm sao có thể như thế được? Một đứa trẻ được sinh ra vào thế giới, thế giới không thể sinh vào đứa trẻ. Thế giới thì cũ còn đứa trẻ thì mới.

M: Đứa trẻ được sinh vào thế giới của ông. Thế nào, ông được sinh ra vào thế giới, hay thế giới xuất hiện đối với ông? Được sinh ra có nghĩa là tạo nên một thế giới quanh chính ông như một trung tâm. Nhưng có bao giờ ông tạo ra chính ông? Hay có ai đã tạo ra ông? Mỗi người tạo ra một thế giới cho chính mình và sống trong thế giới đó, bị giam cầm trong đó vì sự vô minh của chính mình. Tất cả những gì chúng ta phải làm là phủ nhận nhà tù của chúng ta là thực tại.

H: Cũng như trạng thái thức tồn tại dưới hình thức chủng tử trong lúc ngủ, thì thế giới mà đứa trẻ tạo ra vào lúc chào đời tồn tại trước khi nó được sinh ra. Vậy thì chủng tử thuộc về ai?

M: Nó thuộc về người chứng kiến sinh và tử, nhưng không được sinh ra hay chết đi. Chỉ người đó là chủng tử của sự sáng tạo và cũng là di sản của nó. Đừng bảo tâm xác nhận cái gì siêu vượt nó. Trực tiếp chứng nghiệm là xác nhận duy nhất có giá trị,

***

46. Biết rõ hiện hữu là an lạc

Hỏi: Nghề nghiệp của tôi là y sĩ. Tôi bắt đầu với khoa phẫu thuật, tiếp tục với khoa bệnh lý tâm thần; tôi cũng viết một vài cuốn sách về y học tâm

thần và trị liệu bằng đức tin. Tôi đến gặp ông để học những quy luật của y lý tâm linh.

Maharaj: Khi tìm cách chữa bệnh cho một người, một cách chính xác ông tìm cách chữa cái gì? Sự chữa trị là gì? Khi nào thì ông có thể nói bệnh nhân đã được chữa khỏi?

H: Tôi tìm cách chữa trị thân xác cũng như cải thiện sự liên kết giữa thân và tâm. Tôi cũng tìm cách chữa trị tâm.

M: Ông đã tìm hiểu sự liên kết giữa tâm và thân? Chúng liên kết với nhau ở điểm nào?

H: Tâm ở giữa thân và ý thức bên trong.

M: Thế không phải thân được làm bằng thực phẩm? Liệu có thể có tâm mà không có thực phẩm?

H: Thân được tạo ra và duy trì bởi thực phẩm. Nếu không có thực phẩm tâm trở nên suy yếu. Nhưng tâm không phải thuần thực phẩm. Có một yếu tố chuyển hóa và yếu tố đó tạo ra tâm trong thân. Yếu tố chuyển hóa đó là gì?

M: Cũng như gỗ tạo ra lửa là thứ không phải gỗ, thân tạo ra tâm là cái không phải thân. Nhưng tâm xuất hiện đối với ai? Ai là người nhận thức những tư duy và cảm thọ - những thứ mà ông gọi là tâm? Có gỗ, có lửa và có cả người thọ dụng lửa. Ai là kẻ thọ dụng tâm? Người thọ dụng cũng do thực phẩm tạo ra, hay không phụ thuộc vào thực phẩm?

H: Người thọ dụng thì không tùy thuộc.

M: Làm sao ông biết? Nói từ kinh nghiệm của ông? Ông không phải thân hay tâm. Vậy làm sao ông biết?

H: Tôi thật sự không biết. Tôi cho là như thế.

M: Chân lý thì thường hằng. Cái thật thì bất biến. Cái gì thì không thật, cái gì thật thì không thay đổi. Thế nào, cái gì ở trong ông không thay đổi? Bao giờ còn có thực phẩm thì còn có thân và tâm. Khi hết thực phẩm, thân xác chết, tâm tan biến. Liệu người quan sát có diệt vong?

H: Tôi đoán là khoong. Nhưng tôi không có bằng chứng.

M: Ông, chính ông là bằng chứng. Ông không có và không thể có bất cứ bằng chứng nào khác. Ông là chính ông, ông biết chính ông, ông yêu quý chính ông. Bất cứ gì tâm làm, tâm đều làm vì lòng yêu quí cái Ta của chính nó. Chính bản chất của cái Ta là tình yêu. Nó được yêu quý, nó yêu quý và rất đáng yêu quý. Chính cái Ta làm cho thân và tâm trở nên thú vị đến như

thế, thân quý đến như thế. Ngay chính sự ân cần chu đáo dành cho tâm và thân cũng từ cái Ta mà ra.

H: Nếu cái Ta không phải thân hay tâm, liệu nó có thể tồn tại mà không có tâm hay thân?

M: Có, nó có thể. Kinh nghiệm thực tế cho thấy cái Ta hiện hữu không tùy thuộc vào thân và tâm. Nó là sự hiện hữu – tánh biết – an lạc. Biết rõ hiện hữu là an lạc.

H: Có thể với ông đó là kinh nghiệm thực tế, nhưng với tôi thì không. Làm sao tôi có thể đạt đến kinh nghiệm đó? Tôi phải theo phương pháp nào, tôi phải tu tập những gì?

M: Để biết ông không phải là thân hay tâm, ông phải thường xuyên quan sát chính ông; sống nhưng đừng để thân tâm tác động, hoàn toàn lìa xa thân tâm như thể ông đã chết. Điều này có nghĩa ông chẳng mong cầu gì nơi tâm hay thân.

H: Nguy hiểm quá!

M: Ta không bảo ông tự sát. Mà ông cũng không thể tự sát. Ông chỉ có thể giết chết thân xác, nhưng ông không thể chấm dứt diễn tiến của tâm, mà ông cũng không thể khai tử con người mà ông nghĩ ông là con người đó. Chỉ cần thản nhiên. Trạng thái hoàn toàn xa lìa, thản nhiên đối với tâm và thân là bằng chứng rõ ràng nhất cho ông thấy rằng ở tận cùng cốt tủy hiện hữu của ông, ông không phải tâm hay thân. Những gì xảy ra đối với tâm và thân có thể là ở ngoài khả năng thay đổi của ông, nhưng ông có thể hoàn toàn chấm dứt tưởng tượng chính ông là thân và tâm. Dù bất cứ gì xảy ra, hãy nhắc nhở ông rằng chỉ có thân và tâm của ông – chứ không phải chính ông – chịu ảnh hưởng. Càng thành khẩn ghi nhớ những gì cần được ghi nhớ, thì ông càng sớm nhận ra chính ông như ông là, vì ký ức sẽ trở thành kinh nghiệm. Chính thành khẩn làm cho hiện hữu hiển lộ. Cái gì được tưởng tượng và ước muốn mãnh liệt đều trở thành hiện thực – sự nguy hiểm là ở đây và đây cũng là lối thoát.

H: Tôi là con người của y khoa, tôi đã từng nghiên cứu rất nhiều. Tôi áp đặt cho chính mình một kỷ luật nghiêm khắc trong sự tập luyện, và nhịn ăn định kỳ; tôi là người ăn chay.

M: Ông sẵn sàng trả giá nào để tìm ra thực tại? Bằng mọi giá?

H: Về lý thuyết thì tôi sẵn sàng trả bằng mọi giá, nhưng trong đời sống thực tế tôi vẫn thường bị thôi thúc hành xử theo những cách xen vào giữa tôi và thực tại. Tôi bị lòng ham muốn cuốn đi.

M: Hãy gia tăng và mở rộng những ham muốn của ông cho đến khi thực tại mới thỏa mãn được chúng. Sự sai lầm không phải là lòng ham muốn, mà là sự nông cạn và hẹp hòi của nó. Ham muốn là tận tình dâng hiến. Bằng mọi cách hãy tận tình dâng hiến cho trái tim chơn thật, vô biên và vĩnh cửu của hiện hữu. Hãy chuyển hóa lòng ham muốn thành tình yêu. Tất cả những gì ông mong muốn là hạnh phúc. Tất cả những ham muốn của ông, dù là gì đi nữa, đều là những thể hiện sự mong cầu hạnh phúc của ông. Một cách căn bản nhất, ông ước muốn chính ông được tốt lành.

H: Tôi biết rằng tôi không nên…

M: Hãy khoan! Ai bảo ông rằng ông không nên? Tại sao mong muốn hạnh phúc là điều sai trái?

H: Cái Ta phải ra đi, tôi biết.

M: Nhưng cái Ta vẫn có đó. Những ham muốn của ông vẫn có đó. Lòng mong cầu hạnh phúc của ông có đó. Vì sao thế? Vì ông yêu quý chính ông. Bằng mọi cách hãy yêu quý chính ông – một cách sáng suốt. Chỉ có yêu quý chính mình một cách mù quáng mới sai lầm, vì như thế sẽ làm ông đau khổ. Hãy yêu chính ông một cách sáng suốt. Hưởng lạc lẫn khổ hạnh đều có cùng một mục đích: làm cho ông hạnh phúc. Hưởng lạc là con đường mù quáng, khổ hạnh là con đường sáng suốt.

H: Thế nào là khổ hạnh?

M: Không lập lại một kinh nghiệm đã trải qua là khổ hạnh. Tránh làm những gì không cần thiết là khổ hạnh. Không mong chờ lạc thú hay đau khổ là khổ hạnh. Duy trì mọi thứ thường xuyên ổn định là khổ hạnh. Tự thân ham muốn thì chẳng có gì là sai lầm. Chính cuộc đời là sự thôi thúc trưởng thành trong kiến thức và kinh nghiệm.

Chính những sự lựa chọn của ông là sai lầm. Tưởng tượng rằng một vài thứ cỏn con – ăn uống, tình dục, quyền thế, danh vọng – sẽ làm ông hạnh phúc là tự lừa dối chính ông. Chỉ có cái vô biên và sâu thẳm như cái Ta thật của ông mới đem lại cho ông hạnh phúc thật sự và lâu bền.

H: Một cách căn bản, không có gì sai khi ham muốn là sự thể hiện lòng yêu quí cái Ta, nhưng làm thế nào để chế ngự ham muốn?

M: Hãy sống cuộc sống của ông một cách trí tuệ, với tất cả chú ý về cái Ta sâu kín nhất của ông luôn luôn ở trong tâm. Xét cho cùng, ông thật sự muốn gì? Không phải sự toàn hảo, vì chính ông đã toàn hảo. Cái ông tìm kiếm, thể hiện trong hành động, là cái mà ông là. Vì mục đích đó nên ông có thân và tâm. Hãy tiếp nhận chúng và bắt chúng phục vụ ông.

H: Ai là người điều khiển ở đây? Ai là người nhận thân-tâm?

M: Cái tâm đã được thanh tẩy là tôi tớ trung thành của cái Ta. Nó đảm nhận các công cụ, trong cũng như ngoài, và dùng các công cụ đó để phục vụ mục đích của chúng.

H: Mục đích của chúng là gì?

M: Cái Ta có tính cách vũ trụ và mục đích của nó cũng có tính cách vũ trụ. Không hề có gì là cá nhân về cái Ta. Sống một cuộc sống ngăn nắp, nhưng đừng biến nó thành cứu cánh. Nó phải là điểm khởi đầu cho một sự dấn thân cao cả.

H: Theo ông tôi có nên đến Ấn Độ thường xuyên?

M: Nếu thành tâm thì ông chẳng cần bôn ba đây đó. Ông là chính ông ở bất cứ đâu có ông, và ông tạo ra thời tiết của chính ông. Đi lại và vận chuyển không cho ông sự giải thoát. Ông không phải là thân xác, kéo lê thân xác từ nơi này đến nơi khác chẳng đưa ông đến đâu. Tâm ông hoàn toàn tự do ngao du ba cõi – hãy tận dụng tâm ông.

H: Nếu tôi tự do, vì sao tôi lại ở trong thân xác?

M: Ông không ở trong thân xác, thân xác ở trong ông! Tâm ở trong ông. Chúng xảy ra với ông. Chúng có đó vì ông thấy chúng thích thú. Bản tánh của chính ông có khả năng vô biên để thọ dụng. Nó đầy những sự thích thú và cảm xúc. Nó soi sáng tất cả những gì xuất hiện trong tiêu điểm của tánh biết, không loại trừ bất cứ gì. Nó không hề biết đến sự độc ác hay xấu xa; nó hy vọng, tin tưởng, và yêu thương. Những người như ông rằng vì không nhận ra cái Ta thật của chính mình, ông không thấy được biết bao nhiêu điều khác. Ông không phải là thân hay tâm, không phải là nhiên liệu hay lửa. Chúng xuất hiện và biến mất theo quy luật của riêng chúng.

Cái ông là – cái Ta thật của ông – hãy yêu quý nó, và bất cứ gì ông làm, hãy làm cho hạnh phúc của chính ông. Tìm ra nó, biết nó, và yêu quý nó là sự thôi thúc căn bản của ông. Từ vô thủy, ông đã yêu quý ông, nhưng ông chưa bao giờ yêu quý ông một cách sáng suốt. Hãy dùng thân và tâm ông một cách sáng suốt để phục vụ cái Ta, tất cả chỉ có thế. Hãy thành thật với cái Ta của chính ông, yêu quý cái Ta của ông một cách tuyệt đối. Đừng giả vờ yêu thương người khác như yêu quý chính ông. Chỉ khi nào ông đã nhận ra rằng họ là một với chính ông thì lúc đó ông mới yêu quý họ. Đừng giả vờ là cái mà ông không phải, đừng từ chối cái mà ông *là*. Tình yêu tha nhân của ông là kết quả - chứ không phải nguyên nhân – của sự biết chính mình. Nếu khôn giác ngộ chính mình thì chẳng có công hạnh nào là công chính. Bao giờ ông biết – không còn một nghi hoặc – rằng chỉ có một giòng sống chảy xuyên suốt tất cả, và ông chính là giòng sống đó thì ông sẽ yêu thương tất cả một cách tự nhiên và tự sinh khởi. Khi nhận ra được chiều sâu và lòng viên mãn của sự yêu quý chính ông thì ông hiểu rằng mỗi một sinh vật

và toàn thể vũ trụ đều được dung nhiếp trong cảm xúc của ông. Nhưng khi ông thấy bất cứ gì cũng tách biệt với ông thì ông không thể yêu quý nó, vì ông sợ nó. Sự xa lạ gây nên sợ hãi, và sợ hãi đào sâu thêm sự xa lạ. Đó là một cái vòng luẩn quẩn. Chỉ có sự giác ngộ chính mình mới có thể phá vỡ nó. Hãy thực hiện điều này một cách kiên quyết.

***

47. Quan sát tâm ông

Hỏi: Trong khi tìm kiếm cái thiết yếu một người nhận ra ngay mình không đủ khả năng, và thấy cần phải có người hướng dẫn hay một đạo sư. Điều này hàm ý một hình thức kỷ luật nào đó vì người môn đồ được mong đợi phải tin tưởng người hướng dẫn, và hoàn toàn làm theo sự khuyên bảo và chỉ giáo của người đó. Tuy nhiên những thúc bách và sức ép của xã hội quá lớn, những ham muốn và lo sợ cá nhân quá mạnh, nên yếu tố cần thiết cho sự tuân hành – tức là sự hồn nhiên của tâm và ý chí – không thể sẵn sàng. Làm thế nào để tạo được sự quân bình giữa sự cần thiết phải có một đạo sư, và sự khó khăn trong việc tuân theo vị đạo sư một cách hoàn toàn?

Maharaj: Cái gì được làm dưới sức ép của xã hội và hoàn cảnh thì không quan trọng lắm, vì nó gần như máy móc, và thuần phản ứng đối với các tác động. Chỉ cần điềm nhiên quan sát chính mình để tự tách ly với những gì đang xảy ra là đủ. Những hành động không chú ý, vô minh, có thể cộng thêm vào nghiệp của người tạo tác, ngoài ra thì chẳng có gì quan trọng. Vị đạo sư chỉ yêu cầu một điều duy nhất: sự trong sáng và tính mãnh liệt của mục đích, ý thức trách nhiệm với chính mình. Phải đặt câu hỏi về thực thể của thế giới. Xét cho cùng, ai là Đạo sư? Người nào chứng được cảnh giới trong đó không có thế giới mà cũng chẳng có ý tưởng về thế giới thì người đó là Vô Thượng Sư. Tìm ra vị Đạo sư Vô thượng đó có nghĩa là đạt đến trạng thái trong đó tưởng tượng không còn bị ngộ nhận là thực tại. Xin hiểu cho rằng Đạo sư tiêu biểu cho thực tại, cho chân lý, cho *hiện hữu*. Đạo sư là người hiện thực trong ý nghĩa cao nhất của từ ngữ này. Đạo sư không thể và sẽ không chấp nhận tâm cùng những trò lừa gạt của nó. Đạo sư đến để đưa ông đến với cái thật, đừng mong đợi Đạo sư làm bất cứ gì khác.

Vị Đạo sư theo ý nghĩ của ông – tức là người cho ông kiến thức và chỉ thị - thì không phải là một chân sư. Chân sư là người biết cái thật, bên ngoài sự hào nhoáng của mọi hình tướng. Đối với chân sư thì những câu hỏi của ông về sự tuân hành và kỷ luật đều vô nghĩa, vì trong cái nhìn của

chân sư con người mà ông cho là ông không tồn tại. Những câu hỏi của ông là về một con người không tồn tại. Cái gì tồn tại với ông thì không tồn tại với chân sư. Cái mà ông cho là đương nhiên thì chân sư phủ nhận hoàn toàn. Chân sư muốn ông thấy chính ông như chân sư thấy ông. Lúc đó ông chẳng cần đến một Đạo sư để vâng lời và đi theo, vì ông sẽ vâng lời và đi theo thực tại của chính ông. Hãy nhận ra rằng bất cứ gì ông nghĩ là ông chỉ là một giòng các sự kiện, và trong khi mọi thứ đang diễn ra, đến và đi, thì chỉ có ông hiện hữu – cái bất biến giữa những cái thay đổi, sự tự chứng trong số những suy diễn. Hãy tách cái được quan sát ra khỏi người quan sát, và từ bỏ những nhận dạng sai lầm.

H: Để tìm kiếm thực tại, một người cần phải loại bỏ các chướng ngại. Mặt khác, sự cần thiết phải sinh tồn trong một xã hội nhất định buộc một người phải làm và chịu đựng rất nhiều thứ. Liệu có cần phải bỏ cả nghề nghiệp và địa vị xã hội để tìm thực tại?

M: Cứ hành nghề của ông. Khi nào có chút rảnh rang, hãy nhìn vào trong. Điều quan trọng là đừng bỏ lỡ cơ hội khi nó tự hiện đến. Nếu nhiệt tình ông sẽ tận dụng trọn vẹn thời gian rảnh rỗi của ông. Thế là đủ.

H: Trong sự tìm kiếm cái thiết yếu và loại bỏ những cái không cần thiết, có một lĩnh vực nào cho sinh hoạt sáng tạo không? Chẳng hạn như tôi yêu hội họa. Dành thời gian rảnh rỗi để vẽ tranh có giúp gì cho tôi không?

M: Dù có phải làm bất cứ gì, hãy quan sát tâm ông. Ngoài ra, ông cũng phải có những lúc hoàn toàn an ổn và yên tĩnh bên trong, khi tâm ông hoàn toàn tĩnh lặng. Nếu ông không thấy điều đó thì ông không thấy tất cả. Nếu ông thấy, thì sự im lặng của tâm sẽ hòa tan và hóa giải tất cả những cái khác.

Khó khăn của ông là ông vừa muốn và vừa sợ thực tại. Ông sợ thực tại vì ông không biết nó. Ông cảm thấy an tâm với những cái quen thuộc tức là cái đã biết. Cái không biết thì không chắc chắn, và do đó nguy hiểm. Biết thực tại là ở với thực tại trong sự hài hòa. Trong sự hài hòa thì không có chỗ cho sợ hãi.

Một đứa trẻ biết thân xác của nó, nhưng nó không biết những khác biệt dựa trên thân xác. Nó chỉ biết và vui thích. Xét cho cùng, biết và vui thích là mục đích mà nó được sinh ra. Sự vui thích *hiện hữu* là hình thức đơn giản nhất của lòng yêu quý chính mình, mà sau này phát triển thành lòng yêu quý cái Ta. Hãy là một đứa trẻ mà không có gì xen vào giữa thân xác và cái Ta. Khi tiếng huyên náo không ngớt của đời sống tâm linh vắng bặt,

và trong sự im lặng sâu thẳm, cái Ta ngắm nhìn thân xác. Đứa trẻ cũng giống như một tờ giấy trắng trên đó chưa viết gì. Hãy là đứa trẻ thơ đó, thay vì cứ loay hoay tìm cách là thế này hay thế nọ; hãy vui sướng *hiện hữu*. Ông sẽ là nhân chứng hoàn toàn tỉnh thức về phạm trù ý thức. Nhưng đừng để cảm thọ và ý nghĩ nào xen vào giữa ông và phạm trù.

H: Bằng lòng với sự hiện hữu thuần túy thì có vẻ như là một cách vị kỷ nhất để giết thời gian.

M: Một cách vị kỷ xứng đáng nhất! Bằng mọi cách hãy vị kỷ, hãy từ bỏ tất cả ngoại trừ cái Ta. Khi chỉ yêu cái Ta và ngoài ra không còn gì khác thì ông siêu vượt cái vị kỷ và vô vị kỷ. Mọi khác biệt không còn ý nghĩa. Tình yêu cái một và tình yêu tất cả hòa nhập với nhau trong tình yêu, thuần túy và chân phương, không dành riêng cho ai và cũng không từ chối một ai. Hãy ở trong tình yêu đó, đi sâu hơn nữa vào trong nó, tìm hiểu chính ông và yêu sự tìm hiểu thì không những ông giải quyết mọi phiền trược của riêng ông mà còn tất cả mọi phiền trược của nhân loại. Ông sẽ biết phải làm gì. Đừng đặt những câu hỏi thiển cận, hãy chuyên tâm vào những cái căn bản, gốc gác sự hiện hữu của ông.

H: Có cách nào để tôi tăng tiến nhanh chóng trong sự nghiệp giác ngộ chính mình?

M: Dĩ nhiên là có.

H: Ai sẽ thực hiện sự tăng tiến này? Liệu ông sẽ làm điều đó giúp tôi?

M: Sự tăng tiến chẳng cần đến ông mà cũng không cần đến Ta. Nó sẽ tự xảy ra.

H: Việc tôi đến đây đã chứng tỏ điều đó. Có phải sự tăng tiến này là do thân cận với bậc thánh nhân? Khi rời khỏi đây lần trước, tôi hy vọng sẽ trở lại. Và tôi đã trở lại! Bây giờ tôi lại tiếc rằng mình chẳng còn bao lâu nữa phải trở về Anh.

M: Ông giống như một đứa trẻ sơ sinh. Trước khi được sinh ra nó đã có, nhưng nó không biết sự hiện hữu của chính nó. Khi nó được sinh ra thì một thế giới xuất hiện trong nó, cùng với ý thức về sự hiện hữu. Và bây giờ ông phải lớn lên trong ý thức, tất cả chỉ có thế. Đứa trẻ đó là ông vua của thế giới – khi lớn lên nó sẽ cai quản vương quốc của nó. Thử tưởng tượng khi còn thơ ấu nó bị một cơn bạo bệnh, nhưng được một thầy thuốc chữa khỏi. Liệu vị ấu vương này có được vương quốc là nhờ người thầy thuốc? Người thầy thuốc có thể chỉ là một trong những yếu tố góp phần. Còn rất nhiều yếu tố khác; tất cả đã góp phần. Nhưng yếu tố chính, yếu tố quyết định vẫn

là sự sinh ra làm con một ông vua. Tương tự như thế, vị Đạo sư có thể trợ lực. Nhưng điều chính yếu là thực tại sẵn có bên trong. Thực tại sẽ tự khẳng định chính nó. Việc ông đến đây chắc chắn đã giúp ích ông. Đó không phải điều duy nhất sẽ giúp ông. Cái chính yếu là sự hiện hữu của ông. Sự tha thiết của ông đã chứng minh điều đó.

H: Theo đuổi một nghề nghiệp có phủ nhận sự tha thiết của tôi?

M: Ta đã bảo ông rồi. Chừng nào ông còn dành cho mình thật nhiều lúc an ổn thì ông vẫn có thể an toàn hành nghề cao quý của ông. Những lúc tĩnh lặng bên trong này chắc chắn sẽ hủy diệt mọi chướng ngại. Đừng hoài nghi sự hiệu nghiệm của nó. Cứ thử xem.

H: Tôi đã thử rồi!

M: Nhưng chưa bao giờ tin tưởng, chưa bao giờ kiên quyết. Nếu tin tưởng và kiên quyết thì ông đã không hỏi những câu như thế. Ông hỏi vì ông không tự tin. Ông không tự tin vì chẳng bao giờ ông chú ý đến chính ông, mà chỉ chú ý đến những kinh nghiệm của ông. Hãy quan tâm với chính ông ngoài mọi kinh nghiệm, hãy ở với chính ông, yêu quý chính ông; sự an toàn tối hậu chỉ được tìm thấy trong sự biết rõ chính mình. Điều quan trọng là sự tha thiết. Hãy thành thật với chính ông thì không có gì phản bội được ông. Đức hạnh và quyền năng chỉ là những đồng xu giả cho trẻ con chơi. Chúng hữu ích trong thế giới, nhưng không đem ông ra ngoài thế giới. Để đi ra ngoài, ông cần sự tỉnh thức bất động, sự chú ý trong im lặng.

H: Thể xác của một người lúc đó sẽ như thế nào?

M: Bao giờ còn khỏe mạnh thì ông còn sống.

H: Cuộc sống bất động bên trong này không ảnh hưởng đến sức khỏe?

M: Thân xác ông chỉ là thực phẩm chuyển hóa. Thức ăn của ông thế nào, thô hay tế, thì sức khỏe của ông thế ấy.

H: Chuyện gì sẽ xảy ra với bản năng tình dục? Làm sao có thể tiết chế được nó?

M: Tình dục chỉ là một thói quen được huân tập. Vượt ra khỏi nó. Chừng nào còn chú trọng đến thân xác thì ông còn ở trong sự kiềm tỏa của ăn uống và tình dục, sợ hãi và cái chết. Hãy tìm ra chính ông và giải thoát.

***

48. Biết là tự do

Hỏi: Tôi ở tịnh xá Sri Ramanashram đến. Tôi tu tập ở đó bảy tháng nay.

Maharaj: Lúc ở tịnh xá, ông đã thực hành những gì?

H: Tôi cố gắng tập trung vào câu "Ta là ai?"

M: Ông thực hành như thế nào? Niệm thành tiếng?

H: Vào những lúc rảnh rỗi trong ngày. Có khi tôi niệm thành tiếng "Ta là ai?" "Ta là, nhưng Ta là ai?" hoặc có khi tôi niệm thầm trong tâm. Thỉnh thoảng tôi vẫn có những cảm xúc dễ chịu, hoặc thể nhập vào những trạng thái an lạc trong tĩnh lặng. Về tổng thể, tôi tìm cách im lặng và cảm nhận, thay vì cố tìm kiếm kinh nghiệm.

M: Ông đã thật sự chứng nghiệm những gì khi ở trong chánh định?

H: Một cảm giác tĩnh lặng bên trong, an ổn và im lặng.

M: Thế ông có để ý thấy ông trở nên vô thức?

H: Có, thỉnh thoảng và tình trạng vô thức chỉ xảy ra rất ngắn. Ngoài ra, tôi ở trong trạng thái tĩnh lặng, bên ngoài lẫn bên trong.

M: Đó là loại tĩnh lặng gì? Một trạng thái giống như ngủ sâu những luôn biết, trạng thái ngủ tỉnh thức?

H: Vâng, ngủ tỉnh thức – Jagrit-Sushypti.

M: Điều chính yếu là không còn những cảm xúc tiêu cực – tham ái, lo sợ, vân vân, "sáu kẻ thù" của tâm. Một khi tâm không còn những cảm xúc như thế, những gì còn lại sẽ đến một cách dễ dàng. Cũng như quần áo ngâm trong nước xà phòng sẽ trở nên sạch thì tâm sẽ được thanh tẩy trong giòng cảm xúc thanh tịnh.

Khi ngồi tĩnh lặng và quan sát chính ông, đủ mọi thứ sẽ nổi lên trên bề mặt. Đừng động đến chúng, đừng phản ứng lại chúng; chúng tự đến và tự đi. Điều quan trọng nhất vẫn là sự tỉnh thức, hoàn toàn biết rõ chính Ta, hay đúng hơn là tâm ta.

H: Ông nói "chính ta" có nghĩa là cái ta hằng ngày?

M: Phải, con người, chỉ con người mới có thể quan sát được từ bên ngoài. Người quan sát ở bên ngoài sự quan sát. Cái có thể quan sát được thì không phải là cái Ta thật.

H: Bằng cách lùi lại liên tục, tôi luôn luôn có thể quan sát người quan sát.

M: Ông chỉ có thể quan sát sự quan sát, nhưng ông không thể quan sát người quan sát. Ông biết ông là người quan sát tối hậu bằng trực giác, chứ không phải thông qua một tiến trình lý luận dựa vào sự quan sát. Ông là cái ông là, nhưng ông chỉ biết cái mà ông không là. Cái Ta được biết như sự hiện hữu, cái không phải là Ta được biết như cái nhất thời. Nhưng trong thực tế tất cả đều ở trong tâm. Cái được quan sát, sự quan sát và người quan sát đều là những cơ cấu của tâm. Chỉ riêng cái Ta *hiện hữu*.

H: Tại sao tâm lại tạo ra những phân chia này?

M: Phân chia và phân biệt hóa đều thuộc về bản chất của tâm. Chẳng có gì tai hại trong sự phân chia. Nhưng sự tách biệt đi ngược lại với thực tế. Sự vật và con người khác nhau, nhưng không tách biệt nhau. Thiên nhiên là một, thực tại là một. Có những sự trái ngược nhưng không có sự chống đối.

H: Tôi nhận thấy về bản chất, tôi rất hiếu động. Ở đây tôi được khuyên là tránh hoạt động. Càng tìm cách bất động thì sự thôi thúc phải làm một cái gì đó lại càng trở nên mãnh liệt hơn. Điều này không những làm tôi hiếu động bên ngoài, mà còn khiến tôi giằng co xung đột bên trong để là cái, mà theo bản chất, không phải là tôi. Có phương cách nào đối trị sự thôi thúc phải làm một việc gì đó?

M: Giữa làm việc và thuần hoạt động có một sự khác biệt. Toàn thể giới tự nhiên làm việc. Làm việc là tự nhiên, tự nhiên là làm việc. Trái lại, hoạt động dựa vào ước muốn và lo sợ, dựa vào sự mong muốn chiếm hữu và hưởng thụ, dựa vào nỗi lo sợ bị đau đớn và diệt vong. Làm việc là bởi tất cả cho tất cả, còn hoạt động là bởi chính mình và cho chính mình.

H: Có sự đối trị nào cho hoạt động?

M: Chỉ cần quan sát nó, và nó sẽ tự chấm dứt. Hãy vận dụng mọi cơ hội để tự nhắc nhớ rằng ông đang bị ràng buộc, rằng bất cứ gì xảy ra cho ông là vì có sự tồn tại thân xác của ông. Ước muốn, sợ hãi, phiền trược, sự vui sướng không thể xảy ra nếu không có ông để chúng xảy ra. Do đó, bất cứ gì xảy ra đều nhắm (*point*) vào sự tồn tại của ông như là một trung tâm nhận thức. Đừng bận tâm đến những vật nhắm (*pointers*), mà biết rõ chúng nhắm vào cái gì. Điều này rất đơn giản, nhưng cần phải thực hành. Điều quan trọng là sự kiên trì mà ông cần phải có để tiếp tục quay lại với chính ông.

H: Tôi vẫn thường rơi vào những trạng thái kỳ lạ của sự mất hút sâu thẳm trong chính mình, nhưng rất bất chợt và thoáng qua. Tôi không cho rằng mình có thể kiểm soát được những trạng thái như thế.

M: Thân là một vật thể và cần thời gian để thay đổi. Tâm chỉ là một tập hợp những thói quen tâm lý, cung cách tư duy và cảm thọ. Muốn thay đổi chúng thì phải đem chúng lên trên mặt và tìm hiểu. Điều này cũng cần đến thời gian. Chỉ cần cương quyết và kiên trì, những gì còn lại sẽ tự giải quyết.

H: Tôi hầu như biết rất rõ những gì cần phải làm, nhưng lại cảm thấy buồn chán rồi đi tìm sự bầu bạn với người khác, mà như thế thì uổng phí thời gian đáng lẽ ra phải dành cho sự độc cư và thiền định.

M: Cứ làm bất cứ gì ông thích. Đừng hành hạ chính ông! Bạo lực sẽ làm ông tàn nhẫn và chai đá. Đừng chống lại những gì ông cho là chướng ngại trên đường ông đi. Chỉ chú ý đến chúng, quan sát và tìm hiểu. Cứ để mọi chuyện xảy ra, dù tốt hay xấu. Nhưng đừng để những gì xảy ra nhận chìm ông.

H: Mục đích của sự thường xuyên nhắc nhớ chính mình là người quan sát là gì?

M: Tâm phải biết rằng bên ngoài cái tâm biến đổi là hậu cảnh của tánh biết bất biến. Tâm phải biết cái Ta thật, tôn trọng cái Ta thật, và chấm dứt che lấp cái Ta thật, như mặt trăng che lấp mặt trời trong thời gian nhật thực. Chỉ cần nhận ra rằng cái có thể quan sát được, kinh nghiệm được thì không thể là ông, hay ràng buộc được ông. Đừng để ý đến những gì không phải là ông.

H: Muốn làm những gì ông nói tôi phải thường xuyên biết.

M: Biết là tỉnh thức. Không biết có nghĩa là ngủ. Dù sao thì ông vẫn biết mà không cần phải cố gắng để biết. Điều ông cần là biết ông biết. Biết một cách chủ động và có ý thức, hãy mở rộng và đào sâu phạm trù của tánh biết. Ông luôn luôn có ý thức về tâm, nhưng ông không biết chính ông đang ý thức.

H: Theo chỗ tôi hiểu, ông minh định những ý nghĩa riêng biệt cho các từ ngữ "tâm", "ý thức", và "tánh biết".

M: Hãy nhìn sự việc như thế này. Tâm không ngừng tạo ra ý nghĩ, ngay cả những khi ông không để ý đến chúng. Khi ông biết những gì đang diễn ra trong tâm, ông gọi đó là ý thức. Đây là trạng thái thức của ông – ý thức của ông di chuyển từ cảm thọ này sang cảm thọ khác, từ nhận thức này sang nhận thức khác, từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác trong một chuỗi diễn biến bất tận. Rồi đến tánh biết, tức là trực giác về toàn thể ý thức, tổng thể của tâm. Tâm cũng giống như một giòng sông, chảy không ngừng trong lòng thân xác; ông đồng hóa chính mình, trong một khoảnh khắc, với một gợn sóng riêng biệt nào đó, và gọi nó là: "ý nghĩ của tôi". Tất cả những gì ông ý thức chính là tâm ông; tánh biết là sự biết rõ ý thức như một tổng thể.

H: Mọi người đều có ý thức, nhưng không phải ai cũng biết.

M: Đừng nói: "Mọi người đều có ý thức," mà nói: "Có ý thức," trong đó mọi cái xuất hiện và biến mất. Tâm của chúng ta chỉ là những đợt sóng trong đại dương ý thức. Là sóng thì chúng đến và đi. Là đại dương thì chúng bao là và vĩnh cửu. Hãy biết rõ chính ông là đại dương bao la và

vĩnh cửu, cội nguồn của mọi sự sống. Dĩ nhiên những gì Ta nói chỉ là ẩn dụ. Thực tại ở ngoài mọi mô tả. Ông chỉ có thể biết nó bằng cách *là* nó.

H: Liệu sự tìm kiếm thực tại có đáng để chuốc lấy phiền trược?

M: Không có thực tại thì tất cả đều là phiền trược. Nếu muốn sống một cách lành mạnh, sáng tạo vui sướng, và giầu có vô tận để chia sẻ thì hãy tìm cái ông là.

Trong khi tâm ở trong thân, và ý thức ở trong tâm, thì tánh biết hoàn toàn tự do. Thân có những đòi hỏi của thân, tâm có những đau khổ và lạc thú của tâm. Tánh biết thì vô tư và bất di bất dịch. Tánh biết thì linh hoạt, tĩnh lặng, an lạc, tỉnh thức và vô ưu, vô tham ái và vô úy. Hãy quán nó là chính sự hiện hữu đích thực của ông, và tìm cách là nó trong cuộc sống hàng ngày, rồi ông sẽ nhận ra tánh biết trong sự viên mãn của nó.

Tâm chú ý đến những gì xảy ra, còn tánh biết chú ý đến tâm. Đứa trẻ mải mê với món đồ chơi, bà mẹ chăm chú nhìn đứa con, mà không nhìn món đồ chơi.

Bằng cách quan sát không mệt mỏi, Ta trở nên hoàn toàn rỗng rang, và với sự rỗng rang đó tất cả đã trở lại với Ta, ngoại trừ tâm. Ta nhận ra mình đã đánh mất tâm vĩnh viễn.

H: Trong lúc đang nói chuyện với chúng tôi như bây giờ, ông vô thức?

M: Ta không ý thức mà cũng chẳng vô thức. Ta ở ngoài tâm cùng với vô số những trạng thái và điều kiện của nó. Mọi khác biệt đều do tâm tạo ra và chỉ áp dụng cho tâm. Ta là tự thân của Ý thức thuần túy, tánh biết nguyên vẹn của tất cả những gì hiện hữu. Ta ở trong trạng thái thật hơn trạng thái của ông. Ta không hề bị rối trí bởi những khác biệt và phân chia mà những khác biệt và phân chia đó cấu thành một con người. Bao giờ thân xác này còn thì nó vẫn có những nhu cầu như mọi thân xác khác, nhưng diễn tiến tâm lý của Ta đã chấm dứt.

H: Nhưng ông hành sử như một người suy nghĩ.

M: Tại sao lại không? Nhưng sự suy nghĩ của Ta, cũng như sự tiêu hóa, thì vô thức và có chủ đích.

H: Nếu sự suy nghĩ của ông là vô thức, làm sao ông biết điều ông suy nghĩ là đúng?

M: Khi không còn bị tham ái hay lo sợ ngăn trở thì cái gì có thể làm cho suy nghĩ sai lầm? Một khi đã biết rõ chính Ta và Ta có nghĩa là gì thì Ta không cần phải luôn luôn kiểm soát lại mình. Một khi biết rõ đồng hồ của ông luôn luôn chính xác, ông có do dự mỗi lần nhìn nó xem giờ.

H: Như ngay lúc này, ai nói nếu không phải là tâm?

M: Cái nghe câu hỏi, trả lời câu hỏi.

H: Nhưng là ai?

M: Không phải ai, mà cái. Dù Ta có vẻ là một người theo cái nhìn của ông, nhưng Ta không phải là con người theo nghĩa ông hiểu từ ngữ này. Ta là đại dương bao la của ý thức trong đó mọi cái xảy ra. Ta ở ngoài mọi sự tồn tại và nhận thức, Ta là sự an lạc thuần túy của hiện hữu. Ta không cảm thấy tách biệt với bất cứ gì, do đó Ta là tất cả. Không cái gì là Ta, vì vậy Ta không là cái gì cả.

Năng lượng duy nhất – làm cho lửa cháy, nước chảy, hạt giống nảy mầm và cây mọc – làm cho Ta trả lời các câu hỏi. Không có gì thuộc về con người là Ta dù cho ngôn ngữ và cách nói có vẻ như thuộc về con người. Con người là một tập hợp những mô thức của tham ái, ý nghĩ và hành động đưa đến hậu quả. Không có một mô thức như thế trong trường hợp của Ta. Ta không còn tham ái hay lo sợ thì làm sao có thể có một mô thức?

H: Nhưng ông không thể tránh khỏi cái chết?

M: Sự sống sẽ thoát ra, thân xác sẽ chết, nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến Ta. Ta siêu vượt không gian và thời gian, không do tạo tác mà có và cũng không tạo tác, nhưng lại là chính cội nguồn của sự tồn tại.

H: Tôi xin phép hỏi ông đã đạt đến điều kiện hiện nay của ông như thế nào?

M: Tôn sư bảo Ta luôn luôn bám chặt vào ý thức "Ta hiện hữu" không được lơi lỏng dù chỉ trong giây lát. Ta cố gắng làm theo lời Tôn sư, và trong một thời gian tương đối ngắn Ta nhận ra trong chính Ta chân lý của sự chỉ giáo. Tất cả những gì Ta làm là thường xuyên nhớ nghĩ đến sự chỉ giáo, vẻ mặt và lời nói của Tôn sư. Quá trình này đã đoạn diệt tâm; trong sự tĩnh lặng của tâm, Ta đã thấy chính Ta như Ta *là* – giải thoát.

H: Sự giác ngộ của ông là hốt nhiên hay lâu dần mà có?

M: Không phải cả hai. Ông là cái ông *là*, không do thời gian mà có. Chính tâm nhận ra cái đó khi nó đã loại trừ tất cả tham ái và lo sợ.

H: Ngay cả ước muốn giải thoát?

M: Ước muốn đoạn trừ tất cả ước muốn là một ước muốn lạ lùng nhất, cũng như sự sợ hãi lo sợ là sự sợ hãi kỳ lạ nhất. Một cái không cho ông nắm bắt, và một cái không cho ông bỏ chạy. Ông có thể sử dụng cùng ngôn từ, nhưng trạng thái thì không giống nhau. Người đi tìm sự giải thoát thì không còn vướng mắc trong ước muốn, người ấy đi ngược với ước muốn,

mà không đi cùng. Một sự mong muốn giải thoát chung chung mới chỉ là bước đầu, tìm ra phương pháp thích hợp và sử dụng là bước kế tiếp. Người đi tìm chỉ có một mục đích duy nhất trong tầm nhìn: tìm ra sự hiện hữu chân thật của chính mình. Trước các muốn đó là ước muốn đầy tham vọng nhất, vì không gì và không ai có thể thỏa mãn nó; người đi tìm và cái được tìm là một, chỉ riêng sự tìm kiếm mới quan trọng.

H: Sự tìm kiếm rồi sẽ kết thúc nhưng người tìm kiếm vẫn còn.

M: Không phải, người tìm kiếm sẽ biến mất, sự tìm kiếm vẫn còn. Sự tìm kiếm chính là thực tại tối hậu và phi thời.

H: Tìm kiếm có nghĩa là vắng thiếu, mong cầu, không trọn vẹn, và không toàn hảo.

M: Không phải, nó có nghĩa là phủ nhận và từ khước cái không trọn vẹn và cái không toàn hảo. Sự tìm kiếm thực tại chính nó là động thái của thực tại. Về một phương diện, tất cả mọi sự tìm kiếm đều vì hạnh phúc chơn thật, hay hạnh phúc của cái chơn thật. Nhưng ở đây chúng ta muốn nói tìm kiếm là tìm kiếm chính mình, nguồn gốc của ý thức, ánh sáng bên ngoài tâm. Sự tìm kiếm không bao giờ ngừng, vì vậy sự khao khát những cái khác phải chấm dứt thì sự tiến bộ thực sự mới có thể xảy ra.

Một người cần phải hiểu rằng sự tìm kiếm thực tại, hay Thượng đế, hay Đạo sư, và sự tìm kiếm cái Ta là một; khi một cái được tìm ra thì tất cả đều được tìm ra. Khi "Ta hiện hữu", và "Thượng đế hiện hữu" không còn phân biệt được trong tâm ông thì một cái gì đó sẽ xảy ra và ông sẽ biết – không chút nghi hoặc – rằng Thượng đế hiện hữu vì ông hiện hữu, ông hiện hữu vì Thượng đế hiện hữu. Hai là một.

H: Tất cả đều do tiền định, vậy sự tự giác ngộ chính mình có do tiền định? Hay ít ra chúng ta cũng được tự do?

M: Định mệnh chỉ áp dụng cho danh xưng và hình tướng. Nếu ông không phải thân hay tâm thì định mệnh không thể khống chế được ông. Ông hoàn toàn tự do. Cái ly bị điều kiện hóa bởi hình dáng, vật liệu, sự sử dụng, vân vân, nhưng khoảng không trong cái ly thì hoàn toàn tự do. Khoảng không ngẫu nhiên ở trong cái ly chỉ khi nào nó được nhìn trong sự tương quan với cái ly, ngoài ra nó chỉ là khoảng không. Chừng nào còn có thân xác thì ông có vẻ là ở trong thân xác. Nếu không có thân xác thì không phải ông lìa khỏi thân xác, mà ông chỉ *hiện hữu*.

Ngay cả định mệnh cũng chỉ là một ý tưởng. Ngôn từ có thể được sắp xếp với nhau bằng rất nhiều cách. Những phát biểu thì khác nhau, nhưng

liệu chúng có tạo rat hay đổi nào trong thực tế? Không biết bao lý thuyết đã được nghĩ ra để giải thích vạn vật – tất cả đều có vẻ hợp lý, nhưng chẳng lý thuyết nào là đúng thật. Khi lái một chiếc xe, ông bị chi phối bởi các định luật cơ học và hóa học, bước ra khỏi xe ông ở trong ảnh hưởng của các định luật sinh lý và sinh hóa.

H: Thiền là gì và những công năng của nó?

M: Đối với kẻ sơ cơ thì một số hình thức thiền nào đó, hoặc cầu nguyện đều có thể thích hợp. Còn đối với người đi tìm thực tại thì chỉ có một pháp thiền - quyết liệt từ chối chứa chấp ý nghĩ. Vô niệm chính là thiền.

H: Làm thế nào để thực hành?

M: Ông bắt đầu bằng cách để cho các ý nghĩ tuôn chảy và quan sát chúng. Chính sự quan sát làm cho giòng tâm chảy chậm dần rồi hoàn toàn dừng lại. Một khi tâm yên tịnh, hãy duy trì sự yên tịnh đó. Đừng cảm thấy nhàm chán sự an ổn, hãy ở trong nó, và đi sâu hơn vào trong nó.

H: Tôi nghe nói về việc bám giữ vào một ý nghĩ để xua đuổi những ý nghĩ khác. Nhưng làm sao có thể xua đuổi tất cả ý nghĩ? Ý tưởng bám giữ vào một ý nghĩ chính nó cũng là một ý nghĩ.

M: Hãy thử nghiệm cách mới, đừng theo kinh nghiệm quá khứ. Quan sát các ý nghĩ của ông, và quan sát chính ông đang quan sát các ý nghĩ. Trạng thái vô niệm sẽ xảy ra một cách bất ngờ, và ông sẽ nhận ra nó nhờ sự an lạc của nó.

H: Ông không hề bận tâm đến tình hình hiện nay của thế giới? Hãy nhìn những cảnh kinh hoàng ở Đông Hồi[6]. Những cảnh đó không làm ông xúc động hay sao?

M: Ta đọc báo và biết chuyện gì đang xảy ra! Nhưng phản ứng của Ta không giống với phản ứng của ông. Ông tìm kiếm phương cách chữa trị, trong khi Ta quan tâm đến sự ngăn ngừa. Bao giờ còn có nguyên nhân thì chắc chắn phải có hậu quả. Bao giờ con người còn có khuynh hướng phân chia và tách biệt, bao giờ con người còn ích kỷ và gây hấn thì những cảnh như thế sẽ xảy ra. Nếu muốn hòa bình và hòa hợp trên thế giới thì con người phải có hòa bình và hòa hợp trong tâm thức và trái tim. Một sự thay đổi như thế không thể áp đặt, mà phải đến từ bên trong. Những ai ghê tởm chiến tranh thì phải loại trừ chiến tranh ra khỏi thể chế của mình. Nếu không có con người hiếu hòa làm sao ông có thể có một thế giới hòa bình? Bao giờ con người còn như họ là thì thế giới phải như nó là. Ta đang làm

phần mình để tìm cách giúp con người hiểu rằng chính họ là nguyên nhân duy nhất của mọi thống khổ mà họ đang gánh chịu. Theo nghĩa đó, Ta là một kẻ hữu ích. Nhưng cái Ta là trong chính Ta, trạng thái bình thường của Ta thì không thể được diễn tả theo ý thức và sự hữu ích có tính cách xã hội.

Ta có thể nói về nó, dùng đến các ẩn dụ hay ẩn ngôn, nhưng Ta biết rất rõ nó không phải là như thế. Không phải là nó không thể được kinh nghiệm. Nó chính là cái đang kinh nghiệm! Nhưng nó không thể được mô tả theo cách của tâm, nghĩa là phải phân chia và đối đãi để biết.

Thế giới cũng như một tờ giấy, và có một điều gì đó được đánh máy lên đó. Đọc và hiểu ý nghĩa của những gì được đánh máy thay đổi tùy theo từng người đọc; tờ giấy là yếu tố chung, luôn luôn hiện diện, nhưng hầu như không được biết đến. Khi lấy băng mực ra khỏi máy, hành vi đánh máy không để lại dấu vết nào trên mặt giấy. Tâm của Ta cũng thế - những cảm tưởng vẫn tiếp tục xảy ra, nhưng không để lại dấu vết.

H: Vì sao ông ngồi đây tiếp chuyện những người đến gặp ông? Điều gì thúc đẩy ông?

M: Chẳng có gì thúc đẩy. Ông cho rằng Ta phải có một lý do nào đó. Ta không ngồi đây, mà cũng không nói chuyện, chẳng cần phải tìm kiếm nguyên do. Đừng lầm Ta với thân xác. Ta chẳng có việc gì để làm, nhiệm vụ nào để thi hành. Phần đó của Ta – ông có thể gọi là Thượng đế - chăm lo cho thế giới. Thế giới này của ông – cái thế giới rất cần được chăm sóc – đang sống và chuyển động trong tâm ông. Hãy vào sâu trong nó, ông sẽ tìm ra những câu trả lời, và chỉ ở trong đó mà thôi. Ông chờ mong những câu trả lời từ nơi nào khác đến? Liệu có gì tồn tại bên ngoài ý thức của ông?

H: Có thể có cái tồn tại mà chẳng cần tôi biết hay không biết.

M: Sự tồn tại đó là sự tồn tại gì? Liệu hiện hữu có thể tách rời khỏi biết? Tất cả hiện hữu, cũng như tất cả cái biết đều liên quan đến ông. Một vật hiện hữu bởi vì ông biết nó, hoặc trong kinh nghiệm của ông hoặc trong sự hiện hữu của ông. Thân và tâm ông tồn tại chừng nào mà ông còn tin như thế. Ngừng nghĩ rằng chúng là của ông thì chúng biến mất. Bằng mọi cách cứ để thân và tâm ông hành hoạt, nhưng đừng để chúng hạn chế ông. Nếu nhận ra những cái không toàn hảo, cứ tiếp tục chú ý đến chúng; chính sự chú ý của ông đối với chúng sẽ đặt trái tim và tâm thức của ông vào đúng chỗ.

H: Liệu tôi có thể chữa khỏi một căn bệnh hiểm nghèo chỉ bằng cách nhận biết nó?

M: Hãy nhận biết tổng thể của nó, chứ không phải là những triệu chứng bên ngoài. Mọi bệnh tật đều sinh khởi từ tâm. Điều trị tâm trước bằng cách nhận dạng và loại trừ tất cả những ý nghĩ và cảm xúc sai lầm. Tiếp tục sống và làm việc bất kể bệnh tật, đừng bận tâm đến nó. Một khi đã loại trừ được nguyên nhân thì hậu quả chắc chắn sẽ ra đi.

Người ta trở thành cái mà họ tin rằng họ là. Hãy từ bỏ tất cả ý nghĩ về chính ông, và ông sẽ nhận ra ông chính là nhân chứng thuần túy, ở bên ngoài tất cả những gì có thể xảy ra với thân hay tâm.

H: Nếu tôi trở thành bất cứ gì tôi nghĩ chính tôi là, và tôi nghĩ rằng tôi là Thực tại Tối thượng, như thế không phải Thực tại Tối thượng của tôi cũng chỉ là một ý tưởng?

M: Cứ đạt đến trạng thái đó đi, rồi hãy đặt câu hỏi.

***

49. Tâm tạo ra bất an

Hỏi: Nhiều người đến gặp ông để vấn giáo. Làm sao ông biết cách trả lời?

Maharaj: Ta nghe câu hỏi thế nào, thì Ta nghe câu trả lời cũng như thế.

H: Làm sao ông biết câu trả lời của ông là đúng?

M: Một khi đã biết được nguồn gốc thật sự của những câu trả lời, Ta chẳng còn nghi hoặc chúng. Từ cội nguồn thanh tịnh chỉ có nước thanh tịnh chảy ra. Ta không quan tâm đến tham ái và lo sợ của người hỏi. Ta tương hợp với sự kiện thực tế, chứ không tương hợp với ý tưởng. Con người nhận danh xưng và hình tướng làm chính mình, còn Ta không nhận cái gì là chính Ta. Nếu Ta nghĩ mình là thân xác được biết đến bằng một danh xưng thì Ta không thể trả lời các câu hỏi của ông. Nếu Ta xem ông đơn thuần chỉ là một thân xác thì những câu trả lời của Ta chẳng lợi lạc gì cho ông. Không một chân sư nào chìm đắm trong ý tưởng. Chân sư thấy sự vật như chính chúng là và chỉ cho người khác thấy chúng như chính chúng là. Nếu ông cho người hỏi là cái mà họ nghĩ họ là thì ông chỉ làm hại họ, như họ vẫn luôn luôn tự làm hại họ một cách nghiêm trọng. Nhưng nếu ông thấy họ như họ là trong thực tế, thì điều này sẽ đem lại cho họ rất nhiều lợi lạc. Nếu họ nhờ ông chỉ cho họ cái gì phải làm, phương pháp nào phải thực hành, lối sống nào phải theo, thì chỉ trả lời: Chẳng làm gì cả, mà chỉ *hiện hữu*. Trong hiện hữu tất cả xảy ra một cách tự nhiên.

H: Tôi nhận thấy trong khi nói, ông dùng các tự ngữ "tự nhiên" và "ngẫu nhiên" một cách lẫn lộn. Theo tôi ý nghĩa của hai từ ngữ này khác

nhau rất xa. Cái tự nhiên thì ổn định, và theo luật, một người có thể tin tưởng cái tự nhiên. Cái ngẫu nhiên thì hỗn loạn, bất ngờ và không thể đoán trước. Một người có thể giải thích một cách hợp lý rằng mọi cái đều tự nhiên, và theo luật thiên nhiên, còn bảo rằng mọi cái đều là ngẫu nhiên, không có nguyên nhân thì chắc chắn là cường điệu.

M: Nếu Ta dùng chữ "tự sinh khởi" thay cho "ngẫu nhiên" thì chắc ông vừa ý?

H: Ông có thể dùng chữ "tự sinh khởi" hay "tự nhiên" để đối lại với "ngẫu nhiên". Trong cái ngẫu nhiên có yếu tố bất ổn, và hỗn loạn. Một sự ngẫu nhiên luôn luôn là một sự vi luật, một ngoại lệ, một ngạc nhiên.

M: Thế không phải chính cuộc đời là một chuỗi những ngạc nhiên?

H: Trong tự nhiên có sự hài hòa. Cái ngẫu nhiên là một sự hỗn loạn.

M: Ông nói như một con người, giới hạn trong thời gian và không gian, thu hẹp trong nội dung của một cái thân và một cái tâm. Cái gì thích thì ông gọi là "tự nhiên," cái không thích ông gọi là "ngẫu nhiên".

H: Tôi thích cái tự nhiên, cái tuân theo luật pháp, cái được mong đợi, và tôi sợ cái vi luật, cái mất trật tự, cái bất ngờ, cái vô nghĩa. Cái ngẫu nhiên thì hoàn toàn vô lý. Có thể có những cái gọi là "ngẫu nhiên may mắn" nhưng chúng chỉ chứng tỏ quy luật: không thể có sự sống trong một vũ trụ chỉ có những ngẫu nhiên.

M: Ta nhận thấy có sự hiểu lầm. Ta muốn nói rằng ngẫu nhiên có nghĩa là một cái gì đó mà không một quy luật được biết nào có thể áp dụng đối với nó. Khi bảo rằng mọi thứ đều ngẫu nhiên, không do nhân duyên mà có, Ta chỉ muốn nói rằng các nguyên nhân và quy luật mà theo đó chúng ta vận hành đều ở ngoài sự hiểu biết, và ngay cả sự tưởng tượng của chúng ta. Nếu ông gọi cái mà ông cho là ổn định, hài hòa, có thể đoán biết được là tự nhiên, thì cái gì tuân theo những quy luật cao hơn, và được vận hành bởi những năng lực cao hơn có thể được gọi là tự sinh khởi. Như thế chúng ta có hai sự ổn định tự nhiên: cái thuộc về nhân cách, có thể đoán biết được, và cái phi nhân cách, hay siêu nhân, không thể đoán biết được. Cứ gọi đó là tự nhiên thấp hơn và tự nhiên cao hơn, và quẳng đi từ ngữ ngẫu nhiên. Khi ông trưởng thành trong kiến thức và sự sáng suốt, ranh giới giữa cái tự nhiên thấp hơn và tự nhiên cao hơn dần dần biến mất, nhưng cả hai vẫn còn cho đến khi được thấy là một. Vì, thật là kỳ lạ, mọi cái đều không thể giải thích được!

H: Khoa học giải thích rất nhiều.

M: Khoa học liên quan với danh xưng và hình tướng, khối lượng và chất lượng, mô thức và định luật; nó hoàn toàn đúng trong vị trí của nó. Nhưng cuộc sống phải được sống, không có thời gian để phân tích. Phản ứng phải là tức thời, do đó cái tự sinh khởi và vô thời là thiết yếu. Chúng ta sống và di chuyển trong cái không biết. Cái biết là quá khứ.

H: Tôi chỉ có thể căn cứ vào cái mà tôi nhận thấy tôi là. Tôi là một cá nhân, một con người trong số những con người. Một số người có thể trở nên hội nhập và hòa hợp, còn một số thì không. Có người sống thản nhiên, phản ứng tức thời và chính xác đối với từng tình huống, đánh giá đúng sự cần thiết vào đúng lúc; có người vụng về, sai lầm và thường gây phiền trược cho chính mình. Những người thích ứng để hòa hợp có thể được gọi là tự nhiên, và bị chi phối bởi luật pháp, còn những người không hội nhập thì gây rối và bị chi phối bởi những tình cờ ngẫu nhiên.

M: Ngay chính cái ý tưởng về sự hỗn loạn đã bao hàm ý nghĩa của sự ổn định, có tổ chức và tương quan qua lại. Hỗn loạn và hài hòa – không phải chúng là hai khía cạnh của cùng một trạng thái?

H: Nhưng hình như ông nói rằng tất cả đều hỗn loạn, ngẫu nhiên và không thể đoán trước.

M: Đúng, theo nghĩa không phải tất cả những quy luật của hiện hữu là có thể biết được, và không phải tất cả sự kiện đều có thể đoán trước được. Ông càng hiểu rõ thì vũ trụ càng trở nên mãn nguyện, về mặt cảm xúc lẫn tâm lý. Thực tại thì tốt và đẹp, chúng ta tạo ra sự hỗn loạn.

H: Nếu ông muốn nói chính ý chí tự do của con người tạo ra những cái tình cờ ngẫu nhiên thì tôi đồng ý. Nhưng chúng ta chưa bàn đến ý chí tự do.

M: Sự ổn định của ông là cái cho ông lạc thú, và sự bất ổn là cái cho ông đau khổ.

H: Ông có thể nói như thế, nhưng đừng bảo tôi rằng hai cái là một. Hãy nói với tôi bằng ngôn ngữ của chính tôi – ngôn ngữ của một cá nhân tìm kiếm hạnh phúc. Tôi không muốn bị lừa phỉnh bằng những biện thuyết bất nhị.

M: Điều gì khiến ông tin rằng ông là một cá nhân riêng biệt.

H: Tôi hành xử như một cá nhân. Tôi hành hoạt do chính tôi. Tôi nghĩ đến tôi trước tiên, và mọi cái khác chỉ là tương thuộc với tôi. Nói tóm lại, tôi bận rộn với chính tôi.

M: Tốt, cứ tiếp tục bận rộn với chính ông. Thế ông đến đây về việc gì?

H: Việc làm tôi an tâm và hạnh phúc lâu nay. Phải thú thật là tôi không thành công lắm. Tôi không an ổn mà cũng chẳng hạnh phúc. Vì thế, tôi đến đây. Nơi này mới đối với tôi, còn lý do tôi đến đây thì rất cũ: Tìm kiếm hạnh phúc an ổn, sự an ổn hạnh phúc. Cho đến nay tôi vẫn chưa tìm thấy. Liệu ông có thể giúp tôi?

M: Cái chưa bao giờ mất thì không bao giờ có thể tìm ra. Chính sự tìm kiếm an vui làm cho ông xa lìa sự an vui. Không tìm thì không mất. Căn bệnh rất đơn giản và cách trị liệu cũng đơn giản như thế. Chính tâm ông làm cho ông cảm thấy bất an và bất hạnh. Sự mong chờ khiến ông bất an, ký ức làm cho ông bất hạnh. Đừng dụng tâm sai lầm thì kết quả sẽ tốt đẹp với ông. Ông không cần phải tu sửa tâm, mà chính tâm tự tu sửa miễn là ông buông bỏ tất cả mọi lo âu với quá khứ và tương lai, sống trọn vẹn trong cái *bây giờ*.

H: Nhưng cái bây giờ không có phương vị. Tôi sẽ không là ai cả, không là gì cả!

M: Đúng thế. Vì không là gì cả và không là ai cả nên ông an ổn và hạnh phúc. Ông có thể chứng nghiệm những gì mà ông hỏi. Cứ thử xem.

Nhưng hãy trở lại với cái ngẫu nhiên và cái tự sinh khởi, hay tự nhiên. Ông bảo tự nhiên thì ổn định còn ngẫu nhiên là một dấu hiệu của sự hỗn loạn. Ta phủ nhận sự khác biệt và bảo rằng chúng ta gọi một sự kiện là ngẫu nhiên khi không thể truy tìm những nguyên nhân tạo ra nó. Trong cái tự nhiên không có chỗ cho hỗn loạn. Chỉ trong tâm con người mới có hỗn loạn. Tâm không nắm bắt được cái tổng thể - tầm thấy của nó quá thiển cận. Tâm chỉ thấy những cái manh mún rời rạc và không thể nhận thức toàn thể bức tranh. Cũng như một người nghe tiếng nhưng không hiểu ngôn ngữ của người nói, nên quy kết cho người nói là huyên thuyên vô nghĩa, và hoàn toàn sai lầm. Những gì nghe như một chuỗi âm thanh hỗn loạn với người này thì lại là một bài thơ tuyệt tác đối với người khác.

Vua *Jataka* có lần chiêm bao thấy mình là một kẻ ăn mày. Khi tỉnh giấc vua hỏi Đạo sư *Vasishta*: Ta là một ông vua chiêm bao thấy mình là kẻ ăn mày, hay là một kẻ ăn mày chiêm bao thấy mình làm vua? Vị đạo sư trả lời: Ngài không phải cả hai, mà là cả hai. Ngài là, bởi vì ngài hành xử một cách tương ứng; ngài không là vì điều đó không lâu dài. Liệu ngài có thể mãi mãi là một ông vua hay một kẻ ăn mày? Tất cả đều thay đổi. Ngài là cái không thay đổi. Vậy ngài là cái gì? Vua *Jataka* đáp: Phải, Ta không phải là vua mà cũng chẳng phải là kẻ ăn mày, Ta là nhân chứng vô tư. Vị Đạo sư

bảo: Còn một ảo tưởng cuối cùng – ngài cho mình là người giác ngộ, khác biệt với người thường và cao siêu hơn người thường.

Một lần nữa ông lại đồng hóa mình với tâm, trong trường hợp này là một cái tâm đạo đức và có thể là gương mẫu về mọi phương diện. Bao giờ còn thấy có sự khác biệt dù chỉ là nhỏ nhoi thì ông còn xa lạ với thực tại. Ông đang ở trên bình diện của tâm. Khi nào cái "Ta là chính ta" ra đi, thì cái "Ta là tất cả" đến. Khi cái "Ta là tất cả" đi, cái "Ta là" đến. Khi ngay cả cái "Ta là" ra đi, thì chỉ riêng thực tại *là*, và trong đó mỗi một cái "Ta là" đều được gìn giữ và tôn vinh. Đa dạng nhưng không tách biệt là cái tối hậu mà tâm có thể chạm đến. Bên ngoài cái đó mọi hoạt động chấm dứt, vì trong đó mọi cứu cánh đã đạt được và mọi mục đích đã hoàn thành.

H: Một khi đã đạt được Trạng thái Tối hậu có thể nào chia sẻ nó với người khác?

M: Trạng thái Tối hậu là cái chung, ở đây và bây giờ, trong đó mọi người đều đã chia sẻ. Nó là trạng thái của hiện hữu – biết và thích. Ai mà không thích hiện hữu, hay không biết sự tồn tại của chính mình? Nhưng chúng ta không biết lợi dụng niềm vui sướng vì biết này, chúng ta không vào sâu trong nó và thanh lọc tất cả những gì không thuộc về nó. Công việc tự thanh lọc nội tâm, tẩy uế cái *Psyche* này là vô cùng thiết yếu. Cũng như một hạt bụi lọt vào mắt làm cho mắt sưng lên và xóa nhòa cả thế giới, thì cái ý tưởng sai lầm "Ta là thân-tâm" là nguyên nhân của lòng vị kỷ, và ngăn che vũ trụ. Chống lại với ý thức cho rằng mình là một con người hữu hạn và riêng biệt chỉ là chuyện vô ích, nếu mọi gốc rễ của nó không được đánh bật lên và phơi bày. Lòng vị kỷ bám rễ trong những ý tưởng sai lầm về chính mình. Làm cho tâm trong sáng chính là Yoga.

***

50. Biết rõ chính mình là nhân chứng

Hỏi: Ông có bảo rằng tôi có thể được xét dưới ba phương diện: Nhân – *Vyakti*, Siêu nhân – *VyakTa*, và Phi-nhân – *AvyakTa*. Phi-nhân là vũ trụ và cái "Ta" thật thuần túy; siêu-nhân là ảnh phản chiếu của cái "Ta" thật thuần túy trong ý thức, thành cái "Ta hiện hữu"; nhân – con người – là tổng thể các diễn tiến vật lý và sinh lực. Trong giới hạn nhỏ hẹp của khoảnh khắc hiện tại, cái siêu nhân biết con người – cả trong không gian và thời gian – không phải chỉ một con người, mà là một chuỗi dài những con người được xâu kết với nhau bởi sợi dây nghiệp. Nhân chứng cũng như sự tích lũy của những kinh nghiệm đã được huân tập, nền tảng của ký ức, và sự nối kết –

Sutratma – đều vô cùng thiết yếu. Cá tính con người là do cuộc sống tạo nên và định hình từ kiếp này sang kiếp khác. Vũ trụ ở ngoài mọi danh xưng và hình tướng, bên ngoài ý thức và cá tính; vũ trụ là sự hiện hữu của ý thức vô ngã thuần túy. Tôi lập lại quan điểm của ông có đúng không?

Maharaj: Trên bình diện của tâm thì đúng. Bên ngoài tâm ngôn từ không thể áp dụng.

H: Tôi hiểu được rằng con người chỉ là một cơ cấu tâm lý, một danh từ tập thể để chỉ một tập hợp các ký ức và thói quen. Còn kẻ biết con người, tức là trung tâm nhân chứng, cũng thuộc về tâm?

M: Con người cần một chỗ dựa, một thân xác để đồng hóa với, cũng như mầu sắc cần một bề mặt để xuất hiện trên đó. Hành vi thấy mầu sắc không tùy thuộc mầu sắc – nó luôn luôn như thế đối với mọi mầu sắc. Một người cần có mắt để thấy mầu sắc. Mầu sắc có nhiều nhưng mắt thấy chỉ có một. Phi nhân cũng giống như ánh sáng trong mầu sắc và trong mắt thấy, đơn giản, duy nhất, không thể phân chia và không thể nhận thức được, ngoại trừ qua những thể hiện của nó. Không phải là không thể biết, mà không thể nhận thức được, không thể xác minh, và không thể tách rời. Không phải vật mà cũng không phải tâm, không phải khách quan mà cũng không phải chủ quan; nó là gốc rễ của vật và cội nguồn của ý thức. Vượt ngoài sinh tử, nó là Sự sống dung nhiếp tất cả, và loại trừ tất cả, trong nó sinh tức tử và tử tức sinh.

H: Cái Tuyệt đối hay Sự sống mà ông nói là chơn thật, hay chỉ là một lý thuyết thuần túy để che đậy sự vô minh của con người?

M: Cả hai. Đối với tâm nó là một lý thuyết; trong chính nó thì nó là thực tại. Nó chính là thực tại trong sự loại trừ cái giả một cách tự phát và rốt ráo. Ánh sáng hủy diệt bóng tối bằng chính sự hiện diện của nó, cái tuyệt đối hủy diệt cái tưởng tượng cũng như thế. Thấy được tất cả kiến thức chỉ là một hình thức của vô minh thì chính đó là một động thái của thực tại. Nhân chứng không phải là một con người. Con người xuất hiện khi có một chỗ dựa cho nó – một cơ thể, một thân xác. Trong con người cái tuyệt đối được phản ánh như tánh biết. Thấy biết thuần túy trở nên thấy biết chính mình. Khi có cái Ta, thấy biết cái Ta chính là hành vi nhân chứng. Khi không có cái Ta để chứng kiến thì cũng không có hành vi nhân chứng. Tất cả rất đơn giản, chỉ có sự có mặt của con người là tạo ra phức tạp. Thấy được không có gì là một con người riêng biệt một cách thường hằng thì tất cả trở nên rõ

ràng. Tánh biết – tâm – vật, là một thực tại duy nhất gồm hai phương diện động và tịnh, và ba thuộc tính: Quán tính, năng lượng và sự hòa hợp.

H: Cái gì có trước – ý thức hay tánh biết?

M: Tánh biết trở thành ý thức khi nó có một đối tượng. Đối tượng luôn luôn thay đổi. Trong ý thức có sự chuyển động, còn tự thân tánh biết thì bất khả chuyển động và vô thời, ở đây và bây giờ.

H: Ngay lúc này đau khổ và máu đang đổ ở Đông Hồi. Ông nhìn sự kiện ra sao? Nó xuất hiện như thế nào đối với ông, phản ứng của ông ra sao?

M: Trong ý thức thuần túy không có gì từng xảy ra.

H: Xin vui lòng bước xuống từ những đỉnh cao siêu hình! Nói cho một con người đang đau khổ biết rằng không ai biết đến sự đau khổ của hắn ngoại trừ chính hắn, thì có ích lợi gì? Quy kết mọi chuyện là ảo tưởng là một sỉ nhục cộng thêm vào nỗi đau đớn. Một người *Bengali* ở Đông Hồi là một thực tế và nỗi đau khổ của hắn cũng là một thực tế. Xin đừng phân tích rằng những thực tế đó không tồn tại! Ông đọc báo, ông nghe người ta nói về điều đó. Ông không thể viện dẫn vô minh. Sao, ông có thái độ nào về những gì đang xảy ra?

M: Không có thái độ. Chẳng có gì đang xảy ra.

H: Ngày nào cũng có bạo loạn xảy ra trước mặt ông, người ta chém giết lẫn nhau. Chắc chắn ông không thể bảo rằng chẳng có gì xảy ra và giữ thái độ xa lánh.

M: Ta chưa bao giờ bảo phải xa lánh. Ông có thể thấy Ta xông vào giữa cuộc chém giết để cứu một người nào đó và bị giết chết. Nhưng với Ta không có gì xảy ra.

Thử tưởng tượng một tòa nhà xập xuống. Một số phòng trong đó bị hư hại, một số còn nguyên. Nhưng liệu ông có thể nói rằng khoảng không bị hư hại hay còn nguyên? Chỉ có cấu trúc là bị thiệt hại và những ai tình cờ ở trong đó. Chẳng có gì xảy ra với khoảng không. Tương tự như thế, chẳng có gì xảy ra đối với sự sống khi hình tướng bị hư hoại và danh xưng bị tẩy xóa. Người thợ bạc nấu chảy các món trang sức để làm ra cái mới. Đôi khi món trang sức đẹp bị nấu lẫn với món trang sức xấu, nhưng người thợ bạc vẫn thản nhiên làm việc vì biết vàng chẳng mất đi đâu.

H: Tôi không chống lại cái chết, nhưng cách chết.

M: Cái chết thì tự nhiên, còn cách chết thì do con người gây ra. Phân chia tạo ra sợ hãi và xung đột, mà xung đột lại tạo ra bạo lực. Hãy từ bỏ mọi phân chia do con người tạo ra thì tất cả những kinh hoàng do con

người sát hại lẫn nhau chắc chắn sẽ chấm dứt. Trong thực tại không có sự giết hại và cũng không có sự chết. Cái thật không chết, cái hư giả chưa sống bao giờ. Hãy điều tâm ông ngay thẳng thì tất cả sẽ ngay thẳng. Khi biết được rằng thế giới là một, nhân loại là một ông sẽ hành động một cách thích hợp. Nhưng trước tiên, hãy quan tâm đến cách ông suy nghĩ, cảm thọ và sống. Nếu không có ổn định trong ông, không thể nào có ổn định ngoài thế giới.

Trong thực tại không có gì xảy ra. Trên màn ảnh tâm, định mệnh không ngừng phóng chiếu lên đó những hình ảnh của chính nó, cùng với ký ức của những lần phóng chiếu trước kia, và như thế ảo ảnh không ngừng đổi mới chính nó. Các hình ảnh xuất hiện rồi biến đi – ánh sáng bị ngăn che bởi vô minh. Hãy nhìn thấy ánh sáng và đừng để ý đến hình ảnh.

H: Thật là một cách nhìn chai đá về sự vật! Người ta chém giết lẫn nhau, còn ông ngồi đây nói chuyện phim ảnh.

M: Bằng mọi cách hãy xông vào để được giết, nếu đó là điều ông nghĩ ông phải làm. Hay, thậm chí nhúng tay vào cuộc chém giết, nếu ông cho đó là nhiệm vụ của ông. Nhưng đó không phải là cách chấm dứt sự tàn ác. Tàn ác là sự hôi thối của một cái tâm bệnh hoạn. Hãy tu sửa lại tâm để nó không còn phóng chiếu những hình ảnh méo mó và xấu xa.

H: Tôi hiểu được những gì ông nói, nhưng về cảm xúc thì tôi không thể chấp nhận. Cái nhân sinh quan thuần lý tưởng này làm cho tôi vô cùng ghê tởm. Tôi không thể nào nghĩ rằng chính tôi thường xuyên ở trong trạng thái chiêm bao.

M: Làm sao ông có thể thường xuyên chỉ ở trong một trạng thái được tạo ra bởi một thân xác vô thường? Sự hiểu biết sai lầm dựa vào ý tưởng ông là thân xác. Hãy xem xét cái ý tưởng đó, thấy được những mâu thuẫn nội tại của nó. Hãy nhận ra sự tồn tại hiện nay của ông giống như một trận mưa các đốm sáng, mỗi đốm sáng kéo dài khoảng vài giây, và trận mưa thì chừng vài phút. Chắc chắn cái gì mà sự khởi đầu của nó cũng là sự kết thúc thì không có khoảng giữa. Ông hãy cẩn ngôn. Thực tại không thể là nhất thời. Thực tại là vô thời, và sự vô thời không phải là một khoảng thời gian.

H: Đành rằng thế giới trong đó tôi sống không phải là thế giới thật. Có một thế giới thật nhưng hình ảnh của nó mà tôi thấy thì méo mó. Sự méo mó có thể là do khuyết tật trong tâm hay thân của tôi. Nhưng khi nghe ông nói không hề có thế giới thật mà chỉ có một thế giới mộng huyễn trong tâm tôi, thì tôi không thể chấp nhận. Tôi ước gì có thể tin được rằng tất cả

những nỗi kinh hoàng của cuộc sống là do tôi có một thân xác. Tự sát có thể là một lối thoát.

M: Chừng nào ông còn bận tâm đến ý tưởng – của chính ông hay của người khác – ông còn gặp phiền trược. Nếu ông không để ý đến giáo huấn, kinh điển, hay bất cứ gì được thể hiện bằng ngôn từ, mà lặn thật sâu vào trong ông để tìm chính ông, chỉ riêng điều này sẽ giải quyết tất cả mọi phiền trược của ông, và ông sẽ làm chủ mọi tình huống, vì ông không còn bị khống chế bởi những ý tưởng của ông về tình huống. Để ví dụ, ông gần gũi với một cô gái thật hấp dẫn. Ông khởi sinh ý nghĩ về cô gái và tạo nên một tình huống về tình dục. Một vấn đề phát sinh và ông bắt đầu tìm kiếm sách vở về sự tiết dục, hay hưởng dục. Nếu là trẻ con thì cả ông và cô gái kia có thể trần truồng vui đùa với nhau mà chẳng có chuyện gì xảy ra. Chỉ cần chấm dứt nghĩ rằng ông là thân xác thì mọi vấn đề về tình yêu và tình dục sẽ chẳng còn ý nghĩa. Một khi tất cả những ý thức về sự hữu hạn không còn thì mọi sợ hãi, đau khổ và mong cầu lạc thú đều chấm dứt. Lúc đó chỉ tánh biết còn lại.

***

51. Hãy thản nhiên với đau khổ và lạc thú

Hỏi: Tôi là một người Pháp sinh ra và sống ở Pháp, tôi thực hành *Yoga* trong khoảng mười năm nay.

Maharaj: Sau mười năm thực hành ông có đến gần hơn với mục đích của ông?

H: Gần hơn một chút, có thể là như thế. Đây là một công việc khó khăn, chắc ông cũng biết.

M: Cái Ta thì kề cận và con đường đưa đến nó thật dễ dàng. Tất cả những gì ông cần làm là đừng làm gì cả.

H: Nhưng tôi lại thấy sự tu tập thật khó khăn.

M: Sự tu tập của ông là chỉ *hiện hữu*. Sự làm tự xảy ra. Chỉ chú ý. Đâu là sự khó khăn để nhớ rằng ông hiện hữu? Ông luôn luôn hiện hữu.

H: Ý thức hiện hữu luôn luôn có đó – chẳng có gì nghi hoặc. Nhưng phạm trù của sự chú ý thường bị tràn ngập bởi đủ loại tướng trạng tâm lý – cảm xúc, hình ảnh và ý tưởng. Ý thức hiện hữu thuần túy thường xuyên bị nhiễu loạn xâm chiếm.

M: Ông loại trừ những thứ không cần thiết ra khỏi tâm như thế nào? Ông có những phương cách, phương tiện nào để thanh tẩy tâm?

H: Tận căn bản, con người luôn luôn sợ hãi. Con người sợ chính mình nhất. Tôi có cảm tưởng mình như một kẻ đang ôm một quả bom có thể phát nổ vào bất cứ lúc nào. Hắn không thể tháo gỡ ngòi nổ của quả bom và cũng không thể quẳng nó đi. Hắn vô cùng sợ hãi, và cuống cuồng tìm kiếm một giải pháp mà hắn không thể tìm ra. Đối với tôi giải thoát có nghĩa là loại bỏ được quả bom này. Tôi không biết nhiều về quả bom. Tôi chỉ biết rằng nó xuất hiện từ lúc tôi còn nhỏ. Tôi cảm thấy mình là một đứa trẻ sợ hãi và cuống cuồng chống lại việc nó không được yêu. Đứa trẻ khao khát tình yêu, và vì không được đáp lại, nó sợ hãi và giận dữ. Có khi tôi cảm thấy muốn giết người, hay tự sát. Ước muốn này mãnh liệt đến nỗi tôi luôn luôn sợ hãi, nhưng không biết làm sao thoát khỏi nó.

Như ông thấy, có một sự khác biệt giữa một cái tâm Ấn giáo và một cái tâm Âu châu. Cái tâm Ấn giáo tương đối đơn giản. Người Âu châu là một sinh vật phức tạp hơn nhiều. Người Ấn giáo có bản chất hài hòa hơn. Người Ấn không hiểu được trăn trở của người Âu châu, và sự theo đuổi miệt mài những gì mà họ nghĩ cần phải thực hiện, và mở rộng kiến thức tổng quát của họ.

M: Khả năng lý luận của người Âu châu tài giỏi đến độ họ có thể lý luận chính mình ra khỏi tất cả mọi lý luận! Thái độ tự khẳng định của họ là do họ hoàn toàn tùy thuộc vào luận lý.

H: Tư duy, lý luận là trạng thái bình thường của tâm. Tâm không thể ngưng làm việc.

M: Đó là một trạng thái có tính cách thói quen, nhưng không nhất thiết phải là một trạng thái bình thường. Một trạng thái bình thường thì không thể đau đớn, còn thói quen sai lầm thường đưa đến những đau đớn kinh niên.

H: Nếu nó không phải là trạng thái tự nhiên, hay bình thường của tâm, vậy làm sao chấm dứt nó? Phải có một phương cách để làm cho tâm tĩnh lặng. Không biết bao nhiêu lần tôi tự bảo mình: đủ rồi, làm ơn chấm dứt, lải nhải những câu như thế này là đủ rồi! Nhưng tâm tôi không dừng lại. Tôi cảm thấy có thể làm cho tâm dừng lại một lúc, nhưng không được lâu. Ngay cả những người được gọi là "tâm linh" cũng dùng những xảo thuật để làm cho tâm tĩnh lặng. Họ lập đi lập lại các công thức, họ hát, cầu nguyện, thở mạnh hay nhẹ, lắc, quay, tập trung, thiền, chạy theo những trạng thái xuất thần, tu tập công hạnh – họ làm việc không ngừng để ngừng làm việc,

ngừng theo đuổi, ngừng chuyển động. Nếu những gì họ làm không mang tính bi kịch, thì cũng khôi hài.

M: Tâm tồn tại trong hai trạng thái: Như nước và như mật. Nước rất dễ bị giao động, chỉ cần một xáo trộn nhỏ; còn mật trở nên bất động rất nhanh dù có bị khuấy động đến đâu.

H: Do bản chất của nó, tâm không bao giờ an. Nó có thể được làm cho an, nhưng tự nó thì không an.

M: Có thể là bệnh sốt kinh niên làm cho ông luôn luôn run rẩy. Chính tham ái và lo sợ làm cho tâm ông bất an. Không còn các cảm xúc tiêu cực thì tâm an.

H: Ông không thể bảo vệ trẻ con khỏi những cảm xúc tiêu cực. Ngay khi được sinh ra nó đã học được sự đau khổ và sợ hãi. Cái đói là một ông thầy tàn nhẫn, dạy nó bài học về sự tùy thuộc và thù ghét. Đứa trẻ yêu mẹ nó vì bà cho nó ăn, và ghét mẹ nó vì bà chậm trễ làm thức ăn cho nó. Cái tâm vô thức của chúng ta đầy những xung đột, và những xung đột đó tràn vào ý thức. Chúng ta sống trên một núi lửa, chúng ta luôn luôn đối diện với nguy hiểm. Tôi đồng ý rằng sự thân cận với những người có tâm an lạc sẽ đem lại những ảnh hưởng dễ chịu, nhưng ngay khi xa họ thì những phiền trược cũ lại tái phát. Đây là lý do vì sao tôi đến Ấn Độ thường kỳ để được thân cận với Đạo sư của tôi.

M: Ông nghĩ là ông đến và đi, trải qua nhiều trạng thái và tướng trạng khác nhau. Ta thấy sự vật như chúng là: những sự kiện thoáng qua phô diễn trước Ta trong một chuỗi các diễn tiến di chuyển nhanh chóng; chúng có được hiện hữu là do Ta, nhưng chắc chắn chúng không phải là Ta hay của Ta. Ta không phải là một trong số các hiện tượng, mà cũng không hề bị chi phối bởi một hiện tượng nào. Ta bất tùy thuộc một cách hồn nhiên và hoàn toàn đến nỗi tâm ông – một cái tâm đã quen với đối kháng và từ chối – không thể nắm bắt được. Ta muốn nói một cách bộc bạch rằng: Ta không cần đối kháng, hay phủ nhận, vì rõ ràng là Ta không thể là cái đối nghịch hay sự phủ nhận của bất cứ cái gì. Ta ở ngoài tất cả, trong một cảnh giới hoàn toàn khác biệt. Đừng tìm Ta trong sự đồng hóa với, hay đối nghịch với một cái gì đó. Ta ở chỗ không hề có tham ái hay lo sợ. Còn kinh nghiệm của ông thế nào? Ông cũng cảm thấy mình hoàn toàn xa lìa với tất cả những cái vô thường?

H: Có, thỉnh thoảng. Nhưng ngay lập tức một cảm giác nguy hiểm ập đến, tôi cảm thấy bị cô lập, ở ngoài mọi quan hệ với tha nhân. Ông thấy

đấy, đây là sự khác biệt trong cơ cấu tâm lý của chúng ta. Với người Ấn, cảm xúc theo sau suy nghĩ. Cho người Ấn một ý tưởng thì cảm xúc của họ khởi sinh. Với người Tây phương thì ngược lại, hãy cho họ một cảm xúc, họ sẽ tạo nên một ý tưởng. Những ý tưởng của ông rất hấp dẫn về phương diện tri thức, nhưng về mặt cảm xúc thì tôi không đáp ứng được.

M: Hãy đặt tri thức sang một bên. Đừng sử dụng nó trong những vấn đề như thế này.

H: Một sự chỉ giáo mà tôi không thực hiện được thì có ích gì? Những gì ông nói đều là ý tưởng, và ông muốn tôi phản ứng một cách xúc cảm với những ý tưởng, vì nếu không có xúc cảm thì không thể có hành động.

M: Vì sao ông lại nói đến hành động? Có bao giờ ông hành động? Có một năng lực không biết được và năng lực đó hành động nhưng ông tưởng rằng ông hành động. Ông chỉ quan sát những gì đang xảy ra, mà không thể ảnh hưởng đến chúng bằng bất cứ cách nào.

H: Tại sao trong tôi có sự chống đối quyết liệt để chấp nhận rằng tôi không thể làm gì cả?

M: Nhưng ông làm được gì? Ông như một bệnh nhân được bác sĩ gây mê để thực hiện một cuộc giải phẫu. Khi tỉnh lại và nhận ra cuộc giải phẫu hoàn tất, liệu ông có thể bảo rằng ông vừa làm một cái gì đó?

H: Nhưng tôi là người lựa chọn sự giải phẫu.

M: Chắc chắn không phải ông. Một bên là căn bệnh của ông và một bên là áp lực của bác sĩ và gia đình ông buộc ông quyết định. Ông không có sự lựa chọn nào cả, mà chỉ có ảo tưởng về một sự lựa chọn.

H: Nhưng tôi cảm thấy mình không đến nỗi vô tư lực như ông cho rằng tôi có vẻ như thế. Tôi cảm thấy mình có thể làm bất cứ gì mà tôi có thể nghĩ được, chỉ có điều là tôi không biết cách làm. Cái tôi thiếu không phải là năng lực, mà là sự hiểu biết.

M: Không biết được phương tiện thì cũng tệ hại như không có năng lực! Nhưng hãy tạm gác lại đề tài này; xét cho cùng điều chúng ta cảm thấy vô tư lực thì chẳng có gì quan trọng, miễn là chúng ta thấy rõ rằng hiện nay chúng ta vô tư lực.

Năm nay 74 tuổi, nhưng Ta vẫn cảm thấy là một đứa trẻ thơ. Ta nhận thấy rõ ràng Ta vẫn là một đứa trẻ bất kể mọi đổi thay. Tôn sư đã bảo: Đứa trẻ thơ đó, bây giờ vẫn là ông, là cái Ta thật của chính ông – *Swarupa*. Hãy trở về với trạng thái hiện hữu thuần túy đó, khi cái "Ta là" vẫn còn trong sự tinh khiết của nó, chưa bị nhiễm ô bởi những cái "Ta là thế này," "Ta là thế

nọ.” Phiền trược của ông là những nhận diện sai lầm về chính ông, hãy buông bỏ tất cả chúng. Tôn sư bảo Ta: “Hãy tin Ta. Ta cho ông biết ông là siêu phàm. Hãy xem đó là chân lý tuyệt đối. Cái vui của ông cũng siêu phàm, và sự đau khổ của ông cũng siêu phàm. Tất cả đều từ Thượng đế mà ra. Luôn luôn nhớ điều đó. Ông là Thượng đế, chỉ ý chí của ông mới được thực hiện.” Ta hoàn toàn tin tưởng Tôn sư và chẳng bao lâu nhận ra lời ngài nói là chơn thật và chính xác một cách mầu nhiệm làm sao. Ta không tự điều kiện hóa tâm bằng cách nghĩ: “Ta là Thượng đế, Ta mầu nhiệm, Ta siêu việt.” Ta chỉ làm theo sự chỉ dạy của Tôn sư là **đặt sự chú ý của tâm vào** sự hiện hữu thuần túy “Ta là,” và an trú trong đó. Ta vẫn thường ngồi hàng giờ, chỉ với cái “Ta hiện hữu” trong tâm mà không có gì khác xen vào, chẳng bao lâu an lạc và một tình yêu trùm khắp trở thành trạng thái bình thường của Ta. Trong đó tất cả - chính Ta, Tôn sư, cuộc đời mà Ta sống, thế giới quanh Ta – đều tan biến. Chỉ còn an lạc và sự im lặng không đáy.

H: Nghe thì có vẻ dễ dàng nhưng thật ra không phải thế. Có những lúc một trạng thái tuyệt vời của sự an lạc bừng nở trong tôi, tôi quan sát và tự nhủ: nó đến thật dễ dàng làm sao, nó có vẻ vô cùng thân mật làm sao, nó thật trọn vẹn là của tôi. Việc gì phải khó nhọc tìm kiếm một trạng thái kề cận đến như thế trong tay? Lần này, chắc chắn nó đến để ở lại. Nhưng chẳng bao lâu nó hoàn toàn tan biến và để lại trong tôi sự thắc mắc – liệu đó là hương vị của thực tại hay lại là một cơn mất trí. Nếu là thực tại thì tại sao nó ra đi? Có lẽ là cần phải có một kinh nghiệm độc nhất nào đó để chuyển tôi vĩnh viễn sang trạng thái mới, và cho đến khi cái kinh nghiệm có tính cách quyết định đó xảy ra thì trò chơi trốn tìm này vẫn còn tiếp tục.

M: Mong đợi một cái gì độc nhất và gây ấn tượng sâu sắc, một sự bùng nổ kỳ diệu nào đó, chỉ là một chướng ngại và trì hoãn sự giác ngộ chính mình của ông. Ông không cần phải mong đợi một sự bùng nổ, vì nó đã xảy ra – ngay vào lúc ông chào đời, ngay khi ông nhận ra chính ông hiện-hữu-biết-cảm-thọ. Ông chỉ phạm một sai lầm duy nhất: Ông cho cái bên trong ông là bên ngoài, còn cái bên ngoài thì ông lại cho là bên trong ông. Tâm và các cảm thọ đều là bên ngoài, nhưng ông lại cho chúng là thân thiết. Ông tin thế giới là khách quan, trong khi nó hoàn toàn chỉ là một phóng ảnh của tâm ông. Đó là sự nhầm lẫn căn bản, và không một vụ bùng nổ mới nào có thể cải sửa được. Ông phải tư duy chính ông ra khỏi sự lầm lẫn đó. Ngoài ra không còn cách nào khác.

H: Làm sao tôi có thể tư duy chính tôi ra khỏi sự lầm lẫn khi ý nghĩ của tôi đến và đi một cách tùy tiện. Chúng không ngớt lải nhải làm cho tôi phân tâm và tổn sức.

M: Quan sát các ý nghĩ của ông giống như ông quan sát sự lưu thông trên đường phố. Người ta đến và đi, ông cứ việc ghi nhận nhưng đừng phản ứng. Lúc đầu thì không dễ, nhưng chỉ cần thực hành một thời gian ông sẽ nhận ra rằng tâm ông có thể hành hoạt trên nhiều giai tầng khác nhau cùng một lúc, và ông có thể biết rõ tất cả. Chỉ khi nào ông quan tâm nhất định đến một giai tầng thì bấy giờ sự chú ý của ông mới vướng mắc trong đó, và ông không còn biết gì về những giai tầng khác. Mặc dù vậy công việc ở những giai tầng bị mất đi sự chú ý của ông vẫn tiếp tục tiến hành, bên ngoài phạm trù ý thức. Đừng đánh vật với ký ức và ý nghĩ của ông mà tìm cách duy trì trong phạm trù chú ý của ông những câu hỏi khác, quan trọng hơn, như "Ta là ai?" "Ta đã ngẫu nhiên được sinh ra như thế nào?" "Cái vũ trụ quanh Ta này từ đâu đến?" "Cái gì thật và cái gì vô thường?" Ký ức sẽ không còn bám víu dai dẳng nếu ông không còn quan tâm đến nó; chính sự xúc cảm dây dưa làm cho sự ràng buộc giai dẳng. Ông luôn luôn đuổi theo lạc thú và tránh né đau khổ, luôn luôn tìm kiếm an lạc. Ông không thấy rằng chính sự đi tìm hạnh phúc làm cho ông khổ sở? Thử cách khác: thản nhiên với đau khổ và lạc thú, không van xin mà cũng không từ chối, dồn tất cả chú ý của ông vào giai tầng mà trong đó cái "Ta là" hiện hữu phi thời. Chẳng bao lâu ông sẽ nhận ra rằng an lạc và hạnh phúc ở ngay trong bản tánh của ông, chính sự tìm kiếm chúng qua những kênh luồng nào đó mới gây ra phiền nhiễu. Tránh phiền nhiễu, thế là đủ. Không cần phải tìm kiếm, ông không cần phải tìm cái ông đã có. Ông chính là Thượng đế, là Thực tại Tối thượng. Để khởi sự, hãy tin Ta, tin vị Đạo sư. Lòng tin giúp ông thực hiện bước đầu tiên – và sau đó chính kinh nghiệm sẽ biện minh cho sự tin tưởng của ông. Trong bất cứ lĩnh vực nào của cuộc đời, sự tin tưởng ban đầu là thiết yếu, nếu không có nó thì chẳng làm được gì nhiều. Mọi công cuộc kinh doanh đều là hành vi tin tưởng. Ngay cả bánh mì ông ăn, ông ăn với sự tin tưởng. Bằng cách nhớ những gì Ta bảo thì ông sẽ đạt được bất cứ gì. Một lần nữa Ta nhắc lại: Ông là thực tại trùm khắp tất cả và siêu vượt tất cả. Hãy hành xử một cách tương xứng: suy nghĩ, cảm họ và hành động một cách hài hòa với toàn thể, chẳng bao lâu ông sẽ chứng nghiệm những gì Ta nói. Chẳng cố gắng nào là cần thiết. Chỉ cần tin tưởng và hành động trên sự tin tưởng. Nên hiểu rằng Ta chẳng mong cầu điều gì nơi ông. Chính vì sự

lợi lạc của chính ông mà Ta nói, vì trên tất cả ông yêu quý chính ông, ông muốn ông an ổn và hạnh phúc. Đừng xấu hổ vì điều đó, đừng chối bỏ điều đó. Yêu quý chính mình là điều tự nhiên và tốt đẹp. Chỉ có điều ông phải biết chính xác cái ông yêu quý. Cái ông yêu quý không phải là thân xác, mà là Sự sống – nhận thức, cảm thọ, tư duy, hành động, yêu, phấn đấu, sáng tạo. Sự sống mà ông yêu chính ông, là tất cả. Hãy nhận ra nó trong sự toàn vẹn của nó, ngoài tất cả phân chia và hữu hạn; tất cả ước muốn của ông sẽ hòa nhập trong đó, vì cái lớn hơn dung chứa cái nhỏ hơn. Vì thế, hãy tìm ra chính ông, vì tìm ra ông tức là tìm ra tất cả.

Mọi người đều vui mừng vì hiện hữu, nhưng chẳng mấy ai biết được sự viên mãn của nó. Ông sẽ biết được điều đó bằng cách an trú trong tâm với cái "Ta hiện hữu", "Ta biết," "Ta yêu" với quyết tâm đạt đến ý nghĩa thâm sâu nhất của những từ ngữ này.

H: Liệu tôi có thể nghĩ "Ta là Thượng đế?"

M: Đừng đồng hóa ông với một ý nghĩ. Nếu ông muốn nói Thượng đế là Cái Không Biết, thì chỉ cần nói: "Ta không biết Ta là cái gì." Nếu ông biết Thượng đế như ông biết cái Ta của ông, thì ông không cần phải nói điều đó. Tốt nhất vẫn là nhận thức "Ta hiện hữu." Hãy kiên trì ở với nó. Kiên trì ở đây chính là trí tuệ, đừng nghĩ đến thất bại. Trong cuộc kinh doanh này không hề có thất bại.

H: Nhưng ý nghĩ của tôi không để tôi làm chuyện đó.

M: Đừng để ý. Đừng xua đuổi chúng. Đừng làm gì với chúng, cứ mặc kệ chúng, dù chúng là bất cứ gì. Chính sự xua đuổi của ông tạo cho chúng sự sống. Chỉ cần đừng quan tâm. Hãy nhìn xuyên suốt. Luôn luôn ghi nhớ: "Bất cứ gì xảy ra – xảy ra vì Ta hiện hữu. Tất cả chỉ để nhắc nhở rằng ông *hiện hữu*. Hãy tận dụng thực tế: muốn kinh nghiệm thì ông phải *hiện hữu*. Ông không cần phải ngừng suy nghĩ. Mà chỉ cần ngừng quan tâm. Chính sự không quan tâm giải thoát ông. Đừng bám giữ, thế là đủ. Thế giới được làm bằng những chiếc vòng. Tất cả những cái móc là của ông. Hãy duỗi những cái móc của ông thẳng ra thì không gì có thể cầm giữ được ông. Hãy từ bỏ mọi sự lệ thuộc thì không còn gì nữa để từ bỏ. Hãy từ bỏ tập quán chiếm hữu, thói quen tìm cầu kết quả, vì tự do của vũ trụ là của ông. Đừng cố gắng.

H: Sống là cố gắng. Có rất nhiều điều phải làm.

M: Cái gì cần làm thì cứ làm. Đừng cưỡng lại. Sự quân bình của ông phải năng động, dựa vào sự thực hiện những điều đúng, từ lúc này sang lúc

khác. Đừng làm một đứa trẻ không muốn trưởng thành. Những cử chỉ và điệu bộ rặp khuôn sẽ chẳng giúp gì ông. Trông cậy hoàn toàn vào sự trong sáng của ý nghĩ, sự trong sạch của động cơ thúc đẩy, và sự chính trực của hành động. Ông không thể nào đi sai đường. Hãy vượt ra ngoài và để lại tất cả phía sau.

H: Nhưng liệu có gì có thể tồn tại mãi mãi?

M: Ông muốn một cái gì đó giống như trạng thái xuất thần suốt ngày đêm. Những trạng thái xuất thần đến rồi đi một cách cần thiết, vì bộ óc con người không thể chịu đựng căng thẳng trong một thời gian dài. Một trạng thái xuất thần kéo dài sẽ đốt cháy não bộ, trừ khi trạng thái đó cực kỳ thanh tịnh và vi tế. Trong thiên nhiên, không có gì đứng yên, mọi thứ đều rung động, xuất hiện và biến mất. Trái tim, hơi thở, sự tiêu hóa, ngủ và thức, sinh và tử - tất cả đều đến và đi như những đợt sóng. Các thái cực thay phiên nhau một cách nhịp nhàng, định kỳ và hài hòa là một quy luật tất yếu. Nổi loạn chống lại mô thức của sự sống là vô ích. Nếu ông muốn tìm cái bất biến, hãy vượt ra ngoài kinh nghiệm. Khi Ta bảo: "Luôn luôn nhớ cái "Ta hiện hữu" thì điều này có nghĩa là: trở lại với nó nhiều lần." Không một ý nghĩ đặc thù nào có thể là trạng thái tự nhiên của tâm, mà chỉ có sự im lặng. Không phải ý tưởng về sự im lặng, mà chính sự im lặng. Khi tâm ở trong trạng thái tự nhiên, nó trở lại với sự im lặng một cách tự sinh khởi sau mỗi kinh nghiệm, hay đúng hơn là mọi kinh nghiệm đều xảy ra trước một hậu cảnh im lặng.

Những gì ông vừa học được ở đây đã trở thành chủng tử. Ông có thể quên đi, hiển nhiên là như thế. Nhưng chủng tử đó vẫn sống, và vào đúng thời vụ nó sẽ đâm chồi, mọc lên và đơm hoa kết trái. Tất cả sẽ tự xảy ra. Ông không cần làm gì cả, chỉ đừng ngăn trở nó.

***

52. Cảm thấy hạnh phúc và đem lại hạnh phúc là nhịp điệu của tình yêu

Hỏi: Tôi từ Âu châu sang đây mấy tháng nay theo định kỳ để gặp Đạo sư của tôi ở gần CalcutTa. Hiện tôi đang trên đường về lại Âu châu. Một người bạn rủ tôi đến gặp ông và tôi vui mừng đã đến đây.

Maharaj: Ông đã học được những gì ở Đạo sư của ông, ông hành theo pháp gì?

H: Đạo sư của tôi là một đại đức năm nay khoảng tám mươi tuổi. Về triết lý, ngài là một người theo trường phái Vệ đà – Vedantin, và phương

pháp ngài chỉ giáo có liên quan rất nhiều đến sự khơi dậy những năng lực vô thức của tâm, và đem những chướng ngại và bế tắc bị che giấu vào ý thức. Phương pháp tu tập riêng cho tôi có liên hệ với vấn đề cá nhân mà tôi đã gặp trong thời thơ ấu và niên thiếu. Mẹ tôi đã không cho tôi được cái cảm giác an ổn và yêu thương – là những gì rất quan trọng trong sự phát triển bình thường của một đứa trẻ. Bà thường xuyên lo âu, loạn trí, không biết rõ cả chính mình, và không phải là một phụ nữ thích hợp để làm mẹ. Đối với bà tôi là một trách nhiệm và là một gánh nặng ngoài sức chịu đựng. Bà không bao giờ muốn tôi được sinh ra, bà không muốn tôi trưởng thành và phát triển, bà muốn tôi trở lại trong bụng bà, chưa bao giờ được sinh ra và chưa bao giờ tồn tại. Bà chống lại mọi động thái của sự sống trong tôi, bà chống đối kịch liệt bất cứ cố gắng nào vượt ra khỏi cái vòng nhỏ hẹp của sự tồn tại quen thuộc của bà. Khi còn trẻ thơ, tôi vừa nhạy cảm vừa tình cảm. Tôi khao khát tình yêu trên tất cả mọi thứ, và tình yêu, tình yêu chân phương và mang tính bản năng của một người mẹ dành cho con thì tôi đã không bao giờ có được. Sự tìm kiếm người mẹ của đứa trẻ thơ đã trở thành sự thôi thúc chủ yếu của đời tôi, và tôi vẫn chưa bao giờ vượt ra khỏi nó để trưởng thành. Một đứa trẻ hạnh phúc, một thời thơ ấu hạnh phúc trở thành nỗi ám ảnh trong tôi. Mang thai, sinh sản, trẻ thơ là những gì tôi quan tâm tha thiết. Tôi trở thành một bác sĩ sản khoa có đôi chút danh tiếng, và đã từng cống hiến cho sự phát triển phương pháp sinh sản không đau. Một đứa con hạnh phúc của một bà mẹ hạnh phúc – đó là lý tưởng suốt đời tôi. Nhưng mẹ tôi luôn luôn có đó – chính bà bất hạnh, bà không thích và không thể thấy tôi hạnh phúc. Điều này tự thể hiện theo những cách lạ lùng. Khi tôi đau ốm thì bà cảm thấy khỏe hơn, khi tôi khỏe mạnh thì bà đau ốm, bà nguyền rủa chính mình và nguyền rủa cả tôi. Như thể bà không bao giờ tha thứ tôi cái tội ác đã được sinh ra, bà làm cho tôi cảm thấy tội lỗi vì tôi vẫn sống. “Mi sống vì mi thù ghét Ta. Nếu yêu Ta thì mi hãy chết đi” là cái thông điệp mà bà không ngừng lập đi lập lại với tôi một cách thầm lặng. Tôi đã trải qua một cuộc đời như thế, được mong cho chết thay vì được yêu. Vì bị giam hãm trong mẹ tôi, chung thân làm một đứa trẻ nên tôi không thể phát triển một quan hệ có ý nghĩa với một phụ nữ; hình ảnh của mẹ tôi luôn luôn xen vào giữa, không tha thứ, và không thể được tha thứ. Tôi tìm sự khuây khỏa trong công việc và được an ủi nhiều, nhưng tôi vẫn không thoát ra khỏi cái hố của tuổi thiếu niên. Sau cùng, tôi xoay sang sự tìm kiếm tâm linh và tôi kiên định đi trên con đường này nhiều năm nay.

Nhưng về một phương diện nó cũng giống như sự tìm kiếm tình yêu của người mẹ như trước kia, dù gọi nó là Thượng đế, hay *Atma* hay Thực tại Tối thượng. Xét về căn bản, tôi muốn yêu và được yêu; nhưng điều bất hạnh là những người được gọi là tu hành lại chối bỏ cuộc đời và dành tất cả cho tâm. Khi đối diện với những nhu cầu và thúc bách của đời sống, họ bắt đầu phân loại hóa, trừu tượng hóa và khái niệm hóa, rồi cho sự phân loại còn quan trọng hơn cả chính cuộc đời. Họ yêu cầu phải tập trung vào một khái niệm, và nhân cách hóa nó. Thay vì hòa nhập một cách tự sinh khởi thông qua tình yêu, họ đề xuất một sự tập trung có chủ đích và chuyên chú vào một công thức. Cho dù là Thượng đế hay *Atma*, cái Ta, hay một cái gì khác thì cũng thế! Nghĩa là một cái gì đó để nghĩ về, mà không phải một ai đó để yêu. Tôi chẳng cần đến triết lý hay phương pháp, những thứ đó thì rất nhiều và hấp dẫn hay hữu lý như nhau. Tôi cần sự sôi nổi của trái tim, sự tân tạo của cuộc sống, chứ không phải một cách tư duy mới. Không hề có lối tư duy nào là mới, nhưng cảm xúc thì có thể lúc nào cũng mới. Khi yêu một người, tôi chăm chú đến người đó một cách tự sinh khởi và mãnh liệt, với tất cả sự nồng nàn và sinh lực mà tâm không thể ra lệnh.

Ngôn từ cần thiết để hình thành cảm xúc; ngôn từ mà không có cảm xúc thì cũng như quần áo mà không có người mặc – lạnh lùng và ủ rũ. Bà mẹ của tôi – người đã vắt khô tất cả cảm xúc trong tôi – làm cho nguồn cảm xúc của tôi khô kiệt. Liệu tôi có thể tìm thấy ở đây nguồn cảm xúc phong phú và dồi dào, những gì mà tôi cần rất nhiều như một đứa trẻ?

M: Tuổi thơ của ông bây giờ ở đâu? Và tương lai của ông là gì?

H: Tôi đã được sinh ra, lớn lên, và sẽ chết đi.

M: Ông muốn nói thân xác ông, dĩ nhiên là như thế. Còn tâm ông? Ta không nói về phương diện sinh lý và tâm lý. Chúng là một phần của tự nhiên và bị chi phối bởi quy luật của tự nhiên. Ta muốn nói về sự tìm kiếm tình yêu của ông. Nó đã có một sự khởi đầu? Liệu nó có một sự chấm dứt?

H: Tôi không thể nói được. Nó có đó – từ khi còn sớm cho đến lúc cuối cùng của đời tôi. Sự khao khát tình yêu này – thật triền miên và cũng thật vô vọng!

M: Trong sự tìm kiếm tình yêu của ông, một cách chính xác ông kiếm cái gì?

H: Chỉ đơn giản là: yêu và được yêu.

M: Ông muốn nói một phụ nữ?

H: Không nhất thiết phải là một phụ nữ. Một người bạn, một vị thầy, một người hướng dẫn – miễn là cảm xúc phải trong sáng. Dĩ nhiên, một phụ nữ là câu trả lời thông thường. Nhưng không nhất thiết chỉ có một câu trả lời.

M: Ông chọn cái nào trong hai, yêu hay được yêu?

H: Tôi muốn cả hai! Nhưng tôi có thể thấy yêu thì vĩ đại hơn, cao cả hơn, và sâu sắc hơn. Được yêu thì êm ái thật đấy, nhưng không làm cho một người trưởng thành.

M: Ông có thể tự yêu, hay phải được chọn làm cho yêu?

H: Dĩ nhiên tôi phải gặp một người đáng yêu. Mẹ tôi không những đã không yêu mà còn chẳng đáng yêu.

M: Điều gì làm cho một người đáng yêu? Thế không phải là được yêu? Ông yêu trước rồi mới tìm lý do ông yêu.

H: Có thể là ngược lại. Ông yêu điều làm ông vui sướng.

M: Điều gì làm ông vui sướng?

H: Chẳng có luật lệ nào cả. Toàn thể vấn đề có tính cách cá nhân và không thể đoán biết được.

M: Phải. Ông muốn nói thế nào cũng được. Nếu không yêu thì không có hạnh phúc. Nhưng, liệu tình yêu có làm ông luôn luôn hạnh phúc? Thế không phải liên kết tình yêu với hạnh phúc là thuộc về giai đoạn sớm sủa và phôi thai? Khi người được ông yêu đau khổ, không phải ông cũng đau khổ hay sao? Liệu ông không còn yêu, vì ông đau khổ? Liệu tình yêu và hạnh phúc cùng đến và cùng đi? Có phải tình yêu chỉ là sự chờ mong lạc thú?

H: Dĩ nhiên là không. Có thể có rất nhiều đau khổ trong tình yêu.

M: Thế thì yêu là gì? Không phải nó là một trạng thái hiện hữu, hơn là một trạng thái của tâm? Ông có cần phải biết ông yêu thì ông mới yêu? Thế không phải ông đã yêu mẹ ông mà ông không biết? Ông khao khát tình yêu của bà ấy, một cơ hội để yêu bà ấy, đó không phải là động thái của tình yêu hay sao? Không phải tình yêu là một phần của ông, như ý thức về sự hiện hữu? Ông tìm kiếm tình yêu của mẹ ông, bởi vì ông yêu mẹ ông.

H: Nhưng bà không để cho tôi yêu!

M: Bà không thể ngăn được ông.

H: Thế tại sao tôi bất hạnh suốt đời?

M: Bởi vì ông không chịu đi sâu vào gốc rễ sự hiện hữu của ông. Chính sự vô minh về chính ông đã che lấp tình yêu và hạnh phúc của ông, và

khiến ông đi tìm cái ông chưa bao giờ mất. Tình yêu là ý muốn, ý muốn chia sẻ hạnh phúc của ông với tất cả. Cảm thấy hạnh phúc – làm cho hạnh phúc. Đó chính là nhịp điệu của tình yêu.

***

53. Khi đã được thỏa mãn, tham ái lại đẻ thêm tham ái

Hỏi: Thú thật là hôm nay tôi đến gặp ông với một tâm trạng nổi loạn. Người ta đã đối xử không công bằng với tôi ở văn phòng bán vé máy bay. Khi gặp những tình huống như thế này thì những gì tôi được chỉ dạy đều có vẻ đáng ngờ, và những gì tôi tu tập đều có vẻ vô ích.

Maharaj: Đây mới là một tâm trạng hữu ích. Hoài nghi tất cả, phủ nhận tất cả, nhất định không chịu biết qua người khác. Đây chính là kết quả công phu tu tập lâu dài của ông. Xét cho cùng, có ai học mãi đâu.

H: Đủ rồi. Công phu đó chẳng đưa tôi đến đâu cả.

M: Đừng nói "chẳng đưa đến đâu." Nó đưa ông đến chỗ ông là – bây giờ.

H: Tôi vẫn là một đứa trẻ với những cơn tức giận của nó. Tôi chẳng hề tiến được chút nào so với lúc ban đầu.

M: Ông đã bắt đầu như một đứa trẻ và ông sẽ chấm dứt như một đứa trẻ. Bất cứ gì thụ đắc được cho đến nay thì ông phải bỏ đi và khởi sự lại từ đầu.

H: Nhưng đứa trẻ sẽ quậy phá. Khi không được thỏa mãn hay bị từ chối, nó quậy phá.

M: Cứ để nó quậy phá. Chỉ cần quan sát hành động quậy phá. Và nếu vì quá sợ hãi xã hội ông không giám quậy phá đến nơi đến chốn thì cũng quan sát cả thái độ đó. Ta biết đây là một việc đầy khó khăn. Nhưng không có phương sách đối trị - ngoại trừ một cách – sự tìm kiếm phương sách đối trị phải chấm dứt.

Khi ông sân hận hay đau khổ, hãy tách rời chính ông ra khỏi sân hận và đau khổ rồi quan sát chúng. Đứng ngoài mọi chuyện là bước đầu tiên của giải thoát. Hãy bước ra ngoài và quan sát. Những diễn tiến vật lý vẫn tiếp tục xảy ra, nhưng tự thân chúng chẳng có gì quan trọng. Chỉ có tâm mới đáng kể. Dù bất cứ gì xảy ra thì ông không thể quậy phá và la hét ở phòng bán vé máy bay hay ngân hàng. Xã hội không cho phép ông làm chuyện đó. Nếu không thích cung cách làm ăn của họ, hoặc không chuẩn bị để chịu đựng họ thì ông đừng đi máy bay và đừng đem theo tiền. Cứ đi bộ, và nếu không thể đi bộ thì đừng đi du lịch. Muốn giao tiếp với xã hội ông phải chấp nhận những lề thói của nó, vì lề thói của xã hội là lề thói của ông. Sự

cần thiết và nhu cầu của ông đã tạo ra những lề thói đó. Những ham muốn của ông quá phức tạp và mâu thuẫn – chẳng trách được vì sao xã hội mà ông tạo ra cũng phức tạp và mâu thuẫn không kém.

H: Tôi thấy rõ và nhìn nhận rằng tất cả mọi hỗn loạn bên ngoài chỉ là phản ảnh những xung đột nội tại của chính tôi. Nhưng phương sách đối trị là gì?

M: Đừng tìm cách đối trị.

H: Thỉnh thoảng tôi ở trong một "trạng thái thoát tục", và cảm thấy cuộc đời thật hạnh phúc và hài hòa. Nhưng trạng thái đó chẳng kéo dài được bao lâu! Tâm trạng thay đổi và tất cả trở nên hỗn loạn.

M: Chỉ cần giữ được sự tĩnh lặng, buông bỏ tất cả ký ức và chờ mong, thì ông có thể dửng dưng với những kiểu cách hoa mỹ của các sự kiện. Chính sự bất an của ông tạo ra hỗn loạn.

H: Suốt ba tiếng đồng hồ ở phòng bán vé tôi đã thực hành sự kiên nhẫn và chịu đựng. Nhưng điều đó chẳng làm cho sự việc trở nên chóng vánh hơn.

M: Ít ra ông đã không làm cho sự việc chậm lại vì nếu ông nổi quạu lên thì chắc chắn mọi chuyện còn tồi tệ hơn nữa. Ông muốn kết quả tức thời! Chúng ta không làm ảo thuật ở đây. Mọi người phạm cùng một sai lầm: Phủ nhận phương tiện nhưng mong muốn cứu cánh. Ông muốn hòa bình và hòa hợp trên thế giới, nhưng lại không muốn chúng trong chính ông. Cứ làm đúng theo những gì Ta chỉ dẫn, ông sẽ không thất vọng đâu. Ta không thể giải quyết mọi vấn đề của ông chỉ bằng lời lẽ suông, mà chính ông phải làm theo những gì Ta chỉ dẫn và kiên nhẫn. Không phải sự chỉ dẫn đúng sẽ giải thoát, mà hành động dựa vào sự chỉ dẫn đó sẽ giải thoát. Cũng như một bác sĩ, sau khi tiêm cho bệnh nhân một liều thuốc, bảo người bệnh: "Bây giờ, hãy giữ im lặng. Đừng làm gì khác, chỉ giữ im lặng" thì Ta cũng vừa bảo ông: Ông vừa được tiêm một liều thuốc và bây giờ hãy giữ im lặng, chỉ cần giữ im lặng. Ông không phải làm cái gì khác. Tôn sư Ta cũng đã làm như thế. Ngài bảo Ta một điều gì đó rồi dặn: "Bây giờ giữ im lặng. Đừng lúc nào cũng đăm chiêu tư lự. Dừng lại. Im lặng."

H: Tôi có thể giữ im lặng suốt một giờ vào buổi sáng. Nhưng ngày thì dài và nhiều chuyện xảy ra đã làm cho tôi mất quân bình. Nói "im lặng" thì dễ, nhưng giữ im lặng trong khi mọi thứ đang la hét trong tôi và xung quanh tôi thì không dễ - vui lòng chỉ cho tôi phải làm thế nào.

M: Tất cả những gì cần làm chỉ có thể được thực hiện trong an tĩnh và im lặng. Không cần thiết phải bức mình.

H: Những gì ông nói đều là lý thuyết, không phù hợp với thực tế. Tôi sẽ trở lại Âu châu mà chẳng có gì để làm ở đó. Đời tôi hoàn toàn rỗng tuếch.

M: Ông chỉ cần giữ im lặng thì tất cả sẽ đến – công việc, sức mạnh để làm việc, và động cơ chính đáng. Ông có cần phải biết trước mọi chuyện không? Đừng bận tâm với tương lai – bây giờ hãy giữ im lặng rồi tất cả sẽ đâu vào đó. Cái không mong đợi rồi vẫn sẽ xảy ra, còn cái dự tính có thể chẳng bao giờ đến. Đừng bảo Ta là ông không thể chế ngự được bản tính của ông. Ông chẳng cần phải chế ngự nó. Cứ quẳng nó đi. Chẳng có bản tính nào để chế ngự hay để khuất phục. Chẳng có kinh nghiệm nào có thể làm ông đau đớn, miễn là ông đừng biến nó thành thói quen. Ông chính là nguyên nhân vi tế của toàn thể vũ trụ. Tất cả hiện hữu vì ông hiện hữu. Hãy nắm bắt điều này thật chắc chắn và thường xuyên an trú trong nó. Nhận ra đó là chân lý tuyệt đối – tức là giải thoát.

H: Nếu là hạt giống của vũ trụ thì tôi là một hạt giống hư hỏng! Cứ nhìn quả thì biết được hạt.

M: Có gì sai lầm với thế giới của ông mà ông nguyền rủa nó?

H: Thế giới của tôi đầy đau khổ.

M: Tự nhiên giới thì không vui thích hay đau khổ. Tự nhiên giới đầy trí tuệ và cái đẹp. Đau khổ hay lạc thú là ở trong tâm. Thay đổi nấc thang giá trị thì tất cả sẽ thay đổi. Lạc thú và đau khổ đều là những náo động của cảm giác, cứ xem chúng như nhau thì sẽ có hạnh phúc chơn thật. Thế giới là do ông tạo ra, bằng mọi cách hãy làm cho thế giới này hạnh phúc. Chỉ có sự bằng lòng mới làm ông hạnh phúc vì tham ái, khi đã được thỏa mãn, lại đẻ thêm tham ái. Hãy xa lìa mọi tham ái, và **bằng lòng với những gì tự nó tìm đến là một trạng thái đầy lợi lạc – một điều kiện tiên quyết của trạng thái sung mãn**. Đừng ngờ vực vẻ khô cằn bề ngoài và sự rỗng rang của nó. Cứ tin Ta đi, chính sự thỏa mãn các tham ái mới gây ra khốn khổ. Vô tham ái là chơn hạnh phúc.

H: Chúng ta vẫn cần nhiều thứ.

M: Nếu không đòi hỏi những gì không cần thì những gì ông cần sẽ đến với ông. Chỉ rất ít người đạt được trạng thái hoàn toàn an nhiên và vô tư này. Đây là trạng thái cao thượng, là ngưỡng cửa của giải thoát.

H: Suốt hai năm nay tôi cô quạnh, bơ vơ và trống rỗng; tôi vẫn thường cầu cho cái chết đến sớm.

M: Nhưng khi ông đến đây thì mọi chuyện bắt đầu biến chuyển. Cứ để mọi chuyện xảy ra như chúng xảy ra – cuối cùng mọi chuyện sẽ tự đâu vào đó. Ông không cần phải căng thẳng mong ngóng tương lai – tương lai tự nó sẽ đến với ông. Ông sẽ còn ở trong trạng thái mộng du này một thời gian nữa, như ông bây giờ, một cách vô nghĩa và mất tự tin; nhưng giai đoạn này sẽ chấm dứt và ông sẽ nhận thấy việc tu tập của ông có kết quả và dễ dàng. Luôn luôn có những lúc người ta cảm thấy trống trải và bị xa lánh. Những lúc như thế thật đáng được khao khát vì có nghĩa là tâm hôn đã nhổ neo và sẵn sàng viễn du. Đây chính là sự viễn ly – khi cái cũ đã qua và cái mới chưa đến. Nếu ông sợ thì trạng thái này có vẻ hoang mang, nhưng thật ra chẳng có gì để sợ. Hãy ghi nhớ lời chỉ dẫn: Dù gặp bất cứ gì – hãy vượt ra.

H: Quy luật của Đức Phật: Nhớ điều cần nhớ. Nhưng tôi cảm thấy vô cùng khó khăn để nhớ điều đúng vào đúng lúc. Đối với tôi thì quên hình như là quy luật!

M: Có nhớ cũng không phải dễ khi mọi tình huống đều kéo theo một cơn giông đầy những tham ái và lo sợ. Tham ái được ký ức sinh ra, và cũng chính nó hủy diệt ký ức.

H: Làm sao tôi có thể chống lại tham ái. Có gì mạnh hơn nó đâu?

M: Những giòng nước của cuộc đời ào ào tuôn chảy trên các tảng đá tham ái hay sân hận. Hãy dời đi các tảng đá bằng sự thấy biết sáng suốt và vô tư, thì cũng chính giòng nước đó sẽ chảy sâu, chảy xiết một cách tĩnh lặng với lưu lượng lớn hơn và cường độ mạnh hơn. Đừng lý thuyết suông, mà hãy dành thời gian để tư duy và suy gẫm; nếu mong muốn tự do, đừng bỏ qua bước chân kề cận nhất với tự do. Cũng như leo núi, không được bỏ một bước nào. Chỉ thiếu một bước thì vẫn chưa đạt đến đỉnh cao.

***

54. Tâm và Thân là những hiện tướng của Vô minh

Hỏi: Hôm trước chúng ta có bàn về con người, nhân chứng và cái tuyệt đối – *Vyakti-VyakTa-AvyakTa*. Theo như tôi còn nhớ, ông có nói rằng chỉ có cái tuyệt đối là chơn thật, còn nhân chứng chỉ là cái tuyệt đối ở vào một điểm nào đó trong không gian và thời gian. Con người chỉ là cơ thể, thô cũng như tế, được soi sáng bởi sự có mặt của nhân chứng. Tôi không nắm được vấn đề một cách trọn vẹn, liệu chúng ta có thể bàn lại được không? Ông cũng dùng những từ ngữ như *Mahadakash*, *Chidadash* và

Paramakash. Chúng liên quan như thế nào với con người, nhân chứng, và cái tuyệt đối?

Maharaj: *Mahadakash* là tự nhiên giới, là đại dương của mọi sự sống, là không gian vật lý với tất cả những gì có thể tiếp xúc qua các giác quan. *Chidakash* là sự bao la của tính biết, là không gian tâm của thời gian, tri giác và nhận thức. *Paramakash* là thực tại phi thời phi xứ, phi tâm, bất khả phân biệt, tiềm năng vô biên, nguồn gốc và khởi thủy, chất liệu và thể tánh, cả vật lý lẫn ý thức – nhưng siêu vượt cả hai. Nó không thể được nhận thức, nhưng có thể được kinh nghiệm như thường xuyên chứng kiến nhân chứng, nhận thức người nhận thức, khởi thủy và chung cuộc của mọi sự thể hiện, gốc rễ của thời gian và không gian, nguyên nhân đầu tiên trong mọi chuỗi tương quan nhân quả.

H: Thế còn sự khác biệt giữa *VyakTa* và *AvyakTa*?

M: Không có sự khác biệt nào cả. Cũng giống như ánh sáng và ánh sáng ban ngày. Vũ trụ đầy ánh sáng mà ông không thấy, nhưng cũng ánh sáng ông thấy là ánh sáng ban ngày. Cái mà ánh sáng ban ngày làm cho hiển lộ là *Vyakti*. Con người luôn luôn là đối tượng, nhân chứng là chủ thể; mối quan hệ tương thuộc lẫn nhau giữa con người và nhân chứng phản ảnh tính đồng nhất tuyệt đối của chúng. Ông tưởng chúng là những trạng thái riêng biệt và tách rời nhau, nhưng không phải thế. Chúng là cùng một ý thức, lúc tịnh và lúc động; trạng thái này biết trạng thái kia. Trong *Chit*[7] con người biết Thượng đế và Thượng đế biết con người. Trong *Chit* con người hình thành thế gian và thế gian hình thành con người. *Chit* là sự liên kết, là cầu nối giữa hai thái cực, là yếu tố quân bình và hợp nhất trong mọi kinh nghiệm. Toàn thể những gì được nhận thức là cái mà ông gọi là vật. Toàn thể những người nhận thức là cái mà ông gọi là tâm vũ trụ. Tính đồng nhất của hai cái – thể hiện chính nó thành khả năng nhận thức và nhận thức, sự hài hòa và trí tuệ, sự đáng yêu và yêu – tái khẳng định tự thân mãi mãi.

H: Thế còn ba thuộc tính của *Gunas*:[8] *Sattva – Rajas – Tamas*, chúng chỉ ở trong vật, hay còn ở trong tâm?

M: Dĩ nhiên là trong cả hai, vì tâm và vật không tách rời nhau. Chỉ có cái tuyệt đối mới ở ngoài *Gunas*. Thực ra, đó chỉ là những quan điểm hay cách nhìn. Chúng chỉ tồn tại trong tâm. Ra khỏi tâm mọi phân biệt không còn nữa.

H: Vũ trụ có phải là sản phẩm của các giác quan?

M: Khi ngủ dậy ông tạo dựng lại thế gian của ông thế nào thì vũ trụ cũng được trải ra như thế. Tâm – với năm cơ phận nhận thức, năm cơ phận hành động, và năm phương tiện của ý thức – thể hiện thành ký ức, tư duy, lý luận và ý thức về cái Ta.

H: Khoa học đã đạt được nhiều tiến bộ. Ngày nay chúng ta biết về thân và tâm rõ hơn người xưa rất nhiều. Luận thuyết cổ điển của ông – mô tả cũng như phân tích tâm và vật – không còn giá trị nữa.

M: Thế các khoa học gia của ông và các môn khoa học của họ ở đâu vậy? Một lần nữa, không phải đó là những hình ảnh trong tâm ông hay sao?

H: Sự khác biệt căn bản nằm ở đây! Đối với tôi họ không phải là những phóng ảnh của chính tôi. Họ có trước khi tôi được sinh ra và vẫn còn đó sau khi tôi chết đi.

M: Dĩ nhiên. Một khi chấp nhận thời gian và không gian là có thật, ông sẽ cho chính mình là nhỏ bé và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi. Nhưng liệu chúng có thật hay không? Liệu thời gian và không gian tùy thuộc ông hay ông tùy thuộc không gian và thời gian? Là thân xác, ông ở trong không gian. Là tâm, ông ở trong thời gian. Nhưng có phải ông chỉ là thân xác với một cái tâm trong đó? Có bao giờ ông tìm hiểu điều này không?

H: Tôi không có lý do mà cũng chẳng có phương cách để tìm hiểu.

M: Ta đề nghị với ông cả hai. Nhưng công việc tìm hiểu sự sáng suốt và vô tư – *Viveka-Vairagya* – là thuộc về ông.

H: Động cơ duy nhất mà tôi có thể biết được là hạnh phúc phi nhân duyên và phi thời của tôi. Vậy phương pháp là gì?

M: Hạnh phúc thì ngẫu nhiên. Động cơ thực sự và hữu hiệu là lòng yêu thương. Ông thấy con người đau khổ và ông tìm cách hữu hiệu nhất để cứu giúp họ. Câu trả lời thật hiển nhiên – trước tiên phải đặt ông ra ngoài sự cần cứu giúp. Chắc chắn thái độ của ông phải xuất phát từ thiện ý thuần túy, không mong đợi bất cứ gì.

Những người chỉ tìm kiếm hạnh phúc có thể cuối cùng sẽ đạt được sự thanh thản tuyệt vời, còn tình yêu thì không bao giờ ngưng nghỉ.

Về phương pháp, duy nhất chỉ có một: ông phải biết chính ông – cả cái mà ông có vẻ như là, lẫn cái mà ông *là*. Sự trong sáng và lòng từ ái đi cùng với nhau – cái này cần đến cái kia và gia tăng sức mạnh cho cái kia.

H: Từ bi hàm ý sự tồn tại của một thế giới khách quan, đầy những đau khổ khả tránh.

M: Thế gian này không phải khách quan và đau khổ của nó thì bất khả tránh. Từ bi chỉ là một từ ngữ khác thay cho sự khước từ đau khổ vì những lý do tưởng tượng.

H: Nếu các lý do là tưởng tượng thì tại sao đau khổ lại bất khả tránh?

M: Chính cái hư giả luôn luôn làm cho ông đau khổ, lòng tham ái và sự sợ hãi hư giả, những giá trị và ý tưởng hư giả, những quan hệ hư giả giữa con người. Bỏ đi cái hư giả ông không còn đau khổ nữa; chân lý đem lại hạnh phúc – chân lý là giải thoát.

H: Sự thật là: tôi, một cái tâm bị giam hãm trong một thân xác, và đây là một sự thật vô cùng bất hạnh.

M: Ông không phải thân xác và cũng không ở trong thân xác – không có cái gì là thân xác. Ông đã hiểu lầm chính ông một cách nghiêm trọng; để hiểu một cách đúng đắn – hãy tìm cho ra lẽ.

H: Nhưng tôi được sinh ra như một thân xác, trong một thân xác và sẽ chết đi với thân xác, như một thân xác.

M: Đó là quan niệm sai lầm của ông. Tìm hiểu, tìm ra sự thật, đặt nghi vấn về chính mình và người khác. Để tìm ra sự thật, ông không được bám víu vào những gì ông tin tưởng; nếu ông cho rằng cái tức thời là chắc chắn thì sẽ không bao giờ ông đạt đến cái tối hậu. Cái ý tưởng cho rằng ông đã được sinh ra và sẽ chết đi thật ngớ ngẩn: Nó mâu thuẫn cả về *logic* lẫn kinh nghiệm.

H: Thôi được. Tôi sẽ không cố chấp cho rằng mình là thân xác. Ông nói đúng đấy. Nhưng ở đây và ngay bây giờ, trong lúc nói chuyện với ông, tôi ở trong thân xác của tôi, rõ ràng là như thế. Thân xác này có thể không phải là tôi, nhưng nó là của tôi.

M: Toàn thể vũ trụ không ngừng góp phần cho sự tồn tại của ông. Do đó toàn thể vũ trụ là thân xác của ông. Trong ý nghĩa đó – Ta đồng ý.

H: Thân xác tôi ảnh hưởng tôi một cách sâu xa. Về nhiều phương diện, thân xác tôi chính là định mệnh của tôi. Cá tính của tôi, tính tình của tôi, bản chất các phản ứng của tôi, những tham ái và lo sợ của tôi – bẩm sinh hay thụ đắc – tất cả đều dựa trên thân xác tôi. Chỉ cần ít rượu, chút ma túy hay cái gì đó là tất cả đều thay đổi. Tôi trở thành một con người khác cho đến khi ảnh hưởng của ma túy tan đi.

M: Tất cả những điều đó xảy ra vì ông nghĩ chính ông là thân xác. Hãy nhận ra cái Ta thật của ông thì ngay cả ma túy cũng chẳng có uy lực gì đối với ông.

H: Ông hút thuốc lá sao?

M: Thân xác Ta còn giữ một vài thói quen, những thói quen đó có thể tiếp tục cho đến khi thân xác chết đi. Chúng vô hại.

H: Ông ăn thịt?

M: Ta đã được sinh ra giữa những người ăn thịt, các con của Ta đều ăn thịt. Ta ăn rất ít. Đừng quan trọng hóa.

H: Ăn thịt là hàm ý sát sinh.

M: Ta không tự nhận theo một nguyên tắc nào đó. Ông cho rằng nguyên tắc là tuyệt đối khả hữu? Thử chứng minh bằng một ví dụ nào đó đi. Đừng thuyết giáo nếu không hành đạo.

Trở lại với ý tưởng được sinh ra. Ông không thể thoát ra khỏi những gì cha mẹ ông bảo ông: tất cả về sự thụ thai, có mang và sinh đẻ, sơ sinh, nhi đồng, thiếu niên, vị thành niên, vân vân. Thử gạt bỏ cái ý tưởng ông là thân xác bằng một ý tưởng trái ngược. Ông không phải là thân xác. Đây cũng là một ý tưởng, rõ ràng là như thế, và nhớ xem nó như một công cụ cần buông bỏ khi dùng xong. Cái ý tưởng Ta không phải là thân xác làm cho thân xác trở thành hiện thực, trong khi thật ra không có cái gì là thân xác; nó chỉ là một trạng thái của tâm. Ông có thể có vô số thân và đủ loại hình tướng mà ông thích; nhưng luôn luôn nhớ rõ cái ông muốn, và vất bỏ những cái không thích hợp.

H: Tôi giống như một cái hộp ở trong cái hộp khác, và cái hộp khác lại ở trong cái hộp khác; cái hộp ngoài cùng được xem là thân xác, và cái hộp kế bên trong là linh hồn. Lấy đi cái hộp bên ngoài, cái hộp kế bên trong trở thành thân xác, và cái hộp kế bên trong nữa thành linh hồn. Đây là một chuỗi diễn tiến bất tận, một cuộc mở hộp không bao giờ chấm dứt, liệu cái cuối cùng có phải là linh hồn tối hậu?

M: Nếu có một thân xác, ông phải có một linh hồn; trường hợp này sự ví von của ông về bộ hộp xếp lồng vào nhau là đúng. Nhưng ở đây và ngay bây giờ - tánh biết, tức ánh sáng thuần túy của *Chit* chiếu rọi xuyên suốt các thân và hồn của ông. Hãy bám chặt lấy nó không lơi lỏng. Nếu không có tánh biết, thân xác không tồn tại quá một giây. Trong thân xác có một giòng sinh lực, tình cảm và trí tuệ; nó hướng dẫn, duy trì và truyền sức sống cho thân xác. Hãy phát hiện cái giòng đó và ở với nó.

Dĩ nhiên tất cả chỉ là những cách nói. Ngôn từ vừa là một chướng ngại, vừa là một cây cầu. Hãy phát hiện tia lửa của sự sống đan kết các mô tế bào của cơ thể ông, và ở với nó. Nó là thực thể duy nhất mà thân xác có được.

H: Sau khi chết, chuyện gì sẽ xảy ra cho tia lửa của sự sống đó?

M: Nó siêu vượt thời gian. Sinh và tử chỉ là những điểm trong thời gian. Sự sống không ngừng đan kết vô số những mạng lưới của nó. Sự đan kết ở trong thời gian, nhưng tự thân sự sống thì vô thời. Ông có thể gán cho những thể hiện của nó bất cứ danh xưng hay hình tướng nào; nó giống như đại dương – không bao giờ thay đổi, mà luôn luôn thay đổi.

H: Những gì ông nói nghe có vẻ thuyết phục một cách tuyệt mỹ, nhưng tôi vẫn luôn luôn có cảm tưởng mình chỉ là một con người trong một thế giới xa lạ, thường xuyên thù nghịch và nguy hiểm. Là một con người – hữu hạn trong không gian và thời gian – làm sao tôi có thể nhận ra mình là một cái gì đó ngược lại – cái tánh biết vô cá biệt, phi nhân cách và vũ trụ hóa?

M: Ông khẳng định mình là cái mà ông không phải, nhưng lại chối bỏ cái mà chính ông là. Ông bỏ qua yếu tố nhận thức thuần túy – tánh biết hoàn toàn không có những xuyên tạc của con người. Chỉ khi nào nhìn nhận thực tế của *Chit*, ông mới biết được chính ông.

H: Tôi phải làm gì? Tôi không thấy tôi như ông thấy tôi. Có thể ông đúng mà tôi sai, nhưng làm sao tôi có thể chấm dứt là cái mà tôi cảm thấy tôi là?

M: Một ông hoàng cứ nghĩ mình là kẻ ăn mày thì chỉ có một cách để thuyết phục: Ông ta phải hành xử như một ông hoàng rồi xem chuyện gì xảy ra. Cứ hành xử như thể là những gì Ta nói là đúng đi, rồi phán xét qua những gì thực sự xảy ra. Tất cả những gì Ta đòi hỏi chỉ là đôi chút tín tâm để tiến hành bước đầu tiên. Sự tin tưởng sẽ đến với kinh nghiệm và ông sẽ chẳng cần đến Ta nữa. Ta biết cái mà ông là, và Ta bảo cho ông biết. Cứ tin Ta một thời gian ngắn xem.

H: Để ở đây và bây giờ, tôi cần thân xác và những giác quan của nó. Để hiểu, tôi cần một cái tâm.

M: Thân và tâm chỉ là những hiện tướng của vô minh, và hiểu biết sai lầm, hãy hành xử như thể ông là tánh biết thuần túy, vô thân và vô tâm, vô xứ và vô thời, vượt ra khỏi "ở đâu", "khi nào", và "làm thế nào." Hãy ở với nó, suy nghĩ về nó, học cách chấp nhận thực tế của nó. Đừng luôn luôn chống đối nó và phủ nhận nó. Ít ra thì cũng giữ một cái tâm cởi mở. *Yoga* là uốn cái bên ngoài vào bên trong. Hãy làm cho tâm và thân ông thể hiện cái chơn thật – cái là tất cả và siêu vượt tất cả. Bằng hành động ông thành công, chứ không phải bằng biện luận.

H: Vui lòng cho tôi trở lại câu hỏi đầu tiên. Sự sai lầm cho mình là một con người bắt đầu như thế nào?

M: Cái tuyệt đối có trước thời gian. Tánh biết có trước. Một mớ ký ức và thói quen tâm lý thu hút sự chú ý, thế là tánh biết được xác định tiêu điểm và một con người đột nhiên xuất hiện lấy đi ánh sáng của tánh biết: Khi ngủ hay bất tỉnh – con người biến mất. Con người – *Vyakti* – thì chập chờn nhấp nháy; tánh biết – *VyakTa* – dung chứa tất cả không gian và thời gian; cái tuyệt đối – *AvyakTa* – HIỆN HỮU.

***

55. Cho đi tất cả thì sẽ được tất cả

Hỏi: Trạng thái của ông ngay bây giờ là gì?

Maharaj: Một trạng thái phi kinh nghiệm, nó dung nhiếp tất cả kinh nghiệm trong đó.

H: Liệu ông có thể nhập vào tâm thức hay trái tim của người khác và chia sẻ kinh nghiệm của người đó?

M: Không. Những chuyện như thế đòi hỏi một sự luyện tập đặc biệt. Ta giống như một người bán bột mì. Ta biết rất ít về bánh mì hay bánh ngọt. Ngay cả vị cháo lúa mì Ta cũng không biết, nhưng Ta biết rất rõ về hạt lúa mì. Ta biết nguồn gốc của tất cả kinh nghiệm, nhưng vô số những tướng trạng cá biệt của nó thì Ta không biết, mà Ta cũng chẳng cần biết. Từ lúc này sang lúc khác, Ta chỉ biết rất ít để sống cuộc sống của Ta, Ta biết một cách ngẫu nhiên.

H: Sự tồn tại cá biệt của ông và sự tồn tại cá biệt của tôi có cùng tồn tại trong tâm của Đại ngã – *Brahma*?

M: Vũ trụ không biết cái cá biệt. Sự tồn tại như một con người là vấn đề của con người. Một con người tồn tại trong không gian và thời gian, có danh xưng và hình tướng, có sự bắt đầu và chấm dứt; vũ trụ dung chứa tất cả những con người, và cái tuyệt đối là gốc rễ của tất cả nhưng ở bên ngoài tất cả.

H: Tôi không bận tâm đến cái toàn thể. Ý thức cá nhân của ông và ý thức cá nhân của tôi – cái gì liên kết hai cái?

M: Giữa hai kẻ chiêm bao, cái gì có thể là sự liên kết?

H: Họ có thể chiêm bao thấy nhau.

M: Đó là những gì người ta đang làm. Mọi người đều tưởng tượng ra "người khác" và đi tìm sự liên kết với người khác. Người tìm kiếm là sự liên kết, ngoài ra chẳng có ai khác.

H: Chắc chắn phải có một cái gì đó chung nhất giữa nhiều điểm của ý thức mà chúng ta là.

M: Những điểm đó ở đâu? Trong tâm ông. Ông khăng khăng cho rằng thế giới của ông bất tùy thuộc vào tâm ông. Làm sao có thể như thế? Lòng ham muốn biết được tâm của người khác là do ông không biết chính tâm của ông. Trước tiên hãy biết tâm ông rồi ông sẽ nhận ra câu hỏi về tâm của người khác sẽ không sinh khởi, vì không hề có người khác. Ông là yếu tố chung, sự liên kết duy nhất giữa các tâm. Hiện hữu là ý thức; "Ta hiện hữu" áp dụng cho tất cả.

H: Thực tại Tối thượng – *Parabrahman* – có thể hiện diện trong tất cả chúng ta. Nhưng có ích lợi gì?

M: Ông giống như một người bảo: "Tôi cần một chỗ để giữ đồ đạc, nhưng không gian có ích lợi gì cho tôi?" hoặc: "Tôi cần sữa, trà, cà phê hay nước ngọt, nhưng nước thì tôi không dùng." Ông không thấy được rằng Thực tại Tối thượng là cái làm cho mọi thứ khả hữu? Nhưng nếu ông hỏi Thực tại có ích lợi gì cho ông, thì Ta phải trả lời là: "không." Trong những vấn đề thường nhật của đời sống, người biết cái thật chẳng có lợi gì, mà còn chịu thiệt, vì không còn tham ái và lo sợ nên người đó không cần phải bo bo cho chính mình. Người biết thực tại thì xa lạ với ý tưởng hưởng lợi, ghê tởm sự tích lũy của cải; cuộc sống của người đó là không ngừng từ bỏ chính mình, không ngừng chia sẻ, và cho đi.

H: Nếu đạt đến cái Tối thượng chẳng có lợi gì, thì tại sao lại chuốc lấy phiền trược?

M: Phiền trược chỉ có khi nào ông bám víu vào cái gì đó. Không bám víu vào cái gì thì chẳng phiền trược nào sinh khởi. Từ bỏ cái nhỏ là được cái lớn. Cho đi tất cả ông sẽ được tất cả. Lúc đó cuộc sống trở thành cái mà nó có ý nghĩa để là: Sự chiếu sáng thuần túy từ một nguồn sáng bất tận. Trong ánh sáng đó thế giới xuất hiện mờ nhạt như một cơn mộng huyễn.

H: Nếu thế giới của tôi là mộng huyễn và ông là một phần của thế giới đó, vậy ông có thể làm được gì cho tôi? Nếu mộng huyễn là không thật, không có thực thể, làm sao thực tại có thể tác động được nó?

M: Trong lúc đang diễn ra, cơn mộng có sự hiện hữu nhất thời của nó. Chính lòng tham ái của ông bám lấy nó, và điều này gây ra phiền trược. Hãy buông bỏ. Chấm dứt tưởng tượng cơn mộng là của ông.

H: Hình như ông mặc nhiên cho rằng có thể có cơn mộng mà không có người nằm mơ, và tôi đồng hóa mình với giấc mộng của ý muốn êm ái của chính tôi. Nhưng tôi là người nằm mơ và cũng là giấc mộng. Ai là người chấm dứt giấc mộng?

M: Cứ để giấc mộng tự trải ra cho đến khi chấm dứt. Ông không thể làm gì được nó. Nhưng ông có thể nhìn giấc mộng như một giấc mộng, đừng đóng lên nó dấu ấn của thực tại.

H: Tôi đang ở đây, ngồi trước mặt ông. Tôi đang mơ và ông đang nhìn tôi nói trong mơ. Sự liên kết giữa ông và tôi là gì?

M: Ý định của Ta muốn đánh thức ông là sự liên kết. Lòng Ta muốn ông tỉnh thức. Ta thấy ông đau khổ trong giấc mơ của ông và Ta biết rằng ông phải tỉnh thức để chấm dứt những đau khổ của ông. Khi thấy giấc mơ của ông là mơ thì ông tỉnh giấc. Ta không quan tâm đến chính giấc mơ của ông. Đối với Ta – biết ông phải tỉnh thức – thế là đủ. Ông không cần phải đưa giấc mơ của ông đến một kết thúc nhất định, hoặc làm cho nó cao thượng, vui thú, hay đẹp đẽ; tất cả những gì ông cần là nhận ra ông đang nằm mơ. Chấm dứt tưởng tượng, chấm dứt tin tưởng. Phải thấy được những mâu thuẫn, phi lý, hư giả và nỗi đau khổ của trạng thái làm người, cũng như sự cần thiết phải vượt ra ngoài. Trong sự bao la vô tận của không gian vật vờ một nguyên tử nhỏ bé của ý thức, và toàn thể vũ trụ được dung chứa trong nó.

H: Trong mơ nhiều tình cảm có vẻ như rất thật và miên viễn. Liệu những tình cảm đó biến mất khi tỉnh thức?

M: Trong mơ ông yêu người này nhưng không yêu người khác. Khi tỉnh thức ông nhận ra ông chính là tình yêu, bao trùm tất cả. Tình yêu cá nhân,

dù mãnh liệt và trung thực đến đâu, luôn luôn ràng buộc; yêu tất cả là yêu trong tự do.

H: Mọi người đến rồi đi, một người không thể yêu tất cả mọi người, mà chỉ có thể yêu người mình gặp.

M: Khi là tự thân tình yêu, ông vượt ra ngoài thời gian và số lượng. Khi yêu một ông yêu tất cả, khi yêu tất cả ông yêu từng người, từng vật một. Cái một và cái nhiều không loại trừ lẫn nhau.

H: Ông bảo ông ở trong trạng thái phi thời. Điều này có nghĩa là quá khứ và tương lai lúc nào cũng rộng mở với ông? Ông có gặp *Vashista Muni*, Tôn sư của *Rama*?

M: Câu hỏi ở trong thời gian và về thời gian. Một lần nữa ông lại hỏi Ta về nội dung của một giấc mơ. Tính cách phi thời thì siêu vượt ảo tưởng về thời gian, nó không phải là một sự kéo dài trong thời gian. Người nào nhận mình là *Vashista* thì người đó biết *Vashista*. Ta ở ngoài mọi danh xưng và hình tướng. *Vashista* là một cơn mơ trong giấc mơ của ông. Làm sao Ta biết *Vashista*? Ông quá bận tâm với quá khứ và tương lai. Tất cả là do lòng ham muốn tiếp tục của ông, bảo vệ ông khỏi sự diệt vong. Vì ông muốn tiếp tục, ông muốn người khác duy trì ông thân cận với họ, cho nên ông quan tâm đến sự tồn tại của họ. Nhưng cái mà ông gọi là tồn tại chỉ là sự tồn tại của một giấc mơ. Giấc mơ đó cần phải chết đi. Cơ hội tỉnh thức vẫn có đó.

H: Vì biết cái vĩnh cửu, nên ông không bận tâm với sự tồn tại,

M: Thật ra là ngược lại. Tự do không còn tham ái là vĩnh cửu. Tất cả ràng buộc hàm ý lo sợ, vì tất cả là vô thường. Lo sợ biến một người thành nô lệ. Tự do thoát khỏi mọi ràng buộc không do tu tập mà có; nó là tự nhiên khi một người biết rõ sự hiện hữu đích thực của chính mình. Yêu thì không bám víu, mà bám víu thì không phải là yêu.

H: Như vậy không có cách nào đạt được sự thanh thản.

M: Chẳng có gì để đạt. Quẳng đi tất cả tưởng tượng và biết chính ông như ông là. Hiểu biết chính mình là thanh thản. Mọi khao khát đều do cảm tưởng thiếu thốn. Khi biết rằng ông chẳng thiếu gì, tất cả những gì hiện hữu là ông và của ông thì tham ái chấm dứt.

H: Để biết chính mình, tôi có cần phải thực hành tỉnh thức?

M: Chẳng có gì để thực hành. Để biết chính ông, hãy *là* chính ông. Để là chính ông, hãy chấm dứt tưởng tượng ông là thế này hay thế kia. Chỉ *hiện hữu*. Hãy để bản chất chơn thật của ông xuất hiện. Đừng bận tâm với sự tìm kiếm.

H: Nếu chỉ chờ đợi sự tự giác ngộ thì lâu lắm.

M: Việc gì phải chờ đợi khi cái ông chờ đợi đang ở đây và bây giờ? Ông chỉ cần quan sát và thấy. Hãy quan sát chính ông, quan sát sự hiện hữu của chính ông. Ông biết ông *hiện hữu* và ông thích điều đó. Bỏ đi tất cả những gì tưởng tượng, chỉ có thế thôi. Đừng trông đợi thời gian. Thời gian là chết. Kẻ nào chờ đợi thì chết. Sự sống chỉ là *bây giờ*. Đừng nói với Ta về quá khứ và tương lai – chúng chỉ tồn tại trong tâm ông.

H: Cả ông rồi cũng chết.

M: Ta đã chết. Cái chết vật lý chẳng có gì là quan trọng với Ta. Ta là sự hiện hữu vô thời. Ta hoàn toàn tự do không còn tham ái và lo sợ, vì Ta không nhớ về quá khứ hay tưởng đến tương lai. Khi không còn danh xưng và hình tướng thì làm sao có thể có tham ái và lo sợ? Vô thời đến cùng với vô tham ái. Ta luôn luôn an ổn vì cái không hiện hữu thì không thể tác động đến cái hiện hữu. Ông cảm thấy bất an vì ông tưởng tượng ra sự nguy hiểm. Dĩ nhiên, thân xác phức tạp và dễ bị thương tổn của ông cần được bảo vệ. Nhưng ông thì không cần. Khi nhận ra sự hiện hữu bất khả xâm phạm của chính ông – ông sẽ an ổn.

H: Làm sao tôi có thể tìm được sự an ổn trong lúc thế gian đau khổ?

M: Thế gian đau khổ vì nhiều lý do hợp lý. Nếu muốn cứu thế gian ông phải ở ngoài sự cần cứu giúp. Lúc đó tất cả những gì ông làm cũng như không làm sẽ giúp thế gian này một cách hữu hiệu nhất.

H: Vì sao không làm lại hữu ích khi hành động được cần đến?

M: Khi hành động được cần đến thì hành động xảy ra. Con người không phải là người hành động. Hành động của con người là biết những gì đang diễn ra. Chính sự hiện diện của con người là hành động. Khung cửa sổ là khoảng trống của bức tường, nó đem lại không khí và ánh sáng vì nó trống không. Hãy trống không với tất cả nội dung tâm lý, với mọi sự tưởng tượng và cố gắng, rồi chính sự trống không, không còn chướng ngại, sẽ lùa thực tại vào trong ông. Nếu ông thật sự muốn cứu giúp một người thì hãy tránh xa. Nếu vì cảm xúc mà cam kết cứu giúp thì ông không giúp được. Ông có thể rất bận rộn và hài lòng với bản tính thương người của ông, nhưng chẳng làm được bao nhiêu. Một người được giúp thật sự chỉ khi nào người đó không còn cần đến giúp đỡ. Mọi cách khác đều vô ích.

H: Không có đủ thời gian để ngồi chờ sự giúp đỡ xảy ra. Một người phải làm cái gì đó.

M: Bằng mọi cách, hãy hành động. Nhưng những gì ông có thể làm thì hữu hạn; chỉ cái Ta mới vô hạn. Hãy bố thí chính ông một cách vô hạn. Những cái khác ông chỉ có thể cho với một số lượng nhỏ nhoi. Chỉ có ông mới là bất khả đo lường. Cứu giúp là bản tánh của ông. Ngay cả khi ông ăn uống là lúc ông giúp cơ thể của ông. Còn đối với ông, ông chẳng cần gì cả. Ông là sự bố thí thuần túy, vô thủy, vô chung và vô tận. Khi thấy phiền não và đau khổ, hãy ở cùng nó. Đừng vội vàng hành động. Cả biết lẫn hành động đều không thật sự giúp. Hãy ở với đau khổ và đánh bật gốc rễ của nó lên; giúp sự hiểu biết mới thật là giúp.

H: Cái chết của tôi đang cận kề.

M: Thân xác ông sắp tận, không phải ông. Thời gian và không gian chỉ ở trong tâm. Ông không hề bị ràng buộc. Chỉ cần hiểu rõ chính ông – chính đó là sự vĩnh hằng.

***

56. Ý thức sinh khởi, thế giới sinh khởi

Hỏi: Chuyện gì xảy ra khi một người bình thường chết đi?

Maharaj: Mọi chuyện sẽ xảy ra theo những gì người đó tin tưởng. Cuộc đời trước khi chết chỉ là tưởng tượng thì cuộc đời sau khi chết cũng vậy. Giấc chiêm bao vẫn tiếp tục.

H: Thế còn *Gnani* – bậc giác ngộ?

M: *Gnani* không chết vì chưa bao giờ được sinh ra.

H: Đối với người khác, *Gnani* có vẻ cũng như thế.

M: Nhưng với chính *Gnani* thì không. Trong chính mình, người giác ngộ tự do với tất cả - vật lý cũng như tâm lý.

H: Nhưng ông vẫn phải biết trạng thái của một người chết. Ít ra là từ những tiền kiếp của ông.

M: Trước khi gặp Tôn sư, Ta biết rất nhiều thứ. Bây giờ Ta không biết gì cả, vì tất cả kiến thức chỉ có trong chiêm bao và chẳng có giá trị. Ta biết chính Ta, Ta không tìm thấy sinh hay tử trong Ta, mà chỉ có hiện hữu thuần túy – không phải hiện hữu thế này hay thế nọ, mà chỉ *hiện hữu*. Nhưng ngay khi tâm, lôi ra từ kho ký ức, và bắt đầu tưởng tượng thì nó đem các vật thể vào không gian, và các sự kiện vào thời gian. Ngay cả kiếp này Ta còn không biết thì làm sao Ta có thể biết được các kiếp trước? Chính tâm, vì động thấy mọi thứ đều động, và vì tạo ra thời gian, nên nó lo âu về quá khứ và tương lai. Toàn thể vũ trụ được đặt trong chiếc nôi của ý thức – *Maha Tattva*, nó xuất hiện khi có sự ổn định và hài hòa tuyệt đối – *Maha*

Sattva. Cũng như tất cả sóng đều ở trong biển thì tất cả mọi thứ - vật lý và tâm lý – đều ở trong tánh biết. Vì thế tự thân tánh biết – không phải nội dung của nó – quan trọng hơn tất cả. Hãy đào sâu và khơi rộng sự thấy biết về chính ông thì mọi công đức sẽ tuôn trào. Ông không cần phải tìm kiếm, tất cả sẽ đến với ông một cách tự nhiên nhất và dễ dàng nhất. Năm giác quan, bốn chức năng của tâm: ký ức, tư duy, hiểu và ý thức về cái Ta; ngũ đại: đất, nước, gió, lửa và không; và hai phương diện của sáng tạo: Vật chất và tinh thần – tất cả đều ở trong tánh biết.

H: Nhưng ông phải tin rằng có tiền kiếp.

M: Kinh điển thì nói như thế, nhưng Ta không biết gì về điều đó. Ta biết chính Ta như Ta là, vì trong kinh nghiệm của Ta không hề có Ta đã xuất hiện hay Ta sẽ xuất hiện. Không phải vì Ta không nhớ, mà thật ra không có gì để nhớ. Luân hồi hàm ý một cái Ta đi luân hồi. Không hề có chuyện như thế. Một mớ ký ức và hy vọng, được gọi là "Ta", tưởng tượng chính nó tồn tại mãi mãi, và tạo ra thời gian để dung chứa sự trường tồn hư giả của nó. Để *hiện hữu*, Ta không cần quá khứ hay tương lai. Tất cả kinh nghiệm đều do tưởng tượng mà có; Ta không tưởng tượng nên sinh và tử không xảy ra đối với Ta. Chỉ những ai nghĩ rằng mình được sinh ra mới nghĩ mình được tái sinh. Ông buộc tội Ta đã được sinh ra. Ta tự biện hộ: vô tội!

Tất cả đều tồn tại trong tánh biết và tánh biết không chết mà cũng chẳng tái sinh. Nó chính là thực tại bất biến.

Toàn thể vũ trụ của kinh nghiệm được sinh ra với thân xác và sẽ chết đi cùng với thân xác; nó có sự khởi đầu và chấm dứt trong tánh biết, nhưng tánh biết thì không biết đến sự khởi đầu hay chấm dứt. Nếu suy nghĩ đến nơi đến chốn, và nghiền ngẫm thật lâu, ông sẽ nhận ra ánh sáng của tánh biết với tất cả sự trong sáng của nó, và thế giới sẽ mờ dần và biến mất trong tầm nhìn của ông. Cũng như nhìn một cây nhang đang cháy, ông thấy cây nhang và khói trước; khi để ý kỹ đốm lửa ông sẽ nhận ra nó có năng lực đốt hết hàng núi cây nhang và tỏa đầy khói vào vũ trụ. Cái Ta hiện thực hóa tự thân bất kể mọi tác động của thời gian, mà không hề cạn kiệt những khả năng vô biên của nó. Trong trường hợp cây nhang đang cháy, cây nhang là thân xác, và khói là tâm. Chừng nào tâm còn bận rộn với những uốn lượn thì nó không nhận ra nguồn gốc của chính nó. Vị Đạo sư xuất hiện và xoay sự chú ý của ông vào đốm sáng bên trong. Do bản chất của nó, tâm luôn luôn hướng ngoại, tâm có khuynh hướng tìm kiếm nguồn gốc của sự vật trong chính sự vật. Khi được bảo tìm kiếm nguồn gốc bên trong có nghĩa

là: Bằng một cách nào đó, bắt đầu một cuộc sống mới. Tánh biết thay chỗ cho ý thức; trong ý thức có cái "Ta" – là người ý thức, còn tánh biết thì không phân chia: tánh biết biết chính nó. Cái "Ta hiện hữu" là một ý nghĩ, còn tánh biết không phải là một ý nghĩ; không hề có "Ta biết" trong tánh biết. Ý thức là một thuộc tính còn tánh biết thì không; một người có thể biết mình đang ý thức, nhưng không ý thức được tánh biết. Thượng đế là tổng thể của ý thức, còn tánh biết thì siêu vượt tất cả - hiện hữu lẫn phi hiện hữu.

H: Tôi bắt đầu với câu hỏi về trạng thái của một người sau khi chết. Khi thân xác hư hoại, chuyện gì xảy ra với ý thức của người đó? Liệu người đó mang theo hay để lại các thức như nhãn thức, nhĩ thức, vân vân? Và, nếu người chết không còn các thức kia thì ý thức của người đó trở thành cái gì?

M: Các thức chỉ là những hình thái của nhận thức. Khi những hình thái thô biến mất, những trạng thái vi tế hơn của ý thức xuất hiện.

H: Không có sự chuyển tiếp sang tánh biết sau khi chết?

M: Không thể có sự chuyển tiếp từ ý thức sang tánh biết, vì tánh biết không phải là một hình thái của ý thức. Ý thức chỉ có thể trở nên vi tế và tinh lọc hơn, đó là những gì xảy ra sau khi chết. Khi các phương tiện thể hiện của người chết hư hoại dần thì các hình thái của ý thức do chúng tạo ra cũng từ từ mờ nhạt.

H: Cho đến khi chỉ còn lại vô thức?

M: Hãy nhìn chính ông đang nói về vô thức như một cái gì đến và đi! Ai ở đó để biết vô thức? Bao giờ cửa sổ còn mở thì còn có ánh sáng trong phòng. Khi cửa sổ đóng lại, mặt trời vẫn còn đó, nhưng liệu mặt trời có thấy bóng tối trong căn phòng? Có cái gì như là bóng tối đối với mặt trời? Không hề có cái như vô thức, vì vô thức thì không thể kinh nghiệm được. Chúng ta phỏng đoán về vô thức khi có sự ngắt quãng trong ký ức hay truyền đạt. Nếu Ta ngưng phản ứng, ông sẽ cho rằng Ta vô thức. Trong thực tế, có thể Ta ý thức rất bén nhạy vào lúc đó nhưng chỉ không thể truyền đạt hay nhớ.

H: Tôi hỏi một câu rất đơn giản: Có vào khoảng bốn tỉ người trên thế giới [vào thời điểm đối thoại] và tất cả chắc chắn sẽ chết đi. Trạng thái của họ như thế nào sau khi chết – không phải vật lý, mà là tâm lý? Liệu ý thức của họ sẽ tiếp tục? Nếu tiếp tục, thì dưới hình thức nào? Đừng bảo là tôi đặt sai câu hỏi, hay ông không biết câu trả lời, hay là trong thế giới của ông câu hỏi của tôi vô nghĩa. Ngay khi nói rằng thế giới của ông và thế giới của tôi hoàn toàn khác biệt, không tương hợp thì ông dựng lên một bức tường giữa

ông và tôi. Hoặc là chúng ta sống trong một thế giới, hoặc là kinh nghiệm của ông chẳng ích lợi gì cho chúng tôi.

M: Dĩ nhiên ông và Ta sống trong một thế giới. Chỉ có điều Ta thấy nó như nó là, còn ông thì không. Ông thấy chính ông trong thế giới, còn Ta thấy thế giới trong chính Ta. Với ông, ông được sinh ra và chết đi, còn với Ta thế giới xuất hiện và biến mất. Thế giới của chúng ta là thật, nhưng cái nhìn của ông về thế giới thì không đúng thật. Chẳng có bức tường nào giữa ông và Ta, ngoại trừ bức tường được ông dựng lên. Không có gì sai với các nhận thức, chỉ có sự tưởng tượng của ông mới làm cho ông sai lầm. Sự mê lầm của ông ngăn che thế giới như chính nó là bằng cái mà ông tưởng tượng nó là – một cái gì đó tồn tại độc lập với ông nhưng lại rặp khuôn những mô thức được thừa hưởng, hay thụ đắc của ông. Có một sự mâu thuẫn sâu sắc trong thái độ của ông mà ông không thấy, và đó chính là nguyên nhân của phiền não. Ông khăng khăng với ý tưởng là ông được sinh vào một thế giới của đau khổ và phiền não. Ta biết rằng thế giới là một đứa trẻ của tình yêu, có sự khởi đầu của nó, trưởng thành và thỏa mãn trong tình yêu. Nhưng Ta còn ở ngoài tình yêu.

H: Nếu ông tạo ra thế giới bằng tình yêu, tại sao nó lại đầy đau khổ?

M: Ông nói đúng – từ cái nhìn của thân xác. Nhưng ông không phải thân xác. Ông là sự bao la vô tận của ý thức. Đừng thừa nhận những gì không thật thì ông sẽ thấy sự vật như Ta thấy chúng. Đau khổ và lạc thú, tốt và xấu, đúng và sai chỉ là những điều kiện tương đối và không thể được xem như tuyệt đối. Chúng đều hữu hạn và vô thường.

H: Trong truyền thống đạo Phật, một Nirvani, tức một vị Phật giác ngộ, hoàn toàn tự do đối với vũ trụ. Bậc giác ngộ có thể biết và chứng nghiệm tất cả những gì tồn tại. Bậc giác ngộ có thể điều khiển, can thiệp vào thiên nhiên, vào chuỗi tương quan nhân quả, thay đổi trình tự các diễn tiến, và thậm chí có thể hóa giải quá khứ! Thế giới vẫn có với bậc giác ngộ nhưng bậc giác ngộ hoàn toàn tự do trong thế giới.

M: Những gì ông mô tả là Thượng đế. Dĩ nhiên, khi nào có thế giới thì đều có cái đối ứng với nó, tức là Thượng đế. Nhưng Ta siêu vượt cả hai. Có một vương quốc nọ đi tìm một vị vua. Họ tìm ra đúng người và phong làm vua. Người được phong vương đó không thể nào đã thay đổi. Người đó đơn thuần chỉ được ban cho một tước vị, uy quyền và trách nhiệm của một ông vua. Bản chất của người đó không hề bị ảnh hưởng, mà chỉ có hành động. Tương tự như thế với người giác ngộ, nội dung ý thức của người đó trải qua

một sự chuyển hóa tận căn bản. Nhưng người giác ngộ không lầm lẫn. Người ấy biết rõ cái bất biến.

H: Cái không thay đổi thì không thể ý thức. Ý thức luôn luôn thuộc về thay đổi. Cái không thay đổi không lưu lại dấu vết nào trong ý thức.

M: Có và không. Tờ giấy không phải là chữ viết nhưng nó chứa đựng chữ viết. Mực không phải là bản văn được viết ra, và bản văn không phải là tâm của người đọc – nhưng tất cả đều làm cho bản văn khả hữu.

H: Ý thức xuất phát từ thực tại hay là một thuộc tính của vật chất?

M: Ý thức như thế là một đối ứng vi tế của vật chất. Cũng như quán tính – tức là lực ì – và năng lượng là những thuộc tính của vật chất, thì sự hài hòa thể hiện chính nó thành ý thức. Ông có thể xem nó như là một hình thức năng lượng vô cùng vi tế. Bất cứ nơi nào vật chất tự tổ chức thành một cơ thể ổn định thì ý thức tự xuất hiện một cách tự sinh khởi. Khi cơ thể hủy hoại thì ý thức biến mất.

H: Thế cái gì còn lại?

M: Cái mà vật chất và ý thức là những phương diện của nó, còn lại. Nó bất sinh bất diệt.

H: Nếu nó ở ngoài cả ý thức lẫn vật chất thì làm sao nó có thể được kinh nghiệm?

M: Nó có thể được biết qua những tác động của nó lên cả hai; hãy tìm nó trong cái đẹp và trong hạnh phúc chơn thật. Nhưng ông chỉ có thể hiểu được thân xác và ý thức là gì khi nào ông vượt ra ngoài cả hai.

H: Vui lòng cho chúng tôi biết một cách huỵch toẹt: Ông có ý thức hay vô thức?

M: Người giác ngộ không ý thức mà cũng chẳng vô thức. Nhưng tất cả đều được dung chứa trong sự giác ngộ của người đó. Tánh biết dung chứa mọi kinh nghiệm. Nhưng người biết ở ngoài mọi kinh nghiệm. Người đó ở ngoài cả tánh biết.

H: Có một nền tảng của kinh nghiệm, gọi đó là vật. Có người kinh nghiệm, gọi đó là tâm. Cái gì là cầu nối giữa vật và tâm?

M: Chính khoảng trống giữa hai cái là cầu nối. Cái – một đầu trông như vật, và một đầu giống như tâm – là cây cầu trong chính nó. Đừng phân chia thực tại thành tâm và thân thì chẳng cần đến cầu.

Ý thức sinh khởi thì thế giới sinh khởi. Khi chiêm ngưỡng trí tuệ và cái đẹp của thế giới, ông gọi đó là Thượng đế. Khi biết nguồn gốc của tất cả - ở

ngay trong chính ông – ông sẽ nhận ra mọi câu hỏi của ông đều đã được giải đáp.

H: Người thấy và cái bị thấy là hai hay một?

M: Chỉ có sự thấy; cả người thấy và cái bị thấy đều ở trong nó. Đừng tạo ra khác biệt thì không có khác biệt.

H: Tôi bắt đầu với câu hỏi về một người khi chết. Ông bảo rằng kinh nghiệm của người đó sẽ hình thành chính nó tùy theo sự mong đợi hay tin tưởng của người đó.

M: Trước khi được sinh ra, ông mong đợi sẽ sống theo một phương án nào đó mà ông đã lập ra. Ý chí của ông chính là xương sống định mệnh của ông.

H: Nhưng chắc chắn nghiệp xen vào.

M: Nghiệp tạo ra cảnh ngộ, còn thái độ là của chính ông. Xét cho cùng, cá tính của ông định hình cuộc đời ông, và chỉ ông mới có thể định hình cá tính của ông.

H: Một người định hình cá tính của mình như thế nào?

M: Bằng cách thấy nó như nó là, và bằng sự thành khẩn hối lỗi. Sự thấy biết cảm thọ đồng nhất này có thể làm được những phép lạ. Cũng như đúc một ảnh tượng bằng đồng; chỉ riêng kim loại hay lửa thì vẫn chưa đủ, mà ngay cả khuôn đúc cũng vô dụng. Ông phải nấu chảy kim loại trong sức nóng của lửa rồi đổ vô khuôn.

***

57. Bên ngoài tâm không hề có đau khổ

Hỏi: Thấy ông ngồi trong nhà con trai chờ bữa ăn trưa, tôi thắc mắc không biết nội dung ý thức của ông có giống với của tôi, hay một phần nào đó khác biệt, hay hoàn toàn khác biệt. Không biết ông có cảm thấy đói và khát như tôi, mong cho bữa ăn sớm được dọn ra, hay tâm ông ở trong một trạng thái hoàn toàn khác biệt?

Maharaj: Chẳng có gì khác biệt lắm trên bề mặt, nhưng ở dưới sâu thì rất nhiều. Ông chỉ biết ông qua các cảm thọ và tâm, ông cho ông là những gì chúng đề khởi. Vì không có được sự hiểu biết trực tiếp về chính mình, ông chỉ có những ý tưởng về ông mà tất cả đều tầm phào, gián tiếp, và nghe nói. Ông cho bất cứ gì ông nghĩ ông là – là sự thật. Cái thói quen tưởng tượng rằng ông là một cái gì đó có thể nhận thức được và mô tả được – rất mãnh liệt trong ông.

Ta thấy như ông thấy, nghe như ông nghe, nếm như ông nếm, ăn như ông ăn. Ta cũng cảm thấy đói, khát và mong đợi thức ăn được dọn đúng giờ. Khi nhịn đói hay đau ốm thân và tâm Ta suy yếu. Tất cả những trạng thái như thế Ta nhận thức rất rõ, nhưng một cách nào đó Ta không ở trong chúng. Ta cảm thấy như thể Ta nổi trên chúng, xa lìa và bất tùy thuộc. Có sự xa lìa và bất tùy thuộc, cũng có cảm giác đói và khát, cũng có cả sự biết về tất cả những thứ đó, và một ý thức về một khoảng cách mênh mông, như thể là thân, tâm và tất cả những gì xảy ra cho thân, tâm ở một nơi nào đó xa xăm tận chân trời. Ta giống như một màn ảnh xinê – trong sáng và trống không – phim ảnh đi ngang qua đó và biến mất, để lại màn ảnh trong sáng và trống không như trước kia. Màn ảnh không hề bị tác động bởi phim chiếu, và phim chiếu cũng không hề bị tác động bởi màn ảnh. Màn ảnh ngăn ánh sáng lại và phản chiếu các hình ảnh, nó không tạo ra các hình ảnh. Màn ảnh chẳng có liên quan nào với cuốn phim. Cuốn phim là cuốn phim – một mớ định mệnh – không phải định mệnh của Ta mà là định mệnh của những người trên màn ảnh.

H: Ông không có ý nói rằng những người trong phim ảnh có định mệnh! Họ thuộc về một chuyện phim, mà chuyện phim thì không phải của họ.

M: Thế còn ông? Ông định hình cuộc đời hay cuộc đời định hình ông?

H: Vâng, ông nói đúng. Một câu chuyện đời tự trải ra và tôi là một trong các diễn viên trong đó. Tôi không có hiện hữu nào ngoài nó, cũng như nó không thể hiện hữu mà không có tôi. Tôi chỉ là một nhân vật, chứ không phải một con người.

M: Khi bắt đầu định hình cuộc đời của chính mình – thay vì chấp nhận cuộc đời như nó đến – thì nhân vật trở thành con người, rồi đồng hóa chính mình với cuộc đời.

H: Khi tôi hỏi và ông trả lời, một cách chính xác chuyện gì xảy ra?

M: Câu hỏi và câu trả lời – cả hai đều xuất hiện trên màn ảnh. Môi cử động, thân xác nói, rồi màn ảnh lại trở về với sự trong sáng và trống không.

H: Khi nói trong sáng và trống không, ông muốn nói gì?

M: Ta muốn nói là hoàn toàn không có nội dung. Ta không thể nhận thức được hay hiểu được đối với chính Ta; không có gì để Ta có thể chỉ vào đó và bảo: "Đây là Ta." Ông đồng hóa chính ông với bất cứ gì một cách dễ dàng, Ta thì không thể như thế. Nhận thức: "Ta không phải là cái này hay cái kia, hay không có gì là của Ta" mãnh liệt trong Ta đến nỗi ngay khi có

một cái gì, hay một ý nghĩ xảy ra thì lập tức ý thức "Cái này không phải Ta" xuất hiện.

H: Ông muốn nói rằng suốt đời ông, ông chỉ lập đi lập lại "Cái này không phải Ta, cái kia không phải Ta?"

M: Dĩ nhiên là không. Ta nói ra để cho ông hiểu. Nhờ ân đức của Tôn sư, Ta đã nhận ra một lần và vĩnh viễn rằng Ta không phải là đối tượng hay chủ thể, Ta không cần lúc nào cũng nhắc nhớ chính mình.

H: Tôi không nắm bắt một cách chính xác ý ông khi ông bảo rằng ông không phải là đối tượng hay chủ thể. Ngay lúc này, khi ông và tôi đang nói chuyện, không phải tôi là đối tượng mà ông kinh nghiệm, còn ông là chủ thể?

M: Ông xem đây, ngón tay cái của Ta chạm vào ngón tay trỏ. Cả hai cùng chạm và bị chạm. Khi sự chú ý của Ta đặt vào ngón cái thì ngón cái là người cảm nhận, và ngón trỏ là – cái Ta. Thay đổi tiêu điểm của sự chú ý thì tương quan đảo ngược. Ta nhận thấy rằng một cách nào đó, bằng cách thay đổi tiêu điểm của sự chú ý, Ta trở thành chính cái mà Ta quan sát và kinh nghiệm ý thức của nó; Ta trở thành nhân chứng nội tại của cái đó. Ta gọi cái khả năng thể nhập những tiêu điểm khác của ý thức là tình yêu. Ông có thể đặt cho nó bất cứ cái tên nào ông thích. Tình yêu bảo: "Ta là tất cả." Trí tuệ bảo: "Ta không là gì cả." Ở giữa hai cái là cuộc sống của Ta trôi chảy. Vì vào bất cứ điểm nào trong thời gian và không gian Ta đều có thể trở thành cả chủ thể lẫn đối tượng của kinh nghiệm, nên Ta bảo: Ta là cả hai, mà chẳng phải cả hai, và ở ngoài cả hai.

H: Ông phát biểu những điều rất lạ lùng về chính ông. Điều gì khiến ông nói như thế? Ông nói ông ở ngoài không gian và thời gian nghĩa là thế nào?

M: Ông hỏi và câu trả lời bật ra. Ta quan sát chính Ta – Ta quan sát câu trả lời và thấy không có gì mâu thuẫn. Ta biết rõ rằng Ta đang nói với ông sự thật. Tất cả chỉ đơn giản như thế. Miễn là ông tin Ta nói điều Ta muốn nói, và Ta rất nghiêm túc. Ta đã nói với ông rồi, Tôn sư chỉ cho Ta bản tánh chơn thật của Ta – và bản tánh chơn thật của thế giới. Khi nhận ra Ta là một với thế giới nhưng vẫn ở ngoài thế giới thì Ta trở nên tự do đối với tham ái và lo sợ. Ta đã không biện luận rằng Ta phải tự do – Ta nhận ra chính Ta tự do – một cách bất ngờ, mà không hề cố gắng. Từ đó đến nay sự tự do đối với tham ái và lo sợ này vẫn còn trong Ta. Ta còn nhận ra một điều nữa là Ta không cần phải dụng công – hành động đi liền theo ý nghĩ, không chậm

trễ hay va chạm. Ta cũng nhận thấy ý nghĩ trở nên tự viên mãn, và mọi thứ rơi vào đúng chỗ của nó một cách êm thấm. Sự thay đổi quan trọng xảy ra trong tâm; tâm trở nên tịnh và lặng, tâm phản ứng bén nhạy nhưng không làm cho phản ứng trở nên thường xuyên. An nhiên tự tại trở thành một lối sống, cái thật trở nên tự nhiên và cái tự nhiên trở nên thật. Và quan trọng hơn tất cả, tình cảm bao la, tình yêu, sự kín đáo và tĩnh lặng, chiếu sáng khắp mọi phương, bao trùm tất cả, làm cho tất cả trở nên thù thắng và đẹp đẽ, uy nghi và tốt lành.

H: Chúng tôi nghe nói các năng lực *Yoga* phát sinh tùy nghi trong một người đã nhận ra sự hiện hữu chơn thật của chính mình. Ông có kinh nghiệm nào về những năng lực như thế?

M: Năm thân của con người (vật lý, vân vân) có những năng lực tiềm tàng ngoài những mơ tưởng phóng túng nhất của chúng ta. Không những toàn thể vũ trụ được phản ảnh trong con người, mà cả cái năng lực điều hành vũ trụ lúc nào cũng sẵn sàng để con người sử dụng. Người có trí tuệ không nao nức sử dụng những năng lực như thế, trừ khi tình huống yêu cầu. Người đó nhận thấy các khả năng và sự khéo léo của tính cách con người đủ dùng trong những vấn đề của cuộc sống thường ngày. Bằng sự luyện tập chuyên biệt, người ta có thể phát huy một năng lực nào đó, nhưng ai còn phô trương những năng lực như thế thì còn trong vòng ràng buộc. Người có trí tuệ không cho bất cứ gì là của riêng mình. Nếu có một phép lạ ở một nơi nào đó, vào một thời điểm nào đó, được gán cho một ai đó, thì người trí tuệ không đặt ra một quan hệ nhân quả nào giữa các sự kiện và con người, và cũng không cho phép đưa ra một kết luận. Tất cả đã xảy ra như nó đã xảy ra vì nó đã phải xảy ra; mọi thứ xảy ra như mọi thứ xảy ra, bởi vì vũ trụ hiện hữu như nó hiện hữu.

H: Hình như vũ trụ không phải là một nơi hạnh phúc để sống. Vì sao lại có quá nhiều đau khổ đến thế?

M: Đau đớn là vật lý, đau khổ là tâm lý. Bên ngoài tâm không hề có đau khổ. Đau đớn chỉ là một dấu hiệu cho thấy thân xác gặp nguy hiểm và đòi hỏi phải được chăm sóc. Tương tự như thế, đau khổ báo cho chúng ta biết rằng cái cơ cấu của ký ức và thói quen mà chúng ta gọi là con người – *Vyakti* – bị đe dọa bởi sự mất mát hay thay đổi. Đau đớn là cần thiết cho sự sinh tồn của thân xác, nhưng không có gì buộc ông phải đau khổ. Đau khổ hoàn toàn do thái độ bám giữ hay cưỡng lại gây ra; nó biểu hiện thái độ miễn cưỡng của chúng ta trong sự tiến tới và tùy thuận với cuộc sống.

Một cuộc sống lành mạnh thì không còn đau đớn, một cuộc sống thánh thiện thì không còn đau khổ.

H: Chẳng có ai đau khổ hơn thánh nhân.

M: Họ nói với ông, hay chính ông nói thế? Điều quan yếu của sự thánh thiện là là hoàn toàn chấp nhận khoảnh khắc hiện tại, hòa hợp với tất cả như chúng đang xảy ra. Bậc thánh nhân không hề muốn sự vật khác với những gì chúng là, vì biết rằng – xét đến tất cả các yếu tố - chúng là bất khả tránh. Bậc thánh nhân thân thiện với cái bất khả tránh, và, do đó không đau khổ. Bậc thánh nhân có thể biết sự đau đớn nhưng sự đau đớn không thể khuất phục bậc thánh nhân. Bậc thánh nhân có thể làm những gì cần thiết để lập lại sự quân bình đã mất – hoặc cũng có thể bậc thánh nhân cứ để mọi chuyện xảy ra theo giòng luân lưu của chúng.

H: Bậc thánh nhân có thể chết.

M: Thế thì đã sao? Sống mãi người đó được gì, và chết đi người đó mất gì? Cái được sinh ra thì phải chết. Cái chưa bao giờ được sinh ra thì không thể chết. Cho mình là cái nào thì hoàn toàn tùy thuộc người đó.

H: Giả sử ông đau ốm thập tử nhất sinh. Ông có hối tiếc hay ân hận gì không?

M: Nhưng Ta đã chết, hay đúng ra là Ta không sống mà cũng chẳng chết. Ông thấy thân xác Ta hành hoạt theo thói quen của nó và đưa ra những kết luận. Ông không chịu nhìn nhận rằng mọi kết luận của ông không thể ràng buộc được ai ngoài chính ông. Hãy thấy được rằng hình ảnh mà ông có về Ta là hoàn toàn sai lầm; ngay cả hình ảnh mà ông có về chính ông cũng lầm nốt, nhưng đó là vấn đề của ông. Ông không cần thiết phải tạo ra vấn đề cho Ta, rồi yêu cầu Ta giải quyết. Ta không tạo ra vấn đề và cũng chẳng giải quyết vấn đề.

***

58. Sự toàn hảo – vận mệnh chung

Hỏi: Khi được hỏi về phương tiện để giác ngộ chính mình, ông luôn luôn nhấn mạnh sự quan trọng của việc đặt tâm vào ý thức "Ta hiện hữu." Đâu là yếu tố nhân quả? Tại sao ý nghĩ đặc thù này đưa đến sự giác ngộ chính mình? Suy tư về "Ta hiện hữu" tác động đến tôi như thế nào?

Maharaj: Chính thực tế sự quan sát thay đổi người quan sát và cái được quan sát. Xét cho cùng, cái ngăn che sự thấy biết rõ ràng bản tính chơn thật của mỗi người là sự nhu nhược và trì trệ của tâm, và khuynh hướng của tâm là bỏ qua cái tế mà chỉ chú ý đến cái thô. Khi hành theo sự chỉ dẫn của Ta

và tìm cách chỉ đặt tâm vào ý niệm "Ta hiện hữu" thì ông sẽ hoàn toàn biết rõ tâm và những giao động thất thường của nó. Tánh biết – là sự hài hòa trong sáng trong hành động – làm tan biến sự u tối và bất an của tâm, và sẽ từ từ nhưng chắc chắn thay đổi bản chất của tâm. Sự thay đổi này không nhất thiết gây chú ý và có thể rất khó nhận ra, nhưng là một sự chuyển hóa sâu sắc và căn bản từ tối sang sáng, từ không biết sang biết.

H: Bắt buộc phải là công thức "Ta hiện hữu"? Bất cứ câu nào khác không được hay sao? Nếu tôi tập trung vào câu "có một cái bàn" – *There is a table* – thì không phải cũng có cùng một mục đích?

M: Nếu để thực hành sự tập trung – thì đúng. Nhưng sự thực hành đó không đưa ông ra khỏi ý nghĩ về cái bàn. Ông không cần biết về cái bàn, mà ông muốn biết chính ông. Muốn vậy, phải luôn luôn giữ trong tiêu điểm của ý thức sự gợi ý duy nhất mà ông có: Tính chắc chắn về sự hiện hữu của ông. Hãy ở với nó, vui đùa với nó, tư duy về nó, tìm hiểu nó thật sâu xa, cho đến khi lớp vỏ vô minh bật mở, và ông thể nhập cảnh giới của thực tại.

H: Có quan hệ nhân quả nào giữa sự chú ý của tôi vào cái "Ta hiện hữu" và sự khai mở cái vỏ vô minh?

M: Sự thôi thúc tìm ra chính mình là một dấu hiệu cho biết ông sẵn sàng. Động lực luôn luôn khởi động từ bên trong. Nếu chưa đến lúc thì ông không thể có được ước muốn và sức mạnh để hết lòng dấn thân cho sự tìm hiểu chính mình.

H: Thế không phải phong thái của Đạo sư đã khiến cho chúng tôi ước muốn và mong được thỏa mãn ước muốn đó? Không phải vẻ mặt sáng ngời của Đạo sư đã thu hút chúng tôi và lôi chúng tôi ra khỏi vũng lầy đau khổ?

M: Chính vị Đạo sư bên trong đưa ông đến với Đạo sư bên ngoài, như một bà mẹ dẫn con đến gặp ông thầy. Hãy tin tưởng và quy thuận Đạo sư, vì Đạo sư là sứ giả của cái Ta chơn thật của ông.

H: Làm sao tôi có thể tìm được một Đạo sư khả tín?

M: Chính trái tim của ông sẽ cho ông biết. Tìm một Đạo sư không khó vì vị ấy lúc nào cũng sẵn sàng, còn ông thì không. Ông phải sẵn sàng tiếp thu, nếu không thì khi gặp Đạo sư ông có thể bỏ lỡ cơ hội vì sự lơ đễnh và cố chấp. Như trường hợp Ta, trong Ta chẳng có gì hứa hẹn lắm, nhưng khi gặp Đạo sư, Ta lắng nghe, tin tưởng và quy thuận.

H: Thế không phải tôi cần cẩn thận tìm hiểu một Đạo sư trước khi hoàn toàn giao trọn tôi cho vị ấy?

M: Bằng mọi cách hãy tìm hiểu! Nhưng liệu ông có thể tìm ra được gì? Ông chỉ có thể tìm ra những gì mà Đạo sư xuất hiện đối với ông trên bình diện của ông.

H: Tôi sẽ quan sát xem vị ấy có nhất quán, cuộc sống và giáo pháp của vị ấy có tương ứng với nhau không?

M: Nếu ông tìm ra rất nhiều sự bất tương ứng thì sao? Nó chẳng chứng minh được điều gì. Chỉ dụng tâm mới quan trọng. Làm sao ông biết được sự dụng tâm của vị ấy?

H: Ít ra, tôi mong đợi vị ấy là một người biết tự chế, có một cuộc sống ngay thawngr.

M: Những người như thế thì rất nhiều, nhưng chẳng ích lợi gì cho ông. Đạo sư là người có thể chỉ cho ông con đường về nhà, con đường trở về với cái Ta chơn thật của chính ông. Sự chỉ dẫn này có liên quan gì đến cá tính, tính tình của con người mà vị Đạo sư có vẻ như thế? Thế không phải Đạo sư đã nói thẳng với ông là vị ấy không phải là một con người? Cách duy nhất mà ông có thể nhận xét là sự thay đổi trong chính ông khi ông thân cận với vị ấy. Nếu ông cảm thấy an lạc hơn, nếu ông hiểu chính ông rõ ràng và sâu sắc hơn bình thường, thì có nghĩa là ông đã gặp đúng Đạo sư. Ông không cần phải vội vàng, nhưng một khi đã quyết định tin tưởng vị ấy thì hãy tin tưởng tuyệt đối, và hoàn toàn tuân theo mọi chỉ dẫn với tất cả tín tâm. Nếu ông không nhận vị ấy làm Đạo sư, mà chỉ thỏa mãn với sự kề cận với vị ấy, thì điều đó cũng chẳng quan trọng. Chỉ riêng *Satsang* cũng có thể đưa ông đến đích, miễn là nó không bị cấu nhiễm và nhiễu loạn. Nhưng một khi đã chấp nhận một người làm Đạo sư thì hãy lắng nghe, ghi nhớ, và quy thuận. Lừng chừng là một chướng ngại nghiêm trọng, và là nguyên nhân của mọi đau khổ do chính mình gây ra. Đạo sư thì không bao giờ sai lầm, sai lầm luôn luôn do sự u mê và ngoan cố của người môn đồ gây ra.

H: Khi đó Đạo sư có xua đuổi, hay khai trừ người môn đồ?

M: Người làm như thế thì không phải là một Đạo sư! Vị Đạo sư vẫn kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi người môn đồ trở nên kiềm chế, trấn tĩnh, và trở lại với một trạng thái sẵn sàng tiếp thu.

H: Động cơ là vật lý? Vì sao Đạo sư lại chuốc lấy phiền nhiễu như thế?

M: Đau khổ và chấm dứt đau khổ. Đạo sư thấy con người đau khổ trong chiêm bao, và muốn họ thức tỉnh. Tình yêu không dung thứ đau đớn và đau khổ. Lòng kiên nhẫn của Đạo sư thì vô hạn, và, do đó lòng kiên nhẫn đó không thể bị thất bại. Đạo sư không bao giờ thất bại.

H: Liệu Đạo sư đầu tiên cũng là Đạo sư cuối cùng, hay tôi phải theo đuổi hết Đạo sư này đến Đạo sư khác?

M: Toàn thể vũ trụ là Đạo sư của ông. Nếu tỉnh thức và thông minh, ông có thể học từ bất cứ gì. Nếu tâm ông trong và lòng ông sạch, ông có thể học ở bất cứ ai đi qua. Chính vì ông lười biếng hoặc bất an nên cái Ta bên trong ông thị hiện thành vị Đạo sư bên ngoài, khiến ông tin tưởng và quy thuận.

H: Liệu cần thiết phải có một Đạo sư?

M: Câu ông hỏi cũng giống như "Liệu cần thiết phải có một bà mẹ?" Để thăng tiến từ phương vị này đến phương vị khác trong ý thức, ông cần sự trợ giúp. Sự trợ giúp không luôn luôn phải mang hình tướng của một con người, mà có thể là một sự hiện diện vi tế, hay một thoáng trực giác – nhưng chắc chắn sự trợ giúp sẽ đến. Cái Ta bên trong theo dõi và chờ đợi đứa con trở về với cha của nó. Vào đúng lúc, cái Ta sẽ sắp đặt mọi chuyện một cách ân cần và hữu hiệu. Khi cần đến một sứ giả hay người hướng dẫn, cái Ta sẽ phái vị Đạo sư để giải quyết những điều cần thiết.

H: Có một điều tôi không nắm bắt được. Ông nói cái Ta bên trong khôn ngoan, tốt đẹp và toàn hảo về mọi mặt, và con người chỉ là một ảnh phản chiếu, mà tự thân không có thực thể. Ấy thế mà ông lại chuốc lấy đủ thứ phiền nhiễu để giúp con người nhận ra chính mình. Nếu con người quả thật tầm thường như thế thì cần gì phải bận tâm đến sự an sinh của nó? Cần gì phải đếm xỉa đến một cái bóng?

M: Ông vừa đưa nhị nguyên đối đãi vào chỗ không có. Có thân và có cái Ta. Giữa hai cái là tâm, trong tâm cái Ta được phản chiếu thành "Ta hiện hữu." Chính vì những sai sót, tính thô thiển và bồn chồn, sự thiếu vắng nhận thức sâu sắc và trong sáng của tâm, nên tâm nhận lầm chính nó là thân xác, thay vì cái Ta. Tất cả những gì cần thiết là làm cho tâm trở nên trong sáng để tâm có thể nhận ra sự đồng nhất của nó với cái Ta. Khi tâm hội nhập với cái Ta, thân xác không gây ra một trở ngại nào. Thân xác vẫn như nó là: một công cụ nhận thức và hành động, một phương tiện và sự thể hiện của ngọn lửa sáng tạo bên trong. Giá trị tối hậu của thân xác là phục vụ cho sự khám phá thân vũ trụ, tức là vũ trụ trong tổng thể viên mãn của nó. Khi nhận ra chính ông trong sự thị hiện, ông sẽ tiếp tục khám phá rằng ông còn hơn cả những gì mà chính ông đã tưởng tượng.

H: Sự khám khá chính mình không bao giờ kết thúc?

M: Vì không có sự khởi đầu nên không có sự kết thúc. Nhờ ân đức của Tôn sư, Ta đã khám phá ra rằng: Tất cả những gì có thể chỉ vào được đều

không phải là Ta; Ta không là "cái này" hay "cái kia." Đây là một sự thật tuyệt đối.

H: Như vậy vượt ra khỏi chính mình để vào những giai tầng mới xảy ra khi nào trong sự khám phá không bao giờ kết thúc này?

M: Tất cả đều thuộc về phạm trù của sự thị hiện; nó ở ngay trong cơ cấu của vũ trụ - chỉ có thể đạt được cái cao hơn khi đã thoát ra khỏi cái thấp hơn.

H: Cái gì là cao hơn và cái gì là thấp hơn?

M: Hãy nhìn sự việc theo tánh biết. Ý thức sâu hơn và rộng hơn thì cao hơn. Tất cả mọi sự sống đều hành động cho sự bảo vệ, duy trì và mở rộng ý thức. Đây chính là ý nghĩa và mục đích duy nhất của thế giới. Đây chính là cốt tủy của *Yoga* – không ngừng nâng cao trình độ của ý thức, khám phá những giai tầng mới, cùng với những đặc tính, phẩm chất và năng lượng của những giai tầng đó. Trong ý nghĩa này, toàn thể vũ trụ trở thành – *Yogakshetra* – trường *Yoga*.

H: Liệu sự toàn hảo có phải là vệnh mệnh chung của toàn thể nhân loại?

M: Của tất cả chúng sinh – tối hậu là như thế. Khả năng sẽ trở thành tất định một khi ý niệm về giác ngộ xuất hiện trong tâm. Khi đã nghe và hiểu được rằng sự giải thoát ở ngay trong tầm với thì một người sẽ không thể quên được, vì đó là thông điệp đầu tiên từ bên trong. Nó sẽ bám rễ, mọc lên và vào đúng lúc sẽ mang lấy hình tướng của Đạo sư.

H: Như vậy, tất cả những gì mà chúng ta quan tâm là khôi phục lại tâm?

M: Còn gì khác? Tâm đi lạc, tâm trở về nhà. Ngay cả từ "lạc" cũng không chuẩn. Tâm phải biết chính nó trong từng trạng huống. Chẳng có gì là sai lầm, miễn là không tái phạm.

***

59. Tham ái và lo sợ là các trạng thái hướng ngã

Hỏi: Tôi muốn trở lại với câu hỏi về sự thích thú và đau đớn, tham ái và lo sợ. Tôi hiểu rằng lo sợ có nghĩa là ghi nhớ và tiên liệu về sự đau đớn thì cần thiết cho sự duy trì cơ thể và mô thức sống của nó. Mọi nhu cầu khi cần đến thì đầy đau đớn, và tiên liệu về những nhu cầu đó thì đầy lo sợ; con người có lý do chính đáng để lo sợ không đáp ứng được những nhu cầu căn bản. Người ta cảm thấy nhẹ nhõm khi một nhu cầu nào đó được thỏa mãn, hoặc lo âu giảm đi hoàn toàn là do sự đau đớn chấm dứt. Chúng ta có thể đặt cho trạng thái đó những cái tên mang tính tích cực như sự thích thú, hoặc vui sướng, hay hạnh phúc, nhưng thực chất là thoát khỏi đau đớn.

Chính sự sợ đau này đã liên kết tất cả các định chế xã hội, kinh tế và chính trị của chúng ta.

Điều làm tôi bối rối là chúng ta tìm kiếm lạc thú trong sự vật và các trạng thái của tâm – là những thứ hoàn toàn không có liên quan gì với sự sinh tồn. Trái lại, những lạc thú của con người thường mang tính hủy diệt. Chúng gây thiệt hại hay hủy diệt đối tượng, công cụ và ngay cả chủ thể của sự thích thú. Nếu không phải như thế thì lạc thú và sự theo đuổi lạc thú chẳng tạo ra vấn đề. Cốt lõi câu hỏi của tôi là: Tại sao lạc thú lại có tính cách hủy diệt? Tại sao người ta vẫn cần đến lạc thú bất kể tính hủy diệt của nó?

Có thể nói thêm là tôi không có trong tâm cái mô thức "lạc thú đau đớn" mà thiên nhiên buộc chúng ta đi theo con đường của nó. Tôi nghĩ đến những lạc thú do con người tạo ra, từ thỏa mãn các giác quan đến vi tế, từ thô thiển nhất như ăn uống no say đến thanh tao. Thói đam mê lạc thú bằng mọi giá thì chung nhất cho mọi người, như thế phải có một cái gì có ý nghĩa tại nguồn gốc của nó.

Dĩ nhiên, không phải mọi sinh hoạt của con người đều vụ lợi, nhằm thỏa mãn một sự cần cầu. Chẳng hạn như vui chơi thì rất tự nhiên, và con người là sinh vật ham vui nhất trong sự tồn tại. Sự vui chơi thỏa mãn nhu cầu khám phá chính mình và phát triển chính mình. Nhưng ngay cả khi vui chơi, con người vẫn tìm cách hủy diệt thiên nhiên, hủy diệt người khác, và hủy diệt chính mình.

Maharaj: Nói tóm lại, ông không phản đối lạc thú, mà chỉ chống lại cái giá của nó là đau đớn và đau khổ.

H: Nếu tự thân thực tại là an lạc thì lạc thú, một cách nào đó, phải có liên quan với thực tại.

M: Không nên tiếp tục bằng lý lẽ của ngôn từ. An lạc của thực tại không loại trừ đau khổ. Ông chỉ biết lạc thú, chứ ông không biết được sự an lạc của sự hiện hữu thuần túy. Vậy chúng ta hãy tìm hiểu lạc thú trên bình diện của nó.

Nếu quan sát chính mình vào những lúc kích thích hay đau đớn, chắc chắn ông sẽ nhận ra rằng tự thân sự kiện không gây thích thú hay đau đớn, mà là tình huống trong đó sự kiện chỉ là một phần. Sự thích thú ở trong quan hệ giữa người thụ hưởng và cái được thụ hưởng. Và điều chính yếu trong quan hệ đó là sự chấp nhận. Dù tình huống là thế nào đi nữa, nếu được chấp nhận thì nó đem lại thích thú. Nếu không được chấp nhận thì nó

gây đau đớn. Điều gì làm cho tình huống được chấp nhận thì không quan trọng; nguyên nhân có thể là vật lý, hay tâm lý, hoặc không thể biết được, nhưng chấp nhận là yếu tố quyết định. Một cách tương ứng, đau khổ là do không chấp nhận.

H: Đau đớn thì không thể chấp nhận được.

M: Tại sao không? Ông có bao giờ thử chưa? Cứ thử đi và ông sẽ nhận thấy rằng trong đau đớn có một sự vui sướng mà sự thích thú không thể đem lại; lý do thật đơn giản: Chấp nhận đau đớn sẽ khiến ông cảm nhận sâu sắc hơn là sự thích thú. Cái Ta cá nhân, do bản chất của nó, không ngừng theo đuổi lạc thú và né tránh đau đớn. Chấm dứt được mô thức này là đoạn trừ được cái Ta. Đoạn trừ được cái Ta với những tham ái và lo sợ của nó sẽ tạo cơ hội cho ông trở về với bản tính chơn thật của ông, cội nguồn của mọi an lạc. Nỗi khao khát lạc thú triền miên là phản ảnh của sự hài hòa nội tại phi thời. Sự thật hiển nhiên là một người chỉ biết về chính mình khi ở vào một tình huống xung đột giữa lạc thú và đau khổ, đòi hỏi phải có một sự chọn lựa hay quyết định. Chính sự va chạm giữa tham ái và lo sợ này gây nên sân hận, một công cụ hủy diệt mãnh liệt nhất đối với sự thanh thản của cuộc sống. Khi đau đớn được chấp nhận như nó là – một bài học và cũng là một cảnh báo – được tìm hiểu đến nơi đến chốn và được chú ý đến, thì sự phân biệt giữa đau đớn và thích thú không còn nữa, cả hai đều trở thành kinh nghiệm – đau đớn khi cưỡng lại, thích thú khi chấp nhận.

H: Ông không dạy trốn tránh lạc thú và theo đuổi đau đớn?

M: Không, chẳng theo đuổi lạc thú mà cũng không trốn tránh đau đớn. Chấp nhận cả hai khi chúng đến, vui thích với cả hai khi chúng có đó, và để chúng ra đi vì chúng phải ra đi.

H: Làm sao tôi có thể vui thích với đau đớn? Những đau đớn vật lý kêu gọi phải có hành động.

M: Tất nhiên, những đau khổ tâm lý cũng vậy. An lạc ở trong sự biết rõ đau khổ, chứ không ở trong sự co lại thủ thế, hay bằng mọi cách quay đi. Mọi hạnh phúc đều khởi sinh từ biết. Chúng ta càng biết nhiều thì niềm vui sướng càng sâu đậm. Chấp nhận đau đớn, không đề kháng, dũng cảm và chịu đựng là chìa khóa khai mở cội nguồn sâu thẳm và vĩnh cửu của hạnh phúc chơn thật, và an lạc đích thực.

H: Vì sao đau đớn được cảm nhận sâu sắc hơn thích thú?

M: Thích thú luôn luôn được chấp nhận, trong khi cái Ta dồn tất cả sức lực của nó để cưỡng lại đau đớn. Vậy chấp nhận đau đớn là phủ nhận cái

Ta, mà cái Ta thì ngăn trở hạnh phúc chơn thật; do đó, thực tâm chấp nhận đau đớn là khai phóng những giòng suối của hạnh phúc.

H: Chấp nhận đau khổ cũng thế sao?

M: Thực tế của sự đau đớn có thể được đưa vào tiêu điểm của tánh biết một cách dễ dàng. Đau khổ thì không đơn giản như thế. Chú ý đến đau khổ vẫn chưa đủ, vì cuộc sống tâm lý – như chúng ta biết – là một giòng đau khổ liên tục. Để đạt đến những tầng lớp sâu hơn của đau khổ, ông phải tìm ra những gốc rễ của nó và phát hiện cái mạng lưới bao la ở bên dưới, nơi mà lo sợ và tham ái đan kết với nhau một cách chặt chẽ, và những giòng sinh lực đối kháng, ngăn trở và hủy diệt lẫn nhau.

H: Làm sao tôi có thể chấn chỉnh một tình trạng rối ren, hoàn toàn ở dưới bình diện của ý thức?

M: Bằng cách ở với chính ông – cái "Ta hiện hữu"; bằng cách quan sát chính ông trong cuộc sống hàng ngày với sự chú tâm tỉnh thức để hiểu, thay vì để phán xét, trong sự chấp nhận hoàn toàn bất cứ gì xuất hiện bởi vì nó có đó thì ông khuyến khích những gì tận sâu kín nổi lên trên mặt, và làm cho cuộc sống cũng như ý thức của ông trở nên phong phú với những nguồn năng lực mà trước kia đã từng bị giam hãm. Đây là một việc làm vĩ đại của tánh biết, nó tháo gỡ các chướng ngại và giải tỏa các nguồn năng lượng bằng sự hiểu rõ bản chất của cuộc sống và tâm. Trí tuệ là cánh cửa đi đến tự do, và sự chú ý tỉnh thức là mẹ của trí tuệ.

H: Còn một câu hỏi nữa. Tại sao lạc thú chấm dứt trong đau khổ?

M: Mọi cái đều có sự khởi đầu và sự chấm dứt, lạc thú cũng vậy. Đừng trông mong và cũng đừng nuối tiếc thì sẽ không có đau khổ. Chính ký ức và trí tưởng tượng tạo ra đau khổ.

Đau khổ đến sau lạc thú có thể là do sử dụng tâm hay thân một cách sai lầm. Thân biết rõ giới hạn của nó, nhưng tâm thì không. Những khao khát của tâm thì vô số và vô hạn. Hãy chuyên chú quan sát tâm ông, vì trong đó đầy những ràng buộc nhưng cũng có cả chìa khóa mở cánh cửa tự do.

H: Câu hỏi của tôi vẫn chưa được trả lời trọn vẹn: Tại sao lạc thú của con người mang tính hủy diệt? Tại sao con người cảm thấy vô cùng thích thú trong sự hủy diệt? Mối bận tâm của cuộc sống là bảo vệ chính nó, làm cho chính nó trở nên vĩnh cửu, và bành trướng chính nó. Trong điều kiện như thế cuộc sống bị sai sử bởi đau khổ và lạc thú. Tại điểm nào thì chúng trở nên hủy diệt?

M: Khi tâm thao túng, ghi nhớ và dự tính, nó phóng đại, xuyên tạc và lơ đễnh. Quá khứ được tâm phóng chiếu vào tương lai, và tương lai không xảy ra như mong đợi. Các công cụ của cảm giác và hành động bị kích thích quá khả năng và chắc chắn trở nên suy nhược. Các đối tượng của lạc thú không thể đem lại những gì mong đợi, sẽ trở nên hư hao, hay bị hủy hoại bởi sự sử dụng sai lầm. Kết quả là đau khổ chồng chất ở những nơi nào lạc thú được tìm kiếm.

H: Chúng ta không những hủy diệt chính mình, mà còn hủy diệt cả người khác!

M: Tự nhiên là như thế, lòng ích kỷ luôn luôn mang tính hủy diệt. Tham ái và lo sợ, cả hai đều là những trạng thái hướng ngã. Ở giữa tham ái và lo sợ, sân sinh khởi, cùng đến với sân là hận, cùng đến với hận là thói say mê hủy diệt. Chiến tranh là hận thù trong hành động, được tổ chức và trang bị với tất cả công cụ của cái chết.

H: Có cách nào chấm dứt tất cả những mối kinh hoàng này?

M: Khi nào có thêm nhiều người biết rõ bản tánh chơn thật của chính mình, lúc đó ảnh hưởng của họ, dù vi tế đến đâu, sẽ chiếm ưu thế, và không khí xúc cảm của thế giới sẽ trở nên hòa dịu. Người ta luôn luôn tuân theo các lãnh tụ của họ; và nếu trong số các lãnh tụ đó xuất hiện những người có trái tim, tâm trí vĩ đại, và hoàn toàn vô tư lợi thì ảnh hưởng của họ sẽ đủ để hóa giải những thô bạo và tội ác của thời đại hiện nay. Một thời đại hoàng kim sẽ xuất hiện, tồn tại một thời gian, rồi suy tàn khi đạt đến sự toàn hảo của nó. Vì, thủy triều bắt đầu xuống ngay khi đạt đến đỉnh cao nhất.

H: Thế không có gì là sự toàn hảo vĩnh hằng?

M: Có chứ, nhưng nó bao gồm tất cả những cái không toàn hảo. Chính sự toàn hảo thuộc bản tính chơn thật của cái Ta làm cho mọi cái khả hữu, có thể nhận thức được và lý thú. Cái Ta không hề biết đến đau khổ, vì nó không ưa thích mà cũng chẳng chán ghét, không chấp nhận mà cũng chẳng xua đuổi. Sáng tạo và hủy diệt là hai cực, và ở giữa hai cực đó nó đan dệt cái mô thức vô thường. Khi thoát ra khỏi mọi thiên kiến và sở thích, thì tâm cùng với gánh nặng phiền não của nó chấm dứt.

H: Nhưng tôi không phải là kẻ duy nhất đau khổ. Còn nhiều người khác nữa.

M: Khi đến với họ và đem theo những tham ái và lo sợ của ông thì ông chỉ góp thêm vào nỗi đau khổ của họ. Trước tiên chính ông hãy thoát ra khỏi đau khổ, rồi lúc đó mới hy vọng cứu giúp tha nhân. Mà thậm chí ông

cũng chẳng cần hy vọng, vì cuộc sống của ông chính là sự cứu giúp vĩ đại nhất mà một người có thể cống hiến cho tha nhân.

***

60. Hãy sống với những sự kiện thực tế, đừng sống với những điều hoang tưởng

Hỏi: Ông bảo rằng bất cứ gì ông thấy đều là chính ông. Ông cũng công nhận rằng ông thấy thế giới như chúng tôi thấy. Đây là tờ báo ra ngày hôm nay với tất cả những tin kinh hoàng đang diễn ra. Vì thế giới là chính ông, ông giải thích thế nào về cách hành sử sai lầm này?

Maharaj: Thế giới nào mà ông đang có trong tâm?

H: Thế giới chung của chúng ta, trong đó ông và tôi đang sống.

M: Ông có chắc chắn là ông và Ta đang sống trong cùng một thế giới? Ta không muốn nói đến thiên nhiên, biển cả và đất liền, thực vật và động vật. Những thứ đó không phải là vấn đề - không gian vô biên, thời gian vô hạn, và năng lượng vô tận cũng thế. Đừng nhìn Ta một cách sai lầm qua việc Ta ăn uống, hút thuốc, đọc sách và trò chuyện. Tâm Ta không ở đây, cuộc sống của Ta không ở đây. Thế giới của ông – thế giới của sự tham ái và sự thỏa mãn tham ái, thế giới của lo sợ cùng với sự trốn tránh lo sợ - chắc chắn không phải là thế giới của Ta. Thậm chí Ta cũng không cảm nhận cái thế giới đó ngoại trừ những gì ông nói với Ta về nó. Đó là thế giới chiêm bao của riêng ông, và thái độ của Ta đối với thế giới đó là bảo ông chấm dứt chiêm bao.

H: Chắc chắn là những cuộc chiến tranh và các cuộc cách mạng không phải là chiêm bao. Các bà mẹ đau ốm và những đứa trẻ đói khát không phải là những giấc chiêm bao. Những sự làm giàu phi nghĩa và lợi dụng thì không phải là chiêm bao.

M: Còn gì khác?

H: Một giấc mơ thì không thể chia sẻ được.

M: Trạng thái thức cũng không chia sẻ được. Cả ba trạng thái – thức, chiêm bao, và ngủ - đều chủ quan, cá nhân và riêng tư. Chúng xảy ra và được dung chứa trong nội vi hạt bong bóng li ti trong ý thức, gọi là "Ta." Thế giới thật ở ngoài cái Ta.

H: Ta hay không phải Ta, các sự kiện thực tế mới là thật.

M: Dĩ nhiên các sự kiện thực tế là thật! Ta sống cùng với cái thật. Ông sống với những điều hoang tưởng, chứ không phải với các sự kiện thực tế. Các sự kiện thực tế thì không va chạm, còn cuộc đời và thế giới của ông

đầy những mâu thuẫn. Mâu thuẫn là nhãn hiệu của sự hư giả; cái thật không bao giờ mâu thuẫn với chính nó.

Để ví dụ, ông kêu ca rằng có những kẻ nghèo khó khốn khổ, nhưng không chịu chia sẻ sự giàu có của ông với họ. Ông bận tâm đến chiến tranh ở nước láng giềng, nhưng sẽ chẳng bao giờ để ý nếu nó xảy ra ở xứ sở xa xôi nào đó. Sự thay đổi về cơ nghiệp của cái Ta quyết định các giá trị của ông. "Ta nghĩ," "Ta muốn," "Ta phải" được biến thành cái tuyệt đối.

H: Tuy nhiên, sự xấu xa vẫn có thật.

M: Nó không thật hơn ông. Xấu xa là phương cách sai lầm để giải quyết những vấn đề, gây nên bởi sự hiểu biết sai lầm và sử dụng sai lầm. Đây là một cái vòng luẩn quẩn.

H: Có thể nào phá vỡ cái vòng đó?

M: Một cái vòng hư giả thì không cần phải được phá vỡ. Chỉ thấy nó như nó là – không tồn tại – là đủ.

H: Nhưng nó đủ thật để buộc chúng ta khuất phục và cam chịu những điều sỉ nhục và bạo tàn.

M: Điên loạn thì nhiều, tỉnh thức thì ít. Nhưng vẫn còn hy vọng, vì ngay khi nhận ra mình điên loạn thì chúng ta đang trên đường đến với sự tỉnh thức. Nhiệm vụ của Đạo sư là làm cho chúng ta thấy được sự điên rồ trong cuộc sống hàng ngày. Cuộc sống làm cho ông có ý thức, còn Đạo sư làm cho ông thấy biết.

H: Dạ thưa, ông không phải người đầu tiên hay người cuối cùng. Từ ngàn xưa đã có nhiều người thâm nhập thực tại, nhưng cuộc sống của nhân loại chẳng có thay đổi bao nhiêu! Các Đấng *Rama* và *Krishna*, Đức Phật và Đấng *Christ* đã đến và đi, còn con người vẫn là con người như trước, đắm chìm trong mồ hôi và nước mắt. Các bậc vĩ nhân – mà cuộc đời của họ chúng ta chứng kiến – đã làm được những gì? Ông đã làm được gì, thưa ông, để nhẹ gánh trần lao của nhân thế?

M: Chỉ ông mới có thể tẩy rửa sự độc ác mà chính ông đã tạo ra. Lòng ích kỷ chai đá của chính ông là gốc rễ của sự độc ác. Hãy chỉnh đốn ngôi nhà của ông, rồi ông sẽ thấy việc làm của ông là hoàn tất.

H: Những con người của trí tuệ và tình yêu, xuất hiện trước chúng ta, tu sửa mình để trở thành đạo hạnh, thường với một cái giá rất đắt. Mà kết quả là gì? Một ánh sao băng, dù ngời sáng đến đâu, cũng không làm cho màn đêm bớt tăm tối.

M: Muốn phán xét họ và những gì họ làm thì ông phải trở thành một người trong số họ. Một con ếch trong giếng nước không thể biết đàn chim trên trời.

H: Ông muốn nói rằng giữa tốt và xấu không hề có một bức tường nào?

M: Chẳng có bức tường nào vì không có tốt mà cũng chẳng có xấu. Trong bất cứ tình huống cụ thể nào chỉ có sự cần thiết và không cần thiết. Cái cần đến thì đúng, cái không cần là sai.

H: Ai là kẻ quyết định?

M: Tình thế quyết định. Mỗi tình huống đều là một thách thức, đòi hỏi một phản ứng đúng. Khi phản ứng là đúng, thách thức được đáp ứng và vấn đề được giải quyết. Nếu phản ứng sai, thách thức không được đáp ứng và vấn đề chưa được giải quyết. Chính những vấn đề chưa được giải quyết tạo ra nghiệp của ông. Giải quyết đúng các vấn đề thì ông giải thoát.

H: Ông luôn luôn lái tôi trở về với chính tôi. Liệu không có một giải pháp khách quan nào cho các vấn đề của thế giới?

M: Vấn đề của thế giới được gây ra bởi vô số con người như ông, mà mỗi con người đều chất chứa đầy những tham ái và lo sợ của chính mình. Ai có thể giải thoát ông khỏi quá khứ của ông – dù quá khứ đó có tính cách cá nhân hay xã hội – nếu không phải chính ông? Làm sao ông thực hiện được điều đó, trừ khi ông thấy được sự cần thiết cấp bách: trước tiên là sự hiện hữu của ông phải không còn những tham ái phát sinh từ ảo tưởng? Làm sao ông có thể thực sự giúp người khác, khi chính ông còn cần được giúp?

H: Các bậc cổ đức đã cứu giúp bằng cách nào? Ông giúp bằng cách nào? Không có gì nghi hoặc là một số ít người được hưởng lợi lạc; sự chỉ giáo và gương đạo hạnh của ông có ý nghĩa rất lớn đối với họ, nhưng bằng cách nào ông ảnh hưởng đến nhân loại, tổng thể của sự sống và ý thức? Ông bảo rằng ông là thế giới, thế giới là ông; vậy ông đã tác động được gì vào thế giới?

M: Ông mong đợi tác động gì?

H: Con người thì ngu si, ích kỷ và tàn ác.

M: Con người cũng có trí tuệ, nhân ái và tử tế.

H: Thế tại sao cái tốt không thắng thế?

M: Có chứ - trong thế giới thật của Ta. Trong thế giới của Ta, ngay cả cái ông gọi là xấu chỉ phục vụ cho cái tốt, và do đó trở nên cần thiết. Cũng giống như mụn nhọt và những cơn sốt thanh lọc các chất bất tịnh trong cơ

thể. Bệnh hoạn luôn luôn gây đau đớn, thậm chí còn nguy hiểm, nhưng khi được trị liệu đúng thì sẽ lành.

H: Hay đem lại cái chết?

M: Trong một số trường hợp, cái chết là cách trị liệu tốt nhất. Có khi một cuộc sống còn tệ hơn cái chết, vì cái chết không gì khác hơn một kinh nghiệm khó chịu, dù hình thức có thế nào đi nữa. Vì thế, những người sống mới đáng thương, chứ không phải những người chết. Vấn đề tốt và xấu không tồn tại trong thế giới của Ta. Cái cần thì tốt, cái không cần thì xấu. Trong thế giới của ông, cái đem lại thích thú thì tốt, và cái gây ra đau đớn thì xấu.

H: Thế cái gì là cần thiết?

M: Trưởng thành là cần thiết. Trưởng thành nhanh chóng là cần thiết. Bỏ lại phía sau cái tốt để được cái tốt hơn là cần thiết.

H: Cho sự kết thúc nào?

M: Sự kết thúc ở ngay trong sự bắt đầu. Ông kết thúc ở nơi ông bắt đầu – trong cái Tuyệt đối.

H: Tại sao trở về chỗ tôi đã bắt đầu lại gây ra lắm phiền trược?

M: Phiền trược của ai? Phiền trược nào? Ông có xót thương cho một hạt giống, mà hạt giống đó sẽ mọc lên và phát triển thành một khu rừng hùng vĩ? Liệu ông có phải giết một đứa bé để cứu nó khỏi những hệ lụy của cuộc sống? Có gì sai lầm với cuộc sống, ngày càng nhiều cuộc sống? Hãy tháo gỡ các trở ngại đối với sự phát triển thì tất cả các vấn đề của ông – cá nhân và xã hội, kinh tế và chính trị - sẽ biến mất. Vũ trụ thì toàn hảo như là một tổng thể, và sự phấn đấu của thành phần để đạt đến sự toàn hảo là một phương cách của sự vui sướng. Sẵn sàng hy sinh cái không toàn hảo thì sẽ không còn gì để nói về tốt và xấu.

H: Nhưng chúng ta sợ cái tốt hơn và bám chặt lấy cái xấu hơn.

M: Đó là sự ngu ngốc, gần như điên rồ của chúng ta.

***

61. Tự thân ý thức là vật

Hỏi: Tôi có may mắn suốt đời được thân cận các bậc thánh nhân – *Satsang*, như vậy đã đủ cho sự giác ngộ chính mình hay chưa?

Maharaj: Điều đó còn tùy sự vận dụng của ông.

H: Tôi được biết công năng giải thoát của *Satsang* có tính cách tự động. Cũng như giòng sông chuyên chở một người ra cửa biển thì những ảnh hưởng vi tế và thầm lặng của các bậc thánh nhân sẽ đưa tôi đến với thực tại.

M: Những ảnh hưởng đó sẽ đưa ông đến giòng sông, nhưng hành động vượt sông phải là của chính ông. Không thể đạt được hay nắm bắt tự do mà không có ý muốn đạt đến tự do. Ông phải phấn đấu cho sự giải thoát; điều tối thiểu mà ông có thể làm là phát hiện và kiên trì tháo gỡ các chướng ngại. Nếu muốn an lạc ông phải phấn đấu cho sự an lạc. Ông không thể đạt được an lạc bằng cách giữ im lặng suông.

H: Một đứa trẻ chỉ lớn lên. Nó không cần phải lập ra kế hoạch để tăng trưởng, mà nó cũng không có một mô thức nào để theo. Nó cũng không thể tăng trưởng một cách rời rạc, một cái tay ở đây, một cái chân ở kia. Nó tăng trưởng một cách đồng nhất và vô thức.

M: Vì nó không còn tưởng tượng. Ông cũng có thể trưởng thành như thế, nhưng không được say mê với những dự tính và kế hoạch, được tạo ra bởi ký ức và mong cầu. Một trong những tính cách khác thường của một *Gnani* là người đó không còn bận tâm đến tương lai. Ông bận tâm đến tương lai là do lo sợ đau khổ, và mong cầu lạc thú; đối với *Gnani*, tất cả đều là phúc lạc – người ấy vui vẻ với bất cứ gì xảy đến.

H: Chắc chắn là có rất nhiều thứ có thể làm cho ngay cả một *Gnani* cũng cảm thấy khổ sở.

M: Một Gnani có thể gặp nhiều khó khăn nhưng khó khăn không làm cho người ấy đau khổ. Nuôi dưỡng một đứa trẻ từ khi lọt lòng cho đến lúc trưởng thành có vẻ như là một công trình khó nhọc, nhưng đối với bà mẹ thì ký ức về sự khó nhọc là một niềm vui. Chẳng có gì là không đúng với thế giới. Điều không đúng là trong cách ông nhìn nó. Chính sự tưởng tượng của chính ông đã lừa dối ông. Nếu không có tưởng tượng thì không có thế giới. Sự tin tưởng của ông – rằng ông ý thức về một thế giới – chính là thế giới. Thế giới mà ông nhận thức được tạo ra bởi ý thức; cái mà ông gọi là vật chính là tự thân ý thức. Ông là không gian trong đó ý thức di chuyển, là thời gian trong đó ý thức tồn tại, là tình yêu ban phát sự sống cho ý thức. Cắt đứt tưởng tượng và ràng buộc, cái gì còn lại?

H: Thế giới còn lại, tôi còn lại.

M: Đúng, nhưng thế giới sẽ khác đi rất nhiều khi ông thấy nó như nó là, mà không qua tấm màn tham ái và lo sợ.

H: Tất cả những phân biệt – như thực tại và ảo tưởng, trí tuệ và vô minh, thánh nhân và tội nhân – để làm gì? Mọi người đều tìm cầu hạnh phúc, mọi người đều phấn đấu tận tình; mọi người đều là một *Yogi*, và cuộc đời của người đó là một trường trí tuệ. Mỗi người học những bài học mình

cần theo cách riêng của mình. Xã hội chấp nhận một số phương cách này, không chấp nhận những phương cách khác. Không có luật lệ nào áp dụng chung cho mọi nơi và mọi thời.

M: Trong thế giới của Ta, tình yêu là luật duy nhất. Ta không mong cầu tình yêu, Ta ban phát tình yêu. Bản tánh của Ta là thế.

H: Tôi thấy ông sống theo một khuôn mẫu. Buổi sáng ông hướng dẫn một lớp thiền, thuyết giảng và pháp thoại đều đặn; ngày hai lần lễ bái – *Puja* – và hát đạo ca – *Bhajan* – vào buổi tối. Ông có vẻ như sinh hoạt theo thời khóa một cách rất tỉ mỉ.

M: Việc lễ bái và hát đạo ca do Ta đặt ra và thấy không có gì trở ngại. Sinh hoạt thường nhật này là do ý muốn của những người tình cờ chung sống với Ta, hoặc đến nghe Ta thuyết giảng. Họ là dân lao động và bị ràng buộc bởi nhiều nghĩa vụ khác nhau, vì thế thời gian được sắp xếp thuận tiện cho họ. Một số các sinh hoạt lập đi lập lại là điều bất khả tránh. Ngay cả thú vật và cây cỏ cũng có thời khóa của chúng.

H: Vâng, chúng ta có thể thấy một sự phối hợp có quy củ trong mọi cuộc sống. Thế ai là người duy trì trật tự? Liệu có một người cai quản ở bên trong, đặt ra các luật lệ và cưỡng chế sự thi hành trật tự?

M: Mọi thứ vận hành theo bản chất của nó. Việc gì phải cần đến một nhân viên cảnh sát? Mỗi một hành động đều tạo ra một phản động, cân bằng và hóa giải hành động. Mọi chuyện xảy ra, nhưng có một sự vô hiệu hóa liên tục, và rốt cục thì như thể là chẳng có gì đã xảy ra.

H: Xin đừng an ủi tôi bằng sự hòa hợp chung cuộc. Các tài khoản bù trừ lẫn nhau, nhưng phần thiệt thòi vẫn thuộc về tôi.

M: Cứ chờ xem. Biết đâu cuối cùng ông lại thu được một lợi nhuận khấm khá đủ để biện minh cho các chi phí đã bỏ ra.

H: Đằng sau tôi là một quãng đường dài, và tôi vẫn thường thắc mắc không biết những sự kiện xảy ra trong đó là tình cờ, hay đã có sẵn một kế hoạch nào đó. Liệu đã có một phương án sắp đặt sẵn trước khi tôi sinh ra để theo đó tôi sống cuộc đời của tôi? Nếu có, ai đã là người thiết kế và ai đã thực hiện phương án đó? Liệu có thể nào có những sai lệch hay lầm lẫn trong khi thực hiện phương án? Nhiều người cho rằng không thể cải sửa được định mệnh, và từng giây phút của cuộc sống là tiền định; nhưng cũng có nhiều người bảo rằng quy luật ngẫu nhiên quyết định tất cả.

M: Ông muốn nghĩ thế nào cũng được. Ông có thể nhận ra một phương án trong cuộc đời ông, hoặc ông chỉ thấy một loạt những ngẫu nhiên. Mọi

diễn giải chỉ nhằm thỏa mãn tâm, không nhất thiết phải đúng thật. Thực tại thì không thể định nghĩa được, không thể mô tả được.

H: Này ông, ông lẩn tránh câu hỏi của tôi! Tôi muốn biết ông nhìn vấn đề như thế nào. Nhìn bất cứ đâu chúng ta cũng thấy cơ cấu kỳ diệu của trí tuệ và cái đẹp. Làm sao tôi có thể tin được vũ trụ là vô hình tướng và hỗn loạn? Thế giới của ông, thế giới mà ông sống trong đó, có thể là không có hình tướng, nhưng không nhất thiết phải hỗn loạn.

M: Vũ trụ khách quan có cơ cấu, ổn định và đẹp đẽ. Không ai có thể phủ nhận điều đó. Nhưng cơ cấu và mô thức hàm ý câu thúc và ép buộc. Thế giới của Ta hoàn toàn tự do, mọi thứ trong đó đều tự quyết định, vì thế Ta vẫn thường nói rằng tất cả mọi thứ đều tự xảy ra. Thế giới của Ta cũng ổn định, nhưng sự ổn định đó không được áp đặt từ bên ngoài. Nó đến tự nhiên và lập tức vì tính cách phi thời của nó. Sự toàn hảo không có trong tương lai. Nó có ngay *bây giờ*.

H: Thế giới của ông có tác động đến thế giới của tôi?

M: Có, chỉ tại một điểm mà thôi – *bây giờ*. Nó cho thế giới của ông sự hiện hữu nhất thời của nó, một ý thức thoáng qua về thực tại. Giao tiếp được thực hiện trong sự tỉnh thức hoàn toàn. Nó cần một sự chú ý hữu thức nhưng vô ngã, và không có sự cố gắng.

H: Thế không phải chú ý là một thuộc tính của tâm?

M: Đúng, khi tâm tha thiết với thực tại thì nó gây ra sự chú ý. Chẳng có gì sai lầm với thế giới của ông – cho rằng ông tách biệt với thế giới – mới tạo ra bất ổn. Vị kỷ là nguồn gốc của mọi xấu xa.

H: Tôi trở lại với câu hỏi lúc nãy. Trước khi tôi sinh ra, mọi chi tiết cuộc đời tôi được quyết định bởi cái Ta nội tại, hay hoàn toàn là do ngẫu nhiên và tùy thuộc tính di truyền và hoàn cảnh?

M: Kẻ nào tự nhận đã lựa chọn cha mẹ cho chính mình, và quyết định sẽ sống ra sao trong kiếp sau thì kẻ ấy tự biết. Ta biết chính Ta, Ta chưa bao giờ được sinh ra.

H: Tôi thấy ông ngồi trước mặt tôi và đang trả lời các câu hỏi của tôi.

M: Ông chỉ thấy một thân xác, thân xác ấy dĩ nhiên đã được sinh ra và sẽ chết đi.

H: Chính chuyện đời của thân-tâm này là điều tôi muốn biết. Cuộc đời ông được chính ông sắp đặt, hay do một ai khác, hoặc xảy ra một cách ngẫu nhiên?

M: Trong câu hỏi của ông có một cái bẫy. Ta không phân biệt giữa thân xác và vũ trụ. Cái này là nguyên nhân của cái kia, cái này tức cái kia, thật thế. Nhưng Ta hoàn toàn ở ngoài. Ta đã bảo ông là Ta chưa bao giờ được sinh ra, vì sao ông vẫn cứ hỏi Ta đã chuẩn bị gì cho kiếp sau? Ngay khi ông để cho trí tưởng tượng thêu dệt thì ngay lập tức nó dệt ra cả một vũ trụ. Những gì ông tưởng tượng đều không phải, Ta không hề bị ràng buộc bởi những tưởng tượng của ông.

H: Cần phải có trí tuệ và năng lượng để tạo ra và duy trì một thân xác có sự sống. Trí tuệ và năng lượng đó ở đâu mà có?

M: Chỉ có tưởng tượng. Trí tuệ và năng lượng đó đều bị tiêu hao trong trí tưởng tượng của ông. Nó đã thu hút ông trọn vẹn đến nỗi ông không biết chính mình đã lang thang xa rời thực tại đến chừng nào. Rõ ràng là trí tưởng tượng sáng tạo rất phong phú. Vũ trụ này trong một vũ trụ khác được xây dựng trên chính nó. Nhưng tất cả đều ở trong không gian và thời gian, quá khứ và tương lai, tức là những gì không tồn tại.

H: Gần đây tôi có đọc một tường trình về một đứa bé gái đã bị đối xử tàn tệ lúc còn thơ ấu. Nó đã bị hành hạ đến tàn tật và biến dạng. Nó lớn lên trong một viện mồ côi, hoàn toàn cách biệt với môi trường xung quanh. Đứa bé gái này rất thầm lặng, dễ sai bảo, nhưng hoàn toàn lãnh đạm. Một trong những bà xơ trông nom trẻ trong cô nhi viện biết chắc là nó không hề bị chứng chậm phát triển tinh thần, mà chỉ thụ động, vô phản ứng. Một bác sĩ phân tâm học được yêu cầu nghiên cứu trường hợp này. Tuần nào cũng vậy, suốt hai năm trời, vị bác sĩ đến tìm hiểu đứa trẻ, và tìm cách phá vỡ bức tường cô lập. Đứa trẻ rất nhu mì và ngoan ngoãn, nhưng không chú ý đến vị bác sĩ. Ông ta mang đến cho nó một ngôi nhà đồ chơi với đủ các phòng, bàn ghế và đồ đạc; có cả một gia đình bằng búp bê gồm cha mẹ và con cái. Kết quả là có phản ứng – đứa trẻ bắt đầu để ý. Một hôm những vết thương tâm lý cũ hồi sinh và nổi lên bề mặt. Dần dần nó được chữa khỏi, được giải phẫu để có được khuôn mặt và thân thể bình thường. Sau đó đứa trẻ lớn lên thành một thiếu nữ có năng lực và duyên dáng. Vị bác sĩ đã trải qua năm năm nhưng đã gặt hái kết quả. Vị bác sĩ quả là một Đạo sư! Ông ta không đặt ra các điều kiện mà cũng chẳng nói về sự sẵn sàng hay sự hội đủ các tiêu chuẩn thích hợp. Không một niềm tin, không một hy vọng, mà chỉ có tình yêu, vị bác sĩ đó đã tìm hết cách này đến cách khác, và cuối cùng đã cứu được đứa trẻ.

M: Đúng, đó là một bản tính của một Đạo sư. Đạo sư không bao giờ bỏ cuộc. Nhưng để thành công thì ông ấy không thể gặp quá nhiều đề kháng. Hoài nghi và sự bất tuân phục chắc chắn sẽ gây trì hoãn. Có được sự tin tưởng và tuân phục, vị đạo sư có thể đem lại sự thay đổi tận gốc rễ trong người môn đồ một cách nhanh chóng. Sự hiểu biết sâu sắc của Đạo sư và lòng thành khẩn của môn đồ đều cần thiết. Dù trong tình huống nào đi nữa, cô gái trong câu chuyện của ông đau khổ là vì không có lòng thành khẩn với người khác. Khó nhất vẫn là những kẻ trí thức. Họ nói rất nhiều, nhưng không thực sự nghiêm túc.

Điều ông gọi là giác ngộ chỉ là một cái gì tự nhiên. Khi ông sẵn sàng, Đạo sư của ông sẽ chờ đợi. *Sadhana* chẳng cần đến dụng công. Khi quan hệ với Đạo sư của ông là đúng mức thì ông tăng tiến. Trên tất cả, hãy tin tưởng Đạo sư. Đạo sư không thể chỉ dẫn ông sai lầm.

H: Ngay cả khi Đạo sư bảo tôi làm một cái gì đó rõ ràng là sai?

M: Cứ làm. Một khất sĩ nọ được Đạo sư bảo phải lấy vợ. Người đó làm theo và cay đắng chịu đựng. Nhưng bốn người con của vị ấy đều là thánh nhân và bậc giác ngộ, những con người vĩ đại nhất ở *Maharashtra*. Hãy vui vẻ với bất cứ gì đến từ Đạo sư và ông sẽ thăng tiến đến sự toàn hảo mà không cần cố gắng.

H: Thưa ông, ông có cần cầu, mong muốn gì không? Tôi có thể làm bất cứ gì cho ông.

M: Liệu ông có thể cho Ta cái mà Ta không có? Của cải vật chất chỉ cần thiết cho sự thỏa mãn. Nhưng Ta thỏa mãn với chính Ta. Còn cái gì khác mà Ta cần?

H: Chắc chắn khi đói ông cần thức ăn và khi đau ốm ông cần thuốc.

M: Cái đói đem đến thức ăn và sự đau ốm mang đến thuốc uống. Tất cả đều là công việc của tự nhiên.

H: Nếu tôi đem đến một cái mà tôi tin ông cần, liệu ông có nhận không?

M: Tình yêu làm cho ông ngỏ ý, tình yêu đó sẽ khiến Ta chấp nhận.

H: Nếu một người ngỏ ý xây dựng cho ông một tịnh xá thật đẹp thì sao?

M: Bằng mọi cách, cứ để người ấy xây dựng. Cứ để người ấy tiêu pha cả một gia tài, thuê mướn hàng trăm người, và nuôi ăn hàng ngàn người.

H: Đó không phải là một ước muốn?

M: Hoàn toàn không? Ta chỉ yêu cầu người ấy thực hiện một cách đúng mức, không keo kiệt, nửa chừng. Người ấy hoàn thành ước muốn của chính

người đó, chứ không phải của Ta. Cứ để người ấy làm cho thật đẹp, và trở nên nổi tiếng trong cõi nhân, thiên.

H: Nhưng ông có muốn tịnh xá đó không?

M: Ta không muốn.

H: Ông sẽ nhận nó chứ?

M: Nếu Ta bị bắt buộc.

H: Cái gì có thể bắt buộc được ông?

M: Tình yêu của những ai đi tìm ánh sáng.

H: Vâng, tôi hiểu được điều ông muốn nói. Bây giờ, làm sao tôi có thể nhập *Samadhi* – chánh định?

M: Nếu ông ở trong trạng thái đúng, bất cứ gì ông thấy đều đưa ông nhập *Samadhi*. Xét cho cùng, *Samadhi* chẳng có gì là khác thường. Khi tâm chuyên chú mãnh liệt, nó trở thành một với đối tượng của sự chuyên chú – người thấy và cái bị thấy trở thành một trong sự thấy, người nghe và cái bị nghe trở thành một trong sự nghe, người yêu và người hay vật được yêu trở thành một trong sự yêu. Mọi kinh nghiệm đều có thể là nền tảng cho *Samadhi*.

H: Ông có luôn luôn ở trong trạng thái *Samadhi*?

M: Dĩ nhiên là không. Xét cho cùng, *Samadhi* là một trạng thái của tâm. Ta ở ngoài mọi kinh nghiệm, ngay cả *Samadhi*. Ta là kẻ tiêu hao và hủy diệt vĩ đại: Bất cứ gì Ta chạm đến đều tan biến thành không – *Akash*.

H: Tôi cần nhiều Samadhi để giác ngộ chính mình.

M: Ông có tất cả sự giác ngộ chính mình mà ông cần, nhưng ông không tin điều đó. Hãy can đảm, tin tưởng chính ông, đi tới, nói, hành động; hãy cho sự giác ngộ chính mình một cơ hội để tự chứng tỏ chính nó. Đối với một số người, sự giác ngộ xảy ra một cách không hay biết, nhưng dù sao thì họ vẫn cần đến tính cách thuyết phục. Họ thay đổi nhưng không nhận ra. Các trường hợp không gây chú ý như thế thường là rất khả tín.

H: Liệu một người tin mình giác ngộ, và sai lầm?

M: Dĩ nhiên. Chính cái ý nghĩ "Ta giác ngộ" là một sai lầm. Không hề có "Ta thế này," "Ta thế nọ" trong Trạng thái Tự nhiên.

***

62. Trong cái tối thượng nhân chứng xuất hiện

Hỏi: Khoảng bốn mươi năm trước *Jiddu Krishnamurti* có nói rằng chỉ có sự sống, và tất cả mọi bàn luận về tính cách con người và tính cách cá nhân đều không có cơ sở trong thực tế. Ông ấy đã không tìm cách mô tả sự

sống, mà chỉ bảo rằng mặc dù sự sống không cần được mô tả, và cũng không thể mô tả nhưng vẫn có thể hoàn toàn kinh nghiệm được, nếu tất cả những chướng ngại đối với sự kinh nghiệm được loại bỏ. Chướng ngại chính nằm trong ý nghĩ của chúng ta về thời gian, và sự lệ thuộc của chúng ta vào thời gian – trong thói quen dự tính một tương lai dựa trên cơ sở của quá khứ. Toàn thể những gì thuộc quá khứ trở thành cái "Ta đã là", cái được hy vọng cho tương lai trở thành cái "Ta sẽ là" và cuộc sống là một sự nỗ lực không ngừng của sự quá độ từ cái "Ta đã là" sang cái "Ta sẽ là". Còn khoảnh khắc hiện tại, cái "bây giờ" thì không được nhìn thấy. *Maharaj*, ông nói về cái "Ta là"[9]. Liệu nó có phải là một ảo tưởng, giống như "Ta đã là", và "Ta sẽ là", hay có một cái gì hiện thực về nó? Và nếu cái "Ta là" cũng là một ảo tưởng thì một người tự thoát khỏi nó bằng cách nào? Chính cái ý tưởng "Ta không còn là "Ta là"" là một điều ngớ ngẩn. Liệu có cái gì thật, vĩnh cửu về cái "Ta là" khác biệt hẳn với cái "Ta đã là", hay "Ta sẽ là", là những cái biến đổi theo thời gian, như những ký ức được thêm vào tạo thành những dự tính mới?

Maharaj: Cái "Ta là" hiện tại cũng hư giả như cái "Ta đã là" và cái "Ta sẽ là". Nó đơn thuần chỉ là một ý nghĩ trong tâm, một ấn tượng được ký ức để lại, và cái tính cách cá biệt mà nó tạo ra là hư giả. Cần phải từ bỏ thói quen dựa giẫm vào cái trung tâm hư giả này. Cái ý tưởng "Ta thấy", "Ta nghĩ", "Ta làm" phải biến mất khỏi phạm trù ý thức. Cái còn lại sau khi cái hư giả biến mất, là thật.

H: Thế thì làm to chuyện hủy diệt cái Ta để làm gì? Làm sao cái Ta hủy diệt chính nó? Những trò nhào lộn siêu hình nào có thể làm cho người nghệ sĩ nhào lộn biến mất? Cuối cùng, người nhào lộn sẽ tái xuất hiện, vô cùng hãnh diện về sự biến mất của chính mình.

M: Ông không cần truy lùng cái "Ta là" để giết nó. Ông không thể làm chuyện đó. Tất cả những gì ông cần là lòng thành khẩn mong cầu thực tại. Chúng ta gọi nó là *Atma-Bhakti* – tình yêu cái Tối thượng, hay *Moksha-Sankalpa* – sự quyết tâm thoát ra khỏi cái hư giả. Nếu không có tình yêu, và ý chí được cảm hứng bởi tình yêu, thì chẳng làm được gì. Bàn luận suông về thực tại mà chẳng làm gì là rước lấy thất bại cho chính mình. Phải có tình yêu trong mối liên hệ giữa người nói: "Ta là" và người quan sát cái "Ta là" đó. Chừng nào mà người quan sát – tức cái Ta nội tại, cái Ta "cao hơn" còn cho rằng chính mình tách biệt với cái được quan sát, tức cái Ta

"thấp hơn" – khinh rẻ nó, lên án nó thì tình thế còn vô vọng. Chỉ khi nào người quan sát – *Vyakta* – chấp nhận con người – *Vyakti* – là phóng ảnh hay sự thị hiện của chính nó, và, có thể nói là đem cái Ta vào cái Ta, thì tính nhị nguyên của "Ta" và "cái này" ra đi, và trong sự đồng nhất của bên ngoài với bên trong, Thực tại Tối thượng thị hiện tự thân.

Sự hợp nhất giữa người thấy và cái bị thấy xảy ra khi người thấy ý thức chính mình là người thấy; người thấy không những chú ý đến cái bị thấy – dù sao cũng là chính người thấy – mà còn quan tâm đến hành vi quan tâm, chú ý đến sự chú ý, biết hành vi biết. Biết một cách trìu mến là yếu tố chủ yếu đưa Thực tại vào tiêu điểm.

H: Theo các nhà thông thiên học và huyền học, con người gồm có ba tính cách: tính cách con người, tính cách cá nhân, và tính cách tâm linh. Bên ngoài tính cách tâm linh là thần linh. Tính cách con người thì nhất thời và chỉ có giá trị trong một kiếp. Nó bắt đầu với sự ra đời của thân này và chấm dứt với sự khai sinh của thân sau. Một khi đã chấm dứt thì nó chấm dứt vĩnh viễn; không gì còn lại ngoại trừ một vài bài học cay đắng hay ngọt ngào.

Tính cách cá nhân bắt đầu với con người động vật và chấm dứt với con người toàn vẹn. Sự phân chia giữa tính cách con người và tính cách cá nhân là đặc điểm của nhân tính ngày nay của chúng ta. Một mặt của tính cách cá nhân là sự mong muốn cái chân, thiện, mỹ; mặt kia của nó là cuộc giằng co gay gắt giữa thói quen và tham vọng, lo sợ và tham ái, thụ động và bạo động.

Tính cách tâm linh vẫn còn là một sự trống vắng. Nó không thể thị hiện tự thân trong một môi trường nhị nguyên. Chỉ khi nào tính cách con người tái hợp nhất với tính cách cá nhân và trở nên hữu hạn, nhưng là sự thể hiện đích thực của nó, thì lúc đó ánh sáng, tình yêu, và cái đẹp của tâm linh xuất hiện trong chính chúng.

Ông thuyết giảng về người quan sát, cái được quan sát và nền tảng của sự quan sát – *Vyakti, Vyakta, Avyakta*. Liệu lý thuyết của ông có phù hợp với quan điểm này không?

M: Có, khi người quan sát – *Vyakti* – nhận ra sự không tồn tại của mình khi tách ra khỏi cái bị quan sát – *Vyakta*, và *Vyakta* thấy *Vyakti* là sự thể hiện của chính nó thì lúc đó sự an lạc và tĩnh lặng của trạng thái *Avyakta* xuất hiện. Trong thực tế, ba cái là một: *Vyakta* và *Avyakta* là bất khả phân,

còn *Vyakti* là tiến trình xúc-thọ-tưởng, dựa trên thân xác được tạo thành và nuôi dưỡng bởi ngũ đại.

H: Quan hệ giữa *VyakTa* và *Avyakta* như thế nào?

M: Làm sao có thể có quan hệ khi hai cái là một? Tất cả những lập luận về tách biệt và quan hệ là do ảnh hưởng xuyên tạc và xấu xa của cái ý tưởng "Ta là thân xác". Cái Ta bên ngoài – *Vyakti* – chỉ là phóng ảnh của cái Ta bên trong – *Vyakta* – lên thân tâm, mà cái Ta bên trong lại là sự thể hiện của Thực tại Tối thượng – *Avyakta* – cái là tất cả mà không là gì cả.

H: Có những Đạo sư không bao giờ nói về cái Ta cao hơn và cái Ta thấp hơn. Họ xem con người như thể chỉ có cái Ta thấp hơn tồn tại. Đức Phật hay Đấng Christ chẳng bao giờ đề cập đến cái Ta cao hơn, cả Jiddu Krishnamurti cũng tránh đề cập đến cái Ta cao hơn. Tại sao thế?

M: Làm sao có thể có đến hai cái Ta trong một thân xác? Cái "Ta hiện hữu" là một. Không hề có cái "Ta hiện hữu cao hơn" và "Ta hiện hữu thấp hơn". Tất cả mọi trạng thái của tâm đều xảy ra trong tánh biết và có sự đồng hóa cái Ta với những trạng thái đó. Các đối tượng của sự quan sát không phải là những gì chúng xuất hiện, và cái vẻ bề ngoài mà chúng được tiếp xúc với thì không nhất thiết phải là chúng. Nếu ông nghĩ rằng Đức Phật, Đấng Christ hay Krishnamurti nói về con người thì chắc là ông lầm. Các vị ấy biết rất rõ rằng Vyakti, cái Ta bên ngoài, chỉ là cái bóng của Vyakta, cái Ta bên trong; các vị ấy chỉ nói với và nhắc nhở cái Ta bên trong mà thôi. Các vị ấy bảo cái Ta bên trong chú ý đến cái Ta bên ngoài, hướng dẫn nó, giúp nó, và cảm thấy có trách nhiệm với nó; nói tóm lại, là hoàn toàn biết rõ nó. Tánh biết đến từ cái Tối thượng và thẩm nhập cái Ta bên trong; cái gọi là cái Ta bên ngoài chỉ là một phần của hiện hữu mà một người không biết đến. Một người có thể ý thức – vì mọi sinh vật đều ý thức – nhưng không biết. Cái được bao gồm trong tánh biết trở thành cái bên trong và là thành phần của cái bên trong. Ông có thể nói một cách khác: Thân xác là cái Ta bên ngoài, ý thức là cái bên trong, còn cái Tối thượng chỉ được giao tiếp trong tánh biết thuần túy.

H: Ông bảo thân xác là cái Ta bên ngoài. Ông có thân, vậy ông cũng có một cái Ta bên ngoài?

M: Có thể, nếu Ta ràng buộc với thân và cho nó là chính Ta.

H: Nhưng ông biết rõ thân và ông chăm lo những nhu cầu của nó.

M: Ngược lại thì đúng hơn – thân biết Ta và biết các nhu cầu của Ta. Nhưng thật ra cả hai đều không phải. Thân này xuất hiện trong tâm ông;

trong tâm Ta không có gì cả.

H: Ông muốn nói ông hoàn toàn không biết rằng ông có một thân xác?

M: Ngược lại, Ta biết rằng Ta không có một thân xác.

H: Tôi thấy ông đang hút thuốc lá.

M: Đúng thế. Ông thấy Ta đang hút thuốc. Hãy tìm ra cho chính ông bằng cách nào ông thấy Ta hút thuốc, và ông sẽ nhận ra một cách dễ dàng rằng chính cái trạng thái tâm "Ta là thân xác" của ông chịu trách nhiệm cho cái ý nghĩ "Tôi thấy ông hút thuốc."

H: Có thân xác và có chính tôi. Tôi biết thân xác. Ngoài thân xác ra, tôi là cái gì?

M: Không có "Ta" nào ngoài thân xác, mà cũng chẳng có thế giới. Cả ba cùng xuất hiện và biến mất. Nguồn gốc của chúng là ý thức "Ta hiện hữu". Hãy vượt ra khỏi nó. Ý nghĩ "Ta không là thân xác" đơn thuần chỉ là cái đối trị của ý nghĩ "Ta là thân xác" mà ý nghĩ này thì sai lầm. Cái gì là cái "Ta là"? Nếu ông không biết chính ông, còn cái gì khác mà ông có thể biết?

H: Từ những điều ông nói tôi có thể kết luận rằng nếu không có thân xác thì không thể có giải thoát. Nếu ý nghĩ "Ta không là thân xác" đưa đến giải thoát thì sự có mặt của thân xác là thiết yếu.

M: Rất đúng. Nếu không có thân xác thì làm sao ý nghĩ "Ta không là thân xác" có thể sinh khởi? Ý nghĩ "Ta *là* tự do" cũng sai lầm như ý nghĩ "Ta *là* bị ràng buộc." Tìm ra cái "Ta *là*" chung cho cả hai, và vượt ra ngoài.

H: Tất cả chỉ là một giấc chiêm bao.

M: Tất cả chỉ là ngôn từ, chúng có ích lợi gì cho ông? Chính ông vướng mắc trong mạng lưới của định nghĩa ngôn từ và công thức. Hãy vượt ra khỏi các khái niệm và ý tưởng của ông; chân lý được tìm ra trong sự im lặng không còn tham ái và niệm tưởng.

H: Một người phải nhớ là không được nhớ. Thật là một công việc oái oăm!

M: Dĩ nhiên là không thể làm được. Nhưng điều đó phải xảy ra. Nó sẽ xảy ra khi ông thực sự thấy được sự cần thiết của nó. Một lần nữa, lòng thành khẩn là chiếc chìa khóa vàng.

H: Hậu cảnh của tâm tôi lúc nào cũng có tiếng xầm xì. Vô số các ý nghĩ yếu ớt tụ họp thành bầy nhóm và xì xào không ngớt; đám mây bất định hình này luôn luôn lởn vởn với tôi. Ông có như thế không? Trong tâm ông có những gì?

M: Chỗ không có tâm thì không có hậu cảnh của tâm. Ta hoàn toàn ở mặt tiền, không có hậu cảnh. Cái "không" nói, cái "không" còn lại.

H: Không còn ký ức?

M: Không còn ký ức nào của lạc thú hay đau khổ đã qua. Mỗi khoảnh khắc là hoàn toàn mới sinh khởi.

H: Nếu không có ký ức thì ông không có ý thức.

M: Dĩ nhiên Ta có ý thức, và hoàn toàn biết rõ nó. Ta không phải là một khúc gỗ! Giả sử như ý thức và nội dung của nó là một đám mây. Ông ở trong đám mây, còn Ta nhìn đám mây đó. Ông bị mất hút trong đó, không thấy được các đầu ngón tay của ông, còn Ta thấy đám mây và vô số đám mây khác, và cả bầu trời xanh, mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Thực tại là một duy nhất cho cả ông và Ta, nhưng với ông nó là nhà tù còn với Ta nó là nhà.

H: Ông nói về con người – *Vyakti*, nhân chứng – *Vyakta*, và cái Tối thượng – *Avyakta*. Cái nào có trước?

M: Trong cái Tối thượng nhân chứng xuất hiện. Nhân chứng tạo ra con người và nghĩ chính nó tách biệt với con người. Nhân chứng thấy con người xuất hiện trong ý thức, mà ý thức lại xuất hiện trong nhân chứng. Thực hiện việc hợp nhất căn bản này là việc làm của cái Tối thượng. Nó chính là năng lượng đằng sau nhân chứng, cội nguồn mà tất cả từ đó chảy ra. Nó không thể giao tiếp được, trừ khi có sự hợp nhất, tình yêu, và sự tương trợ giữa con người và nhân chứng, trừ khi hành động trong sự hài

hòa với hiện hữu và biết. Cái Tối thượng vừa là nhân vừa là quả của sự hài hòa đó. Trong khi nói chuyện với ông, Ta ở trong trạng thái của tính biết vô tư nhưng trìu mến – *Turiya*. Khi tính biết này quay trở lại với chính nó, ông có thể gọi đó là Trạng thái Tối thượng – *TuriyatiTa*. Nhưng thực tại căn bản thì ở ngoài tánh biết, ở ngoài ba trạng thái trở thành, hiện hữu và phi hiện hữu.

H: Không hiểu tại sao khi ở đây tâm tôi tranh luận về những đề tài cao siêu và có thể chú tâm đến chúng một cách dễ dàng và thích thú, nhưng khi về nhà tôi nhận thấy mình quên hết những gì đã học được ở đây, tôi băn khoăn, bứt rứt, không tài nào nhớ được bản tánh chơn thật của chính mình dù chỉ một khoảnh khắc. Cái gì có thể là nguyên nhân?

M: Ông trở lại với chính tính trẻ con của ông. Ông chưa thật sự trưởng thành; có những bình diện còn chưa được phát triển vì không được để ý đến. Chỉ cần dành tất cả chú ý vào những gì trong ông còn thô lậu, man khai, bất hợp lý, bất thiện, và những gì còn có tính cách trẻ con, rồi ông sẽ trưởng thành. Chính sự trưởng thành của trái tim và tâm mới là chính yếu. Nó đến một cách dễ dàng khi chướng ngại chính – sự không chú ý, sự mất tỉnh thức – được loại trừ. Trong sự tỉnh thức ông trưởng thành.

***

63. Quan niệm về người hành động là ràng buộc

Hỏi: Chúng tôi ở tịnh xá *Satya Sai Baba* một thời gian. Chúng tôi cũng ở *Sri Ramanashram*, *Tiruvanamalai* hai tháng. Bây giờ chúng tôi trên đường trở về Mỹ.

Maharaj: Ấn Độ có đem lại thay đổi nào trong các ông?

H: Chúng tôi có cảm tưởng là đã trút được gánh nặng. *Sri Satya Sai Baba* thường bảo chúng tôi để lại tất cả mọi thứ cho ngài, và chỉ cần sống một cách chính trực từ ngày này sang ngày khác. "Hãy tốt lành còn để lại tất cả cho Ta," Ngài thường bảo chúng tôi như thế.

M: Các ông đã sinh hoạt ra sao ở *Sri Ramanashram*?

H: Chúng tôi niệm chú – *Mantra* – của Đạo sư cho. Chúng tôi cũng thực hành thiền quán. Chúng tôi không suy nghĩ hay học gì nhiều, mà chỉ tìm cách giữ im lặng. Chúng tôi theo con đường tín tâm – *Bhakti* – và khá thô thiển về triết lý. Chúng tôi không có gì nhiều để suy nghĩ, mà chỉ đặt tín tâm vào Đạo sư rồi sống cuộc sống của chúng tôi.

M: Hầu hết các hành giả *Bhakta* tin tưởng Đạo sư của mình khi nào mọi chuyện xảy ra tốt lành với họ. Khi phiền não xảy đến, họ cảm thấy thất

vọng và đi tìm Đạo sư khác.

H: Vâng, chúng tôi đã được cảnh báo về mối nguy hiểm này. Chúng tôi tìm cách chấp nhận cả cái khó khăn cùng với cái dễ dàng. Nhận thức: "Tất cả đều là Phước báu" phải rất mãnh liệt. Một hành giả đang đi về hướng đông bất chợt gió bắt đầu thổi mạnh. Người hành giả chỉ việc quay lại và đi về hướng tây. Chúng tôi hy vọng sống như thế - tìm cách thích ứng với các hoàn cảnh do Đạo sư gởi đến cho chúng tôi.

M: Chỉ có sự sống. Không có người nào sống cuộc sống.

H: Chúng tôi hiểu điều đó, nhưng chúng tôi luôn luôn tìm cách sống cuộc sống của chúng tôi, thay vì chỉ sống. Dự tính cho tương lai có vẻ như là một thói quen thâm căn cố đế đối với chúng tôi.

M: Dù các ông có dự tính hay không thì cuộc sống vẫn diễn ra. Nhưng một vòng xoắn ốc hình thành trong tâm, ngay trong sự sống, tự cho phép thỏa mãn với những điều hoang tưởng, và tưởng tượng chính nó cai quản và chế ngự cuộc sống.

Tự thân cuộc sống thì vô tham ái. Nhưng cái Ta hư giả muốn tiếp tục – một cách thỏa thích. Vì thế nó luôn luôn tìm sự chắc chắn tiếp tục của một người. Cuộc sống thì vô úy và tự do. Bao giờ ông còn ý định tác động đến các sự kiện thì sự giải thoát không dành cho ông. Ngay chính quan niệm về người làm, về một nguyên nhân, là ràng buộc.

H: Làm sao chúng tôi có thể vượt ra khỏi tính cách nhị nguyên – người làm và cái được làm?

M: Hãy quán sát sự sống là vô biên, nguyên vẹn, luôn luôn hiện tại, luôn luôn năng động cho đến khi ông nhận ra chính mình là một với nó. Điều này không quá khó khăn vì ông chỉ trở về với điều kiện tự nhiên của chính ông.

Một khi ông nhận ra rằng tất cả đều sinh khởi từ bên trong và thế giới mà trong đó ông sống không phóng chiếu lên ông mà chính ông phóng chiếu ra nó thì mọi sợ hãi của ông chấm dứt. Nếu không có được sự giác ngộ này, ông đồng hóa chính mình với những cái bên ngoài như thân, tâm, xã hội, quốc gia, nhân loại, ngay cả Thượng đế hay cái Tuyệt Đối. Nhưng tất cả đều là những sự trốn tránh sợ hãi. Chỉ khi nào ông chấp nhận hoàn toàn trách nhiệm của ông đối với cái thế giới bé nhỏ mà trong đó ông sống, và quan sát tiến trình sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt của nó thì lúc đó ông mới thoát ra khỏi những ràng buộc tưởng tượng của chính ông.

H: Tại sao tôi lại tưởng tượng mình khốn khổ đến thế?

M: Ông tưởng tượng như thế là vì thói quen. Hãy thay đổi cách cảm nhận và tư duy, hãy chú ý và tìm hiểu chúng một cách sâu xa. Vì không chú ý nên ông bị ràng buộc. Sự chú ý sẽ giải thoát ông. Ông cho nhiều cái là đương nhiên. Hãy bắt đầu tra vấn. Cái hiển nhiên nhất là cái đáng nghi hoặc nhất. Hãy hỏi ông các câu hỏi như: "Có thật Ta đã được sinh ra?" "Có thật Ta là thế này thế nọ?", "Làm sao Ta biết Ta tồn tại?", "Ai là cha mẹ Ta?", "Cha mẹ tạo ra Ta, hay, Ta đã tạo ra cha mẹ?", "Ta có buộc phải tin những gì người khác nói về Ta?", "Bằng mọi cách, Ta là ai?". Ông đã tốn rất nhiều công sức để dựng lên một nhà tù cho chính ông; bây giờ ông hãy bỏ ra cũng nhiêu công sức như thế để phá hủy nó. Thật ra, phá hủy thì rất dễ vì cái hư giả sẽ biến mất ngay khi được phát hiện. Tất cả đều đeo bám vào ý tưởng "Ta hiện hữu". Hãy tìm hiểu nó thật rốt ráo. Nó nằm ngay gốc rễ của mọi phiền trược. Nó cũng như lớp da phân cách ông với thực tại. Cái thật ở bên trong lẫn bên ngoài lớp da, nhưng tự thân lớp da thì không thật. Ý tưởng "Ta hiện hữu" này đã không được sinh ra cùng với ông. Lẽ ra ông đã có thể sống một cách tốt lành nếu không có nó. Mãi sau này nó mới đến vì ông đồng hóa chính mình với thân xác. Nó tạo ra một ảo tưởng về sự phân cách mà thật ra là không có. Nó biến ông thành khách lạ trong thế giới của chính ông, và làm cho thế giới trở nên xa lạ và thù địch. Nếu không có ý thức "Ta hiện hữu" thì cuộc sống vẫn tiếp tục diễn ra. Có rất nhiều lúc chúng ta an nhiên và hạnh phúc mà không có ý thức "Ta hiện hữu". Khi cái "Ta hiện hữu" trở lại thì phiền não khởi sinh.

H: Làm sao một người thoát ra khỏi ý thức "Ta"?

M: Ông phải giải quyết ý thức "Ta" nếu ông muốn thoát khỏi nó. Hãy quan sát nó trong lúc động cũng như trong lúc tịnh, nó sinh khởi như thế nào và khi nào nó chấm dứt, nó muốn cái gì và làm sao nó đạt được cái đó, cho đến khi ông thấy nó rõ ràng và hiểu nó trọn vẹn. Xét cho cùng, tất cả pháp môn Yoga, dù nguồn gốc và phương cách có khác nhau thì cũng chỉ có một mục đích duy nhất: cứu ông ra khỏi tai họa của sự tồn tại phân cách, khỏi là một cái đốm vô nghĩa trong một bức tranh tuyệt mỹ vĩ đại.

Ông đau khổ vì ông tự cách ly chính mình với thực tại và bây giờ ông tìm cách thoát khỏi sự cách ly này. Ông không thể thoát khỏi những ám ảnh của chính ông. Ông chỉ có thể chấm dứt nuôi dưỡng chúng.

Vì cái "Ta hiện hữu" là hư giả nên nó muốn tiếp tục. Thực tại không cần tiếp tục – vì biết chính nó bất hoại nên thực tại không bận tâm đến sự hủy hoại của mọi hình tướng và thể hiện. Để củng cố và làm cho cái "Ta hiện

hữu" an ổn chúng ta làm đủ mọi chuyện, một cách vô ích, vì cái "Ta hiện hữu" không ngừng được tái lập từ lúc này đến lúc khác. Đây là một công việc bất tận, và giải pháp rốt ráo duy nhất là dứt khoát từ bỏ ý thức tách biệt "Ta là một con người như thế." Hiện hữu còn lại, nhưng không phải sự hiện hữu của cái ta.

H: Tôi có những tham vọng tâm linh nhất định. Tôi không được thực hiện những tham vọng đó?

M: Chẳng có tham vọng nào là tâm linh. Tất cả tham vọng đều vì cái "Ta hiện hữu." Nếu muốn tiến bộ thực sự, ông phải từ bỏ mọi ý tưởng về chứng đắc cá nhân. Tự nhận là Yogi mà còn tham vọng là nghịch lý. Lòng ham muốn phụ nữ của một người đàn ông bình thường thì vô tội khi so với dục vọng về một cảnh giới cực lạc miên viễn có tính cách cá nhân. Tâm chỉ là tên lừa đảo. Càng tỏ vẻ thiện ý thì nó càng phản bội một cách tệ hại.

H: Người ta thường đến tìm ông với những phiền trược thế gian và xin được cứu giúp. Làm sao ông biết phải nói gì với họ?

M: Ta chỉ nói với họ những gì xuất hiện trong tâm Ta vào lúc đó. Ta không có một thủ tục được tiêu chuẩn hóa trong giao tiếp với mọi người.

H: Ông biết rất rõ về chính ông. Còn tôi, khi có ai đến gặp để tham vấn, làm sao tôi biết chắc sự chỉ dẫn của tôi là đúng?

M: Hãy quan sát xem ông ở trạng thái nào, và ông nói ra từ bình diện nào. Nếu ông nói từ bình diện của tâm thì ông có thể sai lầm. Nếu ông nói từ sự thấy biết toàn diện về tình huống không theo những thói quen của tâm thì sự chỉ dẫn của ông là một đáp án đúng. Điểm chính yếu là hoàn toàn biết rõ rằng không phải ông hay người đối diện ông chỉ là những thân xác; nếu sự thấy biết của ông trong sáng và rốt ráo thì nhầm lẫn khó có thể xảy ra.

***

64. Bất cứ gì làm cho ông mãn nguyện đều giữ ông lại

Hỏi: Tôi là một kế toán viên công chức về hưu, vợ tôi tham gia một tổ chức xã hội dành cho các phụ nữ nghèo. Chúng tôi ghé đây trên đường tiễn con trai tôi sắp đi Mỹ. Nguyên quán chúng tôi ở Punjab nhưng chúng tôi sống ở *Delhi*. Đạo sư của chúng tôi thuộc tín phái *Radha-Soami* và chúng tôi rất tôn quí sự thân cận các bậc thánh nhân. Chúng tôi cảm thấy thật may mắn được người thân đưa đến đây. Chúng tôi đã gặp nhiều bậc thánh nhân và rất hoan hỉ được gặp thêm một vị nữa.

Maharaj: Các ẩn sĩ và những người tu khổ hạnh thì nhiều, nhưng gặp một bậc toàn giác biết rõ bản tánh của chính mình thì thật hi hữu. Các bậc thánh nhân và các *Yogi*, bằng những cố gắng và hy sinh lớn lao, đạt được những quyền năng phi thường và có thể làm lợi lạc rất nhiều trong việc cứu giúp tha nhân và phát khởi tín tâm, nhưng điều đó vẫn không làm cho họ trở nên hoàn hảo. Đó không phải là con đường đến với thực tại, mà chỉ làm tăng trưởng cái hư giả. Tất cả cố gắng đều đưa đến thêm cố gắng; bất cứ gì được tạo dựng đều được duy trì, bất cứ gì thụ đắc đều được bảo tồn để không bị hư hao và mất mát. Cái gì có thể bị mất đi thì không phải là của chính mình, và cái không phải là của chính ông thì có ích lợi gì cho ông? Trong thế giới của Ta, không có gì là thúc bách, tất cả đều tự xảy ra. Tất cả mọi tồn tại đều ở trong không gian và thời gian, hữu hạn và vô thường. Người kinh nghiệm sự tồn tại cũng thế, hữu hạn và vô thường. Ta không quan tâm đến "cái tồn tại" hay "người tồn tại". Chỗ đứng của Ta là ở bên ngoài, nơi đó Ta là cả hai mà không phải cả hai.

Nhiều người, sau nhiều cố gắng và khổ hạnh, sau khi thực hiện tham vọng của họ và đạt đến các bình diện cao hơn trong kinh nghiệm và hành động, đều biết rất rõ vị trí của họ, họ xếp hạng con người theo đẳng cấp, từ kẻ không chứng đắc ở hàng thấp nhất cho đến người chứng đắc ở hàng cao nhất. Đối với Ta tất cả đều bình đẳng. Dĩ nhiên là có những khác biệt về bề ngoài và sự thể hiện, nhưng không quan trọng. Cũng như hình dáng của một món trang sức bằng vàng không hề ảnh hưởng đến vàng thì bản tánh của một con người không hề bị ảnh hưởng bởi tướng mạo bên ngoài. Chừng nào ý thức bình đẳng này vắng thiếu thì có nghĩa là chưa tiếp cận với thực tại.

Hiểu biết suông vẫn chưa đủ, mà phải biết người biết. Các học giả và các hành giả Yogi có thể biết rất nhiều điều nhưng kiến thức suông thì ích lợi gì khi cái Ta vẫn không được biết? Chắc chắn kiến thức sẽ bị sử dụng sai lầm. Nếu không biết được người biết thì không thể có an lạc.

H: Làm thế nào để biết người biết?

M: Ta chỉ có thể nói với ông từ kinh nghiệm của chính Ta. Khi Ta gặp Tôn sư, ngài bảo: "Ông không phải cái mà ông cho rằng ông là. Hãy tìm ra cái mà ông là. Quan sát ý thức "Ta hiện hữu", tìm ra cái Ta thật của ông." Ta làm theo lời Tôn sư vì Ta tin tưởng ngài. Ta đã làm đúng như lời ngài bảo ta. Ta dùng tất cả thời gian rảnh rỗi của Ta để quan sát chính Ta trong im lặng. Và thật lạ lùng, và chóng vánh! Chỉ trong vòng ba năm Ta giác

ngộ bản tính chơn thật của Ta. Tôn sư qua đời chỉ một thời gian ngắn sau khi Ta gặp ngài, nhưng điều đó chẳng có gì khác biệt. Ta nhớ những gì ngài bảo Ta và kiên trì hành theo. Quả của nó hiện ở đây, với Ta.

H: Nó là cái gì?

M: Ta biết chính Ta như Ta trong thực tại. Ta không phải thân, không phải tâm, mà cũng không phải là những khả năng trí tuệ. Ta ở ngoài tất cả những thứ đó.

H: Ông không là gì cả?

M: Hãy vận dụng lý luận đi chứ. Dĩ nhiên, Ta hiện hữu, một cách hiển nhiên nhất. Chỉ có điều Ta không phải cái mà ông nghĩ Ta là. Điều này nói rõ tất cả với ông.

H: Nó chẳng nói với tôi cái gì cả.

M: Vì nó là cái không thể nói. Ông phải thân chứng kinh nghiệm của chính ông. Ông quá quen giao tiếp với sự vật, cả vật lý lẫn tâm lý. Ta không là một cái gì cả, và ông cũng thế. Ông và Ta đều không phải là vật chất hay năng lượng, không phải thân mà cũng chẳng phải tâm. Một khi ông thoáng thấy sự hiện hữu của chính ông thì ông sẽ nhận ra Ta không hề khó hiểu.

Chúng ta tin vào rất nhiều thứ chỉ qua nghe nói suông. Chúng ta tin vào những cõi giới xa xăm và con người xa lạ, chúng ta tin có thiên đường và địa ngục, có thần linh chỉ vì chúng ta được nghe nói. Tương tự như thế, chúng ta được nghe nói về chính chúng ta, về cha mẹ, tên tuổi, địa vị, nhiệm vụ của chúng ta, vân vân, nhưng chẳng bao giờ kiểm chứng. Con đường đến với sự thật đi qua sự phá hủy cái hư giả. Để phá hủy cái hư giả, ông phải đặt câu hỏi về những sự tin tưởng thâm căn cố đế của ông, trong đó sự tin tưởng ông là một thân xác là điều tệ hại nhất. Cùng đến với căn thân là thế giới, cùng đến với thế giới là Thượng đế, người được cho là tạo ra thế giới, và thế là khởi sinh sợ hãi, tôn giáo, cầu nguyện, hy sinh, đủ mọi loại nguyên tắc – tất cả chỉ để bảo vệ và duy trì con người trẻ con (*child-man*) sợ hãi đến mất cả trí khôn chỉ vì những con ngáo ộp do chính mình tạo ra. Hãy nhận ra cái ông là – bất sinh bất diệt – và khi không còn sợ hãi thì mọi đau khổ chấm dứt.

Những gì tâm nghĩ tưởng ra thì tâm hủy diệt. Cái thật thì không thể nghĩ tưởng ra nên không thể bị hủy diệt. Hãy bám chặt cái không hề bị khống chế bởi tâm. Cái mà Ta đang nói với ông không ở trong quá khứ hay tương lai. Nó cũng không ở trong cuộc sống thường ngày vì nó trôi chảy trong cái bây giờ. Nó vô thời, và tính hoàn toàn vô thời của nó ở ngoài tâm. Tôn sư

và lời của ngài: "Ông là chính Ta" ở với Ta bất kể thời gian. Lúc đầu Ta phải chú tâm đến Tôn sư và lời ngài nói, nhưng bây giờ thì điều này đã trở nên tự nhiên và dễ dàng. Thời điểm – khi tâm chấp nhận lời dạy của Tôn sư là chơn thật, và tâm sống theo lời ngài một cách tự sinh khởi trong từng sinh hoạt nhỏ nhặt của đời sống hàng ngày – là ngưỡng cửa của sự giác ngộ. Về một phương diện thì đó là sự cứu độ bằng tín tâm, nhưng tín tâm phải mãnh liệt và lâu bền.

Tuy nhiên, ông chớ nghĩ rằng chỉ tín tâm là đủ. Tín tâm được thể hiện bằng hành động là phương tiện chắc chắn đưa đến giác ngộ. Trong tất cả các phương tiện, đó là phương tiện hữu hiệu nhất. Có nhiều đạo sư phủ nhận tín tâm mà chỉ tin vào lý luận. Thật ra họ không phủ nhận tín tâm, mà bài bác sự tin tưởng mù quáng. Tín tâm thì không mù quáng. Tín tâm là sự sẵn sàng trắc nghiệm một điều gì đó.

H: Chúng tôi nghe nói rằng trong số các phương thức tu tập tâm linh thì sự thực hành thái độ nhân chứng thuần túy là hữu hiệu nhất. So sánh thái độ nhân chứng với tín tâm thì thế nào?

M: Thái độ nhân chứng cũng là tín tâm; đó là tín tâm với chính mình. Ông tin rằng ông không phải những gì ông kinh nghiệm và ông nhìn mọi vật như từ một khoảng cách. Trong hành vi nhân chứng không có cố gắng. Ông hiểu rằng ông chỉ là nhân chứng, và cái hiểu hành động. Ông không cần gì thêm nữa, chỉ cần nhớ rằng ông là nhân chứng. Trong trạng thái nhân chứng, ông hỏi chính mình: "Ta là ai?" câu trả lời xảy ra ngay lập tức, mặc dù là vô ngôn và im lặng. Chấm dứt là đối tượng và trở thành chủ thể của tất cả những gì xảy ra; một khi đã quay vào trong, ông sẽ nhận ra chính mình ở ngoài chủ thể. Khi ông đã tìm ra chính ông, ông sẽ nhận ra ông cũng ở ngoài cả đối tượng; cả chủ thể và đối tượng đều tồn tại trong ông, nhưng ông không phải cả hai.

H: Ông nói về tâm, về ý thức nhân chứng siêu vượt tâm và thuộc về cái Tối thượng, tức là cái bên ngoài tánh biết. Ý ông muốn nói ngay cả tánh biết cũng không thật?

M: Chừng nào ông còn hành sử theo luật, và không thật thì tánh biết có thể là thực tại duy nhất. Cái Tối thượng ở ngoài tất cả mọi phân biệt nên từ ngữ "thật" không áp dụng được, vì trong nó tất cả đều thật, do đó, không cần thiết phải được dán cho cái nhãn hiệu như thế. Cái Tối thượng chính là

nguồn gốc của thực tại, cái Tối thượng truyền thực tại vào bất cứ gì nó chạm đến. Chỉ có điều là Nó không thể được hiểu qua ngôn từ. Thậm chí một kinh nghiệm trực tiếp, dù siêu phàm đến đâu, cũng chỉ là bằng chứng, không gì khác hơn.

H: Nhưng ai đã tạo ra thế giới?

M: Tâm Vũ trụ - *Chidakash* – tạo ra và hủy diệt mọi vật. Cái Tối thượng – *Paramakash* – truyền thực tại cho bất cứ gì trở thành hiện hữu. Có thể nói tình yêu vũ trụ là những gì gần đúng nhất khi chúng ta phải dùng đến ngôn từ. Cũng như tình yêu, nó làm cho mọi thứ thành chơn thật, tốt đẹp và đáng mong ước.

H: Vì sao lại đáng mong ước?

M: Tại sao không? Nguồn gốc của tất cả những sức hút mãnh liệt nhất cho tất cả tạo vật phản ứng lẫn nhau, và đem con người lại với nhau – là gì khác nếu không phải Cái Tối thượng? Đừng xa lánh sự mong ước, mà chỉ cần để ý sự mong ước có chảy đúng vào kênh luồng hay không. Nếu không có mong ước ông chỉ là một xác chết. Nhưng nếu chỉ có những mong ước thấp hèn thì ông là một hồn ma.

H: Kinh nghiệm kề cận với cái Tối thượng thì như thế nào?

M: An lạc vô biên và yêu thương vô hạn. Hãy nhận ra rằng bất cứ gì chơn thật, cao thượng và đẹp đẽ trong vũ trụ đều từ ông mà ra, chính ông ở tại cội nguồn của tất cả. Tất cả các thần linh cai quản thế giới có thể là những thực thể phi thường và rực rỡ nhất, nhưng chỉ là những kẻ tôi tớ được ăn mặc lộng lẫy để phô trương uy quyền và sự giầu có của chủ nhân.

H: Làm sao đạt đến Trạng thái Tối thượng?

M: Bằng cách từ bỏ những mong ước thấp kém. Bao giờ còn mãn nguyện với cái thấp kém thì ông không thể có được cái cao nhất. Bất cứ gì làm ông mãn nguyện sẽ giữ ông lại. Cho đến khi nào ông nhận ra không gì có thể thỏa mãn được ông vì tính vô thường và giới hạn của nó; nhưng nếu chưa dồn hết công sức cho sự mong ước vĩ đại duy nhất thì ông vẫn chưa bước bước đầu tiên. Mặt khác, chính sự chánh trực của lòng mong ước cái Tối thượng là tiếng gọi từ cái Tối thượng. Không gì, vật lý hay tâm lý, có thể cho ông tự do. Ngay khi hiểu rằng sự ràng buộc là do chính ông tạo ra thì ông tự do, và lúc đó ông chấm dứt tạo ra xiềng xích để ràng buộc chính ông.

H: Làm sao một người tìm được tín tâm với Đạo sư?

M: Tìm được một Đạo sư để tin thì thật hy hữu. Điều này hiếm khi xảy ra.

H: Thế không phải định mệnh an bài?

M: Gọi đó là định mệnh thì chẳng giải thích gì nhiều. Khi điều đó xảy ra ông không thể nói tại sao nó xảy ra; quy tất cả cho nghiệp hay phước đức, hay Ý Chúa chỉ là một cách che giấu sự vô minh của chính mình.

H: *Krishnamurti* bảo rằng không cần đến Đạo sư.

M: Phải có ai đó nói cho ông về Thực tại Tối thượng, và con đường đi đến đó. *Krishnamurti* không làm gì khác. Về một phương diện ông ấy đúng – hầu hết những người được gọi là môn đồ không tin Đạo sư của họ; họ không làm theo những gì Đạo sư chỉ dẫn và cuối cùng bỏ đi. Đối với những môn đồ như thế thì tốt hơn là đừng bao giờ có một Đạo sư, mà phải tìm sự hướng dẫn bên trong. Tìm được một Đạo sư còn sống là một cơ hội vừa hiếm hoi vừa là một trách nhiệm vĩ đại. Một người không nên xem thường những chuyện như thế. Thường thì người ta tìm mua cho mình một thiên đường, và tưởng tượng vị Đạo sư sẽ trao cho họ với một cái giá nào đó. Các ông mong tìm được của hời bằng cách chìa ra thật ít nhưng đòi hỏi thật nhiều. Các ông chẳng lừa gạt được ai ngoài chính mình.

H: Tôn sư của ông bảo ông là cái Tối thượng, ông tin tưởng và làm theo. Cái gì cho ông tín tâm đó?

M: Cứ cho rằng Ta là một người biết lý lẽ, thì chỉ có ngu ngốc mới không tin Tôn sư. Ngài được lợi gì để lừa dối Ta?

H: Ông vừa bảo một người rằng chúng ta như nhau, chúng ta bình đẳng. Tôi không thể tin điều đó. Vì tôi không tin thì câu nói của ông có ích lợi gì cho tôi?

M: Chuyện ông không tin chẳng có gì quan trọng. Lời nói của Ta là chơn thật và sẽ có tác động. Đây chính là cái đẹp của thân cận thiện tri thức.

H: Có thể nào xem việc ngồi gần ông là một cách tu tập tâm linh?

M: Dĩ nhiên. Giòng sông của sự sống luôn tuôn chảy. Một số nước của giòng sông ở đây, nhưng hầu hết đã đến đích. Ông chỉ biết hiện tại. Ta thấy rất xa hơn vào quá khứ và tương lai, vào trong cái ông *là* và cái ông có thể *là*. Ta thấy ông không gì khác hơn chính Ta. Chỉ ở trong bản chất của tình yêu thì mới thấy không có sự khác biệt.

H: Làm sao tôi có thể thấy tôi như ông thấy tôi?

M: Chỉ cần ông không tưởng tượng chính ông là thân xác, là đủ. Chính cái ý tưởng "Ta là thân xác" mới là tai họa. Nó hoàn toàn che kín mắt ông nên ông không thấy được bản tánh chơn thật của ông. Thử ngưng nghỉ rằng ông là thân xác trong một lúc, đừng cho ông một danh xưng, một hình tướng. Trong bóng tối và im lặng thực tại được tìm ra.

H: Để nghĩ rằng tôi không phải là thân xác thì ý nghĩ này phải đi cùng với một sự tin tưởng nào đó. Tôi tìm sự tin tưởng như thế ở đâu?

M: Cứ hành xử như ông hoàn toàn tin tưởng và lòng tin sẽ đến. Ngôn từ suông thì có ích lợi gì? Một công thức, một mô thức của tâm chẳng giúp gì được ông. Nhưng hành động vô vị kỷ - hoàn toàn không quan tâm đến thân xác và những lợi ích của nó – sẽ chuyên chở ông đến ngay tâm của Thực tại.

H: Tôi tìm sự can đảm ở đâu để hành động mà không cần tin tưởng?

M: Tình yêu sẽ cho ông can đảm. Khi ông gặp một người hoàn toàn khả kính, đáng yêu, cao cả thì tình yêu và sự kính ngưỡng sẽ thôi thúc ông hành động một cách cao thượng.

H: Không phải ai cũng biết kính ngưỡng những bậc tôn đức. Hầu hết mọi người hoàn toàn vô cảm.

M: Cuộc đời sẽ làm cho họ biết cách nhận thức. Chính ảnh hưởng của những kinh nghiệm đã được huân tập sẽ cho họ mắt nhìn. Khi gặp một người xứng đáng, ông sẽ yêu quý, tin tưởng và làm theo sự chỉ dạy của người đó. Đây chính là vai trò của những người giác ngộ - nêu gương toàn hảo cho người khác kính ngưỡng và yêu quý. Cái đẹp của cuộc sống và tính cách đặc sắc của cuộc sống là một cống hiến lớn lao cho sự tốt lành chung.

H: Thế không phải chúng ta phải đau khổ để trưởng thành?

M: Biết rằng có đau khổ, thế giới đau khổ là đủ. Tự thân lạc thú hay đau khổ không đem lại giác ngộ. Hiểu biết mới đưa đến giác ngộ. Một khi ông đã hiểu được sự thật là thế gian đầy đau khổ, được sinh ra là một tai họa thì ông sẽ tìm thấy sự thôi thúc và nguồn năng lượng để vượt ra ngoài. Lạc thú làm cho ông ngủ mê và đau khổ đánh thức ông dậy. Nếu không muốn đau khổ thì đừng ngủ. Ông không thể biết chính ông chỉ qua sự an lạc, vì sự an lạc là bản chất của chính ông. Ông phải đối diện cái đối nghịch, cái không phải là ông, để tìm ra sự giác ngộ.

***

65. Tất cả những gì ông cần là một cái tâm tĩnh lặng

Hỏi: Tôi không khỏe. Tôi cảm thấy rất yếu. Tôi phải làm gì?

Maharaj: Ai không khỏe, ông hay thân xác?

H: Dĩ nhiên là thân xác.

M: Hôm qua ông cảm thấy khỏe. Cái gì cảm thấy khỏe?

H: Thân xác.

M: Ông vui khi thân xác khỏe, ông buồn khi thân xác yếu. Ai là kẻ vui hôm nay buồn hôm sau?

H: Tâm.

M: Ai là người biết cái tâm biến đổi?

H: Tâm.

M: Tâm là người biết. Ai biết người biết?

H: Thế không phải người biết biết chính mình?

M: Tâm không liên tục. Nó thường ở trong trạng thái vô ký, như khi ngủ hay bất tỉnh hoặc đãng trí. Phải có một cái gì liên tục để ghi nhận sự không liên tục.

H: Tâm nhớ. Điều này có nghĩa là sự liên tục.

M: Ký ức bao giờ cũng phiến diện, không xác thực và chóng phai. Ký ức không giải thích được ý thức mãnh liệt về chính mình, bao trùm khắp ý thức – ý thức "Ta hiện hữu." Hãy tìm ra cái gì nằm ở gốc rễ của nó.

H: Dù có quan sát sâu xa đến đâu, tôi cũng chỉ thấy tâm. Tôi hoàn toàn không hiểu câu ông nói "ở ngoài tâm."

M: Khi quan sát bằng tâm, ông không thể vượt ra ngoài tâm. Muốn vượt ra ngoài, ông phải quay đi với tâm và nội dung của nó.

H: Thế thì tôi phải nhìn hướng nào?

M: Tất cả mọi hướng đều ở trong tâm! Ta không bảo ông nhìn về một hướng nhất định nào. Chỉ quay đi với tất cả những gì xảy ra trong tâm và hướng tâm về cảm giác "Ta hiện hữu." Cái "Ta hiện hữu" không phải là một phương hướng. Tối hậu thì ngay cả cái "Ta hiện hữu" cũng sẽ phải ra đi, vì ông không cần phải tiếp tục khẳng định một điều hiển nhiên. Hướng tâm về cảm giác "Ta hiện hữu" chỉ giúp tâm quay đi với mọi cái khác.

H: Làm như thế sẽ đưa tôi đến đâu?

M: Khi không hướng về những gì làm cho nó bận rộn thì tâm trở nên tĩnh lặng. Nếu không khuấy động sự tĩnh lặng này và ở trong đó, ông sẽ thấy nó thấm nhuần một thứ ánh sáng và tình yêu mà ông chưa hề biết bao giờ, nhưng ông nhận ra ngay đó chính là bản tánh của ông. Một khi đã trải qua kinh nghiệm này, ông không còn là con người trước kia; cái tâm bất kham có thể phá vỡ sự an lạc và xóa nhòa hình ảnh của nó; nhưng chắc

chắn nó sẽ trở lại, nếu ông vẫn kiên trì tinh tấn. Rồi sẽ đến ngày mọi trói buộc bị phá vỡ, ảo tưởng và ràng buộc chấm dứt và sự sống hoàn toàn tập trung vào hiện tại.

H: Điều đó có gì quan trọng?

M: Sẽ không còn tâm nữa, chỉ có tình yêu hoạt động.

H: Làm sao tôi nhận ra trạng thái này khi đạt đến nó?

M: Ông trở nên vô úy.

H: Ở giữa một thế giới đầy những bí ẩn và nguy hiểm, làm sao tôi có thể vô úy?

M: Cái thân xác bé nhỏ của ông cũng đầy những bí ẩn và nguy hiểm, nhưng ông không sợ nó vì ông xem nó như chính ông. Điều ông không biết là toàn thể vũ trụ là thân ông và ông không cần phải sợ nó. Ông có thể cho rằng ông có hai thân; thân con người và thân vũ trụ. Thân con người đến rồi đi, nhưng thân vũ trụ luôn luôn ở với ông. Toàn thể những gì được tạo ra là thân vũ trụ của ông. Những gì thuộc về con người làm cho ông mê mờ đến nỗi ông không thấy được thân vũ trụ. Sự mê mờ này sẽ không tự chấm dứt mà phải được giải trừ một cách khéo léo và thận trọng. Khi tất cả ảo ảnh được hiểu rõ và từ bỏ, ông sẽ đạt đến trạng thái không còn sai lầm và toàn hảo, trong đó mọi phân biệt giữa con người và vũ trụ chấm dứt.

H: Tôi là một con người nên giới hạn trong không gian và thời gian. Tôi chiếm một khoảng không gian nhỏ hẹp và tồn tại trong vài khoảnh khắc; tôi không thể nào tưởng tượng được chính tôi là vĩnh cửu và bao trùm tất cả.

M: Ấy vậy mà ông *là*. Khi lặn sâu vào chính ông để tìm ra bản tánh chơn thật của ông, ông sẽ khám phá ra rằng chỉ có thân ông là bé nhỏ và chỉ ký ức ông là ngắn, còn đại dương bao la của sự sống là của chính ông.

H: Chính các từ ngữ "Ta" và "Vũ trụ" mâu thuẫn lẫn nhau. Cái này loại trừ cái kia.

M: Không phải thế. Ý thức về chính mình bao trùm khắp vũ trụ. Hãy tìm và ông sẽ phát hiện Con Người Vũ Trụ, tức là chính ông và còn vô biên nữa.

Dù sao, hãy bắt đầu bằng cách nhận ra rằng thế giới ở trong ông, chứ ông không ở trong thế giới.

H: Làm sao có thể như thế? Tôi chỉ là một phần của thế giới. Làm sao toàn thể thế giới lại có thể được dung nhiếp trong cái một phần, ngoại trừ ảnh phản chiếu của nó, giống như trong gương?

M: Những gì ông nói là đúng thật. Thân con người của ông là một phần mà trong đó cái toàn thể phản chiếu một cách kỳ lạ. Nhưng ông còn có một thân vũ trụ. Ông không thể nói ông không biết thân vũ trụ của ông vì ông luôn luôn thấy và kinh nghiệm nó. Chỉ có điều ông gọi nó là "thế giới" và ông sợ nó.

H: Tôi cảm nhận rằng tôi biết thân xác nhỏ bé của tôi nhưng tôi không biết người khác, ngoại trừ qua khoa học.

M: Thân xác nhỏ bé của ông đầy những điều kỳ bí và lạ lùng mà ông không biết. Người hướng dẫn duy nhất của ông là khoa học. Khoa cơ thể học và thiên văn học đều mô tả ông.

H: Dù tôi chấp nhận học thuyết của ông về thân vũ trụ là một lý thuyết hữu lý, tôi trắc nghiệm nó bằng cách nào và nó có ích lợi gì cho tôi?

M: Biết được chính ông là người ở trong cả hai thân thì ông chẳng từ bỏ gì cả. Cả vũ trụ sẽ là mối quan tâm của ông, ông sẽ yêu thương và cứu giúp từng sinh vật một cách trìu mến nhất và khôn ngoan nhất. Không hề có va chạm quyền lợi giữa ông và tha nhân. Mọi bóc lột sẽ hoàn toàn chấm dứt. Mọi hành động của ông đều đem lại lợi lạc, mỗi khoảnh khắc là một phước báu.

H: Nghe thì rất hấp dẫn, nhưng làm sao giác ngộ sự hiện hữu mang tính vũ trụ của chính tôi?

M: Có hai cách, một là ông dành tất cả trái tim và tâm trí cho sự khám phá chính ông, hai là ông chấp nhận, tin và làm theo lời Ta. Nói cách khác, hoặc là ông trở nên hoàn toàn quan tâm đến chính mình, hoặc là ông hoàn toàn không quan tâm đến chính mình. Chính từ ngữ "hoàn toàn" là quan trọng. Ông phải triệt để thì mới đạt đến cái Tối thượng.

H: Tầm thường và nhỏ bé như tôi làm sao hoài bão những điều quá cao siêu như thế?

M: Hãy nhận ra chính ông là đại dương bao la của ý thức mà tất cả mọi thứ xảy ra trong đó. Điều này không mấy khó khăn, chỉ cần một chút chú ý, một chút quan sát kỹ chính mình, ông sẽ thấy rằng không một sự kiện nào xảy ra bên ngoài ý thức của ông.

H: Thế giới đầy những sự kiện không xảy ra trong ý thức của tôi.

M: Ngay cả thân ông cũng đầy những sự kiện không xuất hiện trong ý thức của ông. Điều này không ngăn cản ông nhận thân xác là của chính ông. Ông biết thế giới cũng như ông biết thân xác của ông – qua các giác quan. Chính tâm phân chia thế giới bên ngoài lớp da với thế giới bên trong

lớp da của ông, và đặt chúng vào thế đối nghịch. Điều đó gây nên sợ hãi, thù hận và tất cả những bất hạnh của đời sống.

H: Tôi không theo kịp điều ông nói về "vượt ra ngoài ý thức." Tôi hiểu phần ngôn từ nhưng không thể hình dung được kinh nghiệm. Xét cho cùng, chính ông bảo rằng tất cả kinh nghiệm đều xảy ra trong ý thức.

M: Đúng thế. Không thể có kinh nghiệm ở ngoài ý thức. Nhưng vẫn có kinh nghiệm chỉ *hiện hữu* thuần túy. Có một trạng thái bên ngoài ý thức, nhưng không phải vô thức. Có người gọi đó là siêu thức, là thuần ý thức, hoặc Ý thức Tối thượng. Nó là tánh biết thuần túy, hoàn toàn không có quan hệ chủ thể - đối tượng.

H: Tôi từng nghiên cứu Thông thiên học nhưng không thấy có gì giống như ông nói. Đồng ý rằng Thông thiên học chỉ nói đến sự thể hiện, nhưng mô tả rất chi tiết về vũ trụ và các loại chúng sinh trong đó. Thông thiên học nhìn nhận rằng có nhiều giai tầng vật chất tương ứng với nhiều giai tầng kinh nghiệm, nhưng hình như không có gì vượt ra ngoài. Cái ông nói thì vượt ra ngoài mọi kinh nghiệm. Nếu cái gì đó không thể kinh nghiệm được thì nói về nó để làm gì.

M: Ý thức thì gián đoạn, đầy những khoảng trống. Nhưng ý thức về chính mình thì liên tục. Ý thức về chính mình này do đâu mà có, nếu không phải là do một cái gì đó bên ngoài ý thức?

H: Nếu tôi ở ngoài tâm thì làm sao tôi thay đổi được chính mình?

M: Việc gì lại cần thay đổi? Thế không phải tâm luôn luôn thay đổi hay sao? Chỉ cần thản nhiên quan sát tâm là đủ làm cho tâm tĩnh lặng. Khi tâm tĩnh lặng ông có thể vượt ra ngoài nó. Đừng để tâm lúc nào cũng bận rộn. Hãy ngưng lại – và chỉ *hiện hữu*. Nếu để tâm nghỉ, nó sẽ an định và khôi phục sự thanh tịnh và sức mạnh của nó. Thường xuyên tư lự làm cho tâm thoái hóa.

H: Nếu sự hiện hữu chơn thật luôn luôn ở với tôi thì tại sao tôi không biết?

M: Bởi vì nó rất vi tế còn tâm ông thì thô lậu, đầy những ý nghĩ và cảm thọ. Hãy lắng tâm yên tĩnh và trong sáng ông sẽ biết chính ông như ông là.

H: Tôi có cần đến tâm để biết chính tôi?

M: Ông ở ngoài tâm, nhưng ông biết bằng tâm của ông. Hiển nhiên sự sâu rộng và tính cách của sự biết tùy thuộc vào công cụ mà ông sử dụng. Hãy cải thiện công cụ thì sự biết của ông sẽ cải thiện.

H: Để biết một cách toàn hảo, tôi cần một cái tâm toàn hảo.

M: Một cái tâm tĩnh lặng là tất cả những gì ông cần. Một khi tâm đã tĩnh lặng thì tất cả những cái khác sẽ xảy ra một cách đúng mức. Cũng như khi mặt trời lên sẽ làm cho thế giới hoạt động, thì sự biết rõ chính mình sẽ tác động vào những thay đổi trong tâm. Với ánh sáng của sự biết rõ chính mình trong an định các năng lực nội tại trỗi dậy và hoạt động một cách kỳ diệu mà không có sự cố gắng nào của ông.

H: Ông muốn nói rằng công việc vĩ đại nhất được thực hiện bằng cách không làm gì cả?

M: Đúng thế. Hãy hiểu rằng sự giác ngộ của ông đã được định trước. Hãy tương thuận với định mệnh của ông, đừng cưỡng lại và cũng đừng ngăn trở nó. Hãy để nó tự hoàn mãn. Tất cả những gì ông cần là dành tất cả chú ý vào những chướng ngại mà cái tâm ngu ngốc đã tạo ra.

***

66. Mọi tìm cầu hạnh phúc đều khốn khổ

Hỏi: Tôi từ Anh đến và trên đường đi *Madras*. Tôi sẽ gặp cha tôi ở đó và chúng tôi sẽ lái xe về lại Luân đôn bằng đường bộ. Tôi có ý định theo khoa tâm lý học nhưng không biết sẽ làm gì khi tốt nghiệp. Tôi có thể theo ngành tâm lý công nghiệp hay tâm lý trị liệu. Cha tôi là một y sĩ đa khoa, có thể tôi cũng theo nghề của ông ấy.

Nhưng điều đó không ảnh hưởng đến những vấn đề tôi quan tâm, những vấn đề không thay đổi với thời gian. Tôi biết ông có câu trả lời cho những vấn đề như thế nên đến đây để gặp ông.

Maharaj: Không biết Ta có phải đúng người để trả lời các câu hỏi của cậu. Ta biết rất ít về sự việc và con người. Ta chỉ biết Ta hiện hữu, và cái đó thì cậu cũng biết. Chúng ta đều như nhau.

H: Dĩ nhiên tôi biết tôi hiện hữu. Nhưng tôi không hiểu điều này có nghĩa gì?

M: Cái mà cậu cho là "Ta" trong cái "Ta hiện hữu" thì không phải là cậu. Biết được cậu *hiện hữu* thì tự nhiên, nhưng biết được cậu là cái gì thì lại là kết của nhiều tra vấn. Cậu phải khám phá toàn thể phạm trù ý thức và vượt ra ngoài nó. Muốn thế, cậu phải tìm được đúng thầy, và tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự khám phá. Nói chung, có hai cách: ngoài và trong. Hoặc là cậu thân cận với một người giác ngộ chân lý, và hoàn toàn tuân theo sự hướng dẫn và uốn nắn của người đó; hoặc là cậu tìm kiếm sự hướng dẫn ở bên trong và đến bất cứ nơi nào ánh sáng nội tâm đưa cậu đến. Trong cả hai trường hợp, cậu phải loại bỏ mọi tham ái và lo sợ. Hoặc là cậu

học nhờ sự thân cận, hoặc là cậu học bằng sự tra vấn, hoặc là thụ động hoặc là năng động. Hoặc là cậu để chính mình trôi theo giòng đời và tình yêu mà tiêu biểu là đạo sư của cậu, hoặc là cậu tự lực, theo sự hướng dẫn của ngôi sao nội tâm. Trong cả hai trường hợp, cậu phải tiến bước, cậu phải thành khẩn. Hiếm người may mắn tìm được người đáng kính ngưỡng và đáng yêu quý. Hầu hết người ta phải theo con đường gian khổ, con đường của trí tuệ và hiểu biết, con đường của sáng suốt và vô tư – Viveka-Vairagya. Con đường này mở ra cho tất cả.

H: Tôi quả thật may mắn đã đến đây; dù ngày mai tôi phải lên đường nhưng chỉ một lần đàm đạo với ông có thể ảnh hưởng đến cả suốt cuộc đời tôi.

M: Phải, một khi cậu nói "Tôi muốn tìm chân lý," toàn thể cuộc đời cậu sẽ chịu ảnh hưởng bởi điều đó một cách sâu sắc. Tất cả những thói quen tâm lý và vật lý, cảm giác và cảm xúc, tham ái và lo sợ, kế hoạch và quyết định sẽ trải qua một cuộc chuyển hóa căn bản nhất.

H: Một khi đã quyết định tìm kiếm Thực Tại, tiếp đến tôi phải làm gì?

M: Điều đó còn tùy vào tính khí của cậu. Nếu cậu thành khẩn thì bất cứ con đường nào cậu lựa chọn cũng đều đưa đến đích. Chính lòng thành khẩn là yếu tố quyết định.

H: Cái gì là nguồn gốc của lòng thành khẩn đó?

M: Đó là bản năng trở về với nguồn gốc, bản năng đó khiến con chim về tổ, cá lội về nguồn nơi nó được sinh ra, hạt giống trở về với đất khi trái chín. Tất cả là do sự chín mùi.

H: Cái gì làm tôi chín mùi? Tôi có cần đến kinh nghiệm không?

M: Cậu đã có tất cả kinh nghiệm cần thiết, nếu không cậu đã không đến đây. Cậu không cần phải tích lũy thêm kinh nghiệm, mà đúng ra là cậu phải vượt ra khỏi kinh nghiệm. Bất cứ cố gắng nào mà cậu thực hiện, bất cứ sự tu tập nào mà cậu theo chỉ tạo thêm kinh nghiệm, mà không đưa cậu ra ngoài. Đọc kinh sách cũng chẳng giúp gì cậu. Sách vở chỉ làm giầu thêm cho tâm, nhưng con người mà cậu là – vẫn không thay đổi. Nếu cậu mong cầu bất cứ lợi lạc nào trong sự tìm kiếm – vật chất, tinh thần hay tâm linh – thì có nghĩa là cậu không thấy được vấn đề. Chân lý không đem lại bất cứ lợi thế nào. Chân lý không cho cậu một địa vị cao hơn, hay uy quyền đối với người khác; tất cả những gì cậu được chỉ là cái chơn thật và hoàn toàn tự do đối với cái hư giả.

H: Chắc chắn chân lý cho ông quyền năng để cứu độ người khác.

M: Dù điều đó cao thượng đến đâu thì cũng chỉ là tưởng tượng. Trong chân lý cậu không cứu độ người khác, vì không có người khác. Cậu phân chia con người thành tôn quý và phàm phu, rồi bảo người tôn quý cứu độ kẻ phàm phu. Cậu phân biệt, đánh giá, cậu phán xét và lên án – nhân danh chân lý cậu hủy diệt chân lý. Chính ý định công thức hóa chân lý của cậu phủ nhận chân lý, vì chân lý không thể được chứa đựng trong ngôn từ. Chỉ có thể diễn tả chân lý trong hành động bằng cách phủ nhận cái hư giả. Muốn vậy, cậu phải thấy cái hư giả - *Viveka* – là hư giả và từ bỏ nó – *Vairagya*. Từ bỏ cái hư giả là giải thoát và đem lại sức sống. Nó mở đường đến với sự toàn hảo.

H: Khi nào tôi biết mình đã tìm ra chân lý?

M: Khi ý tưởng "cái này là chân lý," "cái kia là chân lý" không sinh khởi. Chân lý không tự khẳng định, chân lý ở trong sự nhận biết cái hư giả là hư giả và loại bỏ cái hư giả. Nếu tâm không thấy được cái hư giả thì tìm kiếm chân lý chỉ là chuyện vô ích. Cái hư giả phải được hoàn toàn thanh tẩy thì chân lý mới có thể bừng sáng trong tâm.

H: Nhưng cái gì là hư giả?

M: Cái không có thực thể thì chắc chắn là hư giả.

H: Không có thực thể nghĩa là gì? Cái hư giả có đó, chắc như đinh.

M: Cái gì tự mâu thuẫn với chính nó thì không có thực thể, hoặc nó chỉ hiện hữu nhất thời thì cũng thế. Vì cái gì có sự khởi đầu và sự kết thúc thì không có đoạn giữa. Nó trống rỗng. Nó chỉ có danh xưng và hình tướng được tâm gán ghép cho, nhưng không có tánh (*essence*) mà cũng chẳng có chất (*substance*).

H: Nếu tất cả những gì trôi qua không có thực thể, thì vũ trụ cũng không có thực thể.

M: Có ai phủ nhận điều đó đâu? Dĩ nhiên vũ trụ không có thực thể.

H: Vậy cái gì có thực thể?

M: Cái không tùy thuộc vào bất cứ gì để tồn tại, cái không nổi lên với vũ trụ nổi lên, chìm xuống với vũ trụ chìm xuống, cái không cần đến bằng chứng, nhưng truyền thực tại cho bất cứ gì nó chạm đến. Bản chất của cái hư giả là xuất hiện rất như thật trong khoảnh khắc. Có thể nói rằng cái chơn thật là cha của cái hư giả. Còn cái hư giả thì hữu hạn trong thời gian và không gian, và do tình huống tạo nên.

H: Làm sao tôi có thể loại trừ cái hư giả và đạt được cái chơn thật?

M: Để làm gì?

H: Để sống một cuộc sống tốt đẹp hơn, mãn nguyện hơn, hợp nhất và hạnh phúc.

M: Bất cứ gì nhận thức được bằng tâm đều hư giả, vì nó phải là tương đối và hữu hạn. Cái thật thì bất khả nhận thức và không thể uốn nắn cho một mục đích. Cái thật phải được mong cầu vì chính nó.

H: Làm sao tôi có thể mong cầu cái bất khả nhận thức?

M: Còn cái gì khác đáng mong cầu? Cứ cho là cái thật không thể được mong cầu như một vật được mong cầu, nhưng một người có thể thấy cái không thật và loại bỏ nó. Chính sự loại bỏ cái hư giả mở đường đi đến cái chơn thật.

H: Tôi hiểu, nhưng theo cái nhìn thực tế của đời sống thường nhật thì thế nào?

M: Lợi ích vị kỷ và quan tâm đến chính mình là những tiêu điểm của cái hư giả. Cuộc sống hàng ngày của cậu rung động giữa tham ái và lo sợ. Hãy chăm chú quan sát và cậu sẽ thấy tâm khoác lên nó vô số danh xưng và hình tướng, như một con sông sủi bọt giữa hai bờ đá. Theo dấu từng hành động đến tận nguyên do vị kỷ của nó, và chăm chú quan sát nguyên do cho đến khi nó tan biến.

H: Để sống, một người phải lo lắng cho chính mình, phải kiếm tiền để nuôi thân.

M: Cậu không cần phải kiếm sống cho chính mình, nhưng có thể cậu phải kiếm sống vì một người đàn bà và một đứa trẻ. Có thể cậu phải tiếp tục làm việc vì người khác. Thậm chí chỉ cần đủ sống cũng có thể là một sự hy sinh. Không vì bất cứ lý do gì để vị kỷ. Hãy từ bỏ bất cứ nguyên do tìm kiếm cái Ta ngay khi nó được phát hiện. Cậu không cần tìm kiếm chân lý, chân lý sẽ tìm ra cậu.

H: Cũng phải có những cần cầu tối thiểu.

M: Thế không phải những cần cầu đó được đáp ứng khi cậu bầy tỏ? Hãy loại bỏ mọi câu thúc của sự lo lắng thái quá về chính mình, và hãy là cái cậu là – trí tuệ và tình yêu trong hành động.

H: Nhưng một người phải sinh tồn chứ!

M: Không thể nào cậu không sinh tồn! Cái Ta thật của cậu thì vô thời và ở ngoài sinh tử. Thân xác vẫn sinh tồn chừng nào nó còn được cần đến. Thân xác trường thọ không phải là điều quan trọng. Một cuộc sống viên mãn vẫn tốt hơn là một cuộc sống dai dẳng.

H: Ai quyết định thế nào là một cuộc sống viên mãn? Điều này tùy thuộc vào nền tảng văn hóa của tôi.

M: Nếu tìm kiếm thực tại cậu phải thoát ra khỏi mọi nền tảng, văn hóa, mọi mô thức tư duy và cảm thọ. Ngay cả ý tưởng là nam hay nữ, thậm chí là con người cũng cần loại bỏ. Đại dương của sự sống bao gồm tất cả, không chỉ riêng con người. Vì vậy, trước tiên hãy từ bỏ tất cả mọi sự nhận dạng cái Ta, chấm dứt nghĩ rằng mình là thế này, thế nọ, là thế này hay thế kia. Từ bỏ tất cả mọi quan tâm thái quá về chính mình; không còn lo lắng đến sự an sinh của riêng mình, dù là vật chất hay tinh thần; buông bỏ mọi tham ái, thô hay tế; chấm dứt nghĩ tưởng đến mọi thành đạt. Cậu hoàn toàn ở đây và ngay bây giờ, cậu tuyệt nhiên không cần gì cả.

Điều này không có nghĩa là cậu phải ngu đần, liều mạng, không biết tiên liệu hoặc thờ ơ; chỉ cần từ bỏ sự lo lắng sơ đẳng (*basic anxiety*) về chính mình. Cậu cần nơi ăn, chốn ở, quần áo cho bản thân và những người tùy thuộc, nhưng điều này không thành vấn đề chừng nào lòng tham không được xem là một sự cần thiết. Hãy sống thuận theo với mọi thứ như chúng là, chứ không phải như chúng được tưởng tượng là.

H: Tôi là gì nếu không phải là con người?

M: Cái gì nhờ nó cậu nghĩ rằng mình là một con người thì cái đó không phải con người. Nó chỉ là một điểm vô phương vị của ý thức, một cái không là gì cả nhưng hữu thức; tất cả những gì cậu có thể nói về cậu là: "Ta hiện hữu." Cậu là sự hiện hữu thuần túy – tánh biết – an lạc. Nhận ra được nó là kết thúc cuộc tìm kiếm. Cậu đạt đến nó khi cậu thấy – tất cả những gì cậu nghĩ cậu là – chỉ là tưởng tượng, và cậu đứng xa lìa trong sự thuần túy thấy biết cái vô thường là vô thường, tưởng tượng là tưởng tượng, hư giả là hư giả. Điều này không hề khó khăn, nhưng cần vô tư. Chính sự bám víu vào cái hư giả làm cho cái thật trở nên khó thấy. Một khi cậu nhận ra rằng cái hư giả cần đến thời gian, và cái gì cần đến thời gian thì hư giả, lúc đó cậu cận kề hơn với Thực Tại, tức là cái vô thời, thường tại. Vĩnh cửu trong thời gian đơn thuần chỉ là sự lập đi lập lại, giống như chuyển động của một cái đồng hồ. Nó lưu chuyển bất tận từ quá khứ vào tương lai, một sự vĩnh cửu rỗng tuếch. Thực tại là cái làm cho hiện tại thật sống động, thật khác biệt với quá khứ và tương lai – tức là những trạng thái của tâm. Nếu cậu cần thời gian để đạt được một cái gì đó, thì cái đó chắc chắn là hư giả. Cái thật luôn luôn ở với cậu; cậu không cần phải đợi để là cái cậu *hiện hữu*. Điều duy nhất là cậu không được để tâm đi ra ngoài cậu tìm kiếm. Khi cần

một cái gì đó, hãy tự hỏi: "Ta có thực sự cần nó không?" và nếu câu trả lời là không, thì chỉ việc buông bỏ nó.

H: Tôi không thể hạnh phúc sao? Có thể tôi không cần một cái gì, nhưng nếu có cái làm cho tôi hạnh phúc, tôi không được nắm bắt nó hay sao?

M: Không gì có thể làm cho cậu hạnh phúc hơn chính cậu. Tất cả mọi tìm cầu hạnh phúc chỉ là khốn khổ và đưa đến khốn khổ hơn nữa. Hạnh phúc duy nhất đúng với ý nghĩa của nó là hạnh phúc tự nhiên của **sự hiện hữu hữu thức**.

H: Tôi có cần thật nhiều kinh nghiệm trước khi đạt đến trình độ tỉnh thức cao siêu như thế?

M: Kinh nghiệm chỉ để lại ký ức phía sau và cộng thêm vào gánh nặng vốn đã chồng chất. Cậu không cần thêm kinh nghiệm. Những kinh nghiệm cũ là quá đủ. Và nếu cảm thấy cần thêm thì hãy nhìn vào trái tim của những người quanh cậu. Cậu sẽ thấy đủ loại kinh nghiệm mà có mất đến cả ngàn năm cậu cũng không thể trải qua hết. Học từ những đau khổ của thế nhân và tránh đừng trải qua như họ. Cái cậu cần không phải là kinh nghiệm, mà là sự tự do thoát khỏi mọi kinh nghiệm. Đừng tham lam kinh nghiệm, cậu chẳng cần một kinh nghiệm nào.

H: Thế không phải chính ông cũng trải qua các kinh nghiệm?

M: Mọi chuyện xảy ra quanh Ta nhưng Ta không tham dự. Một sự kiện chỉ trở thành kinh nghiệm khi nào Ta can dự một cách xúc cảm. Ta ở trong một trạng thái viên mãn, không cần tìm kiếm bất cứ gì để toàn hảo chính nó. Kinh nghiệm có ích lợi gì cho Ta?

H: Một người cần kiến thức, và giáo dục.

M: Để đối phó với sự việc, kiến thức về sự việc là cần thiết. Để đối xử với con người, cậu cần sự hiểu biết và thông cảm. Để hành xử với chính mình, cậu chẳng cần gì cả. Hãy là cái cậu là: hiện hữu hữu thức và đừng đi lạc khỏi chính cậu.

H: Giáo dục đại học là hữu ích nhất.

M: Hiển nhiên, nó giúp cậu kiếm sống. Nhưng nó không dạy cậu sống như thế nào. Cậu học khoa tâm lý. Học thức của cậu có thể giúp cậu trong một số tình huống nào đó. Nhưng cậu có sống bằng khoa tâm lý học? Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi nó phản ánh Thực tại trong hành động. Chẳng có đại học nào dạy cậu cách sống như thế nào để khi đến giờ lâm chung, cậu có thể nói rằng: Ta đã sống trọn vẹn, Ta không cần phải sống thêm lần nữa.

Hầu hết chúng ta chết đi nhưng vẫn mong được tái sinh. Có quá nhiều lầm lẫn đã phạm phải, có quá nhiều điều còn bỏ dở. Hầu hết mọi người chỉ lớn lên và già đi, chứ không sống. Họ chỉ biết tích lũy kinh nghiệm và làm giầu cho ký ức. Mà kinh nghiệm chính là phủ nhận Thực tại, tức là cái không thể cảm nhận bằng giác quan hay qua khái niệm, là cái không phải thân mà cũng chẳng phải tâm, nhưng bao gồm và siêu vượt cả hai.

H: Kinh nghiệm bao giờ cũng hữu ích. Nhờ kinh nghiệm ông tránh không thò tay vào lửa.

M: Ta đã nói với cậu rằng kinh nghiệm hữu ích trong đối phó với sự việc. Nhưng nó không dạy cậu cách đối xử với con người, với chính cậu, và sống như thế nào. Chúng ta không nói chuyện học lái xe, hay kiếm tiền. Đối với những chuyện này cậu cần đến kinh nghiệm. Nhưng để là ánh sáng cho chính cậu thì kinh nghiệm vật chất chẳng giúp cậu được gì. Cậu cần một cái thân thuộc hơn và thâm sâu hơn kiến thức vay mượn để là cái Ta của chính cậu theo đúng nghĩa của từ ngữ này. Cuộc sống bên ngoài của cậu chẳng quan trọng. Cậu có thể là một người gác đêm mà vẫn sống hạnh phúc. Chính cái mà cậu là, bên trong, mới quan trọng. An lạc nội tâm chính là cái mà cậu phải kiếm, và còn khó kiếm hơn cả kiếm tiền. Chẳng có đại học nào có thể dạy cậu là chính cậu. Cách học duy nhất là thực hành. Hãy bắt đầu ngay lập tức là chính cậu. Từ bỏ tất cả những gì không phải là cậu và đi sâu hơn nữa. Như người đào giếng bất kể những gì không phải là nước cho đến khi đụng đến mạch, thì cậu cũng loại bỏ tất cả những gì không phải là chính cậu, cho đến khi không còn lại bất cứ gì để loại bỏ. Cậu sẽ nhận ra rằng cái còn lại không là gì để tâm có thể bám víu. Thậm chí cậu không phải là một con người. Cậu chỉ *hiện hữu* – một điểm của tánh biết, cùng bao la với thời gian và không gian nhưng siêu vượt cả hai, là nguyên nhân tối hậu nhưng tự thân lại hằng hữu. Nếu cậu hỏi Ta: "Ông là ai?" câu trả lời sẽ là: "Chẳng có gì riêng biệt. Nhưng, Ta hiện hữu."

H: Nếu không phải là cái gì riêng biệt, ông phải là vũ trụ.

M: Cái gì là vũ trụ - không phải là một khái niệm mà là một lối sống? Không tách biệt, không đối nghịch, nhưng hiểu và yêu thương bất cứ gì tiếp xúc với cậu – tức là sống một cách vũ trụ. Để có thể nói một cách đúng thực: "Ta là thế giới, thế giới là Ta," thì Ta phải thân thuộc với thế giới, và thế giới là chính Ta. Mọi tồn tại là tồn tại của chính Ta, mọi đau khổ là đau khổ của chính Ta và mọi an vui là an vui của chính Ta – đó là cuộc sống vũ trụ. Nhưng sự hiện hữu chơn thật của Ta – và của cậu cũng thế - ở ngoài vũ

trụ, và, do đó ở ngoài mọi phân loại của cái cá biệt và vũ trụ. Nó là chính nó, hoàn toàn bất phụ thuộc và độc lập.

H: Tôi thấy cái ông nói rất khó hiểu.

M: Cậu phải dành thời gian để tư duy những điều như thế. Phải xóa sạch mọi vết mòn trong não bộ và đừng tạo thêm vết mới. Cậu phải nhận ra chính cậu là cái bất động, ở đằng sau và bên ngoài mọi cái động, là nhân chứng thầm lặng của tất cả những gì xảy ra.

H: Điều này có nghĩa là tôi phải từ bỏ tất cả ý tưởng về một cuộc sống năng động?

M: Không phải thế. Cậu vẫn sẽ lập gia đình, có con cái, kiếm tiền để nuôi sống gia đình; tất cả những chuyện đó xảy ra trong giòng diễn tiến tự nhiên, vì định mệnh phải được hoàn tất; cậu sẽ trải qua định mệnh mà không cưỡng lại, đương đầu với mọi chuyện khi chúng đến, một cách chăm chú và cẩn thận, dù là chuyện lớn hay nhỏ. Nhưng thái độ chung nhất là vô tư một cách trìu mến, vô cùng thiện chí, không mong cầu đền đáp, luôn luôn cho mà không bao giờ đòi hỏi. Trong hôn nhân, cậu không phải là chồng hay vợ, mà là tình yêu giữa vợ chồng. Cậu là sự trong sáng và lòng tử tế làm cho mọi thứ an ổn và hạnh phúc. Điều này có vẻ hơi mơ hồ đối với cậu, nhưng nếu chịu suy nghĩ một chút cậu sẽ nhận ra cái bí ẩn nhất là cái thực tiễn nhất, vì nó làm cho cuộc sống của cậu hạnh phúc một cách sáng tạo. Ý thức của cậu sẽ được nâng lên một giai tầng mới mà từ đó cậu có thể thấy mọi chuyện rõ ràng hơn và mãnh liệt hơn rất nhiều. Cậu nhận ra rằng con người mà cậu trở thành khi sinh và chấm dứt khi tử chỉ là vô thường và hư giả. Cậu không phải con người nhục dục, đa cảm và tri thức, bị câu thúc bởi tham ái và lo sợ. Hãy tìm ra sự hiện hữu chơn thật của cậu. "Ta là cái gì?" là câu hỏi căn bản của tất cả các hệ thống triết lý và tâm lý học. Hãy quán nó thật sâu xa.

***

67. Kinh nghiệm thì không thật

Maharaj: Người tìm kiếm là kẻ đi tìm chính mình. Người đó sẽ sớm nhận ra mình không phải là thân xác. Một khi sự tin tưởng "Ta không phải là thân xác" trở nên kiên cố thì người đó không còn cảm thọ, tư duy và hành động cho thân xác, và nhân danh thân xác, người đó sẽ dễ dàng nhận ra rằng mình là sự hiện hữu vũ trụ, biết và hành động mang tính vũ trụ, rằng toàn thể vũ trụ là thật, hữu thức và năng động trong người đó và thông qua người đó. Đây là trọng tâm của vấn đề. Hoặc là ông chỉ biết thân xác

và là kẻ nô lệ của hoàn cảnh; hoặc ông chính là ý thức vũ trụ và hoàn toàn chủ động đối với từng sự kiện.

Tuy nhiên, ý thức – dù cá nhân hay vũ trụ - không phải trú xứ đích thực của Ta. Ta không ở trong ý thức, ý thức không phải của Ta, không có "Ta" trong ý thức. Ta ở ngoài, mặc dù rất khó giải thích làm sao một người không phải hữu thức mà cũng chẳng phải vô thức, mà ở ngoài. Ta không thể nói Ta ở trong Thượng đế, hoặc Ta là Thượng đế. Thượng đế là ánh sáng vũ trụ và tình yêu, là nhân chứng vũ trụ. Ta thậm chí còn ở ngoài cả vũ trụ.

H: Như thế ông không có danh xưng và hình tướng. Vậy sự hiện hữu của ông là gì?

M: Ta là cái Ta là, chẳng phải có hình tướng hay không có hình tướng, chẳng phải hữu thức mà cũng không phải vô thức. Ta ở ngoài tất cả các phạm trù như thế.

H: Ông sử dụng luận pháp *Neti-Neti* – không phải cái này, không phải cái này?

M: Ông không thể tìm thấy Ta bằng đơn thuần phủ định. Ta vừa là tất cả vừa không là gì cả. Không phải cả hai mà cũng chẳng phải cái này hay cái kia. Tất cả những định nghĩa như thế áp dụng cho Chủ tể của vũ trụ, nhưng không thể dùng cho Ta.

H: Ông muốn nói rằng ông chỉ là không gì cả?

M: Ồ, không! Ta viên mãn và toàn hảo. Ta là tính hiện hữu của hiện hữu, tánh biết của biết, tính viên mãn của hạnh phúc. Ông không thể rút Ta xuống thành hư không!

H: Nếu ông ở ngoài ngôn từ, thì chúng ta có thể nói về cái gì? Đứng về phương diện siêu hình, luận pháp của ông rất gắn bó, không có mâu thuẫn nội tại. Nhưng những gì ông nói chẳng thiết thực đối với tôi, và ở ngoài những nhu cầu bức thiết của tôi. Tôi xin bánh mì, ông lại cho châu báu. Rõ ràng châu báu quí và đẹp, nhưng tôi đói.

M: Không phải thế. Ta chỉ cho ông đúng cái ông cần – sự tỉnh thức. Ông không đói và ông cũng chẳng cần bánh mì. Ông cần dừng lại, ông cần buông bỏ và tháo gỡ. Cái ông nghĩ ông cần thì không phải là cái ông cần. Cái thực sự cần thiết của ông thì Ta biết, nhưng ông không biết. Ông cần trở về với trạng thái Ta *là* – trạng thái tự nhiên của ông. Bất cứ gì ông có thể nghĩ đến đào là ảo tưởng và chướng ngại. Cứ tin Ta đi, ông chẳng cần gì cả ngoài cái mà ông là. Ông tưởng tượng sẽ tăng thêm giá trị của mình

bằng sự thụ đắc. Cũng giống như vàng tưởng nó sẽ tinh hảo hơn bằng cách gia thêm đồng. Loại trừ, thanh tẩy và không nhận bất cứ gì không phải là bản chất của ông là đủ. Tất cả những cái khác chỉ là hư giả.

H: Nói thì dễ hơn làm. Một người bị đau bụng đến gặp ông nhờ giúp và ông bảo người đó nôn ra những gì đã ăn vào. Dĩ nhiên, nếu không có tâm thì chẳng có phiền não. Nhưng tâm có đó – một cách minh thị nhất.

M: Chính tâm bảo ông là tâm có đó. Đừng để tâm đánh lừa. Tất cả những lập luận bất tận về tâm là do chính tâm tạo ra để bảo vệ nó, duy trì sự tiếp tục của chính nó và bành trướng chính nó. Chỉ có dứt khoát từ chối suy nghĩ về những uẩn khúc và biến dịch của tâm mới có thể đưa ông ra khỏi nó.

H: Thưa ông, tôi là kẻ tầm thường đi tìm chân lý, còn ông chính là Thực tại Tối thượng. Tôi đến với cái Tối thượng để cầu giác ngộ. Cái Tối thượng sẽ làm gì?

M: Lắng nghe cái mà Ta nói đi nói lại với ông và đừng xa lìa nó. Luôn luôn nghĩ tưởng đến nó mà không có cái gì khác xen vào. Khi đã đi xa đến mức đó, hãy buông bỏ mọi ý nghĩ không những về thế giới mà còn cả về chính ông. Hãy ở ngoài mọi ý nghĩ và trong tánh biết hiện hữu im lặng. Đó không phải là tiến bộ, vì cái mà ông đạt đến vốn có sẵn trong ông, và chờ ông.

H: Theo ông tôi phải chấm dứt suy nghĩ và an trú trong ý tưởng "Ta hiện hữu"?

M: Đúng thế. Loại bỏ mọi ý nghĩa của bất cứ ý nghĩ nào đến với ông, liên quan với cái "Ta hiện hữu," đừng để ý đến chúng.

H: Tôi tình cờ gặp nhiều người trẻ đến từ phương Tây, và nhận thấy có một sự khác biệt rất căn bản khi so sánh họ với người Ấn. Có vẻ như cái *Psyche* của họ khác hẳn. Cái tâm Ấn Độ nắm bắt dễ dàng những khái niệm như Ngã, Thực Tại, chơn thâm thuần tịnh, ý thức vũ trụ. Những tiếng đó nghe rất thân quen và hương vị rất ngọt ngào. Cái tâm Tây phương không cảm ứng với, hoặc bác bỏ những quan niệm như thế. Cái tâm Tây phương cụ thể hóa và muốn hưởng dụng ngay những giá trị được chấp nhận. Những giá trị này thường có tính cách cá nhân: sức khỏe, an sinh, sự sung túc; hoặc có khi mang tính xã hội như một xã hội tốt đẹp hơn, một cuộc sống hạnh phúc hơn cho mọi người; tất cả đều liên quan đến những vấn đề trần tục, dù là cá nhân hay phi cá nhân. Một trở ngại nữa thường xảy ra khi nói chuyện với người phương Tây là đối với họ tất cả đều là kinh nghiệm –

cũng như muốn nếm qua thức ăn, thức uống, đàn bà, nghệ thuật và du lịch, họ muốn có kinh nghiệm về *Yoga*, về giác ngộ và giải thoát. Đối với họ những thứ này cũng là kinh nghiệm và có thể có được với một cái giá nào đó. Họ tưởng tượng những kinh nghiệm như thế có thể mua được nên mặc cả về giá bán. Khi một Đạo sư đưa ra một cái giá quá cao – về thời gian và sự cố gắng – họ bỏ đi tìm người khác. Các Đạo sư mới đưa ra những phương án từng phần, rõ ràng là rất dễ nhưng đầy những điều kiện không thể thực hiện được. Một cổ tích bảo rằng khi chữa bệnh thì đừng suy nghĩ lăng xăng. Ở đây là đừng nghĩ đến thế giới, "từ bỏ mọi tướng trạng của cái ta," "đoạn trừ mọi tham ái," "trở thành những người tu toàn hảo," và vân vân. Dĩ nhiên là sự lừa gạt xảy ra trong tất cả các trình độ, và kết quả là chẳng có gì. Một số Đạo sư trong cơn tuyệt vọng hoàn toàn bỏ cả cách tu tập, không đặt ra điều kiện nào, và cổ xúy cho sự bất dụng công, sự tự nhiên, và đơn thuần sống trong sự tỉnh thức vô phản ứng, không hề có bất cứ mô thức "phải" hay "không phải" nào. Cũng có rất nhiều môn đồ chán ghét bản thân đến độ không còn muốn nhìn chính mình chỉ vì những kinh nghiệm đó trong quá khứ. Nếu không ghê tởm thì họ cũng nhàm chán. Họ chán ngấy sự thấy biết chính mình và muốn cái gì khác.

M: Cứ để họ không nghĩ đến chính mình nếu họ thích thế. Cứ để họ thân cận với Đạo sư, quan sát Đạo sư và nghĩ đến Đạo sư. Họ sẽ sớm kinh nghiệm một sự an lạc rất mới lạ mà chưa bao giờ họ đã trải qua trước kia – ngoại trừ trong thời thơ ấu. Kinh nghiệm này mới lạ một cách không thể lầm lẫn, sẽ thu hút sự chú ý của họ, và tạo ra sự thích thú; một khi sự thích thú được khơi dậy thì sự chuyên tâm sẽ tuần tự theo sau.

H: Những người này hay chỉ trích và rất đa nghi. Dù đã trải qua nhiều bài học và thất vọng, nhưng họ vẫn không thể là gì khác hơn. Họ muốn kinh nghiệm, nhưng lại hoài nghi kinh nghiệm. Làm sao đến với họ thì chỉ có Thượng đế mới biết.

M: Sự hiểu biết chơn thật và tình yêu sẽ đến với họ.

H: Khi họ có đôi chút kinh nghiệm tâm linh thì một khó khăn khác nổi lên. Họ kêu ca rằng kinh nghiệm không lâu dài, mà chỉ đến rồi đi một cách ngẫu nhiên. Có được cây kẹo que trong tay, họ muốn lúc nào cũng mút nó.

M: Kinh nghiệm, dù siêu phàm đến đâu, đều không phải cái thật. Do bản chất của nó, kinh nghiệm đến rồi đi. Giác ngộ chính mình không phải là một sự thụ đắc. Đúng ra nó thuộc về bản chất của hiểu. Một khi đã đạt được thì nó không thể bị mất đi. Trái lại, ý thức thì thay đổi, trôi nổi và biến

dịch từ lúc này sang lúc khác. Đừng bám víu vào ý thức cũng như nội dung của nó. Khi bị lưu giữ thì ý thức ngừng lại. Tìm cách lưu giữ vĩnh viễn một thoáng sáng suốt, hay sự xuất hiện bất ngờ của hạnh phúc là hủy diệt cái muốn được lưu giữ. Cái gì đến thì phải đi. Cái thường hằng ở ngoài tất cả những gì đến và đi. Hãy đến tận gốc rễ của tất cả kinh nghiệm, của ý thức hiện hữu. Bên ngoài hiện hữu và phi hiện hữu là sự bao la của cái chơn thật. Hãy thường tinh tấn.

H: Muốn tinh tấn một người cần tín tâm.

M: Trước tiên phải có ước muốn. Khi ước muốn đủ mãnh liệt thì sự sẵn sàng tinh tấn sẽ đến. Khi ước muốn mãnh liệt, ông không cần chắc chắn phải thành công. Ông sẵn sàng mạo hiểm.

H: Ước muốn mãnh liệt thì cũng như tín tâm mãnh liệt. Những người này không những đã chẳng tin tưởng vào gia đình hay xã hội, mà còn không tin cả chính họ. Bất cứ gì họ đụng đến đều tiêu tan. Hãy cho họ một kinh nghiệm hoàn toàn đích thực, bất khả nghi hoặc, và ở ngoài mọi biện luận của tâm thì họ sẽ theo ông đến tận cùng thế giới.

M: Ta có làm gì khác thế đâu! Một cách không mệt mỏi, Ta hướng sự chú ý của họ vào yếu tố bất khả tranh luận duy nhất – đó là hiện hữu. Hiện hữu chẳng bao giờ cần đến bằng chứng – nó chứng minh tất cả những cái khác. Nếu họ có thể đi sâu vào thực tế hiện hữu, và khám phá được sự bao la cùng hạnh phúc tuyệt vời mà cái "Ta hiện hữu" là cánh cửa – rồi bước qua cánh cửa đó sang bên kia – thì cuộc đời của họ sẽ chan hòa hạnh phúc và tràn đầy ánh sáng. Cứ tin Ta đi, sự tinh tấn phải bỏ ra chẳng là gì cả khi so với những gì được tìm ra.

H: Những gì ông nói đều đúng. Nhưng những người này không có tín tâm mà cũng chẳng kiên nhẫn. Thậm chí một cố gắng ngắn ngủi cũng đủ làm cho họ mệt mỏi. Thật đau lòng khi nhìn họ mò mẫm trong mê mờ nhưng không thể nắm bắt bàn tay cứu giúp. Tận căn bản, họ là những con người tốt nhưng hoàn toàn bối rối. Tôi bảo họ: Các anh không thể có được chân lý theo phương cách riêng của các anh. Các anh phải chấp nhận các điều kiện. Họ chỉ trả lời: Có người chấp nhận điều kiện và cũng có người không. Chấp nhận hay không chấp nhận đều nông cạn và tình cờ; thực tại ở trong tất cả; chắc chắn có một con đường cho tất cả đi theo – mà không kèm theo một điều kiện nào.

M: Có một con đường như thế, mở ra cho tất cả, cho mọi trình độ, và cho mọi tầng lớp. Mỗi người đều biết rõ chính mình. Đào sâu, khơi rộng sự

thấy biết chính mình là con đường huy hoàng. Gọi đó là chú tâm, là hành vi nhân chứng, hay thuần chú ý – con đường này dành cho tất cả. Không ai là không chín mùi và không ai có thể thất bại trên con đường này.

Nhưng dĩ nhiên, ông không được tỉnh thức suông. Sự chú tâm của ông phải dung nhiếp cả tâm. Hành vi nhân chứng là sự thấy biết ý thức trước tiên và mọi động thái của nó.

***

68. Truy tìm cội nguồn của ý thức

Hỏi: Hôm trước chúng ta có đàm luận về mô thức của cái tâm Tây phương hiện đại, và sự khó khăn mà nó gặp phải trong sự tuân theo kỷ cương đạo đức và tri thức của trường phái Vedanta. Một trong các trở ngại đó là nỗi ưu tư của những người trẻ ở Âu châu hay ở Mỹ về tình trạng đầy thảm họa của thế giới, và sự cần thiết cấp bách phải chấn chỉnh tình trạng này.

Họ không có đủ kiên nhẫn nghe những người như ông thuyết giảng rằng sự thay đổi của mỗi cá nhân là điều kiện tiên quyết để cải thiện thế giới. Họ cho đó là điều không thể thực hiện được và cũng chẳng cần thiết. Nhân loại đang sẵn sàng đối với sự thay đổi về các định chế - xã hội, kinh tế, chính trị. Một chính quyền thế giới, cảnh sát thế giới, sự hoạch định toàn cầu, và hủy bỏ tất cả những hàng rào vật chất và ý thức hệ: Thế la đủ, không một sự chuyển hóa con người nào là cần thiết. Hiển nhiên, con người định hình xã hội, nhưng xã hội cũng định hình con người. Sống trong một xã hội nhân đức con người cũng trở nên nhân đức; ngoài ra, khoa học đã đem lại giải đáp cho rất nhiều vấn đề mà trước kia vẫn thuộc phạm vi tôn giáo.

Maharaj: Hiển nhiên, phấn đấu cho sự cải thiện thế giới là một việc làm đáng ca tụng nhất. Nếu được thực hiện một cách vô vị kỷ, nó sẽ làm cho tâm trong sáng và trái tim trong sạch. Nhưng chẳng bao lâu con người sẽ nhận ra mình đang theo đuổi một ảo ảnh. Những cải cách mang tính địa phương và nhất thời hết lần này đến lần khác được thực hiện và hoàn tất dưới ảnh hưởng của một đại vương hay một đại sư, nhưng rồi những cải cách đó cũng kết thúc, để lại cho nhân loại một chu kỳ khốn khổ mới. Ngay trong bản chất của mọi thị hiện, cái tốt và cái xấu thay phiên nhau với những mức độ như nhau. Sự an trú đích thực chỉ ở trong cái bất thị hiện.

H: Ông không khuyên người ta chạy trốn?

M: Trái lại. Con đường duy nhất đưa đến sự tân tạo là đi qua sự hủy diệt. Ông phải nấu chảy tất cả các món trang sức cũ thành vàng không còn

hình dạng trước khi đúc nặn ra cái mới. Chỉ những người đã ra ngoài thế giới mới có thể thay đổi được thế giới. Điều ngược lại chưa bao giờ xảy ra. Chỉ có một số rất ít người còn lưu lại ảnh hưởng lâu dài là những người giác ngộ thực tại. Cứ đạt đến vị trí của họ, rồi hãy nói đến chuyện cứu độ thế giới.

H: Không phải núi sông là những gì chúng tôi muốn giúp, mà là con người.

M: Chẳng có gì sai lầm với thế giới nếu không có con người làm cho nó xấu xa. Hãy nói với con người cần biết cách hành sử.

H: Ham muốn và lo sợ làm cho con người hành sử như thế.

M: Đúng vậy. Chừng nào cách hành sử của con người còn bị ham muốn và lo sợ khống chế thì chẳng có bao nhiêu hy vọng. Và để tiếp cận với con người một cách hữu hiệu thì chính ông cũng cần hoàn toàn không còn ham muốn và lo sợ.

H: Những ham muốn và lo sợ căn bản – liên quan đến ăn uống, tình dục và cái chết – thì bất khả tránh.

M: Đó chỉ là những sự cần thiết – vì là sự cần thiết nên có thể thỏa mãn dễ dàng.

H: Ngay cả chết cũng là một sự cần thiết?

M: Sau khi đã sống một cuộc sống trường thọ và lợi ích, ông cảm thấy cần chết đi. Chỉ khi nào áp dụng sai lầm thì ham muốn và lo sợ mới hủy diệt. Bằng mọi cách hãy ham muốn cái đúng và sợ cái sai lầm. Chỉ khi nào ham muốn cái sai và sợ cái đúng con người mới tạo ra hỗn loạn và tuyệt vọng.

H: Cái gì đúng, và cái gì sai?

M: Trong tương đối, cái đem lại đau khổ là sai, cái giảm bớt đau khổ là đúng. Trong tuyệt đối, cái đem ông trở lại với thực tại là đúng, cái làm mê mờ thực tại là sai.

H: Khi nói cứu giúp nhân loại, chúng tôi muốn nói đến sự phấn đấu chống lại hỗn loạn và đau khổ.

M: Ông chỉ nói giúp suông. Có bao giờ ông giúp, thực sự giúp một ai chưa? Đã bao giờ ông đưa được một người ra khỏi sự cần giúp thêm nữa hay chưa? Ông có thể cho ai đó chính tâm – nếu không dựa trên sự thấy biết rõ ràng sự hiện hữu chơn thật của người đó – thì ít ra cũng căn cứ vào sự hoàn thành nhiệm vụ và tận dụng thời cơ của họ? Khi không biết được cái gì tốt cho chính ông, làm sao ông biết cái gì tốt cho người khác?

H: Cung cấp đầy đủ các phương tiện sinh nhai thì ai cũng có lợi cả. Ông có thể là Thượng đế, nhưng ông cần một thân xác ăn uống no đủ thì mới có thể nói chuyện với chúng tôi.

M: Chính ông cần thân xác của Ta để nói chuyện với ông. Ta không phải thân xác, mà Ta cũng chẳng cần nó. Ta chỉ là nhân chứng. Ta không có một hình tướng nào của riêng Ta.

Các ông quá quen suy nghĩ chính mình là thân xác dung chứa ý thức nên không thể tưởng tượng ra ý thức dung chứa thân xác. Một khi ông nhận ra sự tồn tại thân xác chỉ là một trạng thái của tâm, một chuyển động trong ý thức; một khi ông nhận ra ý thức là đại dương vô biên và vĩnh cửu; một khi ông nhận ra mình chỉ là nhân chứng khi giao tiếp với ý thức – lúc đó ông mới có thể hoàn toàn rút ra ngoài ý thức.

H: Chúng tôi nghe nói có nhiều cảnh giới của sự tồn tại. Ông có tồn tại và hành hoạt trong tất cả các cảnh giới? Khi ở thế gian, ông cũng có mặt trên thiên đường – *Swarga*?

M: Ta chẳng ở đâu để có thể tìm ra! Ta không phải một vật được cho một chỗ trong số những vật khác. Mọi vật đều ở trong Ta, nhưng Ta không ở trong số các vật. Ông nói với Ta về thượng từng cấu trúc còn Ta quan tâm đến nền tảng. Thượng từng cấu trúc được dựng lên và đổ xuống, nhưng nền tảng thì trường tồn. Ta không để ý đến cái vô thường, còn ông không nói gì khác ngoài cái nhất thời.

H: Xin vui lòng bỏ qua một câu hỏi khác thường của tôi: Nếu kẻ nào đó dùng một thanh kiếm rất bén bất chợt chém đứt đầu ông thì có gì khác biệt với ông?

M: Chẳng có gì khác biệt. Thân xác sẽ mất đi cái đầu của nó, một số đường dây liên lạc bị cắt đứt, chỉ thế thôi. Hai người đang nói chuyện qua điện thoại thì đường dây bị cắt. Chẳng có chuyện gì xảy ra đối với hai người, chỉ có điều là họ phải tìm một phương tiện liên lạc khác. Kinh *Bhagavad Gita* có nói: "Kiếm không chém đứt *nó*." Rõ ràng là như thế. Bản chất của ý thức tồn tại bất kể phương tiện thể hiện nó. Cũng như lửa đốt nhiên liệu nhưng không đốt chính nó. Cũng như một đám cháy có thể tồn tại lâu hơn cả núi nhiên liệu, thì ý thức tồn tại lâu hơn vô số thân xác.

H: Nhiên liệu ảnh hưởng đến ngọn lửa.

M: Chừng nào nhiên liệu còn. Thay đổi bản chất của nhiên liệu thì mầu sắc và sự thể hiện của ngọn lửa sẽ đổi theo.

Ông và Ta đang trò chuyện. Muốn thế, sự hiện diện là cần thiết. Nếu chúng ta không hiện diện thì không thể trò chuyện. Nhưng nếu chỉ có sự hiện diện thì chưa đủ. Phải có ý muốn nói chuyện.

Trên tất cả, chúng ta muốn duy trì ý thức. Thà chịu đau khổ và nhục nhã nhưng chúng ta vẫn muốn duy trì ý thức. Nếu không nổi loạn chống lại sự thèm khát kinh nghiệm và hoàn toàn buông bỏ cái thị hiện thì không thể nào có giải thoát. Chúng ta vẫn còn bị câu thúc.

H: Ông bảo ông là nhân chứng thầm lặng và ông cũng ở ngoài ý thức. Như vậy không mẫu thuẫn hay sao? Nếu ở ngoài ý thức, ông chứng kiến cái gì?

M: Ta ý thức và vô thức, vừa ý thức lẫn vô thức, không phải ý thức mà cũng chẳng phải vô thức – đối với tất cả những cái đó Ta là nhân chứng – nhưng thật ra không có nhân chứng vì chẳng có gì để làm chứng. Ta hoàn toàn rỗng rang không có bất cứ hình tướng nào của tâm, vô tâm – nhưng hoàn toàn thấy biết. Đó là cái mà Ta cố diễn tả bằng cách nói rằng Ta ở ngoài tâm.

H: Vậy làm sao tôi có thể đến với ông?

M: Biết mình đang ý thức và tìm ra cội nguồn của ý thức. Chỉ thế thôi. Ngôn từ không thể truyền đạt được nhiều. Điều Ta nói với ông không đem lại ánh sáng, mà làm theo điều Ta nói sẽ đem lại ánh sáng. Phương tiện không quan trọng, chính ước muốn, sự thôi thúc, và lòng thành khẩn mới đáng kể.

***

69. Vô thường là bằng chứng của tính hư giả

Hỏi: Bạn tôi người Đức, còn tôi sinh ra tại Anh nhưng cha mẹ là người Pháp. Tôi ở Ấn Độ khoảng một năm nay và lang thang từ tịnh xá này đến tịnh xá khác.

Maharaj: Ông có tu tập tâm linh?

H: Tôi nghiên cứu kinh sách và thiền quán.

M: Ông thiền quán về cái gì?

H: Về những gì tôi đã học.

M: Tốt.

H: Xin phép hỏi ông đang làm gì?

M: Ngồi.

H: Gì nữa?

M: Nói.

H: Ông nói về cái gì?

M: Ông muốn nghe thuyết giảng? Ông nên hỏi về một điều gì đó làm cho ông thật xúc động, như thế ông mới xúc cảm mãnh liệt. Nếu không tham dự một cách nhiệt tình thì dù ông có tranh luận với Ta, vẫn không thể nào có cái hiểu thực sự giữa Ta và ông. Nếu ông bảo: "Chẳng có gì làm tôi lo lắng, tôi không có phiền não" thì cũng được và chúng ta giữ im lặng. Nhưng nếu có điều gì đó thực sự làm cho ông xúc động thì mới có mục đích để đàm đạo.

Ta hỏi ông được chứ? Ông đi từ nơi này đến nơi khác để làm gì?

H: Gặp gỡ người khác, tìm cách hiểu họ.

M: Ông tìm cách hiểu hạng người nào? Một cách chính xác ông theo đuổi cái gì?

H: Sự hợp nhất.

M: Nếu muốn hợp nhất, ông phải biết người ông muốn hợp nhất.

H: Qua tiếp xúc và quan sát người khác, một người cũng có thể biết được chính mình. Hai điều này đi cùng với nhau.

M: Không nhất thiết chúng đi cùng với nhau.

H: Cái này hoàn thiện cái kia.

M: Không phải thế. Gương phản chiếu hình ảnh nhưng hình ảnh không làm cho gương toàn hảo. Ông không phải gương mà cũng chẳng phải ảnh trong gương. Sau khi đã làm cho tấm gương hoàn hảo để nó có thể phản chiếu chính xác, trung thực, ông có thể xoay tấm gương lại và thấy trong đó ảnh phản chiếu trung thực của chính ông – trung thực đến mức gương có thể phản chiếu. Nhưng ảnh phản chiếu không phải là ông – ông là người thấy ảnh phản chiếu. Hãy hiểu rõ điều này – dù bất cứ gì ông nhận thức, cái được nhận thức không phải là ông.

H: Tôi là gương và thế giới là ảnh?

M: Ông có thể thấy cả ảnh lẫn gương. Ông không phải cả hai. Ông là ai? Đừng suy luận theo công thức. Câu trả lời không có trong ngôn từ. Sự diễn tả gần nhất mà ông có thể nói bằng ngôn từ là: Ta là cái làm cho nhận thức khả hữu, là sự sống ở bên ngoài người kinh nghiệm và kinh nghiệm của người đó.

Thế nào, liệu ông có thể tách mình ra khỏi gương lẫn ảnh trong gương, và hoàn toàn đứng một mình, với chính ông?

H: Không, tôi không thể.

M: Làm sao ông biết ông không thể? Có rất nhiều thứ ông làm nhưng không biết làm như thế nào. Ông tiêu hóa thức ăn, ông lưu thông máu huyết và bạch cầu, ông vận động bắp thịt – nhưng hoàn toàn không biết làm như thế nào. Cũng như ông nhận thức, cảm thọ, tư duy nhưng không biết vì sao và bằng cách nào. Tương tự như thế, ông là chính ông nhưng ông không biết. Chẳng có gì là không đúng với ông khi là cái Ta. Nó là cái nó là một cách chính xác. Nó là tấm gương nhưng không trong và không trung thực, do đó cho ông những hình ảnh sai lầm. Ông không cần phải sửa đổi chính ông, mà chỉ cần sửa lại cho đúng ý nghĩ về chính ông. Hãy học cách tách ông ra khỏi ảnh và gương, nên thường ghi nhớ rằng: Ta không phải tâm mà cũng không phải những ý nghĩ của nó. Hãy kiên nhẫn làm như thế với sự tin tưởng chắc chắn rằng ông sẽ đến với hình ảnh trực tiếp về chính ông: nguồn gốc của hiện hữu – biết – yêu thương, vĩnh cửu, bao trùm tất cả và xuyên suốt tất cả. Ông là cái vô biên hội tụ trong một thân xác. Hiện nay ông chỉ thấy thân xác. Hãy tinh cần một cách thành khẩn, ông sẽ chỉ thấy cái vô biên.

H: Kinh nghiệm về thực tại đến, có tồn tại mãi không?

M: Tất cả kinh nghiệm đều qua đi một cách cần thiết, nhưng nền tảng của mọi kinh nghiệm thì bất di bất dịch. Không có gì được gọi là sự kiện lại tồn tại lâu dài. Có những sự kiện làm cho tâm trong sáng và cũng có sự kiện làm cho tâm cấu nhiễm. Những khoảnh khắc của sự thấy biết sâu sắc và lòng yêu thương trùm khắp làm cho tâm trong sạch; tham ái và lo sợ, ganh ghét và sân hận, tin tưởng mù quáng và kiêu căng trí thức làm cho tâm ô nhiễm và mê mờ.

H: Giác ngộ chính mình quan trọng đến thế sao?

M: Nếu không giác ngộ chính mình ông sẽ hư hao vì tham ái và lo sợ, rồi lập đi lập lại lo sợ và tham ái một cách vô nghĩa trong đau khổ triền miên. Hầu hết mọi người không biết có thể chấm dứt đau khổ. Một khi nghe được tin lành thì việc làm cấp bách nhất rõ ràng là thoát ra ngoài mọi tranh giành và xung đột. Ông biết ông có thể tự do, bây giờ tùy ông chọn lựa. Hoặc là ông mãi mãi cam chịu đói khát, mong cầu, tìm kiếm, chiếm hữu, chấp thủ, luôn luôn thua thiệt và đau khổ; hoặc là ông hết lòng dấn thân đi tìm trạng thái toàn hảo siêu vượt thời gian, trạng thái không gì có thể thêm vào hay bớt đi. Trong trạng thái đó mọi tham ái và lo sợ hoàn toàn không có – không phải vì tham ái và lo sợ bị từ bỏ, mà bởi vì chúng đã mất đi ý nghĩa.

H: Cho đến lúc này tôi vẫn theo kịp ông. Bây giờ, tôi phải làm gì?

M: Chẳng có gì để làm. Chỉ *là*. Không làm gì. *Là*. Không phải lên núi hay vào ngồi trong hang động. Thậm chí Ta không bảo: "Là chính ông" vì ông không biết chính ông. Chỉ *là*. Sau khi thấy được rằng ông không phải thế giới "ngoại quan" của những gì có thể nhận thức được, mà cũng chẳng phải thế giới "nội tại" của những gì có thể nghĩ tưởng được; không phải thân mà cũng chẳng phải tâm – thì ông chỉ *là*.

H: Chắc chắn giác ngộ có nhiều trình độ khác nhau.

M: Giác ngộ chính mình không có trình tự. Không có sự tiệm tiến trong giác ngộ. Nó xảy ra chớp nhoáng, bất ngờ và không thể đảo ngược. Ông chuyển sang một cảnh giới mới mà từ đó nhìn ra, những gì trước kia chỉ là mơ hồ trừu tượng. Cũng như khi mặt trời lên vạn vật thế nào thì ông thấy y như thế, khi giác ngộ chính mình ông thấy mọi thứ như thị. Thế giới của hư huyễn bị bỏ lại phía sau.

H: Trong trạng thái giác ngộ, liệu mọi vật có thay đổi? Chúng có trở nên nhiều mầu sắc và đầy ý nghĩa?

M: Kinh nghiệm đó khá đúng, nhưng đó không phải kinh nghiệm về thực tại – *Sadanubhav*, mà là sự hài hòa – *Satvanubhav* – của vũ trụ.

H: Dù sao, đó cũng là sự tiến triển.

M: Chỉ có tiến triển trong sự chuẩn bị - Sadhana. Giác ngộ thì bất ngờ. Trái cây chín từ từ, nhưng rơi rụng thì bất ngờ và không bao giờ trở lại.

H: Tôi an lạc cả về vật lý lẫn tâm lý. Tôi còn cần gì hơn nữa?

M: Trạng thái của ông có thể không phải là trạng thái tối hậu. Ông sẽ nhận ra trạng thái đó khi hoàn toàn không còn tham ái và lo sợ. Xét cho cùng, cái cảm giác không phải là cái mà ông là - ở ngay tại nguồn gốc của tham ái và lo sợ. Cũng như một chỗ sai khớp chỉ đau vì không đúng chỗ, một khi đã được đưa về đúng khớp cái đau sẽ bị quên đi – thì tất cả những lo lắng về bản thân chỉ là một triệu chứng lệch lạc của tâm, nó sẽ tan biến ngay khi một người trở về trạng thái bình thường.

H: Đúng, nhưng sự tu tập để đạt đến trạng thái tự nhiên là gì?

M: Bám chặt lấy ý thức "Ta hiện hữu" để loại trừ tất cả những cái khác. Khi tâm trở nên hoàn toàn tĩnh lặng như thế, nó sẽ chiếu sáng với một ánh sáng mới và rung động với sự hiểu biết mới. Nó xuất hiện một cách tự sinh khởi, ông chỉ cần bám chặt lấy cái "Ta hiện hữu." Cũng như khi vừa thức dậy hay vừa trải qua một trạng thái vô cùng sung sướng, ông cảm thấy thư thái, nhưng không thể giải thích vì sao và bằng cách nào ông đạt đến sự

sảng khoái như thế, thì khi giác ngộ ông cảm thấy hoàn toàn, viên mãn, không còn những phức cảm khoái lạc và đau khổ, nhưng không thể giải thích chuyện gì đã xảy ra, tại sao và bằng cách nào. Ông chỉ có thể phát biểu bằng sự phủ định: "Không còn gì sai lầm với Ta nữa." Chỉ bằng cách đối chiếu với những gì trước kia, ông biết ông đã ra khỏi quá khứ. Hay nói một cách khác – ông chỉ là chính ông. Đừng tìm cách trao truyền nó cho người khác. Nếu ông trao truyền được thì nó không phải cái chơn thật. Hãy tĩnh lặng và quan sát nó tự thể hiện trong hành động.

H: Nếu ông cho tôi biết cái tôi sẽ trở thành thì điều này sẽ giúp tôi theo dõi được tiến triển của mình.

M: Làm sao người khác có thể nói cho ông biết cái ông sẽ trở thành, vì không có sự trở thành? Ông chỉ phát hiện ra cái mà ông là. Mọi uốn nắn chính mình theo một khuôn mẫu nào đó chỉ lãng phí thời gian một cách nghiêm trọng. Không suy nghĩ đến quá khứ hay tương lai, chỉ *hiện hữu*.

H: Làm sao tôi có thể chỉ hiện hữu? Thay đổi là bất khả tránh.

M: Thay đổi là bất khả tránh trong cái vô thường, nhưng ông không bị sự thay đổi chi phối. Ông là hậu cảnh bất biến, nhờ nó mọi thay đổi được nhận thức.

H: Mọi cái thay đổi, hậu cảnh cũng thay đổi. Chẳng cần đến một hậu cảnh bất biến để nhận biết sự thay đổi. Cái Ta thì nhất thời – nó chỉ là một điểm, tại đó quá khứ giao tiếp với tương lai.

M: Dĩ nhiên cái Ta dựa vào ký ức thì nhất thời. Nhưng cái Ta đó cần phải có một sự liên tục không gián đoạn đằng sau nó. Kinh nghiệm cho ông biết có những khoảng trống khi cái Ta của ông bị quên mất. Cái gì đem nó trở lại với sự sống? Cái gì đánh thức ông dậy vào buổi sáng? Phải có một yếu tố bất biến nối liền những khoảng trống trong ý thức. Nếu quan sát kỹ ông sẽ thấy ngay cả ý thức hàng ngày của ông thường xuyên chớp tắt, luôn luôn có những khoảng trống xen kẽ. Cái gì ở trong những khoảng trống đó? Còn cái gì khác ngoài sự hiện hữu chơn thật của ông, nó vô thời, cả tâm lẫn vô tâm đều là một đối với nó.

H: Theo ông, tôi nên đến một nơi riêng biệt nào để chứng đắc tâm linh?

M: Nó thích hợp nhất là bên trong. Thế giới bên ngoài không giúp ích mà cũng chẳng ngăn trở được ông. Không pháp môn hay phương cách hành động nào có thể đưa ông đến đích. Từ bỏ mọi dự tính cho một tương lai, tập trung hoàn toàn vào cái *bây giờ*, chỉ quan tâm đến phản ứng của ông đối với từng động thái của cuộc sống khi nó xảy ra.

H: Cái gì là nguyên nhân của sự thôi thúc phải lang thang đây đó?

M: Không có nguyên nhân. Ông chỉ chiêm bao thấy ông lang thang đây đó. Trong vài năm nữa thời gian lưu lại Ấn Độ sẽ xuất hiện như một giấc chiêm bao đối với ông. Lúc đó ông sẽ mơ một giấc chiêm bao khác. Hãy nhận ra rằng ông không hề di chuyển từ giấc chiêm bao này sang giấc chiêm bao khác, mà các giấc chiêm bao trôi qua trước mặt ông và ông là nhân chứng bất biến. Không một sự kiện xảy ra nào có thể tác động đến sự hiện hữu chơn thật của ông – đây là chân lý tuyệt đối.

H: Không thể nào tôi di chuyển một cách vật lý nhưng vẫn giữ sự ổn định bên trong?

M: Ông có thể chứ, nhưng để làm gì? Nếu thành khẩn ông sẽ nhận ra rằng rốt cuộc ông sẽ chán lang thang và hối tiếc đã phung phí thời gian và sức lực. Để tìm chính ông, ông chẳng cần tốn một bước.

H: Có sự khác biệt nào trong kinh nghiệm về cái Ta và cái Tuyệt đối?

M: Không thể có kinh nghiệm về cái Tuyệt đối vì nó ở ngoài mọi kinh nghiệm. Trái lại, cái Ta là yếu tố đem lại kinh nghiệm trong từng kinh nghiệm, và như thế, về một phương diện, nó làm cho tính vô số của kinh nghiệm có giá trị. Thế giới có thể đầy những thứ có giá trị lớn lao, nhưng nếu không có người mua thì chúng không thể có giá trị. Cái Tuyệt đối dung chứa tất cả những gì có thể kinh nghiệm được, nhưng nếu không có người kinh nghiệm thì kinh nghiệm là không. Cái làm cho kinh nghiệm khả hữu chính là cái Tuyệt đối. Cái làm cho kinh nghiệm hiện thực là cái Ta.

H: Thế không phải chúng ta đạt đến cái Tuyệt đối thông qua sự tiệm tiến của nhiều kinh nghiệm? Bắt đầu với cái thô nhất, và kết thúc bằng cái cao thượng nhất.

M: Không thể có kinh nghiệm nếu không có sự mong cầu kinh nghiệm. Có thể có sự tiệm tiến giữa các mong cầu, nhưng ở giữa sự mong cầu cao thượng nhất và sự tự do vô mong cầu là một hố thẳm cần phải vượt qua. Cái hư giả có thể trông như thật, nhưng vô thường. Cái thật thì vô ngại thời gian.

H: Thế không phải cái không thật là sự thể hiện của cái thật?

M: Làm sao có thể như thế được? Nói thế chẳng khác nào bảo rằng chân lý thể hiện tự thân trong chiêm bao. Đối với cái thật, cái hư giả không hề có. Cái hư giả có vẻ như thật chỉ vì ông tin nó thật. Khi nghi hoặc nó thì cái giả chấm dứt. Khi yêu một người nào đó, ông dành cho tình yêu đó tất cả hiện thực – ông tưởng tượng tình yêu của ông vô cùng mãnh liệt và bất diệt. Khi cuộc tình chấm dứt, ông vỡ lẽ: "Ta cứ ngỡ nó thật, nhưng nó không thật." Biến diệt vô thường là bằng chứng hùng hồn nhất về tính hư giả. Cái gì hữu hạn trong không gian, thời gian, và chỉ có thể áp dụng cho một người thì không thật. Cái thật thì cho tất cả và mãi mãi.

Ông yêu quí chính ông trên tất cả mọi thứ. Ông không chấp nhận bất cứ gì để đổi lấy sự tồn tại của ông. Ham muốn hiện hữu là ham muốn mãnh liệt nhất trong tất cả những ham muốn; nó chỉ ra đi khi ông nhận ra bản tính chơn thật của chính mình.

H: Ngay trong cái hư giả cũng có đôi chút thực tại.

M: Đúng, thực tại mà ông truyền cho nó bằng cách xem nó như thật. Sau khi thuyết phục chính mình tin tưởng, sự tin tưởng sẽ trói buộc ông. Khi mặt trời chiếu sáng, mầu sắc hiển hiện. Khi mặt trời lặn, mầu sắc biến mất. Không có ánh sáng, mầu sắc ở đâu?

H: Đó là cách tư duy theo nhị ngueyeen.

M: Tất cả tư duy đều nhị nguyên. Trong sự đồng nhất mọi tư duy không tồn tại.

***

70. Thượng đế là sự chấm dứt mọi tham ái và tri kiến

Maharaj: Ông từ đâu đến? Ông đến có mục đích gì?

Hỏi: Tôi từ Mỹ đến, bạn tôi từ Cộng hòa *Ireland*. Tôi ở đây được sáu tháng và đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác. Người bạn của tôi tự đến đây.

M: Ông đã thấy những gì?

H: Tôi đã ở tịnh xá *Sri Ramanashram* và cũng có viếng *Rishikesh*. Ông có thể cho biết ý kiến về *Sri Ramana Maharshi*?

M: Ông ấy và Ta cùng thuộc về một đất nước cổ kính. Nhưng ông biết gì về *Maharshi*? Ông cho chính ông là một danh xưng và một thân xác, nên tất cả những gì ông nhận thức đều là danh xưng và thân xác.

H: Nếu như ông gặp *Maharshi*, chuyện gì xảy ra?

M: Có thể ông ấy và Ta sẽ cảm thấy vui mừng. Có thể ông ấy và Ta sẽ trao đổi vài lời.

H: Liệu ông ấy có nhận ra ông là người giác ngộ?

M: Dĩ nhiên. Như một người nhận ra một người, thì một *Gnani* nhận ra một *Gnani*. Ông không thể đánh giá những gì ông chưa trải qua. Ông là cái ông nghĩ ông là, nhưng ông không thể nghĩ ông là cái mà ông chưa hề trải qua.

H: Để trở thành một kỹ sư, tôi phải học ngành cơ khí. Để trở thành Thượng đế, tôi phải học cái gì?

M: Ông phải từ bỏ những gì ông đã học. Thượng đế là sự chấm dứt mọi tham ái và tri kiến.

H: Ông muốn nói rằng tôi chỉ trở thành Thượng đế bằng cách từ bỏ sự mong muốn trở thành Thượng đế?

M: Phải từ bỏ tất cả tham ái, vì có tham ái nên ông mang tướng trạng của tham ái. Khi tham ái không còn, ông trở về trạng thái tự nhiên của ông.

H: Làm sao tôi biết mình đã đạt đến cái toàn hảo?

M: Ông không thể biết cái toàn hảo, ông chỉ có thể biết cái toàn hảo. Để có cái biết, tất yếu phải có phân chia và xung đột. Ông chỉ có thể biết cái không phải là ông, nhưng ông không thể biết sự hiện hữu chơn thật của ông. Ông chỉ có thể là cái ông là. Toàn thể sự tiếp cận thông qua hiểu, tức là thấy cái hư giả là hư giả. Nhưng muốn hiểu, ông phải quan sát từ bên ngoài.

H: Quan niệm của trường phái Vedanta về ảo ảnh – Maya – áp dụng cho cái thị hiện. Như thế cái biết của chúng ta về cái thị hiện thì không khả tín. Nhưng chúng ta lại tin cái biết của mình về cái bất thị hiện.

M: Không thể có cái biết về cái bất thị hiện. Tiềm năng thì bất khả tri. Chỉ cái hiện thực mới có thể biết.

H: Vì sao không thể biết người biết?

M: Người biết biết cái biết. Ông có biết người biết? Ai là kẻ biết người biết? Ông muốn biết cái bất thị hiện. Liệu ông có thể nói ông biết cái thị hiện?

H: Tôi biết các sự kiện và ý tưởng cùng những liên hệ của chúng. Đó là tổng thể của tất cả những kinh nghiệm của tôi.

M: Tất cả?

H: Vâng, tất cả những kinh nghiệm thực tế của tôi. Tôi công nhận rằng tôi không thể biết cái gì đã không xảy ra.

M: Nếu cái thị hiện là tổng thể của tất cả các kinh nghiệm thực tế, bao gồm những người kinh nghiệm của các kinh nghiệm đó, ông biết được bao nhiêu của cái tổng thể? Thật ra chỉ là một phần rất nhỏ. Và cái phần nhỏ bé ông biết đó là gì?

H: Những kinh nghiệm thuộc giác quan liên quan đến chính tôi.

M: Thậm chí cũng không phải. Ông chỉ biết ông phản ứng. Ai phản ứng và phản ứng đối với cái gì thì ông không biết. Qua giao tiếp ông biết ông tồn tại: "Ta là." Còn "Ta là cái này", "Ta là cái kia" đều là tưởng tượng.

H: Tôi biết cái thị hiện vì tôi tham dự trong đó. Phải công nhận rằng phần tham dự của tôi trong đó rất nhỏ bé, nhưng nó vẫn thật như cái tổng thể của nó. Và quan trọng hơn nữa, tôi làm cho nó có ý nghĩa. Nếu không có tôi thế giới tối tăm và câm nín.

M: Một con đom đóm chiếu sáng cả thế giới! Ông không làm cho thế giới có ý nghĩa, ông tìm nó. Lặn sâu vào trong chính ông và tìm ra nguồn gốc mà từ đó tất cả ý nghĩa tuôn chảy. Chắc chắn là cái tâm nông cạn không thể đem lại ý nghĩa cho bất cứ gì.

H: Cái gì làm cho tôi hữu hạn và nông cạn?

M: Cái tổng thể luôn luôn rộng mở và sẵn có, nhưng ông không nhận lấy. Ông bị ràng buộc với con người nhỏ bé mà ông nghĩ ông là. Ham muốn của ông thì nông cạn, tham vọng của ông thì tầm thường. Xét cho cùng, nếu không có một trung điểm nhận thức thì cái thị hiện ở đâu? Nếu không được nhận thức thì cái thị hiện cũng như cái bất thị hiện. Và ông là điểm nhận thức, nguồn gốc vô phương vị của tất cả các phương vị. Hãy biết chính ông là cái tổng thể.

H: Làm sao một điểm có thể dung nhiếp cả vũ trụ?

M: Có đủ chỗ trong một điểm để dung nhiếp vô cùng tận các vũ trụ. Không hề thiếu khả năng. Tự giới hạn là vấn đề duy nhất. Nhưng ông không thể chạy khỏi chính ông. Dù có đi xa đến đâu ông vẫn trở về với chính ông, trở về với sự cần thiết phải hiểu được cái điểm này, cái điểm không là gì cả nhưng lại là nguồn gốc của tất cả.

H: Tôi đến Ấn Độ để tìm một vị thầy *Yoga*. Tôi vẫn đi tìm.

M: Ông muốn hành loại *Yoga* nào? *Yoga* đạt thành hay *Yoga* buông bỏ?

H: Thế không phải cuối cùng chúng đều đến cùng một chỗ?

M: Làm sao có thể như thế? Một cái trói buộc, một cái giải thoát. Động cơ thúc đẩy là tối quan trọng. Tự do chỉ có bằng sự buông bỏ. Mọi chiếm hữu đều ràng buộc.

H: Cái cho tôi nghị lực và lòng can đảm, tại sao tôi lại buông bỏ? Nếu không có nghị lực làm sao tôi buông bỏ? Tôi không hiểu được sự cần thiết phải buông bỏ này. Khi muốn một cái gì đó, tại sao tôi không theo đuổi nó? Buông bỏ chỉ dành cho những kẻ yếu đuối.

M: Nếu không có trí tuệ và nghị lực để buông bỏ thì chỉ cần quan sát những gì ông sở hữu. Sự quan sát thuần túy của ông cũng đủ hủy diệt chúng. Nếu đứng được ở ngoài tâm, ông sẽ nhận ra rằng từ bỏ hoàn toàn những gì ông sở hữu và tham ái là việc làm hiển nhiên hợp lý nhất.

Ông tạo ra thế giới rồi ưu tư về nó. Trở thành ích kỷ làm cho ông yếu đuối. Ông nghĩ rằng ông có nghị lực và can đảm để ham muốn là bởi vì ông còn trẻ và không có kinh nghiệm. **Đối tượng của sự ham muốn chắc chắn sẽ hủy diệt phương tiện đạt được nó, và rồi chính nó sẽ tàn lụi dần.** Rốt cuộc thì cũng tốt, vì nó dạy ông xa lánh ham muốn như xa lánh chất độc.

H: Tôi thực hành vô tham ái như thế nào?

M: Chẳng cần phải thực hành. Cũng chẳng cần bất cứ hành động từ bỏ nào. Chỉ quay tâm đi, thế là đủ. Tham ái là đặt tâm vào một ý nghĩ. Đem tham ái ra khỏi lề thói của nó bằng cách đừng chú ý đến nó.

H: Chỉ thế thôi?

M: Phải, chỉ thế thôi. Dù tham ái hay lo sợ bất cứ gì, đừng chăm chú vào nó. Cứ thử xem. Đôi lúc ông cũng có thể xao lãng nhưng không quan trọng. Tiếp tục tinh tấn cho đến khi việc quét sạch từng tham ái, từng lo sợ và từng hành động trở thành tự động.

H: Làm sao một người có thể sống vô cảm?

M: Ông có thể có bất cứ cảm xúc nào ông muốn, nhưng luôn biết rõ phản ứng, biết rõ cảm xúc được gây nên. Hãy hoàn toàn tự quyết định, và chủ định từ bên trong, đừng để bị điều động từ bên ngoài.

Từ bỏ một cái để có một cái tốt hơn thì không phải là từ bỏ suông. Ông từ bỏ cái gì đó vì nhận ra sự vô giá trị của nó. Tiếp tục từ bỏ, ông sẽ nhận ra rằng ông trưởng thành một cách tự nhiên trong sáng suốt và sức mạnh, trong tình yêu và an vui bất tận.

H: Tại sao lại phải khăng khăng từ bỏ tất cả tất cả tham ái và lo sợ? Tham ái và lo sợ là không tự nhiên hay sao?

M: Không. Tham ái và lo sợ hoàn toàn do tâm tạo ra. Ông phải cho đi tất cả để biết ông không cần gì cả, ngay cả thân xác của ông. Những cái ông cần đều không thật và những cố gắng của ông đều vô nghĩa. Ông tưởng rằng những gì ông sở hữu sẽ bảo vệ ông. Trong thực tế chúng làm cho ông

bất an. Hãy nhận ra chính ông bằng cách xa lìa tất cả những gì có thể được chỉ vào như "cái này" hay "cái kia." Không một kinh nghiệm thuộc giác quan, hay giải thích bằng ngôn từ nào có thể đúng về ông. Đừng chú ý đến chúng. Đừng để bị nhân cách hóa.

H: Sau khi nghe ông, tôi phải làm gì?

M: Chỉ nghe suông thì chẳng giúp gì nhiều. Ông phải giữ nó trong tâm và thường xuyên suy gẫm, tìm cách hiểu cái trạng thái của tâm đã khiến cho Ta nói ra những gì Ta nói. Ta nói ra từ sự thật, hãy dang rộng tay để tiếp nhận nó. Ông không phải cái mà ông nghĩ ông là, Ta cam đoan với ông là như thế. Hình ảnh ông có về chính ông được tạo nên bởi ký ức và hoàn toàn phụ thuộc.

H: Cái tôi là – là kết quả của nghiệp do tôi tạo ra.

M: Cái mà ông có vẻ như là – thì không phải là ông. Nghiệp chỉ là một từ ngữ mà ông đã học để lập lại. Ông chưa bao giờ là, và sẽ không bao giờ là một con người. Đừng nghĩ ông là một người nào đó. Nếu chính ông không đặt nghi vấn có thật ông là một người hay không, thì chẳng có mấy hy vọng. Nếu ông không chịu mở mắt, thì chỉ cho ông được cái gì?

H: Tôi tưởng nghiệp là một quyền năng bí ẩn thúc giục tôi hướng về cái toàn hảo?

M: Đó là người ta nói với ông. Chính ông đã toàn hảo, ở đây và ngay bây giờ. Cái có thể làm cho toàn hảo thì không phải là ông. Ông tưởng tượng ông là cái mà ông không phải – Hãy dừng lại. Chính sự dừng lại mới quan trọng, chứ không phải ông sẽ dừng lại cái gì.

H: Thế không phải nghiệp đã bắt buộc tôi trở thành cái tôi là?

M: Chẳng có gì bắt buộc. Ông là cái mà ông tin ông là. Đừng tin nữa.

H: Ông đang ngồi đây nói chuyện với tôi. Chính là nghiệp của ông bắt buộc ông làm như thế.

M: Chẳng có gì bắt buộc Ta. Ta chỉ làm điều cần làm. Còn ông, ông làm quá nhiều điều không cần thiết. Chính sự khăng khăng không chịu tìm hiểu của ông tạo nên nghiệp. Chính sự thờ ơ của ông đối với đau khổ làm cho đau khổ mãi mãi tồn tại.

H: Vâng, đúng thế. Cái gì có thể chấm dứt sự thờ ơ này?

M: Sự thôi thúc phải khởi động từ bên trong như một con sóng thoát ly, hay tâm từ ái.

H: Tôi có thể đáp ứng sự thôi thúc này nửa chừng?

M: Dĩ nhiên. Cứ nhìn cảnh ngộ của chính ông, cứ nhìn tình hình của thế giới.

H: Chúng tôi được thuyết giảng về nghiệp và luân hồi, tiến hóa và *Yoga*, đạo sư và đệ tử. Chúng tôi phải làm gì với tất cả hiểu biết này?

M: Hãy để nó lại phía sau. Quên nó đi. Tiến bước, quẳng đi tất cả ý tưởng và niềm tin. Từ bỏ mọi cơ nghiệp được xây dựng bằng ngôn từ, cùng những sự thật tương đối, và những mục đích hiển nhiên. Cái Tuyệt đối chỉ có thể đạt đến bằng sự cống hiến tuyệt đối. Đừng thiếu kiên quyết.

H: Tôi phải bắt đầu với một sự thật tuyệt đối nào đó. Liệu có không?

M: Có chứ, cái cảm giác: "Ta hiện hữu." Hãy bắt đầu với nó.

H: Không có gì khác là thật?

M: Tất cả những cái khác không phải thật mà cũng chẳng phải không thật. Nó có vẻ như thật khi xuất hiện, và biến mất khi bị khước từ. Cái sinh diệt vô thường thì bí ẩn.

H: Tôi cứ nghĩ cái thật mới bí ẩn.

M: Làm sao có thể được? Cái thật thì đơn giản, rộng mở, trong sáng và tử tế, đẹp đẽ và vui vẻ. Nó hoàn toàn không có mâu thuẫn. Nó luôn luôn tươi, mới và sáng tạo bất tận. Hiện hữu và phi hiện hữu, sinh và tử, tất cả mọi khác biệt đều hội nhập trong nó.

H: Tôi có thể chấp nhận tất cả là hư giả. Liệu điều này có làm cho tâm tôi không tồn tại?

M: Tâm là cái tâm nghĩ. Muốn làm cho tâm thật, hãy nghĩ thật.

H: Nếu hình tướng của sự vật chỉ là vẻ bề ngoài, vậy chúng là gì trong thực tại?

M: Trong thực tại chỉ có sự nhận thức. Người nhận thức và cái được nhận thức đều là khái niệm; thực tế nhận thức là hiện thực.

H: Cái Tuyệt đối quy về đâu?

M: Cái Tuyệt đối là nơi sinh ra nhận thức. Nó làm cho nhận thức khả hữu. Nhưng phân tích cho nhiều cũng chẳng đi đến đâu. Cốt lõi của hiện hữu – ở ngoài mọi phân tích, siêu vượt tâm - ở ngay trong chính ông. Ông chỉ có thể biết nó trong hành động. Thể hiện nó trong cuộc sống hàng ngày và ánh sáng của nó sẽ trở nên rực rỡ hơn.

Chức năng hợp lý của tâm là cho ông biết cái không thật. Nếu muốn cái biết đích thực, ông phải ra ngoài tâm.

H: Trong toàn thể vũ trụ, có cái gì duy nhất giá trị?

M: Có, sức mạnh của tình yêu.

***

71. Trong sự tỉnh thức về chính mình, ông học về chính ông

Hỏi: Kinh nghiệm nhiều lần cho chúng tôi thấy rằng môn đồ thường gây ra nhiều tai họa cho Đạo sư. Họ tự lập ra kế hoạch rồi thực hiện mà không cân nhắc đến ý muốn của Đạo sư. Cuối cùng họ chỉ chuốc lấy đắng cay và đem đến cho Đạo sư vô vàn ưu tư.

Maharaj: Đúng, chuyện như thế có xảy ra.

H: Cái gì bắt buộc Đạo sư chịu những sỉ nhục này?

M: Một cách căn bản thì Đạo sư không còn tham ái. Ông ta thấy sự việc xảy ra nhưng cảm thấy không bị thúc bách phải can thiệp. Đạo sư không lựa chọn và cũng không quyết định. Là nhân chứng thuần túy, Đạo sư chỉ quan sát những gì đang xảy ra mà không hề bị tác động.

H: Nhưng sự nghiệp của vị ấy bị ảnh hưởng.

M: Chiến thắng luôn luôn thuộc về Đạo sư vào lúc cuối. Vị ấy biết rằng nếu môn đồ không học được từ những gì mình chỉ giáo, thì họ sẽ học bằng chính những sai lầm của họ. Bên trong vị ấy vẫn tĩnh lặng. Vị ấy không cảm nhận mình là một con người riêng biệt. Toàn thể vũ trụ thuộc về vị ấy, kể cả các môn đồ và các kế hoạch tầm thường của họ. Không gì tác động đến vị ấy một cách riêng biệt, hoặc, toàn thể vũ trụ có tác động đến vị ấy thì cũng như thế - chỉ cùng một mức độ.

H: Không có gì như là ân đức của Đạo sư?

M: Ân đức của Đạo sư thì bất biến và chung cho tất cả. Không dành riêng cho một ai và từ chối một ai.

H: Làm sao ân đức của Đạo sư ảnh hưởng đến tôi một cách cá nhân?

M: Chính nhờ ân đức của Đạo sư mà tâm ông tham dự vào sự tìm kiếm chân lý, và cũng chính nhờ ân đức đó ông sẽ tìm thấy chân lý. Ân đức của Đạo sư tác động một cách chắc chắn đến lợi ích tối hậu của ông. Và cũng cho tất cả.

H: Có những môn đồ đã sẵn sàng, chín chắn, và cũng có những người chưa. Thế Đạo sư không thực hiện sự lựa chọn và đưa ra quyết định?

M: Đạo sư biết cái tối hậu và kiên quyết thúc đẩy môn đồ về hướng đó. Người môn đồ gặp đủ mọi chướng ngại mà chính người đó phải vượt qua. Đạo sư không mấy quan tâm đến những hiện tượng bề ngoài trong đời sống của môn đồ. Cũng như sức hút của quả đất, trái phải rụng khi không còn gì giữ lại.

H: Nếu không biết được mục đích, làm sao người môn đồ nhận ra được chướng ngại?

M: Mục đích được Đạo sư chỉ ra, chướng ngại do môn đồ phát hiện. Đạo sư không ưu đãi riêng ai, những ai gặp chướng ngại phải vượt qua thường tụt lại phía sau.

Trong thực tế, người môn đồ không khác biệt với Đạo sư. Người môn đồ là cùng trung tâm nhận thức vô phương vị, và tình yêu trong hành động. Chính sự tưởng tượng của người môn đồ và sự tự đồng hóa với cái được tưởng tượng – đã đóng khung và biến người đó thành một con người. Đạo sư không mấy quan tâm đến con người. Sự chú ý của Đạo sư nhắm vào người quan sát bên trong. Công việc chủ yếu của người quan sát là hiểu, và, do đó, loại trừ con người. Ân đức là một chuyện, phải tận tình cống hiến cho công việc lại là chuyện khác.

H: Nhưng con người không muốn bị loại trừ.

M: Con người chỉ là kết quả của một sự hiểu sai. Trong thực tế, không hề có cái như là con người. Cảm thọ, ý nghĩ và hành động rượt đuổi nhau trong một diễn tiến bất tận trước mắt người quan sát, để lại những dấu vết trong não bộ, và tạo ra ảo ảnh về sự liên tục. Ảnh phản chiếu của người quan sát trong tâm tạo nên ý thức về "ta", và con người dành được một sự tồn tại có vẻ như độc lập. Trong thực tế, không có con người, chỉ có người quan sát đồng hóa mình với cái "ta", và cái "của ta". Đạo sư bảo người quan sát: Ông không phải là cái này, chẳng có gì thuộc về ông ở trong cái này, ngoại trừ cái điểm nhỏ "Ta là", nó chính là cây cầu giữa người quan sát và giấc chiêm bao của người đó. "Ta là cái này", "Ta là cái kia" là chiêm bao, còn cái "Ta là" thuần túy đóng dấu ấn của thực tại lên giấc chiêm bao đó. Ông đã trải qua rất nhiều thứ - và tất cả đều trở thành không. Chỉ ý thức "Ta là" vẫn còn – bất biến. Hãy ở với cái bất biến giữa những cái biến dịch, cho đến khi ông có thể vượt ra ngoài.

H: Khi nào thì điều đó xảy ra?

M: Điều đó xảy ra ngay khi ông dẹp xong các chướng ngại.

H: Chướng ngại nào?

M: Ham muốn cái hư giả và sợ hãi cái chơn thật. Ông – một con người tưởng tượng Đạo sư quan tâm đến ông như một con người. Hoàn toàn không phải thế. Đối với Đạo sư ông là một phiền nhiễu, một chướng ngại cần loại trừ. Đạo như nhắm vào sự loại trừ ông như một yếu tố trong ý thức.

H: Nếu tôi bị loại trừ, cái gì còn lại?

M: Chẳng có gì còn lại, tất cả còn lại. Ý thức về chính mình vẫn còn nhưng không tự đồng hóa với một thân xác riêng biệt nào nữa. Hiện hữu – tánh biết – tình yêu sẽ chiếu sáng trong sự rực rỡ viên mãn. Giải thoát không bao giờ là giải thoát con người, giải thoát luôn luôn là giải thoát khỏi con người.

H: Và không còn vết tích nào của con người?

M: Một ký ức mơ hồ còn lại, như ký ức về một giấc mơ, hay về thời thơ ấu. Xét cho cùng, có gì để mà nhớ? Một giòng các sự kiện, hầu hết là ngẫu nhiên và vô nghĩa. Một chuỗi tiếp nối của những tham ái, lo sợ và sai lầm ngớ ngẩn. Liệu có gì đáng nhớ? Con người chỉ là cái vỏ giam hãm ông. Hãy đập vỡ cái vỏ.

H: Ông bảo ai đập vỡ cái vỏ? Ai là kẻ đập vỡ cái vỏ?

M: Cứ đập tan những ràng buộc của ký ức và sự nhận diện chính mình thì cái vỏ sẽ tự vỡ. Có một trung điểm, và trung điểm đó truyền thực tại cho bất cứ gì nó nhận thức. Tất cả những gì ông cần là hiểu rằng ông là nguồn gốc của thực tại; ông trao truyền, thay vì tiếp nhận thực tại, ông chẳng cần đến sự chống đỡ hay xác nhận nào. Mọi vật như chúng là, vì ông chấp nhận chúng như chúng là. Ông ngừng chấp nhận thì chúng biến mất. Bất cứ gì ông nghĩ đến – với tham ái và lo sợ - thì cái đó sẽ xuất hiện trước ông như thật. Nếu ông nhìn nó mà không tham ái hay lo sợ thì nó sẽ mất đi tính chất thật. Lạc thú và đau khổ đều vô thường. Đừng quan tâm đến chúng thì đơn giản hơn và dễ dàng hơn là làm theo chúng.

H: Nếu tất cả đều đi đến chỗ kết thúc, vậy tại sao chúng xuất hiện?

M: Sáng tạo ở ngay trong bản chất của ý thức. Ý thức tạo nên hình tướng bề ngoài. Thực tại ở ngoài ý thức.

H: Dù biết các hình tướng bề ngoài, nhưng tại sao chúng ta không biết đó chỉ là hình tướng bề ngoài?

M: Tâm che lấp thực tại mà không biết. Để biết bản chất của tâm, ông cần đến trí tuệ, khả năng quan sát tâm trong tĩnh lặng và sự tỉnh thức vô tư.

H: Nếu tôi là bản chất của ý thức trùm khắp, làm sao vô minh và ảo tưởng có thể xảy ra đối với tôi?

M: Chẳng có vô minh hay ảo tưởng nào đã từng xảy ra với ông. Tìm ra cái Ta mà ông gán cho là vô minh và ảo tưởng thì câu hỏi sẽ được trả lời. Ông nói như thể ông biết cái Ta và thấy nó trong vòng ảnh hưởng của vô minh và ảo tưởng. Nhưng thật ra ông không biết cái Ta, mà ông cũng chẳng

biết vô minh. Bằng mọi cách hãy tỉnh thức – điều này sẽ đem ông đến với cái Ta, và ông sẽ nhận ra rằng trong nó không hề có vô minh hay ảo tưởng. Giống như bảo rằng: Nếu có mặt trời thì làm sao có bóng tối? Dù ánh sáng mặt trời có chói lọi đến đâu thì bên dưới tảng đá vẫn là bóng tối. Tương tự như thế, trong cái bóng của ý thức "Ta là thân xác" chắc chắn có vô minh và ảo tưởng.

H: Tại sao ý thức thân xác lại xuất hiện?

M: Đừng hỏi "tại sao" mà hỏi "làm sao". Chính bản chất của sự tưởng tượng sáng tạo là tự đồng hóa với những gì nó tạo ra. Ông có thể chấm dứt tưởng tượng bất cứ lúc nào bằng cách ngừng chú ý, hay qua sự tra vấn.

H: Liệu sáng tạo có trước sự tra vấn?

M: Trước tiên ông tạo ra một thế giới, rồi cái "Ta hiện hữu" trở thành một con người, con người đó không hạnh phúc vì rất nhiều lý do. Trên đường dấn thân đi tìm hạnh phúc, con người đó gặp một Đạo sư, và Đạo sư bảo: "Ông không phải là một con người, hãy tìm ra ông là ai." Hắn làm theo và vượt ra ngoài.

H: Tại sao con người không làm như thế ngay từ đầu?

M: Con người không nghĩ ra. Hắn cần một ai đó bảo hắn.

H: Vậy là đủ?

M: Vậy là đủ.

H: Tại sao lại không đúng với trường hợp của tôi.

M: Ông không tin tưởng Ta.

H: Tại sao niềm tin của tôi yếu?

M: Tham ái và lo sợ làm cho tâm ông u tối. Tâm ông cần được làm cho trong sáng.

H: Tôi làm cho tâm trong sáng bằng cách nào?

M: Bằng cách quan sát nó thường xuyên. Không chú ý thì mê mờ, chú ý thì sáng tỏ.

H: Tại sao các Đạo sư Ấn Độ chủ trương vô hành động?

M: Hầu hết hành động của con người là vô giá trị, nếu không nói là hoàn toàn phá hoại. Bị khống chế bởi tham ái và lo sợ, con người chẳng làm được điều gì tốt lành. Ngưng làm các điều ác trước khi bắt đầu các điều lành. Do đó cần ngưng tất cả hành động trong một thời gian, để tìm hiểu những thôi thúc của chính mình và động cơ của sự thôi thúc; thấy rõ tất cả những gì hư giả trong cuộc sống của chính mình, thanh tẩy tất cả những điều ác trong tâm, rồi mới khởi sự công việc trở lại, bắt đầu với những

nhiệm vụ hiển nhiên nhất của mình. Dĩ nhiên, nếu có dịp giúp ai đó thì hãy giúp bằng mọi cách và giúp ngay; đừng bắt họ chờ cho đến khi mình toàn hảo. Nhưng đừng trở thành một người chỉ biết làm việc thiện.

H: Tôi nhận thấy chẳng có mấy người làm điều thiện trong giới hành giả. Hầu hết những người tôi gặp quá mải mê với những xung đột nhỏ nhen của họ. Họ không còn tình cảm cho người khác.

M: Thái độ hướng ngã như thế chỉ là nhất thời. Hãy kiên nhẫn với những người như thế. Suốt nhiều năm họ chú ý đến đủ mọi thứ ngoại trừ chính họ. Hãy để họ quay lại với chính họ cho một sự thay đổi.

H: Kết quả của sự tỉnh thức chính mình là gì?

M: Ông trở nên sáng suốt hơn. Ông học trong sự tỉnh thức. Trong sự tỉnh thức chính mình, ông học về chính ông. Dĩ nhiên ông chỉ có thể học cái không phải là ông. Muốn biết cái mà ông là thì ông phải ra ngoài tâm.

H: Thế không phải sự tỉnh thức ở ngoài tâm?

M: Tỉnh thức là điểm từ đó tâm vượt ra khỏi chính nó vào thực tại. Trong sự tỉnh thức ông không tìm sự vừa ý, ông tìm sự thật.

H: Tôi nhận thấy tỉnh thức đem lại một trạng thái nội tâm tĩnh lặng, một trạng thái không còn tâm.

M: Đúng là như thế, nhưng chưa đủ. Đã bao giờ ông cảm nhận một sự rỗng rang trùm khắp trong đó vũ trụ bồng bềnh như một đám mây giữa bầu trời?

H: Thưa ông, trước tiên hãy để tôi biết rõ khoảng không gian bên trong của chính tôi.

M: Phá xập bức tường phân chia cái ý tưởng "Ta là thân xác" thì bên ngoài và bên trong sẽ là một.

H: Liệu tôi sẽ chết?

M: Sự hư hoại vật lý thì vô nghĩa. Chính sự bám víu vào cuộc sống tri giác ràng buộc ông. Nếu ông có thể chứng nghiệm sự trống rỗng nội tâm một cách rốt ráo thì sự bùng nổ vào cái toàn thể không còn bao xa.

H: Kinh nghiệm tâm linh của tôi thăng trầm tùy lúc. Có khi tôi cảm thấy rất tuyệt vời, có khi tôi cảm thấy thất vọng trở lại. Tôi như thằng bé điều khiển thang máy – lên rồi xuống, xuống rồi lên.

M: Tất cả những thay đổi trong ý thức là do ý tưởng "Ta là thân xác". Loại bỏ được ý tưởng này thì tâm trở nên an định. Lúc đó chỉ có sự hiện hữu thuần túy, hoàn toàn không kinh nghiệm bất cứ gì riêng biệt. Nhưng muốn nhận ra cái đó ông phải làm theo những gì Đạo sư chỉ dạy. Chỉ nghe

suông, thậm chí ghi nhớ, vẫn chưa đủ. Nếu ông không thường xuyên tinh tấn ứng dụng từng lời dạy của Đạo sư trong cuộc sống thường nhật thì đừng than vãn là mình không tiến bộ. Tất cả những tiến bộ thực sự đều không thể đảo ngược. Những thăng trầm chỉ cho thấy sự chỉ dạy của Đạo sư chưa nhập tâm, và chưa được thể hiện thành hành động một cách trọn vẹn.

H: Hôm trước ông có nói với chúng tôi rằng không hề có cái gì là nghiệp. Nhưng chúng tôi thấy mọi vật đều có một nguyên nhân và tổng thể các nguyên nhân đó có thể gọi là *Karma*.

M: Bao giờ ông còn tin mình là một thân xác thì ông còn gán ghép nguyên nhân cho tất cả mọi thứ. Ta không nói sự vật là không có nguyên nhân. Mỗi một sự vật có vô số nguyên nhân. Nó là như nó là, vì thế giới là như thế giới là. Khi phân thành chi nhánh, mỗi nguyên nhân bao trùm cả vũ trụ.

Khi nhận ra ông hoàn toàn tự do là cái mà ông bằng lòng là, và [khi nhận ra] ông là cái mà ông có vẻ là – vì do vô minh hoặc thờ ơ – thì ông tự do nổi loạn và thay đổi. Ông để cho ông là cái mà ông không phải. Rồi ông đi tìm nguyên nhân của cái không phải là ông! Đó chỉ là sự tìm kiếm vô ích. Không hề có nguyên nhân, nhưng ông lại không biết sự hiện hữu chơn thật của chính ông là toàn hảo và ở ngoài mọi nguyên nhân. Toàn thể vũ trụ có trách nhiệm về bất cứ gì xảy ra, và ông là nguồn gốc của vũ trụ.

H: Tôi hoàn toàn không biết mình là nguyên nhân của vũ trụ.

M: Vì ông không tìm hiểu. Tìm hiểu, tìm kiếm bên trong và ông sẽ biết.

H: Làm sao một hạt bụi như tôi có thể tạo nên vũ trụ bao la?

M: Khi ông bị lây nhiễm con vi khuẩn "Ta là thân xác" thì toàn thể vũ trụ đột nhiên xuất hiện. Nhưng khi nhàm chán nó, ông ấp ủ một số ý tưởng hoang đường về giải thoát, và theo đuổi những nguyên tắc hành động hoàn toàn vô ích. Ông tập trung, ông thiền quán, ông hành hạ tâm, thân – ông làm đủ mọi chuyện không cần thiết, nhưng ông không thấy được điều cốt lõi: loại bỏ con người.

H: Thoạt tiên chúng tôi có thể cầu nguyện và thiền quán một thời gian, trước khi sẵn sàng tìm hiểu chính mình.

M: Nếu tin như thế thì ông cứ làm. Đối với Ta, mọi trì hoãn chỉ phí phạm thời gian. Ông có thể bỏ qua tất cả những bước chuẩn bị, và **đi thẳng vào sự tìm kiếm tối hậu bên trong**. Trong tất cả các pháp Yoga, đó là pháp đơn giản nhất và đốn nhất.

***

72. Cái thuần khiết, không pha tạp, không bị ràng buộc là cái thật

Maharaj: Ông trở lại Ấn Độ! Thời gian vừa qua ông ở đâu, và đã thấy được những gì?

Hỏi: Tôi vừa ở Thụy Sĩ sang. Tôi ở đó với một người rất khác thường, tự nhận là đã giác ngộ. Người này trước kia đã hành rất nhiều pháp môn *Yoga*, và đã trải qua đủ loại kinh nghiệm. Hiện nay ông ta tự nhận là không có khả năng hay kiến thức nào đặc biệt, nhưng điều khác thường đối với ông ta liên quan đến các cảm giác: ông ta không thể nào tách người thấy ra khỏi cái bị thấy. Chẳng hạn như khi thấy chiếc xe hơi lao về phía mình, ông ta không biết là chiếc xa hơi lao vào ông ta, hay ông ta lao vào chiếc xe hơi. Cùng một lúc, ông ta như cả hai – người thấy và cái bị thấy. Hai cái trở thành một. Bất cứ gì ông ta thấy, ông ta thấy chính mình. Khi tôi hỏi một số câu hỏi về pháp môn *Vedanta*, ông ta bảo: "Tôi không thể trả lời. Tôi không biết. Tất cả những gì tôi biết là sự đồng hóa kỳ lạ này với bất cứ gì tôi nhận thức. Ông biết không, tôi không hề mong đợi một điều như thế này."

Nhìn chung ông ta là một người khiêm tốn, không thu nhận môn đồ và không hề có ý định tự đặt mình lên bệ thờ. Ông ta sẵn sàng nói về tình trạng kỳ lạ của mình, nhưng chỉ thế thôi.

M: Bây giờ ông ta biết cái mình biết. Tất cả những cái khác đã qua. Ít ra là ông ta còn nói. Chẳng bao lâu nữa ông ta sẽ tịnh khẩu.

H: Lúc đó ông ta sẽ làm gì?

M: Bất động và im lặng không có nghĩa là không hành động. Bông hoa tỏa hương thơm trong không gian, và ngọn nến tỏa ra ánh sáng. Chúng chẳng làm gì cả nhưng thay đổi tất cả chỉ bằng sự hiện diện của chúng. Ông có thể chụp ảnh ngọn nến, nhưng ông không thể chụp ảnh được ánh sáng của nó. Ông có thể biết con người, danh xưng và hình tướng, nhưng ông không biết được ảnh hưởng của người đó. Sự có mặt của người đó chính là hành động.

H: Thế không phải hành động là tự nhiên hay sao?

M: Mọi người đều muốn hành động, nhưng hành động sinh khởi từ đâu? Không hề có một trung điểm, mỗi hành động tạo ra một hành động khác, hoàn toàn vô nghĩa và đầy đau đớn trong một chuỗi diễn tiến bất tận. Không có sự xen kẽ giữa hành động và dừng lại. Trước tiên hãy tìm ra cái trung tâm bất biến mà từ đó mọi chuyển động khởi sinh. Như một bánh xe

xoay quanh trục của nó, ông luôn luôn phải ở ngay trục của trung tâm, chứ không phải xoay vòng ở ngoại vi.

H: Tôi thực hành như thế nào?

M: Bất cứ khi nào một ý nghĩ hay cảm xúc tham ái hoặc lo sợ xuất hiện trong tâm, ông chỉ việc quay đi.

H: Bằng cách ức chế ý nghĩ và cảm thọ, tôi sẽ kích động một phản ứng.

M: Ta không bảo phải ức chế. Chỉ đừng chú ý.

H: Tôi không thể cố gắng dừng lại các chuyển động của tâm hay sao?

M: Nó chẳng liên quan gì đến cố gắng. Chỉ quay đi, nhìn vào giữa hai ý nghĩ, thay vì vào ý nghĩ. Khi tình cờ đi giữa một đám đông, ông không đánh nhau với từng người ông gặp – ông chỉ tìm cách len qua giữa những người ông gặp.

H: Nếu dùng ý chí để khống chế tâm thì chỉ làm cho cái tôi thêm kiên cố.

M: Dĩ nhiên. Khi cưỡng lại, ông khiêu khích một cuộc đánh nhau. Nhưng nếu không đề kháng, ông không gặp sự đề kháng. Nếu không nhập cuộc chơi, ông là người ngoại cuộc.

H: Phải mất bao lâu tôi mới loại bỏ được tâm?

M: Có thể đến cả ngàn năm, nhưng thật ra không cần đến thời gian. Tất cả những gì ông cần là sự thành khẩn. Ở đây ý chí là hành động. Nếu thành khẩn thì ông sẽ có nó. Xét cho cùng, chính thái độ mới quan trọng. Không gì có thể ngăn cản ông làm một người giác ngộ ở đây và ngay bây giờ, ngoại trừ sự sợ hãi. Ông sợ thành cái phi nhân cách, ông sợ thành sự hiện hữu phi nhân cách. Mọi chuyện rất đơn giản. Chỉ việc quay đi đối với tham ái và lo sợ, cũng như mọi ý nghĩ do chúng tạo ra, thì ngay lập tức ông ở trong trạng thái tự nhiên của ông.

H: Không cần tái điều kiện hóa, thay đổi, hay loại bỏ tâm?

M: Hoàn toàn không cần. Cứ mặc kệ tâm, chỉ thế thôi. Đừng đi theo tâm. Xét cho cùng, không hề có cái như là tâm tách lìa khỏi ý nghĩ, ý nghĩ đến và đi theo luật riêng của chúng, mà không phải của ông. Chúng khống chế ông chỉ vì ông quan tâm đến chúng. Đúng như Đấng Chirst đã nói: "Đừng cưỡng lại điều ác." Cưỡng lại điều ác chỉ làm cho điều ác thêm kiên cố.

H: Bây giờ thì tôi hiểu. Tất cả những gì tôi phải làm là phủ nhận sự tồn tại của điều ác, rồi nó sẽ tan biến dần. Nhưng liệu một sự phủ nhận như vậy có thu hẹp lại thành một hình thức tự kỷ ám thị nào đó (*auto-suggestion*)?

M: Khi ông nghĩ chính ông là một con người, bị câu thúc giữa thiện và ác thì tự ám thị bây giờ ở vào trạng thái sôi nổi nhất. Điều Ta bảo ông làm là chấm dứt tình trạng đó, tỉnh thức và thấy sự vật như chúng là.

Về thời gian lưu lại Thụy Sĩ với người bạn khác thường của ông, ông được lợi lạc gì trong khi thân cận với người này?

H: Hoàn toàn không. Kinh nghiệm của ông ta chẳng ảnh hưởng gì đến tôi. Tôi đã hiểu ra một điều: chẳng có gì để tìm kiếm. Dù đi bất cứ đâu, tôi sẽ chẳng gặp gì ở cuối đường. Sự khám phá không phải là kết quả của bôn ba đây đó.

M: Đúng thế, ông không phải là bất cứ gì có thể đạt được hay mất đi.

H: Ông gọi đó là *Vairagya* – từ bỏ, buông bỏ?

M: Chẳng có gì để từ bỏ. Chỉ ngưng thu nhận là đủ. Muốn cho ông phải có, muốn có ông phải nhận. Tốt hơn hết là đừng nhận. Đừng nhận thì dễ thực hành hơn là từ bỏ, vì từ bỏ đưa đến một hình thức nguy hiểm của "ngã mạn tâm linh."

Tất cả những cân nhắc, chọn lọc, lựa chọn, và trao đổi – đều là hành vi mua sắm ở chợ "tâm linh". Ông có gì buôn bán ở đó? Ông tìm cái gì ở đó? Khi ông không theo đuổi chuyện làm ăn buôn bán thì những ưu tư bất tận về lựa chọn có ích lợi gì? Bồn chồn, nôn nóng chẳng đưa ông đến đâu. Có cái gì đó ngăn che không cho ông thấy được rằng ông chẳng cần bất cứ gì. Hãy tìm ra nó và nhận ra tính hư giả của nó. Cũng như nuốt nhầm chất độc và vô cùng khát nước. Thay vì uống thật nhiều nước, tại sao không loại trừ chất độc, và thoát khỏi cơn khát khủng khiếp đó?

H: Tôi phải loại trừ cái ta!

M: Ý thức "Ta là một con người trong thời gian và không gian" là chất độc. Về một phương diện, chính thời gian là chất độc. Trong thời gian, tất cả đều đi đến sự chấm dứt, cái mới được sinh ra và rồi sẽ bị hủy diệt khi đến lượt. Đừng đồng hóa chính mình với thời gian, đừng nôn nóng hỏi "cái gì tiếp theo, cái gì kế tiếp?" Hãy bước ra khỏi thời gian và quan sát nó hủy diệt thế giới. Hãy nói: "À, chính bản chất của thời gian là kết liễu tất cả. Cứ mặc kệ thời gian. Nó chẳng hề làm cho Ta bận tâm. Ta không thể bị hủy diệt, và Ta cũng chẳng cần tích lũy nhiên liệu."

H: Liệu có thể có nhân chứng mà không có gì để chứng kiến?

M: Luôn luôn có một cái gì đó để chứng kiến. Nếu không phải là vật, thì cũng là sự vắng thiếu của vật. Hành vi nhân chứng thì tự nhiên và chẳng có

gì là không đúng. Điều không đúng là quan tâm thái quá, đưa đến sự đồng hóa chính mình. Bất cứ gì thu hút ông, ông đều cho là thật.

H: Thế cái "Ta hiện hữu" thật hay không thật? Cái "Ta hiện hữu" có phải là nhân chứng? Nhân chứng là thật hay không thật?

M: Cái gì thuần khiết, không pha tạp, không bị ràng buộc, là thật. Cái gì cấu nhiễm, pha tạp, tùy thuộc và vô thường, là không thật. Đừng để bị ngôn từ lừa dối – một chữ có thể mang nhiều ý nghĩa và các ý nghĩa thậm chí mâu thuẫn với nhau. Cái "Ta hiện hữu" theo đuổi lạc thú và tránh né đau khổ là giả; cái "Ta hiện hữu" thấy lạc thú và đau khổ không tách rời nhau, là thấy đúng. Người thấy bị vướng mắc với những gì mình nhận thức là con người. Người thấy đứng xa lìa, bất động và không bị tác động, là người thấy cái thật, là điểm mà tại đó tánh biết – sẵn có trong cái bất thị hiện – giao tiếp với cái thị hiện. Không thể có vũ trụ nếu không có nhân chứng, không thể có nhân chứng nếu không có vũ trụ.

H: Thời gian hủy diệt vũ trụ. Ai là người chứng kiến thời gian?

M: Người ở ngoài thời gian – Kẻ không thể đặt tên. Một đốm lửa, xoay nhanh theo vòng tròn, tạo ra hình ảnh một vòng sáng. Khi chuyển động ngừng thì đốm sáng còn lại. Tương tự như thế, cái "Ta hiện hữu" lúc động tạo nên thế giới. Cái "Ta hiện hữu" lúc tịnh trở thành Cái Tuyệt đối. Ông như một kẻ đi trong đường hầm với cái đèn pin. Ông chỉ có thể thấy những gì trong tầm sáng của đèn. Những gì còn lại đều ở trong bóng tối.

H: Nếu tôi phóng chiếu ra thế giới thì tôi có thể thay đổi thế giới.

M: Dĩ nhiên, ông có thể thay đổi thế giới. Nhưng ông phải chấm dứt nhận dạng ông với nó và vượt ra ngoài. Lúc đó ông có đầy quyền năng hủy diệt và tái tạo thế giới.

H: Tôi chỉ muốn giải thoát.

M: Có hai điều ông phải biết: Ông muốn giải thoát khỏi cái gì và cái gì trói buộc ông?

H: Vì sao ông muốn hủy diệt vũ trụ?

M: Ta chẳng quan tâm đến vũ trụ. Mặc kệ nó hiện hữu hay không hiện hữu. Ta chỉ cần biết Ta là đủ.

H: Nếu ở ngoài thế giới, ông có lợi lạc gì cho thế giới?

M: Nếu trắc ẩn thì trắc ẩn cái Ta, chứ đừng trắc ẩn cho thế giới! Bị phủ kín trong chiêm bao ông quên mất cái Ta chơn thật của chính ông.

H: Không có thế giới thì không có chỗ cho tình yêu.

M: Đúng thế. Tất cả các thuộc tính: hiện hữu, ý thức, tình yêu và cái đẹp đều là ảnh phản chiếu của thực tại lên thế giới. Không có cái thật thì không có ảnh phản chiếu.

H: Thế giới đầy những điều đáng ham muốn và con người. Làm sao tôi tưởng tượng nó không hiện hữu?

M: Cứ để những điều đáng ham muốn cho những ai ham muốn. Hãy đổi chiều ham muốn của ông từ nhận sang cho. Lòng tha thiết bố thí, và chia sẻ, tự nhiên sẽ gột sạch ý nghĩ về một thế giới bên ngoài tâm, cũng như ý tưởng bố thí. Chỉ còn lại sự chói lọi thuần khiết của tình yêu, ở ngoài cho và nhận.

H: Trong tình yêu phải có hai, người yêu và kẻ được yêu.

M: Trong tình yêu một còn không có, làm sao có hai? Tình yêu là sự phủ nhận mọi phân chia và phân biệt. Trước khi có thể nghĩ về cái duy nhất thì trước tiên ông phải tạo ra nhị nguyên. Khi thực sự yêu, ông không nói: "Tôi yêu em." Còn tiến trình tâm lý thì còn nhị nguyên.

H: Điều gì đã đem tôi trở lại Ấn Độ nhiều lần? Chắc chắn không phải giá sinh hoạt ở đây tương đối rẻ. Mà cũng không phải tính đa dạng và màu sắc của các ấn tượng. Chắc chắn phải là một yếu tố nào đó quan trọng hơn.

M: Còn phải kể đến khía cạnh tâm linh. Ở Ấn Độ sự phân biệt giữa bên ngoài và bên trong ít hơn; việc bầy tỏ cái bên trong ra bên ngoài dễ hơn; sự hợp nhất dễ hơn và xã hội không quá áp bức.

H: Đúng, ở phương Tây chỉ có *Tamas* và *Rajas*. Ở Ấn Độ có nhiều *Sattva* hơn, hài hòa và cân đối hơn.

M: Ông không thể vượt ra ngoài *Gunas*? Tại sao lại chọn *Sattva*? Hãy là cái ông là dù ở bất cứ đâu, và đừng quan tâm đến *Gunas*.

H: Tôi không có sức mạnh.

M: Điều này cho thấy ông chẳng thu hoạch gì nhiều ở Ấn Độ. Cái mà ông thật sự có thì ông không thể mất. Nếu ông thực sự an trú trong chính ông thì mọi thay đổi nơi chỗ không hề có ảnh hưởng.

H: Ở Ấn Độ đời sống tâm linh thật đơn giản. Ở phương Tây thì không thế. Con người phải thích ứng với môi trường trong một mức độ lớn hơn.

M: Tại sao ông không tạo ra môi trường của chính ông? Thế giới chỉ có thể khống chế được ông trong chừng mực mà ông cho phép. Hãy nổi loạn. Hãy vượt ra khỏi nhị nguyên, đừng phân biệt Đông và Tây.

H: Một người có thể làm gì khi biết mình ở trong một môi trường phi tâm linh?

M: Chẳng làm gì cả. Cứ là chính ông. Đứng ngoài. Nhìn xa ra.

H: Có thể có những va chạm trong gia đình. Cha mẹ không chịu hiểu.

M: Khi biết được sự hiện hữu chơn thật của ông thì chẳng có gì là vấn đề đối với ông. Ông có thể làm vui lòng cha mẹ hay không, lập gia đình hay không, làm ra nhiều tiền hay không – thì chẳng có gì khác biệt đối với ông. Cứ hành động thuận theo hoàn cảnh, nhưng luôn luôn kề cận với sự thật, với thực tại trong mọi tình huống.

H: Thế đó không phải là một trạng thái thật cao siêu?

M: Ồ, không. Đó chỉ là trạng thái bình thường. Ông gọi nó là cao siêu vì ông sợ nó. Khi di chuyển trên một con đường đông người, ông chỉ vượt qua người khác. Có người ông nhìn, có người ông chỉ liếc qua, nhưng ông không dừng lại. Chính khi dừng lại ông tạo ra sự tắc nghẽn. Cứ di chuyển! Đừng để tâm đến danh xưng và hình tướng, đừng vướng mắc vào chúng; sự vướng mắc chính là sự ràng buộc ông.

H: Tôi phải làm gì nếu bị ai đó tát vào mặt?

M: Ông sẽ phản ứng theo cá tính của ông, bẩm sinh hay thụ đắc.

H: Liệu tôi, và thế giới có bị bắt buộc phải như hiện nay? Có phải đó là tất yếu?

M: Một người thợ kim hoàn muốn làm lại một món đồ trang sức thì trước tiên phải nấu chảy món trang sức đó thành vàng không còn hình dáng riêng biệt. Tương tự như thế, một người phải trở về trạng thái bổn lai trước khi một danh xưng mới và một hình tướng mới xuất hiện. Chết là cần thiết cho sự tân tạo.

H: Ông luôn luôn nhấn mạnh đến sự cần thiết phải vượt ra ngoài, phải xa lìa, phải độc cư. Hầu như ông không dùng đến các từ ngữ như "đúng" và "sai". Vì sao vậy?

M: Là chính mình thì đúng, không là chính mình thì sai. Tất cả những cái khác chỉ là điều kiện. Ông muốn phân biệt đúng và sai, vì ông cần một cơ sở nào đó cho hành động. Ông luôn luôn theo đuổi phải làm cái này hay cái khác. Nhưng hành động – được thúc giục bởi động cơ có tính cách cá nhân, dựa trên một nấc thang giá trị nào đó, nhắm vào một kết quả nào đó – thì tồi tệ hơn là đừng làm gì cả, vì quả của nó luôn luôn cay đắng.

H: Tánh biết và tình yêu là một và như nhau?

M: Dĩ nhiên. Tánh biết thì năng động, tình yêu là hiện hữu. Tánh biết là tình yêu trong hành động. Tâm tự nó có thể hiện thực hóa bất cứ số lượng nào về khả năng, nhưng nếu không được thúc đẩy bởi tình yêu thì những khả năng đó vô giá trị. Tình yêu đi trước sáng tạo. Nếu không có tình yêu thì chỉ có hỗn loạn.

H: Hành động ở đâu trong tánh biết?

M: Ông hành hoạt thật sai lầm làm sao! Nếu không có chuyển động, động đậy, náo loạn thì ông không thấy hành động. Hỗn loạn chỉ là chuyển động vì chuyển động. Hành động thật sự thì không thay đổi vị trí và chỉ chuyển hóa. Thay đổi vị trí chỉ là chuyển dịch; thay đổi tâm trí là hành động. Phải nhớ rằng không gì có thể nhận thức được là thật. Hoạt động thì không phải hành động. Hành động thì tàng ẩn, không biết và không thể biết. Ông chỉ có thể biết được kết quả.

H: Thế không phải Thượng đế là người làm ra tất cả?

M: Tại sao ông lại đem một tạo hóa ở bên ngoài vào? Thế giới tái tạo chính nó từ chính nó. Đây là một tiến trình bất tận, cái vô thường tạo ra cái vô thường. Chính cái Ta của ông làm cho ông tưởng rằng phải có một tạo hóa. Ông tạo ra một Thượng đế cho hình ảnh của chính ông, dù hình ảnh đó có ảm đạm đến đâu. Dùng cuốn phim của chính tâm ông, ông phóng chiếu ra một thế giới và một Thượng đế để cho thế giới đó nguyên nhân và mục đích. Tất cả đều là tưởng tượng. Hãy bước ra ngoài nó.

H: Thật khó để thấy được rằng thế giới thuần túy chỉ là các trạng thái của tâm! Thực tế hữu hình của thế giới vô cùng thuyết phục.

M: Đó chính là điều bí ẩn của tưởng tượng, vì nó có vẻ như rất thật. Dù ông sống độc thân hay lấy vợ, là tu sĩ hay người có gia đình thì đó không phải là vấn đề. Vấn đề là ông có phải, hay là tên nô lệ của tưởng tượng? Bất cứ quyết định nào ông lựa chọn, bất cứ công việc nào ông làm đều luôn luôn dựa trên tưởng tượng, trên những giả định được phô diễn như thật.

H: Tôi đang ngồi đây trước mặt ông, phần nào của sự kiện là tưởng tượng?

M: Toàn thể sự kiện là tưởng tượng. Ngay cả không gian và thời gian cũng được tưởng tượng ra.

H: Điều đó có nghĩa là tôi không tồn tại?

M: Cả Ta cũng không tồn tại. Tất cả tồn tại đều là tưởng tượng.

H: Thế *hiện hữu* cũng là tưởng tượng?

M: Hiện hữu thuần túy – bao trùm tất cả và ở ngoài tất cả - thì không phải là tồn tại, vì tồn tại tức là hữu hạn. Tất cả mọi hữu hạn đều là tưởng tượng, chỉ cái vô hạn mới là chơn thật.

H: Khi nhìn tôi, ông thấy gì?

M: Ta thấy ông tưởng tượng ông là.

H: Có rất nhiều người như tôi. Nhưng mọi người đều khác nhau.

M: Tổng thể của tất cả các phóng chiếu là cái gọi là Maha-Maya - ảo ảnh vĩ đại.

H: Khi ông nhìn chính ông, ông thấy gì?

M: Còn tùy cách nhìn. Khi nhìn qua tâm Ta thấy vô số chúng sinh. Khi nhìn vượt ra tâm, Ta thấy nhân chứng. Bên ngoài nhân chứng là cường độ vô biên của sự rỗng rang và im lặng.

H: Hành xử đối với con người nên như thế nào?

M: Tại sao lại đặt ra kế hoạch, và để làm gì? Những câu hỏi như thế chứng tỏ sự ưu tư lo lắng. Quan hệ là một cái gì đó sống động. An lạc với chính cái Ta bên trong của ông, ông sẽ an lạc với mọi người.

Hãy nhận ra rằng ông không phải là chủ nhân của những gì xảy ra, ông không thể kiểm soát tương lai, ngoại trừ những vấn đề thuần túy kỹ thuật. Không thể nào hoạch định được quan hệ nhân sinh, vì nó quá phong phú và biến dịch. Chỉ cần thông cảm, từ bi, và vô cầu lợi ích riêng tư.

H: Hiển nhiên tôi không phải là chủ nhân – mà đúng ra là tên nô lệ - của những gì xảy ra.

M: Đừng làm chủ, mà cũng đừng làm nô lệ. Đứng tách ra.

H: Điều này hàm ý trốn tránh hành động?

M: Ông không thể trốn tránh hành động. Hành động xảy ra, như mọi thứ khác.

H: Hành động của tôi, dĩ nhiên là tôi có thể kiểm soát.

M: Cứ thử đi. Ông sẽ sớm nhận ra rằng ông làm điều ông phải làm.

H: Tôi có thể hành động theo ý chí của tôi.

M: Ông chỉ biết được ý chí của ông sau khi đã hành động.

H: Tôi nhớ đến các ham muốn của tôi, những sự lựa chọn của tôi, những quyết định của tôi và theo đó tôi hành động.

M: Thế thì ký ức của ông quyết định, không phải ông.

H: Vậy "tôi" từ đâu xuất hiện?

M: Ông làm cho tôi xuất hiện bằng cách chú ý đến nó.

H: Không có gì như là ý chí tự do? Tôi không tự do để ước muốn sao?

M: Không đâu, ông bị bắt buộc phải ước muốn. Trong Ấn giáo ý tưởng về ý chí tự do không tồn tại, nên không có từ ngữ cho nó. Ý chí là cam kết, là cố định, là ràng buộc.

H: Tôi hoàn toàn tự do lựa chọn những gì hữu hạn của tôi.

M: Ông phải tự do trước. Muốn tự do trong thế giới, ông phải tự do đối với thế giới. Nếu không quá khứ sẽ quyết định cho ông và tương lai của ông. Ông bị câu thúc giữa cái đã xảy ra và cái phải xảy ra. Gọi đó là định mệnh hay *Karma*, nhưng không bao giờ là tự do. Trước tiên hãy trở về với sự hiện hữu chơn thật của ông rồi hành động từ trái tim của tình yêu.

H: Trong nội vi cái thị hiện, cái gì là dấu ấn của cái bất thị hiện?

M: Không hề có. Ngay khi ông khởi sự tìm kiếm dấu ấn của cái bất thị hiện thì cái thị hiện biến mất. Nếu tìm cách hiểu cái bất thị hiện bằng tâm, ngay lập tức ông ra khỏi tâm; cũng như khi khơi lửa bằng một que củi, ông đốt cây củi. Hãy dùng tâm để tìm hiểu cái thị hiện. Như một con gà con mổ vỏ trứng. Suy diễn về cuộc sống ở bên ngoài lớp vỏ chẳng ích lợi gì, nhưng hành động mổ vào vỏ trứng, và phá vỡ vỏ trứng từ bên trong sẽ giải thoát con gà con. Tương tự như thế, phá vỡ tâm từ bên trong bằng sự tìm hiểu và vạch trần những mâu thuẫn và vô lý của nó.

H: Ước muốn phá vỡ vỏ trừng từ đâu mà có?

M: Từ cái bất thị hiện.

***

73. Cái chết của tâm là sự khai sinh của trí tuệ

Hỏi: Trước khi giác ngộ bản tánh chơn thật của mình, có cần phải là một con người không? Cái Ta không có giá trị của nó hay sao?

Maharaj: Con người chẳng ích lợi gì nhiều. Con người mê đắm trong các vấn đề riêng tư, và hoàn toàn không biết đến sự hiện hữu chơn thật của nó. Chỉ khi nào ý thức nhân chứng bắt đầu tác động đến con người, và ý thức nhân chứng trở thành đối tượng – thay vì chủ thể - của sự quan sát thì mới có thể nói đến giác ngộ. Chính nhân chứng làm cho sự giác ngộ được khao khát và có thể đạt đến.

H: Có thời điểm nào trong đời, con người trở thành nhân chứng?

M: Ồ, không. Con người sẽ không thể tự trở thành nhân chứng. Cũng giống như mong đợi một cây nến lạnh tự cháy sáng trên giòng thời gian. Con người có thể mãi mãi ở trong bóng tối của vô minh, cho đến khi nào ngọn lửa của sự tỉnh thức chạm vào nó.

H: Ai thắp sáng ngọn nến?

M: Đạo sư. Lời dạy của Đạo sư, sự hiện diện của Đạo sư. Ở Ấn Độ thường là thần chú – *Mantra*. Một khi cây nến được thắp lên, ngọn lửa sẽ tiêu thụ cây nến.

H: Vì sao thần chú lại linh nghiệm như vậy?

M: Thường xuyên niệm chú là một điều mà người niệm không làm cho chính mình. Người được hưởng không phải là con người. Cũng như cây nến không dài ra bằng sự cháy sáng.

H: Liệu con người có thể tự biết chính mình?

M: Có. Đôi khi điều này xảy ra sau không biết bao nhiêu đau khổ. Đạo sư muốn giảm bớt những đau khổ vô tận của ông. Ân đức của Đạo sư là như thế. Thậm chí khi không tìm được Đạo sư bên ngoài, luôn luôn vẫn có *Sadguru* - Đạo sư bên trong – là người chỉ dẫn và cứu giúp từ bên trong. Các từ ngữ như "bên ngoài" và "bên trong" chỉ liên quan đến thân xác; trong thực tế tất cả là một, cái bên ngoài chỉ là sự phóng chiếu của cái bên trong. Tánh biết xuất hiện như thể từ một phương vị cao hơn.

H: Trước và sau khi tia sáng được thắp lên, cái gì là sự khác biệt?

M: Trước khi tia sáng được thắp lên không có nhân chứng để nhận thức sự khác biệt. Con người có thể có ý thức, nhưng không biết mình có ý thức. Con người hoàn toàn đồng hóa chính mình với những gì nó nghĩ, cảm thọ và kinh nghiệm. Con người ở trong bóng tối do chính mình tạo ra. Khi bóng tối bị chất vấn nó liền biến mất. Ý muốn chất vấn được Đạo sư truyền thụ. Nói một cách khác, sự khác biệt giữa con người và nhân chứng là ở

chỗ biết chính mình và không biết chính mình. Khi có sự hòa hợp, thế giới được thấy trong ý thức là thuộc về bản chất của ý thức; nhưng khi hoạt động và quán tính, tức Rajas và Tamas xuất hiện, chúng ngăn che và vo tròn bóp méo khiến ông thấy cái giả như thật.

H: Con người có thể làm gì để chuẩn bị chính mình tiếp đón Đạo sư?

M: Ngay chính ước muốn sẵn sàng có nghĩa là Đạo sư đã đến và ngọn lửa đã được thắp sáng. Đó có thể là một tiếng bâng quơ hay một trang kinh; ân đức của Đạo sư tác động rất bí ẩn.

H: Như thế không có chuyện như là chuẩn bị chính mình? Chúng tôi nghe nói rất nhiều về tu tập *Yoga*.

M: Không phải con người thực hành pháp tu. Con người luôn luôn bất an và chống lại cho đến cùng. Chính nhân chứng tác động đến con người, đến toàn thể các ảo tưởng của con người – quá khứ, hiện tại và tương lai.

H: Làm sao chúng tôi biết những gì ông nói là đúng thật? Mặc dù những điều ông nói là tự đầy đủ và hoàn toàn không có những mâu thuẫn nội tại, nhưng làm sao chúng tôi biết được rằng chúng không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng dồi giào, được bồi dưỡng và làm cho phong phú bằng cách thường xuyên lập đi lập lại?

M: Bằng chứng của sự thật ở trong ảnh hưởng của nó đối với người nghe.

H: Ngôn từ có thể có những hiệu năng rất mãnh liệt. Bằng cách nghe, hay tụng niệm một số tiếng nào đó một người có thể trải qua những trạng thái xuất thần khác nhau. Kinh nghiệm của người nghe có thể được tạo nên, nhưng không thể được xem là bằng chứng.

M: Công năng không nhất thiết phải là một sự chứng nghiệm. Nó có thể là một sự thay đổi trong cá tính, trong nguyên do hành động, trong quan hệ với tha nhân, và trong chính cái Ta của mình. Những trạng thái xuất thần, những linh ảnh hiển hiện nhờ ngôn ngữ hay ma túy, hoặc bất cứ phương tiện giác quan hay tâm lý đều giả tạm và không đem lại kết quả tối hậu. Sự thật của những gì được nói ra ở đây là bất biến và trường cửu. Bằng chứng của nó là ở trong người nghe, qua những thay đổi sâu xa và vĩnh viễn trong toàn thể sự hiện hữu của người đó. Bằng chứng đó không thể là điều người đó có thể nghi hoặc, trừ khi người đó hoài nghi về sự tồn tại của chính mình, mà đó lại là điều không thể có. Khi kinh nghiệm của Ta trở thành kinh nghiệm cũng của chính ông, ông còn muốn bằng chứng nào hiển nhiên hơn thế?

H: Người kinh nghiệm là bằng chứng kinh nghiệm của người đó.

M: Khá đúng, nhưng người kinh nghiệm không cần đến bằng chứng. "Ta biết và Ta biết Ta biết." Ông không thể đòi hỏi thêm bằng chứng nào nữa.

H: Có thể có cái biết chơn thật về vạn hữu?

M: Tương đối thì có. Tuyệt đối thì chẳng có vật gì. Biết được không có gì *hiện hữu* là cái biết chân thật.

H: Cái gì liên kết cái tương đối và cái tuyệt đối?

M: Chúng đồng với nhau.

H: Theo cách nhìn nào thì chúng đồng với nhau?

M: Khi ngôn từ được nói ra, sự im lặng vẫn có đó. Khi cái tương đối chấm dứt, cái tuyệt đối còn lại. Sự im lặng trước khi ngôn từ được nói ra có khác với sự im lặng sau đó? Sự im lặng chỉ là một, và nếu không có nó thì ngôn từ không thể được nghe. Sự im lặng luôn luôn có đó - ở phía sau ngôn từ. Chuyển sự chú ý của ông từ ngôn từ sang im lặng, ông sẽ nghe thấy nó. Tâm khao khát kinh nghiệm, và ký ức về kinh nghiệm được tâm cho là cái biết. Người giác ngộ ở ngoài mọi kinh nghiệm và ký ức của người đó hoàn toàn rỗng rang không có quá khứ. Người giác ngộ hoàn toàn không liên quan đến bất cứ gì riêng biệt. Vì khao khát công thức và định nghĩa, tâm luôn luôn tìm cách nhào nặn thực tại thành hình tướng hữu ngôn. Tâm luôn luôn muốn có một ý tưởng về bất cứ gì, vì nếu không có ý tưởng thì không có tâm. Thực tại – về bản chất – thì đơn độc, nhưng tâm không để cho thực tại đơn độc; và thay vì giao tiếp với thực tại tâm chỉ giao tiếp với cái không thật. Tất cả những gì tâm có thể làm: phát hiện cái không thật là không thật.

H: Và thấy cái thật là thật?

M: Không hề có trạng thái như là thấy cái thật. Ai thấy cái gì? Ông chỉ có thể là cái thật – là cái mà ông là, dù thế nào đi nữa. Vấn đề chỉ là tâm. Từ bỏ những ý nghĩ không đúng, có thế thôi. Không cần thiết phải có ý nghĩ đúng. Không có ý nghĩ đúng.

H: Thế tại sao chúng tôi được khuyến khích tìm kiếm cái thật?

M: Tâm phải có một mục đích. Khuyến khích tâm giải thoát chính nó ra khỏi cái không thật có nghĩa là tâm được hứa hẹn một cái gì đó để bù lại. Trong thực tế, không cần phải có mục đích. Tự thân sự thoát ra khỏi cái hư giả là điều tốt, chẳng cần đến phần thưởng. Cũng giống như sạch sẽ - chính nó là phần thường của nó.

H: Thế hiểu biết chính mình có phải là phần thưởng?

M: Phần thưởng của hiểu biết chính mình là thoát ra khỏi cái Ta cá nhân. Ông không thể biết người biết, vì ông là người biết. Thực tế của hành vi biết chứng minh người biết. Ông chẳng cần bằng chứng nào khác. Không thể biết được người biết của cái biết. Cũng như ánh sáng chỉ được biết ở trong mầu sắc, thì người biết được biết trong sự biết.

H: Như thế người biết chỉ là một sự suy diễn?

M: Ông biết thân, tâm và cảm thọ của ông. Liệu có phải ông chỉ là một sự suy diễn?

H: Tôi là một sự suy diễn đối với người khác, nhưng không phải với chính tôi.

M: Ta cũng thế, là một sự suy diễn đối với ông, nhưng không đối với chính Ta. Ta biết chính Ta bằng cách là chính Ta. Cũng như ông biết chính ông là một con người bằng cách là một con người. Ông không thường xuyên nhắc nhở chính ông là một con người. Chỉ khi nào tính người của ông bị chất vấn thì ông mới khẳng định ông là một con người. Tương tự như thế, Ta biết Ta là tất cả. Ta không cần tiếp tục lải nhải: "Ta là tất cả, Ta là tất cả." Chỉ khi nào ông cho Ta là một cái gì đó riêng biệt, một con người, thì Ta mới phản đối. Cũng như ông luôn luôn là một con người, thì Ta là cái Ta là – luôn luôn là như thế. Bất cứ gì ông là và là một cách bất biến, thì ông là cái đó – không còn gì nghi hoặc.

H: Khi tôi hỏi ông làm sao biết ông là một người giác ngộ, ông bảo: "Ta không còn tìm thấy tham ái trong Ta." Đó không phải là một bằng chứng?

M: Dù nếu Ta đầy tham ái, Ta cũng vẫn là cái Ta là.

H: Tôi, đầy những tham ái, và ông, cũng đầy những tham ái. Cái gì có thể là sự khác biệt?

M: Ông đồng hóa chính mình với những tham ái của ông và trở thành nô lệ của chúng. Đối với Ta tham ái chỉ là vật trong số những vật khác; chúng chỉ là những đám mây trên bầu trời tâm, Ta không cảm thấy bị bắt buộc làm theo chúng.

H: Người biết và cái biết của người đó, là hai hay một?

M: Là cả hai. Người biết là cái bất thị hiện, cái bị biết là cái thị hiện. Cái bị biết luôn luôn động, thay đổi, không có hình tướng của riêng nó, không có trú xứ. Người biết là nơi nương tựa bất biến của tất cả cái biết. Cái này cần đến cái kia, nhưng thực tại ở bên ngoài. Người giác ngộ không thể được biết, vì không có ai để biết. Khi có một người, ông có thể nói một cái gì về người đó, nhưng khi không có sự nhận dạng cái Ta với bất cứ gì riêng

biệt, thì liệu có gì để nói? Ông có thể nói người giác ngộ là bất cứ gì thì câu hỏi của người đó luôn luôn là: "Ông đang nói về ai? Không hề có người nào như thế." Cũng như ông không thể nói bất cứ gì về vũ trụ vì nó bao gồm tất cả, thì không gì có thể nói về người giác ngộ, vì người giác ngộ là tất cả nhưng không có gì riêng biệt. Ông cần cái móc để treo một bức tranh; nếu không có cái móc, bức tranh treo vào cái gì? Để xác định vị trí của một vật ông cần không gian; để sắp xếp một diễn tiến ông cần thời gian, nhưng cái phi thời gian phi không gian thách thức tất cả mọi cách xử lý. Nó làm cho mọi cái có thể nhận thức được, nhưng tự thân nó thì ở ngoài sự nhận thức. Tâm không thể biết cái ở ngoài tâm, nhưng cái ở ngoài tâm biết tâm. Người giác ngộ không biết đến sinh hay tử; đối với người đó hiện hữu cũng như phi hiện hữu đồng như nhau.

H: Khi thân xác chết đi, liệu ông vẫn tồn tại?

M: Chẳng có gì chết đi. Thân xác chỉ được tưởng tượng ra. Không hề có cái gì như thân xác.

H: Trước khi một thế kỷ nữa trôi qua, ông sẽ chết đối với tất cả những gì quanh ông. Thân xác ông sẽ được phủ hoa, rồi được hỏa tang và tro tàn rải rác đó đây. Kinh nghiệm của chúng tôi sẽ là như thế, còn kinh nghiệm của ông ra sao?

M: Thời gian sẽ chấm dứt. Sự kiện này được gọi là Cái Chết Lớn – *Mahamrityu – The Great Death*, tức là cái chết của thời gian.

H: Điều này có nghĩa là vũ trụ cùng với nội dung của nó sẽ chấm dứt.

M: Vũ trụ là kinh nghiệm cá nhân của ông. Làm sao nó bị ảnh hưởng? Giả sử như ông thuyết giảng hai tiếng đồng hồ, cuộc thuyết giảng đã đi đâu sau khi nó chấm dứt? Nó đã nhập vào sự im lặng, trong đó tất cả khúc đầu, khúc giữa và khúc cuối của bài thuyết giảng được dung chứa. Thời gian đã đi đến một sự chấm dứt, cuộc thuyết giảng đã xảy ra, nhưng không còn nữa. Sự im lặng sau một cuộc đời thuyết giảng, và sự im lặng sau một cuộc đời im lặng chỉ là cùng một sự im lặng. Bất tử là sự tự do thoát ra khỏi cảm giác "Ta hiện hữu." Nhưng không phải là đoạn diệt. Trái lại, đó là một trạng thái vô cùng thật, vô cùng tỉnh thức và vô cùng hạnh phúc so với những gì ông có thể nghĩ ra. Chỉ ý thức về chính mình không còn nữa.

H: Vì sao Cái Chết Lớn của tâm lại trùng hợp với "cái chết nhỏ" của thân?

M: Sự trùng hợp không xảy ra! Ông có thể chết hàng trăm cái chết mà không hề thay đổi cái tâm nhiễu loạn. Hoặc, ông có thể giữ lại thân xác và

chỉ chết đi cái tâm. Cái chết của tâm là sự khai sinh của trí tuệ.

H: Con người gia đi và chỉ có nhân chứng ở lại.

M: Ai ở lại để nói: "Ta là nhân chứng." Khi không còn cái "Ta hiện hữu" nhân chứng ở đâu? Trong trạng thái vô thời, không hề có cái Ta nào để nương tựa.

Một kẻ mang theo một cái gói lúc nào cũng lo sợ mất cái gói – hắn ý thức về cái gói. Người yêu quí cảm giác "Ta hiện hữu" luôn luôn ý thức về chính mình. Người giác ngộ không bám víu vào bất cứ gì nên không thể được cho là hữu thức, nhưng người đó cũng chẳng phải vô thức. Người ấy chính là trái tim của tánh biết. Chúng ta gọi người đó là Digambara – kẻ khoác áo không gian, Kẻ Trần Truồng - ở ngoài mọi hình tướng. Không một danh xưng hay hình tướng nào mà qua đó người giác ngộ được cho là tồn tại, nhưng người giác ngộ là người duy nhất thực sự hiện hữu.

H: Tôi không nắm bắt được cái ông nói.

M: Ai có thể nắm bắt nó? Tâm thì hữu hạn. Đưa ông đến tận biên cương cuối cùng của cái biết để ông đối diện với sự vô biên của cái không biết – thế là đủ. Có lao vào cái vô biên hay không thì tùy ông.

H: Thế còn nhân chứng? Nhân chứng là thật hay không thật?

M: Nhân chứng là cả hai. Nhân chứng là tàn dư cuối cùng của cái hư giả và là sự va chạm đầu tiên của cái thật. Nếu nói: "Ta là nhân chứng mà thôi" thì vừa sai và vừa đúng. Sai: vì "Ta là." Đúng: vì là nhân chứng. Đúng ra phải nói là: "Có hành vi nhân chứng." Ngay khi ông nói: "Ta là" thì toàn thể vũ trụ xuất hiện cùng với người tạo ra nó.

H: Một câu hỏi khác: Liệu chúng tôi có thể hình dung con người và cái Ta như hai anh em. Đứa em thì tinh nghịch và ích kỷ, thô lỗ và hiếu động; còn người anh thì thông minh và tốt bụng, biết suy nghĩ và biết điều, không còn ý thức về thân xác cùng với những tham ái và lo sợ của nó. Người anh biết đứa em, nhưng đứa em không biết người anh và cho rằng nó chỉ có một mình. Vị Đạo sư xuất hiện và bảo đứa em: "Cậu không phải chỉ có một mình, cậu xuất thân từ một gia đình rất lương hảo, anh của cậu là một người rất khả kính, rất thông thái và rất tử tế, anh của cậu rất yêu thương cậu. Hãy nhớ anh của cậu, nghĩ đến anh của cậu, tìm anh của cậu, phục vụ anh của cậu, rồi cậu sẽ trở nên là một với anh của cậu." Bây giờ, câu hỏi là: Liệu có hai trong chúng tôi – con người và cá nhân, cái Ta hư giả và cái Ta chơn thật, hay, đó chỉ là một cách ví von?

M: Cả hai. Chúng có vẻ như là hai, nhưng khi được tìm hiểu thì chỉ là một. Nhị nguyên chỉ tồn tại khi nào không được tìm hiểu. Bộ ba: tâm, cái Ta và tinh thần (*Vyakti-Vyakta-Avyakta*) khi được tìm hiểu, trở thành duy nhất. Chúng chỉ là các tướng trạng của kinh nghiệm về sự ràng buộc, sự buông bỏ, và sự siêu thoát.

H: Ông luôn luôn cho rằng chúng tôi ở trong trạng thái chiêm bao, và điều này làm cho luận điểm của ông bất khả công kích. Bất cứ phản bác nào chúng tôi nêu lên đều bị ông phủ nhận tính xác thực của nó. Không ai có thể bàn luận với ông!

M: Ước muốn bàn luận cũng chỉ là một ước muốn suông. Ước muốn để biết, để có uy quyền, ngay cả ước muốn tồn tại cũng chỉ là ước muốn. Mọi người đều ước muốn hiện hữu, sinh tồn, và tiếp tục mãi mãi, vì không ai biết rõ về chính mình. Thật ra mọi người đều bất tử. Ông biến ông thành hữu tử vì ông cho ông là thân xác.

H: Ông đã tìm thấy tự do của ông, ông không thể chia sẻ với tôi đôi chút hay sao?

M: Tại sao lại đôi chút? Hãy lấy tất cả. Lấy đi, tự do luôn luôn có đó để ông lấy. Nhưng ông sợ tự do!

H: Đạo sư *Ramdas* có lần cũng được yêu cầu như thế. Một hôm các đệ tử quay quần bên Đạo sư và xin được giải thoát. *Ramdas* mỉm cười lắng nghe, rồi bất chợt trở nên nghiêm túc và bảo: "Các ông có thể có nó, ngay đây và bây giờ, tự do tuyệt đối và thường hằng. Ai muốn nó, tiến lên." Chẳng có ai động đậy. *Ramdas* lập lại ba lần. Không ai giám nhận. Sau đó vị Đạo sư bảo: "Sự ban phát được thu hồi."

M: Ràng buộc giết chết can đảm. Người cho luôn luôn sẵn sàng cho. Người nhận thì không có. Tự do có nghĩa là buông bỏ. Người ta không giám buông bỏ bất cứ gì. Họ không biết được rằng hữu hạn là cái giá của vô hạn, chết là cái giá của bất tử. Trưởng thành tâm linh ở trong sự sẵn sàng buông bỏ tất cả. Buông bỏ là bước đầu tiên. Nhưng buông bỏ thật sự thì ở trong sự giác ngộ rằng chẳng có gì để buông bỏ, vì chẳng có gì là của ông. Cũng giống như trong khi ngủ say ông không cho đi cái giường, ông chỉ quên nó đi.

***

74. Chân lý ở đây và bây giờ

Hỏi: Câu hỏi của tôi là: Cái gì là bằng chứng của chân lý? Tín đồ mỗi tôn giáo – về mặt siêu hình hay chính trị, triết học hay đạo đức – đều tin

rằng chân lý của mình là duy nhất đúng, tất cả những cái khác là sai lầm, và cho sự tin tưởng không thể lay chuyển được của họ là bằng chứng của chân lý. Họ bảo: "Vì tôi tin, nên điều tôi tin phải là chân lý." Theo tôi thì hình như không triết lý hay tôn giáo nào, không học thuyết hay ý thức hệ nào – dù hoàn chỉnh đến đâu, dù không có mâu thuẫn nội tại, và tạo cảm xúc mãnh liệt đến đâu – vẫn không thể là bằng chứng chân lý của chính nó. Chúng cũng như quần áo được con người khoác lên, thay đổi theo thời đại và hoàn cảnh, và chạy theo khuynh hướng thời trang.

Liệu có thể nào có một tôn giáo, hay triết lý, là đúng thật, không phụ thuộc vào sự tin tưởng của bất cứ ai? Mà cũng không tùy thuộc vào kinh điển, vì một lần nữa kinh điển lại tùy thuộc vào lòng tin của một ai đó đối với chúng? Liệu có thể có một chân lý không tùy thuộc vào sự tin tưởng, có nghĩa là không chủ quan?

Maharaj: Thế còn khoa học?

H: Khoa học là một vòng tròn, nó chấm dứt ở chỗ nó bắt đầu, với các giác quan. Khoa học liên quan với cái kinh nghiệm mà kinh nghiệm thì chủ quan. Không thể nào hai người có cùng một kinh nghiệm, dù cho họ diễn tả kinh nghiệm đó với cùng ngôn từ.

M: Ông phải tìm chân lý ở ngoài tâm.

H: Thưa ông, tôi đã chán ngấy những cơn xuất thần. Bất cứ loại ma túy nào cũng có thể gây nên những trạng thái như thế, vừa rẻ và vừa nhanh. Ngay cả các trạng thái định *Samadhi* theo kinh điển – được gây nên bằng các phép luyện thở và tâm – cũng chẳng khác biệt gì nhiều. Nào là dưỡng khí *Samadhi*, thán khí *Samadhi*, và tự cảm *Samadhi* được tạo nên bằng sự lập đi lập lại một công thức hay một loạt các ý nghĩ. Tình trạng đơn điệu gây nên buồn ngủ. Tôi không thể chấp nhận *Samadhi* – dù tuyệt vời đến đâu – là bằng chứng của chân lý.

M: *Samadhi* ở ngoài kinh nghiệm. Đó là một trạng thái phi tính cách.

H: Không có kinh nghiệm là vì không có sự chú ý. Kinh nghiệm tái xuất hiện cùng với sự chú ý. Nhắm mắt lại không thể phủ nhận ánh sáng. Quy kết thực tại cho những trạng thái phủ định chẳng đưa chúng tôi đến đâu xa. Ngay trong sự phủ định hàm chứa một sự khẳng định.

M: Về một phương diện thì ông đúng. Thế ông không thấy được rằng: ông đang hỏi về bằng chứng của chân lý, nhưng lại không giải thích về chân lý mà ông có trong tâm là gì, và bằng chứng nào về chân lý có thể thỏa mãn được ông? Ông có thể chứng minh bất cứ gì, miễn là ông tin vào

bằng chứng của ông. Nhưng cái gì sẽ chứng minh được bằng chứng của ông là đúng thật? Ta có thể dễ dàng đưa ông đến sự công nhận rằng chỉ ông biết ông tồn tại – ông là bằng chứng duy nhất mà ông có về bất cứ gì. Nhưng Ta không đồng hóa sự tồn tại suông với thực tại. Tồn tại thì nhất thời, luôn luôn ở trong thời gian và không gian, còn thực tại thì bất biến và trùm khắp.

H: Thưa ông, tôi không biết chân lý là gì, và cái gì có thể chứng minh được chân lý. Đừng phó mặc tôi tự xoay sở lấy. Tôi chẳng có phương cách nào. Ở đây ông là người biết chân lý, không phải tôi.

M: Ông bác bỏ chứng ngôn là bằng chứng của sự thật, kinh nghiệm của người khác chẳng ích lợi gì cho ông, ông bác bỏ tất cả những kết luận rút ra từ các lời khai được kết hợp lại của vô số nhân chứng độc lập. Vậy ông cho Ta biết cái gì là bằng chứng có thể thỏa mãn ông, cái gì là tiêu chuẩn của một bằng chứng có giá trị đối với ông?

H: Thực tình mà nói, tôi không biết cái gì có thể tạo nên một bằng chứng.

M: Ngay cả kinh nghiệm của chính ông?

H: Không phải kinh nghiệm của tôi mà cũng chẳng phải chính sự tồn tại của tôi. Chúng tùy thuộc vào hành vi ý thức của tôi.

M: Và hành vi ý thức của ông tùy thuộc vào cái gì?

H: Tôi không biết. Trước kia tôi đã cho rằng nó tùy thuộc vào thân xác của tôi, nhưng bây giờ tôi thấy được thân xác chỉ là thứ yếu, chứ không phải chính yếu, và không thể được xem là bằng chứng của sự tồn tại.

M: Ta mừng vì ông đã bỏ được ý tưởng "Ta là thân xác" – nguồn gốc chính của mê lầm và đau khổ.

H: Tôi chỉ từ bỏ nó bằng tri thức, nhưng ý thức là một cái gì đó riêng biệt, một con người, vẫn còn với tôi. Tôi có thể nói: "Ta hiện hữu," nhưng không thể nói tôi là cái gì. Tôi biết tôi tồn tại, nhưng không biết cái gì tồn tại. Dù có nói thế nào tôi chỉ đối diện cái không biết.

M: Chính sự hiện hữu của ông là thật.

H: Rõ ràng là chúng ta không cùng nói về một vấn đề. Tôi không phải là một sự hiện hữu trừu tượng nào đó. Tôi là một con người, hữu hạn và biết rõ những hạn chế của nó. Tôi là một thực tế, nhưng là một thực tế không chắc thực nhất. Không gì tôi có thể dựng lập trên sự tồn tại nhất thời của tôi dưới hình thức một con người.

M: Lời lẽ của ông thông thái hơn cả chính ông! Là một con người, sự tồn tại của ông chỉ nhất thời. Nhưng liệu ông chỉ là một con người thôi sao? Có thật ông chỉ là một con người?

H: Tôi phải biết trả lời thế nào? Ý thức hiện hữu của tôi chỉ chứng mình tôi *là*, nó không chứng minh được bất cứ gì độc lập đối với tôi. Tôi thì tương đối, là cả vật được tạo ra lẫn người tạo ra cái tương đối. Bằng chứng tuyệt đối của chân lý tuyệt đối là gì, và nó ở đâu? Chỉ cảm giác "Ta hiện hữu" là bằng chứng của thực tại thôi sao?

M: Dĩ nhiên là không. "Ta hiện hữu" và "Thế giới hiện hữu" tương quan với nhau và có tính cách điều kiện. Chúng hiện hữu là do khuynh hướng của tâm phóng chiếu ra danh xưng và hình tướng.

H: Danh xưng và hình tướng chỉ là ý nghĩ và sự tin tưởng, mà không phải chân lý. Nếu không có ông thì có lẽ tôi đã chấp nhận tính tương đối của mọi vật – kể cả chân lý – và học cách sống bằng những giả định. Nhưng rồi tôi gặp ông và nghe ông nói về Cái Tuyệt Đối như thể trong tầm tay của tôi, và cũng là điều đáng mong ước cao thượng nhất. Những từ ngữ như an lạc, cực lạc, vĩnh cửu, bất tử thu hút sự chú ý của tôi, cũng như đem lại sự hứa hẹn tự do, thoát ra khỏi đau khổ và lo sợ. Bản năng bẩm sinh của tôi là tìm kiếm lạc thú, thế là sự tò mò được khơi dậy, và tôi bắt đầu khám phá cái cảnh giới mà ông đã mở ra. Tất cả đều có vẻ rất hấp dẫn và lẽ tự nhiên là tôi hỏi: Liệu có thể đạt được cảnh giới đó? Nó có thật không?

M: Ông như đứa trẻ bảo: Hãy chứng minh được rằng đường là ngọt thì lúc đó tôi mới chịu nếm. Bằng chứng của vị ngọt ở trong miệng chứ không ở trong đường. Muốn biết đường ngọt thì ông phải nếm, chẳng có cách nào khác. Dĩ nhiên, ông có thể bắt đầu bằng cách hỏi: Có phải đó là đường? Nó có ngọt không? Rồi ông chấp nhận sự cam đoan của Ta và nếm nó. Chỉ lúc đó mọi nghi hoặc của ông mới tan biến và cái biết của ông là trực tiếp và không thể lay chuyển được. Ta không yêu cầu ông hoàn toàn tin Ta. Chỉ cần khởi tín tâm và bắt đầu. Mỗi bước sẽ chứng minh hay bác bỏ chính nó. Ông có vẻ như muốn bằng chứng của sự thật trước khi có sự thật. Thế cái gì là bằng chứng của bằng chứng? Ông thấy không, ông đang rơi vào một sự thụt lùi. Muốn chấm dứt sự thụt lùi ông phải ngừng đòi hỏi bằng chứng; ông phải chấp nhận cái gì đó là sự thật, chỉ trong giây lát thôi. Không cần thiết nó phải là cái gì. Nó có thể là Thượng đế, hay Ta, hay chính cái Ta của ông. Trong mỗi trường hợp, ông chấp nhận một cái gì đó, hay một ai đó mà ông không biết – là sự thật. Bây giờ, nếu ông hành động theo sự thật mà

ông đã chấp nhận, dù chỉ trong giây lát, thì chẳng bao lâu ông sẽ chuyển sang bước kế tiếp. Cũng giống như leo cây trong bóng tối – ông chỉ có thể nắm lấy cành kế tiếp sau khi đã ngồi được trên cành trước đó. Trong khoa học, nó được gọi là giải pháp trắc nghiệm. Muốn chứng minh một lý thuyết ông phải tiến hành trắc nghiệm nó theo những chỉ dẫn được người đã trắc nghiệm trước ông để lại. Trong sự tìm kiếm tâm linh, chuỗi trắc nghiệm mà một người phải tiến hành được gọi là *Yoga*.

H: Có rất nhiều môn phái *Yoga*, biết chọn môn phái nào?

M: Dĩ nhiên, mỗi người giác ngộ sẽ chỉ con đường đưa đến sự chứng đắc của mình vì họ biết nó một cách thân thuộc nhất. Nhưng hầu hết rất linh động và điều chỉnh cho thích nghi với yêu cầu của người hỏi. Tất cả các con đường đều đưa ông đến với sự thanh tẩy tâm. Một cái tâm cấu nhiễm thì ngăn che chân lý, một cái tâm thanh tịnh thì trong suốt; chân lý có thể được nhìn thấy qua nó một cách dễ dàng vào rõ ràng.

H: Xin lỗi ông, hình như tôi không thể diễn tả sự khó khăn của tôi. Tôi hỏi về bằng chứng của chân lý, nhưng lại được chỉ dẫn các phương pháp để đạt đến chân lý. Giả sử như tôi theo các phương pháp đó và đạt được một trạng thái thật tuyệt vời và đáng mong ước nào đó, làm sao tôi biết được trạng thái của tôi là thật? Tôn giáo nào cũng bắt đầu với tín tâm và hứa hẹn một trạng thái cực lạc nào đó. Trạng thái cực lạc là thuộc về cái thật, hay chỉ là sản phẩm của đức tin? Vì nếu đó là một trạng thái được gây nên, thì tôi chẳng cần đến nó. Lấy trường hợp những người Thiên Chúa giáo, họ thường nói: Chúa Jesus là Đấng cứu thế của chúng ta, hãy tin tưởng và sẽ được cứu rỗi khỏi mọi tội lỗi. Khi tôi hỏi một tín đồ Thiên Chúa giáo tội lỗi vì sao anh ta không được cứu rỗi mặc dù hết lòng tin Đấng Christ, người này trả lời: "Đức tin của tôi chưa trọn vẹn." Một lần nữa chúng tôi lại rơi vào cái vòng lẩn quẩn – không có đức tin trọn vẹn – không có sự cứu rỗi; nếu không được cứu rỗi – không có đức tin trọn vẹn, do đó không có sự cứu rỗi. Các điều kiện đặt ra một cách bất khả thực hiện, và chúng tôi bị chê trách là đã không thực hiện chúng.

M: Ông không nhận ra rằng trạng thái thức hiện nay của ông là một bằng chứng của vô minh. Câu hỏi của ông về bằng chứng của chân lý khởi sinh từ sự vô minh về thực tại. Ông tiếp xúc với các trạng thái thuộc cảm giác và tâm trong ý thức tại điểm "Ta hiện hữu" còn thực tại thì không được biết đến, không được tiếp xúc, và không được chứng nghiệm. Ông xem tính nhị nguyên là đương nhiên đến nỗi ông không nhận ra nó; còn đối với Ta

tính nhiều và đa dạng không tạo ra sự phân biệt. Ông tưởng tượng thực tại đứng tách biệt khỏi danh xưng và hình tướng, trong khi đối với Ta danh xưng và hình tướng là những thể hiện thường xuyên thay đổi của thực tại, và không tách rời khỏi thực tại. Ông hỏi về bằng chứng của chân lý còn đối với Ta tất cả tồn tại đều là bằng chứng. Ông tách rời tồn tại ra khỏi hiện hữu, và hiện hữu ra khỏi thực tại, trong khi đối với Ta tất cả là một. Dù có tin tưởng trạng thái thức của ông là thật đến đâu, ông vẫn không thể cho nó là thường hằng và bất biến như Ta khi Ta nói về trạng thái của Ta. Nhưng Ta không thấy khác biệt nào giữa ông và Ta, chỉ có một điều là ông tưởng tượng ra sự vật, còn Ta thì không.

H: Trước tiên ông gạt tôi ra khỏi câu hỏi về chân lý, tiếp đến ông buộc tội tôi tưởng tượng! Cái tưởng tượng đối với ông lại là thật đối với tôi.

M: Ta chẳng buộc ông bất cứ tội gì cho đến khi nào ông tìm ra sự thật. Ta chỉ bảo ông đặt câu hỏi một cách khôn ngoan. Thay vì tìm kiếm bằng chứng của chân lý – cái mà ông không biết – thì hãy duyệt qua các bằng chứng ông có về những gì ông tin là ông biết. Ông sẽ nhận ra rằng ông chẳng biết gì một cách xác thực – mà chỉ tin vào những điều nghe nói. Muốn biết sự thật, ông phải trải qua bằng chính kinh nghiệm của ông.

H: Tôi cực kỳ ghê sợ *Samadhi* và những trạng thái xuất thần khác, dù nguyên nhân gây ra những trạng thái đó là gì. Một ly rượu, một hơi thuốc, một cơn sốt, một chút ma túy, hít thở, ca hát, lắc lư, nhảy múa, quay cuồng, cầu nguyện, tình dục hay nhịn ăn, trì chú hoặc những hình ảnh trừu tượng làm hoa mắt có thể đưa tôi ra khỏi trạng thái thức, và cho tôi một kinh nghiệm nào đó, rất phi thường bởi vì khác lạ. Nhưng khi nguyên nhân chấm dứt, hậu quả tan biến thì chỉ có ký ức còn lại, ám ảnh nhưng phai nhạt dần.

Hãy bỏ qua tất cả các phương tiện và kết quả của chúng, vì kết quả tùy thuộc vào phương tiện; hãy đặt câu hỏi theo một cách mới: liệu có thể tìm ra chân lý?

M: Nơi chỗ của chân lý ở đâu để ông đến đó tìm kiếm? Và làm sao ông biết là ông đã tìm ra chân lý? Ông đem theo cái gì làm tiêu chuẩn để xác quyết chân lý? Ông trở lại câu hỏi đầu tiên của ông: "Cái gì là bằng chứng của chân lý?" Chắc chắn là có cái gì không ổn với câu hỏi của ông, vì ông có khuynh hướng lập lại nó nhiều lần. Tại sao ông hỏi về các bằng chứng của chân lý? Thế không phải vì ông không trực tiếp biết chân lý và ông sợ là ông có thể bị lừa gạt? Ông tưởng tượng chân lý là một vật, có cái tên là

"chân lý" và nếu vật đó là đích thực thì sở đắc nó là một lợi thế. Do đó ông sợ bị lừa gạt. Ông đi khảo giá chân lý nhưng lại không tin người bán hàng. Ông sợ đồ mạo hóa và bắt chước.

H: Tôi không sợ bị người khác lừa gạt. Tôi sợ tôi lừa gạt chính tôi.

M: Nhưng ông đang tự lừa gạt chính ông bằng sự vô minh về những động cơ thực sự của ông. Ông đòi hỏi chân lý, nhưng thực ra ông chỉ tìm kiếm tiện nghi mà ông muốn kéo dài đến bất tận. Này ông, không có gì, không có trạng thái nào của tâm có thể kéo dài mãi mãi. Luôn luôn có một giới hạn trong thời gian và không gian, vì chính thời gian và không gian là hữu hạn. Còn trong cái vô thời thì từ ngữ "mãi mãi" hoàn toàn vô nghĩa. Tương tự với "bằng chứng của chân lý." Trong cảnh giới bất nhị, mọi thứ đều trọn vẹn, là bằng chứng của chính nó, là ý nghĩa và mục đích của chính nó. Khi tất cả là một thì chẳng có sự nương tựa nào là cần thiết. Ông tưởng tượng sự thường hằng là bằng chứng của chân lý, rằng cái gì tồn tại lâu hơn thì một cách nào đó thật hơn. Thời gian trở thành thước đo chân lý. Và, vì thời gian ở trong tâm, nên tâm trở thành người phán xét, và cũng là người tìm kiếm trong chính nó bằng chứng của chân lý – một công việc bất khả thi và vô hy vọng!

H: Thưa ông, nếu ông nói rằng: Không có gì là đúng thật, tất cả đều là tương đối thì tôi đồng ý với ông. Nhưng ông xác nhận rằng có chân lý, thực tại, cái biết toàn hảo, nên tôi mới hỏi: "Nó là cái gì, và làm sao ông biết?" Cái gì có thể khiến tôi nói rằng: "Đúng, *Maharaj* đã nói đúng?"

M: Ông vẫn khăng khăng đòi hỏi một bằng chứng, một sự xác nhận, một căn cứ. Ông vẫn tưởng tượng rằng chân lý cần phải được chỉ vào và bảo với ông: "Hãy nhìn, đây là chân lý." Hoàn toàn không phải thế. Chân lý không phải là một kết quả của một cố gắng, là chỗ chấm dứt của một con đường. Chân lý ở đây và ngay bây giờ, ngay trong sự khao khát và tìm kiếm nó. Nó gần gũi hơn cả tâm và thân, cận kề hơn cả ý thức "Ta hiện hữu." Ông không thấy được nó vì ông nhìn ra khỏi ông quá xa, ra ngoài sự hiện hữu tận cùng bên trong chính ông. Ông đã biến chân lý thành một cái gì đó bên ngoài, và khăng khăng đòi hỏi những tiêu chuẩn về bằng chứng và xét nghiệm, là những thứ chỉ áp dụng cho đồ vật và ý nghĩ.

H: Từ những gì ông nói tôi nhận ra rằng chân lý siêu vượt tôi và tôi không đủ tư cách để luận bàn về nó.

M: Không những ông đủ tư cách mà chính ông còn là chân lý. Chỉ có điều ông nhận lầm cái giả thành thật.

H: Ông có vẻ như nói rằng: Đừng đòi hỏi bằng chứng về chân lý. Chỉ cần quan tâm đến cái hư giả mà thôi.

M: Sự phát hiện ra chân lý ở ngay trong nhận thức rõ cái hư giả. Ông chỉ có thể biết cái không là. Còn cái là – thì ông chỉ có thể *là*. Sự biết liên quan đến cái được biết. Về một phương diện nó là đối ứng của vô minh. Nếu không có vô minh, thì cần gì phải có sự biết? Tự thân vô minh hay sự biết không có thực thể. Chúng chỉ là những trạng thái của tâm, mà tâm lại là sự xuất hiện của một sự động đậy trong ý thức, mà thể tánh của ý thức thì bất động.

H: Chân lý ở trong phạm trù của tâm hay ở ngoài?

M: Không phải cả hai mà là cả hai. Chân lý không thể được diễn tả bằng ngôn từ.

H: Đó là điều tôi luôn luôn nghe nói – bất khả diễn tả - *Anirvachaniya*. Nó chẳng làm tôi thông thái hơn.

M: Đúng là tâm thường che đậy sự vô minh hoàn toàn. Tâm chỉ có thể hoạt động với những điều kiện do chính nó tạo ra mà không thể vượt ra ngoài chính nó. Cái không phải là cảm giác hay tâm – nhưng nếu không có nó thì không thể có tâm hay cảm giác – thì không thể được bao gồm trong các điều kiện của tâm. Phải hiểu rằng tâm có những giới hạn của nó; muốn vượt ra ngoài tâm, ông phải bằng lòng với sự im lặng.

H: Liệu có thể cho rằng hành động là bằng chứng của chân lý? Dù không thể ngôn từ hóa được nhưng chân lý có thể được làm cho hiển hiện.

M: Chẳng phải hành động hay không hành động. Nó siêu vượt cả hai.

H: Liệu một người có thể nói: "Đúng, đây là sự thật"? Hay người đó hoàn toàn bị giới hạn trong sự phủ nhận cái hư giả? Nói một cách khác, liệu chân lý có phải là thuần phủ định? Hay, có một lúc nào đó nó có thể trở thành một khẳng định?

M: Chân lý không thể được mô tả, nhưng có thể được kinh nghiệm.

H: Kinh nghiệm thì chủ quan, và không thể được chia sẻ. Kinh nghiệm của ông chẳng đưa tôi đến đâu.

M: Chân lý có thể được kinh nghiệm, nhưng không phải là kinh nghiệm suông. Ta biết nó và Ta có thể truyền đạt nó, nhưng với điều kiện là ông phải sẵn sàng tiếp nhận. Sẵn sàng tiếp nhận có nghĩa là không mong cầu gì khác.

H: Trong tôi đầy những tham ái và lo sợ. Điều này có nghĩa tôi không đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận chân lý?

M: Chân lý không phải là một phần thưởng cho hạnh kiểm tốt, mà cũng không phải là một giải thưởng sau khi vượt qua một số những thử nghiệm. Chân lý không được tạo nên. Nó là nguyên thủy, là bất sinh, là nguồn gốc cổ đại của tất cả những gì hiện hữu. Ông có đầy đủ tiêu chuẩn vì ông *hiện hữu*. Ông không cần phải xứng đáng để được hưởng chân lý. Nó là của chính ông. Hãy chấm dứt bỏ chạy ra xa bằng sự chạy theo cái ông tìm kiếm. Đứng yên, và im lặng.

H: Thưa ông, nếu muốn thân bất động và tâm im lặng, xin chỉ cho tôi cách làm thế nào. Trong sự thấy biết chính mình tôi thấy thân và tâm chuyển động bởi những nguyên nhân ngoài sự kiểm soát của tôi. Tính di truyền và môi trường khống chế tôi hoàn toàn. Cái "Ta hiện hữu" quyền năng, kẻ sáng tạo vũ trụ, có thể bị loại trừ chỉ bằng một liều ma túy – trong nhất thời, hay một giọt thuốc độc – một cách vĩnh viễn.

M: Một lần nữa, ông lại tự đồng hóa với thân xác.

H: Cho dù tôi có phủ nhận thân xác bằng xương, thịt và máu huyết là tôi thì vẫn còn một cái thân vi tế của tư duy và cảm thọ, của ký ức và tưởng tượng. Nếu cũng phủ nhận cái thân vi tế này là tôi, thì tôi vẫn còn ý thức, cũng là một loại thân khác.

M: Ông nói rất đúng, nhưng đừng dừng lại ở đó. Hãy đi xa hơn nữa. Cả ý thức lẫn cái "Ta hiện hữu" ở trung tâm của ý thức đều không phải là ông. Sự hiện hữu chơn thật của ông là ý thức hoàn toàn vô ngã, hoàn toàn tự do không còn tất cả những đồng hóa chính nó với bất cứ gì có thể là thô, tế, hay siêu việt.

H: Tôi có thể tưởng tượng tôi vượt ra ngoài tất cả. Nhưng cái gì là bằng chứng mà tôi có thể có được? Để *là*, tôi phải là một ai đó.

M: Ngược lại thì mới đúng. Để *là*, ông không phải là ai cả. Nghĩ rằng ông là một cái gì đó, một ai đó là cái chết và địa ngục.

H: Tôi đọc sách và được biết ở Ai Cập cổ, người ta được kết nạp vào một số tổ chức huyền bí nào đó: Dưới ảnh hưởng của ma túy hoặc bùa phép, họ được đưa ra khỏi thân xác và trải qua tình trạng đứng ở ngoài nhìn thấy thân xác phủ phục của họ. Nghi thức này nhằm thuyết phục họ về tính cách có thật của sự tồn tại sau cái chết, và làm cho họ chỉ quan tâm sâu sắc với định mệnh tối hậu của chính mình, như thế sẽ có lợi cho nhà nước và giáo hội. Sự đồng hóa chính mình với con người là chủ của thân xác – vẫn còn đó.

M: Thân xác được tạo ra bởi thực phẩm, cũng như tâm do ý nghĩ tạo nên. Hãy thấy chúng như chúng là. Không đồng hóa – một cách tự nhiên và tự sinh khởi – là giải thoát. Ông không cần biết cái ông là. Chỉ cần biết cái không phải là, là đủ. Ông không bao giờ biết được cái ông là, vì mỗi một khám phá lại hé mở ra những cảnh giới mới để chinh phục. Cái không biết thì vô biên.

H: Điều này có nghĩa vô minh là vĩnh viễn?

M: Nó có nghĩa là vô minh không hề có. Chân lý ở trong sự khám phá, chứ không ở trong cái được khám phá. Và để khám phá thì không có sự bắt đầu và cũng không có sự chấm dứt. Hãy đặt câu hỏi về những cái hữu hạn, vượt ra ngoài; hãy giao cho mình những công việc rõ ràng là bất khả thực hiện – đó là Đạo.

***

75. Trong an lạc và im lặng ông trưởng thành

Hỏi: Truyền thống của Ấn Độ cho chúng tôi thấy vai trò của Đạo sư là tất yếu. Đạo sư là tất yếu cho mục đích gì? Bà mẹ là tất yếu để cho đứa trẻ một thân xác, nhưng không thể cho nó linh hồn. Vai trò của người mẹ thì giới hạn. Thế còn với Đạo sư? Liệu vai trò của Đạo sư cũng giới hạn, và nếu giới hạn thì giới hạn đối với cái gì? Hay là Đạo sư là tất yếu một cách toàn diện, và thậm chí là tuyệt đối?

Maharaj: Ánh sáng trong tận cùng sâu thẳm, chiếu sáng một cách an lạc và vô thời trong tim là Đạo sư đích thực. Tất cả Đạo sư khác đều là người chỉ đường.

H: Tôi không quan tâm về Đạo sư bên trong, mà về người chỉ đường. Có rất nhiều người tin rằng nếu không có Đạo sư thì không thể nào tiếp cận với *Yoga*. Họ luôn luôn đi tìm một Đạo sư đích thực, lựa chọn hết người này đến người khác. Những Đạo sư như thế có giá trị gì?

M: Họ đều là những Đạo sư giai đoạn và tùy thuộc thời gian. Ông gặp những Đạo sư như thế trong mọi tầng lớp của cuộc đời. Ông cần đến họ để mong đạt được một kiến thức hay kỹ năng nào đó.

H: Người mẹ chỉ tồn tại trong một kiếp sống, bà bắt đầu khi sinh và chấm dứt khi tử. Bà không thể tồn tại mãi.

M: Tương tự như thế, Đạo sư tùy thuộc thời gian cũng không tồn tại mãi. Sau khi hoàn thành mục đích vị Đạo sư nhường chỗ cho người kế tiếp. Đó là chuyện tự nhiên và chẳng có gì đáng chê trách.

H: Tôi có cần một đạo sư riêng biệt cho từng loại kiến thức và kỹ năng riêng khác không?

M: Không hề có một quy luật nào cho những vấn đề như thế này, ngoại trừ một điều: "Cái bên ngoài thì vô thường, cái tận cùng bên trong thì thường hằng bất biến" mặc dù nó luôn luôn mới trong sự xuất hiện và hành động.

H: Quan hệ giữa Đạo sư bên ngoài và Đạo sư bên trong là gì?

M: Đạo sư bên ngoài tiêu biểu cho Đạo sư bên trong, Đạo sư bên trong chấp nhận Đạo sư bên ngoài – trong một lúc nào đó.

H: Vậy nỗ lực là của ai?

M: Dĩ nhiên là của người môn đồ. Đạo sư bên ngoài chỉ giáo, Đạo sư bên trong truyền sức mạnh; sự áp dụng tỉnh thức là thuộc về người môn đồ. Nếu không có ý chí, trí tuệ và công sức của người môn đồ thì vị Đạo sư bên ngoài hoàn toàn vô phương. Mà Đạo sư bên trong cũng chẳng làm gì được. Sự si mê và những theo đuổi sai lầm gây nên khủng hoảng và người môn đồ tỉnh ngộ trước cảnh ngộ đau đớn của chính mình. Người khôn ngoan thì không đợi đến khi bị một cú sốc, có thể là rất phũ phàng.

H: Liệu đó có phải là một sự răn đe?

M: Không phải răn đe, mà là một sự báo trước. Vị Đạo sư bên trong không hề cam kết phi bạo lực. Có nhiều khi vị Đạo sư bên trong rất tàn nhẫn trong sự tận diệt tính cách con người đầy u mê và lầm lạc. Đau khổ và cái chết, cũng như sự sống và hạnh phúc là những công cụ hành động của Đạo sư bên trong. Chỉ trong nhị nguyên, phi bạo lực mới trở thành quy luật thống nhất.

H: Một người có phải sợ hãi cái Ta của chính mình?

M: Chẳng có gì phải sợ, vì cái Ta có nghĩa là tốt lành. Nhưng chớ xem thường cái Ta. Nó đòi hỏi sự chú ý và tuân hành. Khi không được nghe theo, nó sẽ chuyển từ thuyết phục sang cưỡng bách, vì nó có thể chờ đợi nhưng không thể bị khước từ. Sự khó khăn không có đối với Đạo sư – dù bên ngoài hay bên trong. Đạo sư lúc nào cũng sẵn sàng, môn đồ chín chắn thì không có. Khi một người không sẵn sàng thì có thể làm được gì?

H: Sẵn sàng hay quyết tâm?

M: Cả hai. Nói chung thì cũng như nhau. Ở Ấn Độ người ta gọi là *Adhikari*, có nghĩa là vừa có khả năng và vừa có quyền.

H: Liệu Đạo sư bên ngoài có thể khai tâm – *Diksha* – cho môn đồ?

M: Đạo sư bên ngoài có thể có nhiều cách khai tâm, nhưng khai tâm vào Thực tại thì phải từ bên trong.

H: Ai ban cho sự khai tâm tối hậu?

M: Khai tâm tối hậu là tự ban cho.

H: Tôi có cảm tưởng là chúng ta chạy lòng vòng. Xét cho cùng, tôi chỉ biết một cái Ta – cái Ta hiện tại và có thể kinh nghiệm được. Cái Ta bên trong hay cái Ta siêu việt chỉ là một ý tưởng được nhận thức để giải thích và khuyến khích. Chúng ta nói về cái Ta đó như thể là nó có sự tồn tại độc lập. Nhưng nó không có.

M: Cả cái Ta bên ngoài lẫn cái Ta bên trong đều được tưởng tượng ra. Sự ám ảnh là một cái "ta" cần một sự ám ảnh về một cái "Ta Siêu Việt" để chữa trị, cũng như một người dùng gai để lể gai, dùng thuốc độc để giải thuốc độc. Tất cả mọi khẳng định đều phải cần đến một sự phủ định, nhưng đây mới chỉ là bước đầu tiên. Bước kế tiếp là vượt ra ngoài cả hai.

H: Tôi hiểu rõ rằng Đạo sư bên ngoài là cần thiết để kêu gọi sự chú ý của tôi về chính tôi, và sự cấp bách phải làm một cái gì đó cho chính tôi. Tôi cũng hiểu được là Đạo sư bên ngoài khó có thể tạo ra được sự thay đổi sâu kín trong tôi. Nhưng ở đây ông đề cập đến *Sadguru* – vị Đạo sư bên trong – tiên nguyên, bất biến, cội nguồn của hiện hữu, một sự hứa hẹn thường hằng, một mục tiêu chắc chắn. Nhưng liệu Đạo sư bên trong chỉ là một quan niệm hay là một thực tại?

M: Đạo sư bên trong là thực tại duy nhất. Tất cả những cái khác chỉ là cái bóng của thân tâm – *Dehabuddhi* – để lại trên bề mặt của thời gian. Dĩ nhiên, ngay cả một cái bóng cũng liên quan đến thực tại, nhưng tự thân cái bóng thì không thật.

H: Tôi là thực tại duy nhất mà tôi biết. Đạo sư bên trong còn đó chừng nào tôi còn nghĩ đến ông ta. Tôi được cái gì khi đổi thực tại để lấy ông ta?

M: Cái ông mất lại là cái ông được. Khi cái bóng được thấy chỉ là một cái bóng thì ông chấm dứt đi theo nó. Ông quay lại và khám phá ra mặt trời vẫn luôn luôn hằng hữu – đằng sau ông.

H: Đạo sư bên trong cũng chỉ giáo?

M: Đạo sư bên trong ban cho ông sự tin tưởng rằng ông là vĩnh cửu, là bất biến, là thực tại – ý thức – tình yêu, ở trong và ngoài tất cả mọi hình tướng.

H: Một sự tin tưởng vẫn chưa đủ. Cần phải có bằng chứng chắc chắn.

M: Đúng thế. Trong trường hợp này bằng chứng chắc chắn thể hiện qua lòng can đảm. Sợ hãi hoàn toàn chấm dứt. Trạng thái vô úy này mới lạ một cách không thể lầm lẫn được, nhưng được cảm nhận là của chính mình, và trạng thái này không thể bị phủ nhận. Cũng như lòng yêu thương đứa con của chính mình. Làm sao có thể nghi hoặc được?

H: Chúng tôi có nghe nói về sự tiến bộ trong các tinh tấn về tâm linh. Theo ông sự tiến bộ đó là gì?

M: Khi vượt ra ngoài tiến bộ, ông sẽ biết tiến bộ là gì.

H: Cái gì làm cho chúng tôi tiến bộ?

M: Im lặng là yếu tố chính. Trong an lạc và im lặng ông trưởng thành.

H: Tâm hoàn toàn bất an. Làm thế nào để giữ tâm im lặng?

M: Hãy tin tưởng Đạo sư. Chẳng hạn như trường hợp của Ta. Tôn sư bảo Ta chỉ chú ý đến ý thức "Ta hiện hữu" và đừng để ý đến bất cứ gì khác. Ta chỉ việc làm theo. Ta không hề trải qua một khóa huấn luyện chuyên biệt nào về hít thở, hay thiền quán, hoặc tham cứu kinh điển. Bất cứ gì xảy ra, Ta không hướng sự chú ý đến nó mà an trú với ý thức "Ta hiện hữu." Điều này có vẻ quá đơn giản, thậm chí còn thô thiển nữa. Lý do duy nhất mà Ta làm như vậy là Tôn sư bảo Ta làm như vậy. Và nó đã đem lại kết quả! Sự tuân hành là dung môi mạnh nhất hòa tan mọi tham ái và lo sợ.

Đừng để ý đến bất cứ gì làm cho tâm bận rộn; cứ làm bất cứ công việc gì ông phải hoàn tất, nhưng đừng nhận thêm nghĩa vụ nào mới; đặt ông trong trạng thái rỗng rang, luôn luôn sẵn sàng, và đừng chống lại những gì không mời mà đến.

Cuối cùng ông đạt đến một trạng thái vô chấp thủ, an vui không ràng buộc của sự thanh thản nội tâm và tự do không thể mô tả được, nhưng chơn thật một các lạ thường.

H: Khi một người đi tìm chân lý thành khẩn thực hành các pháp môn *Yoga*, liệu Đạo sư bên trong có hướng dẫn và trợ giúp, hay cứ mặc kệ người đó, rồi chờ kết quả?

M: Tất cả đều tự xảy ra. Người tìm kiếm cũng như Đạo sư chẳng làm gì cả. Mọi chuyện xảy ra như chúng xảy ra; chê hay khen sẽ được tính sau, sau khi ý thức và người làm xuất hiện.

H: Lạ nhỉ! Hiển nhiên là người làm phải có trước hành động.

M: Ngược lại thì mới đúng; hành động là một thực tế, người làm chỉ là một khái niệm. Ngay chính ngôn ngữ của ông cũng cho thấy rằng hành động thì chắc chắn còn người hành động thì mơ hồ; thay đổi trách nhiệm là

một trò chơi đặc thù của con người. Cứ xem xét danh sách bất tận của các yếu tố ắt có cho bất cứ gì xảy ra, một người phải công nhận rằng mọi vật có trách nhiệm đối với mọi vật, dù xa cách đến đâu. Người làm là một sự tưởng tượng phát sinh từ ảo tưởng về "ta" và "cái của ta."

H: Ảo tưởng mạnh đến thế sao?

M: Dĩ nhiên, vì nó dựa vào thực tại.

H: Cái gì là thật trong nó?

M: Hãy tìm ra, bằng cách loại trừ và bác bỏ những gì không thật.

H: Tôi vẫn chưa hiểu rõ vai trò của cái Ta bên trong trong sự tinh tấn tâm linh. Ai tinh tấn? Cái Ta bên ngoài hay bên trong?

M: Ông vừa phát minh ra những từ ngữ như tinh tấn, bên ngoài, bên trong, cái Ta, vân vân rồi tìm cách áp đặt chúng lên thực tại. Mọi chuyện chỉ tình cờ xảy ra như chúng là, nhưng chúng ta muốn khép nó vào một mô thức được tạo nên bằng cơ cấu của ngôn từ. Thói quen này mãnh liệt đến nỗi chúng ta có khuynh hướng phủ nhận rằng thực tại thì không thể được ngôn từ hóa. Chúng ta không chịu thấy rằng ngôn từ chỉ là những biểu tượng, có liên quan với nhau bởi quy ước và được các kinh nghiệm lập lại thành thói quen.

H: Kinh sách tâm linh có giá trị gì?

M: Chúng trợ giúp trong sự xua đuổi vô minh. Chúng hữu ích vào lúc đầu nhưng lại là chướng ngại vào lúc cuối. Một người phải biết lúc nào quăng bỏ chúng.

H: Sự liên kết giữa cái Ta và sự hài hòa vũ trụ – *Atama* và *Sattava* – là gì?

M: Cũng như mặt trời và ánh nắng. Hài hòa và đẹp đẽ, hiểu biết và xúc cảm đều là những thể hiện của thực tại. Nó chính là thực tại trong hành động, ảnh hưởng của tinh thần lên vật chất. Tamas ngăn trở, Rajas xuyên tạc, Sattva làm cho hòa hợp. Với sự chín mùi của Sattva mọi tham ái và lo sợ chấm dứt; sự hiện hữu chơn thật phản chiếu trong tâm mà không bị méo mó. Vật chất được hồi phục thì tinh thần hiển lộ. Cả hai được thấy như là một. Chúng luôn luôn là một, nhưng cái tâm không toàn hảo thấy thành hai. Làm cho tâm toàn hảo là công việc của con người, vì vật chất và tinh thần gặp nhau trong tâm.

H: Tôi có cảm tưởng như đứng trước một cánh cửa. Tôi biết cánh cửa mở nhưng bị bầy chó tham ái và lo sợ canh giữ. Tôi phải làm gì?

M: Làm theo sự chỉ dẫn của Đạo sư và đừng sợ bầy chó. Cứ xem như chúng không có. Một lần nữa, tuân hành là quy luật bất biến. Tự do đạt được bằng sự tuân hành. Muốn thoát khỏi nhà tù, một người pải tuyệt đối làm theo chỉ thị của những người đang tìm cách cứu mình ra.

H: Lời dạy của Đạo sư nếu chỉ nghe suông thì chẳng có bao nhiêu công lực. Một người cần phải tin tưởng để làm theo. Cái gì tạo ra sự tin tưởng như thế?

M: Sự tin tưởng sẽ đến vào đúng thời điểm. Tất cả mọi thứ sẽ đến với thời gian. Đạo sư sẵn sàng chia sẻ, nhưng không có người nhận.

H: Đúng thế, *Sri Ramana Maharshi* vẫn thường nói: Đạo sư thì rất nhiều nhưng môn đồ ở đâu?

M: Theo giòng thời gian mọi chuyện xảy ra. Tất cả sẽ vượt qua, không một linh hồn – *Jiva* – nào bị thất lạc.

H: Tôi rất sợ nhận lầm cái hiểu tri thức với giác ngộ. Tôi có thể nói về chân lý mà không hề biết chân lý, và cũng có thể tôi biết chân lý mà không một lời nào được nói ra.

Tôi hiểu rằng những cuộc đàm luận như thế này sẽ được in thành sách và xuất bản. Ảnh hưởng của nó đối với người đọc sẽ như thế nào?

M: Những cuộc đàm luận như thế này sẽ chín mùi, nở hoa và kết trái trong người đọc nào chú tâm và biết suy gẫm. Lời lẽ dựa trên chân lý – đã trải qua thử thách – có sức mạnh riêng của nó.

***

76. Biết mình không biết, chính là cái biết thật

Maharaj: Có thân xác. Bên trong thân xác có vẻ có một người quan sát, và bên ngoài thân xác là một thế giới bị quan sát. Người quan sát, sự quan sát và thế giới bị quan sát – cùng xuất hiện và cùng biến mất. Bên ngoài tất cả là không. Cái không này là một cho tất cả.

Hỏi: Những gì ông nói thì có vẻ đơng giản, nhưng không phải ai cũng nói như thế. Chỉ có ông, và một mình ông là người nói đến bộ ba và cái không - ở bên ngoài. Tôi chỉ thấy có thế giới, và thế giới đó bao gồm tất cả.

M: Ngay cả cái "Ta hiện hữu"?

H: Phải, ngay cả cái "Ta hiện hữu." "Ta hiện hữu" vì có thế giới.

M: Và có thế giới vì có "Ta hiện hữu."

H: Đúng, đó là một diễn tiến hai chiều. Tôi không thể tách rời hai cái, mà cũng không thể vượt ra ngoài. Tôi không thể nói một cái gì đó là nếu tôi không kinh nghiệm nó, cũng như tôi không thể nói một cái gì đó không là

bởi vì tôi không kinh nghiệm nó. Cái ông kinh nghiệm là gì khiến ông có thể nói một cách cả quyết như thế?

M: Ta biết chính Ta như Ta là – phi thời, phi xứ, phi nhân duyên. Ông không thể biết vì ông mải mê với những thứ khác.

H: Vì sao tôi lại mải mê như thế?

M: Vì ông quan tâm.

H: Điều gì khiến tôi quan tâm?

M: Sợ hãi đau khổ, tham ái lạc thú. Lạc thú là sự chấm dứt của đau khổ và đau khổ là sự chấm dứt của hạnh phúc. Chúng thay phiên nhau trong một chuỗi diễn tiến bất tận. Hãy tìm hiểu cái vòng lẩn quẩn ấy cho đến khi nào ông thấy mình ở ngoài nó.

H: Thế không phải tôi cần đến ân đức của ông để đem tôi ra ngoài?

M: Ân đức của Thực tại bên trong của chính ông lúc nào cũng ở với ông. Chính sự cầu khẩn ân đức là một dấu hiệu của nó. Đừng lo lắng về ân đức của Ta, mà cứ làm những gì Ta bảo. Việc làm của ông là bằng chứng của lòng thành khẩn, chứ không phải là sự mong cầu ân đức.

H: Tôi phải thành khẩn về cái gì?

M: Chuyên chú tìm hiểu bất cứ gì ngang qua phạm vi chú ý của ông. Cùng với sự thực hành, phạm vi sẽ rộng dần, sự tìm hiểu sẽ sâu sắc hơn cho đến khi cả hai tự sinh khởi và không còn giới hạn.

H: Ông không cho rằng giác ngộ là kết quả của sự thực hành đấy chứ? Sự thực hành chỉ có tác dụng trong nội vi giới hạn của sự tồn tại vật lý. Làm sao nó có thể tạo ra cái vô hạn?

M: Dĩ nhiên, chẳng có liên hệ nhân quả nào giữa thực hành và trí tuệ. Nhưng sự thực hành có tác động sâu sắc đến các chướng ngại ngăn che trí tuệ.

H: Những chướng ngại đó là gì?

M: Tà kiến và tham ái đưa đến những hành động sai lầm làm cho thân tâm hư hao suy yếu. Sự phát hiện và từ bỏ cái hư giả sẽ tháo gỡ các chướng ngại ngăn trở cái thật đi vào tâm.

H: Tôi có thể phân biệt hai trạng thái của tâm: "Ta hiện hữu" và "Thế giới hiện hữu," chúng cùng nổi lên và chìm xuống. Ai cũng nói: "Ta hiện hữu" vì "Thế giới hiện hữu." Còn ông có vẻ như nói rằng: "Thế giới hiện hữu vì Ta hiện hữu." Vậy lập luận nào đúng?

M: Chẳng có cái nào đúng. Hai cái là một và là cùng một trạng thái trong không gian và thời gian. Bên ngoài cả hai là cái vô thời.

H: Cái gì nối kết thời gian và cái vô thời?

M: Cái vô thời biết thời gian, thời gian không biết cái vô thời. Tất cả ý thức đều ở trong thời gian và đối với nó cái vô thời có vẻ như vô thức. Nhưng chính nó là cái làm cho ý thức khả hữu. Ánh sáng sáng trong bóng tối. Trong ánh sáng thì bóng tối không thấy được. Hay, nói theo cách khác: Trong đại dương bao la của ánh sáng những đám mây ý thức xuất hiện – đen tối và hữu hạn, được nhận thức qua sự tương phản. Đó chỉ là những cố gắng nhằm diễn tả bằng ngôn từ một cái gì đó rất đơn giản, nhưng hoàn toàn không thể diễn tả.

H: Ngôn từ có thể là cây cầu để vượt qua.

M: Ngôn từ có thể nói về một trạng thái của tâm, nhưng không thể dùng cho thực tại. Giòng sông, hai bờ sông, cây cầu bắc ngang – tất cả đều ở trong tâm. Chỉ riêng ngôn từ không thể đưa ông ra ngoài tâm. Cần phải có một lòng khao khát chân lý vô biên, hay sự tin tưởng tuyệt đối vào Đạo sư. Cứ tin Ta đi, chẳng hề có mục đích và chẳng có con đường nào đưa đến mục đích. Ông chính là con đường và cũng là mục đích; chẳng có gì để đạt đến, ngoại trừ chính ông. Tất cả những gì ông cần là hiểu, và hiểu là sự nở hoa của tâm. Cây tồn tại quanh năm, nhưng hoa nở và kết trái chỉ có mùa. Mùa thay đổi nhưng cây thì không. Ông là cây. Ông đã mọc ra vô số cành và lá trong quá khứ và ông sẽ còn mọc ra cành, lá trong tương lai – nhưng ông vẫn thế. Cái mà ông phải biết không phải cái đã là, hay sẽ là, mà là cái đang *là*. Chính sự ham muốn của ông tạo ra vũ trụ. Biết thế giới là chính tạo vật của ông thì ông tự do.

H: Ông nói thế giới là một đứa trẻ của tình yêu. Khi nhìn thấy thế giới đầy những kinh hoàng, chiến tranh, trại tập trung, và những sự bóc lột vô nhân đạo, làm sao tôi có thể nhận nó là sự sáng tạo của chính tôi? Dù hữu hạn đến đâu, tôi đã không thể nào tạo ra một thế giới tàn nhẫn như thế.

M: Hãy tìm ra ai là người mà thế giới tàn nhẫn này xuất hiện với, thì ông sẽ biết tại sao nó có vẻ tàn nhẫn như thế. Các câu hỏi của ông là hoàn toàn chính đáng, nhưng không thể trả lời được trừ khi ông biết thế giới là của ai. Muốn tìm ra ý nghĩa của một cái gì đó, ông phải hỏi người tạo ra nó. Ta cho ông biết: Ông chính là người tạo ra cái thế giới mà trong đó ông sống – chỉ có ông mới có thể thay đổi nó, hay xóa bỏ nó.

H: Làm sao ông có thể nói được rằng tôi đã tạo ra thế giới? Tôi không biết điều đó.

M: Khi ông biết rõ chính ông thì không có gì trong thế giới mà ông không biết. Cho rằng ông là thân xác nên ông thấy thế giới là một tập hợp của nhiều vật chất. Khi biết được ông là trung tâm của ý thức thì thế giới xuất hiện như biển tâm. Khi ông biết chính ông là ông trong thực tại, thì ông biết thế giới là chính ông.

H: Những gì ông nói nghe rất hoa mỹ nhưng không trả lời câu hỏi của tôi. Tại sao thế giới lại có quá nhiều đau khổ?

M: Nếu đứng riêng ra như một người quan sát thì ông không hề đau khổ. Ông sẽ thấy thế giới như một vở tuồng, một vở tuồng thú vị nhất.

H: Ồ, không! Tôi không thể nào chấp nhận cái lý thuyết *Lila* – vở tuồng – này. Sự đau khổ thì quá nhức nhối và ở khắp nơi. Thật là tàn nhẫn khi tiêu khiển bằng cách ngắm nhìn một cảnh tượng đau khổ! Ông mời chào tôi một Thượng đế quá tàn nhẫn!

M: Nguyên nhân của đau khổ ở trong sự đồng hóa người nhận thức với cái được nhận thức. Từ đó tham ái khởi sinh, và cùng đi với tham ái là hành động mù quáng, không cần biết hậu quả. Hãy nhìn xung quanh và ông sẽ thấy. Đau khổ là do con người tạo ra.

H: Nếu một người chỉ gây ra đau khổ cho riêng mình thì tôi đồng ý với ông. Nhưng hắn lại làm cho người khác đau khổ bằng sự dại dột của chính hắn. Một người nằm mơ thấy cơn ác mộng của riêng mình thì chẳng có ai đau khổ, ngoại trừ chính hắn. Nhưng giấc mơ tàn phá cuộc sống của người khác là giấc mơ gì?

M: Sự mô tả thì vô số và mâu thuẫn với nhau. Thực tại thì đơn giản – tất cả là một, hài hòa là quy luật vĩnh cửu; chẳng có ai bị bắt buộc phải đau khổ. Chính vì ông cố tìm cách mô tả và giải thích nên mới không đủ ngôn từ.

H: Tôi nhớ có lần *Gandhi* nói với tôi rằng cái Ta không bị ràng buộc bởi luật bất bạo hành – *Ahimsa*. Cái Ta hoàn toàn tự do áp đặt đau khổ lên những thể hiện của nó để chỉnh đốn chúng.

M: Trên bình diện nhị nguyên có thể là như thế, nhưng trong thực tại thì chỉ có một nguồn gốc, trong chính nó thì tối, nhưng làm cho tất cả chiếu sáng. Nó không thể được nhận thức nhưng tạo ra nhận thức. Nó không thể được cảm thọ nhưng tạo ra cảm thọ. Nó không thể nghĩ ra được nhưng nó tạo ra ý nghĩ. Nó phi hiện hữu nhưng khai sinh ra hiện hữu. Nó là hậu cảnh bất biến của mọi chuyển động. Một khi đến được chỗ đó thì ở đâu đối với ông cũng là ở nhà.

H: Nếu tôi là cái đó, thế cái gì làm cho tôi được sinh ra?

M: Ký ức của những ước muốn không được thỏa mãn trong quá khứ lưu giữ lại năng lượng, và thị hiện tự thân thành con người. Khi năng lượng tích tụ tiêu hao thì con người chết. Những ước muốn không được thỏa mãn được đem sang kiếp sau. Sự đồng hóa chính mình với thân xác luôn luôn tạo ra những tham ái mới và không có cách nào chấm dứt, trừ khi cái cơ cấu của sự ràng buộc này được thấy một cách rõ ràng. Ta không nói rằng cùng một con người tái sinh. Con người đó chết đi và chết đi vĩnh viễn. Nhưng ký ức của nó – vẫn còn cùng với tham ái và lo sợ - cung cấp năng lượng cho một con người mới. Cái thật không tham dự vào tiến trình này, nhưng làm cho nó khả hữu bằng cách cho nó ánh sáng.

H: Điều khó khăn đối với tôi như sau: Tôi có thể thấy mỗi kinh nghiệm là thực tại của riêng nó. Kinh nghiệm có đó – và được kinh nghiệm. Ngay khi tôi chất vấn nó và đặt câu hỏi nó xảy ra với ai, ai là người quan sát, vân vân, thì kinh nghiệm trôi qua, và tất cả những gì tôi có thể tìm hiểu chỉ là ký ức về nó. Tôi không thể tìm hiểu cái khoảnh khắc sống động – cái *bây giờ*. Sự thấy biết của tôi là của quá khứ, chứ không thuộc về hiện tại. Khi tôi biết, tôi không thực sự sống trong cái *bây giờ* mà chỉ trong quá khứ. Liệu có thể có cái biết thực sự của hiện tại?

M: Điều mà ông mô tả hoàn toàn không phải là biết, mà chỉ là tư duy về kinh nghiệm. Cái biết chơn thật – Samvid – là trạng thái nhân chứng thuần túy, mà không hề có cố gắng nào để làm bất cứ gì về sự kiện được chứng kiến. Ý nghĩ và cảm thọ, ngôn từ và hành động của ông có thể là một phần của sự kiện xảy ra; ông quan sát tất cả mà không động tâm, với đầy đủ ánh sáng của sự minh mẫn và hiểu. Ông hiểu chính xác chuyện gì đang xảy ra, vì nó không tác động đến ông. Điều này có vẻ như là một trạng thái thờ ơ lạnh nhạt, nhưng thật ra không phải thế. Một khi đã ở trong trạng thái này thì ông yêu thích những gì ông thấy, dù bản chất của sự kiện xảy ra là gì. Tình yêu không lựa chọn này là tiêu chuẩn của tánh biết. Nếu không có nó thì ông đơn thuần chỉ quan tâm – vì những lý do cá nhân nào đó.

H: Bao giờ còn có đau khổ và lạc thú thì một người không thể nào không quan tâm.

M: Bao giờ một người còn ý thức thì còn đau khổ và lạc thú. Ông không thể chống lại đau khổ và lạc thú trên bình diện của ý thức. Muốn thoát ra khỏi đau khổ và lạc thú ông phải vượt ra khỏi ý thức, và điều này chỉ có thể xảy ra khi ông nhìn ý thức như một cái gì đó xảy đến đối với ông chứ

không phải trong ông, như một cái gì đó bên ngoài, xa lạ, khoác lên ông. Rồi hốt nhiên ông tự do không còn ý thức, hoàn toàn một mình, không có gì xâm nhập. Đó chính là trạng thái đích thực của ông. Ý thức là một loại ban ngứa khiến ông phải gãi. Dĩ nhiên, ông không thể bước ra ngoài ý thức vì ngay chính ý nghĩ bước ra khỏi ý thức lại ở trong ý thức. Nhưng nếu ông biết cách nhìn ý thức của chính ông như một sự bực bội – cá nhân và riêng tư – và ông bị vây hãm trong đó như một con gà con trong vỏ. Từ thái độ này sẽ phát sinh một cơn khủng hoảng và chính cơn khủng hoảng sẽ phá vỡ vỏ trứng.

H: Đức Phật nói đời là bể khổ.

M: Chắc chắn ngài đã có ý muốn nói rằng mọi ý thức đều đau khổ, và đó là điều hiển nhiên.

H: Thế chết hứa hẹn sự giải thoát?

M: Người nào tin mình đã được sinh ra thì rất sợ chết. Trái lại, người nào thực sự biết mình thì chết là một điều vui mừng.

H: Truyền thống Ấn giáo cho rằng đau khổ là do định mệnh đưa đến và định mệnh thì có tính cách thưởng phạt. Cứ nhìn không biết bao nhiêu tai họa, do thiên nhiên hay con người tạo ra, lụt lội và động đất, chiến tranh và cách mạng – liệu có thể nghĩ rằng mỗi người chịu đau khổ vì tội lỗi của riêng mình, mà chính mình có khi không biết là tội lỗi? Liệu hàng triệu người đau khổ, có phải vì họ là những tên tội phạm bị trừng phạt đích đáng?

M: Có phải một người chỉ đau khổ vì những tội lỗi của chính mình? Chúng ta có thực sự khác biệt? Trong đại dương bao la của đời sống chúng ta đau khổ vì tội lỗi của người khác, và làm cho người khác đau khổ vì tội lỗi của chính mình. Dĩ nhiên luật công bằng có hiệu lực tối hậu, và sau cùng thì mọi nợ nần đều được thanh toán song phẳng. Nhưng trong khi còn sống, chúng ta ảnh hưởng lẫn nhau rất sâu sắc.

H: Đúng thế, một nhà thơ đã nói: "Không có ai là một hòn đảo."

M: Ở phía sau mỗi một kinh nghiệm là cái Ta và sự mong muốn kinh nghiệm của nó. Có thể gọi đó là ước muốn, gọi đó là tình yêu – ngôn từ thì chẳng quan trọng.

H: Có thể nào tôi mong muốn đau khổ? Có thể nào tôi đòi hỏi đau đớn một cách có tính toán? Không phải tôi như một kẻ dọn một chiếc giường thật êm ái với hy vọng được một giấc ngủ ngon, nhưng bị một cơn ác mộng

ghé thăm, thế là hắn lăn lộn và la hét trong mơ? Chắc chắn không phải tình yêu đã đẻ ra ác mộng.

M: Tất cả đau khổ được gây ra bởi sự cô lập và ích kỷ, bởi thái độ hẹp hòi và tham lam. Khi nguyên nhân được nhận ra và tháo gỡ thì đau khổ không còn.

H: Tôi có thể tháo gỡ những nguyên nhân gây ra đau khổ của tôi, nhưng người khác vẫn bị phó mặc với đau khổ.

M: Để hiểu được đau khổ, ông phải vượt ra ngoài đau khổ và lạc thú. Chính những tham ái và lo sợ của ông ngăn che cái hiểu của ông, và do đó ông không thể giúp người khác. Trong thực tế, không hề có người khác, giúp chính ông chính là giúp mọi người. Nếu thực sự nghiêm túc về những đau khổ của nhân loại, ông phải hoàn chỉnh phương tiện giúp ích duy nhất mà ông có – chính ông.

H: Ông vẫn tiếp tục nói rằng tôi là người sáng tạo, người giữ gìn và người hủy diệt thế giới, có mặt khắp nơi, thông suốt mọi sự, và quyền năng tuyệt đối. Khi suy nghĩ về những gì ông nói, tôi tự hỏi: "Tại sao trong thế giới của tôi lại có nhiều xấu xa đến thế?"

M: Không hề có xấu xa, không hề có đau khổ; niềm vui của sự sống là tối cao. Cứ nhìn xem, tất cả đều đeo bám lấy sự sống như thế nào, sự tồn tại thật quý giá làm sao.

H: Trên màn ảnh của tâm, các hình ảnh tiếp nối nhau trong một chuỗi diễn tiến bất tận. Chẳng có gì thường hằng về tôi cả.

M: Hãy nhìn kỹ ông một lần nữa xem. Màn ảnh có đó – nó không hề thay đổi. Ánh sáng vẫn chiếu đều đặn. Chỉ có cuốn phim ở giữa tiếp tục chuyển động và làm cho hình ảnh xuất hiện. Ông có thể gọi cuốn phim là định mệnh – *Prarabdha*.

H: Cái gì tạo ra định mệnh?

M: Vô minh là nguyên nhân của cái bất khả tránh.

H: Vô minh về cái gì?

M: Vô minh về trước ông là trước tiên. Ngoài ra, ông còn vô minh về bản chất chơn thật của mọi vật, cùng những nguyên nhân và hậu quả của chúng. Ông nhìn xung quanh mà không hề hiểu biết, ông nhận hiện tướng làm thực tại. Ông tin rằng ông biết thế giới và chính ông – nhưng chính sự vô minh của ông khiến ông nói: Ta biết. Hãy bắt đầu với sự nhìn nhận rằng ông không biết, và khởi sự từ đó.

Không gì có thể giúp ích cho thế giới hơn là điều ông chấm dứt vô minh. Lúc đó, ông sẽ chẳng cần làm bất cứ gì đặc biệt để cứu giúp thế giới. Chính sự hiện hữu của ông là cứu giúp, dù ông có hành động hay không.

H: Làm sao có thể biết được vô minh? Để biết được vô minh thì trước tiên phải biết.

M: Đúng thế. Chính sự nhìn nhận "Ta vô minh" là sự khởi đầu của biết. Một người vô minh thì vô minh về sự vô minh của mình. Ông có thể nói rằng vô minh không tồn tại, vì ngay khi được nhận diện vô minh liền biến mất. Do đó, ông có thể gọi nó là vô thức hoặc sự mù quáng. Tất cả những gì ông thấy quanh ông và trong ông là những gì ông không biết và không hiểu, nhưng ông không biết rằng ông không biết và không hiểu. Biết được ông không biết và không hiểu là cái biết đúng thật, cái biết của một tấm lòng khiêm tốn.

H: Đúng, Đấng *Christ* đã nói: Phước thay cho những kẻ nghèo nàn trong ý nghĩ…

M: Ông muốn nói thế nào cũng được; thực tế thì cái biết là thuộc về vô minh. Ông biết rằng ông không biết.

H: Có bao giờ vô minh chấm dứt?

M: Có gì sai với không biết? Ông không cần biết tất cả. Biết cái ông cần biết là đủ. Những gì còn lại sẽ tự lo liệu lấy mà chẳng cần ông biết vì sao. Điều quan trọng là vô thức của ông không làm gì ngược lại với ý thức, và có sự hợp nhất ở tất cả các bình diện. Biết thì không quá quan trọng đến như thế.

H: Những gì ông nói rất đúng về tâm lý, nhưng khi cần biết người khác, cần biết thế giới, thì biết được rằng tôi không biết – chẳng giúp ích gì nhiều.

M: Một khi ông hợp nhất được bên trong, cái biết bên ngoài đến với ông một cách tự sinh khởi. Vào mỗi khoảnh khắc trong cuộc sống, ông biết cái ông cần biết. Đại dương bao la của tâm vũ trụ chứa đựng tất cả cái biết; tất cả là của ông khi ông cần. Có thể là hầu hết những cái biết đó ông chẳng bao giờ cần biết – nhưng nó vẫn là của ông thì cũng thế.

Giống như cái biết, quyền năng cũng vậy.

Bất cứ gì ông cảm thấy cần làm đều chắc chắn xảy ra. Chẳng có gì nghi hoặc là Thượng đế chăm lo cho sự điều hành vũ trụ, nhưng ngài vẫn vui mừng khi có sự trợ giúp. Khi ngài giúp vô vị kỷ và có trí tuệ, toàn thể quyền năng của vũ trụ thuộc về sự điều khiển của người đó.

H: Ngay cả quyền năng mù quáng của thiên nhiên?

M: Không hề có quyền năng mù quáng. Ý thức là quyền năng. Biết cái gì cần làm thì cái đó sẽ được làm. Chỉ cần tỉnh thức và im lặng. Một khi đã đến nơi và biết được bản chất chơn thật của ông, sự tồn tại của ông trở thành phước báu cho tất cả. Có thể ông không biết và thế giới cũng không biết, nhưng sự cứu giúp tỏa sáng. Có những người trên thế giới này làm nhiều điều tốt lành hơn những gì mà tất cả các chính khách và những người nhân đức gộp lại. Họ tỏa ra ánh sáng và sự an lạc mà không hề dụng tâm hoặc hay biết. Khi người khác nói với họ về những phép lạ họ đã làm thì chính họ cũng ngạc nhiên. Họ chẳng nhận gì là của riêng họ, họ không cảm thấy hãnh diện mà cũng không thèm khát tiếng tăm. Họ chỉ không thể mong cầu bất cứ gì cho chính họ, thậm chí họ cũng không hề vui mừng khi giúp người khác; biết được Thượng đế tốt lành thì họ an vui.

***

77. "Ta" và "Của Ta" là hư giả

Hỏi: Tôi rất ràng buộc với gia đình và những gì tôi có. Làm sao tôi có thể chiến thắng sự ràng buộc này?

Maharaj: Sự ràng buộc này sinh khởi cùng với ý thức "ta" và "của ta". Tìm ra ý nghĩa đích thực của những từ ngữ này thì bà sẽ thoát khỏi mọi ràng buộc. Bà có một cái tâm trải ra trong thời gian. Hết chuyện này đến chuyện khác xảy ra với bà và để lại ký ức. Chẳng có gì là không đúng với điều đó. Vấn đề chỉ phát sinh khi ký ức về những đau khổ và lạc thú trong quá khứ - là những gì thiết yếu đối với tất cả sự sống hữu cơ – tồn tại như một phản xạ chi phối thái độ. Phản xạ này có hình tướng là cái "ta" và sử dụng thân và tâm cho mục đích của nó – hiển nhiên là tìm kiếm lạc thú và trốn tránh đau khổ. Khi nhận ra cái "ta" như chính nó là – một mớ tham ái và lo sợ - và ý thức "của ta" bao gồm tất cả sự vật và con người cần thiết cho mục đích lánh khổ tìm vui, thì bà sẽ thấy được cái "ta" và cái "của ta" là những ý tưởng sai lầm, không có nền tảng trong thực tại. Được tạo ra bởi tâm, chúng cai trị kẻ đã tạo ra chúng chừng nào kẻ đó còn cho chúng là thật; nhưng khi bị chất vấn thì chúng biến mất.

Cái "ta" và cái "của ta" không có thực thể trong chính chúng, nên cần một sự chống đỡ mà chúng tìm được ở thân xác. Thân xác trở thành điểm viện dẫn của chúng. Khi nói về chồng "của tôi" và con "của tôi" bà muốn nói chồng của thân xác và con của thân xác. Hãy từ bỏ ý tưởng là thân xác và đối diện câu hỏi: "Ta là ai?" Ngay lập tức một diễn tiến sẽ xảy ra và đem

thực tại trở lại, hay đúng hơn là đem tâm đến với thực tại. Chỉ có điều là bà không được sợ hãi.

H: Tôi sợ cái gì?

M: Để thực tại hiện hữu thì những ý tưởng về "ta" và "của ta" phải ra đi. Chúng sẽ ra đi nếu bà để chúng đi. Lúc đó trạng thái tự nhiên bình thường của bà tái xuất hiện – trong trạng thái đó bà không phải thân mà cũng chẳng phải tâm, không phải "ta" mà cũng chẳng phải "của ta" – bà ở trong một trạng thái hiện hữu hoàn toàn khác. Đó là trạng thái biết thuần túy về sự hiện hữu, mà không phải là cái này hay cái kia, không có sự nhận diện cái Ta với bất cứ gì riêng biệt, hay chung nhất. Trong ánh sáng thuần túy đó của ý thức hoàn toàn không có gì – ngay cả ý nghĩ không có gì. Chỉ có ánh sáng.

H: Có những người tôi yêu. Tôi cũng phải từ bỏ họ?

M: Bà chỉ buông bỏ sự bám víu lấy họ. Phần còn lại thì tùy họ. Họ có thể mất đi hoặc không mất đi sự quan tâm với bà.

H: Làm sao họ có thể? Họ không phải là của tôi sao?

M: Họ thuộc về thân xác của bà, chứ không phải của bà. Hay đúng hơn, không có ai là không phải của bà.

H: Thế còn những sở hữu của tôi?

M: Khi cái "của tôi" không còn, những gì sở hữu của bà ở đâu?

H: Xin cho tôi biết, có phải tôi sẽ mất tất cả khi mất đi cái "Tôi"?

M: Bà có thể mất mà cũng có thể không. Điều đó đối với bà không quan trọng. Cái mất của bà sẽ là cái được của một ai đó. Bà không quan tâm.

H: Nếu không quan tâm tôi sẽ mất tất cả!

M: Một khi không còn gì cả, bà không có gì phải lo.

H: Tôi còn phải lo cho sự sống còn của tôi.

M: Đó là chuyện của thân xác và nó sẽ được giải quyết bằng ăn, uống và ngủ. Những cái đó có đủ cho mọi người, miễn là mọi người chia sẻ.

H: Xã hội của chúng ta đặt nền tảng trên sự chiếm đoạt, chứ không phải sự chia sẻ.

M: Bằng cách chia sẻ bà sẽ thay đổi nó.

H: Tôi không thích chia sẻ. Dù sao những gì tôi sở hữu vẫn phải chịu thuế.

M: Đóng thuế thì không giống như tự nguyện chia sẻ. Xã hội không thể thay đổi bằng sự cưỡng bách mà bằng sự thay đổi cách suy nghĩ. Nếu hiểu

rằng không có gì là của riêng bà, tất cả đều thuộc về mọi người thì lúc đó xã hội sẽ thay đổi.

H: Cái hiểu của một người chẳng đưa thế giới đi xa hơn được.

M: Thế giới trong đó bà sống sẽ chịu ảnh hưởng một cách sâu sắc. Nó sẽ trở thành một thế giới lành mạnh và an vui, nó sẽ chiếu sáng và dung thông, gia tăng và trải rộng. Sức mạnh của một trái tim chơn thật thì vô biên.

H: Xin ông nói tiếp.

M: Nói không phải là thú tiêu khiển của Ta. Có khi Ta nói, có khi Ta không nói. Việc Ta nói hay không nói là một phần của tình huống nào đó, mà không tùy thuộc vào Ta. Khi có một tình huống Ta cần phải nói thì Ta nghe chính Ta nói. Trong những tình huống khác Ta không nghe Ta nói. Nói hay không nói đối với Ta cũng như nhau. Dù Ta có nói hay không thì ánh sáng và tình yêu của sự hiện hữu mà Ta là – không bị tác động; ánh sáng và tình yêu đó cũng không thuộc sự kiểm soát của Ta. Chúng là, và Ta biết chúng là. Có một sự thấy biết hân hoan, nhưng không có ai là người hân hoan. Dĩ nhiên, vẫn có ý thức về sự đặc thù, nhưng là sự đặc thù của một dấu vết ký ức, giống như sự đặc thù của một cảnh phim của một màn ảnh luôn luôn hiện tại. Nếu không có ánh sáng và màn ảnh thì không thể có hình ảnh. Khi biết được hình ảnh chỉ là một trò chơi của ánh sáng và màn ảnh thì bà không còn cho hình ảnh là có thật. Tất cả những gì cần làm là: Hiểu được rằng bà yêu cái Ta, cái Ta yêu bà, và ý thức "Ta hiện hữu" là sự liên kết cả hai, như một biểu hiện của sự đặc thù, dù tính đa dạng thì hiển nhiên. Hãy xem cái "Ta hiện hữu" như dấu hiệu của tình yêu giữa cái bên trong và bên ngoài, giữa thực tướng và biểu hiện. Cũng như trong một giấc mơ tất cả đều khác nhau – ngoại trừ ý thức về "Ta" vì nó khiến bà có thể nói "Ta đã mơ" – thì ý thức "Ta hiện hữu" khiến bà có thể nói "Ta lại là cái Ta thật của Ta." Ta chẳng làm gì cả và không gì có thể động đến Ta. Ta là cái Ta là và không gì có thể ảnh hưởng được Ta. Ta có vẻ như tùy thuộc tất cả, nhưng thật ra tất cả đều tùy thuộc Ta.

H: Làm sao ông có thể nói ông không làm gì cả? Thế không phải ông đang nói với tôi?

M: Ta không cảm thấy Ta đang nói. Hành vi nói đang diễn ra, chỉ thế thôi.

H: Tôi nói.

M: Thế à? Bà nghe chính bà đang nói và bà nói: Ta nói.

H: Mọi người đều nói: "Ta làm, Ta đến, Ta đi."

M: Ta không bác bỏ những quy ước về ngôn ngữ của bà, nhưng chúng xuyên tạc và phá hoại thực tại. Chính xác hơn thì phải nói là: "Có hành vi nói, làm, đến, và đi." Vì để cho bất cứ gì xảy ra thì toàn thể vũ trụ phải cùng xảy ra. Thật là sai lầm khi tin rằng bất cứ gì riêng biệt đều có thể tạo ra một sự kiện. Mỗi một nguyên nhân đều mang tính vũ trụ. Thân xác bà không thể nào tồn tại nếu toàn thể vũ trụ không góp phần vào sự tạo thành ra nó và duy trì sự sống của nó. Ta hoàn toàn biết rõ mọi chuyện xảy ra như chúng xảy ra vì thế giới là như nó là. Để tác động lên giòng sự kiện Ta phải đưa một yếu tố mới vào thế giới, và một yếu tố như thế chỉ có thể là chính Ta – sức mạnh của tình yêu và hiểu biết hội tụ trong Ta.

Khi một thân xác được sinh ra, đủ mọi thứ xảy ra đối với nó và bà tham dự trong đó, vì bà cho chính mình là thân xác. Bà giống như một người ở trong rạp xinê, cười và khóc với hình ảnh của cuốn phim, dù biết rất rõ chính mình luôn luôn ngồi trên ghế và hình ảnh của cuốn phim chỉ là một trò chơi của ánh sáng. Chỉ cần chuyển sự chú ý từ màn ảnh sang chính mình là đủ để phá vỡ sự si mê. Khi thân xác chết đi, trạng thái của sự sống mà bà hiện đang sống – một chuỗi diễn tiến gồm các sự kiện vật lý và tâm lý – kết thúc. Thậm chí nó có thể kết thúc ngay bây giờ mà không còn chờ cho đến khi thân xác này chết đi. Chỉ cần chuyển sự chú ý vào cái Ta và duy trì sự chú ý ở đó, là đủ. Tất cả xảy ra như thể có một quyền năng bí mật tạo ra và vận hành mọi chuyện. Hãy nhận ra bà không phải là người vận hành mà chỉ là người quan sát thì bà sẽ an lạc.

H: Quyền năng đó có tách biệt với tôi?

M: Dĩ nhiên là không. Nhưng bà phải bắt đầu bằng cách là một người quan sát vô tư. Lúc đó bà sẽ nhận ra toàn thể sự hiện hữu của bà chính là người yêu thương và người hành động mang tính vũ trụ. Bao giờ còn vướng mắc trong những phiền não của một con người riêng biệt thì bà không thể thấy gì ngoài con người. Nhưng tối hậu bà sẽ nhận ra bà không phải cái riêng biệt mà cũng không phải vũ trụ, bà ở ngoài cả hai. Như cái đầu nhỏ bé của cây bút chì có thể vẽ ra vô số bức tranh thì điểm vô phương vị của tánh biết vẽ ra nội dung của toàn thể vũ trụ bao la. Tìm ra được điểm đó thì bà sẽ tự do.

H: Tội tạo ra thế giới này bằng cái gì?

M: Bằng chính ký ức của bà. Chừng nào bà còn không biết chính mình là người tạo ra nó thì thế giới của bà còn hữu hạn và lập đi lập lại. Một khi

đã thoát khỏi sự đồng hóa chính mình với quá khứ, bà hoàn toàn tự do sáng tạo một thế giới mới của sự hài hòa và cái đẹp. Hoặc có thể bà vẫn ở ngoài hiện hữu và phi hiện hữu.

H: Cái gì còn lại khi tôi buông bỏ ký ức?

M: Chẳng có gì còn lại.

H: Thế thì sợ quá.

M: Bà sẽ sợ cho đến khi bà chứng nghiệm tự do và những phước báu của tự do. Dĩ nhiên, có những ký ức còn cần thiết để nhận diện và hướng dẫn thân xác, và những ký ức như thế vẫn còn, nhưng không còn sự ràng buộc nào với một thân xác như thế; nó không còn là mảnh đất của tham ái và lo sợ. Tất cả những điều này không mấy khó để hiểu và thực hành, nhưng bà phải quan tâm. Nếu không có sự quan tâm thì không gì có thể được thực hiện.

Sau khi đã thấy bà chỉ là một mớ ký ức được đan kết với nhau bằng sự ràng buộc thì hãy bước ra khỏi và nhìn từ bên ngoài. Có thể bà sẽ nhận ra lần đầu tiên cái gì đó không phải là ký ức. Bà không còn là một con người nào đó, bận rộn với những chuyện riêng tư. Cuối cùng bà an lạc. Bà sẽ nhận ra rằng chưa hề có sai lầm gì với thế giới, mà chỉ có bà đã sai lầm nhưng bây giờ thì điều đó đã qua. Sẽ không bao giờ bà còn bị câu thúc trong mạng lưới của lòng tham ái, sinh khởi từ vô minh.

***

78. Tất cả kiến thức đều là vô minh

Hỏi: Chúng tôi xin phép được hỏi ông đã giác ngộ như thế nào?

Maharaj: Trường hợp của Ta khá đơn giản và dễ dàng. Tôn sư trước khi qua đời đã bảo Ta: "Hãy tin Ta, ông là Thực tại Tối thượng. Chớ nghi hoặc lời Ta, chớ hoài nghi Ta. Điều Ta nói với ông là chân lý, hãy làm theo đó." Ta đã không thể quên được lời dạy của Tôn sư, và vì không quên – Ta đã giác ngộ.

H: Nhưng thật ra ông đã làm gì?

M: Chẳng có gì đặc biệt. Ta sống cuộc đời của Ta, làm nghề của Ta, chăm sóc gia đình, và mỗi phút rảnh rỗi Ta chỉ nhớ nghĩ đến Tôn sư và lời ngài dạy. Tôn sư qua đời một thời gian ngắn sau đó, Ta chỉ còn ký ức để trông cậy. Thế là đủ.

H: Chắc chắn là phải do ân đức và quyền năng của Tôn sư.

M: Lời lẽ của Tôn sư là chơn thật nên đã trở thành sự thật. Chân ngôn luôn luôn là chân lý. Tôn sư đã chẳng làm gì cả, lời lẽ của ngài ứng nghiệm

vì đó là chân lý. Bất cứ gì Ta làm đều phát xuất từ bên trong, không van xin mà cũng chẳng mong cầu.

H: Tôn sư đã khởi động một tiến trình nhưng không tham dự trong đó?

M: Ông muốn nói thế nào cũng được. Mọi chuyện xảy ra như chúng xảy ra – ai có thể giải thích tại sao và làm sao? Ta đã chẳng làm gì một cách có chủ ý. Tất cả đều tự đến – ước muốn buông bỏ, độc cư, và trở vào trong.

H: Ông không làm một cố gắng nào?

M: Không. Ông có tin hay không tin thì tùy, thậm chí Ta cũng chẳng nôn nóng giác ngộ. Tôn sư chỉ bảo Ta là cái Tối thượng rồi ngài qua đời. Ta hoàn toàn tin lời Tôn sư. Phần còn lại tự xảy ra. Ta nhận thấy Ta thay đổi – chỉ thế thôi. Thực tình mà nói, Ta đã sửng sốt. Một ước muốn sinh khởi trong Ta để xác minh lời của Tôn sư. Ta tin chắc Tôn sư đã không lừa dối Ta, và cảm thấy hoặc là Ta phải hiện thực hóa trọn vẹn ý nghĩa lời ngài dạy, hoặc là Ta chết đi. Ta cảm thấy rất cương quyết nhưng không biết phải làm gì. Ta vẫn thường trải qua hằng giờ suy nghĩ đến Tôn sư và sự đoan chắc của ngài – không phải tìm lý lẽ để chứng minh, mà chỉ nhớ đến những gì ngài đã nói với Ta.

H: Rồi chuyện gì xảy ra với ông? Làm sao ông biết được ông là cái Tối thượng?

M: Chẳng có ai đến bảo Ta, mà Ta cũng không được báo cho biết từ bên trong. Thật ra, lúc ban đầu khi còn cố gắng, Ta đã trải qua một số chứng nghiệm lạ thường: Ta thấy ánh sáng, nghe tiếng nói, gặp chư thiên nam, nữ và trò chuyện với họ. Nhưng sau khi nghe Tôn sư bảo Ta: "Ông là Thực tại tối thượng" thì Ta không còn thấy các linh ảnh và không còn trải qua những cơn xuất thần mà trở nên rất tỉnh lặng và đơn giản. Ta nhận ra chính mình ngày càng biết ít đi và càng ít tham ái cho đến khi Ta có thể nói trong sự kinh ngạc: "Ta không còn biết gì, Ta không còn muốn gì."

H: Ông thật sự không còn tri kiến và tham ái, hay ông tự nhân cách hóa một con người giác ngộ dựa theo hình ảnh mà Tôn sư đã trao cho ông?

M: Tôn sư không hề trao cho, mà Ta cũng chẳng có sẵn một hình ảnh nào. Tôn sư không hề nói với Ta về một cái gì đó để mong đợi.

H: Còn nhiều chuyện xảy đến với ông. Hay ông đã đến đích của cuộc hành trình?

M: Không hề có cuộc hành trình nào. Ta là, như Ta đã luôn luôn là.

H: Thực tại Tối thượng mà ông đã phải đạt đến là gì?

M: Ta không còn bị mê lầm nữa, chỉ thế thôi. Ta vẫn thường tạo ra một thế giới rồi vào sống trong đó. Bây giờ Ta không làm điều đó nữa.

H: Thế thì ông ở đâu?

M: Trong cái *không* - ở ngoài hiện hữu và phi hiện hữu, bên ngoài ý thức. Cái *không* này rất viên mãn, đừng tội nghiệp cho Ta. Cũng như một người nói: "Ta đã hoàn tất công việc của Ta, Ta không còn gì để làm nữa."

H: Ông cho sự giác ngộ của ông một cái ngày nhất định. Điều này có nghĩa một cái gì đã xảy ra với ông vào ngày đó. Chuyện gì đã xảy ra?

M: Tâm chấm dứt tạo ra sự kiện. Sự tìm kiếm muôn thuở và không ngừng đã kết thúc – Ta không cần gì nữa, Ta không mong cầu gì nữa – Ta không nhận bất cứ gì là của chính Ta. Chẳng còn cái "ta" để phấn đấu cho nó. Ngay cả ý thức "Ta hiện hữu" trơ trọi cũng phai nhạt dần. Còn một điều khác Ta nhận thấy là Ta đã mất hết tất cả những sự tin tưởng chắc chắn theo thói quen. Trước kia Ta chắc chắn về rất nhiều thứ, nhưng bây giờ Ta không chắc chắn về bất cứ gì. Ta cảm thấy Ta chẳng mất gì vì không biết gì, vì tất cả cái biết của Ta đều sai lầm. Sự không biết của Ta trong chính nó có sự hiểu biết một thực tế là: tất cả cái biết đều vô minh, và "Ta không biết" là câu nói đúng thật duy nhất mà tâm có thể phát biểu. Lấy ý tưởng "Ta đã được sinh ra" làm ví dụ. Ông có thể cho đó là đúng thật. Nhưng thật ra nó không đúng. Ông chưa bao giờ được sinh ra, và ông sẽ không bao giờ chết đi. Chính cái ý tưởng đã được sinh ra và chết đi, chứ không phải ông. Bằng cách đồng hóa ông với ý tưởng đó ông trở nên hữu tử. Cũng giống như trong phim xinê tất cả đều là ánh sáng, thì ý thức là một thế giới bao la. Khi quan sát kỹ, ông sẽ thấy tất cả danh xưng và hình tướng chỉ là những con sóng vô thường trong đại dương bao la của ý thức, và chỉ có ý thức mới có thể được nói là *là*, chứ không phải những biến hóa của nó.

Trong sự bao la của ý thức một tia sáng xuất hiện, một điểm vô cùng nhỏ bé và vẽ ra vô số hình ảnh, ý nghĩ, cảm thọ, khái niệm và ý tưởng – giống như cây bút vẽ lên mặt giấy. Vết mực mà cây bút để lại chính là ký ức. Ông là cái điểm vô cùng nhỏ bé đó, và thế giới luôn luôn được tái tạo bằng chính chuyển động của ông. Ngay khi ông dừng lại thì không còn thế giới. Hãy nhìn vào trong và ông sẽ nhận ra điểm sáng đó là ảnh phản chiếu của nguồn sáng vô biên trong thân xác thành ý thức "Ta hiện hữu". Duy nhất chỉ có ánh sáng, tất cả những cái khác chỉ xuất hiện.

H: Ông có biết ánh sáng đó không? Ông đã thấy nó chưa?

M: Đối với tâm thì nó có vẻ như bóng tối. Nó chỉ có thể được biết qua các ảnh phản chiếu của nó. Tất cả đều được thấy trong ánh sáng ban ngày – nhưng chính ánh sáng ban ngày thì không được thấy.

H: Liệu tôi có phải hiểu rằng tâm ông và tâm tôi như nhau?

M: Làm sao có thể như thế? Ông và cái tâm của riêng ông, được đan dệt bằng ký ức, ràng buộc bởi tham ái và lo sợ. Ta không có tâm của riêng Ta; cái gì Ta cần biết thì vũ trụ sẽ đem đến trước Ta, cũng như vũ trụ cung cấp thực phẩm cho Ta thọ dụng vậy.

H: Ông có biết tất cả những gì ông muốn biết?

M: Chẳng có gì Ta muốn biết. Nhưng nếu cần biết thì Ta biết.

H: Cái biết đó đến với ông từ bên trong hay bên ngoài?

M: Không phải như ông nghĩ. Cái bên trong của Ta là bên ngoài, và cái bên ngoài là bên trong. Ta có thể lấy từ ông cái biết cần thiết vào lúc này, nhưng ông không tách biệt khỏi Ta.

H: Chúng tôi nghe nói về *Turiya* – trạng thái thứ tư, trạng thái này là gì?

M: Là cái điểm sáng vẽ ra thế giới tức là *Turiya*. Là chính ánh sáng tức là *Turiyatita*. Nhưng danh xưng có ích gì khi thực tại thì quá cận kề?

H: Có sự tiến bộ nào trong tình trạng của ông? Khi so sánh ông hôm qua với ông hôm nay, ông có thấy chính ông thay đổi, và tiến bộ? Cái nhìn của ông về thực tại có mở ra theo chiều rộng và chiều sâu?

M: Thực tại thì bất di bất dịch nhưng thường xuyên chuyển động. Nó cũng giống như một con sông hùng vĩ – trôi chảy nhưng vẫn có đó – một cách vĩnh cửu. Cái trôi chảy không phải là con sông với lòng sông và hai bờ, mà là nước của con sông, thì *Sattva Guna* – sự hài hòa vũ trụ - đối với – *Tamas* và *Rajas* – những thế lực của bóng tối và tuyệt vọng – cũng như thế. Trong *Sattva* luôn luôn có thay đổi và tiến bộ, trong *Rajas* có thay đổi và thoái bộ, còn *Tamas* tiêu biểu cho sự hỗn loạn. Ba *Gunas* này luôn luôn tương khắc lẫn nhau – đây là một thực tế và không gì có thể tranh biện với thực tế.

H: Tôi có phải luôn luôn trở nên trì trệ với *Tamas*, tuyệt vọng với *Rajas*? Thế còn *Sattva*?

M: *Sattva* là sự chiếu sáng thuộc bản chất chơn thật của ông. Ông luôn luôn có thể tìm ra nó ở ngoài tâm và ở ngoài vô số thế giới của tâm. Nhưng nếu chỉ muốn một thế giới thì ông phải chấp nhận ba *Gunas* – vật chất – năng lượng – sự sống – là bất khả phân, là một về tánh thể, và dị biệt về hình tướng. Cả ba hòa lẫn với nhau và trôi chảy trong ý thức. Trong thời

gian và không gian có một dòng chảy bất tận: sinh ra và lại chết đi, tiến bộ, thoái bộ, rồi lại tiến bộ, thoái bộ - hiển nhiên là vô thủy và vô chung. Thực tại – tức tánh biết vô thời, bất biến, vô thân, vô tâm – là cực lạc.

H: Tôi hiểu. Theo ông mỗi vật đều là một trạng thái của ý thức. Thế giới có vô số vật – một hạt cát là một vật, một hành tinh là một vật. Chúng liên hệ với ý thức như thế nào?

M: Nơi ý thức không đạt đến thì vật bắt đầu. Một vật là một hình thức hiện hữu mà chúng ta chưa hiểu. Nó không biến đổi – luôn luôn như thế - nó có vẻ như có đó bởi chính nó – một cái gì xa lạ. Dĩ nhiên là nó ở trong *Chit* – ý thức, nhưng lại có vẻ như ở ngoài ý thức vì tính bất biến hiển nhiên của nó. Nền tảng của mọi vật là ở trong ký ức – nếu không có ký ức thì không có sự nhận biết. Sáng tạo – Phản chiếu – Loại bỏ: *Brahma – Vishnu – Shiva* – là một tiến trình bất tận. Tất cả đều bị chi phối bởi tiến trình này.

H: Không có một lối thoát?

M: Ta không làm gì khác hơn là đang chỉ cho ông lối thoát. Khi hiểu rằng cái Một bao gồm cả Ba, và ông là cái Một thì ông không còn tạo ra thế giới.

H: Lúc đó chuyện gì xảy ra đối với ý thức của tôi?

M: Sau giai đoạn sáng tạo là giai đoạn tìm hiểu và nhận xét, rồi sau cùng đến giai đoạn từ bỏ và quên. Ý thức vẫn còn, nhưng ở trong trạng thái tiềm ẩn và tĩnh lặng.

H: Thế trạng thái biết chính mình vẫn còn?

M: Trạng thái biết chính mình sẵn có trong thực tại và không bao giờ phai nhạt. Nhưng ý thức về chính mình thì không phải là tính cách con người vô thường – Vyakti, mà cũng không phải tính cách cá nhân bị ràng buộc bởi nghiệp lực – Vyakta. Nó là cái còn lại sau khi tất cả những nhận dạng chính mình bị loại bỏ là hư giả - nó là ý thức thuần túy, ý thức [chính mình] là tất cả những gì hiện hữu, hay có thể hiện hữu. Ý thức thì thuần khiết vào lúc đầu và vào lúc cuối, nhưng ở khoảng giữa nó bị tưởng tượng – tức là nguồn gốc của sáng tạo – làm cho cấu nhiễm. Trong tất cả mọi thời, ý thức vẫn luôn luôn như thế. Biết được ý thức như nó là, có nghĩa là giác ngộ và an lạc phi thời.

H: Ý thức "Ta là" thật hay không thật?

M: Cả hai. Nó là không thật khi chúng ta nói: "Ta là cái này, Ta là cái kia." Nó là thật khi chúng ta nói: "Ta không là cái này mà cũng chẳng là cái

kia.”

H: “Ta hiện hữu” chính là nhân chứng, hay tách biệt với nhân chứng?

M: Nếu không có cái này thì không thể có cái kia. Nhưng chúng không phải là một. Cũng giống như hoa và mầu sắc của hoa. Không có hoa thì không có mầu sắc; không có mầu sắc thì hoa không thể hiện hình. Ở ngoài cả hai là ánh sáng; khi tiếp xúc với hoa thì ánh sáng tạo nên mầu sắc. Hãy nhận ra bản tánh chơn thật của ông là thuộc về ánh sáng thuần khiết mà thôi, còn cái được nhận thức lẫn người nhận thức cùng xuất hiện và biến mất với nhau. Cái làm cho cả hai khả hữu – nhưng không phải cả hai – là sự hiện hữu chơn thật của ông, có nghĩa là không phải “cái này” hay “cái kia”, mà là sự thấy biết thuần túy cái hiện hữu và phi hiện hữu. Khi tánh biết xoay ngược trở lại với chính nó thì cảm nhận là không biết. Khi tánh biết xoay ra ngoài thì những cái có thể biết xuất hiện. Nói rằng: “Ta biết chính Ta” là một mâu thuẫn, theo nghĩa cái gì “bị biết” thì không thể là “chính Ta”.

H: Nếu cái Ta luôn luôn là cái không biết, vậy cái gì được giác ngộ trong sự giác ngộ chính mình?

M: Biết được cái bị biết không phải là Ta hay cái của Ta là đủ giải thoát. Không còn đồng hóa chính mình với một mớ ký ức và thói quen; trạng thái ngạc nhiên trước sự trải ra đến vô biên của hiện hữu; khả năng sáng tạo bất tận và tính cách hoàn toàn siêu việt của nó; sự vô úy tuyệt đối phát sinh từ nhận thức rõ tính hư giả và vô thường của từng tướng trạng của ý thức – đều tuôn trào từ một cội nguồn sâu thẳm và vô tận. Biết nguồn gốc là nguồn gốc, biểu hiện là biểu hiện, biết chính mình là nguồn gốc tức là giác ngộ chính mình.

H: Nhân chứng là thật hay không thật?

M: Không ai có thể nói: “Ta là nhân chứng.” Cái “Ta là” luôn luôn bị chứng kiến. Trạng thái thấy biết không dính mắc là ý thức nhân chứng, là tấm “gương tâm.” Nhân chứng xuất hiện và biến mất cùng với đối tượng, do đó nó không hẳn là thật. Tuy nhiên, dù đối tượng là bất cứ gì thì nhân chứng vẫn không thay đổi, do đó, nhân chứng cũng là thật. Nhân chứng cùng dự phần trong cái thật và cái không thật, và do đó nó là cây cầu giữa cái thật và cái không thật.

H: Nếu tất cả chỉ xảy ra với cái “Ta là” và nếu cái “Ta là” vừa là cái bị biết vừa là người biết vừa là chính sự biết thì nhân chứng làm gì? Nhân chứng có ích lợi gì?

M: Nhân chứng không làm gì và cũng chẳng có ích lợi gì?

H: Thế thì tại sao lại nói về nhân chứng?

M: Bởi vì nhân chứng có đó. Cây cầu chỉ phục vụ cho một mục đích duy nhất – vượt qua. Không ai xây nhà trên cầu cả. Cái "Ta là" nhìn sự vật, nhân chứng thấy xuyên suốt sự vật. Nó thấy sự vật như chúng là: hư giả và vô thường. Lên tiếng nói rằng: "Không phải Ta, không phải của Ta" là công việc của nhân chứng.

H: Có phải nhân chứng là cái thị hiện – *Saguna* – mà qua đó cái bất thị hiện – *Nirguna* – được miêu tả?

M: Cái bất thị hiện không thể được miêu tả. Không gì thị hiện có thể miêu tả cái bất thị hiện.

H: Thế tại sao ông lại nói về nó?

M: Vì đó là sinh quán của Ta.

***

79. Con người, Nhân chứng và Cái Tuyệt đối

Hỏi: Chúng tôi đã dùng ma túy trong một thời gian khá lâu, hầu hết những loại ma túy chúng tôi dùng đều làm cho ý thức giãn nở. Ma túy cho chúng tôi kinh nghiệm về những trạng thái khác thường của ý thức, cao cũng như thấp. Chúng tôi biết rằng những cảm giác do ma túy đem lại đều không đáng tin cậy, nếu tốt nhất thì chỉ thoáng qua, còn tệ hại nhất thì hủy hoại cơ thể và nhân cách. Chúng tôi đang tìm những phương cách tốt hơn để phát triển ý thức và trạng thái siêu nghiệm. Chúng tôi muốn kết quả của sự tìm kiếm sẽ ở lại với chúng tôi và làm cho cuộc sống của chúng tôi phong phú, thay vì chỉ hướng về những ký ức nhạt phai và nuối tiếc vô vọng. Khi nói về tâm linh, chúng tôi muốn nói sự tìm hiểu chính mình và phát triển chính mình; mục đích của chúng tôi đến Ấn Độ là hoàn toàn tâm linh. Chúng tôi đã để lại thời kỳ *Hippy* vui vẻ phía sau; bây giờ chúng tôi rất nghiêm túc và sẵn sàng dấn thân. Chúng tôi biết có một thực tại để tìm kiếm, nhưng không biết làm thế nào để tìm ra thực tại và nắm giữ thực tại. Chúng tôi chỉ cần hướng dẫn mà không cần sự thuyết phục. Liệu ông có thể giúp chúng tôi?

Maharaj: Các ông không cần giúp mà chỉ cần hướng dẫn. Cái mà các ông tìm kiếm lại ở ngay trong các ông. Điển hình là trường hợp của Ta. Ta chẳng làm gì cho sự giác ngộ của Ta. Tôn sư bảo thực tại ở ngay trong Ta. Ta nhìn vào trong và tìm thấy thực tại trong đó, đúng như Tôn sư đã bảo Ta. Thấy thực tại cũng đơn giản như thấy chính mặt mình trong gương. Chỉ có

điều là tấm gương phải trong và trung thực. Một cái tâm tĩnh lặng, không bị biến dạng bởi tham ái và lo sợ, hoàn toàn không còn ý nghĩ và ý tưởng, trong sáng trên mọi bình diện – là cần thiết để phản chiếu thực tại. Hãy trong sáng và tĩnh lặng, tỉnh thức và vô tư – tất cả những cái còn lại sẽ tự xảy ra.

H: Trước khi giác ngộ chân lý, ông đã phải làm cho tâm trong sáng và tĩnh lặng. Ông đã làm như thế nào?

M: Ta chẳng làm gì cả. Giác ngộ tự xảy ra. Ta sống cuộc sống của Ta, chăm lo những nhu cầu của gia đình. Tôn sư cũng không làm gì cả. Nó chỉ tự xảy ra như lời ngài đã nói là nó sẽ xảy ra.

H: Mọi thứ không thể chỉ xảy ra. Phải có một nguyên nhân cho từng sự vật.

M: Tất cả những gì xảy ra là nguyên nhân của tất cả những gì xảy ra. Nguyên nhân thì vô số; ý tưởng về một nguyên nhân duy nhất là ảo tưởng.

H: Chắc chắn ông đã phải làm một cái gì đó đặc biệt – một hình thức thiền quán hay *Yoga*. Làm sao ông có thể nói rằng giác ngộ tự xảy ra?

M: Chẳng có gì đặc biệt. Ta chỉ sống cuộc sống của Ta.

H: Tôi hết sức ngạc nhiên.

M: Ta cũng thế. Nhưng có gì đáng ngạc nhiên? Lời dạy của Tôn sư trở thành sự thật. Có sao đâu? Tôn sư biết Ta còn rõ hơn Ta biết chính Ta, chỉ thế thôi. Tại sao lại tìm kiếm nguyên nhân? Lúc đầu Ta dành đôi chút chú tâm và thời gian cho ý thức "Ta hiện hữu", nhưng chỉ lúc đầu thôi. Chẳng bao lâu Tôn sư qua đời, Ta tiếp tục sống. Lời của Tôn sư chứng tỏ là chơn thật. Chỉ thế thôi. Tất cả chỉ là một tiến trình. Ông có khuynh hướng tách rời sự kiện theo thời gian và tìm kiếm nguyên nhân.

H: Công việc của ông hiện nay là gì? Ông hiện đang làm gì?

M: Ông tưởng tượng hiện hữu và làm giống nhau. Không phải thế. Tâm và thân chuyển động, thay đổi và làm cho nhiều tâm khác chuyển động và thay đổi, và đó gọi là làm, là hành động. Ta thấy ngay trong bản chất của hành động là tạo thêm hành động khác, giống như lửa tiếp tục bằng cách đốt cháy. Ta không hành động mà cũng chẳng làm cho người khác hành động. Ta luôn luôn biết rõ những gì đang xảy ra.

H: Trong tâm ông, hay còn cả trong tâm người khác?

M: Chỉ có một tâm, cái tâm đó đầy những ý nghĩ: "Ta là cái này, Ta là cái kia, cái này của Ta, cái kia của Ta." Ta không phải tâm, chưa bao giờ là tâm và sẽ không bao giờ là tâm.

H: Vậy tâm xuất hiện như thế nào?

M: Thế giới gồm có vật chất, năng lượng và trí tuệ. Chúng thể hiện tự thân theo nhiều cách. Tham ái và tưởng tượng tạo nên thế giới, trí tuệ dung hòa hai cái và tạo ra ý thức về sự hài hòa và an lạc. Đối với Ta, tất cả chỉ xảy ra; Ta biết rõ tất cả nhưng không hề bị tác động.

H: Ông không thể biết mà không bị tác động. Có một sự mâu thuẫn trong ngôn từ. Nhận thức thì biến dịch. Một khi đã kinh nghiệm một cảm giác, ký ức không cho phép ông trở lại với trạng thái trước đó.

M: Đúng thế. Cái gì được thêm vào ký ức thì không thể tẩy xóa dễ dàng. Nhưng chắc chắn là có thể làm được, và trong thực tế Ta luôn luôn làm như thế. Cũng như một con chim đang bay, Ta không hề để lại dấu vết.

H: Nhân chứng có danh xưng và hình tướng, hay ở ngoài danh xưng và hình tướng?

M: Nhân chứng chỉ là một điểm trong tánh biết. Nó không có danh xưng hay hình tướng. Nó cũng như ảnh phản chiếu của mặt trời trong một giọt sương. Giọt sương có danh xưng và hình tướng nhưng điểm sáng li ti được tạo ra bởi mặt trời. Sự trong suốt và tĩnh lặng của giọt sương là điều kiện cần thiết nhưng tự thân nó thì chưa đủ. Tương tự như thế, sự trong sáng và im lặng của tâm là cần thiết để ảnh phản chiếu của thực tại xuất hiện trong tâm, nhưng tự thân sự trong sáng và im lặng thì chưa đủ. Phải có thực tại ở ngoài tâm. Vì thực tại luôn luôn sẵn có, do đó cần chú trọng đến các điều kiện cần thiết.

H: Liệu có thể nào tâm trong sáng và tĩnh lặng nhưng ảnh phản chiếu không xuất hiện?

M: Còn phải kể đến định mệnh. Cái không biết thì ở trong vòng cương tỏa của định mệnh; đúng là định mệnh, thật thế. Một người có thể phải chờ đợi. Nhưng dù bàn tay của định mệnh có nặng nề đến đâu thì vẫn có thể nhấc nó ra được bằng sự kiên nhẫn và tự chủ. Trực tâm và sự trong sáng sẽ xóa bỏ các chướng ngại và hình ảnh của thực tại sẽ xuất hiện trong tâm.

H: Làm sao một người có được tự chủ? Tôi không có quyết tâm?

M: Trước tiên phải hiểu rằng ông không phải con người mà ông tin ông là. Những gì ông nghĩ ông là chỉ là những ám thị hay tưởng tượng. Ông không hề có cha mẹ, ông không hề được sinh ra và ông sẽ không bao giờ chết đi. Hoặc là ông tin Ta khi Ta bảo ông thế, hoặc là ông đạt đến điều đó bằng nghiên cứu và tìm hiểu. Con đường của tín tâm thì nhanh chóng, còn con đường kia thì chậm nhưng chắc chắn. Nhưng cả hai cần phải được xác nghiệm trong hành động. Hãy hành động dựa trên điều ông cho là đúng – đây là con đường đưa đến chân lý.

H: Được hưởng chân lý và định mệnh là một và như nhau?

M: Phải, cả hai đều ở trong cái không biết. Giá trị của cái biết chỉ là hư giả. Cái biết luôn luôn thuộc về các chướng ngại; khi không còn chướng ngại một người có thể vượt ra ngoài.

H: Liệu sự hiểu biết rằng tôi không phải là thân xác có cho tôi sức mạnh của cá tính – cần thiết cho sự tự chủ?

M: Khi ông biết mình không phải là thân mà cũng chẳng phải là tâm thì thân và tâm không thể khống chế được ông. Ông sẽ đi theo chân lý dù có phải đến bất cứ đâu, và làm bất cứ gì cần làm dù phải trả bằng mọi giá.

H: Liệu hành động có thiết yếu cho sự giác ngộ chính mình?

M: Để giác ngộ, hiểu là chính yếu. Hành động chỉ là thứ yếu. Một người đã hiểu vững vàng sẽ không ngại hành động. Hành động là xét nghiệm chân lý.

H: Xét nghiệm có cần thiết không?

M: Nếu không thường xuyên xét nghiệm chính ông thì ông không thể phân biệt giữa thực tại và hoang đường. Quan sát và lý luận chặt chẽ thì hữu ích trong một chừng mực nào đó, nhưng thực tại thì nghịch lý. Làm sao ông biết được ông đã giác ngộ trừ khi ông quan sát các ý nghĩ và cảm thọ, ngôn từ và hành động của ông, và ngạc nhiên về những thay đổi xảy ra trong ông mà ông không biết tại sao và làm sao? Chính xác là như thế vì chúng bất ngờ đến nỗi ông biết chúng là thật. Cái có thể thấy trước và được mong đợi thì khó có thể là thật.

H: Con người xuất hiện như thế nào?

M: Một cách chính xác như cái bóng xuất hiện khi ánh sáng bị ngăn che bởi thân xác, thì con người xuất hiện khi sự thấy biết chính mình thuần túy bị ngăn che bởi ý tưởng "Ta là thân xác." Và cũng như cái bóng thay đổi hình dạng và vị trí tùy theo đường nét của mặt đất, thì con người có vẻ vui mừng và đau khổ, nhàn hạ và trần lao, tìm và mất, tùy theo mô thức của định mệnh. Khi thân xác không còn, con người hoàn toàn biến mất, không bao giờ trở lại – chỉ nhân chứng và cái Không biết Vĩ đại còn lại.

Nhân chứng là cái nói: "Ta biết." Con người nói: "Ta làm." Nếu nói "Ta biết" thì không sai nhưng chỉ hạn chế, còn nói "Ta làm" thì hoàn toàn sai lầm, vì không có kẻ làm; tất cả đều tự xảy ra, kể cả cái ý nghĩ là một người làm.

H: Thế hành động là gì?

M: Vũ trụ đầy những hành động nhưng không có người hành động. Có vô số con người, nhỏ bé, to lớn và rất to lớn – qua sự nhận dạng – tưởng tượng chính họ hành động, nhưng điều này không thay đổi được thực tế rằng thế giới của hành động – Mahadakash – là một tổng thể duy nhất, trong đó tất cả đều tương thuộc và tương tác lẫn nhau. Các tinh tú tác động đến chúng ta một cách sâu sắc, và chúng ta cũng tác động đến các tinh tú. Lùi ra khỏi hành động để trở lại với ý thức, cứ phó mặc hành động cho thân và tâm vì nó thuộc phạm trù của thân tâm. Duy trì trạng thái nhân chứng thuần túy cho đến khi ngay cả hành vi nhân chứng hòa tan trong cái Tối thượng.

Thử tưởng tượng một khu rừng rậm đầy những cây đại thụ. Từ một thân cây xẻ ra một miếng ván và dùng cây bút chì viết lên miếng ván. Nhân chứng đọc các chữ viết và biết cây bút chì và miếng ván liên hệ rất xa xôi đến khu rừng, còn giòng chữ thì hoàn toàn không liên quan. Giòng chữ được thêm vào và nếu nó có biến mất thì cũng chẳng có gì quan trọng. Theo sau sự biến mất của tính cách con người luôn luôn là một cảm giác vô cùng nhẹ nhõm như thể vừa trút được một gánh nặng.

H: Khi ông nói "Ta ở trong trạng thái bên ngoài nhân chứng", dựa trên kinh nghiệm nào mà ông nói như thế? Trạng thái đó khác biệt với giai đoạn chỉ là nhân chứng như thế nào?

M: Nó cũng giống như giặt vải in. Trước tiên là các mẫu vẻ phai dần, rồi đến nền mầu và cuối cùng là miếng vải chỉ còn trắng trơn. Tính cách con người nhường chỗ cho nhân chứng, rồi nhân chứng ra đi và tánh biết thuần túy còn lại. Miếng vải trắng từ lúc đầu và vẫn trắng vào lúc cuối, các mẫu vẽ và mầu nhuộm chỉ xuất hiện trong một giai đoạn nào đó.

H: Liệu có thể có biết mà không có đối tượng của biết?

M: Biết với một đối tượng được gọi là hành vi nhân chứng. Khi có sự đồng hóa cái Ta với đối tượng – do tham ái và lo sợ tạo nên – trạng thái như thế được gọi là con người. Trong thực tế chỉ có một trạng thái, khi bị làm cho biến dạng bởi sự đồng hóa của cái Ta thì nó được gọi là con người, khi được tô mầu với ý thức hiện hữu thì nó là nhân chứng, khi vô sắc và vô biên thì nó được gọi là cái Tối thượng.

H: Tôi nhận thấy tôi luôn luôn bồn chồn, mong đợi, hy vọng, tìm kiếm, tìm thấy, vui mừng, từ bỏ, lại tìm kiếm. Cái gì đã khiến tôi luôn luôn sôi nổi như thế?

M: Ông thực sự đi tìm chính ông mà ông không biết. Ông mong chờ một tình yêu xứng đáng để yêu, và hoàn toàn đáng yêu. Vì vô minh ông đi tìm nó trong thế giới của những cái đối nghịch và mâu thuẫn. Khi tìm thấy nó bên trong thì sự tìm kiếm của ông kết thúc.

H: Như thế thì sẽ luôn luôn chỉ có cái thế giới đầy đau khổ này để tôi bằng lòng với.

M: Đừng phỏng đoán. Ông không biết được. Đúng là tất cả những sự thị hiện đều ở trong những cái đối nghịch. Lạc thú và đau khổ, tốt và xấu, cao và thấp, tiến bộ và thoái bộ, nghỉ ngơi và tranh đấu – chúng cùng đến và ra đi với nhau – và bao giờ còn một thế giới thì các mâu thuẫn luôn luôn có đó. Có những thời kỳ hoàn toàn hòa hợp, cực lạc và đẹp đẽ - những chỉ

trong một giai đoạn. Cái gì toàn hảo sẽ trở về với nguồn gốc của sự toàn hảo – những cái đối nghịch tiếp tục cuộc chơi.

H: Làm sao tôi đạt đến sự toàn hảo?

M: Giữ im lặng. Cứ làm việc thế gian của ông, nhưng bên trong giữ im lặng. Rồi tất cả sẽ đến với ông. Đừng mong đợi việc làm của ông đưa ông đến với sự giác ngộ. Nó có thể lợi lạc cho người khác nhưng không lợi lạc cho ông. Hy vọng của ông ở trong sự giữ im lặng trong tâm và an tịnh trong tim. Những người giác ngộ đều rất an tịnh.

***

80. Tánh biết

Hỏi: Giác ngộ cái Ta có cần đến thời gian hay thời gian chẳng giúp gì cho sự giác ngộ? Sự giác ngộ chính mình chỉ là vấn đề thời gian, hay còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác hơn là thời gian?

Maharaj: Mọi chờ đợi đều vô ích. Trông đợi vào thời gian để giải quyết vấn đề là tự lừa dối. Nếu cứ phó mặc tương lai thì nó chỉ lập lại quá khứ. Thay đổi chỉ có thể xảy ra bây giờ chứ không bao giờ xảy ra trong tương lai.

H: Cái gì đưa đến một sự thay đổi?

M: Thấy rõ sự cần thiết phải thay đổi. Chỉ thế thôi.

H: Sự giác ngộ chính mình xảy ra trong vật chất, hay bên ngoài? Không phải đó là một kinh nghiệm tùy thuộc vào thân và tâm để xảy ra hay sao?

M: Tất cả kinh nghiệm đều không thực, hữu hạn và thuộc về thời gian. Tự thân giác ngộ không phải là một kinh nghiệm, mặc dù giác ngộ có thể đưa đến một cõi giới mới của kinh nghiệm. Nhưng những kinh nghiệm mới, dù lý thú đến đâu, cũng không thật hơn cái cũ. Chắc chắn giác ngộ không phải là một kinh nghiệm mới. Nó là sự phát hiện yếu tố phi thời trong mọi kinh nghiệm. Đó là tánh biết, cái làm cho kinh nghiệm khả hữu. Cũng như trong tất cả mầu sắc, ánh sáng là yếu tố vô sắc, thì trong mọi kinh nghiệm luôn luôn có sự hiện diện của tánh biết, nhưng tánh biết thì không phải là một kinh nghiệm.

H: Nếu tánh biết không phải là một kinh nghiệm, làm sao nó có thể nhận ra nó?

M: Tánh biết luôn luôn có đó. Nó không cần phải được nhận ra. Hãy mở tấm màn che tâm thì tâm sẽ tràn ngập ánh sáng.

H: Cái gì là vật chất?

M: Cái ông không hiểu là vật chất?

H: Khoa học hiểu được vật chất?

M: Khoa học chỉ đẩy lùi những biến giới vô minh của con người.

H: Thế thiên nhiên là gì?

M: Tổng thể những kinh nghiệm hữu thức là thiên nhiên. Là một cái Ta hữu thức ông là một phần của thiên nhiên. Là tánh biết – ông ở ngoài. Thấy thiên nhiên chỉ là ý thức – là tánh biết.

H: Tánh biết có nhiều mức độ khác nhau không?

M: Có nhiều mức độ trong ý thức nhưng trong tánh biết thì không. Tánh biết là một khối duy nhất, thuần nhất. Ảnh phản chiếu của tánh biết trong tâm là tình yêu và hiểu. Có nhiều mức độ trong sáng trong hiểu, và nhiều cường độ khác nhau trong tình yêu, nhưng ở trong cội nguồn của chúng thì không có. Cội nguồn thì đơn giản và chân phương, nhưng khả năng thì vô biên. Tuy nhiên không nên nhận lầm khả năng với cội nguồn. Hãy nhận ra chính ông là cội nguồn, mà không phải giòng sông; tất cả chỉ có thế.

H: Tôi cũng là giòng sông.

M: Dĩ nhiên, ông là giòng sông. Là một "Ta là" ông là giòng sông chảy giữa hai bờ thân xác. Nhưng ông còn là nguồn, là đại dương và mây trời. Ở đâu có sự sống và ý thức ở đó có ông. Nhỏ hơn cái nhỏ nhất và lớn hơn cái lớn nhất, nhưng ông *hiện hữu* trong khi tất cả những cái khác chỉ xuất hiện.

H: Ý thức hiện hữu và ý thức sống là một và như nhau, hay khác biệt?

M: Sự đồng nhất trong không gian tạo ra một, sự tiếp tục trong thời gian tạo ra khác.

H: Có lần ông đã nói rằng người thấy, hành vi thấy và cái bị thấy là một duy nhất, không phải ba. Đối với tôi thì ba cái tách biệt. Tôi không nghi hoặc điều ông nói mà chỉ không hiểu.

M: Quan sát kỹ ông sẽ thấy người thấy và cái bị thấy chỉ xuất hiện khi có hành vi thấy. Cả hai là thuộc tính của thấy. Khi ông nói: "'Ta là' thấy cái này". "'Ta là' và 'cái này' xuất hiện cùng với 'thấy' chứ không phải trước đó. Ông không thể có một "cái này" không *bị* thấy, hoặc một cái "Ta là" không năng thấy.

H: Tôi vẫn có thể nói: "Ta không thấy".

M: Cái "'Ta là' thấy cái này" trở thành "'Ta là' thấy cái Ta không thấy" hoặc "'Ta là' thấy sự tối tăm". Hành vi thấy vẫn còn. Trong bộ ba: Cái bị biết, biết và người biết, chỉ có biết là một thực tế. Cái "Ta là" và "cái này" thì không chắc thực. Ai biết? Cái gì được biết? Không có gì chắc thực cả, ngoại trừ biết.

H: Tại sao tôi chắc chắn về hành vi biết, mà không chắc chắn về người biết?

M: Biết, cùng với hiện hữu và tình yêu, là một ảnh phản chiếu của bản chất chơn thật của ông. Người biết và cái bị biết được tâm thêm vào. Bản chất của tâm là tạo ra trạng thái nhị nguyên – chủ thể và đối tượng, trong khi chúng không có.

H: Cái gì là nguyên nhân của tham ái và lo sợ?

M: Hiển nhiên là ký ức về đau khổ và lạc thú đã qua. Chẳng có gì là bí ẩn về điều này. Xung đột chỉ khởi sinh khi tham ái và lo sợ cùng liên quan đến một đối tượng.

H: Làm thế nào để kết liễu ký ức?

M: Điều đó không cần thiết và cũng không thể thực hiện được. Hãy nhận ra rằng tất cả xảy ra trong ý thức, còn ông là gốc rễ, là cội nguồn, là nền tảng của ý thức. Thế giới không gì khác hơn là một chuỗi dài những kinh nghiệm, và ông là cái làm cho những kinh nghiệm đó được biết, nhưng ông vẫn ở bên ngoài tất cả kinh nghiệm. Cũng như nhiệt, ngọn lửa và củi đang cháy. Nhiệt duy trì ngọn lửa, lửa tiêu thụ củi. Nếu không có nhiệt thì không có ngọn lửa mà cũng chẳng có nhiên liệu. Tương tự như thế, nếu không có tánh biết thì không có ý thức mà cũng chẳng có sự sống, nó là cái biến vật chất thành phương tiện chuyên chở ý thức.

H: Ông bảo rằng nếu không có tôi thì không có thế giới, và thế giới cùng với cái biết của tôi về thế giới thì như nhau. Khoa học đã đi đến một kết luận hoàn toàn khác biệt: Thế giới tồn tại như một cái gì đó cụ thể và liên tục, còn tôi chỉ là một phó sản của tiến hóa sinh học thuộc thần kinh hệ, chính ra thần kinh hệ cũng không phải là nơi chốn của ý thức, mà chỉ là công cụ sinh tồn như một cá nhân và chủng loại. Quan điểm của ông hoàn toàn chủ quan, trong khi khoa học tìm cách mô tả mọi vật một cách khách quan. Liệu mâu thuẫn này là tất yếu?

M: Sự rắc rối thì hiển nhiên và hoàn toàn chỉ là ngôn từ. Cái gì là – *là*. Nó không phải chủ quan mà cũng chẳng phải khách quan. Vật chất và tâm không tách biệt, chúng chỉ là các phương diện của một năng lượng duy nhất. Nhìn tâm như một chức năng của vật chất, ông có khoa học; nhìn vật chất như sản phẩm của tâm, ông có tôn giáo.

H: Nhưng cái gì là đúng thật? Cái gì có trước, tâm hay vật chất?

M: Chẳng cái nào có trước vì không cái nào xuất hiện một mình. Vật chất là hình tướng, tâm là dang xưng. Cả hai cái tạo nên thế giới. Bao trùm

và xuyên suốt tất cả là Thực tại: Hiện hữu thuần túy – tánh biết – cực lạc – chính là thể tánh của ông.

H: Tất cả những gì tôi biết là một giòng ý thức, một chuỗi bất tận của các diễn tiến. Giòng thời gian trôi chảy, không ngừng đem đến và mang đi. Tiến trình chuyển hóa tương lai thành quá khứ diễn ra không bao giờ chấm dứt.

M: Thế không phải ông là nạn nhân của chính ngôn ngữ của ông? Ông nói về giòng chảy của thời gian như thể ông đứng yên. Những sự kiện ông chứng kiến hôm qua có thể ai đó sẽ thấy vào ngày mai. Chính ông chuyển động chứ không phải thời gian. Chấm dứt chuyển động thì thời gian sẽ ngừng.

H: Thời gian sẽ ngừng nghĩa là thế nào?

M: Quá khứ và tương lai sẽ hội nhập vào cái *bây giờ* vĩnh cửu.

H: Điều đó nghĩa là thế nào trong kinh nghiệm thực tế? Làm sao ông biết thời gian đã ngừng đối với ông?

M: Điều đó có thể có nghĩa là quá khứ và tương lai không còn quan trọng nữa. Mà cũng có nghĩa là tất cả những gì đã xảy ra và sẽ xảy ra trở thành một cuốn sách đang mở và có thể đọc theo ý muốn.

H: Tôi có thể hình dung một loại ký ức vũ trụ, có thể tiếp cận bằng một sự tu luyện nào đó. Nhưng làm sao có thể biết được tương lai? Cái bất ngờ là tất yếu.

M: Cái gì bất ngờ ở bình diện này lại chắc chắn có thể xảy ra khi nhìn từ một bình diện cao hơn. Xét cho cùng, chúng ta đều ở trong những giới hạn của tâm. Trong thực tế không có gì xảy ra, không có quá khứ mà cũng chẳng có tương lai; tất cả đều xuất hiện nhưng không có gì hiện hữu.

H: Không có gì hiện hữu nghĩa là thế nào? Ông trở nên vô ký, hay ngủ say? Hay ông làm cho thế giới biến mất và giữ chúng tôi trong tình trạng trống vắng cho đến khi chúng tôi được trả lại cho sự sống vào lúc ý nghĩ kế tiếp của ông chợt lóe lên?

M: Ồ, không, không đến nỗi tệ như thế đâu. Thế giới của tâm và vật, của danh xưng và hình tướng vẫn tiếp diễn, nhưng nó chẳng còn là quan trọng với Ta nữa. Cũng như cái bóng. Nó có đó, theo chân Ta bất cứ nơi nào Ta đến, nhưng không còn ngăn trở Ta nữa. Nó vẫn là thế giới của kinh nghiệm, nhưng không phải là thế giới của danh xưng và hình tướng liên hệ với Ta bởi tham ái và lo sợ. Các kinh nghiệm không còn đặc tính, mà chỉ là thuần kinh nghiệm nếu Ta có thể nói là như thế. Ta gọi chúng là kinh

nghiệm vì không còn từ ngữ nào thích hợp hơn. Chúng cũng như những con sóng trên bề mặt đại dương – tức cái thường tại – nhưng không tác động đến sức an định của đại dương.

H: Ông muốn nói là một kinh nghiệm có thể là vô danh xưng, vô hình tướng và không thể xác định?

M: Thoạt tiên, tất cả kinh nghiệm là như thế. Chính tham ái và lo sợ - sinh khởi từ ký ức – gán cho kinh nghiệm danh xưng và hình tướng, và tách biệt nó khỏi những kinh nghiệm khác.

Nó không phải là một kinh nghiệm ý thức được, vì nó không đối nghịch với những kinh nghiệm khác, nhưng nó vẫn là một kinh nghiệm.

H: Nếu nó không ý thức được, tại sao lại nói về nó?

M: Hầu hết kinh nghiệm của ông là vô thức. Những kinh nghiệm ý thức được thì rất ít. Ông không biết đến thực tế này, bởi vì đối với ông chỉ những kinh nghiệm ý thức được mới đáng kể. Phải biết cái vô thức.

H: Liệu một người có thể biết cái vô thức? Làm thế nào để biết?

M: Tham ái và lo sợ ngăn che và làm cho các yếu tố biến dạng. Khi tâm không còn tham ái và lo sợ thì cái vô thức trở nên có thể tiếp cận được.

H: Điều đó có nghĩa cái vô thức được trở thành ý thức?

M: Ngược lại thì đúng hơn. Ý thức trở thành một với vô thức. Khác biệt không còn nữa, ông muốn nhìn theo cách nào cũng thế.

H: Tôi thật bối rối. Làm sao một người có thể biết nhưng lại vô thức?

M: Tánh biết không giới hạn trong ý thức. Tánh biết thuộc về tất cả những gì hiện hữu. Ý thức thì thuộc về nhị nguyên. Không có nhị nguyên trong tánh biết. Tánh biết là một khối duy nhất của nhận thức thuần túy. Tương tự như thế, một người có thể nói về hiện hữu thuần túy và sáng tạo thuần túy – vô danh xưng, vô hình tướng, im lặng nhưng hoàn toàn chơn thật, mãnh liệt và hữu hiệu. Sự hiện hữu của chúng không thể mô tả được nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến chúng. Dù chúng là vô thức, nhưng rất thiết yếu. Ý thức không thể thay đổi một cách cơ bản, mà chỉ có thể sửa đổi. Tất cả mọi thứ, để thay đổi, phải trải qua cái chết, qua sự thoái hóa và hủy hoại. Một món trang sức bằng vàng phải được nấu chảy trước khi được đổ vào khuôn để tạo ra một hình dáng mới. Cái gì không chấp nhận chết đi thì không thể tái sinh.

H: Không kể đến cái chết của thân xác, một người chết như thế nào?

M: Rút lui, xa lánh, buông bỏ là chết. Để sống một cách viên mãn chết là thiết yếu; mỗi một kết thúc tạo ra một khởi đầu mới.

Mặt khác, phải hiểu được rằng chỉ người chết mới có thể chết, chứ không phải người sống. Cái đang sống trong ông thì bất tử.

H: Tham ái lấy năng lượng từ đâu?

M: Tham ái lấy danh xưng và hình tướng của nó từ ký ức. Năng lượng tuôn chảy từ cội nguồn.

H: Có những tham ái hoàn toàn sai lầm. Làm sao tham ái sai lầm lại chảy ra từ cội nguồn cao cả?

M: Cội nguồn thì không đúng mà cũng chẳng sai. Tự thân ước muốn thì không sai mà cũng chẳng đúng. Nó chỉ là sự phấn đấu cho hạnh phúc. Sau khi đồng hóa chính ông với hạt bụi thân xác, ông cảm thấy mất đi cội nguồn ấy và tìm kiếm một cách tuyệt vọng cái cảm giác đầy đủ và trọn vẹn mà ông gọi là hạnh phúc.

H: Tôi đã mất nó bao giờ? Tôi chưa bao giờ có nó.

M: Ông đã có nó trước khi ông thức dậy sáng nay. Hãy ra ngoài ý thức của ông và ông sẽ tìm thấy nó.

H: Làm sao tôi ra ngoài ý thức?

M: Ông biết rồi; hãy làm đi.

H: Đó là ông nói. Tôi chẳng biết gì về nó.

M: Ta lập lại – ông biết nó. Hãy làm đi. Hãy ra ngoài, trở lại với trạng thái bình thường, tự nhiên và siêu việt của ông.

H: Tôi không hiểu gì cả.

M: Một hạt bụi trong mắt khiến ông nghĩ ông mù. Hãy rửa mắt và nhìn.

H: Tôi vẫn nhìn! Và chỉ thấy bóng tối.

M: Hãy lấy hạt bụi ra và ánh sáng sẽ tràn vào mắt ông. Ánh sáng vẫn ở đó – chờ đợi. Mắt có đó – sẵn sàng. Bóng tối mà ông thấy chỉ là cái bóng của hạt bụi. Hãy lấy hạt bụi ra và trở lại trạng thái tự nhiên của ông.

***

81. Căn nguyên của sợ hãi

Maharaj: Ông ở đâu đến?

Hỏi: Tôi là người Mỹ nhưng hầu hết thời gian sống ở Âu châu và mới đến Ấn Độ. Tôi có lưu lại hai tịnh xá ở *Rishikesh*, học thiền quán và cách hít thở.

M: Ông ở đó bao lâu?

H: Tôi đã lưu lại một tịnh xá tám ngày, và một tịnh xá khác sáu ngày. Tôi không cảm thấy vui thích ở đó và đã bỏ đi. Sau đó tôi sống gần các Lạt

ma Tây tạng ba tuần, và nhận thấy tất cả sinh hoạt của họ đều khép kín trong các công thức và nghi lễ.

M: Kết quả thực sự thu được sau các lần đó là gì?

H: Hiển nhiên là nội lực của tôi có gia tăng. Trước khi đi *Rishikesh* tôi có nhịn ăn một thời gian và theo chế độ ăn kiêng ở viện An Dưỡng và Trị Liệu Tự Nhiên ở *Pudukkotai* thuộc Nam Ấn. Kết quả đối với tôi rất tốt.

M: Có lẽ nội lực gia tăng là do sức khỏe tốt hơn.

H: Tôi không rõ. Nhưng kết quả của những lần tu tập là nhiệt năng bắt đầu phát ra và ở nhiều chỗ khác nhau trong cơ thể tôi, và tôi nghe tiếng tụng kinh và tiếng nói mặc dù không có trong thực tế.

M: Thế bây giờ ông theo đuổi cái gì?

H: Hừ! Tất cả chúng ta theo đuổi cái gì nhỉ? Một sự thật nào đó, một sự an định nội tâm nào đó, một thứ hạnh phúc chơn thật nào đó. Trong các trường hợp khác nhau về sự giác ngộ chính mình, người ta nói rất nhiều về tánh biết, khiến cho người nghe có cảm tưởng rằng tự thân tánh biết là thực tại tối thượng; liệu có thật là như thế? Thân xác được bộ óc chăm sóc, bộ óc được ý thức chiếu sáng, tánh biết trông nom cho ý thức; liệu có gì bên ngoài tánh biết?

M: Làm sao ông biết ông biết?

H: Tôi cảm thấy tôi hiện hữu. Tôi không thể diễn tả bằng cách nào khác hơn.

M: Khi ông để ý theo dõi từ não bộ qua ý thức đến tánh biết, ông nhận thấy ý thức nhị nguyên luôn luôn có đó. Ở ngoài tánh biết là trạng thái bất nhị, trong đó không có nhận thức mà chỉ có hiện hữu thuần túy, mà còn có thể được gọi là phi hiện hữu, nếu ông hiểu hiện hữu có nghĩa là một cái gì đó riêng biệt.

H: Cái ông gọi là hiện hữu thuần túy có phải là hiện hữu vũ trụ, là tất cả mọi vật?

M: Tất cả hàm ý một tập hợp của những cái riêng biệt. Trong hiện hữu thuần túy ngay chính ý tưởng về sự riêng biệt không có.

H: Có sự liên hệ nào giữa hiện hữu thuần túy và hiện hữu riêng biệt?

M: Cái gì có thể là sự liên hệ giữa cái *là* và cái chỉ có vẻ như là? Liệu có sự liên hệ nào giữa biển và sóng? Cái thật làm cho cái không thật xuất hiện, và làm cho nó biến mất. Sự tiếp nối của những khoảnh khắc thoáng qua tạo nên ảo tưởng về thời gian, nhưng thực tại vô thời của hiện hữu thuần túy thì không hề chuyển động, vì tất cả chuyển động đều cần có một hậu cảnh bất

động. Thực tại chính là hậu cảnh. Một khi đã nhận ra nó trong ông, ông sẽ biết được rằng chưa bao giờ ông đã mất sự hiện hữu bất tùy thuộc đó, nó bất tùy thuộc mọi phân chia và khác biệt. Nhưng đừng tìm nó trong ý thức, ông sẽ không thấy nó trong đó. Đừng tìm kiếm nó bất cứ đâu vì không có gì dung chứa nó. Trái lại, nó dung chứa tất cả và làm cho tất cả thị hiện. Cũng như ánh sáng, nó làm cho tất cả trở nên hữu hình nhưng chính nó thì vẫn vô hình.

H: Thưa ông, khi nói cho tôi biết không thể tìm thấy thực tại trong ý thức thì điều này có ích gì cho tôi? Tôi phải tìm kiếm nó ở nơi nào khác? Làm sao ông hiểu rõ nó?

M: Nó rất đơn giản. Nếu Ta hỏi miệng ông có vị gì, thì ông chỉ có thể trả lời: Nó không ngọt mà cũng không đắng, không chua mà cũng không chat; nó là cái gì còn lại sau khi tất cả các vị này không có. Tương tự như thế, khi tất cả mọi khác biệt và phản ứng không còn, cái còn lại là thực tại, đơn giản và chắc chắn.

H: Tôi chỉ hiểu có một điều là tôi đang ở trong tầm khống chế của một ảo ảnh không có sự bắt đầu. Tôi không biết nó sẽ kết thúc như thế nào. Nếu kết thúc được thì nó đã kết thúc từ lâu lắm rồi. Chắc chắn là tôi đã phải có rất nhiều cơ hội trong quá khứ cũng như tôi sẽ phải có trong tương lai. Cái không thể xảy ra thì không thể xảy ra. Hoặc, nếu đã xảy ra thì nó không thể tồn tại lâu. Tình trạng đáng thương của chúng ta sau hàng triệu năm, nếu tốt nhất thì chuyên chở sự hứa hẹn của một sự tận diệt tối hậu, còn xấu nhất thì mối đe dọa của một sự lập đi lập lại bất tận và vô nghĩa.

M: Bằng chứng nào mà ông cho rằng trạng thái hiện tại của ông không có sự bắt đầu và cũng không chấm dứt? Trước khi ông sinh ra ông đã như thế nào? Sau khi ông chết đi ông sẽ ra sao? Còn về trạng thái hiện tại của ông – ông biết được bao nhiêu? Thậm chí trạng thái của ông trước khi thức dậy sáng nay ông còn không biết. Ông chỉ biết rất ít về trạng thái hiện tại của ông rồi căn cứ vào đó ông rút ra kết luận về mọi thời và mọi nơi. Có thể ông đang chiêm bao và tưởng tượng giấc chiêm bao của ông là vĩnh cửu.

H: Có gọi trạng thái hiện tại của tôi là chiêm bao thì cũng chẳng thay đổi được tình thế. Tôi lập lại câu hỏi của tôi: Còn hy vọng gì khi cái vĩnh cửu đằng sau tôi không thể đáp ứng? Tại sao tương lai của tôi lại khác biệt với quá khứ?

M: Trong trạng thái xúc động, ông phóng chiếu ra quá khứ và tương lai, rồi cho đó là thật. Thật ra, ông chỉ biết khoảnh khắc hiện tại của ông. Tại sao không tìm hiểu cái gì là bây giờ, thay vì thắc mắc quá khứ và tương lai tưởng tượng? Trạng thái hiện tại của ông không phải không có sự khởi đầu hoặc không có sự kết thúc. Nó qua đi trong chớp nhoáng. Quan sát kỹ xem nó từ đâu đến và nó đi đâu. Ông sẽ sớm nhận ra thực tại phi thời đằng sau nó.

H: Tại sao trước kia tôi không làm điều này?

M: Cũng như mọi con sóng chìm lắng vào đại dương thì mỗi một khoảnh khắc trở về với cội nguồn của nó. Giác ngộ là tìm ra nguồn gốc và an trú ở đó.

H: Ai tìm ra?

M: Tâm tìm ra.

H: Tâm có tìm ra câu trả lời?

M: Tâm tìm ra rằng nó không còn lại câu hỏi nào, vì chẳng có câu trả lời nào là cần thiết.

H: Sinh ra là một thực tế. Chết đi là một thực tế khác. Chúng xuất hiện như thế nào đối với nhân chứng?

M: Một đứa trẻ được sinh ra, và một người chết đi - chỉ là những sự kiện trên giòng thời gian.

H: Có sự tiến bộ nào trong nhân chứng không? Tánh biết có tiến hóa không?

M: Cái được thấy có thể trải qua nhiều thay đổi khi ánh sáng của tánh biết tập trung vào nó, nhưng thay đổi là đối tượng thay đổi, chứ không phải ánh sáng. Cây cối tăng trưởng trong ánh sáng mặt trời, nhưng mặt trời thì không hề tăng trưởng. Tự thân thân xác và nhân chứng thì bất động, nhưng khi được đem vào tâm thì chúng có vẻ như chuyển động.

H: Vâng, tôi có thể thấy cái chuyển động và thay đổi chỉ là cái "Ta hiện hữu". Cái "Ta hiện hữu" có cần thiết không?

M: Ai cần nó? Nó có đó – ngay bây giờ. Nó đã có một sự khởi đầu và nó sẽ có một sự chấm dứt.

H: Cái gì còn lại sau khi cái "Ta hiện hữu" ra đi?

M: Cái không đến không đi – còn lại. Chính cái tâm tham lam đẻ ra những ý tưởng về phát triển và tiến hóa để đi đến sự toàn hảo. Chính tâm gây rối nhưng lại nói về ổn định, phá hoại nhưng lại tìm kiếm sự an toàn.

H: Trong định mệnh, trong nghiệp có sự tiến bộ không?

M: Nghiệp – Karma – chỉ là cái kho tàng trữ những năng lượng chưa được sử dụng, những tham ái chưa được thỏa mãn và những sợ hãi chưa được hiểu rõ. Kho chứa thường xuyên được cung cấp thêm những tham ái và lo sợ mới. Nó không cần phải như thế mãi mãi. **Hiểu rõ: căn nguyên của sợ hãi là sự xa lìa chính ông; hiểu rõ: nguồn gốc của tham ái là sự khao khát cái Ta**, thì nghiệp của ông sẽ tan biến như một giấc chiêm bao. Sự sống vẫn tiếp diễn giữa trời và đất. Chẳng có gì bị ảnh hưởng, chỉ có thân xác tăng trưởng và hư hoại.

H: Sự liên hệ giữa con người và nhân chứng là gì?

M: Không thể có sự liên hệ giữa con người và nhân chứng vì cả hai chỉ là một. Đừng phân chia và đừng tìm kiếm sự liên hệ.

H: Nếu người thấy và cái bị thấy là một thì tại sao phân chia lại xảy ra?

M: Bị mê hoặc bởi danh xưng và hình tướng – mà bản chất của chúng là khác biệt và đa dạng – ông phân biệt cái gì là tự nhiên và phân chia cái gì là một duy nhất. Thế giới thì phong phú trong tính đa dạng, nhưng ông cảm thấy xa lạ và sợ hãi là vì ông hiểu sai. Chính thân xác gặp nguy hiểm, chứ không phải ông.

H: Tôi có thể thấy nỗi sợ sinh học cơ bản – bản năng bỏ chạy – xuất hiện dưới nhiều hình tướng và làm cho ý nghĩ và cảm xúc của tôi biến dạng. Sự lo sợ này xuất hiện như thế nào?

M: Nó là một trạng thái của tâm sinh khởi từ ý tưởng "Ta là thân xác". Cả hai ý tưởng đều sai lầm, nhưng cái này loại trừ cái kia. Nên nhớ rằng không có ý tưởng nào là của chính ông, chúng đến với ông từ bên ngoài. Ông phải quán tưởng cho ra lẽ, ông phải trở thành đối tượng mà ông thiền quán. Nỗ lực tìm hiểu chính ông là *Yoga*. Hãy là một Yogi, hãy dành trọn cuộc sống cho Yoga, hãy tư duy, tìm hiểu, tìm kiếm cho đến khi ông đến tận nguồn gốc của sai lầm, và chân lý ở ngoài mọi sai lầm.

H: Ai thiền trong thiền? Con người hay nhân chứng?

M: Thiền là một sự dụng công có chủ đích nhằm xuyên thủng vào những trạng thái cao hơn của ý thức và cuối cùng vượt ra ngoài ý thức. Nghệ thuật của thiền là nghệ thuật thay đổi tiêu điểm của sự chú ý đối với những giai tầng mỗi lúc một vi tế hơn của ý thức, mà không lơi lỏng những giai tầng bỏ lại phía sau. Về một phương diện, thiền cũng như trạng thái chết được kiểm soát. Một người bắt đầu với những giai tầng thấp nhất: Các hoàn cảnh, tập quán và thói quen xã hội; môi trường vật lý xung quanh, tư thế và cách thở của thân xác; các giác quan cùng với các cảm giác và nhận

thức; tâm cùng với những ý nghĩ và cảm thọ; cho đến khi toàn thể bộ máy về tính cách con người được hiểu và được nắm chắc. Giai đoạn cuối cùng của thiền được đạt đến khi ý thức nhận dạng vượt ra khỏi trạng thái "Ta là thế này thế nọ," vượt ra khỏi trạng thái "như vậy là Ta," vượt ra khỏi trạng thái "Ta chỉ là nhân chứng," vượt ra khỏi trạng thái "đó là," vượt ra khỏi tất cả mọi ý tưởng để nhập vào sự hiện hữu thuần túy phi nhân cách cá nhân. Nhưng ông phải rất mãnh liệt khi hành thiền. Chắc chắn hành thiền không phải là một công việc bán thời gian (*part-time occupation*). Giới hạn những quan tâm và sinh hoạt chỉ trong những gì cần thiết cho ông và những nhu cầu tối thiểu của những người tùy thuộc ông. Dành hết năng lượng và thời gian để phá vỡ bức tường mà tâm đã dựng lên quanh ông. Cứ tin Ta đi, ông sẽ không ân hận đâu.

H: Làm sao tôi biết được kinh nghiệm của tôi có tính cách vũ trụ?

M: Vào lúc chấm dứt của thiền tất cả đều được biết một cách trực tiếp, chẳng cần đến bất cứ bằng chứng nào. Cũng như mỗi một giọt nước biển đều mang mùi vị của biển, thì mỗi một khoảnh khắc đều mang mùi vị của vĩnh cửu. Định nghĩa và mô tả có một vị trí nhất định như là những khuyến khích hữu ích cho sự tìm hiểu sâu xa hơn, nhưng ông phải vượt ra khỏi mọi định nghĩa và mô tả - ngoại trừ những ngôn từ phủ định – để đi vào cái bất khả định nghĩa và bất khả mô tả.

Xét cho cùng, ngay cả tính vũ trụ và tính vĩnh cửu đơn thuần chỉ là khái niệm – là sự đối nghịch của những gì bị ràng buộc bởi nơi chốn và thời gian. Thực tại thì không phải là một khái niệm, mà cũng không phải là sự thị hiện của một khái niệm. Thực tại không hề liên quan đến khái niệm. Hãy chú ý đến tâm ông, loại bỏ những biến dạng và cấu nhiễm của nó. Một khi đã chứng nghiệm cái Ta của chính ông, ông sẽ tìm thấy nó ở bất cứ đâu và trong mọi thời. Do đó, đến với cái Ta của ông là quan trọng như thế. Một khi đã biết nó, ông không bao giờ có thể mất nó.

Nhưng ông phải dành cho chính ông cơ hội qua sự hành thiền thâm sâu, và thậm chí là gian khổ.

H: Một cách chính xác ông muốn tôi phải làm gì?

M: Dành trọn trái tim và tâm trí suy gẫm cái "Ta hiện hữu", nó là cái gì? nó là thế nào? nguồn gốc của nó, cuộc sống của nó, ý nghĩa của nó là gì? Cũng giống như đào giếng. Ông từ chối tất cả những gì không phải là nước, cho đến khi đạt đến giòng nước đem lại sự sống.

H: Làm sao tôi biết mình đi đúng đường?

M: Bằng sự tiến bộ của ông trong quyết tâm, trong sự trong sáng và tận tình với công việc ông theo đuổi.

H: Người Âu châu chúng tôi nhận thấy giữ im lặng thật là khó. Thế giới thì quá nhiều với chúng tôi?

M: Ồ không, người Ấn cũng là những kẻ chiêm bao. Chúng ta chỉ khác nhau về nội dung của giấc chiêm bao. Các ông theo đuổi sự toàn hảo trong tương lai. Người Ấn miệt mài tìm kiếm nó trong hiện tại. Chỉ cái hữu hạn mới có thể được làm cho toàn hảo. Cái vô hạn thì đã toàn hảo. Ông đã toàn hảo nhưng chỉ có điều là ông không biết ông toàn hảo. Hãy học cách biết chính ông và ông sẽ khám phá ra những điều kỳ diệu.

Tất cả những gì ông cần đều sẵn có trong ông, nhưng ông phải tiếp cận cái Ta của ông với lòng tôn kính và tình yêu. Lên án cái Ta và ngờ vực cái Ta là những sai lầm nghiêm trọng. Hành vi chạy trốn đau đớn và tìm kiếm lạc thú của ông là dấu hiệu của tình yêu ông mang cho cái Ta của ông. Tất cả những gì Ta có thể nói với ông là: Hãy yêu cái Ta của ông một cách toàn hảo. Đừng từ chối chính ông bất cứ gì – hãy cho cái Ta của ông sự vô tận và vĩnh cửu, và ông sẽ nhận ra rằng ông chẳng cần đến chúng; ông siêu vượt ra ngoài.

***

82. Sự toàn hảo tuyệt đối ở đây và bây giờ

Hỏi: Chiến tranh đang xảy ra. Thái độ của ông đối với chiến tranh như thế nào?

Maharaj: Chiến tranh luôn xảy ra dưới hình thức này hay hình thức khác, ở nơi này hay nơi khác. Liệu có bao giờ chưa từng có chiến tranh? Có người cho rằng chiến tranh là ý Chúa. Có người bảo đó là trò chơi của Thượng đế. Đó là một cách nói chiến tranh là tất yếu và chẳng có ai là người chịu trách nhiệm.

H: Nhưng thái độ của riêng ông thì thế nào?

M: Tại sao lại áp đặt thái độ lên Ta? Ta không có thái độ nào gọi là của riêng Ta.

H: Chắc chắn phải có người chịu trách nhiệm về những tàn sát kinh hoàng và vô nghĩa này. Tại sao người ta có thể sẵn sàng chém giết nhau như thế?

M: Hãy tìm ra thủ phạm bên trong. Những ý tưởng như "ta" và "của ta" ở ngay nguồn gốc của mọi xung đột. Loại bỏ chúng và ông sẽ thoát khỏi xung đột.

H: Tôi thoát ra khỏi xung đột thì đã sao? Điều đó sẽ chẳng tác động gì đến chiến tranh. Nếu tôi là nguyên nhân của chiến tranh thì tôi sẵn sàng để bị tiêu diệt. Nhưng rõ ràng là sự biến mất của hàng ngàn người như tôi vẫn không chấm dứt được chiến tranh. Chiến tranh không bắt đầu khi tôi được sinh ra, và sẽ không kết thúc khi tôi chết đi. Tôi chẳng có trách nhiệm gì. Ai là kẻ chịu trách nhiệm?

M: Xung đột và chiến tranh là một phần của sự tồn tại. Tại sao ông không tìm hiểu ai là kẻ trách nhiệm về sự tồn tại?

H: Tại sao ông cho rằng tồn tại và xung đột là bất khả phân? Liệu không thể nào có sự tồn tại mà không có xung đột? Tôi không cần phải tranh đấu với ai để là chính tôi cả?

M: Ông luôn luôn tranh đấu với tha nhân để sinh tồn như một thân-tâm riêng biệt, một danh xưng và hình tướng đặc thù. Để sống ông phải tiêu diệt. Ngay từ lúc nhập thai ông đã khởi sự một cuộc chiến với môi trường quanh ông – một cuộc chiến hủy diệt tương tàn, cho đến khi cái chết giải thoát ông.

H: Câu hỏi của tôi vẫn chưa được trả lời. Ông chỉ mô tả những gì tôi đã biết: Cuộc đời và những nỗi đau khổ của nó. Nhưng ai là kẻ chịu trách nhiệm thì ông không nói. Khi tôi dồn ép ông thì ông đổ lỗi cho Thượng đế, cho nghiệp, hoặc tham ái của chính tôi – và như thế chỉ đẻ ra thêm câu hỏi. Xin cho tôi câu trả lời chung cuộc.

M: Câu trả lời chung cuộc là: Chẳng có gì hiện hữu. Tất cả chỉ là sự xuất hiện nhất thời trong phạm trù của ý thức vũ trụ; tiếp tục với danh xưng và hình tướng chỉ là sự dựng lập của tâm, rất dễ tan rã.

H: Tôi hỏi về cái tức thời, cái biến diệt, cái biểu hiện. Đây là tấm ảnh của một đứa trẻ bị lính giết. Đó là một thực tế đang trừng mắt nhìn ông. Ông không thể phủ nhận nó. Sao, ai là kẻ chịu trách nhiệm về cái chết của đứa trẻ?

M: Chẳng có ai chịu trách nhiệm và mọi người đều chịu trách nhiệm. Thế giới là những gì nó dung chứa và mỗi cái tác động đến tất cả những cái khác. Tất cả chúng ta giết đứa trẻ và tất cả chúng ta cùng chết với nó. Mỗi một sự kiện có vô số nguyên nhân, và gây ra vô số hậu quả. Ngồi tính sổ chỉ là chuyện vô ích, không gì có thể truy tìm được.

H: Người Ấn các ông nói về nghiệp và quả báo.

M: Đó chỉ là một phỏng định chung chung, trong thực tế tất cả chúng ta đều là người tạo ra và vật được tạo ra của lẫn nhau, chúng ta gây nên và

hứng chịu những gánh nặng của lẫn nhau.

H: Như thế là kẻ vô tội chịu đau khổ cho kẻ có tội?

M: Trong sự vô minh của ông, chúng ta đều vô tội; trong hành động của chúng ta, chúng ta đều có tội. Chúng ta phạm tội mà không biết, và đau khổ mà không hiểu tại sao. Hy vọng duy nhất của chúng ta là: Dừng lại, quan sát, hiểu và thoát ra khỏi sự giam cầm của ký ức. Vì ký ức nuôi dưỡng tưởng tượng và tưởng tượng đẻ ra tham ái và lo sợ.

H: Tại sao tôi lại tưởng tượng?

M: Ánh sáng của ý thức chiếu qua cuốn phim ký ức và phóng chiếu hình ảnh lên não bộ của ông. Vì tình trạng kém cỏi và bất ổn của não bộ, những gì ông nhận thức bị vo tròn bóp méo và được tô mầu bởi những cảm tính thích và không thích. Tu sửa cách suy nghĩ của ông cho ngay thẳng, và loại bỏ những cảm tính phụ thêm vào, ông sẽ thấy con người và sự vật như thị, với tất cả sự trong sáng và bao dung.

Nhân chứng của sự sinh ra, sống và chết là một, và như nhau. Đó cũng là nhân chứng của sự đau khổ và tình yêu. Vì, mặc dù sống trong cái hữu hạn và phân chia là đau khổ, nhưng chúng ta vẫn yêu cuộc sống. Chúng ta yêu nó và cũng ghét nó. Chúng ta gây chiến, chém giết, tiêu diệt sinh mạng và tài sản, nhưng chúng ta vẫn yêu thương và hy sinh chính mình. Chúng ta nuôi nấng một đứa trẻ thật trìu mến nhưng cũng biến nó thành mồ côi. Cuộc đời đầy những mâu thuẫn, nhưng chúng ta vẫn bám víu vào nó. Sự bám víu này có trong nguồn gốc của tất cả, nhưng vẫn hoàn toàn hời hợt. Chúng ta bám víu vào một cái gì đó hoặc một ai đó với tất cả sức mạnh, nhưng chỉ một lát sau là quên ngay; cũng như một đứa trẻ nặn bánh đất và từ bỏ chúng rất dễ dàng. Nếu ai đụng đến những cái bánh đất thì nó la hét giận dữ, nhưng nếu làm cho nó chú ý đến một cái gì khác thì những cái bánh đất kia sẽ bị quên ngay. Vì cuộc sống của chúng ta là *bây giờ*, và tình yêu cuộc sống cũng là *bây giờ*. Chúng ta yêu tính đa dạng – trò chơi của đau khổ và lạc thú – chúng ta bị mê hoặc bởi sự tương phản. Chính vì thế chúng ta cần những cái đối nghịch và tính phân chia hiển nhiên của nó. Chúng ta vui thích nó trong một lúc rồi chán chê và khao khát sự an định và tĩnh lặng của hiện hữu thuần túy. Trái tim vũ trụ không bao giờ ngừng đập. Ta là nhân chứng và cũng là trái tim đó.

H: Tôi có thể thấy bức tranh, nhưng ai là người vẽ? Ai là kẻ chịu trách nhiệm về kinh nghiệm khủng khiếp nhưng vẫn đáng yêu này?

M: Người vẽ ở ngay trong bức tranh. Ông tách người vẽ ra khỏi bức tranh và đi tìm người vẽ. Đừng phân chia và cũng đừng đặt những câu hỏi không đúng. Mọi vật là như chúng là và chẳng có một ai riêng biệt chịu trách nhiệm. Ý tưởng về trách nhiệm cá nhân khởi sinh từ ảo tưởng về tác nhân: "Chắc có ai đã làm điều đó, vì thế phải có ai đó chịu trách nhiệm." Xã hội như hiện nay, với những khuôn khổ pháp luật và tập quán, được dựng lập trên ý tưởng về một tính cách cá nhân riêng biệt và có trách nhiệm, nhưng đó không phải hình thức duy nhất của xã hội. Có thể có những hình thức khác, mà trong đó ý thức về sự phân chia rất mơ hồ và trách nhiệm thì rất phân tán.

H: Một cá nhân chỉ có ý thức mờ nhạt về tính cách con người thì liệu có kề cận với sự giác ngộ chính mình?

M: Lấy trường hợp của một đứa trẻ. Ý thức về cái "Ta hiện hữu" chưa thành hình, tính cách con người còn rất phôi thai. Những chướng ngại đối với sự nhận biết cái Ta còn rất ít, nhưng cường độ và mức độ trong sáng của sự biết, cũng như chiều rộng và chiều sâu của sự biết thì hầu như không có. Cùng với thời gian sự biết sẽ tăng trưởng dần, nhưng đồng thời tính cách con người tiềm tàng dần dần xuất hiện, từ lờ mờ trở thành phức tạp. Cũng như gỗ càng chắc thì lửa càng nóng, tính cách con người càng mạnh thì ánh sáng – phát sinh từ sự hủy diệt của nó – càng rực rỡ.

H: Ông không còn phiền toái?

M: Ta còn phiền toái chứ. Ta đã nói với ông rồi. Hiện hữu, tồn tại với một danh xưng và hình tướng thì đầy đau khổ, nhưng Ta yêu nó.

H: Nhưng ông yêu tất cả!

M: Tồn tại dung chứa tất cả. Bản tánh của Ta là yêu; ngay cả đau đớn cũng đáng yêu.

H: Nhưng điều đó không làm cho đau đớn bớt đi đau đớn. Tại sao ông không ở trong cái vô hạn?

M: Chính bản năng khám phá, tình yêu của cái không biết đã đem Ta vào hiện hữu. Chính bản chất của hiện hữu là thấy sự phiêu lưu trong sự trở thành, cũng như trong bản chất của sự trở thành là tìm kiếm sự an định trong hiện hữu. Sự luân phiên của hiện hữu và trở thành là tất yếu; nhưng ngôi nhà của Ta ở ngoài cả hai.

H: Thế ngôi nhà của ông ở trong Thượng đế?

M: Yêu kính và tôn thờ một Thượng đế cũng là vô minh. Ngôi nhà của Ta ở ngoài mọi quan niệm, dù cao cả đến đâu.

H: Nhưng Thượng đế không phải là một quan niệm! Thượng đế là thực tại ở ngoài sự tồn tại.

M: Ông có thể dùng bất cứ ngôn từ nào ông thích. Bất cứ gì ông có thể nghĩ tưởng được – thì Ta ở ngoài.

H: Một khi ông đã biết nhà của ông, vì sao ông không ở nhà? Điều gì khiến ông ra khỏi nhà?

M: Một người được sinh ra từ tình yêu sự hiện hữu tập thể, và một khi được sinh ra người đó dính líu với định mệnh. Định mệnh thì không thể tách ra khỏi sự trở thành. Ước muốn là một cái gì riêng biệt khiến ông trở thành một con người với tất cả quá khứ và tương lai riêng tư của nó. Hãy nhìn một vĩ nhân nào đó, người đó thật phi thường làm sao! Nhưng cuộc đời của người đó cũng vô cùng rắc rối và những thành quả thì cũng giới hạn. Tính cách con người của con người thật tùy thuộc làm sao, và thế giới của người đó cũng thờ ơ là thế. Nhưng chúng ta yêu quí tính cách con người và bảo vệ nó vì chính sự tầm thường của nó.

H: Chiến tranh đang xảy ra và có không biết bao nhiêu hỗn loạn, nếu như ông được yêu cầu điều hành một trung tâm nuôi dưỡng nạn nhân. Ông được cung cấp tất cả những phương tiện cần thiết, vấn đề duy nhất là hoàn thành công việc. Liệu ông có từ chối một đề nghị như thế không?

M: Làm việc hay không làm việc là một và như nhau đối với Ta. Có thể Ta đảm nhận mà cũng có thể không. Có thể nhiều người khác có khả năng thích hợp cho những công việc như thế hơn Ta – chẳng hạn như những nhà cung cấp và phân phối thực phẩm chuyên nghiệp. Nhưng thái độ của Ta thì khác. Ta không xem chết như là một tai họa, cũng như Ta không vui mừng khi một đứa trẻ được sinh ra. Đứa trẻ được sinh ra để chuốc lấy phiền não còn người chết thoát khỏi phiền não. Ràng buộc với cuộc đời là ràng buộc với đau khổ. Chúng ta yêu quý cái đem lại cho chúng ta đau khổ. Bản chất của chúng ta là thế.

Đối với Ta lúc chết đi sẽ là lúc vui mừng, chứ không phải là lúc sợ hãi. Ta đã khóc khi sinh ra nhưng sẽ cười vui khi chết.

H: Khi chết sự thay đổi trong ý thức diễn ra thế nào?

M: Ông mong đợi một sự thay đổi nào? Khi buổi chiếu phim chấm dứt, tất cả sẽ như lúc bắt đầu. Trạng thái trước khi ông sinh ra cũng là trạng thái sau khi ông chết đi, nếu ông còn nhớ.

H: Tôi chẳng nhớ gì cả.

M: Vì ông không bao giờ thử. Đó chỉ là vấn đề điều chỉnh tâm. Dĩ nhiên là cần phải được tập luyện.

H: Vì sao ông không tham gia công tác xã hội?

M: Nhưng Ta có làm gì khác đâu! Công tác xã hội nào mà ông muốn Ta làm? Chắp vá không phải là việc của Ta. Quan điểm của Ta rất rõ ràng: Sản xuất để phân phối, cho người khác ăn trước khi mình ăn, cho trước khi nhận, nghĩ đến tha nhân trước khi nghĩ đến chính mình. Chỉ một xã hội vô vị kỷ, đặt nền tảng trên sự chia sẻ thì mới vững bền và hạnh phúc. Đó là giải pháp thực tiễn duy nhất. Nếu các ông không cần nó thì – chiến tranh.

H: Tất cả vấn đề là thuộc về các *Gunas*. Khi *Tamas* và *Rajas* thắng thế, chiến tranh xảy ra. Khi *Sattva* trị vì, thế giới an lạc.

M: Ông muốn nói thế nào tùy ý, rốt cuộc thì cũng như nhau. Xã hội con người được xây dựng trên nhiều nguyên do. Đặt thiện chí vào nền tảng của xã hội thì các ông chẳng cần đến các nhân viên xã hội chuyên ngành.

H: Thế giới sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

M: Lẽ ra thế giới có thể luôn luôn tốt đẹp hơn, nhưng nó đã không thể. Hy vọng gì ở tương lai? Dĩ nhiên là xưa nay và sau này vẫn luôn luôn có những thời kỳ hài hòa và an lạc khi *Sattva* thăng tiến, nhưng mọi cái sẽ bị hủy diệt bởi sự toàn hảo của chính nó. Một xã hội toàn hảo thì nhất thiết phải dừng lại, và một sự bất động sẽ đưa đến trì trệ và thoái hóa. Từ tột đỉnh mọi con đường đều đi xuống. Xã hội cũng như con người: Được sinh ra, phát triển đến một điểm nào đó tương đối hoàn hảo rồi băng hoại và chết đi.

H: Liệu có thể nào có sự toàn hảo tuyệt đối không bao giờ băng hoại?

M: Bất cứ gì có sự bắt đầu đều chấm dứt. Trong cái vô thời tất cả đều toàn hảo, tại đây và bây giờ.

H: Nhưng liệu chúng ta có thể đạt đến cái vô thời theo giòng thời gian?

M: Theo giòng thời gian chúng ta sẽ trở về điểm khởi đầu. Thời gian không thể đưa chúng ta ra khỏi thời gian, cũng như không gian không thể đem chúng ta ra khỏi không gian. Tất cả những gì ông có thể có được bằng sự chờ đợi là chờ đợi thêm. Hoàn toàn tuyệt đối là tại đây và bây giờ, chứ không phải trong một tương lai, dù xa hay gần. Bí quyết là ở trong hành động – tại đây và bây giờ. Chính thái độ của ông khiến ông không thấy chính ông. Từ bỏ bất cứ gì ông nghĩ ông là, và hành động như thể ông đã là toàn hảo tuyệt đối – dù ý tưởng về sự toàn hảo của ông là bất cứ gì. Tất cả ông cần là lòng can đảm.

H: Tôi tìm được sự can đảm đó ở đâu?

M: Dĩ nhiên là trong chính ông. Hãy nhìn vào bên trong.

H: Ân đức của ông có thể giúp tôi.

M: Ân đức của Ta là nói với ông ngay bây giờ: Nhìn vào bên trong. Ông có tất cả những gì ông cần. Hãy sử dụng nó. Hành sử một cách tốt nhất mà ông biết, hãy làm những gì ông nghĩ ông phải làm. Đừng sợ phạm sai lầm vì ông luôn luôn có thể sửa sai, chỉ ý định mới quan trọng. Ông không thể quyết định sự việc xảy ra thế nào nhưng nguyên do của hành động hoàn toàn ở trong quyền năng của ông

H: Làm sao hành động phát sinh từ cái bất toàn hảo có thể đưa đến cái toàn hảo?

M: Hành động không đưa đến sự toàn hảo; sự toàn hảo được thể hiện trong hành động. Bao giờ ông còn phán xét chính ông bằng những thể hiện của ông thì hãy dành cho chúng tất cả chú ý; khi nhận ra sự hiện hữu của chính ông thì cách hành sử của ông sẽ toàn hảo – một cách tự sinh khởi.

H: Nếu tôi hoàn hảo phi thời gian, thế tại sao tôi lại được sinh ra? Mục đích của cuộc đời này là gì?

M: Câu ông hỏi cũng như: Cái gì làm lợi cho vàng khi được làm thành đồ trang sức? Đồ trang sức có được mầu sắc và cái đẹp của vàng, còn vàng không hề được làm cho giầu thêm. Tương tự như thế, thực tại được thể hiện trong hành động làm cho hành động có ý nghĩa và tốt đẹp.

H: Cái thật được gì qua những thể hiện của nó?

M: Cái thật có thể được gì? Chẳng được gì cả. Chính bản chất của tình yêu là thể hiện chính nó, khẳng định chính nó, và vượt qua mọi khó khăn. Một khi đã hiểu được rằng thế giới là tình yêu trong hành động, ông sẽ nhìn nó hoàn toàn khác. Nhưng trước tiên thái độ của ông đối với đau khổ phải thay đổi. Trước tiên đau khổ kêu gọi sự chú ý, mà chính sự chú ý là một động thái của tình yêu. Còn hơn cả hạnh phúc, tình yêu muốn sự phát triển, khơi sâu và mở rộng ý thức và sự hiện hữu. Bất cứ gì ngăn trở đều trở thành một nguyên nhân của đau khổ, và tình yêu thì không trốn tránh đau khổ. Không được ngăn trở *Sattva* – nguồn năng lượng hoạt động cho sự công bằng và phát triển một cách trật tự. Khi bị ngăn trở nó sẽ quay ngược lại với chính nó và trở nên phá hoại. Khi nào tình yêu bị kiềm hãm và đau khổ được phép hoành hành thì chiến tranh là bất khả tránh. Sự thờ ơ của chúng ta với nỗi đau khổ của người láng giềng sẽ đem đau khổ đến ngay ngưỡng cửa của chúng ta.

***

83. Chân sư

Hỏi: Hôm nọ ông nói rằng nguồn gốc sự giác ngộ của ông là tín tâm đối với Tôn sư. Ngài cam đoan với ông rằng ông đã là Thực tại Tối thượng và chẳng cần làm gì nữa. Ông tin tưởng Tôn sư và cứ giữ nguyên như thế, không cần phải căng thẳng hay phấn đấu. Câu hỏi của tôi là: Nếu không đặt tín tâm vào Tôn sư, liệu ông đã có thể giác ngộ? Xét cho cùng, ông là cái ông là dù tâm ông có tin Tôn sư hay không; liệu sự nghi hoặc có ngăn trở sự thực hành lời dạy của Tôn sư, và làm cho lời dạy của Tôn sư không còn ứng nghiệm?

Maharaj: Đúng thế - có thể lời dạy của Tôn sư đã không ứng nghiệm – trong một thời gian.

H: Thế chuyện gì xảy ra cho năng lượng, hay sức mạnh trong lời dạy của Tôn sư?

M: Nó vẫn ở tình trạng tiềm ẩn, không thị hiện. Nhưng toàn thể câu hỏi dựa trên một sự hiểu biết sai lầm. Vị Đạo sư, người môn đồ, tình yêu và sự tin tưởng giữa hai người – tất cả là một sự kiện duy nhất, chứ không phải là một sự kiện độc lập. Mỗi một cái là thành phần của cái kia. Nếu không có tình yêu và sự tin tưởng thì không thể có Đạo sư hay môn đồ, và cũng không có liên hệ nào giữa hai người. Điều này cũng giống như bấm vào một cái nút để bật sáng một bóng đèn điện. Nhờ có bóng đèn, dây điện, công tắc, bộ biến thế, dây truyền điện và nhà máy phát điện – tất cả tạo thành một thực thể duy nhất – mà ông có được ánh sáng. Nếu vắng thiếu bất cứ một trong những yếu tố nào đó thì không thể có ánh sáng. Ông không được phân chia cái bất khả phân chia. Ngôn từ không thể tạo thành sự kiện; ngôn từ chỉ có thể mô tả hay xuyên tạc sự kiện. Sự kiện thì luôn luôn vô ngôn.

H: Tôi vẫn không hiểu; liệu lời dạy của Tôn sư có thể vẫn không được thực hiện, hay chắc chắn sẽ chứng minh là đúng thật?

M: Lời dạy của một người giác ngộ không bao giờ sai lạc mục đích. Lời dạy ấy đợi đúng điều kiện sẽ thành hình, có thể là phải chờ một thời gian mà điều này thì rất tự nhiên, vì phải có mùa gieo mạ và mùa gặt hái. Nhưng lời dạy của một Đạo sư là một hạt giống bất khả hư hoại. Dĩ nhiên vị Đạo sư phải là một chân sư, tức là người đã vượt ra khỏi thân, tâm, ở ngoài chính ý thức, siêu vượt thời gian và không gian, siêu vượt cả nhị nguyên và hợp nhất, ở ngoài sự hiểu biết và mô tả. Những bậc thiện tri thức là những

người đọc nhiều và có nhiều điều để nói, họ có thể dạy ông rất nhiều điều hữu ích, nhưng không phải là chân sư mà lời dạy chắc chắn trở thành sự thật. Những bậc thiện tri thức cũng có thể bảo ông là chính thực tại tối hậu, nhưng điều đó có thể làm được gì?

H: Tuy nhiên, nếu vì một lý do nào đó tôi tình cờ tin tưởng họ và làm theo, liệu tôi có phải là người thua thiệt?

M: Nếu ông có thể tin tưởng và quy thuận thì thế nào ông cũng gặp chân sư, hay, đúng hơn là chân sư sẽ tìm ông.

H: Liệu người nào biết cái Ta đều có thể trở thành Đạo sư, hay một người có thể là Người Biết Thực Tại nhưng không thể đưa người khác đến với Thực tại?

M: Nếu ông biết cái ông dạy, ông có thể dạy cái ông biết. Ở đây thấy và dạy là một. Nhưng Thực tại Tuyệt đối thì ở ngoài cả thấy và dạy. Những người tự xưng là Đạo sư nói về sự chín mùi và tinh tấn, về công phu và chứng đắc, về định mệnh và ân đức – tất cả những thứ đó chỉ là những dựng lập của tâm, những phóng ảnh của một cái tâm si mê. Thay vì giúp ích, chúng chỉ gây chướng ngại.

H: Làm sao tôi có thể phân biệt người nào để đi theo và người nào để nghi ngờ?

M: Nghi ngờ tất cả cho đến khi ông tin. Chân sư không bao giờ sỉ nhục ông, và cũng không bao giờ ly gián ông với chính ông. Chân sư luôn luôn đem ông trở lại với thực tế về sự toàn hảo hằng hữu của ông, và khuyến khích ông tìm kiếm bên trong. Chân sư biết ông chẳng cần gì cả, ngay cả chính ông ta, và không bao giờ mệt mỏi trong sự nhắc nhở ông. Còn người tự xưng là Đạo sư thì quan tâm đến chính mình hơn là quan tâm đến môn đồ.

H: Ông bảo rằng Thực tại ở ngoài hiểu biết và sự chỉ giáo về cái thật. Thế không phải hiểu biết về Thực tại chính nó là tối thượng và sự chỉ giáo là bằng chứng về sự hiểu biết đó?

M: Hiểu biết về cái thật, hay cái Ta, là một trạng thái của tâm. Chỉ dạy một người khác là một động thái trong nhị nguyên. Chúng chỉ liên quan đến tâm mà thôi; *Sattva* thì cũng là một *Guna*.

H: Thế cái gì là thật?

M: Người biết tâm là không nhận biết được và nhận biết được, người biết vô minh và cái biết là các trạng thái của tâm – thì người đó là thật. Khi được cho một nắm kim cương trộn lẫn với sỏi, thì hoặc là ông không tìm

thấy kim cương, hoặc là ông tìm thấy kim cương. Chính khả năng thấy mới quan trọng. Mầu xám của sỏi và vẻ đẹp của kim cương ở đâu nếu không có khả năng thấy? Cái bị biết chỉ là một hình tướng, cái biết chỉ là một danh xưng, và người biết chỉ là một tướng trạng của tâm. Cái thật ở ngoài tất cả.

H: Chắc chắn cái biết khách quan, ý tưởng về sự vật, và biết chính mình không phải là một và như nhau. Một cái cần đến não bộ, và cái kia thì không.

M: Để hý luận ông có thể sắp xếp ngôn từ và gán cho chúng ý nghĩa, nhưng sự thật vẫn là: Tất cả mọi cái biết chỉ là một hình thức của vô minh. Một tấm bản đồ chính xác chỉ là một tờ giấy. Tất cả cái biết đều ở trong ký ức; đó chỉ là sự nhận biết qua hồi tưởng, còn thực tại ở ngoài tính nhị nguyên – người biết và cái bị biết.

H: Thế thực tại được biết bằng cái gì?

M: Ngôn ngữ của ông mới thật sai lầm làm sao! Ông giả định một cách vô thức rằng thực tại cũng có thể tiếp cận được qua cái biết. Và ông đem vào một người biết thực tại ở ngoài thực tại! Nên hiểu rằng thực tại không cần được biết để *là*. Vô minh và cái biết ở trong tâm, chứ không phải ở trong cái thật.

H: Nếu không có cái như là biết cái thật, thì làm sao tôi đạt đến cái thật?

M: Ông không phải vươn ra để tìm kiếm cái đã sẵn có với ông. Chính sự vươn ra ngoài tìm kiếm khiến ông không thấy được nó. Hãy từ bỏ cái ý tưởng ông chưa tìm thấy nó, mà cứ để nó xuất hiện trong tiêu điểm của nhận thức trực tiếp, ở đây và bây giờ, bằng cách loại bỏ những gì thuộc về tâm.

H: Khi tất cả những gì có thể ra đi – ra đi. Cái gì còn lại?

M: Cái trống không còn lại, tánh biết còn lại, ánh sáng thanh tịnh của sự hiện hữu hữu thức còn lại. Câu ông hỏi cũng giống như cái gì còn lại trong phòng khi tất cả đồ đạc được dọn đi. Một căn phòng sẵn sàng để sử dụng còn lại. Và thậm chí khi tất cả các vách tường bị phá sập thì không gian còn lại. Bên ngoài không gian và thời gian là cái *ở đây* và cái *bây giờ* của thực tại.

H: Thế nhân chứng có còn không?

M: Khi nào còn ý thức thì nhân chứng của nó còn đó. Hai cái cùng xuất hiện và cùng biến mất.

H: Nếu nhân chứng cũng vô thường thì tại sao nói lại quan trọng đến thế?

M: Chỉ để phá vỡ sự mê hoặc của cái bị biết, tức là ảo tưởng cho rằng chỉ những gì nhận thức được là thật.

H: Nhận thức là chính yếu, nhân chứng là thứ yếu.

M: Đây chính là trọng tâm của vấn đề. Bao giờ ông còn tin rằng thế giới ngoại quan là thật thì ông còn là nô lệ của nó. Để tự do, ông phải dồn hết chú ý cho cái "Ta hiện hữu", cho nhân chứng. Dĩ nhiên, người biết và cái bị biết là một chứ không phải hai, nhưng để phá vỡ tính mê hoặc của cái bị biết, người biết phải trở nên nổi bật. Không có cái nào là chính yếu trong hai cái, cả hai đều là ảnh phản chiếu trong ký ức của một kinh nghiệm bất khả diễn tả, luôn luôn mới và luôn luôn hiện tại, không thể diễn dịch được, và nhanh hơn cả tâm.

H: Thưa ông, tôi chỉ là một kẻ đi tìm chân lý hèn mọn, gặp hết Đạo sư này đến Đạo sư khác với hy vọng được giải thoát. Tâm tôi đang đau ốm, hừng hực với tham ái, tê cóng vì sợ hãi. Ngày tháng trôi qua, rực đỏ với đau khổ, xám ngắt với nhàm chán. Tuổi già đang đến, sức khỏe sa sút, tương lai thì đen tối và hãi hùng. Cứ theo cái đà này chắc tôi chỉ sống trong đau khổ và chết trong tuyệt vọng. Liệu còn hy vọng nào cho tôi? Hay là tôi đến gặp ông đã quá trễ?

M: Chẳng có gì sai lầm với ông cả, nhưng những ý nghĩ mà ông có về chính ông thì hoàn toàn sai lầm. Không phải ông là kẻ tham ái, sợ hãi, đau khổ mà là con người được dựng lập trên nền tảng thân xác ông, bởi hoàn cảnh và những ảnh hưởng khác nhau. Ông không phải con người đó. Điều này phải được xác lập một cách rõ ràng trong tâm ông và không bao giờ có thể bị mất dấu. Thông thường, nó cần một sự tu tập lâu dài, nhiều năm khổ hạnh và thiền quán.

H: Tâm tôi nhu nhược và giao động. Tôi không có nghị lực và kiên nhẫn để tu tập. Trường hợp của tôi thật vô vọng.

M: Về một phương diện trường hợp của ông là triển vọng nhất. Có phương cách thay thế cho tu tập, đó là tín tâm. Nếu ông không thể tin vào một sự tìm kiếm có kết quả, thì hãy vận dụng sự khám phá của Ta và Ta sẵn sàng chia sẻ với ông. Ta có thể thấy rất rõ ràng là ông chưa hề bao giờ, cũng như không bao giờ và sẽ không bao giờ bị thực tại hắt hủi; ông là tính viên mãn của sự toàn hảo ở đây và bây giờ; không gì có thể tước đoạt di sản của ông, của cái mà ông là. Không thể nào ông khác biệt với Ta, chỉ có điều là ông không biết như thế. Ông không biết cái ông là nên tưởng tượng

ông là cái mà ông không phải. Vì thế ông bị tham ái, lo sợ và tuyệt vọng đè bẹp, rồi ông tìm cách trốn chạy bằng những hành động vô nghĩa.

Hãy tin Ta và sống bằng cách tin Ta. Không đời nào Ta lừa dối ông. Ông là Thực tại Tối thượng bên ngoài thế giới và người sáng tạo ra thế giới, ông ở bên ngoài ý thức và nhân chứng của ý thức, bên ngoài tất cả những xác định và phủ định. Hãy nhớ điều đó, suy nghĩ về điều đó và hành động dựa trên điều đó. Từ bỏ tất cả những ý thức phân chia, thấy chính ông trong tất cả và hành động một cách tương ứng. Cùng với hành động an lạc sẽ đến, và cùng với an lạc là sự tin tưởng. Xét cho cùng, ông hoài nghi chính ông vì ông đau khổ. Hạnh phúc tự nhiên, tự sinh khởi và lâu dài thì không thể tưởng tượng mà có. Hoặc là nó có đó, hoặc là nó không có. Một khi ông bắt đầu trải qua sự an lạc, tình yêu và hạnh phúc - mà không cần những nguyên nhân bên ngoài thì mọi nghi hoặc của ông sẽ biến mất. Hãy nắm chắc những gì Ta vừa nói với ông và sống với nó.

H: Ông bảo tôi sống bằng ký ức?

M: Dù sao thì ông vẫn sống bằng ký ức. Ta chỉ yêu cầu ông thay thế những ký ức cũ bằng ký ức về những gì Ta đã nói với ông. Trước kia ông hành động dựa theo ký ức cũ như thế nào thì ông sẽ hành động như thế dựa theo ký ức mới. Đừng sợ. Chắc chắn là sẽ có xung đột giữa cái cũ và cái mới trong một thời gian nào đó, nhưng nếu quyết tâm đặt mình về phía cái mới thì sự xung đột sẽ sớm kết thúc, và ông sẽ nhận ra trạng thái là chính mình mà không cần cố gắng, không bị lừa dối bởi tham ái và lo sợ phát sinh từ ảo tưởng.

H: Rất nhiều Đạo sư có thói quen cho những biểu tượng ân đức của mình – chẳng hạn như khăn trùm đầu, gậy, hay y bát để trao truyền hay xác nhận sự giác ngộ của môn đồ. Tôi chẳng thấy giá trị nào trong những tập quán như thế vì cái được trao truyền không phải là sự giác ngộ, mà chỉ là sự quan trọng hóa cái Ta. Được nghe một sự tâng bốc mà không thật thì có ích lợi gì? Một mặt ông cảnh giác tôi về vô số những kẻ tự phong là Đạo sư, nhưng một mặt ông lại muốn tôi tin ông. Tại sao ông lại cho mình là một ngoại lệ?

M: Ta không bảo ông tin Ta. Hãy tin và nhớ lời Ta nói, Ta muốn hạnh phúc cho ông, chứ không phải cho Ta. Đừng tin bất cứ kẻ nào tạo ra một khoảng cách giữa ông và sự hiện hữu chơn thật của ông, và ngỏ ý làm người trung gian. Ta không làm những chuyện như thế. Thậm chí Ta cũng không đưa ra bất cứ hứa hẹn nào. Ta chỉ nói: Nếu ông tin lời Ta nói, và thử

nghiệm chúng thì chính ông sẽ nhận ra những lời Ta nói là tuyệt đối chơn thật như thế nào. Nếu ông đòi hỏi một bằng chứng trước khi dấn thân thì Ta chỉ có thể bảo ông: Ta là bằng chứng. Ta là Tôn sư và giữ chúng trong tâm. Ta đã nhận ra Tôn sư hoàn toàn đúng và Ta đã là, đang là và sẽ là Thực tại Vô biên, bao trùm tất cả và siêu vượt tất cả.

Như ông nói ông không có thời gian mà cũng chẳng có công sức cho những sự tu tập lâu dài. Ta đề nghị với ông một giải pháp thay thế. Hãy chấp nhận lời Ta nói dựa vào tín tâm và sống một lối sống mới, hay là ông sống và chết trong đau khổ.

H: Những gì ông nói thì quá tốt đẹp để có thể thành sự thật.

M: Đừng ngộ nhận tính đơn giản của sự chỉ dẫn. Rất ít người có can đảm để tin vào sự hồn nhiên và đơn giản. Biết được ông bị tâm giam hãm, ông sống trong một thế giới tưởng tượng do chính ông tạo ra – là sự hé mở của trí tuệ. Không mong cầu ở trí tuệ bất cứ gì, sẵn sàng từ bỏ nó hoàn toàn – là thành khẩn. Chỉ có sự thành khẩn như thế - phát sinh từ nỗi tuyệt vọng thật sự - mới làm cho ông tin Ta.

H: Tôi chưa nếm đủ mùi đau khổ hay sao?

M: Đau khổ đã làm cho ông u mê, không thấy được sự tàn ác của nó. Công việc trước tiên của ông là thấy sự đau khổ trong ông, và xung quanh ông; tiếp đến là ông mong muốn giải thoát một cách mãnh liệt. Chính tính mãnh liệt của lòng mong muốn sẽ hướng dẫn ông; ông chẳng cần ai khác hướng dẫn.

H: Đau khổ đã làm cho tôi u mê, thờ ơ ngay cả với chính đau khổ.

M: Có lẽ không phải đau khổ mà lạc thú đã làm cho ông u mê. Hãy tìm hiểu.

H: Dù nguyên nhân là gì, tôi vẫn u mê. Tôi không có ý chí mà cũng chẳng có năng lực.

M: Ồ, không. Ông có đủ tất cả cho bước đầu tiên. Và mỗi bước lại phát sinh năng lực cho bước kế tiếp. Năng lực đến với sự tin tưởng, và tin tưởng đến với kinh nghiệm.

H: Thay đổi Đạo sư có phải là điều nên làm?

M: Tại sao lại không thay đổi? Đạo sư cũng như những dấu mốc. Di chuyển từ dấu mốc này đến dấu mốc khác là tự nhiên. Mỗi dấu mốc cho ông biết hướng đi và khoảng cách, còn *Sadguru* – Đạo sư vĩnh cửu - chính là con đường. Một khi nhận ra con đường là mục đích, và ông luôn luôn trên con đường, không phải để đến đích, mà để thưởng thức cái đẹp và trí

tuệ của nó thì sống không còn là một nhiệm vụ mà trở nên tự nhiên và giản dị, và trong chính nó là cực lạc.

H: Như thế chẳng cần đến thờ cúng, cầu nguyện và thực hành *Yoga*?

M: Mỗi ngày một chút quét dọn, tắm, giặt thì chẳng hại gì. Sự biết rõ chính mình cho ông biết từng bước cần phải làm gì. Khi tất cả được làm xong thì tâm tĩnh lặng.

Bây giờ ông đang ở trong trạng thái thức, một con người với danh xưng và hình tướng, vui sướng và đau khổ. Con người không có trước khi ông sinh ra, và cũng không có sau khi ông chết đi. Thay vì đấu tranh với con người để biến nó thành cái mà nó không phải thì tại sao không thoát ra ngoài trạng thái thức và hoàn toàn mặc kệ cuộc sống có tính cách con người? Điều này không có nghĩa là tiêu diệt con người, mà chỉ có nghĩa là thấy con người trong một bối cảnh đúng.

H: Còn một câu hỏi nữa. Ông bảo rằng trước khi được sinh ra tôi đã là một với hiện hữu thuần túy của thực tại; nếu vậy, ai quyết định tôi đã phải sinh ra?

M: Trong thực tại ông chưa bao giờ được sinh ra và sẽ không bao giờ chết đi. Nhưng hiện nay ông tưởng tượng ông là một thân xác, hay có một thân xác, và ông hỏi cái gì đã đem lại trạng thái này. Trong phạm vi của ảo tưởng, câu trả lời là: tham ái sinh khởi từ ký ức thu hút sự chú ý của ông về một thân xác và khiến ông nghĩ ông là một với thân xác. Nhưng điều này chỉ đúng từ cái nhìn tương đối. Thật ra, không hề có thân xác mà cũng chẳng có thế giới dung chứa nó; chỉ có một điều kiện của tâm, một trạng thái như chiêm bao, rất dễ dàng biến mất khi bị chất vấn về thực thể của nó.

H: Sau khi ông chết đi, liệu ông sẽ trở lại? Nếu tôi sống lâu thì liệu tôi sẽ gặp ông?

M: Đối với ông thân xác là thật, còn đối với Ta thân xác không có. Ta – như ông thấy Ta - chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông. Chắc chắn ông sẽ gặp lại Ta, nếu ông cần đến Ta và khi ông cần đến Ta. Điều đó không hề tác động đến Ta, cũng như mặt trời không hề bị tác động bởi bình minh và hoàng hôn. Vì nó không hề bị tác động nên chắc chắn nó luôn luôn có đó khi cần đến.

Ông cứ khăng khăng với cái biết, còn Ta thì không. Ta không có cảm giác bất an mà cảm giác đó khiến ông khao khát muốn biết. Ta tò mò, như một đứa trẻ tò mò, nhưng không có sự lo sợ nào khiến Ta phải tìm sự an trú

trong cái biết. Do đó, Ta không bận tâm liệu Ta sẽ tái sinh nữa hay không, hoặc thế giới sẽ tồn tại bao lâu. Những câu hỏi như thế sinh khởi từ sợ hãi.

***

84. Mục đích của ông là Đạo sư của ông

Hỏi: Có lần ông nói với chúng tôi rằng Đạo sư tự phong thì rất nhiều, còn một chân sư thì rất hiếm. Có rất nhiều *Gnani* tưởng tượng chính họ đã giác ngộ, nhưng tất cả những gì họ có là kiến thức kinh điển và tự đánh giá cao về chính mình. Nhiều khi họ tìm cách gây ấn tượng, thậm chí là mê hoặc, thu hút môn đồ và làm cho những người theo họ mất thời gian trong những phép tu tập vô ích. Sau một vài năm, khi kiểm điểm lại chính mình người môn đồ chẳng thấy có sự thay đổi nào. Kho họ than phiền với Đạo sư thì bị quở là đã không tinh tấn đúng mức. Sự chê trách được đổ cho là thiếu tín tâm và tình yêu trong trái tim của người môn đồ. Trong thực tế, người đáng trách lại là Đạo sư, vì Đạo sư như thế không có quyền thu nhận, và làm cho môn đồ nuôi hy vọng. Làm sao tôi có thể bảo vệ mình trước những Đạo sư như thế?

Maharaj: Vì sao lại bận tâm với người khác? Dù Đạo sư là ai, nhưng nếu có một trái tim tinh khiết và hành động theo sự tin tưởng tốt đẹp thì Đạo sư không bao giờ làm hại môn đồ của mình. Nếu không tiến bộ, lỗi thuộc về môn đồ do sự lười biếng và thiếu tự chủ. Trái lại, nếu thành khẩn, ứng dụng bản thân một cách khôn ngoan, và nhiệt tình với phép tu tập thì chắc chắn người môn đồ sẽ gặp một Đạo sư tài giỏi hơn để hướng dẫn mình đi xa hơn. Câu hỏi của ông phát sinh từ ba giả định sai lầm: Một người cần phải bận tâm với người khác, một người có thể đánh giá người khác, và sự tiến bộ của môn đồ là công việc và trách nhiệm của Đạo sư. Trong thực tế, vai trò của Đạo sư là chỉ dạy và khuyến khích; người môn đồ hoàn toàn có trách nhiệm với chính mình.

H: Chúng tôi được bảo rằng hoàn toàn quy thuận Đạo sư là đủ, Đạo sư sẽ lo tất cả những gì còn lại.

M: Dĩ nhiên, khi có sự hoàn toàn quy thuận, hoàn toàn từ bỏ tất cả những lo âu với quá khứ, hiện tại và tương lai, cùng sự an toàn và địa vị vật chất và tâm linh thì một cuộc sống mới bắt đầu ló dạng, đầy tình yêu và cái đẹp; lúc đó Đạo sư không còn quan trọng, vì người môn đồ đã phá vỡ lớp bảo vệ cái Ta. Hoàn toàn quy thuận chính mình là giải thoát.

H: Khi cả môn đồ lẫn Đạo sư không tương hợp với nhau, chuyện gì xảy ra?

M: Về lâu dài thì tất cả sẽ tốt đẹp. Xét cho cùng, cái Ta thật của hai người không hề bị tác động bởi vở hài kịch mà họ đóng trong một giai đoạn nào đó. Cả hai sẽ điều tiết và chín mùi, rồi chuyển sang một mức độ cao hơn trong quan hệ.

H: Hay là họ chia tay.

M: Đúng, họ có thể chia tay. Xét cho cùng không quan hệ nào là mãi mãi. Nhị nguyên là một trạng thái nhất thời.

H: Như vậy có phải là tình cờ tôi gặp ông, và một sự tình cờ khác chúng ta sẽ chia tay và không bao giờ gặp lại? Hay việc tôi gặp ông là một phần của mô thức vũ trụ nào đó, một đoạn trong vở trường kịch của cuộc đời chúng ta?

M: Cái thật thì đầy ý nghĩa và cái đầy ý nghĩa thì liên quan đến thực tại. Nếu sự quan hệ giữa ông và Ta có ý nghĩa cho cả hai thì nó không phải tình cờ. Tương lai ảnh hưởng đến hiện tại cũng nhiều như quá khứ.

H: Làm sao tôi phân biệt ai là bậc thánh nhân đích thực, và ai không?

M: Ông không thể, trừ khi ông có một cái nhìn thấu suốt tim người. Tướng mạo bề ngoài dễ làm cho người ta lầm lẫn. Để nhìn thấu suốt, tâm ông phải thanh tịnh và vô tư. Nếu ông không biết rõ chính ông thì làm sao ông có thể biết rõ người khác? Và khi ông biết chính ông – ông *là* người khác.

Cứ mặc kệ tha nhân trong một thời gian và tìm hiểu chính ông. Có rất nhiều điều ông không biết về chính ông – ông là cái gì, ông là ai, vì sao ông lại được sinh ra, ông đang làm gì và tại sao ông làm như thế, ông đang đi đâu, ý nghĩa và mục đích của sự sống, cái chết và tương lai của ông là gì? Liệu ông có một quá khứ, liệu ông có một tương lai? Cái gì đã khiến ông sống trong rối loạn và đau khổ, trong khi toàn thể hiện hữu của ông phấn đấu để được hạnh phúc và an lạc? Đó là những vấn đề quan trọng và cần phải chú ý trước. Ông không cần, cũng như không có thời gian để tìm ra ái là người giác ngộ và ai không.

H: Nhưng tôi phải chọn đúng chân sư.

M: Hãy là một con người chân chính và chân sư chắc chắn sẽ tìm ra ông.

H: Ông không trả lời câu hỏi của tôi: Làm thế nào để tìm đúng một chân sư?

M: Ta đã trả lời câu hỏi của ông rồi. Đừng tìm kiếm Đạo sư, thậm chí đừng nghĩ đến một Đạo sư. Biến mục đích của ông thành Đạo sư của chính

ông. Xét cho cùng, Đạo sư chỉ là một phương tiện để đạt đến cứu cánh, mà không phải là chính cứu cánh. Đạo sư không quan trọng, chính những gì ông mong đợi ở Đạo sư mới quan trọng đối với ông. Sao, ông mong đợi điều gì?

H: Nhờ ân đức của Đạo sư tôi sẽ được làm cho hạnh phúc, đầy quyền năng và an lạc.

M: Thật là những tham vọng kỳ quặc! Làm sao một con người hữu hạn trong thời gian và không gian, chỉ là một thân-tâm, một tiếng thở dài đau đớn giữa sinh và tử lại có thể hạnh phúc? Chính những điều kiện sinh thành ra nó làm cho hạnh phúc hoàn toàn không thể có được. An lạc, quyền năng, hạnh phúc không bao giờ là những trạng thái thuộc về con người; không ai có thể nói "sự an lạc của ta", "quyền năng của ta" vì "của ta" hàm ý một sự độc quyền, một cái gì mong manh và bất trắc.

H: Tôi chỉ biết sự tồn tại bị điều kiện hóa của tôi; ngoài ra không còn gì khác.

M: Chắc chắn là ông không thể nói như thế. Trong giấc ngủ say ông không hề bị điều kiện hóa. Càng sẵn sàng và dễ ngủ thì ông càng an lạc, thảnh thơi và hạnh phúc trong giấc ngủ!

H: Tôi không biết gì về điều đó.

M: Nói ngược lại. Khi ngủ ông không đau khổ, không bị ràng buộc, mà cũng không bất an.

H: Tôi hiểu được điều ông muốn nói. Khi thức tôi biết tôi hiện hữu, nhưng tôi không hạnh phúc. Khi ngủ, tôi hiện hữu, tôi hạnh phúc nhưng tôi không biết tôi hạnh phúc. Tất cả những gì tôi cần là: Biết tôi tự do và hạnh phúc.

M: Đúng thế. Bây giờ, hãy đi vào trong ông, đến một trạng thái mà ông có thể ví như một trạng thái ngủ-thức; trong trạng thái đó ông biết rõ chính ông, nhưng không biết thế giới. Trong trạng thái đó ông sẽ biết – không một chút nghi hoặc – rằng ở tận căn nguyên hiện hữu của ông, ông tự do và hạnh phúc. Vấn đề duy nhất là ông quá say mê kinh nghiệm, và ông yêu quý ký ức của ông. Trong thực tại thì ngược lại: Cái được ghi nhớ không bao giờ là thật; cái thật là *bây giờ*.

H: Tôi nắm bắt những điều ông nói về mặt ngôn từ, nhưng nó không trở thành một phần của chính tôi. Nó vẫn còn là một bức tranh trong tâm để được nhìn ngắm. Thế không phải nhiệm vụ của Đạo sư là làm cho bức tranh sống động?

M: Một lần nữa, ngược lại thì mới đúng. Bức tranh thì sống động còn tâm mới khô chết. Vì tâm được tạo ra bằng ngôn từ và hình ảnh, nên mọi hình ảnh phản chiếu trong tâm cũng khô chết. Tâm che lấp thực tại bằng tiến trình ngôn từ hóa rồi chính tâm oán trách. Ông bảo cần phải có Đạo sư để làm phép lạ cho ông. Ông chỉ đùa giỡn với chữ nghĩa. Cũng như cây nến và ngọn lửa của cây nến, Đạo sư và môn đồ chỉ là một duy nhất. Nếu người môn đồ không thành khẩn thì không thể gọi là môn đồ. Nếu Đạo sư không hoàn toàn yêu thương và quên mình thì không thể gọi là Đạo sư. Chỉ Thực tại mới sinh ra cái thật, chứ không phải cái hư giả.

H: Tôi có thể thấy tôi hư giả. Ai sẽ làm cho tôi thành thật?

M: Chính những lời lẽ mà ông vừa nói sẽ làm chuyện đó. Câu: "Tôi có thể thấy tôi hư giả" chứa đựng tất cả những gì ông cần để giải thoát. Hãy tư duy về câu đó, vào sâu trong đó, đến tận căn nguyên của nó; nó sẽ hiện hành. Sức mạnh ở trong ngôn từ, chứ không ở trong con người.

H: Tôi không hiểu ông trọn vẹn. Lúc thì ông bảo Đạo sư là cần thiết, lúc thì ông bảo Đạo sư chỉ có thể hướng dẫn, còn nỗ lực là của tôi. Xin vui lòng nói rõ: Liệu một người có thể giác ngộ cái Ta mà không cần đến Đạo sư, hay tìm kiếm một chân sư là thiết yếu?

M: Thiết yếu hơn cả vẫn là tìm được một môn đồ đích thực. Cứ tin Ta đi, một môn đồ đích thực thì thật hi hữu, vì người đó – bằng sự tìm kiếm cái Ta của chính mình – không bao giờ vượt quá sự cần thiết phải có một Đạo sư. Đừng phí thời gian tìm cách phân biệt xem sự chỉ dẫn mà ông nhận được xuất phát từ hiểu biết suông, hay từ kinh nghiệm có giá trị? Cứ thành tín tuân hành. Cuộc đời sẽ đem cho ông một Đạo sư khác nếu cần, hoặc lấy đi của ông tất cả những hướng dẫn bên ngoài, để lại ông với ánh sáng của chính ông. Điều quan trọng phải hiểu được rằng chính sự chỉ giáo mới quan trọng, chứ không phải con người của Đạo sư. Ông nhận được một lá thư làm cho ông cười hay khóc. Người làm cho ông khóc hay cười chắc chắn không phải là người đưa thư. Đạo sư chỉ thông báo cho ông tin lành về cái Ta chơn thật của ông và chỉ cho ông con đường trở lại với cái Ta. Về một phương diện, Đạo sư chỉ là một người chuyển giao cho ông một thông điệp. Có rất nhiều người chuyển giao, còn thông điệp chỉ có một: "Hãy là cái ông là", hay có thể nói theo một cách khác: "Chỉ đến khi giác ngộ ông mới biết được ai là Đạo sư đích thực của ông". Sự giác ngộ của ông chứng tỏ Đạo sư của ông là chân sư. Vì vậy, Đạo sư như thế nào thì cứ xem Đạo sư như vậy, hãy làm những gì Đạo sư bảo, với tất cả lòng thành khẩn, nhiệt tình, và tin

tưởng trái tim của ông sẽ báo cho ông biết nếu có điều gì không đúng. Nếu nghi ngờ sinh khởi, đừng chống lại nó. Cứ bám chặt lấy cái chắc chắn và bỏ qua cái gì không biết chắc.

H: Tôi có một Đạo sư mà tôi rất quý mến, nhưng tôi không biết ông ấy có phải là một chân sư hay không?

M: Quan sát chính ông. Nếu ông thấy chính mình thay đổi, trưởng thành thì có nghĩa ông đã tìm được đúng người. Người đó có thể đẹp hay xấu, vui vẻ hay không vui vẻ, khen ngợi hay la rầy ông – đều không quan trọng, ngoại trừ điều cốt yếu duy nhất: Trưởng thành nội tâm. Nếu ông không trưởng thành về nội tâm thì người đó có thể là bạn ông, nhưng không phải Đạo sư của ông.

H: Khi nói chuyện với một người Âu châu có đôi chút học thức về một Đạo sư và những gì Đạo sư chỉ dạy, phản ứng của người Âu châu đó là: "Chỉ có kẻ điên rồ mới dạy những điều vô lý như thế". Tôi phải nói gì với người đó?

M: Đưa ông ta trở về với chính mình. Chỉ cho ông ta thấy rằng ông ta biết rất ít về chính mình; ông ta xem những phát biểu ngớ ngẩn nhất về chính mình là chân lý thiêng liêng. Ông ta được nói cho biết mình là một thân xác, đã được sinh ra, sẽ chết đi, có cha mẹ, có bổn phận, ông ta phải học cách thích cái gì người khác thích và sợ những gì người khác sợ. Hoàn toàn là một sinh vật của tính di truyền và được xã hội nặn đúc ra, ông ta sống bằng ký ức và hành động theo thói quen. Vô minh về chính mình và hoàn toàn không biết đến lợi ích đích thực của chính mình, ông ta theo đuổi những mục đích sai lầm và luôn luôn thất vọng. Cuộc sống và cái chết của ông ta vô nghĩa mà hình như không có lối thoát. Rồi cho ông ta biết có một con đường thoát ra, dễ dàng và ngay trong tầm với – không phải chuyển sang một hệ tư tưởng khác, mà là giải thoát khỏi tất cả mọi tư tưởng và mô thức của cuộc sống. Đừng nói với ông ta về Đạo sư và môn đồ - lối tư duy này không dành cho ông ta. Lối tư duy của ông ta là: Con đường bên trong, ông ta được tác động bởi sự thôi thúc bên trong và được hướng dẫn bởi ánh sáng bên trong. Hãy khuyến khích ông ta nổi loạn và ông ta sẽ hưởng ứng. Đừng tìm cách gây ấn tượng với ông ta về một người giác ngộ nào đó và có thể tôn làm Đạo sư. Nếu ông ta không tin chính mình thì không thể nào ông ta tin người khác. Sự tin tưởng sẽ đến cùng kinh nghiệm.

H: Lạ nhỉ! Tôi không thể tưởng tượng ra cuộc đời mà không có một Đạo sư.

M: Đó chỉ là vấn đề tính khí. Mà cả ông cũng đúng. Đối với ông xứng hát những lời ca tụng Thượng đế là đủ. Ông chẳng cần mong cầu giải thoát, mà cũng chẳng cần đến tu tập một pháp môn nào. Danh xưng của Thượng đế là tất cả thức ăn mà ông cần. Hãy sống bằng thức ăn đó.

H: Thường xuyên lải nhải một vài tiếng gì đó, không phải là điên hay sao?

M: Đúng là điên, nhưng là điên có chủ đích. Tất cả những sự lập đi lập lại là *Tamas*, nhưng lập lại danh xưng của Thượng đế là *Sattva-Tamas* bởi mục đích cao thượng của nó. Vì có sự hiện diện của *Sattva* nên *Tamas* sẽ mờ nhạt dần và chuyển hóa thành an nhiên, vô tư, buông bỏ, xa lìa, và bất biến. *Tamas* trở thành nền tảng vững chắc mà trên đó một cuộc sống hợp nhất có thể được sống.

H: Thế cái bất biến, liệu nó có chết đi?

M: Chỉ cái thay đổi mới chết. Cái bất biến không sống mà cũng chẳng chết; nó là nhân chứng phi thời của sống và chết. Ông không thể gọi nó là chết, vì nó biết. Mà ông cũng không thể gọi nó là sống, vì nó không thay đổi. Nó cũng giống như cái máy thu băng. Nó ghi lại và phát ra – tất cả bởi chính nó. Ông chỉ lắng nghe. Tương tự như thế, Ta quan sát tất cả những gì xảy ra, kể cả khi Ta đang nói với ông. Ta không phải là người nói, ngôn từ xuất hiện trong tâm và Ta nghe chúng được nói ra.

H: Không phải ai cũng như ông?

M:Ai bảo thế? Ông cứ khăng khăng cho rằng ông nghĩ, ông nói, trong khi đối với Ta chỉ có hành vi suy nghĩ, và chỉ có hành vi nói.

H: Có hai trường hợp tôi cần phải cân nhắc. Hoặc là tôi đã tìm được một Đạo sư, hoặc là chưa. Trong mỗi trường hợp điều đúng để làm là gì?

M: Không bao giờ ông vắng thiếu Đạo sư vì Đạo sư luôn luôn có mặt trong tim ông. Có khi vị Đạo sư ứng hiện ở bên ngoài và đến với ông như một yếu tố nâng cao và cải thiện cuộc sống của ông, có thể là một bà mẹ, một người vợ, một vị thầy; hoặc vị Đạo sư vẫn chỉ là một động cơ bên trong thôi thúc ông đến với chánh nghiệp và sự toàn hảo. Tất cả những gì ông cần làm là quy thuận và làm theo những gì Đạo sư chỉ bảo. Điều Đạo sư muốn ông làm rất giản dị: học cách biết chính mình, kiềm chế chính mình, và buông bỏ chính mình. Điều này có vẻ như gian khổ và hoàn toàn bất khả nếu không có sự thành khẩn của ông, nhưng rất dễ dàng nếu ông thành khẩn. Thành khẩn vừa là cần thiết vừa là đủ. Tất cả đều khuất phục trước sự thành khẩn.

H: Điều gì làm cho một người thành khẩn?

M: Từ bi là nền tảng của thành khẩn. Từ bi với chính ông và với người khác – phát sinh từ đau khổ của chính ông và của tha nhân.

H: Tôi có cần phải đau khổ để thành khẩn?

M: Không cần, nếu ông bén nhạy và cảm ứng với những đau khổ của người khác – như Đức Phật đã làm. Nhưng nếu ông chai đá và không có từ tâm, thì chính sự đau khổ của ông sẽ khiến ông nêu lên những câu hỏi tất nhiên.

H: Tôi nhận thấy chính tôi đau khổ, nhưng chưa đủ. Cuộc đời thì khó ưa nhưng vẫn có thể chịu được. Những lạc thú tầm thường bù lại những đau khổ vặt vãnh của tôi, và nhìn chung tôi vẫn còn hơn hầu hết những người tôi biết. Tôi biết thân phận của tôi rất bấp bênh, một tai họa nào nó có thể phủ chụp lên tôi bất cứ lúc nào. Liệu tôi có phải chờ cho đến khi một cuộc khủng hoảng nào đó đưa đẩy tôi đến với con đường của chân lý?

M: Ngay khi nhận ra thân phận của ông rất mong manh thì ông đã tỉnh thức. Vậy, hãy duy trì sự tỉnh thức, chú ý, tìm hiểu, tra vấn, phát hiện những lầm lẫn của ông về tâm và thân, rồi từ bỏ chúng.

H: Năng lực ở đâu ra? Tôi cũng như một kẻ bại liệt trong một ngôi nhà đang cháy.

M: Ngay cả những người bại liệt vẫn tìm ra đôi chân của họ vào những lúc nguy hiểm! Nhưng ông có bại liệt đâu, ông chỉ tưởng tượng thế thôi. Hãy bước bước đầu tiên và ông lên đường.

H: Tôi cảm thấy sự bám víu vào thân xác của tôi quá mãnh liệt khiến tôi không thể nào từ bỏ ý nghĩ tôi là thân xác. Ý nghĩ đó vẫn đeo bám tôi khi nào thân xác còn tồn tại. Có nhiều người cho rằng giác ngộ không thể xảy ra khi còn sống, và tôi có khuynh hướng đồng ý với họ.

M: Trước khi đồng ý hay không đồng ý, tại sao không tra vấn cái ý tưởng về một thân xác? Thế tâm ở trong thân hay thân ở trong tâm? Chắc chắn là phải có một cái tâm để chuyển chở ý tưởng "Ta là thân xác". Một thân xác không có tâm thì không thể là "thân xác của tôi". "Thân xác của tôi" hoàn toàn không có khi tâm tôi trống vắng. Nó cũng không có khi tâm mải mê với ý nghĩ và cảm thọ. Một khi nhận ra rằng thân xác tùy thuộc vào tâm, và tâm tùy thuộc vào ý thức, và ý thức tùy thuộc vào tánh biết – thay vì ngược lại, thì câu hỏi của ông về sự giải thoát chính mình phải chờ cho đến khi chết – được trả lời. Không phải ông thoát ra khỏi ý tưởng "Ta là thân xác" trước, rồi mới giác ngộ cái Ta. Ngược lại thì mới đúng – ông bám

víu vào cái hư giả vì ông không biết cái chơn thật. Lòng thành khẩn – không phải sự toàn hảo – là điều kiện tiên quyết để giác ngộ chính mình. Công đức và sức mạnh đến cùng với sự giác ngộ, chứ không phải trước đó.

***

85. "Ta hiện hữu" – nền tảng của mọi kinh nghiệm

Hỏi: Có lần tôi nghe ông phát biểu về chính ông như: "Ta là vô thời, bất biến bên ngoài mọi thuộc tính", vân vân. Làm sao ông biết được? Điều gì khiến ông nói ra như thế?

Maharaj: Ta chỉ tìm cách mô tả trạng thái trước khi "Ta hiện hữu" sinh khởi, nhưng tự thân trạng thái đó - ở ngoài tâm và không có trong ngôn ngữ của tâm – thì không thể mô tả được.

H: Cái "Ta hiện hữu" là nền tảng của mọi kinh nghiệm. Cái ông đang tìm cách mô tả chắc chắn cũng phải là một kinh nghiệm, hữu hạn và vô thường. Ông bảo ông bất biến. Tôi nghe từ ngữ này, nhớ ý nghĩa của nó trong từ điển, nhưng chưa hề trải qua kinh nghiệm bất biến. Làm sao tôi có thể xuyên phá sự ngăn trở này và chứng nghiệm một cách thân quen bất biến là như thế nào?

M: Tự thân từ ngữ là cây cầu. Hãy ghi nhớ nó, tư duy về nó, khám phá nó, đi vòng quanh nó, nhìn nó từ đủ mọi góc độ, lặn sâu vào nó với tất cả sự kiên nhẫn nhiệt thành: Chịu đựng mọi trì hoãn và thất vọng cho đến khi tâm hốt nhiên quay trở lại – không chú ý đến từ ngữ này nữa – mà **hướng về thực tại bên ngoài từ ngữ**. Cũng giống như tìm kiếm một người mà chỉ biết tên người đó. Sẽ đến một ngày sự dò hỏi của ông đưa ông đến với người đó, và cái tên trở thành hiện thực. Ngôn từ rất quý giá, vì giữa ngôn từ và ý nghĩa của nó có một sự liên kết, và nếu tra vấn nó một cách kiên trì thì một người có thể vượt ra khỏi khái niệm và đi vào kinh nghiệm ở tại căn nguyên của từ ngữ. Thật thế, những cố gắng lập đi lập lại để vượt ra khỏi ngôn từ là cái được gọi là thiền quán. *Sadhana* chính là một cố gắng kiên trì để vượt từ hữu ngôn sang vô ngôn. Công việc này có vẻ vô vọng cho đến khi đột nhiên tất cả trở nên sáng tỏ, đơn giản, và thật dễ dàng làm sao. Nhưng nếu còn vui thích lối sống hiện nay thì ông sẽ ngại thực hiện bước phóng cuối cùng vào cái không biết.

H: Tại sao cái không biết lại làm cho tôi quan tâm? Nó có lợi ích gì?

M: Chẳng có bất cứ lợi ích nào? Nhưng rất xứng đáng để biết cái gì giam hãm ông trong nội vi chật hẹp của cái biết. Chính sự hiểu biết đúng và trọn vẹn về cái biết đưa ông đến cái không biết. Ông không thể nghĩ về nó

theo sự hữu ích và lợi thế. Tĩnh lặng và xa lìa, ở ngoài mọi sự vươn tới của tất cả những lo toan cá nhân và tư duy vị kỷ - là điều kiện tất yếu của giải thoát. Ông có thể gọi đó là chết; nhưng đối với Ta đó là sống với tất cả ý nghĩa và cường độ mãnh liệt nhất của nó, vì khi là một với sự sống trong tổng thể và viên mãn của nó – mãnh liệt, đầy ý nghĩa và hài hòa – thì Ta còn mong muốn gì hơn?

H: Dĩ nhiên là chẳng cần gì hơn nữa. Nhưng ông đang nói về cái có thể biết được.

M: Chỉ sự im lặng mới có thể nói về cái không thể biết. Tâm chỉ có thể nói về những gì nó biết. Nếu ông kiên trì tra vấn cái có thể biết thì nó sẽ tan biến và chỉ cái không thể biết còn lại. Nhưng ngay thoáng tưởng tượng và ưa thích đầu tiên thì cái không thể biết bị ngăn che và cái biết trở nên nổi bật. Cái biết, cái biến dịch là những gì ông sống với – cái bất biến thì chẳng ích lợi gì đối với ông. Chỉ khi nào nhàm chán cái biến dịch và mong cầu cái bất biến thì ông mới sẵn sàng quay trở lại và bước vào trong cái – mà khi được thấy từ bình diện của tâm – được mô tả là trống không và tăm tối. Vì tâm khao khát nội dung và sự đa dạng, trong khi thực tại – đối với tâm – thì không có nội dung và không thay đổi.

H: Đối với tôi nó giống như cái chết.

M: Nó là cái chết. Nó còn bao trùm tất cả, chế ngự tất cả, và mãnh liệt ngoài ngôn từ. Không bộ óc bình thường nào có thể chịu được nó mà không nổ tung; vì thế *Sadhana* là tuyệt đối cần thiết. Sự trong sạch của thân, trong sáng của tâm, bất bạo hành và vô vị kỷ trong cuộc sống là thiết yếu để tồn tại như một thực thể trí tuệ và tâm linh.

H: Có thực thể nào trong Thực tại không?

M: Đồng nhất là Thực tại, Thực tại là đồng nhất. Thực tại không phải là một khối bất nên hình dạng, một tình trạng hỗn mang vô ngôn. Thực tại thì mãnh liệt, biết, vô cùng an lạc; khi so với Thực tại thì cuộc đời ông chỉ là một ngọn nến đối với mặt trời.

H: Nhờ ân đức của Thượng đế và của Tôn sư, ông đã đoạn trừ được tất cả tham ái và lo sợ, và đạt đến trạng thái bất động. Câu hỏi của tôi rất đơn giản: Làm sao ông biết được trạng thái của ông là bất động?

M: Chỉ cái biến dịch mới có thể nghĩ đến được và nói về được. Cái bất biến chỉ có thể được nhận ra trong im lặng. Một khi đã được nhận ra, nó tác động sâu sắc đến cái biến dịch, còn tự thân nó vẫn không bị tác động.

H: Làm sao ông biết được ông là nhân chứng?

M: Ta không biết, Ta là. Ta hiện hữu, vì tất cả phải được chứng kiến để hiện hữu.

H: Tồn tại cũng có thể được chấp nhận qua sự nghe nói.

M: Tuy nhiên, cuối cùng ông vẫn phải cần đến một sự chứng kiến trực tiếp. Hành vi nhân chứng – nếu không phải là có tính cách cá nhân và hiện thực – ít ra cũng khả hữu và khả thi. Kinh nghiệm trực tiếp là bằng chứng cuối cùng.

H: Kinh nghiệm có thể không chính xác và lừa dối.

M: Đúng, nhưng không phải thực tế kinh nghiệm. Dù kinh nghiệm là gì, thực hay hư, thực tế kinh nghiệm đã xảy ra thì không thể phủ nhận. Nó là bằng chứng của chính nó. Hãy quan sát kỹ chính ông, ông sẽ nhận thấy dù nội dung của ý thức là gì, thì hành vi chứng kiến ý thức không phụ thuộc vào nội dung. Tánh biết là chính nó và không thay đổi theo sự kiện. Sự kiện có thể là thích thú hay khó chịu, tầm thường hay quan trọng nhưng tánh biết thì vẫn thế. Hãy ghi nhận nét đặc thù của tánh biết thuần túy – sự nhận biết chính mình một cách tự nhiên của nó, mà không hề có dấu vết nào của ý thức về chính mình – rồi tìm đến tận căn nguyên của nó, ông sẽ sớm nhận ra rằng tánh biết là bản tánh chơn thật của ông, và không gì ông biết lại có thể được gọi là của ông.

H: Thế không phải ý thức và nội dung của nó là một và như nhau?

M: Ý thức cũng như một đám mây trên trời, và các giọt hơi nước là nội dung của nó. Đám mây cần có mặt trời để hiển hiện thì ý thức cần được đặt vào tiêu điểm của tánh biết.

H: Thế không phải tánh biết là một hình thức của ý thức?

M: Khi nội dung được thấy mà không có cái thích hay không thích, thì ý thức về nội dung đó là tánh biết. Nhưng vẫn có một sự khác biệt giữa tánh biết được phản chiếu trong ý thức và tánh biết thuần túy ở bên ngoài ý thức. Tánh biết được phản chiếu – ý thức "Ta biết" – là nhân chứng, còn ý thức thuần túy là bản thể của thực tại. Ảnh phản chiếu của mặt trời trong giọt nước là một ảnh phản chiếu của mặt trời, rõ ràng là như thế, nhưng không phải chính là mặt trời. Giữa tánh biết được phản chiếu trong ý thức như là nhân chứng và tánh biết thuần túy là một khoảng trống mà tâm không thể vượt qua.

H: Thế không phải là còn tùy vào cách nhìn? Tâm nói có sự khác biệt. Trái tim bảo không có sự khác biệt nào.

M: Dĩ nhiên là không có sự khác biệt. Cái thật thấy cái thật trong cái không thật. Chính tâm tạo ra cái không thật, và chính tâm thấy cái hư giả là hư giả.

H: Tôi hiểu được rằng kinh nghiệm về cái thật theo sau hành vi thấy cái hư giả là hư giả.

M: Không hề có cái như là kinh nghiệm về cái thật. Cái thật ở ngoài mọi kinh nghiệm. Tất cả kinh nghiệm đều ở trong tâm. Ông biết cái thật bằng cách *là* cái thật.

H: Nếu cái thật ở ngoài ngôn từ và tâm, tại sao chúng ta nói quá nhiều về nó?

M: Dĩ nhiên là vì sự vui sướng của nó. Cái thật là cực lạc. Thậm chí chỉ nói về nó đã là hạnh phúc.

H: Tôi nghe ông nói về cái bất di bất dịch và cực lạc. Cái gì ở trong tâm ông khi ông dùng những từ ngữ này?

M: Chẳng có gì trong tâm Ta. Ông nghe những từ ngữ đó như thế nào thì Ta nghe cũng như thế. Cái quyền năng làm cho mọi thứ xảy ra – làm cho chúng xảy ra.

H: Nhưng ông nói, không phải tôi.

M: Đó là cách sự kiện xuất hiện đối với ông. Còn Ta thấy thì hai thân-tâm trao đổi những âm tiếng có tính cách biểu tượng. Trong thực tại, không có gì xảy ra.

H: Xin ông hãy lắng nghe. Tôi đến gặp ông vì tôi băn khoăn lo lắng. Tôi là một kẻ đáng thương lạc vào một thế giới mà tôi không hiểu. Tôi rất sợ Bà mẹ Thiên nhiên, người muốn tôi trưởng thành, sinh con đẻ cái, rồi chết đi. Khi tôi hỏi về ý nghĩa và mục đích của tất cả những chuyện như thế thì bà không trả lời. Tôi đến gặp ông vì nghe nói ông rất nhân từ và thông thái. Ông nói cái biến dịch là hư giả và vô thường thì tôi hiểu được. Nhưng khi ông nói về cái bất biến thì tôi không hiểu gì cả. "Không phải cái này, không phải cái kia, bên ngoài cái biết, chẳng có lợi ích gì" – tại sao lại nói về những điều như thế? Liệu cái bất biến có tồn tại, hay chỉ là khái niệm, một sự trái ngược về ngôn từ đối với cái biến dịch?

M: Cái bất biến là, và chỉ một mình nó *là*. Nhưng trong tình trạng hiện nay của ông thì nó chẳng có ích lợi gì cho ông. Cũng giống như một ly nước ở bên giường chẳng có ích lợi gì với ông trong khi ông chiêm bao thấy mình đang chết khát trong sa mạc. Ta đang tìm cách đánh thức ông, dù giấc chiêm bao của ông là gì đi nữa.

H: Xin đừng nói với tôi rằng tôi đang chiêm bao và chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tỉnh giấc. Tôi ước ao là như thế. Thật ra tôi đang tỉnh thức trong đau khổ. Ông nói về một trạng thái không còn đau khổ nhưng lại thêm vào là tôi không thể có được trạng thái đó trong điều kiện hiện nay của tôi. Tôi cảm thấy bối rối.

M: Đừng bối rối. Ta chỉ nói rằng muốn tìm cái bất biến và cực lạc ông phải buông bỏ sự bám víu của ông vào cái biến dịch và đau khổ. Ông quan tâm với hạnh phúc của riêng ông, và Ta bảo ông rằng không hề có cái như thế. Hạnh phúc không bao giờ là của riêng ông, hạnh phúc ở nơi không có cái "Ta". Ta không bảo nó ở ngoài tầm với của ông; chỉ cần vươn ra ngoài chính ông thì ông tìm thấy nó.

H: Tôi phải vượt ra ngoài chính tôi, nhưng tại sao tôi lại có cái ý tưởng "Ta hiện hữu" trước tiên?

M: Tâm cần một tâm điểm để vẽ vòng tròn. Cái vòng sẽ lớn dần, và cùng với sự lớn dần của nó là sự thay đổi trong ý thức "Ta hiện hữu". Một Yogi, người có thể tự hành sử, thì vẽ một cái vòng xoắn ốc, nhưng tâm điểm vẫn còn đó, dù cái vòng xoắn ốc ấy có lớn đến đâu. Rồi sẽ đến một ngày khi toàn thể sự nghiệp được thấy là hư giả thì nó sẽ được buông bỏ. Cái tâm điểm kia không còn nữa, và vũ trụ trở thành trung tâm.

H: Đúng, có thể là như thế. Nhưng bây giờ tôi phải làm gì?

M: Kiên trì quan sát cuộc đời vô thường của ông, tìm hiểu sâu xa những động cơ bên ngoài các hành động của ông, và chẳng bao lâu ông sẽ chọc thủng cái bong bóng mà ông đang ở bên trong. Con gà con cần lớp vỏ trứng để tăng trưởng, nhưng sẽ đến ngày lớp vỏ phải bị phá vỡ. Bằng không thì chỉ có đau khổ và cái chết.

H: Ông muốn nói rằng nếu không tu tập Yoga thì chắc chắn tôi sẽ diệt vong?

M: Sẽ có Đạo sư đến giải cứu ông. Còn hiện nay cứ thỏa mãn với sự quan sát giòng chảy của đời ông; nếu sự quan sát của ông sâu sắc và kiên định, luôn luôn quay ngược về nguồn, thì sự quan sát đó sẽ dần dần di chuyển ngược giòng cho đến lúc đột nhiên nó trở thành chính cội nguồn. Hãy đặt sự tỉnh thức của ông – thay vì tâm ông – trong tình trạng hoạt động. Tâm không phải công cụ thích hợp cho loại công việc như thế này. Cái vô thời chỉ có thể đạt đến bằng cái vô thời. Cả thân lẫn tâm ông đều bị chi phối bởi thời gian; chỉ tánh biết mới vô thời, ngay cả trong cái bây giờ.

Trong tánh biết ông chỉ đối diện các sự kiện, và thực tại thì rất thích các sự kiện.

H: Ông bảo tôi hoàn toàn tùy thuộc vào tánh biết của tôi để đưa tôi đến nơi, chứ không phải tùy thuộc vào Đạo sư hay Thượng đế?

M: Thượng đế cho ông thân và tâm, Đạo sư chỉ cách sử dụng thân tâm. Nhưng trở về với cội nguồn là công việc của chính ông.

H: Thượng đế đã tạo ra tôi, ngài sẽ săn sóc tôi.

M: Có vô số Thượng đế, mỗi Thượng đế ở trong vũ trụ riêng của họ. Họ sáng tạo và tái tạo bất tận. Ông định đợi họ đến cứu ông? Những gì ông cần để cứu ông đều sẵn có trong tầm với của ông. Hãy dùng nó! Hãy tra vấn cái ông biết cho đến chỗ tận cùng của nó, ông sẽ đạt đến những giai tầng không biết thuộc hiện hữu của ông. Hãy đi xa hơn, cái bất ngờ sẽ bùng nổ trong ông và phá tan tất cả.

H: Điều đó có nghĩa là chết?

M: Tối hậu, nó có nghĩa là sống.

***

86. Cái không biết là ngôi nhà của cái thật

Hỏi: Ai là Đạo sư, và ai là Đạo sư tối thượng?

Maharaj: Tất cả những gì xảy ra trong ý thức của ông là Đạo sư của ông. Tánh biết thuần túy ở ngoài ý thức là Đạo sư tối thượng.

H: Đạo sư của tôi là *Sri Babaji*. Ông nghĩ gì về ông ấy?

M: Thật là một câu hỏi lạ lùng! Khoảng không ở *Bombay* được hỏi có ý kiến gì về khoảng không ở *Poona*. Danh xưng thì khác, nhưng khoảng không thì không khác. Từ ngữ "*Babaji*" chỉ là một địa chỉ. Ai sống ở địa chỉ đó? Ông chỉ hỏi khi ông gặp vấn đề. Hãy hỏi ai gây ra vấn đề và cho ai?

H: Tôi hiểu rằng mỗi người có bổn phận phải giác ngộ. Liệu đó là nhiệm vụ hay định mệnh?

M: Giác ngộ là nhận ra thực tế ông không phải là một con người. Vì thế, giác ngộ không thể là nhiệm vụ của một con người mà định mệnh của con người đó là: Biến mất. Định mệnh của con người là nhiệm vụ của người tưởng tượng chính mình là con người. Tìm ra con người là ai thì con người được tưởng tượng sẽ biến mất. Tự do là thoát ra khỏi một cái gì đó. Ông sẽ thoát khỏi cái gì? Rõ ràng là ông phải thoát khỏi con người mà ông cho chính ông là, vì ý tưởng ông có về chính ông câu thúc ông trong ràng buộc.

H: Con người được loại trừ như thế nào?

M: Bằng sự quyết tâm. Hãy hiểu rằng con người phải ra đi và cầu mong nó ra đi – con người sẽ ra đi nếu ông thành khẩn về điều đó. Một ai đó, bất cứ ai sẽ cho ông biết: ông là ý thức thuần túy, ông không phải là một thân-tâm. Hãy chấp nhận điều đó như một khả năng có thể xảy ra, và tìm hiểu một cách thành khẩn. Có thể những gì ông khám phá không giống như ông nghĩ – ông không phải là một con người bị ràng buộc trong không gian và thời gian. Thử nghĩ về sự khác biệt mà điều này đem lại!

H: Nếu không phải là một con người, thế tôi là ai?

M: Vải khi ướt thì trông có vẻ, sờ có cảm tưởng và ngửi có mùi khác. Lúc khô nó lại là vải bình thường. Khi nước đã thoát ra khỏi vải, ai có thể phân biệt được là vải đã ướt? Bản tánh chơn thật của ông không giống với cái mà ông có vẻ như là. Hãy từ bỏ ý tưởng là một con người, chỉ thế thôi. Ông chẳng cần phải bằng mọi cách để trở thành chính ông. Có **ý thức tự biết** về chính ông, và có một con người chồng lên trên ý thức đó. Tất cả những gì ông biết là con người, còn ý thức tự biết – không phải là một con người – thì ông không biết vì ông không bao giờ nghi vấn, không bao giờ ông tự hỏi câu hỏi cốt lõi "Ta là ai". Ý thức tự biết về chính mình là nhân chứng chứng kiến con người, và Sadhana là tìm cách chuyển sự chú ý từ con người nông cạn và thay đổi sang nhân chứng bất biến và thường tại.

H: Vì sao câu hỏi "Ta là ai" không mấy hấp dẫn đối với tôi? Tôi thích dành thời gian thân cận với các bậc thánh nhân hơn.

M: An trú trong sự hiện hữu của chính ông cũng là thân cận với thánh nhân. Nếu không gặp đau khổ và thoát khỏi đau khổ, ông sẽ không thể tìm ra cái năng lượng và sự kiên trì cần thiết cho sự tìm hiểu chính mình. Ông không thể tạo ra một cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng phải có thật.

H: Một cuộc khủng hoảng thật xảy ra như thế nào?

M: Nó xảy ra trong từng khoảnh khắc nhưng ông không đủ tỉnh thức để nhận ra. Một vết quầng trên mặt của người hàng xóm, nỗi đau khổ vô biên vào bao trùm cuộc sống là một yếu tố bất biến trong đời ông nhưng ông có để ý đâu. Ông đau khổ và ông thấy người khác đau khổ, nhưng ông không phản ứng.

H: Những gì ông nói là đúng thật, nhưng liệu tôi có thể làm được gì? Tình cảnh quả thật là như thế, nhưng tính cách vô tư lực và sự u mê của tôi lại là một phần trong đó.

M: Tốt. Hãy thường xuyên quan sát ông – thế là đủ. Cánh cửa khóa ông lại cũng là cánh cửa mở ông ra. Cái "Ta hiện hữu" là cánh cửa. Hãy ở ngay

cánh cửa đó cho đến khi nó bật mở. Mà thật ra thì nó mở, còn ông không ở đó. Ông đang chờ ở những cánh cửa được vẽ ra nhưng không có – những cánh cửa không bao giờ mở.

H: Rất nhiều người trong số chúng tôi có một thời gian dùng ma túy trong một chừng mực nào đó. Người ta bảo chúng tôi dùng ma túy để đột phá vào những giai tầng cao hơn của ý thức. Cũng có người khuyên chúng tôi làm chuyện tình dục thật nhiều cũng vì mục đích như thế. Ý kiến ông thế nào?

M: Chắc chắn là ma túy có thể tác động lên bộ óc của ông, mà cũng có thể tác động vào tâm ông, và cho ông tất cả những kinh nghiệm kỳ lạ như được hứa hẹn. Nhưng tất cả những loại ma túy đó chẳng là gì khi so với loại ma túy đã tạo cho ông cái kinh nghiệm khác thường nhất: được sinh ra, sống trong đau khổ và sợ hãi, tìm kiếm hạnh phúc nhưng hạnh phúc không bao giờ đến hay không bao giờ lâu dài. Ông nên tìm hiểu bản chất của loại ma túy này và tìm ra thuốc giải cho nó.

Sinh ra, sống và chết – chỉ là một. Tìm ra cái gì là nguyên nhân của chúng. Trước khi được sinh ra, ông đã bị đánh thuốc. Đó là loại thuốc gì? Ông có thể tự trị liệu các căn bệnh của ông, nhưng nếu ông vẫn chịu ảnh hưởng của loại thuốc nguyên thủy thì những phương thức trị liệu hời hợt kia liệu có ích gì?

H: Thế không phải nghiệp tạo ra sự tái sinh?

M: Ông có thể thay đổi tên gọi nhưng thực tế thì vẫn thế. Loại thuốc mà ông gọi là nghiệp hay định mệnh là gì? Nó làm cho ông tin ông là cái mà ông không phải. Nó là cái gì vậy, và liệu ông có thể thoát khỏi nó? Trước khi có thể đi xa hơn, ông phải chấp nhận – ít ra như một lý thuyết khả tín rằng: Ông không phải cái mà ông có vẻ là, ông đang chịu ảnh hưởng của một loại thuốc. Lúc đó ông mới có sự thôi thúc và kiên nhẫn để xem xét triệu chứng và tìm kiếm nguyên nhân chung nhất. Tất cả những gì một Đạo sư chỉ có thể nói với ông là: "Này ông, ông hoàn toàn lầm lẫn về chính ông. Ông không phải con người mà ông nghĩ ông là." Đừng tin bất cứ ai, và ngay cả ông. Tìm kiếm, phát hiện, loại trừ và bác bỏ mọi giả thuyết cho đến khi ông đến được với giòng nước của sự sống và tảng đá của chân lý. Chừng nào còn chịu ảnh hưởng của loại thuốc đó thì tất cả tôn giáo và khoa học của ông, sự cầu nguyện và thực hành các pháp môn *Yoga* đều vô ích đối với ông, vì được dựng lập trên sự sai lầm nên chúng chỉ làm cho sai lầm thêm kiên cố. Nhưng nếu ông thường xuyên với ý tưởng: Ông không phải

thân mà cũng chẳng phải tâm, thậm chí cũng không phải là nhân chứng của thân tâm, mà hoàn toàn ở bên ngoài – thì tâm ông sẽ trở nên trong sáng, tham ái của ông trở nên thanh tịnh, và hành động của ông trở nên khoan dung. Sự thanh tẩy nội tâm đó sẽ đưa ông vào một thế giới khác, một thế giới của chân lý và tình yêu vô úy. Hãy cưỡng lại những thói quen cũ của cảm thọ và suy nghĩ, hãy thường xuyên tự nhủ: "Không, không phải thế; điều đó không phải như thế; Ta không phải thế này, Ta không cần nó, Ta không muốn nó", rồi chắc chắn một ngày sẽ đến khi toàn thể cái cơ nghiệp của sai lầm và tuyệt vọng sẽ sụp đổ, và nền tảng sẽ trở nên trống trải cho một cuộc sống mới. Xét cho cùng, nên nhớ rằng tất cả những ưu tư với chính ông chỉ xảy ra vào những lúc thức và một phần trong các giấc mơ của ông; trong giấc ngủ sâu tất cả đều chìm vào quên lãng. Điều này cho thấy cuộc sống vào những lúc thức của ông chẳng quan trọng bao nhiêu, mà thậm chí cả với chính ông, vì chỉ cần nằm xuống và nhắm mắt là có thể chấm dứt nó. Mỗi lần đi ngủ ông đều làm như thế mà không có gì chắc chắn rằng ông sẽ thức dậy, nhưng ông vẫn sẵn sàng chấp nhận rủi ro.

H: Trong khi ngủ, ông có ý thức hay vô thức?

M: Ta vẫn ý thức, nhưng không phải ý thức là một con người riêng biệt nào đó.

H: Ông có thể cho chúng tôi mùi vị của kinh nghiệm giác ngộ chính mình?

M: Cứ việc lấy hết đi! Nó có sẵn đây để ông xin. Nhưng ông không xin. Thậm chí khi ông xin, ông vẫn không lấy. Thử tìm ra cái gì ngăn không cho ông lấy?

H: Tôi biết cái gì ngăn trở - cái Ta của tôi.

M: Thế thì hãy bận rộn cái Ta của ông, và mặc kệ Ta. Bao giờ ông còn bị giam hãm trong nội vi tâm thức thì ông không thể hiểu được trạng thái của Ta.

H: Tôi thấy không còn câu hỏi nào nữa.

M: Nếu ông thực sự chống lại cái Ta của ông thì lẽ ra ông phải đặt nhiều câu hỏi nữa. Ông thiếu câu hỏi vì ông không thật sự quan tâm. Ông hiện đang bị điều khiển bởi **nguyên lý lạc thú và đau khổ, tức là cái Ta**. Ông thuận theo cái Ta mà không chống lại nó. Thậm chí ông cũng không biết rằng ông hoàn toàn bị thống trị bởi những ưu tư thuộc về con người. Một người phải thường xuyên nổi loạn với chính mình, vì cái Ta – giống như

một tấm gương lồi lõm – làm cho hình ảnh hẹp lại và méo mó. Cái Ta là tên bạo chúa hung ác nhất và thống trị ông tuyệt đối.

H: Nếu không còn cái "ta" thì ai được giải thoát?

M: Thế giới được giải thoát khỏi nỗi phiền vĩ đại. Thế là đủ tốt rồi.

H: Tốt cho ai?

M: Tốt cho mọi người. Cái Ta cũng giống như một sợi dây thừng giăng ngang đường, gây cản trở lưu thông. Cuộn nó lại thì nó vẫn có đó – như một **ý thức tự biết mình** thuần túy – hữu ích khi cần đến. Thoát khỏi cái Ta của chính mình là kết quả của sự tìm hiểu chính mình.

H: Có một dạo tôi rất bất mãn với chính tôi, nhưn sau khi gặp được Đạo sư và hoàn toàn giao phó tôi cho ngài thì hiện nay tôi rất an lạc.

M: Nếu quan sát cuộc sống thường nhật của ông thì ông sẽ thấy ông đã chẳng bao giờ giao phó bất cứ gì cho Đạo sư của ông. Ông chỉ đơn thuần thêm từ ngữ "giao phó" vào kho chữ nghĩa của ông, và biến Đạo sư của ông thành cái chốt để treo những phiền trược của ông. Thực sự giao phó thân mạng có nghĩa là không làm gì cả, chỉ khi nào được Đạo sư gợi ý. Có thể nói là ông bước sang một bên để Đạo sư sống cuộc sống của ông. Ông chỉ đơn thuần quan sát và tự hỏi làm sao Đạo sư đã giải quyết các phiền trược dễ dàng như thế, còn đối với ông chúng có vẻ như không thể nào giải quyết được.

H: Khi ngồi đây tôi thấy căn phòng, tôi thấy người khác và tôi thấy cả ông. Quang cảnh này thế nào đối với ông? Ông thấy gì?

M: Chẳng có gì. Ta nhìn nhưng không thấy – theo nghĩa tạo ra hình ảnh và khoác lên chúng những phán xét. Ta không miêu tả hay đánh giá. Ta nhìn và thấy ông, nhưng không có thái độ hay ý kiến nào ngăn che cái thấy của Ta. Khi Ta hướng mắt đi nơi khác, tâm Ta không để cho ký ức lớn vởn; nó tự do ngay lập tức và hoàn toàn tươi mới cho ấn tượng kế tiếp.

H: Khi ngồi đây nhìn ông, tôi không thể xác định sự kiện trong không gian và thời gian. Có cái gì vĩnh cửu và mang tính vũ trụ về một sự trao truyền trí tuệ đang xảy ra. Mười ngàn năm về trước, hay về sau, cũng chẳng có gì khác biệt vì sự kiện chính nó là phi thời.

M: Con người chẳng thay đổi bao nhiêu qua các thời đại. Những vấn đề nhân sinh vẫn thế và chờ mong cùng những câu trả lời. Việc ông ý thức về cái mà ông cho là trao truyền trí tuệ chứng tỏ rằng trí tuệ chưa hề được trao truyền. Khi có trí tuệ ông không còn ý thức về nó nữa. Cái gì thực sự là của ông thì ông không ý thức về nó. Bất cứ gì ông có thể ý thức được đều

không phải là ông hay của ông. Của ông là khả năng nhận thức, chứ không phải những gì được ông nhận thức. Xem ý thức là toàn thể con người là một lầm lẫn. Con người là vô thức, hữu thức và siêu thức, nhưng ông không phải con người. Màn ảnh xinê, ánh sáng cũng như khả năng thấy là của ông, nhưng hình ảnh thì không phải là ông.

H: Tôi phải tìm một Đạo sư khác, hay tiếp tục ở lại với bất cứ ai mà tôi gặp?

M: Câu hỏi của ông chứng tỏ ông chưa gặp được Đạo sư. Bao giờ chưa giác ngộ thì ông còn tìm kiếm Đạo sư này đến Đạo sư khác, nhưng khi ông tìm ra chính ông thì sự tìm kiếm chấm dứt. Đạo sư chỉ là một cột mốc chỉ đường. Trên đường đi, ông qua không biết bao nhiêu cột mốc. Khi đã đến đích thì chỉ cột mốc cuối cùng mới quan trọng. Thật ra, mọi cột mốc đều quan trọng vào thời điểm của nó, còn trong hiện tại thì chẳng cột mốc nào quan trọng.

H: Ông có vẻ cho Đạo sư không là quan trọng. Theo ông Đạo sư chỉ là một trong số các sự kiện.

M: Tất cả các sự kiện đều góp phần, nhưng không sự kiện nào là chủ yếu. Trên đường đi mỗi bước đều đưa ông đến đích, và mỗi bước đều quan trọng như nhau, vì mỗi bước phải được bước, ông không thể bỏ bước nào. Nếu không chịu bước thì ông kẹt lại!

H: Mọi người đều ca tụng Đạo sư còn ông so sánh Đạo sư với cột mốc chỉ đường. Thế chúng ta không cần có Đạo sư?

M: Chúng ta có cần cột mốc chỉ đường. Có và không. Có – nếu chúng ta không biết chắc. Không – nếu chúng ta biết đường đi. Một khi chúng ta chắc chắn với chính mình thì Đạo sư không cần thiết nữa, ngoại trừ theo nghĩa chuyên môn. Xét cho cùng tâm ông là một công cụ, và ông phải biết cách sử dụng nó. Nếu ông học cách sử dụng thân xác thì ông cũng cần phải biết cách sử dụng tâm.

H: Tôi được gì khi học cách sử dụng tâm?

M: Ông được sự tự do thoát khỏi tham ái và lo sợ, hoàn toàn do dụng tâm sai lầm. Chỉ hiểu biết bằng tri thức không thì chưa đủ. Cái biết chỉ là phụ thuộc, cái không biết mới là nhà của cái chơn thật. Sống trong cái biết là ràng buộc, sống trong cái không biết là giải thoát.

H: Theo chỗ tôi hiểu thì tất cả mọi tu tập tâm linh đều nhắm đến sự loại trừ cái Ta có tính cách con người. Một sự tu tập như thế đòi hỏi một quyết

tâm sắt đá và sự ứng dụng không lơi lỏng. Tìm đâu ra trực tâm và năng lượng cho một công việc như thế?

M: Ông tìm trong sự thân cận thiện tri thức.

H: Làm sao tôi phân biệt được ai là thiện tri thức và ai chỉ là người khôn ngoan?

M: Nếu động cơ thúc giục ông là trong sạch, và nếu ông chỉ tìm kiếm chân lý, mà không là gì khác – ông sẽ gặp đúng người. Tìm ra thiện tri thức thì rất dễ, nhưng cái khó là tín tâm và sự vận dụng được sự chỉ giáo và hướng dẫn của các vị ấy.

H: Trạng thái thức quan trọng cho sự tu tập tâm linh hơn là trạng thái ngủ?

M: Một cách tổng quát chúng ta quá coi trọng trạng thái thức. Nếu không ngủ thì không thể có trạng thái thức, nếu không ngủ một người sẽ điên hay chết. Tại sao quá quan trọng hóa trạng thái thức – là trạng thái hiển nhiên tùy thuộc vào vô thức? Không chỉ ý thức mà vô thức cũng cần phải được chú trọng trong sự tu tập tâm linh của chúng ta.

H: Một người phải quan tâm đến vô thức như thế nào?

M: Duy trì cái "Ta hiện hữu" trong tiêu điểm của tánh biết, hãy nhớ rằng ông hiện hữu, quan sát ông không ngưng nghỉ rồi cái vô thức sẽ tuôn trào vào ý thức mà không có sự cố gắng đặc biệt nào của ông. Những tham ái và lo sợ sai lầm, ý nghĩ sai lầm, những ức chế của xã hội phong tỏa và ngăn trở vô thức tự do tương tác với ý thức. Một khi được tự do hội nhập, cả hai trở nên một, và một trở thành tất cả. Con người hội nhập vào nhân chứng, nhân chứng hội nhập vào tánh biết, tánh biết hội nhập vào hiện hữu thuần túy, nhưng tính cách cá biệt thì không mất, mà chỉ những hữu hạn của nó mất đi. Nó biến thể và trở thành cái Ta chơn thật, tức là vị Đạo sư bên trong, luôn luôn là người bạn và người chỉ đường. Ông không thể tiếp cận cái Ta chơn thật bằng sự thờ kính. Không một sinh hoạt bên ngoài nào có thể tiếp cận cái Ta bên trong; thờ kính và cầu nguyện vẫn chỉ là bề ngoài. Để thâm nhập sâu xa thì hành thiền là cần thiết – tức là phấn đấu vượt ra ngoài các trạng thái ngủ, chiêm bao, và thức. Thoạt tiên những tinh tấn rất thất thường, nhưng khi được lập lại nhiều lần thì sẽ trở nên đều đặn, rồi liên tiếp và mãnh liệt cho đến khi tất cả mọi chướng ngại được chinh phục.

H: Chướng ngại đối với cái gì?

M: Đối với sự quên đi cái Ta.

H: Nếu thờ kính và cầu nguyện không có ảnh hưởng thì tại sao ông thờ kính bằng sự hát xướng trước hình ảnh Tôn sư của ông hàng ngày?

M: Những ai muốn làm như vậy thì làm như vậy. Ta thấy không cần thiết phải can thiệp.

H: Nhưng ông tham dự trong đó.

M: Đúng, bề ngoài là như thế. Nhưng tại sao lại chú trọng với Ta đến thế? Dành tất cả chú ý của ông cho câu hỏi: "Cái gì là cái làm cho Ta có ý thức?" cho đến khi tâm ông trở thành chính câu hỏi và không thể nghĩ về bất cứ gì khác.

H: Tất cả mọi người đều thúc giục tôi hành thiền. Tôi không cảm thấy hăng hái trong việc hành thiền, nhưng lại rất quan tâm đến nhiều thứ khác; có một số điều tôi rất muốn và tâm tôi dồn hết cho những điều đó. Những cố gắng hành thiền của tôi chỉ nửa vời, tôi phải làm gì?

M: Hãy hỏi chính ông: "Tất cả xảy ra với ai?" Vận dụng mọi thứ như một cơ hội để đi vào bên trong. Thắp sáng con đường ông đi bằng cách đốt cháy tất cả mọi chướng ngại trong cường độ của tánh biết. Khi ông tình cờ tham ái hay lo sợ thì không phải tham ái hay lo sợ là không đúng và phải ra đi, mà chính con người tham ái và lo sợ phải ra đi. Vấn đề không phải là đấu tranh với tham ái và lo sợ - là những gì có thể hoàn toàn tự nhiên và chính đáng – mà chính là con người bị chúng thống trị, đó mới chính là nguyên nhân của sai lầm trong quá khứ và tương lai. Con người này cần phải được tìm hiểu cẩn thận, và tính cách hư giả của nó cần phải được thấy rõ thì lúc đó quyền năng của nó đối với ông mới chấm dứt. Xét cho cùng, con người đó chìm xuống mỗi khi ông đi ngủ. Trong giấc ngủ sâu, ông không phải là một con người có ý thức về chính mình, nhưng ông vẫn sống. Khi ông sống và có ý thức – nhưng không ý thức về chính mình – thì ông không còn là một con người. Trong suốt thời gian thức có vẻ như ông đóng tuồng trên sân khấu, nhưng ông là gì khi vở tuồng kết thúc? Ông là cái ông là – trước khi vở tuồng bắt đầu ông là cái gì thì sau khi vở tuồng kết thúc ông vẫn là cái đó. Hãy nhìn chính ông như ông đang trình diễn trên sân khấu của cuộc đời. Sự diễn xuất có thể là xuất sắc hay vụng về, nhưng ông không ở trong vở tuồng mà chỉ đơn thuần quan sát nó, dĩ nhiên với sự chăm chú và đồng tình, nhưng luôn luôn nhớ rõ trong tâm là ông chỉ quan sát vở tuồng - cuộc đời – đang diễn ra.

H: Ông luôn luôn nhấn mạnh đến khía cạnh nhận thức về thực tại. Hầu như ông không đề cập đến tình cảm, còn ý chí thì không bao giờ?

M: Ý chí, tình cảm, cực lạc, phấn đấu và hưởng thụ đều bị cấu nhiễm sâu đậm bởi tính cách con người đến độ chúng không thể tin cậy được. Sự trong sáng và trong sạch cần thiết vào lúc bắt đầu cuộc hành trình thì chỉ tánh biết mới có thể cho ông. Rồi lần lượt sẽ đến tình yêu và ý chí, nhưng nền tảng phải được chuẩn bị. Mặt trời của tánh biết phải xuất hiện trước – tất cả những cái khác sẽ theo sau.

***

87. Giữ tâm im lặng và ông sẽ tìm ra

Hỏi: Đã có lần tôi trải qua một kinh nghiệm lạ lùng: Không còn tôi, cũng không còn thế giới, chỉ có ánh sáng – bên trong lẫn bên ngoài – và một sự an lạc vô biên. Kinh nghiệm này kéo dài suốt bốn ngày rồi sau đó tôi trở lại ý thức thường nhật.

Hiện nay tôi có cảm tưởng tất cả những gì tôi biết chỉ là lớp giàn giáo bao che một tòa nhà đang được xây dựng. Tôi hoàn toàn không biết người kiến trúc, kiểu mẫu, họa đồ và mục đích của tòa nhà. Tất cả những gì tôi có thể nói là một hoạt động nào đó đang tiến hành, và sự việc đang xảy ra. Tôi là lớp giàn giáo đó, một cái gì rất mong manh và ngắn ngủi; khi tòa nhà sẵn sàng để sử dụng thì giàn giáo được tháo dỡ và rời đi. Cái "Ta là" và "Ta là cái gì" không còn quan trọng nữa, vì ngay khi tòa nhà hoàn tất thì dĩ nhiên cái "Ta" phải ra đi, chẳng để lại một câu hỏi nào về chính nó để trả lời.

Maharaj: Ông hoàn toàn không biết gì về điều này sao? Không phải thực tế tánh biết là một yếu tố thường hằng?

H: Ý thức của tôi về sự thường hằng và sự tự biết mình là do ký ức, mà ký ức thì chóng phai và không đáng tin cậy. Tôi chỉ nhớ rất ít, ngay cả về những gì mới xảy ra! Tôi đã sống gần hết đời người và bây gì cái gì còn lại với tôi? Một mớ sự kiện, nhiều lắm thì cũng chỉ đủ cho một câu chuyện ngắn?

M: Tất cả những điều đó xảy ra trong ý thức của ông?

H: Cả trong lẫn ngoài. Ban ngày thì bên trong, và ban đêm thì bên ngoài. Ý thức không phải là tất cả. Có rất nhiều điều xảy ra ngoài tầm của nó. Bảo rằng những gì tôi không ý thức được thì không tồn tại là hoàn toàn sai.

M: Những gì ông nói rất hợp lý, nhưng thật ra ông chỉ biết những gì trong ý thức của ông. Những gì ông cho là tồn tại bên ngoài kinh nghiệm hữu thức thì chỉ là phỏng đoán.

H: Có thể là phỏng đoán, nhưng nó còn thật hơn cả cảm giác.

M: Hãy cẩn thận. Ngay khi nói ra, ông tạo ra một vũ trụ bằng ngôn từ, một vũ trụ của chữ nghĩa, ý tưởng, khái niệm và suy luận – đan kết với nhau và tương thuộc lẫn nhau – và điều kỳ lạ nhất là mặc dù chúng tạo nên, hỗ trợ và giải thích lẫn nhau, nhưng tất cả đều không có tánh thể và thực chất – hoàn toàn là sản phẩm của tâm. Ngôn từ đẻ ra ngôn từ, còn thực tại thì im lặng.

H: Khi ông nói, tôi nghe ông nói. Đó không phải là một sự kiện hay sao?

M: Ông nghe là một sự kiện. Cái ông nghe thì không phải. Sự kiện thì có thể được kinh nghiệm, và theo nghĩa này, âm thanh của những từ ngữ và những gợn sóng trong tâm mà các âm thanh đó gây nên được kinh nghiệm. Không có một thực thể nào khác đằng sau nó. Ý nghĩa mà âm thanh đó chuyên chở chỉ là quy ước được ghi nhớ; một ngôn ngữ nếu không thường xuyên thực hành thì có thể bị quên đi dễ dàng.

H: Nếu ngôn từ không có thực thể thì nói để làm gì?

M: Ngôn từ phục vụ cho mục đích hạn chế của nó trong sự truyền thông giữa con người. Ngôn từ không chuyên chở sự kiện, mà chỉ truyền đạt sự kiện bằng tín hiệu. Khi đã thoát ra khỏi con người, ông không cần đến ngôn từ nữa.

H: Cái gì có thể đem tôi ra khỏi con người? Làm sao có thể ra ngoài ý thức?

M: Chữ nghĩa và câu hỏi sinh khởi từ tâm, và câu thúc ông trong tâm. Để ra khỏi tâm, ông phải im lặng và yên tịnh. An lạc và im lặng, im lặng và an lạc – đây là con đường vượt ra ngoài. Ngưng đặt câu hỏi.

H: Khi ngưng đặt câu hỏi, tôi phải làm gì nữa?

M: Ông có thể làm gì ngoài chờ đợi và quan sát?

H: Tôi chờ cái gì?

M: Chờ cho tâm điểm hiện hữu của ông nổi lên trên ý thức. Ba trạng thái: Ngủ - chiêm bao – thức đều ở trong ý thức, tức là cái được thị hiện; cái mà ông gọi là vô thức cũng sẽ được thị hiện trong thời gian; hoàn toàn bên ngoài ý thức là cái bất thị hiện. Ở ngoài tất cả, và bao trùm tất cả là trái tim của hiện hữu đập đều đặn: Thị hiện – bất thị hiện; thị hiện – bất thị hiện; *Saguna – Nirguna*.

H: Trên bình diện ngôn từ những gì ông nói nghe rất đúng. Tôi có thể hình dung chính mình là chủng tử của hiện hữu, một điểm trong ý thức, với ý thức "Ta hiện hữu" không ngưng đập, xuất hiện và biến mất thay phiên

nhau xảy ra. Nhưng tôi phải làm gì để nhận thức nó như một thực tế, để vượt ra ngoài và nhập vào Thực tại bất biến, vô ngôn?

M: Ông không thể làm được gì. Cái gì thời gian đưa đến thì thời gian sẽ đem đi.

H: Nếu thế thì hô hào tu tập *Yoga* và tìm kiếm thực tại để làm gì? Chúng làm cho tôi có cảm tưởng được trao cho khả năng và trách nhiệm, nhưng thật ra thời gian làm tất cả.

M: Đó chính là cứu cánh của *Yoga* – nhận ra tính độc lập. Tất cả những gì xảy ra chỉ xảy ra trong tâm và đối với tâm, chứ không xảy ra đối với nguồn gốc của cái "Ta hiện hữu". Một khi nhận ra tất cả đều tự xảy ra, (gọi đó là định mệnh, hay ý chí của Thượng đế, hay thuần ngẫu nhiên) thì ông chỉ là nhân chứng, hiểu và thọ dụng, nhưng không hề giao động.

H: Nếu hoàn toàn chấm dứt tin tưởng vào ngôn từ thì tình trạng của tôi sẽ ra sao?

M: Có giai đoạn tin tưởng và cũng có giai đoạn hoài nghi. Cứ để các giai đoạn hoạt động, việc gì phải bận tâm?

H: Dù sao tôi vẫn cảm thấy có trách nhiệm đối với những gì xảy ra quanh tôi.

M: Ông chỉ có trách nhiệm với những gì ông có thể thay đổi. Điều duy nhất ông có thể thay đổi là thái độ của ông. Đó là trách nhiệm của ông.

H: Ông bảo tôi cứ việc thờ ơ trước đau khổ của tha nhân!

M: Cho dù ông có thờ ơ hay không thì nỗi đau khổ của nhân loại vẫn không ngăn ông thưởng thức bữa ăn sắp đến. Nhân chứng không thờ ơ, nhân chứng hoàn toàn biết rõ và rất từ bi. Chỉ khi nào là nhân chứng ông mới có thể giúp người khác.

H: Suốt đời tôi chỉ sống bằng ngôn từ. Số từ ngữ tôi đã nghe qua và đọc qua lên đến hàng tỉ. Chúng có lợi lạc gì cho tôi không? Hoàn toàn không!

M: Tâm hình thành ngôn ngữ và ngôn ngữ định hình tâm. Cả hai đều là công cụ, hãy sử dụng chúng nhưng đừng sử dụng sai lầm. Ngôn từ có thể đưa ông xa lắm là đến biên giới của nó; muốn đi xa hơn ông phải từ bỏ ngôn từ. Chỉ làm nhân chứng thầm lặng.

H: Làm sao tôi có thể làm nhân chứng thầm lặng? Thế giới gây cho tôi không biết bao nhiêu phiền nhiễu.

M: Ông nghĩ rằng ông to lớn nên bị thế giới tác động. Thật ra không phải thế. Ông nhỏ đến nỗi không gì có thể ghìm được ông. Tâm bị vướng mắc, chứ không phải ông. Hãy biết chính ông như ông *là* – một điểm trong

ý thức, vô phương vị và vô thời. Ông cũng như mũi cây bút chì – chỉ qua giao tiếp với ông mà tâm vẽ ra bức tranh của nó về thế giới. Ông rất đơn giản và chân phương, còn bức tranh thì phức tạp và bao la. Đừng để bị bức tranh mê hoặc mà hãy biết rõ cái điểm vô cùng nhỏ bé – nó ở khắp nơi trong bức tranh.

Cái gì hiện hữu có thể chấm dứt hiện hữu, cái gì không hiện hữu có thể trở thành hiện hữu, còn cái không phải hiện hữu mà cũng chẳng phải phi hiện hữu – nhưng hiện hữu và phi hiện hữu đều tùy thuộc nó – thì bất di bất dịch. Biết được chính ông là nguyên nhân của tham ái và đau khổ - chính cái biết đó thoát ra khỏi cả hai.

H: Vì sao tôi lại là nguyên nhân của lo sợ?

M: Tất cả đều tùy thuộc vào ông. Thế giới tồn tại chỉ vì sự chấp nhận của ông. Nếu ông không tin vào thực thể của nó thì thế giới sẽ tan biến như một cơn mộng huyễn. Thế giới có thể làm cho non mòn núi lở, nhưng làm sao có thể ví với ông – nguồn gốc vô thời của thời gian. Vì, nếu không có ký ức và mong đợi thì không còn thời gian.

H: "Ta hiện hữu" có phải là cái tối hậu?

M: Trước khi ông có thể nói: "Ta hiện hữu" thì phải có ông để nói điều đó. Hiện hữu không cần phải ý thức về chính mình. Ông không cần biết để hiện hữu, nhưng ông phải *hiện hữu* để biết.

H: Thưa ông, tôi đang chết đuối trong biển ngôn từ! Tôi có thể thấy tất cả đều tùy thuộc vào cách ngôn từ được sắp xếp với nhau, nhưng phải có người để sắp xếp chúng một cách có ý nghĩa. Nếu cứ sắp xếp chữ nghĩa bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên thì các thánh thư *Ramayana*, *Mahabharata* và *Bhagavata* đã không bao giờ được viết ra. Lập thuyết về sự xuất hiện ngẫu nhiên không có cơ sở. Nguồn gốc của cái gì có ý nghĩa phải ở ngoài nó. Cái gì là quyền năng tạo ra ổn định từ hỗn loạn? Sống không phải chỉ là hiện hữu, và ý thức không phải chỉ là sống. Ai là kẻ hiện hữu sống có ý thức?

M: Câu trả lời có sẵn trong câu hỏi của ông: Một hiện hữu sống có ý thức là một hiện hữu sống có ý thức. Những từ ngữ thật thích đáng nhưng ý nghĩa của nó thì ông không quán triệt. Đi sâu vào ý nghĩa của các từ ngữ: Hiện hữu, sống, và ý thức thì ông sẽ không còn chạy lòng vòng đặt câu hỏi mà không nhận ra câu trả lời. Nên hiểu rằng ông không thể đặt một câu hỏi có giá trị về chính ông, vì ông không biết ông hỏi về ai. Trong câu hỏi: "Ta là ai?" "Ta" – là cái không được biết, và câu hỏi có thể được sắp xếp lại

thành: "Ta không biết Ta muốn nói 'Ta' nghĩa là gì? Ông là cái gì thì ông phải tìm ra. Ta chỉ có thể nói cho ông biết cái mà ông không là. Ông không thuộc về thế giới, thậm chí ông cũng không ở trong thế giới. Thế giới không hiện hữu, chỉ mình ông hiện hữu. Ông tạo ra thế giới trong sự tưởng tượng của ông như một giấc chiêm bao. Vì không thể tách rời giấc chiêm bao với chính ông, nên ông không thể có một thế giới bên ngoài, độc lập với ông. Ông bất tùy thuộc, chứ không phải thế giới. Đừng sợ hãi một thế giới mà chính ông đã tạo ra. Chấm dứt tìm kiếm hạnh phúc và thực tại trong một giấc chiêm bao thì ông sẽ tỉnh thức. Ông chẳng cần biết tất cả những cái "tại sao" và "làm sao", vì câu hỏi thì vô tận. Buông bỏ tất cả tham ái, giữ tâm im lặng thì ông sẽ tìm ra.

***

88. Cái biết do tâm không phải là cái biết thật

Hỏi: Ông có trải qua ba trạng thái thức, chiêm bao và ngủ như chúng tôi, hay là khác?

Maharaj: Cả ba trạng thái là ngủ đối với Ta. Trạng thái thức của Ta ở ngoài tất cả. Khi Ta nhìn các ông thì các ông như đang ngủ, mơ tưởng ra ngôn từ của các ông. Ta biết rõ vì Ta không tưởng tượng. Trạng thái của Ta không phải *Samadhi* – cũng là một hình thức ngủ khác. Trạng thái của Ta không hề bị tâm tác động, hoàn toàn không có quá khứ và tương lai. Đối với các ông, đó là trạng thái bị hành hạ bởi tham ái và lo sợ, ký ức và hy vọng; còn với Ta nó là như chính nó là – bình thường. Là một con người tức là đang ngủ.

H: Ở giữa thân xác và tánh biết thuần túy là nội thân – *Antahkarana* – thân vi tế, "thân tâm lý" hay bất cứ danh xưng nào. Giống như một tấm gương quay tròn làm cho ánh sáng mặt trời biến thành vô số những hình ảnh gồm nhiều vệt sáng và mầu sắc, thì cái thân vi tế biến ánh sáng đơn sắc của cái Ta chói lọi thành một thế giới đa dạng. Tôi hiểu sự chỉ giáo của ông là như thế. Nhưng tôi không hiểu vì sao thân vi tế này đầu tiên sinh khởi từ đâu?

M: Nó được tạo ra cùng với sự xuất hiện của ý tưởng "Ta hiện hữu". Hai cái là một.

H: Cái "Ta hiện hữu" đã xuất hiện như thế nào?

M: Trong thế giới của ông tất cả đều phải có khởi đầu và kết thúc; nếu không có thì ông gọi là vĩnh cửu. Trong cái nhìn của Ta, không hề có cái

như là bắt đầu hay chấm dứt – bắt đầu và chấm dứt đều liên quan đến thời gian. Hiện hữu vô thời hoàn toàn ở trong *cái bây giờ*.

H: Thân vi tế - *Antahkarana* – là thật hay không thật?

M: Nó chỉ là nhất thời. Thật vào lúc hiện thời, không thật khi qua đi.

H: Thực tại là gì? Thực tại có nhất thời hay không?

M: Gọi nó là có thể kinh nghiệm được, hoặc là hiện thực, hay thực tế. Nó là sự có thật của một kinh nghiệm tức thời, tại đây và bây giờ, và không thể phủ nhận. Ông có thể hoài nghi sự miêu tả và ý nghĩa của nó, nhưng không thể nghi ngờ tự thân sự kiện. Hiện hữu và phi hiện hữu liên tục thay phiên nhau và tính chất thật của chúng chỉ nhất thời. Thực tại Bất biến ở ngoài không gian và thời gian. Nhận ra tính cách vô thường của hiện hữu và phi hiện hữu thì thoát ra khỏi cả hai.

H: Sự vật có thể biến dịch, nhưng chúng rất gần gũi với chúng ta trong sự tái diễn vô tận.

M: Sức mạnh của tham ái rất mãnh liệt. Chính tham ái tạo ra sự tái diễn. Nếu không có tham ái thì không có sự tái diễn.

H: Thế còn sợ hãi?

M: Tham ái thuộc về quá khứ, sợ hãi thuộc về tương lai. Ký ức về đau khổ đã qua và sợ hãi sự tái diễn của nó làm cho con người ưu tư về tương lai.

H: Nhưng còn có cả sự sợ hãi cái không biết.

M: Người nào chưa từng đau khổ thì không sợ hãi.

H: Chúng ta có phải bị trừng phạt phải sợ hãi?

M: Bao giờ chúng ta còn nhìn sợ hãi và chấp nhận nó như cái bóng của sự tồn tại có tính cách con người. Là con người, chúng ta không tránh khỏi sợ hãi. Triệt tiêu tất cả các phương trình có tính cách con người thì ông hoàn toàn vô úy. Điều này không khó khăn. Vô tham ái tự xuất hiện ngay khi tham ái được nhận ra là hư giả. Ông không cần phải đấu tranh với tham ái. Xét cho cùng, tham ái chính là động cơ tìm cầu hạnh phúc, mà đó là điều tự nhiên khi nào còn có đau khổ. Chỉ cần thấy được rằng không hề có hạnh phúc trong những gì ông tham ái.

H: Chúng ta chấp nhận lạc thú.

M: Mọi lạc thú đều được gói ghém trong đau khổ. Ông sẽ sớm nhận ra rằng ông không thể có cái này mà không có cái kia.

H: Có người kinh nghiệm và có kinh nghiệm của người kinh nghiệm. Cái gì tạo ra sự liên kết cả hai?

M: Chẳng có gì tạo ra. Nó là như thế. Hai cái là một.

H: Tôi cảm thấy có một sự lắt léo trong đó, nhưng không biết ở đâu.

M: Sự lắt léo ở trong tâm ông, nó cố tìm cách thấy tính nhị nguyên ở những nơi không có.

H: Khi lắng nghe ông nói tâm tôi hoàn toàn ở trong cái bây giờ, và tôi ngạc nhiên thấy chính tôi không có nghi vấn nào.

M: Ông chỉ biết được thực tại khi nào ông ngạc nhiên.

H: Tôi có thể nhận thấy nguyên nhân của đau khổ và sợ hãi là ký ức. Thế phương tiện để đoạn trừ ký ức là gì?

M: Đừng nói đến phương tiện. Không hề có phương tiện. Cái gì được ông thấy là hư giả thì tự nó tan biến. Bản chất của ảo tưởng là tự nó biến mất khi được tìm hiểu. Tìm hiểu – chỉ thế thôi. Ông không thể tận diệt cái hư giả vì ông luôn luôn tạo ra nó. Rút ra khỏi nó, đừng để ý đến nó, và thoát ra ngoài thì nó sẽ không còn nữa.

H: Đấng *Chirst* cũng nói về sự bỏ qua những điều dữ, và hãy hồn nhiên như con trẻ.

M: Thực tại thì chung nhất cho tất cả. Chỉ cái hư giả mới có tính cách cá nhân.

H: Khi quan sát các hành giả - *Sadhakas* – và tìm hiểu triết lý sống của họ, tôi nhận thấy họ chỉ thay thế những ham muốn vật chất bằng các tham vọng "tâm linh". Qua những gì ông nói với chúng tôi thì hình như từ ngữ "tâm linh" và "tham vọng" không tương hợp. Nếu "tâm linh" hàm ý thoát ra khỏi tham vọng, thì cái gì thúc đẩy người tìm kiếm tiếp tục? Các môn phái *Yoga* đều nói lòng mong cầu giải thoát là thiết yếu. Đó không phải là hình thức cao nhất của tham vọng hay sao?

M: Tham vọng thuộc về con người, giải thoát là thoát khỏi những gì thuộc con người. Trong giải thoát chủ thể lẫn đối tượng của tham vọng không còn. Lòng thành khẩn không phải là một mong muốn thành quả của công sức đã bỏ ra. Nó chỉ thể hiện sự chuyển hướng chú ý bên trong ra khỏi cái hư giả, tầm thường, và những gì có tính cách con người.

H: Hôm trước ông có bảo chúng tôi đừng mơ tưởng sự toàn hảo trước khi giác ngộ, vì cái Ta – chứ không phải tâm – là nguồn gốc của tất cả sự toàn hảo. Nếu tính ưu việt của công đức không phải là thiết yếu cho sự giải thoát, vậy thì cái gì?

M: Giải thoát không phải là thành quả của một phương tiện nào đó được ứng dụng một cách khéo léo, mà cũng không thuộc về hoàn cảnh. Giải

thoát ở ngoài tiến trình nhân quả. Không gì có thể thúc ép, và không gì có thể ngăn trở sự giải thoát.

H: Thế tại sao chúng tôi không tự do tại đây và ngay bây giờ?

M: Chúng ta tự do "tại đây và ngay bây giờ". Chỉ có tâm tưởng tượng ra ràng buộc.

H: Cái gì sẽ làm cho tưởng tượng chấm dứt?

M: Tại sao ông lại muốn chấm dứt tưởng tượng? Một khi biết được tâm ông cùng những quyền năng mầu nhiệm của nó, và loại bỏ cái làm cho nó bị cấu nhiễm – tức là ý tưởng về một con người riêng biệt và cô lập – thì ông chỉ để mặc kệ tâm làm công việc của nó trong số những gì mà nó thích hợp với. Giữ tâm trong vị trí đúng của nó, cho công việc của chính nó là giải thoát tâm.

H: Công việc của tâm là gì?

M: Tâm là người vợ của trái tim, và thế giới là ngôi nhà của cả hai; cần phải giữ ngôi nhà luôn vui vẻ và hạnh phúc.

H: Tôi vẫn không hiểu. Nếu con đường dẫn đến giải thoát không có chướng ngại thì tại sao giải thoát không xảy ra tại đây và ngay bây giờ?

M: Không hề có chướng ngại trên con đường giải thoát của ông, và sự giải thoát có thể xảy ra tại đây và ngay bây giờ, nếu ông không quan tâm đến bất cứ gì khác. Ông không thể chống lại những gì ông quan tâm. Ông phải thuận theo chúng, thấy xuyên suốt chúng và quan sát chúng tự phơi bày là những sai lầm của phán xét và đánh giá.

H: Nếu tôi sống thân cận một bậc thánh nhân thì có lợi lạc gì không?

M: Thánh cân và vĩ nhân luôn luôn thân cận ông nhưng ông không nhận ra họ. Làm sao ông biết được ai là vĩ nhân và thánh nhân? Qua nghe nói? Liệu ông có thể tin người khác, thậm chí là chính ông, trong những vấn đề như thế này? Để thuyết phục chính mình hoàn toàn không còn nghi hoặc, ông cần nhiều hơn một sự ca tụng, một kinh nghiệm tuyệt vời thoáng qua. Ông có thể tình cờ gặp một thánh nhân vĩ đại nhưng sau một thời gian rất lâu ông mới biết đó là phước báu. Đứa con sơ sinh của một bậc vĩ nhân phải trải qua rất nhiều năm mới biết được tính cách vĩ đại của cha nó. Ông phải trưởng thành thì mới nhận ra tính cách vĩ đại, ông phải làm cho trái tim trong sạch thì mới nhận ra sự thánh thiện. Bằng không, ông chỉ mất thời gian và tiền bạc một cách vô ích, và bỏ lỡ những gì mà cuộc đời cống hiến cho ông. Có nhiều bậc thiện nhân trong số bằng hữu của ông mà ông có thể học ở họ rất nhiều. Chạy theo các thánh nhân cũng chỉ là một trò tiêu

khiển. Thay vì làm như thế thì hãy nhớ nghĩ đến chính ông và quan sát cuộc sống thường nhật của ông không lơi lỏng. Hãy thành khẩn vì chắc chắn ông sẽ phá vỡ những ràng buộc của sự vô ý và tưởng tượng.

H: Ông muốn tôi phấn đấu một mình?

M: Ông không bao giờ một mình. Có những quyền năng và các đấng linh thiêng sẽ luôn luôn trung thành phục vụ ông. Ông có thể hoặc không thể nhận ra họ, nhưng họ có thật và hoạt động. Khi nhận ra tất cả đều ở trong tâm ông, ông ở ngoài tâm. Ông thật sự chỉ là một mình thì lúc đó tất cả là ông.

H: Thông suốt mọi sự (omniscience) nghĩa là gì? Thượng đế có thông suốt mọi sự? Ông có thông suốt mọi sự? Chúng tôi nghe nói về nhân chứng vũ trụ. Nhân chứng vũ trụ là gì? Giác ngộ chính mình có hàm ý thông suốt mọi sự? Hay giác ngộ chỉ là vấn đề tu tập đặc biệt?

M: Hoàn toàn không còn bận tâm với cái biết sẽ đưa đến trạng thái thông suốt mọi sự. Nó chỉ là khả năng biết cái cần biết vào đúng lúc để hành động không còn sai lầm. Xét cho cùng, cái biết chỉ cần thiết cho hành động, và nếu ông hành động đúng, một cách tự phát mà không đem ý thức vào – thì còn tốt hơn nữa.

H: Một người có thể biết được tâm của người khác?

M: Biết tâm ông trước. Nó dung chứa toàn thể vũ trụ mà còn dư chỗ!

H: Theo lý thuyết của ông thì có vẻ như trạng thái thức, về cơ bản, không khác biệt với trạng thái chiêm bao và trạng thái ngủ say không chiêm bao. Cả ba trạng thái chủ yếu là trường hợp của sự nhận lầm chính mình với thân xác. Có thể lý thuyết của ông đúng, nhưng tôi cảm thấy nó không hoàn toàn là chân lý.

M: Đừng cố tìm cách biết chân lý, vì cái biết của tâm không phải là cái biết chân thật. Ông có thể biết cái không thật, và điều này đủ để giải thoát ông khỏi cái hư giả. Ý nghĩ cho rằng những gì ông biết là thật thì rất nguy hiểm, vì nó giam hãm ông trong tâm. Chỉ khi nào không biết thì ông mới tự do để tìm hiểu. Không thể nào có giải thoát mà không có sự tìm hiểu, vì không tìm hiểu là nguyên nhân chủ yếu của ràng buộc.

H: Ông nói rằng ảo tưởng về thế giới hình thành với ý thức "Ta hiện hữu", nhưng khi tôi hỏi về nguồn gốc của ý thức "Ta hiện hữu" thì ông bảo nó không có nguồn gốc vì ngay khi được tìm hiểu thì nó biến mất. Cái gì bền chắc mà trên đó thế giới được xây dựng thì không thể là ảo tưởng. Cái

"Ta hiện hữu" duy nhất là một yếu tố bất biến mà tôi ý thức được, làm sao nó có thể là hư giả?

M: Không phải cái "Ta hiện hữu" là hư giả, nhưng cái mà ông cho ông là – là hư giả. Ta có thể thấy – không chút nghi hoặc – rằng ông không phải cái mà ông tin ông là. Hợp lý hay không hợp lý thì ông vẫn không thể phủ nhận cái hiển nhiên. Ông không là bất cứ gì mà ông có thể nhận thức được. Hãy chuyên tâm vào việc phá sập cái cơ cấu mà ông đã dựng lập trong tâm. Tâm đã tạo ra cái gì thì chính tâm phải phá hủy cái đó.

H: Ông không thể phủ nhận khoảnh khắc hiện tại, dù hữu tâm hay vô tâm. Cái gì bây giờ - *là*. Ông có thể hoài nghi biểu hiện, nhưng không thể hoài nghi sự kiện. Cái gì ở tại nguồn gốc của sự kiện?

M: Cái "Ta hiện hữu" ở tại nguồn gốc mọi biểu hiện, và là yếu tố nối kết cố định trong chuỗi diễn tiến của vô số các sự kiện mà chúng ta gọi là cuộc đời; nhưng Ta ở ngoài cái "Ta hiện hữu".

H: Tôi nhận thấy những người giác ngộ thường miêu tả trạng thái của họ theo ngôn ngữ vay mượn từ tôn giáo mà họ theo. Ông ngẫu nhiên là một người theo Ấn giáo, nên ông nói về *Brahma*, *Vishnu* và *Shiva*, và dùng cách tiếp cận và hình tượng của Ấn giáo. Vui lòng cho chúng tôi biết, cái gì là kinh nghiệm đằng sau ngôn từ của ông? Chúng nói về thực tại nào?

M: Đó là cách nói của Ta, một ngôn ngữ Ta đã được dạy để sử dụng.

H: Nhưng cái gì ở phía sau ngôn ngữ?

M: Làm sao Ta có thể đem nó vào ngôn từ, nếu không phải bằng cách phủ định? Do đó, Ta dùng những từ ngữ như phi thời, phi xứ, phi nhân duyên. Những từ ngữ này cũng là ngôn từ, nhưng ý nghĩa của chúng thì trống rỗng nên thích hợp cho mục đích của Ta.

H: Nếu chúng không có ý nghĩa, tại sao ông lại dùng?

M: Bởi vì ông muốn ngôn từ ở chỗ ngôn từ không thể áp dụng.

H: Tôi thấy được điều ông muốn nói. Một lần nữa, ông lại tước mất câu hỏi của tôi!

***

89. Tiến bộ trong đời sống tâm linh

Hỏi: Chúng tôi là hai thiếu nữ Anh sang thăm Ấn Độ. Chúng tôi biết rất ít về *Yoga*, chúng tôi đến đây vì nghe nói các Đạo sư tâm linh có một vai trò rất quan trọng trong đời sống của người Ấn.

Maharaj: Chào mừng hai cô đến Ấn. Các cô sẽ chẳng tìm được cái gì mới ở đây. Công việc của chúng tôi thì phi thời. Mười ngàn năm trước nó

đã như thế và mười ngàn năm sau thì nó cũng vẫn vậy. Nhiều thế kỷ trôi qua, nhưng vấn đề nan giải của con người không hề thay đổi: Đau khổ và chấm dứt đau khổ.

H: Hôm trước có bảy thanh niên ngoại quốc ghé chỗ chúng tôi ở xin tá túc vài đêm. Họ đến Ấn để nghe Đạo sư của họ thuyết giảng ở *Bombay*. Tôi có gặp Đạo sư đó – một thanh niên trông rất vui vẻ - rõ ràng là một người thực tế và có khả năng, nhưng vẫn toát ra một cái vẻ an lạc và tĩnh lặng. Giáo pháp của ông ta mang tính truyền thống, thiên về *Karma Yoga*, khuyến khích sự làm việc vô vị kỷ, phục vụ Đạo sư, và vân vân. Cũng giống như trong thánh kinh *Gita*, vị Đạo sư nói rằng việc làm vô vị kỷ sẽ đưa đến giải thoát. Ông ta có những kế hoạch đầy tham vọng như đào tạo nhiều môn đồ và cử họ đi thành lập các trung tâm tâm linh ở nhiều nước. Vị Đạo sư không những trao quyền cho họ mà còn truyền cả năng lực để thực hiện công việc nhân danh ông ta.

M: Có, có những chuyện như trao truyền năng lực.

H: Khi sinh hoạt với họ tôi có một cảm giác lạ lùng như trở thành vô hình. Những môn đồ sùng tín đó khi quy mệnh với Đạo sư của họ, cũng đã gồm luôn cả tôi vào. Bất cứ gì tôi làm cho họ đều là hành vi của Đạo sư, còn tôi thì không hề được biết đến – ngoại trừ như một công cụ. Tôi chỉ là cái nút để bật qua trái hay phải. Không hề có bất cứ quan hệ nào có tính cách cá nhân. Họ tìm cách thuyết phục tôi theo tín ngưỡng của họ, nhưng thấy tôi có vẻ miễn cưỡng thì sau đó họ không còn để ý đến tôi nữa. Thậm chí giữa họ với nhau cũng chẳng có vẻ gì mật thiết; họ ràng buộc họ với nhau chỉ vì sự quan tâm chung đến Đạo sư của họ. Tôi cảm thấy một cái gì đó thật lạ lùng, hầu như phi nhân tính. Xem mình là một công cụ trong tay của Thượng đế là một chuyện, nhưng tước đoạt mọi sự chú ý và quan tâm đến con người chỉ vì "Tất cả là Thượng đế" thì chỉ đưa đến thái độ lạnh lùng, và tàn nhẫn. Xét cho cùng, mọi cuộc chiến tranh đều "nhân danh Thượng đế". Toàn thể lịch sử nhân loại là một chuỗi dài những cuộc "thánh chiến". Không lúc nào con người trở nên phi nhân cách như trong chiến tranh!

M: Khăng khăng, đề kháng đều có trong ý chí *hiện hữu*. Bỏ đi ý chí *hiện hữu* thì cái gì còn lại? Tồn tại và phi tồn tại đều liên quan với một cái gì đó trong không gian thời gian; ở đây và bây giờ, ở đó và khi đó, một lần nữa lại ở trong tâm. Tâm luôn luôn chơi trò phỏng đoán; tâm luôn luôn bất định, bị ưu tư dằn vặt và bất an. Cô không muốn bị xem như công cụ của một

thần linh hay một Đạo sư nào đó, và khăng khăng đòi hỏi phải được đối xử như một con người, vì cô không biết chắc sự tồn tại của chính cô, và không muốn từ bỏ sự dễ chịu và chắc chắn của tính cách con người. Có thể cô không phải là cái mà cô tin là cô, nhưng nó cho cô sự tiếp tục – tương lai của cô chảy vào hiện tại và trở thành quá khứ một cách êm ái. Bị phủ nhận sự tồn tại có tính cách con người quả thật là kinh hoàng, nhưng cô phải đối diện sự phủ nhận đó, và tìm ra tính cách đồng nhất của cô với tổng thể cuộc sống. Lúc đó vấn đề ai bị lợi dụng bởi ai không còn nữa.

H: Tất cả những sự chú ý họ dành cho tôi là cố gắng hoán cải tôi theo đức tin của họ. Khi tôi cưỡng lại thì sau đó họ không thèm đếm xỉa đến tôi nữa.

M: Người ta không thể trở thành môn đồ bằng sự cải đạo, hay ngẫu nhiên. Thường thì vẫn có một mối liên hệ từ lâu đời, được duy trì qua nhiều kiếp và nở hoa thành lòng yêu mến và tin tưởng; thiếu hai yếu tố này thì không thể có quan hệ môn đồ.

H: Điều gì khiến ông quyết định trở thành Đạo sư?

M: Ta trở thành Đạo sư vì được người ta gọi như thế. Mà Ta dạy ai và ai là người học? Cái Ta là thì cô là, và cái cô là thì Ta là. Cái "Ta hiện hữu" là sự bao la của ánh sáng và tình yêu. Chúng ta không thấy được vì chúng ta nhìn đi chỗ khác. Ta chỉ có thể chỉ lên bầu trời, còn thấy được các vì sao là việc của cô. Có người mất nhiều thời gian, và có người mất ít thời gian trước khi thấy được sao, vì còn tùy ở tính trong sáng của thị giác và lòng thành khẩn tìm kiếm của mỗi người. Hai yếu tố đó là của chính họ, Ta chỉ có thể khuyến khích.

H: Tôi được mong đợi phải làm gì khi trở thành môn đồ?

M: Mỗi Đạo sư có phương pháp riêng, thường là dựa theo những chỉ giáo của tiên sư, và phương cách mà chính Đạo sư đã giác ngộ, cùng ngôn ngữ riêng của ông ta. Từ khuôn khổ đó, vị Đạo sư điều chỉnh cho phù hợp với cá tính của từng người. Người môn đồ được hoàn toàn tự do tư duy và tìm hiểu, cũng như được khuyến khích thắc mắc về những gì chất chứa trong tim mình. Người môn đồ phải tuyệt đối chắc chắn về thân thế và khả năng của Đạo sư, nếu không thì tín tâm không hoàn toàn và hành động không trọn vẹn. Chính cái tuyệt đối trong cô đưa cô đến với cái tuyệt đối bên ngoài cô – chân lý tuyệt đối, tình yêu, và thái độ vô vị kỷ là những yếu tố quyết định trong sự giác ngộ chính mình. Với lòng thành khẩn thì tất cả những yếu tố đó đều có thể đạt được.

H: Theo như tôi hiểu một người phải thoát ly gia đình và từ bỏ của cải để trở thành môn đồ.

M: Còn tùy mỗi Đạo sư. Có Đạo sư yêu cầu các môn đồ chín mùi của họ sống khổ hạnh và ẩn tu; có Đạo sư khuyến khích tiếp tục đời sống và nhiệm vụ tại gia. Hầu hết môn đồ cho rằng mô hình của đời sống gia đình khó hơn là thoát ly, và chỉ thích hợp cho một cá tính chắc chắn và quân bình. Những người còn trong thời kỳ son trẻ thường được khuyến khích lối sống kỷ luật của tu viện. Vì thế, văn hóa Ấn giáo khuyến khích học sinh cho đến tuổi 25 sống như các tu sĩ trong sự đạm bạc, giản dị và vâng lời để cho họ cơ hội rèn luyện một cá tính có thể đối phó với những khó khăn và cám dỗ của đời sống gia đình.

H: Những người trong phòng này là ai? Họ là môn đồ của ông?

M: Cứ hỏi họ. Người ta trở thành môn đồ không phải trên bình diện ngôn từ, mà trong những độ sâu im lặng của hiện hữu. Cô không thể trở thành môn đồ bằng sự lựa chọn, đây là một vấn đề thuộc định mệnh hơn là ý muốn của chính mình. Ai là Đạo sư thì không quan trọng vì Đạo sư luôn luôn mong muốn cô tốt lành. Chính môn đồ mới quan trọng, chính sự thành thật và lòng thành khẩn của người đó. Một môn đồ xứng đáng luôn luôn tìm được một Đạo sư đích thực.

H: Tôi có thể thấy được cái đẹp và sự sung sướng của một cuộc sống cống hiến cho chân lý dưới sự dìu dắt của một Đạo sư có thẩm quyền và đầy lòng từ bi. Nhưng thật đáng tiếc, chúng tôi phải trở về Anh.

M: Sự xa cách không quan trọng. Nếu mong muốn của cô mãnh liệt và thành thật, cuộc đời cô sẽ được định hình cho sự hoàn thành những mong muốn đó. Cứ gieo hạt và phó mặc cho thời vụ.

H: Những dấu hiệu của tiến bộ trong tâm linh là gì?

M: Hoàn toàn vô tư lự, thảnh thơi và hân hoan. Bên trong an lạc sâu sắc, bên ngoài năng lực sung mãn.

H: Làm sao ông có được những thứ đó?

M: Ta tìm được tất cả trong sự hiện diện linh thiêng của Tôn sư. Ta chẳng làm gì cả. Tôn sư bảo Ta tĩnh lặng, Ta làm theo với tất cả khả năng của Ta.

H: Sự hiện diện của ông có mãnh liệt bằng sự hiện diện của Tôn sư ông?

M: Làm sao Ta biết được? Đối với Ta – sự hiện diện của Tôn sư là duy nhất. Nếu cô ở cùng với Ta thì cô cũng ở cùng với Tôn sư.

H: Đạo sư nào cũng đề cập đến tiên sư của mình. Vậy đâu là điểm khởi đầu?

M: Có một quyền năng trong vũ trụ hoạt động cho sự giác ngộ và giải thoát. Chúng ta gọi đó là *Sadashiva*, đấng luôn luôn hiện diện trong trái tim của mỗi người. Đó là yếu tố hợp nhất. Hợp nhất thì giải thoát. Tự do thì hợp nhất. Tối hậu, không có gì của cô hay của Ta, tất cả đều thuộc về chúng ta. Hãy là một với chính cô rồi cô sẽ là một với tất cả, toàn thể vũ trụ là nhà.

H: Ông muốn nói rằng tất cả những phúc lạc này sẽ đến với sự an trú trong nhận thức "Ta hiện hữu"?

M: Cái đơn giản – chứ không phải cái phức tạp – thì chắc chắn. Vì lý do nào đó, con người không tin vào cái đơn giản, cái dễ dàng, cái luôn luôn có sẵn. Tại sao không thực tâm thử nghiệm những gì Ta nói? Nó có vẻ nhỏ bé và tầm thường, nhưng cũng như một hạt giống nó sẽ mọc thành một đại thụ. Hãy cho cô một cơ hội.

H: Tôi thấy nhiều người ngồi trong phòng này một cách tĩnh lặng. Họ đến đây để làm gì?

M: Để gặp chính họ. Ở nhà họ bị nhiều quấy nhiễu. Ở đây chẳng có gì làm phiền họ; họ có cơ hội xa lìa những ưu tư thường nhật và giao tiếp với cái thiết yếu trong chính họ.

H: Trình tự tu tập sự thấy biết chính mình là gì?

M: Chẳng cần phải tu tập. Tánh biết luôn luôn ở với cô. Cũng sự chú ý mà cô dành cho bên ngoài thì xoay nó vào trong. Chẳng cần sự thấy biết nào mới hay đặc biệt.

H: Ông có giúp người đến gặp ông một cách riêng tư?

M: Người ta đến để nói về những vấn đề của họ. Rõ ràng là họ cần giúp, nếu không thì họ đã không đến.

H: Ông nói chuyện với người đến xin gặp ở chỗ đông người, hay còn trong chỗ riêng tư với họ?

M: Tùy theo ý muốn của họ. Ta không phân biệt chỗ đông người hay riêng tư.

H: Ông luôn luôn rảnh rang, hay còn có việc khác để làm?

M: Ta luôn luôn rảnh rang, nhưng thời gian và buổi sáng và chiều thì thuận tiện nhất.

H: Tôi hiểu được rằng không có việc làm nào cao thượng hơn việc làm của một Đạo sư.

M: Chính động cơ mới quan trọng tối thượng.

***

90. Quy thuận cái Ta của chính mình

Hỏi: Tôi sinh trưởng ở Mỹ. Mười bốn tháng nay tôi ở tịnh xá *Sri Ramanashram* và hiện đang trên đường trở về Mỹ nơi mẹ tôi đang chờ.

Maharaj: Dự tính của cô là gì?

H: Tôi có thể trở thành một y tá, hoặc lấy chồng và có con.

M: Điều gì khiến cô muốn lập gia đình?

H: Tạo dựng một gia đình tâm linh là một hình thức phục vụ xã hội cao nhất mà tôi có thể nghĩ đến. Nhưng, dĩ nhiên là cuộc đời có thể xảy ra theo một cách khác. Tôi sẵn sàng tiếp đón bất cứ gì xảy đến.

M: Trong suốt thời gian mười bốn tháng ở tịnh xá *Sri Ramanashram*, người ta đã chỉ dẫn cô những gì? So với lúc mới đến tịnh xá thì hiện nay cô thay đổi thế nào?

H: Tôi không còn lo sợ nữa. Tôi đã tìm được đôi chút an lạc.

M: Đó là sự an lạc gì? Sự an lạc sau khi cô có cái cô muốn, hay sự an lạc do cô không muốn cái không có?

H: Mỗi thứ một ít, tôi tin là như thế. Thật ra thì không dễ chút nào. Mặc dù ẩn xá là một nơi an tĩnh nhưng bên trong tôi vẫn cảm thấy đau khổ.

M: Khi nhận ra sự khác biệt giữa bên trong và bên ngoài chỉ có trong tâm thì cô không còn sợ nữa.

H: Nhận thức như thế có đến với tôi rồi đi. Tôi chưa đạt được tính bất biến của sự toàn vẹn tuyệt đối.

M: Thế à, bao giờ còn tin như thế thì cô còn cần tiếp tục tu tập – *Sadhana* – để loại bỏ ý nghĩ sai lầm về sự bất toàn vẹn. *Sadhana* loại bỏ mọi sự áp đặt ngoại lai. Khi nhận ra cô còn nhỏ hơn một điểm trong không gian và thời gian, một cái gì đó rất nhỏ nên không thể bị chia cắt, và quá ngắn ngủi nên không thể bị sát hại, thì lúc đó, và chỉ lúc đó mọi lo sợ mới ra đi. Khi cô nhỏ hơn mũi kim, mũi kim không thể xuyên thủng cô, mà cô xuyên thủng mũi kim!

H: Đúng thế, một đôi khi tôi cảm thấy mình bất khả khuất phục. Tôi nhận thấy mình còn hơn cả trạng thái vô úy, tôi chính là sự vô úy.

M: Vì sao cô lại tìm đến tịnh xá?

H: Tôi đã trải qua một cuộc tình bất hạnh và vô cùng đau khổ. Rượu và ma túy chẳng giúp gì được tôi. Tôi mò mẫm và tình cờ đọc một vài quyển

sách về *Yoga*. Từ quyển này sang quyển khác, từ gợi ý này đến gợi ý khác, và cuối cùng tôi đã tìm đến tịnh xá *Ramanashram*.

M: Với trạng thái hiện nay của tâm, nếu thảm kịch cũ tái diễn, liệu cô cũng vẫn đau khổ như thế?

H: Ồ không, tôi sẽ không để cho mình đau khổ nữa. Tôi sẽ tự tử.

M: Như thế là cô không sợ chết!

H: Tôi sợ chết, nhưng không phải chính cái chết. Tôi có thể hình dung được chết là một tiến trình đau đớn và khó chịu.

M: Làm sao cô biết? Không nhất thiết chết phải là như thế. Nó có thể rất đẹp và an lạc. Một khi hiểu được cái chết chỉ xảy ra với thân xác, mà không phải với cô thì cô sẽ nhìn thân xác rũ xuống như một lớp áo bị cởi bỏ.

H: Tôi hoàn toàn biết rõ rằng nỗi sợ chết của tôi là do sợ hãi và vô minh.

M: Giây phút nào cũng có người chết; nỗi sợ chết và sự đau đớn của cái chết treo lơ lửng trên thế gian như một đám mây. Cô có sợ hãi thì cũng chẳng phải là điều ngạc nhiên. Một khi hiểu được rằng chỉ thân xác chết đi – chứ không phải sự tiếp diễn của ký ức và ý thức "Ta hiện hữu" được phản chiếu trong thân xác – thì cô không còn sợ nữa.

H: Hừ, chúng ta phải chết thì mới biết được.

M: Nếu để ý cô sẽ nhận thấy rằng sinh và tử chỉ là một, mạch sống đập nhịp giữa hiện hữu và phi hiện hữu – cái này cần đến cái kia cho sự trọn vẹn. Cô được sinh ra để chết đi và chết đi để được tái sinh.

H: Thế không phải sự xa lìa làm cho tiến trình chấm dứt?

M: Sự xa lìa chấm dứt sự sợ hãi, nhưng không làm cho thực tế chấm dứt.

H: Liệu tôi có bị bắt buộc phải tái sinh? Khủng khiếp quá!

M: Chẳng có gì bắt buộc. Cô có cái cô muốn. Cô lập ra các dự án của chính cô, và cô là người thực hiện các dự án đó.

H: Chúng ta có tự trừng phạt mình phải chịu đau khổ?

M: Chúng ta trưởng thành qua sự tìm hiểu, và để tìm hiểu chúng ta cần kinh nghiệm. Chúng ta có khuynh hướng lập lại những gì chưa hiểu. Nếu bén nhạy và có trí tuệ thì chúng ta không cần phải đau khổ. Đau khổ là tiếng la kêu gọi sự chú ý, và cũng là hình phạt của sự bất cẩn. Hành vi của trí tuệ và từ bi là phương cách trị liệu hay nhất.

H: Tôi không cho phép mình tiếp tục đau khổ vì tôi đã trưởng thành trong trí tuệ. Thế tự tử có gì là không đúng?

M: Chẳng có gì là không đúng, nếu nó giải quyết vấn đề. Nhưng nếu nó không giải quyết được vấn đề thì sao? Đau khổ được tạo ra bởi các yếu tố bên ngoài – một chứng bệnh đau đớn và không thể chữa trị, hoặc một tai họa ngoài sức chịu đựng thì may ra còn biện minh được – nhưng nếu vắng thiếu trí tuệ và từ bi thì tự tử chẳng giải quyết được gì. Một cái chết ngu ngốc có nghĩa là một sự ngu ngốc sẽ được tái sinh. Ngoài ra, còn phải kể đến vấn đề nghiệp. Kham nhẫn thường là con đường khôn ngoan nhất.

H: Một người có bắt buộc kham nhẫn với đau khổ, dù tê tái và tuyệt vọng đến đâu?

M: Kham nhẫn là một chuyện, còn đau đớn tuyệt vọng lại là chuyện khác. Kham nhẫn thì có ý nghĩa và có kết quả, còn đau khổ thì vô ích.

H: Tại sao lại bận tâm về nghiệp? Dù sao thì nghiệp vẫn tự giải quyết chính nó.

M: Hầu hết nghiệp của chúng ta mang tính tập thể. Chúng ta đau khổ vì tội lỗi của người khác gây ra, cũng như người khác đau khổ vì tội lỗi của chúng ta. Nhân loại là một duy nhất. Không biết thực tế này không có nghĩa là thay đổi được chính thực tế. Nếu không thờ ơ với đau khổ của tha nhân, thì lẽ ra chúng ta còn hạnh phúc hơn nhiều.

H: Tôi nhận thấy mình đã trở nên thông cảm hơn nhiều.

M: Tốt. Khi nói như vậy, cô nghĩ gì trong tâm? Chính cô – một người thông cảm trong thân xác của một phụ nữ?

H: Có thân xác, lòng từ bi, ký ức, một vài những thứ khác và thái độ - tập hợp chúng lại thì có thể được gọi là con người.

M: Kể cả ý tưởng "Ta hiện hữu"?

H: Cái "Ta hiện hữu" như một cái rổ, nó chứa đựng nhiều thứ làm thành một con người.

M: Hay đúng ra, nó là cái máy tước sợi mà từ đó cái rổ được đan ra. Khi cô nghĩ cô là một phụ nữ, cô muốn nói cô là một phụ nữ, hay thân xác được mô tả là phụ nữ?

H: Còn tùy tâm trạng. Có khi tôi cảm thấy mình chỉ là một trung tâm của tánh biết.

M: Hay, một đại dương của tánh biết. Nhưng có lúc nào cô không phải nam hay nữ, không phải ngẫu nhiên được sinh ra bởi hoàn cảnh và điều kiện?

H: Vâng, có những lúc như thế, nhưng tôi dè dặt nói về điều này.

M: Chỉ một gợi ý là những gì một người có thể mong đợi. Cô không cần phải nói nhiều.

H: Tôi có thể hút thuốc trước mặt ông. Tôi biết theo tập quán thì không được phép hút thuốc trước một bậc hiền triết, và lại tối kỵ khi người hút thuốc là một phụ nữ.

M: Cứ tự nhiên, cô cứ hút, chẳng phiền ai cả. Chúng tôi hiểu.

H: Tôi cảm thấy cần trấn tĩnh lại.

M: Điều này thường xảy ra với người Âu, Mỹ. Có được sự thư giãn sau khi thực hành Sadhana, họ cảm thấy tích lũy thêm sức lực và nôn nao tìm một chỗ xả. Họ thành lập các hội đoàn, trở thành người dạy Yoga, lập gia đình, viết sách – họ làm đủ mọi chuyện ngoại trừ giữ im lặng và hướng sức lực của họ vào bên trong, tìm ra nguồn năng lượng vô tận và học cách kiểm soát nó.

H: Thú thật, bây giờ tôi muốn trở về Mỹ sống một cuộc sống thật năng động vì tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng.

M: Cô có thể làm bất cứ gì cô thích, miễn là đừng nghĩ mình là thân và tâm. Điều này hoàn toàn không có nghĩa là cô từ bỏ thân xác và tất cả những gì liên quan với nó, mà là một sự hiểu biết rõ ràng rằng cô không phải thân xác – đó là ý thức xa lìa, của một thái độ bất can thiệp có tính cảm xúc.

H: Tôi hiểu điều ông muốn nói. Khoảng bốn năm về trước tôi đã trải qua một thời kỳ chối bỏ thân xác. Tôi chẳng thèm mua sắm quần áo, ăn uống đạm bạc và ngủ trên sàn nhà. Chính thái độ chấp nhận sự thiếu thốn mới quan trọng chứ không phải thực tế của sự thiếu tiện nghi. Bây giờ tôi nhận ra rằng tiếp nhận cuộc đời như nó đến, và yêu quý tất cả những gì nó dâng hiến là cách sống tốt nhất. Tôi sẽ bằng lòng với một trái tim vui vẻ bất cứ gì đến với tôi và hưởng dụng nó một cách tốt nhất. Nếu chỉ có thể sinh ra vài đứa con và cho chúng một sự giáo dục đích thực đối với tôi là quá tốt, vì cho dù rất yêu thương trẻ con, nhưng trái tim tôi không thể vươn tới từng đứa trẻ.

M: Cô chỉ có gia đình và là mẹ khi cô có ý thức về nam nữ. Khi cô không cho mình là thân xác thì cuộc sống gia đình của thân xác – dù thắm thiết và thú vị đến đâu – cũng chỉ là một vở kịch diễn ra trên màn ảnh tâm mà trong đó ánh sáng của tánh biết là duy nhất thật.

H: Tại sao ông nhấn mạnh đến tánh biết là cái duy nhất thật? Thế không phải đối tượng của tánh biết – trong lúc tồn tại – là thật?

M: Nhưng nó không lâu dài! Cái thật nhất thời thì thứ yếu, nó tùy thuộc vào cái vô thời.

H: Ông muốn nói là tiếp tục, hay thường hằng?

M: Không thể có sự tiếp tục trong tồn tại. Tiếp tục bao hàm sự đồng nhất của quá khứ, hiện tại và tương lai. Không thể có sự đồng nhất nào như thế, vì ngay chính các phương tiện để nhận diện nó cũng thất thường và thay đổi. Tiếp tục, thường hằng đều là những ảo tưởng được ký ức tạo ra, chúng chỉ là những phóng ảnh của tâm về một mô thức khi một mô thức không thể có. Buông bỏ tất cả ý tưởng về vô thường hay thường hằng, thân hay tâm, nam hay nữ, thì cái gì còn lại? Trạng thái của tâm cô như thế nào khi tất cả mọi phân biệt được xóa bỏ? Ta không nói xóa bỏ những nét đặc thù, vì nếu không có chúng thì không thể có sự thị hiện.

H: Khi không còn phân biệt, tôi an lạc trong hạnh phúc. Nhưng không hiểu vì sao tôi thường xuyên mất phương hướng, và bắt đầu tìm kiếm hạnh phúc trong thế giới ngoại quan. Tôi không hiểu được vì sao sự an lạc bên trong của tôi không bền chắc.

M: An lạc, xét cho cùng, cũng là một điều kiện của tâm.

H: Bên ngoài tâm là im lặng. Chẳng có gì để nói về nó cả.

M: Đúng, tất cả những gì nói về im lặng chỉ là tiếng ồn.

H: Tại sao chúng tôi tìm kiếm hạnh phúc trần tục, mặc dù sau khi đã trải qua hạnh phúc tự nhiên và tự sinh khởi của chính mình?

M: **Khi tâm bận rộn phục vụ thân xác thì hạnh phúc biến mất**. Để tìm lại hạnh phúc, tâm tìm kiếm lạc thú. Sự thôi thúc đi tìm hạnh phúc thì đúng, nhưng các phương tiện để đạt hạnh phúc thì thường lầm lẫn, không đáng tin cậy và phá hoại hạnh phúc chơn thật.

H: Có phải lạc thú luôn luôn sai lầm?

M: Trạng thái đúng của thân và tâm cũng như sử dụng đúng thân và tâm thì vô cùng thích thú. Chính sự tìm kiếm lạc thú mới sai lầm. Đừng cố tìm cách làm cho cô hạnh phúc, mà đúng hơn là tìm hiểu sự tìm kiếm hạnh phúc của cô. Cô tìm kiếm hạnh phúc vì cô không cảm thấy hạnh phúc và cô muốn được hạnh phúc. Tìm hiểu tại sao cô không hạnh phúc. Vì không hạnh phúc nên cô tìm kiếm hạnh phúc trong lạc thú, mà lạc thú thì đem lại đau khổ nên cô gọi nó là trần tục; thế là cô mong cầu một thứ lạc thú khác, không có đau khổ, và gọi đó là thiêng liêng. Trong thực tế, lạc thú chỉ là sự tạm ngưng của đau khổ. Hạnh phúc thì vừa trần tục vừa không phải trần tục, nó ở bên trong và bên ngoài tất cả những gì xảy ra. Đừng tạo ra phân biệt, đừng phân chia cái bất khả phân chia, và cũng đừng biến mình thành kẻ xa lạ với cuộc sống.

H: Bây giờ tôi hiểu ông rất rõ! Trước kia khi còn ở tịnh xá *Ramanashram* tôi vẫn bị lương tâm dằn vặt, luôn luôn ngồi phê phán chính mình. Bây giờ tôi hoàn toàn thanh thản, chấp nhận chính tôi như tôi là. Khi trở về Mỹ, tối sẽ tiếp nhận cuộc đời khi nó đến – như ân đức của Đạo sư *Bhagavan* – và hưởng dụng cả cái cay đắng lẫn cái ngọt ngào. Đây là một trong những điều tôi đã học được ở ẩn xá: Tin tưởng *Bhagavan*. Lúc đó tôi không như bây giờ. Tôi đã không có tín tâm.

M: Tin tưởng *Bhagavan* là tin tưởng chính cô. Nên biết rằng bất cứ gì xảy ra, xảy ra đối với cô, do cô, thông qua cô. Cô là người sáng tạo, người thọ dụng và người hủy diệt của tất cả những gì cô nhận thức, và cô sẽ vô úy. Một khi vô úy, cô không còn bất hạnh, và cô sẽ không đi tìm hạnh phúc.

Trong tấm gương tâm đủ mọi loại hình ảnh xuất hiện và biến mất. Biết được chúng hoàn toàn chỉ là những tạo vật của cô, lặng lẽ quan sát chúng đến và đi; tỉnh thức nhưng đừng xao xuyến. Thái độ quan sát trong tĩnh lặng này chính là nền tảng của Yoga. Cô thấy bức tranh, nhưng cô không phải là bức tranh.

H: Tôi cảm thấy ý nghĩ về cái chết làm cho tôi sợ hãi vì tôi không muốn được tái sinh. Tôi biết rằng chẳng có gì bắt buộc, nhưng áp lực của những tham ái chưa được thỏa mãn quá mãnh liệt mà tôi thì không đủ sức cưỡng lại.

M: Vấn đề cưỡng lại không được đặt ra. Cái được sinh ra và tái sinh không phải là cô. Cứ để nó xảy ra, và quan sát nó xảy ra.

H: Thế thì lo lắng để làm gì?

M: Nhưng cô lo lắng! Và cô sẽ còn lo lắng khi nào bức tranh mâu thuẫn với sự cảm nhận của riêng cô về chân lý, tình yêu và cái đẹp. Lòng ham muốn sự hòa hợp và an lạc thì không thể nào dứt bỏ được, nhưng một khi được thỏa mãn thì sự lo lắng không còn nữa và cuộc sống vật lý trở nên nhẹ nhàng, và ở dưới tầm chú ý. Lúc đó, cho dù có ở trong thân xác, cô vẫn không được sinh ra. Hữu thân hay vô thân đối với cô thì cũng thế. Cô đạt đến một điểm mà không có gì có thể xảy ra cho cô. Vì vô thân – cô không thể bị sát hại, vì vô sản – cô không bị tước đoạt, vì vô tâm – cô không thể bị lừa dối. Không có một điểm nào để tham ái hay lo sợ có thể bám víu. Khi không có sự thay đổi nào xảy ra cho cô, còn cái gì là quan trọng?

H: Nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn không thích ý nghĩ về cái chết.

M: Vì cô còn quá trẻ. Càng biết rõ về chính mình cô càng bớt sợ. Dĩ nhiên, nhìn sự đau đớn của cái chết thì không thích thú chút nào, nhưng người đang chết thì hầu như không ý thức.

H: Người đó có trở lại với ý thức?

M: Trạng thái lúc đó rất giống với lúc ngủ. Con người ra khỏi tiêu điểm của ý thức một thời gian, rồi trở lại.

H: Vẫn cùng là một con người?

M: Con người là tạo vật của hoàn cảnh thì nhất thiết phải thay đổi theo hoàn cảnh, cũng như ngọn lửa thay đổi theo nhiên liệu. Chỉ có diễn tiến không ngừng xảy ra, tạo nên thời gian và không gian.

H: Tốt, Thượng đế sẽ lo lắng cho tôi. Tôi có thể phó mặc tất cả cho ngài.

M: Ngay cả sự tin tưởng vào Thượng đế cũng chỉ là một giai đoạn trên đường đi. Tối hậu, cô từ bỏ tất cả, vì cô sẽ đến với một cái đơn giản đến nỗi không ngôn từ nào có thể diễn tả được nó.

H: Tôi chỉ mới bắt đầu. Vào lúc khởi sự tôi không có chút tín tâm, hoàn toàn không tin tưởng; tôi rất sợ để mọi chuyện tự xảy ra. Thế giới có vẻ như một nơi nguy hiểm và thù nghịch. Bây giờ, ít ra tôi có thể nói về sự tin tưởng vào Đạo sư hay Thượng đế. Hãy để tôi trưởng thành. Đừng lôi kéo tôi. Cứ để tôi đi tới theo nhịp bước của tôi.

M: Bằng mọi cách hãy tiến bước. Nhưng cô có tiến đâu. Cô đang vướng mắc với những ý nghĩ nam nữ, già trẻ, và sống chết. Tiếp tục đi tới, và vượt ra ngoài. Một điều được nhận ra là một điều đã vượt qua.

H: Này ông, đi đến đâu tôi cũng gặp người ta xem như có bổn phận tìm kiếm lỗi lầm nơi tôi và thúc giục tôi tiến tới. Tôi chán ngấy chuyện xây dựng sự nghiệp tâm linh như thế. Hiện tại của tôi có gì không đúng để tôi

phải hy sinh nó cho tương lai, dù huy hoàng đến đâu? Ông nói thực tại ở ngay trong cái bây giờ. Tôi yêu quý cái bây giờ của tôi. Tôi muốn nó. Tôi không muốn lúc nào cũng ưu tư về sự tiến bộ của tôi và tương lai. Tôi không muốn chạy theo cái "thêm nữa" và cái "tốt hơn". Cứ để cho tôi yêu cái tôi có.

M: Cô nói đúng đấy; làm đi. Chỉ cần thành thật – yêu cái cô yêu – đừng đấu tranh và cũng đừng căng thẳng.

H: Đó là điều mà tôi gọi là quy thuận Đạo sư.

M: Tại sao lại vọng ngoại? Quy thuận cái Ta của chính cô, cái mà tất cả chỉ là sự thể hiện của nó.

***

91. Lạc thú và Hạnh phúc

Hỏi: Tôi có một người bạn còn trẻ, năm nay chừng hai mươi lăm, bị một chứng bệnh nan y về tim. Anh ta viết thư cho tôi biết có ý định tự tử, thay vì chết lần chết mòn. Tôi trả lời rằng một căn bệnh không thể chữa bằng thuốc Tây vẫn có thể trị liệu bằng một phương pháp khác. Có những năng lực *Yoga* tạo ra sự thay đổi tức thời trong cơ thể con người. Nhịn ăn nhiều lần cũng có hiệu nghiệm như phép lạ. Tôi khuyên anh ta chớ vội tìm cái chết, mà nên thử một vài phương cách khác.

Gần *Bombay* có một tôn giả *Yogi* đạt được những quyền năng kiểm soát các luồng sinh lực điều khiển cơ thể con người. Tôi đã gặp một số môn đồ của vị tôn giả và nhờ họ chuyển bức thư và tấm ảnh của người bạn tôi đến tôn sư của họ. Chúng tôi hiện đang chờ xem chuyện gì xảy ra.

Maharaj: Đúng, phép lạ thường xảy ra. Nhưng còn phải có ý chí muốn sống. Nếu không có ý chí sinh tồn thì phép lạ không thể xảy ra.

H: Liệu một ước muốn như thế có thể được truyền dẫn?

M: Ước muốn trên bề mặt thì có, nhưng không lâu bền. Một cách căn bản không ai buộc người khác phải sống. Ngoài ra, có những nền văn hóa công nhận và tôn trọng hành vi tự sát.

H: Thế không phải sống hết tuổi thọ tự nhiên là điều bắt buộc hay sao?

M: Tự nhiên – tự sinh khởi – dễ dàng – thì đúng. Nhưng bệnh tật và đau khổ thì không phải tự nhiên. Lòng kham nhẫn bất khả lay chuyển đối với bất cứ gì xảy ra là một đức tính cao thượng, nhưng từ chối chấp nhận cực hình và sỉ nhục vô nghĩa là tự trọng.

H: Tôi được người ta cho một quyển sách do một bậc giác ngộ viết ra. Trong đó tác giả đã mô tả những kinh nghiệm lạ lùng, và thậm chí có thể

nói là kinh ngạc mà vị ấy đã trải qua. Theo tác giả con đường của một hành giả chân chính chấm dứt khi gặp được Đạo sư và trao phó tất cả thân, tâm và trái tim cho ngài. Sau khi tiếp nhận, vị Đạo sư chịu trách nhiệm từng sự kiện về sinh mệnh của người môn đồ - kể cả những sự kiện nhỏ nhặt nhất – cho đến khi hai người trở nên một. Có thể gọi đó là giác ngộ bằng sự đồng nhất hóa. Người môn đồ được tiếp quản bởi một quyền năng mà người đó không thể kiềm chế hoặc cưỡng lại được, và cảm thấy bất lực như một chiếc lá trong trận cuồng phong. Yếu tố duy nhất giữ cho người môn đồ an toàn, không bị điên hay chết là tín tâm đối với tình yêu và quyền năng của Đạo sư.

M: Mỗi Đạo sư chỉ giáo theo kinh nghiệm của riêng mình. Kinh nghiệm được định hình bởi sự tin tưởng, và sự tin tưởng được định hình bởi kinh nghiệm. Ngay cả vị Đạo sư cũng được định hình theo hình ảnh riêng của người môn đồ. Chính người môn đồ làm cho Đạo sư trở thành vĩ đại. Khi vị Đạo sư được xem như tác nhân của khả năng giải thoát – hữu hiệu cả bên trong lẫn bên ngoài – thì sự dốc lòng quy thuận mới trở nên tự nhiên và dễ dàng. Như một người khổ sở vì đau đớn hoàn toàn giao phó sinh mệnh vào tay nhà phẫu thuật, thì người môn đồ cũng hoàn toàn quy mệnh với Đạo sư như thế. Tìm kiếm sự cứu giúp khi hết sức cần thiết là điều tự nhiên. Nhưng dù có quyền năng đến đâu, vị Đạo sư vẫn không được áp đặt ý chí của mình lên người môn đồ. Ngược lại, nếu không tin tưởng Đạo sư và do dự thì người môn đồ không thể toại nguyện, vì lỗi không thuộc về Đạo sư.

H: Lúc đó chuyện gì xảy ra?

M: Khi mọi phương cách đều thất bại thì cuộc đời sẽ dạy. Nhưng những bài học của cuộc đời phải còn lâu mới đến. Tin tưởng và vâng lời sẽ giảm được rất nhiều trễ nải và rắc rối. Nhưng một sự tin tưởng như thế chỉ đến sau khi thái độ thờ ơ và bất an nhường chỗ cho sự trong sáng và an ổn. Một người thiếu tự trọng không thể tin chính mình, hoặc bất cứ ai. Vì thế ngay từ đầu vị Đạo sư bằng mọi cách cam đoan về nguồn gốc cao cả, bản chất cao thượng và vận mệnh huy hoàng của người môn đồ. Vị Đạo sư còn cho người môn đồ biết về kinh nghiệm của các bậc thánh nhân cũng như của chính vị Đạo sư, để người môn đồ tin tưởng chính mình, và những khả năng vô biên của mình. Khi sự tin tưởng sinh khởi cùng với lòng tin tưởng vào Đạo sư thì những thay đổi nhanh chóng và sâu xa trong cá tính và cuộc đời của người môn đồ sẽ xảy ra.

H: Có lẽ tôi không muốn thay đổi. Cuộc đời tôi như hiện nay thật tốt đẹp.

M: Ông nói thế vì ông chưa thấy cuộc đời ông đang sống đau khổ như thế nào. Ông như một đứa trẻ đang ngủ với cái kẹo que trong miệng. Có thể ông cảm thấy hạnh phúc trong nhất thời vì ông hoàn toàn hướng ngã, chỉ cần nhìn kỹ nét mặt của nhân loại ông có thể nhận ra tính cách chung nhất của đau khổ. Ngay cả hạnh phúc của ông cũng mong manh và ngắn ngủi, chỉ một sự khánh tận tài sản hay chứng loét bao tử cũng làm cho nó tan biến. Hạnh phúc chơn thật thì không hề giao động, vì nó không tùy thuộc vào hoàn cảnh.

H: Những gì ông nói phát xuất từ kinh nghiệm của ông? Vậy ông cũng không hạnh phúc hay sao?

M: Ta chẳng có phiền nhiễu riêng tư nào. Nhưng thế gian đầy những chúng sinh mà **cuộc đời của họ bị bóp nghẹt giữa lo sợ và tham ái**. Họ như bầy thú bị lùa vào lò sát sinh, nhấy nhót, nhởn nhơ vui vẻ nhưng chỉ một giờ sau dẫy chết và bị lột da.

Ông nói ông hạnh phúc. Ông thật sự hạnh phúc hay chỉ cố tìm cách thuyết phục chính ông như thế. Hãy nhìn ông, nhưng không được sợ hãi, ông sẽ nhận ra ngay hạnh phúc của ông tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh, nên vô thường và không thật. Hạnh phúc chơn thật tuôn chảy từ bên trong.

H: Hạnh phúc của ông có lợi lạc gì cho tôi? Nó chẳng làm cho tôi hạnh phúc.

M: Ông có thể có tất cả hạnh phúc mà Ta có, và còn hơn thế nữa chỉ cần ông hỏi. Nhưng ông không hỏi, ông có vẻ như không muốn.

H: Tại sao lại thế? Tôi rất muốn được hạnh phúc.

M: Ông hoàn toàn thỏa mãn với lạc thú nên chẳng còn chỗ cho hạnh phúc. Hãy đổ cốc nước của ông và rửa sạch nó đi đã, nếu không thì nó không thể chứa được gì. Người khác chỉ có thể cho ông lạc thú, nhưng không bao giờ có thể cho ông hạnh phúc.

H: Một chuỗi dài những điều thích thú là quá đủ.

M: Chẳng bao lâu nó sẽ chấm dứt trong đau khổ, nếu không phải là tai họa. Xét cho cùng, *Yoga* là gì nếu không phải là đi tìm hạnh phúc vĩnh cửu bên trong?

H: Ông chỉ có thể phát biểu cho Đông phương. Ở Tây phương hoàn cảnh khác hẳn, những gì ông nói không có chỗ áp dụng.

M: Trong tham ái và lo sợ thì chẳng có Đông hay Tây. Vấn đề - đau khổ và đoạn trừ đau khổ - là chung nhất. Nguyên nhân của đau khổ là tùy thuộc, phương cách trị liệu là bất tùy thuộc. *Yoga* là khoa học và nghệ thuật giải thoát chính mình thông qua sự hiểu biết chính mình.

H: Tôi không nghĩ mình thích hợp với *Yoga*.

M: Thế ông thích hợp với cái gì? Tất cả những hành động đi, đến, tìm cầu hạnh phúc, yêu, ghét cho thấy rằng ông tìm cách chống lại những hạn chế áp đặt lên chính ông hoặc được ông chấp nhận. Vì vô minh ông phạm sai lầm, gây đau khổ cho chính ông và người khác, nhưng sự thôi thúc vẫn còn đó và không thể bị phủ nhận. Sự thôi thúc tìm kiếm sinh, tử và hạnh phúc cũng là sự thôi thúc tìm kiếm sự hiểu biết và giải thoát. Nó cũng giống như một tia lửa trong toa tầu chở đầy bông gòn. Có thể ông không biết điều đó nhưng không sớm thì muộn cả toa tầu sẽ bốc cháy. Giải thoát là một tiến trình tự nhiên và về lâu về dài là tất yếu. Nhưng với khả năng của ông, ông có thể đem nó vào ngay cái bây giờ.

H: Thế thì tại sao thế gian này chẳng có mấy ai giác ngộ?

M: Trong cả một khu rừng chỉ có một vài cây ra hoa vào một thời điểm nào đó, nhưng mỗi cây sẽ lần lượt ra hoa.

Không sớm thì muộn nguồn lực vật lý và tâm lý của ông sẽ đi đến chỗ cạn kiệt. Lúc đó ông làm gì? Tuyệt vọng ư? Được, tuyệt vọng. Rồi ông sẽ chán với tuyệt vọng và bắt đầu đặt câu hỏi. Lúc đó ông sẽ thích hợp với *Yoga* ý thức.

H: Tôi nhận thấy tất cả sự tìm kiếm và tư duy này không hợp tự nhiên chút nào.

M: Trường hợp của ông mới là tính cách tự nhiên của một sự què quặt bẩm sinh. Có thể ông không biết, nhưng ông không biết không làm cho ông bình thường. Thế nào là tự nhiên hay bình thường thì ông không biết, mà ông cũng không biết rằng ông không biết.

Ông hiện nay đang lang thang và do đó nguy hiểm, vì đối với một kẻ lang thang thì chuyện gì cũng có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào. Tốt hơn là hãy tỉnh thức và thấy được tình cảnh của ông. Ông *là* – thì ông biết. Ông là cái gì – thì ông không biết. Hãy tìm ra ông là cái gì?

H: Tại sao có quá nhiều đau khổ trên thế gian này?

M: Lòng vị kỷ là nguyên nhân của đau khổ. Không còn nguyên nhân nào khác.

H: Theo chỗ tôi hiểu đau khổ có sẵn trong sự hữu hạn.

M: Sự khác nhau và tính cách riêng biệt không phải là nguyên nhân của đau khổ. Hợp nhất trong sự đa dạng là tự nhiên và tốt lành. Chỉ vì phân biệt và tự tư tự lợi nên đau khổ thực sự mới xuất hiện trên thế gian này.

***

92. Vượt ra ngoài ý tưởng Ta là thân xác

Hỏi: Chúng tôi như bầy thú đuổi theo những mưu cầu một cách vô vọng, và hình như không có sự chấm dứt. Liệu có lối thoát nào không?

Maharaj: Có rất nhiều cách chỉ cho ông nhưng đều vòng vo và đưa ông về lại điểm khởi đầu. Trước tiên hãy nhận ra rằng mọi phiền não của ông chỉ có trong trạng thái thức, và dù có đau khổ đến đâu thì ông cũng quên tất cả trong khi ngủ. Trong khi thức ông có ý thức, nhưng lúc ngủ ông chỉ sống. Ý thức và sự sống – ông có thể gọi cả hai là Thượng đế; nhưng ông ở ngoài cả hai, ở ngoài Thượng đế, ở ngoài hiện hữu và phi hiện hữu. Cái ngăn che không cho ông biết ông là tất cả và ở ngoài tất cả là tâm – được dựng lập trên ký ức. Khi nào còn tin tưởng vào tâm thì ông còn bị tâm khống chế; ông không cần phải đấu tranh với nó mà chỉ đừng để ý đến nó. Bị mất đi sự chú ý, tâm sẽ chảy chậm lại và để lộ cơ cấu hoạt động của nó. Một khi biết được bản chất và mục đích của tâm, ông không còn để nó tạo ra những vấn đề tưởng tượng.

H: Chắc chắn không phải tất cả vấn đề đều là tưởng tượng. Có những vấn đề là thật.

M: Nếu tâm không tạo ra thì làm gì có vấn đề? Sống và chết không tạo ra vấn đề; đau khổ và lạc thú đến rồi đi, được trải qua và trôi vào quên lãng. Chính vì ký ức và dự tính – được tô mầu bởi ưa thích hay không ưa thích – nên mới khởi sinh ý muốn đạt được hay tránh né, đó mới là vấn đề. Chân lý và tình yêu là bản tánh chơn thật của con người, còn tâm trí và trái tim là những phương tiện mà con người thể hiện.

H: Làm thế nào điều ngự được tâm? Và trái tim, nó không biết cái nó muốn?

M: Tâm và trái tim không thể hoạt động trong sự tăm tối. Chúng cần ánh sáng của tánh biết thuần túy để hoạt động một cách đúng đắn. Tất cả mọi nỗ lực nhằm kiểm soát tâm và trái tim chỉ làm cho cả hai khuất phục trước sự sai sử của ký ức. Ký ức là tô tớ tốt nhưng lại là chủ nhân xấu. Nó ngăn trở một cách hữu hiệu mọi sự khám phá. Trong thực tại không có chỗ cho cố gắng, nỗ lực. Chính sự ích kỷ - do tự đồng hóa mình với thân xác – mới là vấn đề chính, và là nguyên nhân của tất cả mọi vấn đề. Ích kỷ không

thể được loại trừ bằng nỗ lực, mà chỉ bằng thấy biết rõ ràng mọi nguyên nhân và hậu quả của nó. Nỗ lực chỉ là một dấu hiệu của xung đột giữa những ham muốn bất tương hợp. Những ham muốn đó phải được thấy biết như thị - lúc đó chúng mới tan biến.

H: Thế cái gì còn lại?

M: Cái bất biến còn lại. Sự an lạc vô biên, sự im lặng sâu thẳm, cái đẹp tàng ẩn của thực tại còn lại. Nó không thể được bày tỏ bằng ngôn từ, nhưng luôn luôn chờ đợi ông chứng nghiệm.

H: Vậy không phải một người phải thích hợp và đủ tư cách mới có thể giác ngộ hay sao? Bản chất của chúng ta là thú vật. Nếu không khuất phục được nó, làm sao chúng ta có thể hy vọng thực tại ló rạng?

M: Cứ mặc kệ con thú. Đừng động đến nó. Chỉ cần nhớ cái mà ông là. Vận dụng từng sự kiện xảy ra trong ngày để nhắc nhở chính ông rằng nếu không có ông là nhân chứng thì không thể có thú vật hay Thượng đế. Phải hiểu được rằng ông là cả hai – tánh thể và bản chất của tất cả những gì hiện hữu – và kiên định với sự hiểu biết của ông.

H: Chỉ hiểu thôi là đủ? Tôi không cần bằng chứng hiển nhiên nào khác sao?

M: Chính cái hiểu của ông quyết định giá trị của bằng chứng. Nhưng ông còn cần bằng chứng nào hiển nhiên hơn sự hiện hữu của chính ông? Đi đến bất cứ đâu ông đều tìm thấy chính ông. Dù có vươn đến bao xa trong thời gian, ông vẫn luôn có đó.

H: Rõ ràng là tôi không thể bao trùm tất cả và vĩnh cửu. Tôi chỉ ở đây và bây giờ.

M: Thế là đủ tốt rồi. Cái "ở đây" thì ở bất cứ đâu, và cái "bây giờ" thì lúc nào cũng thế. Vượt ra ngoài ý tưởng "Ta là thân xác" ông sẽ nhận ra không gian và thời gian ở trong ông, mà không phải ông ở trong không gian và thời gian. Một khi đã hiểu được điều này thì trở ngại chính đối với sự giác ngộ đã được tháo gỡ.

H: Giác ngộ ở ngoài sự hiểu biết nghĩa là thế nào?

M: Thử tưởng tượng một khu rừng đầy cọp dữ và ông ở trong một cũi sắt rất kiên cố. Biết mình được cái cũi bảo vệ, ông nhìn bầy cọp mà không hề sợ hãi. Tiếp đến ông thấy bầy cọp ở trong cũi còn ông nhởn nhơ đi lại trong rừng. Cuối cùng cái cũi biến mất và ông cưỡi cọp!

H: Mới đây tôi có tham dự một khóa thiền tập thể được tổ chức ở *Bombay*, và chứng kiến những cảnh cuồng loạn và sự từ bỏ chính mình của

những người tham dự. Tại sao người ta có thể theo đuổi những chuyện như thế?

M: Tất cả chỉ là những sáng tác của một cái tâm vọng động chiều theo sở thích của những người đi tìm cảm giác lạ. Có một số xảo thuật kích thích những ký ức và ước muốn bị ức chế tuôn ra từ vô thức, và trong chừng mực nào đó thì chúng giảm bớt căng thẳng. Nhưng tối hậu thì những xảo thuật như thế chẳng đưa người hành giả đi xa hơn, mà còn tệ hại nữa.

H: Mới đây tôi có đọc một cuốn sách của một hành giả *Yogi* thuật lại những kinh nghiệm của mình trong thiền định. Cảnh giới vị đó trải qua đầy những hình ảnh và âm thanh, mầu sắc và âm điệu du dương như một cuộc trình diễn ngoạn mục và giải trí vô cùng đặc sắc! Cuối cùng tất cả mờ nhạt dần và chỉ còn lại cảm giác hoàn toàn vô úy. Một người đã trải qua những kinh nghiệm như thế mà không sao cả thì hiển nhiên không còn biết sợ là gì! Nhưng tôi tự hỏi một cuốn sách như thế ích lợi gì cho tôi?

M: Có lẽ là chẳng ích lợi gì, vì nó không hấp dẫn đối với ông. Người khác có thể thán phục. Người ta khác nhau là thường. Nhưng tất cả đều phải đối diện với thực tế tồn tại của chính mình. "Ta hiện hữu" là thực tế tối hậu. "Ta là ai?" là câu hỏi tối hậu mà mỗi người phải tìm ra câu trả lời.

H: Cùng một câu trả lời giống nhau?

M: Giống nhau về tánh thể, nhưng khác biệt trong hình thức thể hiện.

Mỗi hành giả chấp nhận, hoặc sáng chế ra một phương pháp thích hợp với mình, áp dụng cho chính mình với lòng thành khẩn và cố gắng nào đó. Sau khi đạt được một số kết quả tùy theo tính khí và sự mong đợi của mình, người đó đổ chúng vào khuôn sáo của ngôn từ, lập ra một pháp môn, một truyền thống, rồi bắt đầu thu nhận môn đồ và trường phái Yoga của mình. Tất cả đều được xây dựng trên ký ức và tưởng tượng. Chẳng có trường phái nào như thế là giá trị và thiết yếu; trong mỗi trường phái người ta có thể tiến bộ đến một điểm mà tại đó tất cả ước muốn tiến bộ phải được buông bỏ để cho tiến bộ khác xảy ra. Rồi tất cả các trường phái phải được từ bỏ, và mọi cố gắng chấm dứt. Trong sự cô tịch và bóng tối, bước cuối cùng được thực hiện: Vĩnh viễn chấm dứt vô minh và sợ hãi.

Tuy nhiên, một Đạo sư chân chính không bao giờ kềm kẹp môn đồ của mình trong một hệ thống cưỡng chế các ý tưởng, cảm giác và hành động; trái lại, vị Đạo sư kiên nhẫn chỉ cho người môn đồ thấy được sự cần thiết phải thoát ra khỏi tất cả mọi ý tưởng và khuôn sáo về cách hành sử, phải

tỉnh thức và thành khẩn, cùng đi với cuộc sống đến bất cứ đâu – không phải để hưởng thụ hay chịu đau khổ, mà để hiểu và biết.

Dưới sự hướng dẫn của một chân sư, người môn đồ học cách biết, chứ không phải cách nhớ và vâng lời. Satsang – sự thân cận thánh nhân – không đúc khuôn, mà giải thoát. Biết rõ tất cả những gì khiến ông trở thành tùy thuộc. Hầu hết những người được gọi là "giao phó thân mệnh cho Đạo sư" cuối cùng đều ôm lấy thất vọng, nếu không phải là thảm kịch. Nếu may mắn, một người có thể tháo gỡ chính mình kịp lúc, và từ kinh nghiệm đó trở nên khôn ngoan hơn.

H: Chắc chắn là sự giao phó chính mình cho Đạo sư phải có giá trị của nó.

M: Giao phó chính mình là giao phó tất cả những lo lắng về chính mình. Đó là điều không thể được; ông sẽ không còn lo lắng về chính mình khi ông giác ngộ bản tánh chơn thật của chính mình. Giao phó chính mình chỉ bằng lời nói – dù có cả cảm xúc – thì chẳng có bao nhiêu giá trị và sẽ gãy đổ dưới những căng thẳng. Nếu tốt nhất nó chỉ chứng tỏ một nguyện vọng, chứ không phải là một thực tế.

H: Trong kinh *Rigveda* có đề cập đến *Adhi Yoga*, tức *Yoga* nguyên thủy, bao gồm sự kết hợp giữa *Pragna* và *Prana*, mà theo chỗ tôi hiểu là sự liên kết trí tuệ với cuộc sống. Theo ông nó còn có nghĩa là sự hợp nhất của *Dharma* và *Karma*, tức là lẽ phải và hành động hay không?

M: Đúng, nhưng theo nghĩa: Lẽ phải là sự hòa hợp với bản tánh chơn thật của mình, và hành động là hành động vô vị kỷ và vô tham ái.

Trong *Adhi Yoga* tự thân cuộc sống là Đạo sư, còn tâm là môn đồ. Tâm chăm lo cho cuộc sống chứ không định đoạt cuộc sống. Cuộc sống trôi chảy một cách tự nhiên và êm ả, còn tâm dời đi những chướng ngại trên dòng chảy êm đềm của cuộc sống.

H: Thế không phải cuộc sống, theo bản chất của nó, là lập lại? Không phải trôi theo cuộc sống là đi đến tình trạng tù hãm?

M: Tự thân cuộc sống thì vô cùng sáng tạo. Một hạt giống, theo giòng thời gian trở thành cả một khu rừng. Tâm như người giữ rừng – bảo vệ và điều hòa nguồn sinh lực mãnh liệt của sự tồn tại.

H: Được xem như sự phục vụ của tâm đối với cuộc sống, *Adhi Yoga* là một nền dân chủ hoàn hảo. Mỗi người sống một cuộc sống theo khả năng và sự hiểu biết tốt nhất của mình, mọi người đều là môn đồ của cùng một Đạo sư.

M: Ông có thể cho là như thế. Tiềm năng thì có thể là như thế. Nhưng nếu không yêu quý và tin tưởng cuộc sống, cùng với lòng thành khẩn và nhiệt tình, thì nói về *Yoga* chỉ là hoang tưởng, vì *Yoga* là một chuyển động trong ý thức, là sự tỉnh thức trong hành động.

H: Có lần tôi quan sát một giòng suối chảy giữa những tảng đá. Tùy theo hình dáng và kích thước của mỗi tảng đá mà sự náo động của nước khác nhau. Thế không phải mỗi con người chỉ là một sự náo động trong một thân xác, còn sự sống chỉ có một và vĩnh cửu?

M: Sự náo động và nước không tách rời nhau. Chính nhờ sự náo động nên ông biết có nước. Ý thức luôn luôn chuyển động, và thay đổi. Không thể nào có cái như là ý thức bất biến. Tính bất biến xóa sạch ý thức ngay lập tức. Nếu mất đi cảm giác ở ngoài thân hay trong thân thì một người trở nên vô ký, hoặc vượt ra ngoài cả ý thức lẫn vô thức và nhập vào trạng thái bất sinh bất diệt. Chỉ khi nào tinh thần và vật chất giao tiếp thì ý thức mới sinh khởi.

H: Tinh thần và vật chất là một, hay hai?

M: Điều đó còn tùy thuộc ngôn từ ông sử dụng: Chúng là một, là hai, hoặc là ba. Khi được hiểu rõ thì ba trở thành hai, và hai trở thành một. Tương tự như: Mặt – gương – và ảnh. Một sự kết hợp nào của bất cứ hai cái đều bao hàm cái thứ ba – là cái hợp nhất của cả hai. Trong Sadhana ông thấy ba là hai, cho đến khi hai chỉ là một.

Bao giờ còn bị thế giới thu hút thì ông không thể biết chính ông. Muốn biết chính ông, ông phải quay đi với thế giới và hướng sự chú ý của ông vào bên trong.

H: Tôi không thể hủy diệt thế giới.

M: Không cần thiết phải hủy diệt thế giới. Chỉ cần hiểu rằng cái ông thấy không phải cái đang là. Hiện tướng sẽ biến mất ngay khi được hiểu rõ và thực tại ở bên dưới sẽ nổi lên trên bề mặt. Ông không cần phải đốt nhà để đi ra. Ông chỉ cần đi ra. Chỉ khi nào ông không thể tự do ra vào ngôi nhà thì nó mới trở thành nhà tù. Ta ra vào ý thức dễ dàng và tự nhiên do đó thế giới là nhà của Ta, chứ không phải nhà tù.

H: Nhưng tối hậu, có thế giới hay không có thế giới?

M: Cái ông thấy không gì khác hơn là cái Ta của ông. Gọi nó là bất cứ gì mà ông thích, điều đó không thay đổi được thực tế. Qua cuốn phim của định mệnh, ánh sáng của chính ông phóng chiếu định mệnh lên màn ảnh. Ông là người xem phim, là ánh sáng, là hình ảnh và màn ảnh. Ngay cả cuốn

phim của định mệnh – *Prarabdha* – cũng là tự chọn và tự áp đặt. Người có nghị lực là kẻ có dũng khí thích vượt qua các chướng ngại. Công việc càng khó khăn thì sự giác ngộ chính mình càng sâu và rộng.

***

93. Người làm không phải là con người

Hỏi: Ngay từ khi rất sớm trong đời, tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi cảm giác không mãn nguyện. Từ trung học lên đến đại học, đi làm, hôn nhân, rồi giầu có, tôi luôn luôn tưởng rằng cái gì kế tiếp chắc chắn sẽ đem đến cho tôi an lạc, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy an lạc. Cái cảm giác không được thỏa mãn này cứ gia tăng cùng với năm tháng trôi qua.

Maharaj: Bao giờ còn có thân xác, và ý thức đồng hóa chính mình với thân xác thì thất vọng là điều tất nhiên. Chỉ khi nào biết chính mình hoàn toàn xa lạ với thân xác, và khác biệt với thân xác thì ông mới tạm thoát ra khỏi cái phức cảm sợ hãi và tham ái đi cùng với ý tưởng "Ta là thân xác". Chỉ đơn thuần trấn an những lo sợ và thỏa mãn các tham ái thì không thể loại bỏ được cái cảm giác rỗng tuếch mà ông đang tìm cách trốn thoát; chỉ có sự biết chính mình mới có thể giúp được ông. Biết chính mình có nghĩa là hoàn toàn biết rõ những gì không phải là ông. Một sự hiểu biết như thế thì có thể đạt được, và là chung cuộc; nhưng tìm cách khám phá cái ông *là* thì không có sự chung cuộc. Càng khám phá, càng có thêm nhiều cái để khám phá.

H: Vì thế, chúng ta khác cha mẹ, khác trường học, và sống trong những xã hội khác nhau.

M: Ông không thể thay đổi hoàn cảnh, nhưng ông có thể thay đổi thái độ của ông. Ông không cần phải ràng buộc với những cái tầm thường. Chỉ cái cần thiết mới đáng kể. Chỉ trong cái thiết yếu mới có an lạc.

H: Tôi đi tìm chân lý, chứ không phải an lạc.

M: Ông không thể thấy chân lý nếu ông không an lạc. Một cái tâm tĩnh lặng là thiết yếu cho sự nhận thức đúng, mà nhận thức đúng lại cần thiết cho sự giác ngộ chính mình.

H: Tôi có rất nhiều việc phải làm. Tôi không thể giữ tâm tĩnh lặng.

M: Chính vì ảo tưởng nên ông cho rằng ông là người làm. Trong thực tế mọi việc được làm đối với ông, chứ không phải do ông.

H: Nếu cứ để mọi chuyện tự xảy ra, làm sao tôi biết chắc là chúng sẽ xảy ra theo cách tôi muốn? Chắc chắn là tôi muốn chúng xảy ra theo ý muốn của tôi.

M: Ước muốn của ông cũng chỉ xảy ra đối với ông cùng với sự thỏa mãn, hay không thỏa mãn. Ông không thể thay đổi được cả hai. Ông có thể tin rằng ông đã bỏ ra công sức, phấn đấu và tranh giành. Một lẫn nữa, tất cả đều tự xảy ra, kể cả thành quả của việc làm. Chẳng cái gì là bởi ông và cho ông. Tất cả đều ở trong hình ảnh được chiếu lên màn ảnh, trong ánh sáng thì không có gì, kể cả cái mà ông cho chính ông là: Con người. Ông chỉ là ánh sáng.

H: Nếu chính tôi là ánh sáng, làm sao tôi đã quên mất mình là ánh sáng?

M: Ông không quên. Ông chỉ quên khi ông ở trong hình ảnh trên màn ảnh, nhưng rồi ông lại nhớ. Ông không thể chấm dứt là người chỉ vì ông chiêm bao thấy mình là cọp. Tương tự như thế, ông là ánh sáng thuần túy xuất hiện như một hình ảnh trên màn ảnh, và đồng thời trở thành một với màn ảnh.

H: Nếu mọi chuyện tự xảy ra thì lo lắng để làm gì?

M: Đúng thế. Tự do là tự do thoát khỏi mọi lo lắng. Khi đã nhận ra rằng ông không thể thay đổi được kết quả thì đừng chú ý đến tham ái và lo sợ. Cứ để chúng đến và đi. Đừng nuôi dưỡng chúng bằng sự quan tâm và chú ý.

H: Nếu không chú ý đến những gì xảy ra, thế thì tôi sống như thế nào?

M: Một lần nữa câu hỏi của ông cũng giống như: "Nếu không còn chiêm bao thì tôi sẽ làm gì?" Chỉ cần dừng lại và quan sát. Ông chẳng cần phải lo: "Chuyện gì xảy ra kế tiếp?" Cái kế tiếp luôn luôn có sẵn. Cuộc sống không bắt đầu, cũng chẳng chấm dứt mà bất di bất dịch. Cuộc sống chuyển động – trong nhất thời – nhưng vĩnh cửu. Dù phóng chiếu ra vô số hình ảnh nhưng ánh sáng không thể cạn kiệt. Tương tự như thế, sự sống đổ đầy mọi hình tướng, và trở về với nguồn gốc của nó khi hình tướng hư hoại.

H: Nếu sự sống kỳ diệu như thế, làm sao vô minh sinh khởi?

M: Ông muốn chữa bệnh mà không cần biết bệnh nhân! Trước khi đặt câu hỏi về vô minh, tại sao trước tiên ông không tìm hiểu ai là kẻ vô minh? Khi ông nói ông vô minh, ông không biết rằng ông vừa áp đặt khái niệm vô minh lên trạng thái tư duy và cảm thọ thực sự của ông. Quan sát ý nghĩ và cảm thọ của ông như chúng xảy ra, dành hết sự chú ý của ông cho chúng thì ông sẽ nhận ra rằng không hề có cái như vô minh, mà chỉ có sự không chú ý. Hãy chú ý đến những gì làm cho ông lo lắng, chỉ thế thôi. Xét cho cùng, lo lắng chỉ là sự đau đớn tâm lý và rõ ràng là đau đớn kêu gọi sự chú

ý. Ngay khi ông chú ý, tiếng kêu cứu ngưng bặt và câu hỏi về vô minh biến mất. Thay vì chờ câu trả lời, hãy tìm ra ai là người đặt câu hỏi, và cái gì khiến người đó hỏi như thế. Ông sẽ sớm nhận ra rằng chính tâm – bị dằn vặt bởi sợ hãi và đau đớn – là người đặt câu hỏi. Và, trong sợ hãi có ký ức và mong đợi, quá khứ và tương lai. Chú ý đem ông trở về với hiện tại – cái bây giờ. Hiện diện trong cái bây giờ là một trạng thái rất cận kề, nhưng hầu như không được biết đến.

H: Ông giản lược *Sadhana* xuống mức chỉ còn là sự đơn thuần chú ý. Vì sao các Đạo sư khác thuyết giảng những pháp môn phức tạp, khó khăn và đòi hỏi thời gian?

M: Thường thì các Đạo sư thuyết giảng những pháp môn mà nhờ đó họ đã đạt đến cứu cánh, dù cứu cánh đó là gì. Vì là pháp môn của họ nên đương nhiên họ thân thuộc. Ta được Tôn sư chỉ dạy dành hết chú ý và ý thức "Ta hiện hữu", và nhận thấy đó là phương cách hữu hiệu tối thượng, do đó Ta có thể nói về nó với tất cả sự tin tưởng. Nhưng thường thì những người đến xin được giúp đỡ đều mang theo thân xác, bộ óc, và tâm trí hư hoại, bị sử dụng sai lầm và nhu nhược đến nỗi một sự chú ý vô hình tướng như thế hoàn toàn ở ngoài khả năng của họ. Đối với họ, những hình thức đơn giản của lòng thành khẩn thích hợp hơn. Trì chú hay chăm chú nhìn một hình ảnh nào đó là một hình thức chuẩn bị thân, tâm cho sự tìm kiếm sâu xa hơn và trực tiếp. Xét cho cùng, lòng thành khẩn là yếu tố quyết định và không thể thiếu được. *Sadhana* chỉ là một con thuyền, và nó phải được chứa đầy lòng thành khẩn, mà lòng thành khẩn chính là tình yêu trong hành động. Vì không gì có thể được thực hiện nếu không có tình yêu.

H: Chúng ta chỉ yêu quý chính mình.

M: Nếu đúng như thế thì tốt quá! Hãy yêu quý chính ông một cách khôn ngoan, và ông sẽ đạt đến tột đỉnh của sự toàn hảo. Ai cũng yêu quý thân xác, nhưng chẳng có mấy người yêu quý sự hiện hữu chơn thật của chính mình.

H: Sự hiện hữu chơn thật của tôi cần đến tình yêu của tôi?

M: Sự hiện hữu chơn thật của ông chính là tình yêu, và vô số tình yêu của ông là ảnh phản chiếu của nó, tùy theo tình huống vào mỗi lúc.

H: Chúng ta thật ích kỷ, và chỉ biết yêu quý mình.

M: Vừa đủ để bắt đầu. Bằng mọi cách hãy mong ước chính ông tốt lành. Suy nghĩ kỹ, cảm nhận sâu sắc xem cái gì là tốt lành cho ông và thành khẩn

phấn đấu để được nó. Ông sẽ sớm nhật ra rằng cái thật là cái tốt lành duy nhất mà ông có.

H: Nhưng tôi vẫn không hiểu vì sao nhiều Đạo sư cứ bày vẽ ra những phương pháp tu tập thật phức tạp và khó khăn. Họ không biết cách nào khác hay hơn sao?

M: Điều quan trọng không phải là làm, mà là thôi – không làm nữa. Những người mới tu tập đều nôn nóng và bất an, họ cần phải được đặt trong tình trạng thường xuyên bận rộn để giữ mình đi đúng đường. Một sinh hoạt lập đi lập lại nhằm thu hút sự tập trung của họ là cần thiết. Sau một thời gian, họ trở nên an định và không còn cần đến cố gắng. Trong sự an định và im lặng, lớp da của cái "Ta" biến mất, bên trong và bên ngoài trở nên một. Sự tu tập đích thực thì không cần dụng công.

H: Một đôi khi tôi có cảm tưởng không gian ở trong thân tôi.

M: Khi bị ràng buộc với ảo tưởng "Ta là thân xác này" ông chỉ là một điểm trong không gian và một khoảnh khắc trong thời gian. Khi sự đồng hóa chính mình với thân xác không còn nữa, toàn thể không gian và thời gian đều ở trong tâm ông, mà tâm chỉ là một gợn sóng trong ý thức, và ý thức là sự phản chiếu của tánh biết trong tự nhiên. Tánh biết và vật là những phương diện năng động và thụ động của hiện hữu thuần túy – là cái ở trong cả hai và ở ngoài cả hai. Không gian và thời gian là thân xác, còn tâm là sự tồn tại mang tính vũ trụ. Cảm nhận của Ta là tất cả những gì xảy ra trong không gian và thời gian – xảy ra đối với Ta; mọi kinh nghiệm là kinh nghiệm của Ta, và mọi hình tướng là hình tướng của Ta. Cái mà Ta cho là Ta – trở thành thân Ta, và, tất cả những gì xảy ra đối với thân đó – trở thành tâm Ta. Nhưng ở cội nguồn của vũ trụ chỉ là tánh biết thuần túy, siêu vượt không gian và thời gian, nó ở đây và bây giờ. Phải biết được đó là hiện hữu chơn thật của ông và hành động một cách tương xứng.

H: Có cho tôi *là* gì thì điều đó tạo ra sự khác biệt nào trong hành động? Hành động chỉ xảy ra tùy theo hoàn cảnh.

M: Hoàn cảnh và điều kiện chỉ khống chế được những kẻ vô minh. Người biết thực tại không hề bị ảnh hưởng. Quy luật duy nhất người đó tuân theo là quy luật của tình yêu.

***

94. Ông ở ngoài không gian và thời gian

Hỏi: Ông luôn luôn nói rằng tôi chưa bao giờ được sinh ra và tôi sẽ không bao giờ chết. Nếu quả thật như thế thì tại sao tôi thấy thế giới như

một cái gì đó đã được sinh ra và chắc chắn sẽ chết đi?

Maharaj: Ông tin như thế vì chưa bao giờ ông đặt câu hỏi về sự tin tưởng của ông là một thân xác, thân xác đó được sinh ra và hiển nhiên phải chết đi. Khi còn sống thân xác đó thu hút sự chú ý của ông, và ông hoàn toàn bị nó mê hoặc nên không thể nhận ra bản tánh chơn thật của ông. Cũng giống như ông chỉ thấy bề mặt của đại dương mà hoàn toàn quên mất sự bao la ở bên dưới. Thế giới chỉ là bề mặt của tâm, còn tâm thì vô biên. Những gì mà chúng ta gọi là ý nghĩ chỉ là những gợn sóng trong tâm. Khi tĩnh lặng, tâm phản chiếu thực tại. Khi tâm hoàn toàn tịnh, nó tan biến và chỉ còn thực tại. Thực tại còn cụ thể, hiện thực và hiển nhiên hơn cả tâm và vật gấp bội lần; nếu so sánh với thực tại thì ngay cả kim cương cũng mềm như bơ. Tính cách hiện thực mãnh liệt này làm cho thế giới trở thành mộng huyễn, mơ hồ, và vô can.

H: Thế giới này đầy những đau khổ, làm sao ông có thể cho là vô can. Thật là chai đá!

M: Chính ông mới chai đá, chứ không phải Ta. Nếu thế giới của ông đầy đau khổ như thế thì hãy làm một điều gì đó đi, đừng chất thêm đau khổ lên nó bằng lòng tham và sự lười biếng. Thế giới mộng huyễn của ông không thể ràng buộc Ta. Trong thế giới của Ta những hạt giống đau khổ, tham ái và sợ hãi không được gieo nên đau khổ không mọc. Thế giới của Ta không còn những cái đối nghịch, không còn những khác biệt hủy diệt lẫn nhau, mà chỉ có sự hài hòa bao trùm lên tất cả. Sự an lạc trong thế giới của Ta kiên cố như đá. Sự an lạc và im lặng đó chính là thân của Ta.

H: Những gì ông nói làm tôi liên tưởng đến pháp thân – *Dharmakaya* – của Đức Phật.

M: Có thể là như thế. Chúng ta không cần sao chép ngôn từ. Hãy quan sát con người mà ông tưởng tượng là ông – như một phần của thế giới ông nhận thức trong tâm và ông quan sát tâm từ bên ngoài, vì ông không phải là tâm. Xét cho cùng, vấn đề duy nhất của ông là ông sẵn sàng đồng hóa chính ông với bất cứ gì ông nhận thức. Hãy từ bỏ thói quen này, và nhớ rằng ông không phải những gì ông nhận thức; hãy sử dụng khả năng xa lìa trong sự tỉnh thức của ông. Thấy chính ông trong tất cả chúng sinh và thái độ của ông sẽ thể hiện cái nhìn của ông. Khi nhận ra rằng không gì trong thế giới này ông có thể cho là của riêng ông thì ông có thể nhìn nó từ bên ngoài như thể đang xem một vở kịch trình diễn trên sân khấu, hay một hình ảnh trên màn ảnh. Ông có thể khen ngợi và thích thú nhưng hoàn toàn thản nhiên.

Bao giờ ông còn tưởng tượng mình là một cái gì đó hữu hình và rắn đặc, một vật trong số các sự vật, thực sự tồn tại trong không gian và thời gian, ngắn ngủi và có nhiều nhược điểm thì tự nhiên ông lo lắng để sinh tồn và tăng trưởng. Nhưng khi ông biết chính ông ở ngoài không gian và thời gian, ông chỉ giao tiếp với không gian và thời gian tại điểm ở đây và bây giờ, ngoài ra ông bao trùm tất cả và dung chứa tất cả, bất khả tiếp cận, bất di bất dịch và bất khả hư hoại – thì ông không còn lo sợ. Biết chính ông như ông *là* phương cách đối trị sợ hãi duy nhất, không còn phương cách nào khác.

Ông phải học cách tư duy và cảm thọ như thế, bằng không ông chỉ mãi mãi ở trên bình diện con người với những tham ái và lo sợ, được và mất, tăng trưởng và thoái hóa. Một vấn đề của con người không thể được giải quyết trên cùng bình diện của chính nó. Chính ước muốn sinh tồn là sứ giả của thần chết, cũng như lòng mong cầu hạnh phúc chỉ là bóng dáng của đau khổ. Thế giới là một đại dương bao la của đau khổ và sợ hãi, của lo âu và tuyệt vọng. Lạc thú cũng như cá, chẳng có bao nhiêu nhưng rất nhanh, chúng họa hoằn mới đến nhưng bỏ đi rất nhanh. Chỉ người không có trí tuệ mới tin tưởng – bất kể bằng chứng – rằng mình là một ngoại lệ, và thế giới này mắc mình món nợ hạnh phúc. Thế giới không thể cho cái mà nó không có. Hư giả tận cốt tủy, thế giới không thể nào đem lại hạnh phúc chơn thật. Thế giới không thể là gì khác hơn được. Chúng ta tìm kiếm cái chơn thật vì chúng ta không cảm thấy hạnh phúc với cái hư giả. Hạnh phúc là bản tánh chơn thật của chúng ta, và chúng ta không bao giờ ngưng nghỉ cho đến khi nào tìm được nó. Nhưng hầu như chúng ta không biết tìm nó ở đâu. Một khi nhận ra rằng thế giới chỉ là một hình ảnh sai lầm về thực tại, và hoàn toàn không phải như cái vẻ bề ngoài của nó thì ông không còn bị nó ám ảnh. Chỉ cái gì tương hợp với sự hiện hữu chơn thật của ông mới làm cho ông hạnh phúc, và thế giới – như ông nhận thức – là sự khước từ dứt khoát của hiện hữu chơn thật.

Giữ im lặng và quan sát những gì nổi lên trên bề mặt của tâm. Quăng bỏ cái đã biết, tiếp đón cái gì cho đến nay chưa biết, và rồi quăng bỏ nó khi đến lượt. Như thế ông sẽ đạt đến một trạng thái trong đó không có cái bị biết, mà chỉ hiện hữu, trong đó chính hiện hữu là biết. Biết bằng hiện hữu là biết trực tiếp, căn cứ trên sự đồng nhất giữa người thấy và cái bị thấy. Biết gián tiếp là cái biết dựa trên cảm giác và ký ức, trên sự giao tiếp giữa người nhận thức và đối tượng của tri thức, giới hạn trong sự tương phản giữa người nhận thức và đối tượng tri thức. Hạnh phúc cũng như thế. Thường thì

ông phải buồn để biết vui, và vui để biết buồn. Hạnh phúc chơn thật thì phi nhân duyên, và do đó không thể mất đi khi vắng thiếu tác nhân. Chơn hạnh phúc không phải là đối nghịch của phiền não, nó dung nhiếp tất cả phiền não và đau khổ.

H: Làm sao một người có thể hạnh phúc giữa vô số những đau khổ như thế?

M: Không thể nào khác hơn được; hạnh phúc bên trong thì vô cùng thật. Như mặt trời giữa không gian không bao giờ vắng bóng, dù cho những thể hiện có bị mây che lấp.

H: Khi gặp bất an, chúng ta thường cảm thấy khổ sở.

M: Sợ hãi là bất an duy nhất. Biết được rằng ông bất tùy thuộc thì sẽ thoát khỏi sợ hãi và cái bóng của nó.

H: Sự khác biệt giữa hạnh phúc và lạc thú là gì?

M: Lạc thú thì tùy thuộc, hạnh phúc thì không.

H: Nếu hạnh phúc là bất tùy thuộc, tại sao chúng ta không luôn luôn cảm thấy hạnh phúc?

M: Chừng nào ông còn tin rằng cần phải có cái gì đó để làm cho mình hạnh phúc, thì chúng ta còn tin rằng chúng ta sẽ khốn khổ khi vắng nó. Tâm luôn luôn định hình chính nó theo những gì mà nó tin tưởng. Như thế điều quan trọng là chính mình tin rằng không cần phải bị thôi thúc để có hạnh phúc; còn lạc thú, trái lại, chỉ là sự đánh lạc hướng và là một phiền nhiễu, vì nó chỉ làm tăng thêm sự tin tưởng sai lầm rằng một người cần phải có hạnh phúc và làm đủ mọi chuyện để được hạnh phúc, trong khi thực tế hoàn toàn ngược lại.

Nhưng tại sao lại bàn về hạnh phúc? Ông chỉ nghĩ đến hạnh phúc khi nào ông bất hạnh. Người nào nói: "Bây giờ Ta cảm thấy hạnh phúc" thì người đó đang ở giữa hai sự đau khổ - quá khứ và tương lai. Thứ hạnh phúc này chỉ là sự hưng phấn, xuất hiện khi đau khổ nguôi ngoai. Hạnh phúc chơn thật thì hoàn toàn không ý thức về chính mình. Cách diễn tả đúng nhất là bằng sự phủ định như: "Không có gì bất thường với tôi. Tôi không có gì để lo âu." Xét cho cùng, mục đích tối hậu của tất cả các phương pháp tu tập là đạt đến một điểm, khi sự tin tưởng này được căn cứ trên kinh nghiệm hiện thực và thường tại, chứ không phải là ngôn từ suông.

H: Kinh nghiệm đó là gì?

M: Kinh nghiệm không, hoàn toàn không còn ký ức và chờ mong; nó cũng giống như hạnh phúc của những khoảng không gian rộng mở, của sự

trẻ trung, của sự sung mãn năng lượng và tràn đầy thời gian để làm đủ mọi chuyện, để khám phá, để phiêu lưu.

H: Còn gì để khám phá?

M: Vũ trụ bên ngoài và sự bao la bên trong như cả hai vẫn như thế trong thực tại, trong tâm thức và trái tim vĩ đại của Thượng đế. Ý nghĩa và mục đích của sự tồn tại, bí mật của đau khổ, và sự cứu độ cuộc sống đau khổ ra khỏi vô minh.

H: Nếu cảm thấy hạnh phúc cũng giống như cảm thấy không còn lo âu và sợ hãi, thì liệu có thể cho rằng sự vắng thiếu của phiền não là nguyên nhân của hạnh phúc?

M: Một trạng thái vắng thiếu, không tồn tại thì không thể là một nguyên nhân; quan niệm này hàm ý về sự tồn tại từ trước (*pre-existence*) của một nguyên nhân. Trạng thái tự nhiên của ông – trong đó không có gì tồn tại – không thể là nguyên nhân của sự trở thành; tất cả nguyên nhân đều tàng ẩn trong quyền năng vĩ đại và bí hiểm của ký ức. Nhưng ngôi nhà đích thực của ông ở trong cái không, trong sự trống rỗng hoàn toàn không có nội dung.

H: Cái không, trống rỗng – khủng khiếp quá!

M: Ông vẫn đối diện nó một cách vui mừng khi đi ngủ! Hãy đích thân xâm nhập trạng thái ngủ tỉnh thức, và ông sẽ nhận ra nó rất tương hợp với bản tánh chơn thật của ông. Ngôn từ chỉ cho ông ý tưởng và ý tưởng thì không phải là kinh nghiệm. Ta chỉ có thể nói là: Hạnh phúc chơn thật thì không có nguyên nhân, và cái không có nguyên nhân thì bất di bất dịch. Điều này không có nghĩa là nó có thể nhận thức được, như lạc thú. Trạng thái không còn đau khổ chỉ có thể được mô tả bằng cách phủ định. Để trực tiếp chứng nghiệm nó, ông phải thoát ra khỏi cái tâm đã bị mê hoặc bởi lý thuyết nhân quả, và sự chuyên chế của thời gian.

H: Nếu hạnh phúc không phải là ý thức và ý thức không phải là hạnh phúc, vậy cái gì nối kết cả hai?

M: Ý thức là sản phẩm của điều kiện và hoàn cảnh thì tùy thuộc và thay đổi cùng với điều kiện và hoàn cảnh. Cái bất tùy thuộc, không được tạo ra, vô thời và bất biến, nhưng luôn luôn tươi mới thì ở ngoài tâm. Khi tâm nghĩ về nó, tâm tan biến và chỉ hạnh phúc còn lại.

H: Khi tất cả ra đi, cái không có gì còn lại.

M: Nếu không có cái có, làm sao có thể có cái không? Cái không chỉ là một ý tưởng, nó tùy thuộc vào ký ức về một cái có. Hiện hữu thuần túy thì

bất tùy thuộc vào sự tồn tại – là cái có thể xác định và mô tả được.

H: Xin vui lòng cho chúng tôi biết: ở ngoài tâm liệu ý thức có tiếp tục, hay nó chấm dứt cùng với tâm?

M: Ý thức đến rồi đi, tánh biết thường xuyên chiếu sáng.

H: Ai là người biết trong tánh biết?

M: Khi có con người thì cũng có ý thức. "Ta hiện hữu", tâm, ý thức – hàm ý cùng một trạng thái. Nếu ông nói "Ta biết" thì điều đó chỉ có nghĩa: "Ta ý thức hành vi tư duy về biết". Trong tánh biết không có cái "Ta hiện hữu".

H: Thế còn hành vi nhân chứng?

M: Hành vi nhân chứng thuộc về tâm. Nhân chứng đi cùng với cái được chứng kiến. Trong trạng thái bất nhị (non-duality) mọi phân chia không còn nữa.

H: Thế còn ông? Ông vẫn tiếp tục trong tánh biết?

M: Con người, tức cái "Ta là thân này, tâm này, chuỗi ký ức này, mớ tham ái và lo sợ này" biến mất, nhưng một cái gì đó ông có thể gọi là ý thức về chính mình còn lại. Trạng thái đó làm cho Ta có thể trở thành con người khi cần. Tình yêu tạo ra những gì nó cần thiết, ngay cả sự trở thành một con người.

H: Theo như tôi hiểu Thực tại thể hiện tự thân thành tồn tại – ý thức – và cực lạc. Chúng là tuyệt đối hay tương đối?

M: Chúng tương quan và tương thuộc lẫn nhau. Thực tại bất tùy thuộc vào những thể hiện của nó.

H: Quan hệ giữa thực tại và những thể hiện của nó là gì?

M: Không có quan hệ. Trong thực tại tất cả đều thật và giống như nhau. Như chúng ta biết, *Saguna* và *Nirguna* là một trong *Parabrahman*. Chỉ có cái Tối thượng duy nhất. Khi động là *Saguna*. Khi tịnh là *Nirguna*. Nhưng chỉ có tâm là động hay không động. Cái thật ở bên ngoài, ông ở bên ngoài. Một khi hiểu được rằng không gì nhận thức được, hay hiểu được lại có thể là ông, thì ông hoàn toàn tự do đối với tất cả những tưởng tượng của ông. Thấy được tất cả là tưởng tượng, khởi sinh từ tham ái – là sự cần thiết trong sự giác ngộ chính mình. Chúng ta không thấy cái thật vì thiếu chú ý, và tạo ra cái không thật vì thừa tưởng tượng.

Ông phải dành hết trái tim và tâm trí cho những điều này và thường xuyên tư duy về chúng. Cũng như nấu thức ăn, ông phải để trên lửa một thời gian rồi mới có thể ăn được.

H: Thế không phải tôi bị khống chế bởi định mệnh, bởi nghiệp mà tôi tạo ra? Tôi có thể làm gì để cưỡng lại? Tôi có là gì, và làm gì cũng đều là tiền định. Ngay cả cái được gọi là sự chọn lựa tự do của tôi cũng đã được định trước, chỉ có điều là tôi không biết và tưởng tượng rằng tôi tự do.

M: Một lần nữa, còn tùy vào cách nhìn của ông. Vô minh như một cơn sốt, nó làm cho ông thấy những cái mà thật ra không có. Nghiệp là một phương thức trị liệu vi diệu. Hãy chấp nhận nó và làm theo những gì nó chỉ dẫn một cách thành khẩn thì ông sẽ sớm bình phục. Một bệnh nhân sẽ xuất viện khi bình phục. Còn khăng khăng đòi có ngay tự do lựa chọn, tự do hành động thì chỉ trì hoãn sự bình phục. Hãy chấp nhận định mệnh và hoàn tất nó – đó là phương cách nhanh nhất thoát ra khỏi định mệnh, nhưng không ngoài tình yêu và những mệnh lệnh của nó. Hành động do tham ái lo sợ là ràng buộc, hành động do tình yêu là tự do.

***

95. Chấp nhận cuộc đời như nó đến

Hỏi: Năm ngoái tôi đã đến đây. Bây giờ tôi lại ngồi trước mặt ông. Tôi thật sự không biết điều gì đã khiến tôi đến, nhưng tôi không thể quên ông.

Maharaj: Có người quên, có người không – tùy theo định mệnh của họ - nhưng ông có thể cho đó là tình cờ, nếu ông muốn.

H: Có một sự khác biệt căn bản giữa tình cờ và định mệnh.

M: Chỉ ở trong tâm ông. Thật ra, ông không thể biết cái gì là nguyên nhân của cái gì. Định mệnh chỉ là một từ ngữ có tính cách khỏa lấp để che đậy sự vô minh của ông. Tình cờ - là một từ khác.

H: Nếu không biết được nguyên nhân và hậu quả thì liệu có thể có tự do?

M: Nhân và quả thì vô cùng về số lượng và muôn hình vạn trạng. Mỗi cái tác động lên mọi cái. Khi một cái thay đổi thì tất cả thay đổi trong vũ trụ. Do đó quyền năng vĩ đại của con người trong việc thay đổi thế giới là bằng cách thay đổi chính mình.

H: Theo lời ông, nhờ ân đức của Tôn sư nên ông đã thay đổi tận căn bản so với bốn mươi năm trước. Nhưng thế giới này thì vẫn vậy.

M: Thế giới của Ta đã thay đổi hoàn toàn. Thế giới của ông vẫn vậy vì ông không hề thay đổi.

H: Vì sao sự thay đổi của ông không ảnh hưởng đến tôi?

M: Vì không có sự cảm thông giữa ông và Ta. Đừng cho ông tách biệt với Ta thì ngay lập tức ông và Ta cùng ở trong trạng thái chung nhất.

H: Tôi có một số tài sản ở Mỹ, và định bán đi để mua một khu đất trong vùng Hy-mã-lạp-sơn. Tôi sẽ dựng lên ở đó một ngôi nhà, làm một cái vươn, nuôi vài con bò và sống thật thầm lặng. Người ta bảo tôi rằng vùng đất đó không thích hợp cho một cuộc sống êm ả, tôi sẽ gặp rắc rối với giới chức địa phương, hàng xóm, và kẻ trộm. Liệu có chắc như thế không?

M: Điều tối thiểu mà ông mong đợi có thể xảy ra là một hàng dài bất tận người đến viếng ông và biến nơi ông ở thành một nhà khách miễn phí. Cuộc đời ông thế nào thì tốt hơn hãy chấp nhận nó như thế, trở về với gia đình, sống với bà vợ bằng tất cả lòng yêu thương và sự chăm sóc của ông. Chẳng có ai khác cần đến ông. Giấc mơ tiên cảnh sẽ cho ông hạ cánh xuống nơi còn phiền nhiễu hơn nhiều.

H: Tôi không tìm tiên cảnh. Tôi đi tìm Thực tại.

M: Muốn thế ông cần một cuộc sống ngăn nắp và tĩnh lặng, một cái tâm an ổn và lòng thành khẩn vô biên. Bất cứ gì đến với ông không mời gọi – vào bất cứ lúc nào – đều từ Thượng đế đến và chắc chắn sẽ giúp ông nếu ông biết tận dụng nó. Chỉ cái gì ông tranh giành, phát sinh từ tưởng tượng và tham ái của ông, mới đem lại cho ông phiền não.

H: Định mệnh có đồng với ân đức?

M: Chắc chắn là như thế. Chấp nhận cuộc sống như nó đến, rồi ông sẽ nhận ra phước báu.

H: Tôi có thể chấp nhận cuộc sống của chính tôi. Nhưng làm sao tôi có thể chấp nhận cuộc sống mà những người khác bị bắt buộc phải sống?

M: Dù sao thì ông vẫn chấp nhận nó. Đau khổ của người khác không xen vào lạc thú của ông. Nếu thật sự có từ tâm thì lẽ ra ông đã bỏ được sự lo lắng thái quá về chính mình từ lâu, và nhập vào trạng thái mà chỉ từ đó ông mới có thể cứu giúp.

H: Nếu có một ngôi nhà lớn và một khu đất rộng, tôi có thể lập một tịnh xá gồm những phòng riêng, một thiền đường, nhà ăn, thư viện, vân vân.

M: Các tịnh xá không được dựng lên, chỉ do ngẫu nhiên mà có. Ông không thể bắt đầu hay ngăn trở nó cũng như ông không thể bắt đầu hay làm cho một giòng sông ngừng chảy. Có vô số yếu tố liên hệ trong sự tạo dựng một tịnh xá thành công, mà sự trưởng thành nội tâm của ông chỉ là một trong những yếu tố đó. Dĩ nhiên, nếu không biết được sự hiện hữu chơn thật của ông thì có làm bất cứ gì cũng trở thành tro bụi. Ông không thể giả mạo một Đạo sư rồi thoát tội. Mọi hành vi đạo đức giả đều kết thúc trong tai họa.

H: Hành sử như thánh nhân trước khi là một thánh nhân thì có hại gì?

M: Tu tập tính cách thánh thiện là Sadhana. Điều này hoàn toàn đúng, miễn là không cho đó là giá trị đáng được ca ngợi.

H: Nếu không thử thì làm sao tôi biết mình có thể hay không thể dựng lập một ẩn xá?

M: Bao giờ ông còn cho mình là một con người, một cái thân và một cái tâm, tách biệt với giòng đời, có ý chí của riêng nó, theo đuổi mục đích của chính nó thì ông chỉ sống phù sinh trên bề mặt, và bất cứ gì ông làm đều ngắn ngủi và chẳng có bao nhiêu giá trị, chỉ là rơm rạ làm mồi cho những ngọn lửa của hư danh. Ông phải bỏ ra một cái gì thật sự xứng đáng trước khi có thể mong đợi một cái gì đó chơn thật. Cái gì là giá trị của ông?

H: Tôi đo lường nó bằng cách nào?

M: Nhìn vào nội dung của tâm ông. **Ông là cái ông suy nghĩ**. Không phải hầu hết thời gian của ông đều bận rộn với con người bé nhỏ của ông và những nhu cầu thường nhật của nó hay sao?

Giá trị của sự hành thiền thường xuyên là đưa ông ra khỏi sự nhàm chán của sinh hoạt thường nhật, và nhắc nhở ông rằng ông không phải là cái mà ông tin là ông. Nhưng chỉ nhớ suông thì vẫn chưa đủ - hành động phải đi theo sự tin tưởng. Đừng giống như một người giầu có lập ra một di chúc thật chi tiết, nhưng nhất định không chịu chết.

H: Thế không phải từ từ là quy luật của cuộc sống?

M: Ồ, không. Chỉ có sự chuẩn bị là từ từ, tự thân sự thay đổi thì đột biến và trọn vẹn. Thay đổi từ từ không thể đưa ông đến một bình diện mới của sự hiện hữu hữu thức. Ông cần can đảm để buông bỏ.

H: Phải thành thật nhìn nhận là tôi thiếu can đảm.

M: Đó là vì ông chưa hoàn toàn tin tưởng. Sự tin tưởng hoàn toàn tạo ra ước muốn và can đảm. Và thiền là nghệ thuật đạt được sự tin tưởng thông qua hiểu biết. Trong thiền, ông nghiền ngẫm tất cả mọi phương diện của những gì được chỉ giáo cho đến khi tin tưởng khởi sinh khởi sinh từ sự sáng tỏ, và cùng với tin tưởng là hành động. Tin tưởng và hành động không thể tách rời nhau. Nếu hành động không đi kèm theo tin tưởng thì xét lại sự tin tưởng của ông, đừng viện cớ ông thiếu can đảm. Tự hạ mình chẳng đưa ông đến đâu. Nếu không có sự sáng tỏ và đồng cảm thì ý chí có ích lợi gì?

H: Đồng cảm nghĩa là gì? Tôi không được hành động trái với ước muốn của tôi?

M: Ông sẽ không hành động trái với ước muốn của ông. Sáng tỏ thì chưa đủ. Còn phải có năng lượng xuất phát từ tình yêu – ông phải yêu để hành động – dù hình tướng và đối tượng tình yêu của ông là gì. Nếu không có sự sáng tỏ và tình yêu thì lòng can đảm chỉ đem lại hủy diệt. Người ta trở nên dũng cảm lạ thường trong chiến tranh, nhưng để làm gì?

H: Tôi chỉ muốn có một ngôi nhà với một khu vườn để sống một cách an tịnh. Tại sao tôi lại không hành động theo ước muốn của tôi?

M: Bằng mọi cách, hãy hành động. Nhưng đừng quên cái bất khả tránh, cái bất ngờ. Nếu không có mưa thì khu vườn của ông sẽ không tươi tốt. Ông cần lòng dũng cảm để phiêu lưu.

H: Tôi cần thời gian để gom góp can đảm, đừng hối thúc tôi. Cứ để tôi chín mùi cho hành động.

M: Toàn thể giải pháp của ông đều sai lầm. Hành động trì hoãn là hành động bỏ lỡ. Có thể có những cơ hội khác cho những hành động khác, nhưng khoảng khắc hiện tại bị bỏ lỡ, không lấy lại được. Mọi chuẩn bị là cho tương lai – ông không thể chuẩn bị cho hiện tại.

H: Chuẩn bị cho tương lai có gì là không đúng?

M: Mọi chuẩn bị của ông chẳng giúp gì cho hành động trong hiện tại. Sự sáng tỏ là bây giờ, hành động là bây giờ. Nghĩ về sự sẵn sàng chỉ ngăn cản hành động. Và hành động là tiêu chuẩn của thực tại.

H: Ngay cả khi chúng ta hành động mà không có sự tin tưởng?

M: Ông không thể sống mà không hành động, và đằng sau mỗi hành động là lo sợ hay tham ái. Xét cho cùng, tất cả những gì ông làm đều dựa trên sự tin tưởng thế giới là thật có, và không tùy thuộc vào ông. Nếu tin ngược lại, thái độ của ông có lẽ đã hoàn toàn khác.

H: Những gì tôi tin tưởng thì chẳng có gì sai lầm. Hành động của tôi được định hình bởi hoàn cảnh.

M: Nói một cách khác, ông tin vào tính cách có thật của hoàn cảnh, của thế giới trong đó ông sống. Truy tìm thế giới đến tận cùng nguồn gốc của nó, ông sẽ nhận ra rằng trước khi có thế giới thì đã có ông, và ông vẫn còn – ngay cả khi thế giới không còn nữa. Hãy tìm ra sự hiện hữu phi thời của ông và hành động của ông xác minh điều đó. Ông đã tìm ra chưa?

H: Chưa, tôi chưa tìm thấy.

M: Thế thì còn chuyện gì khác mà ông cần làm? Hiển nhiên đó là việc làm cấp bách nhất. Chỉ khi nào ông buông bỏ tất cả, không cần được chống đỡ hay xác định thì lúc đó ông mới thấy ông bất tùy thuộc. Một khi đã biết

rõ chính ông thì ông có làm bất cứ gì cũng chẳng quan trọng, nhưng để nhận ra tính bất tùy thuộc của ông, ông phải trắc nghiệm nó bằng cách buông bỏ tất cả những gì ông vẫn tùy thuộc. Người giác ngộ sống ở bình diện của những cái tuyệt đối – trí tuệ, tình yêu và lòng dũng cảm của người đó đều toàn vẹn – không có gì là tương đối về người giác ngộ. Do đó, người giác ngộ phải chứng tỏ chính mình bằng những trắc nghiệm nghiêm ngặt hơn, và trải qua những thử thách khắt khe hơn. Người trắc nghiệm, cái được trắc nghiệm và điều kiện trắc nghiệm đều ở bên trong. Đây là một vở kịch nội tâm, trong đó không có người đồng diễn.

H: Bị đóng đinh trên thập giá, cái chết và sự phục sinh – chúng ta có những cơ sở tương tự! Tôi đã đọc, nghe và nói về điều đó không biết bao nhiêu lần, nhưng để thực hành nó thì tôi thấy mình không có khả năng.

M: Giữ im lặng, và đừng bị giao động thì trí tuệ và năng lượng sẽ tự đến. Ông chẳng cần phải mong cầu. Chờ đợi trong sự im lặng của trái tim và tâm trí. Giữ im lặng thì dễ, nhưng sẵn sàng giữ im lặng thì hiếm hoi. Các ông muốn trở thành siêu nhân trong chớp nhoáng. Hãy ở với trạng thái không còn tham vọng, không còn tham ái, phơi bầy, dễ bị công kích, không được bảo vệ, bất định, đơn độc và hoàn toàn rộng mở, chào đón cuộc đời như nó đến, mà không hề tin tưởng một cách vị kỷ rằng mọi cái trong đời phải đem lại lạc thú hay lợi lạc gì cho ông, dù là vật chất hay cái được gọi là tinh thần.

H: Tôi hiểu được điều ông nói nhưng không thấy được là phải thực hiện như thế nào?

M: Nếu không biết cách ông sẽ không làm. Từ bỏ tất cả mọi cố gắng, chỉ *hiện hữu*; đừng phấn đấu, đừng tranh giành, buông bỏ mọi dựa giẫm, bám chặt ý thức hiện hữu, gạt bỏ tất cả những cái khác. Thế là đủ.

H: Làm sao gạt bỏ? Tôi càng gạt bỏ chúng càng nổi lên bề mặt.

M: Đừng chú ý, cứ để mọi thứ đến và đi. Tham ái và vọng niệm cũng là sự, vật. Đừng bận tâm đến chúng. Từ vô thủy lớp bụi của các sự kiện bao phủ mặt gương trong sáng của tâm ông, vì thế ông chỉ thấy ký ức. Quét sạch lớp bụi trước khi chúng có thời gian đóng cáu, phơi bày những lớp trước đó, và tiếp tục cho đến khi bản tánh chơn thật của tâm ông hiển lộ. Tất cả rất đơn giản và tương đối dễ dàng; chỉ cần thành khẩn và kiên nhẫn là đủ. Thản nhiên, vô tư, và thoát ra ngoài mọi tham ái, lo sợ, và ưu tư thái quá về chính mình, mà đơn thuần tỉnh thức – có nghĩa là thoát ra khỏi ký ức

và chờ mong – đây là trạng thái của tâm mà với nó sự khám phá mới có thể xảy ra. Xét cho cùng, giải thoát có nghĩa là tự do để khám phá.

***

96. Từ bỏ tất cả ký ức và mong chờ

Hỏi: Tôi là người Mỹ; từ năm ngoái; từ năm ngoái đến nay tôi sống tại một tịnh xá ở *Madhya Pradesh* và nghiên cứu về nhiều lĩnh vực của *Yoga*. Đạo sư của chúng tôi là môn đồ của ngài *Sivananda Saraswati* ở *Monghyr*. Tôi cũng sinh hoạt ở tịnh xá *Ramanasshram*. Khi ở *Bombay* tôi có tham dự một khóa thiền định chuyên sâu thuộc một thiền phái Miến điện do một thiền sư chỉ dẫn. Tuy nhiên, cho đến nay tôi vẫn chưa tìm thấy an lạc. Có đôi chút tiến bộ trong tự chế và kỷ luật hàng ngày, nhưng tất cả chỉ có thế. Tôi không thể nói một cách chính xác nguyên nhân của những tiến bộ đó là gì. Tôi cũng thăm viếng nhiều linh địa, và những cuộc thăm viếng đó tác động đến tôi như thế nào thì tôi không biết được.

Maharaj: Những kết quả tốt đẹp sẽ đến, không sớm thì muộn. Ở tịnh xá Sri *Ramanashram* ông có được chỉ dạy gì không?

H: Một vài người Anh chỉ dẫn tôi, và một người Ấn thuộc môn phái *Gnana Yoga*, thường xuyên sống ở đó, cũng chỉ tôi một số bài thực hành.

M: Dự tính của ông là gì?

H: Tôi phải trở về Mỹ vì gặp khó khăn trong việc xin gia hạn visa. Tôi dự định sẽ hoàn tất bằng cử nhân, chuyên khoa Trị liệu Tự nhiên, và sẽ sinh sống bằng nghề này.

M: Rõ ràng là một nghề nghiệp lương hảo.

H: Khi theo đuổi con đường Yoga bằng mọi giá thì có gì nguy hiểm?

M: **Một que diêm thì có gì nguy hiểm trong lúc ngôi nhà đang cháy?** Tìm kiếm thực tại là một việc làm nguy hiểm nhất vì nó sẽ hủy diệt cái thế giới mà trong đó ông sống. Nhưng nếu động cơ thúc đẩy ông là lòng yêu chuộng chân lý và sự sống thì chẳng có gì phải lo sợ.

H: Tôi rất sợ tâm tôi. Nó thật bất an!

M: Trong tấm gương tâm của ông hình ảnh xuất hiện và biến mất. Tấm gương còn lại. Học cách phân biệt cái bất biến trong cái biến dịch, cái không thay đổi trong cái thay đổi, cho đến khi ông nhận ra rằng tất cả những khác biệt chỉ là bề ngoài, còn tính một là thực tế. Sự nhận dạng căn bản này – ông có thể gọi là Thượng đế, hay *Brahman*, hay khuôn đúc – *Prakriti*. Từ ngữ không quan trọng, chỉ sự nhận thức tất cả là một mới quan trọng. Khi ông có thể nói một cách tin tưởng, xuất phát từ kinh nghiệm trực

tiếp, rằng: "Ta là thế giới, thế giới là chính Ta" thì một mặt ông không còn tham ái lo sợ, và một mặt ông trở nên hoàn toàn có trách nhiệm với thế giới. Nỗi đau khổ vô nghĩa của nhân loại trở thành mối quan tâm duy nhất của ông.

H: Như thế ngay cả bậc giác ngộ cũng có những phiền não của riêng mình!

M: Phải, nhưng chúng không còn do chính người giác ngộ tạo ra. Sự đau khổ của người giác ngộ hoàn toàn không hề bị đầu độc bởi ý thức tội lỗi. Chẳng có gì là không đúng với đau khổ vì tội lỗi của người khác. Thiên chúa giáo của các ông đặt nền tảng trên quan niệm này.

H: Thế không phải mọi đau khổ đều do chính mình gây ra?

M: Đúng thế, chừng nào còn có một cái Ta tách biệt tạo ra nó. Cuối cùng ông sẽ biết rằng không hề có tội, lỗi, hay trừng phạt, mà chỉ có sự sống với những biến đổi vô cùng của nó. Cùng với sự biến mất của cái "ta" có tính cách con người, mọi đau khổ của con người cũng tan biến. Còn lại chỉ là nỗi buồn vĩ đại của tâm bi, **nỗi kinh hoàng về sự đau khổ không cần thiết**.

H: Có gì là không cần thiết trong các sự kiện đang diễn ra?

M: Chẳng có gì là cần thiết, không có gì là chắc chắn. Thói quen và si mê thì mù quáng và hướng dẫn sai lầm; còn sự tỉnh thức từ bi thì hàn gắn và cứu vớt. Chúng ta không thể làm được gì, mà chỉ có thể để cho mọi chuyện xảy ra theo bản chất của nó.

H: Ông chủ trương hoàn toàn thụ động?

M: Sự trong sáng và lòng từ ái là hành động. Tình yêu thì không lười biếng, còn sự trong sáng soi đường chỉ lối. Ông chẳng cần bận tâm đến hành động, mà hãy quan tâm đến tâm thức và trái tim của ông. Ngu dốt và lòng vị kỷ là xấu xa duy nhất.

H: Cách nào tốt hơn? Tụng niệm danh hiệu Thượng đế, hay thiền quán?

M: Tụng niệm làm cho hơi thở của ông ổn định. Sự thở sâu và tĩnh lặng sẽ tăng cường sinh lực, ảnh hưởng đến não bộ, và giúp cho tâm trở nên an, tịnh và thích hợp cho thiền quán. Nếu không có sinh lực thì chẳng làm được gì nhiều, vì thế bảo vệ và tăng cường sinh lực là thiết yếu. Tư thế và cách thở là một phần của Yoga, vì thân cần phải khỏe mạnh và được điều ngự tốt; tuy nhiên quá chú trọng đến thân thì sẽ làm hỏng mục đích của nó, vì tâm là chính yếu ngay từ đầu. Khi tâm được an định và không còn quấy

nhiễu không gian nội tại – *Chidakash* – thì thân có một ý nghĩa mới, và sự chuyển hóa nó trở nên cần thiết và khả hữu.

H: Tôi lang thang khắp Ấn Độ, gặp khá nhiều Đạo sư và học được đôi chút từ một số các trường phái Yoga. Thử qua mỗi thứ một ít như thế có đúng không?

M: Không, đó mới chỉ là nhập môn. Ông sẽ gặp người giúp ông tìm ra con đường của ông.

H: Tôi có cảm tưởng vị Đạo sư do tôi lựa chọn không thể là Đạo sư đích thực. Để là vị Đạo sư đích thực thì người đó phải đến với tôi một cách bất ngờ và rất thu hút đối với tôi.

M: Đừng mong đợi thì tốt nhất. Cách ông đáp ứng mới là quyết định.

H: Tôi có phải là chủ nhân các phản ứng của tôi?

M: Nếu bây giờ ông thực hành sự sáng suốt và thái độ thản nhiên thì sẽ đạt được kết quả vào đúng thời điểm. Nếu gốc rễ khỏe mạnh và được tưới nước tốt thì quả chắc chắn sẽ ngon ngọt. Hãy thanh tịnh, tỉnh thức và sẵn sàng.

H: Khổ hạnh và sám hối có ích lợi gì không?

M: Trải qua những nỗi thăng trầm của cuộc đời đã là đủ sám hối! Ông không cần bầy vẽ thêm rắc rối. Tiếp nhận một cách vui vẻ bất cứ gì cuộc đời đem đến là tất cả khổ hạnh mà ông cần.

H: Thế còn hy sinh là gì?

M: Sẵn lòng và vui vẻ chia sẻ tất cả những gì ông có với bất cứ ai cần. Không cần phải nghĩ ra những cách tàn nhẫn để tự trừng phạt mình.

H: Buông bỏ chính mình là gì?

M: Chấp nhận bất cứ gì đến.

H: Tôi cảm thấy yếu đuối không thể tự đứng vững. Tôi cần sự thân cận thiêng liêng với một Đạo sư và các thiện tri thức. Tôi không có được sự thanh thản, nên chấp nhận bất cứ gì xảy đến làm cho tôi sợ hãi. Ý nghĩ trở về Mỹ làm cho tôi kinh hoàng.

M: Hãy trở về và tận dụng mọi cơ hội của ông. Lấy bằng cử nhân của ông trước. Ông luôn luôn có thể trở lại Ấn Độ để nghiên cứu khoa Trị liệu Tự nhiên.

H: Tôi biết rất rõ những cơ hội của tôi ở Mỹ, nhưng điều làm tôi sợ hãi chính là sự cô đơn.

M: Ông luôn luôn có sự thân cận của chính cái Ta – ông không cần phải cảm thấy cô đơn. Xa lìa cái Ta thì dù có ở Ấn Độ ông cũng vẫn cảm thấy cô

đơn. Tất cả hạnh phúc đến từ sự làm vui lòng cái Ta. Sau khi trở về Mỹ, hãy làm vui lòng cái Ta, đừng làm bất cứ gì không xứng đáng với thực tại huy hoàng trong trái tim ông thì ông sẽ hạnh phúc và tiếp tục hạnh phúc. Nhưng ông phải tìm cái Ta, và sau khi tìm ra cái Ta thì hãy ở với cái Ta.

H: Sống trong hoàn toàn cô tịch có lợi lạc gì không?

M: Còn tùy tính khí của ông. Ông vẫn có thể làm việc với người khác và cho người khác trong sự tỉnh thức và thân thiện, nhưng vẫn tiến bộ nhiều hơn là trong sinh hoạt cô tịch, vì sự cô tịch có thể gây buồn nản, hoặc thói quen lải nhải bất tận của tâm sẽ khống chế ông. Đừng tưởng tượng rằng ông có thể thay đổi bằng sự cố gắng. Dùng bạo lực với chính ông – như khổ hạnh và sám hối – sẽ chẳng đem lại kết quả gì.

H: Có cách nào biết được ai là người giác ngộ và ai không giác ngộ?

M: Bằng chính duy nhất ở trong chính ông. Nếu ông thấy mình hóa vàng thì chắc chắn đó là dấu hiệu chứng tỏ ông vừa chạm vào một hòn đá tạo ra vàng của một bậc thánh nhân. Hãy ở với người đó và theo dõi những gì xảy ra đối với ông. Đừng hỏi người khác. Đạo sư của họ có thể không phải là Đạo sư của ông. Một Đạo sư, về thể tánh, có thể là chung cho tất cả, nhưng lại rất khác biệt trong cách thể hiện. Đạo sư có thể làm ra vẻ giận dữ, tham lam, hoặc quá quan tâm đến ẩn xá, hay gia đình của ông ta – ông có thể ngộ nhận bởi những hình tướng bề ngoài đó, còn những người khác thì không.

H: Tôi không có quyền mong muốn sự toàn hảo toàn diện, cả trong lẫn ngoài?

M: Bên trong – được. Nhưng sự toàn hảo bên ngoài còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, tình trạng của thân xác, cá nhân và xã hội, và vô số những yếu tố khác.

H: Tôi được bảo là tìm một bậc giác ngộ để học nghệ thuật đi đến giác ngộ, nhưng ông lại cho rằng toàn thể cách khởi sự của tôi là sai lầm, tôi không thể nhận ra ai là bậc giác ngộ, và cũng không thể đạt được giác ngộ bằng những phương tiện thích hợp. Quả thật là rối rắm!

M: Đó là do hiểu biết hoàn toàn sai lầm của ông về thực tại. Tâm ông chìm đắm trong những thói quen đánh giá và thụ đắc, mà không nhận ra cái bất khả so sánh, cái bất khả đắc luôn luôn chờ sẵn trong tim ông để được nhận ra. Tất cả những gì ông cần làm là buông bỏ mọi ký ức và chờ mong. Chỉ cần đặt ông trong tình trạng sẵn sàng, không che đậy và không là gì cả.

H: Ai là người sẽ thực hiện sự buông bỏ?

M: Thượng đế sẽ làm chuyện đó. Hãy thấy được sự cần thiết phải buông bỏ. Đừng cưỡng lại, đừng bám víu lấy con người mà ông cho là ông. Vì tưởng tượng mình là con người, nên ông nghĩ người giác ngộ cũng là một con người, chỉ khác biệt đôi chút, như hiểu biết hơn và có quyền năng hơn. Ông có thể cho rằng người giác ngộ luôn luôn biết và hạnh phúc, nhưng những điều đó còn quá xa với sự thật. Đừng tin các định nghĩa và mô tả, chúng vô cùng sai lạc.

H: Nếu không được bảo cho biết phải làm gì và làm như thế nào thì tôi cảm thấy tuyệt vọng.

M: Bằng mọi cách hãy tuyệt vọng! Bao giờ ông còn cảm thấy có khả năng và tin tưởng thì thực tại còn ở ngoài tầm với. Nếu không chấp nhận phiêu lưu nội tâm là một lối sống, thì sự khám phá sẽ không bao giờ đến với ông.

H: Khám phá cái gì?

M: Trung tâm hiện hữu của chính ông – hoàn toàn vô phương hướng, ngoài mọi phương tiện và cứu cánh.

H: Là tất cả, biết tất cả, có tất cả?

M: Không là gì cả, không biết gì cả và không có gì cả. Đó là cuộc sống duy nhất đáng sống, hạnh phúc duy nhất đáng có.

H: Phải nhìn nhận là mục đích ở ngoài sự hiểu biết của tôi. Ít ra hãy cho tôi biết con đường.

M: Ông phải tìm ra con đường của chính ông. Nếu ông không tự tìm ra nó thì nó không phải là con đường của chính ông, và chẳng đưa ông đến đâu. Hãy thành khẩn sống cái chân lý của ông như ông đã tìm ra nó – hành động theo cái ít mà ông đã hiểu. Chính lòng thành khẩn sẽ đưa ông vượt qua, chứ không phải sự khôn khéo của ông, hay của người khác.

H: Tôi sợ phạm sai lầm. Tôi đã thử rất nhiều nhưng chẳng thấy kết quả nào.

M: Ông cống hiến cho chính mình quá ít, ông chỉ tò mò chứ không thành khẩn.

H: Tôi không biết gì hơn nữa.

M: Ít ra là ông biết như thế. Biết những kinh nghiệm của ông là nông cạn, đừng gán cho chúng một giá trị nào, mà hãy quên ngay khi kinh nghiệm qua đi. Sống một cuộc sống trong sạch và vô vị kỷ, chỉ thế thôi.

H: Đạo đức quan trọng đến thế sao?

M: Đừng lừa dối, đừng gây đau khổ - là không quan trọng hay sao? Trên tất cả, ông cần sự an lạc nội tâm, muốn thế thì phải có sự hòa hợp giữa bên trong và bên ngoài. Làm những gì mà ông tin tưởng, và tin tưởng những gì mà ông làm. Ngoài ra chỉ uổng phí công sức và thời gian.

***

97. Tâm và thế giới không tách biệt

Hỏi: Tôi thấy trong căn phòng này của ông có nhiều hình ảnh của các bậc thánh nhân, và được biết họ là các tổ sư của ông. Các bậc ấy là những ai, và tất cả đã bắt đầu như thế nào?

Maharaj: Chúng ta được gọi chung là *Navnath* – "Chín Vị Chân Sư". Theo truyền thuyết, sơ tổ là *Rishi Dattatreya*, tức hiện thân vĩ đại của Ba Vị *Brahma*, *Vishnu* và *Shiva*. "Chín Vị Chân Sư" đều là thần thoại.

H: Tính cách đặc thù về giáo pháp của họ là gì?

M: Sự đơn giản, về lý thuyết lẫn thực hành.

H: Làm sao một người trở thành Chân sư – *Navnath*? Bằng sự khai tâm hay kế thừa?

M: Không phải vậy. Truyền thống "Chín Vị Chân Sư" – *Navnath Parampara* – như một giòng sông chảy vào đại dương của thực tại, bất cứ ai nhập lưu đều được cuốn theo.

H: Điều đó hàm ý là phải được sự chấp thuận của một Đạo sư còn sống, cùng truyền thống?

M: Những ai thực hành pháp *Sadhana* đặt tâm vào cái "Ta hiện hữu" thường cảm thấy có liên hệ với những người đã hành theo pháp này và thành công. Họ có thể quyết định ngôn từ hóa mối quan hệ đồng môn bằng cách gọi nhau là *Navnath*. Điều này làm cho họ cảm thấy hoan hỉ thuộc về cùng một truyền thống.

H: Họ có được lợi lạc gì trong sự lập môn như thế không?

M: Cùng với thời gian, *Satsang*, hay còn gọi là "chư hiền thánh" ngày càng đông.

H: Có phải bằng cách đó họ mới nắm giữ được một nguồn năng lực và ân đức, nếu không thì họ bị ngăn lại?

M: Năng lực và ân đức dành cho tất cả, và cho những ai cầu xin. Cho mình một cái tên riêng biệt nào đó chẳng giúp được gì. Có gọi ông bằng bất cứ danh xưng nào thì cũng thế; nhưng nếu ông biết chính ông một cách mãnh liệt thì mọi chướng ngại chồng chất ngăn che sự hiểu biết chính mình chắc chắn sẽ bị quét sạch.

H: Nếu tôi thích những gì ông chỉ giáo, và chấp nhận sự hướng dẫn của ông, liệu tôi có thể tự nhận là một *Navnath*?

M: Cứ làm vừa ý cái tâm lệ thuộc vào ngôn từ của ông! Một danh xưng chẳng thay đổi được ông. Tốt lắm thì nó nhắc nhở ông phải hành xử cho tương xứng. Có sự truyền thừa từ Đạo sư xuống môn đồ, rồi đến lượt môn đồ chỉ giáo các môn đồ khác, như thế môn phái được lưu truyền. Tuy nhiên sự tiếp tục của truyền thống thì không theo nghi thức và hoàn toàn tự ý. Cũng giống như tên họ (*family name*) của một người, nhưng ở đây là họ tâm linh.

H: Có cần phải giác ngộ để gia nhập *Sampradaya*?

M: *Navnath Sampradaya* là một truyền thống, một cách chỉ giáo và tu tập. Nó không hàm ý một giai tầng của ý thức. Nếu ông chấp nhận một *Navnath Sampradaya* làm Đạo sư của ông thì có nghĩa ông đã gia nhập *Sampradaya* của vị đó. Thường thì ông nhận được một biểu hiện ân đức của vị Đạo sư như một cái nhìn, một sự đụng chạm, hoặc một tiếng nào đó. Có khi là một giấc mơ rất sống động, hay một sự tưởng nhớ rất mãnh liệt. Có khi dấu hiệu của ân đức chỉ là sự thay đổi quan trọng và nhanh chóng về cá tính và thái độ.

H: Tôi biết ông vài năm nay và tôi vẫn gặp ông đều đặn. Ý nghĩ về ông không bao giờ xa rời tâm tôi. Điều đó có khiến tôi thuộc về *Sampradaya* của ông không?

M: Sự tùy thuộc của ông là vấn đề thuộc cảm nhận và tin tưởng của riêng ông. Xét cho cùng tất cả chỉ là ngôn từ và hình thức. Trong thực tại không có Đạo sư hay môn đồ, không có thuyết giáo hay thực hành, không có vô minh hay giác ngộ. Tất cả đều tùy thuộc cái mà ông cho ông là. Hãy biết ông một cách đúng thật. Không gì có thể thay thế sự biết rõ chính mình.

H: Căn cứ vào bằng chứng nào mà tôi biết chính tôi một cách đúng thật?

M: Ông chẳng cần đến bằng chứng. Kinh nghiệm về giác ngộ chính mình là có một không hai, và không thể lầm lẫn được. Nó hốt nhiên bừng nở trong ông khi các chướng ngại được loại bỏ đến một mức độ nào đó. Nó cũng giống như tiếng kêu của một sợi dây thừng bị sờn và sắp đứt. Những gì ông làm chỉ là gia cố các tao thừng. Sợi thừng chắc chắn sẽ đứt – dù có thể bị trì hoãn nhưng không thể ngăn chặn.

H: Tôi cảm thấy bối rối về thái độ phủ nhận tương quan nhân quả của ông. Điều đó có nghĩa là không ai chịu trách nhiệm về hiện tình của thế

giới?

M: Ý tưởng về trách nhiệm chỉ ở trong tâm ông. Ông cho rằng phải có một cái gì đó hoặc một ai đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về tất cả những gì xảy ra. Có một sự mâu thuẫn giữa một vũ trụ phức tạp và một nguyên nhân duy nhất. Hoặc cái này, hoặc cái kia chắc chắn là không đúng. Hoặc cả hai. Theo như Ta thấy thì tất cả đều là chiêm bao giữa ban ngày. Không hề có thực thể trong các ý tưởng. Thực tế là nếu không có ông thì cả vũ trụ lẫn nguyên nhân của nó đã không thể hình thành.

H: Tôi vẫn không thể phân biệt rằng tôi là tạo vật của vũ trụ hay vũ trụ là tạo vật của tôi.

M: "Ta hiện hữu" là một thực tế thường tại, còn "Ta được tạo ra" chỉ là một ý tưởng. Không có Thượng đế nào hay vũ trụ nào đến bảo ông rằng họ đã tạo ra ông. Cái tâm bị ám ảnh với ý tưởng nhân quả nên tưởng tượng ra sự tạo dựng, rồi thắc mắc "Ai là người tạo dựng?" Chính tâm là người tạo dựng. Thậm chí điều đó cũng không đúng, vì cái được tạo dựng và người tạo ra nó là một. Tâm và thế giới không hề tách biệt. Nên hiểu rằng những gì ông cho là thế giới lại chính là tâm ông.

H: Có một thế giới nào siêu vượt tâm, hoặc ở ngoài tâm?

M: Tất cả không gian và thời gian đều ở trong tâm. Ông tìm kiếm một thế giới siêu vượt tâm ở đâu? Tâm có nhiều giai tầng và mỗi giai tầng phóng chiếu ra phiên bản của riêng nó, nhưng tất cả đều ở trong tâm và được tâm tạo ra.

H: Thái độ của ông về tội lỗi như thế nào? Ông nhìn một kẻ có tội, kẻ đã phạm pháp, bên trong hoặc bên ngoài như thế nào? Ông muốn kẻ đó thay đổi hay ông chỉ thương hại? Hay, ông không đếm xỉa đến kẻ đó vì những tội lỗi của hắn gây ra?

M: Ta không hề biết đến tội hay kẻ có tội. Sự phân biệt và quy định giá trị của ông không ràng buộc được Ta. Mỗi người hành sử theo bản chất riêng của mình. Không thể giúp gì được, mà cũng chẳng cần phải ân hận.

H: Nhưng người khác chịu đau khổ.

M: Sự sống này sống bằng sự sống khác. Trong thiên nhiên tiến trình này là bắt buộc, nhưng trong xã hội thì nó phải là tự nguyện. Không thể có sự sống mà không có sự hy sinh. Kẻ có tội từ chối hy sinh và mời gọi cái chết. Điều này như thế vì nó là như thế, và không có lý do để lên án hay thương hại.

H: Ít ra thì ông cũng động từ tâm khi thấy một kẻ đắm chìm trong tội lỗi.

M: Có. Ta cảm thấy Ta là người đó và tội lỗi của người đó là tội lỗi của Ta.

H: Vâng, và tiếp đến là gì?

M: Vì Ta trở nên một với người đó nên người đó trở nên một với Ta. Đây không phải là một tiến trình hữu thức, nó hoàn toàn tự xảy ra. Không ai có thể ngăn cản được. Cái cần thay đổi thì bằng cách này hay cách khác sẽ thay đổi; biết rõ chính mình như mình là - ở đây và bây giờ - là đủ. Tìm hiểu tâm mình một cách mãnh liệt và có phương pháp chính là *Yoga*.

H: Thế còn những xiềng xích của định mệnh do tội lỗi gây ra?

M: Khi vô minh – mẹ của định mệnh – tan biến, thì định mệnh – sự cưỡng bách tái phạm tội – chấm dứt.

H: Phải có sự đền tội.

M: Cùng với sự chấm dứt vô minh, tất cả đều chấm dứt. Mọi thứ sẽ được thấy như chính chúng là, và chúng là tốt lành.

H: Nếu một kẻ có tội, một kẻ phạm pháp, đến gặp ông và cầu xin ân đức, phản ứng của ông thế nào?

M: Người đó sẽ nhận được cái mà người đó cầu xin.

H: Dù người đó là một kẻ xấu?

M: Ta không biết người xấu, Ta chỉ biết chính Ta. Ta không thấy thánh nhân hay tội nhân mà chỉ có chúng sinh. Ta không hề ban phát ân đức. Bất cứ gì Ta có thể cho hay từ chối thì ông đều có cùng như thế. Hãy biết rõ sự giầu có của ông và tận dụng nó. Bao giờ còn tưởng tượng phải cần đến ân đức của Ta thì ông còn đến cửa nhà Ta để cầu xin ân đức.

Nếu Ta cầu xin ân đức của ông thì có vẻ vô lý. Nhưng thật ra chúng ta không tách biệt, cái thật thì chung.

H: Một bà mẹ có chuyện đau khổ đến gặp ông. Đứa con trai duy nhất của bà ta nghiện ngập ma túy và sa đà trong tình dục, từ xấu xa trở nên tệ hại. Bà Ta cầu xin ân đức của ông. Ông sẽ phản ứng như thế nào?

M: Có lẽ Ta sẽ nghe Ta bảo bà ấy là mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.

H: Chỉ thế thôi?

M: Thế thôi. Ông còn mong gì hơn nữa?

H: Nhưng liệu đứa con của bà Ta có thay đổi?

M: Có thể có mà cũng có thể không?

H: Những người thân cận với ông, và những người biết ông nhiều năm đều bảo rằng khi ông nói "mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp" thì chắc chắn mọi chuyện sẽ xảy ra đúng như ông nói.

M: Ông cũng có thể cho rằng tấm lòng của bà mẹ đã cứu đứa con. Sự việc nào cũng có vô số nguyên nhân.

H: Tôi nghe nói rằng người không muốn gì cho riêng mình thì có vô số quyền năng. Cả vũ trụ thuộc quyền sử dụng của người ấy.

M: Nếu tin như thế thì ông hãy thử xem. Từ bỏ tất cả tham ái và vận dụng tất cả năng lực có được từ sự gạt bỏ đó để thay đổi thế giới!

H: Ngay cả chư Phật và các *Rishi* cũng chưa hề thành công trong việc thay đổi thế giới.

M: Thế giới không chịu khuất phục trước thay đổi. Bản chất của thế giới thì đầy đau khổ và vô thường. Thấy được thế giới như chính nó là thì ông sẽ thoát khỏi mọi tham ái và lo sợ. Khi không câu thúc và ràng buộc được ông thì thế giới trở thành cõi giới của sự vui sướng và cái đẹp. Ông chỉ có thể hạnh phúc trong thế giới khi nào ông không còn bị thế giới ràng buộc.

H: Cái gì là đúng và cái gì là sai?

M: Nói chung, cái gì gây đau khổ là sai, và cái gì loại trừ được đau khổ là đúng. Thân và tâm đều hữu hạn, do đó thường xuyên bị đe dọa; vì thân và tâm cần được bảo vệ nên lo sợ khởi sinh. Bao giờ còn đồng hóa ông với thân tâm thì chắc chắn ông còn đau khổ; nhận ra sự bất tùy thuộc của ông đối với thân, tâm thì ông luôn luôn hạnh phúc. Ta cho ông biết, **đây là bí quyết của hạnh phúc:** Tin rằng ông tùy thuộc vào vật hay người khác để có hạnh phúc là do vô minh về bản tánh chơn thật của ông; biết được ông không cần gì để hạnh phúc, ngoại trừ sự biết rõ chính mình – là trí tuệ.

H: Cái gì có trước, hiện hữu hay tham ái?

M: Cùng với hiện hữu sinh khởi trong ý thức, những ý tưởng về cái ông là, cũng như cái ông phải là – sinh khởi trong tâm ông. Điều này đưa đến tham ái và hành động, và tiến trình *trở thành* bắt đầu. Như thế, rõ ràng là tiến trình trở thành không có sự bắt đầu hay kết thúc, vì nó có thể bắt đầu trở lại vào bất cứ lúc nào. Với sự chấm dứt của tưởng tượng và tham ái, tiến trình trở thành dừng lại, và hiện hữu như thế này hay hiện hữu như thế kia hội nhập vào hiện hữu thuần túy là trạng thái không thể diễn tả, mà chỉ có thể chứng nghiệm.

Đối với ông thế giới vô cùng thật, vì ông luôn luôn suy nghĩ về nó; chấm dứt suy nghĩ về nó thì nó sẽ tan biến như một màn sương mỏng. Ông

không cần phải quên; khi tham ái và lo sợ chấm dứt thì ràng buộc cũng không còn. Chính sự xen vào của cảm xúc – tức là những tình huống của ưa thích và không thích mà chúng ta gọi là cá tính và tính tình – tạo ra ràng buộc.

H: Nếu không còn tham ái và lo sợ thì cái gì là động cơ của hành động?

M: Chẳng có gì là động cơ của hành động, trừ khi ông cho rằng tình yêu cuộc sống, tình yêu lẽ công bằng, tình yêu cái đẹp đủ là động cơ của hành động.

Đừng sợ tự do thoát ra khỏi tham ái và lo sợ. Chính nhờ sự tự do đó ông mới có thể sống một cuộc đời khác hẳn với tất cả những gì ông biết, ông sẽ sống một cuộc sống thật sung mãn và đầy lý thú, và, đúng thế: Bằng cách mất đi tất cả ông có tất cả.

H: Vì ông bảo Đạo tổ của ông là Đấng *Rishi Dattatreya*, nếu chúng tôi tin rằng ông và các tiên sư đều là tái hiện thân của Đấng *Rishi* thì có đúng không?

M: Ông có thể tin bất cứ gì ông thích, và nếu hành động theo sự tin tưởng của ông thì ông sẽ nhận được kết quả của nó, nhưng đối với Ta điều đó không quan trọng. Ta là cái Ta là và đối với Ta điều này đã quá đủ. Ta không hề mong muốn đồng hóa chính Ta với bất cứ ai, dù có vinh quang đến đâu. Mà Ta cũng không cảm thấy cần thiết cho thần thoại là thực tại. Ta chỉ quan tâm đến vô minh và thoát khỏi vô minh. Vai trò đúng đắn của một Đạo sư là xóa tan vô minh trong trái tim và tâm thức của môn đồ. Một khi đã hiểu, thì hành động để xác minh thuộc về chính người môn đồ. Không ai có thể hành động cho người khác. Nếu người môn đồ không hành động đúng, thì điều đó có nghĩa là người môn đồ chưa hiểu, và công việc của Đạo sư chưa hoàn tất.

H: Chắc chắn phải có những trường hợp vô vọng.

M: Chẳng có trường hợp nào là vô vọng. Chướng ngại đều có thể vượt qua. Những gì mà cuộc đời không thể cải sửa thì cái chết sẽ kết thúc, nhưng Đạo sư thì không thể thất bại.

H: Cái gì khiến ông quả quyết như thế?

M: Đạo sư và thực tại bên trong người môn đồ thật ra chỉ là một và cùng hành động cho một mục đích – cứu độ và cứu vớt tâm. Họ không thể thất bại. Từ chính những tảng đá gây chướng ngại, họ xây các cây cầu. Ý thức không phải là toàn thể của hiện hữu – có những bình diện khác mà ở đó con

người hợp tác hơn rất nhiều. Vị Đạo sư quen thuộc với đủ mọi bình diện; năng lượng và kiên nhẫn của Đạo sư thì vô tận.

H: Ông luôn luôn bảo rằng tôi đang chiêm bao và đã đến lúc tôi phải tỉnh thức. Làm sao điều đó có thể xảy ra khi ông đã nhiều lần đến với tôi trong các giấc chiêm bao của tôi, nhưng không thành công trong việc làm cho tôi tỉnh thức? Ông không ngừng thúc giục và nhắc nhở, nhưng giấc chiêm bao vẫn tiếp tục.

M: Đó là vì ông chưa thật sự hiểu được ông đang chiêm bao. Lẫn lộn giữa cái thật và cái không thật là gốc rễ của ràng buộc. Trong trạng thái hiện nay của ông chỉ ý thức "Ta hiện hữu" liên quan đến thực tại, còn "Ta là gì" và "Ta là thế nào" đều là những ảo tưởng được áp đặt bởi định mệnh, hay tình cờ.

H: Giấc chiêm bao đã bắt đầu vào lúc nào?

M: Nó có vẻ như không có sự bắt đầu, nhưng thật ra nó chỉ là bây giờ. Ông làm cho giấc chiêm bao đổi mới từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác. Một khi thấy được mình đang chiêm bao thì ông tỉnh thức. Nhưng ông không thấy, vì ông muốn giấc chiêm bao tiếp tục. Rồi sẽ đến một ngày ông ao ước sự kết thúc của giấc chiêm bao – với tất cả trái tim và tâm thức của ông, và ông sẵn sàng trả bằng mọi giá. Cái giá mà ông sẽ trả là: Thản nhiên và xa lìa, không còn quan tâm đến chính giấc chiêm bao.

H: Tôi thật không biết xoay sở ra sao. Chừng nào giấc chiêm bao của sự tồn tại còn kéo dài thì tôi còn muốn nó tiếp tục. Và chừng nào tôi còn muốn nó tiếp tục thì nó còn kéo dài.

M: Không muốn nó tiếp tục không phải là không được. Chỉ cần thấy biết rõ ràng sự điều kiện hóa của ông, chính sự thấy biết rõ ràng sẽ giải thoát ông.

H: Khi ở gần ông, tất cả những gì ông nói đều rất rõ ràng, nhưng ngay khi xa rời ông thì tôi lại bất an và lo lắng.

M: Ông không cần phải xa lìa Ta, ít ra là trong tâm ông. Nhưng tâm ông còn mải mê với sự an nguy của thế giới!

H: Thế giới đầy những rắc rối, chẳng trách được vì sao tâm tôi đầy phiền não.

M: Liệu thế giới có bao giờ không rắc rối? Sự hiện hữu của ông trong tương trạng một con người tùy thuộc vào bạo lực đối với người khác. Ngay chính thân ông cũng là một chiến trường, đầy những chết chóc và hấp hối. Tồn tại bao hàm bạo lực.

H: Là một thân xác thì đúng. Là một con người thì chắc chắn là không. Đối với nhân loại, bất bạo lực là quy luật của sự sống và bạo lực là quy luật của cái chết.

M: Ông có nhận thấy rằng bao giờ còn có cái Ta để bảo vệ thì ông còn phải dùng đến bạo lực?

H: Tôi biết. Để thật sự là con người, tôi phải mất đi cái Ta. Chừng nào còn vị kỷ tôi mới chỉ gần là người (*sub-man*), một sinh vật có nhân dạng.

M: Như thế, tất cả chúng ta mới gần là người, và chỉ rất ít là người. Ít hay nhiều, một lần nữa, chỉ có "sự thấy biết rõ ràng và lòng từ ái" mới làm cho chúng ta là con người. Những sinh vật gần như người – những sinh vật có nhân dạng – bị khống chế bởi *Tamas* và *Rajas*, còn con người thì bởi *Sattva*. Sự thấy biết rõ ràng và lòng từ ái là *Sattva* vì nó ảnh hưởng đến tâm thức và hành động. Nhưng cái thật thì ở ngoài *Sattva*. Từ khi biết ông, ông có vẻ như luôn luôn tìm cách cứu giúp thế giới. Tính đến nay ông đã giúp được bao nhiêu?

H: Chẳng được gì. Không những thế giới đã không thay đổi, mà cả tôi cũng không. Thế giới vẫn đau khổ và tôi cũng đau khổ với thế giới. Cưỡng chống lại đau khổ là phản ứng tự nhiên. Văn minh, văn hóa, triết học và tôn giáo là gì, nếu không phải là sự nổi loạn chống lại đau khổ? Thế xấu xa và chấm dứt sự xấu xa không phải là mối ưu tư cứu cánh của ông hay sao? Nếu ông gọi đó là vô minh – thì cũng thế.

M: Hừ, ngôn từ thì chẳng quan trọng, mà ông mang hình tướng gì bây giờ cũng chẳng quan trọng. Danh xưng và hình tướng thay đổi không ngừng. Biết được chính ông là nhân chứng bất biến của một cái tâm luôn thay đổi. Thế là đủ.

***

98. Thoát khỏi sự đồng hóa chính mình

Maharaj: Ông ngồi trên nền nhà được chứ? Ông cần gối lót không? Ông có điều gì muốn hỏi. Nếu không hỏi, ông có thể giữ im lặng. Hiện hữu, chỉ hiện hữu là quan trọng. Ông không cần hỏi, hay làm gì. Tiêu dao thời gian một cách lười biếng hiển nhiên như kiểu này rất được coi trọng ở Ấn Độ. Điều đó có nghĩa là ông hiện không bị ám ảnh bởi "cái gì kế tiếp". Khi ông không vội vã, và tâm không còn lo lắng thì nó trở nên an tịnh, và trong sự im lặng một cái gì đó có thể được nghe, mà thường thì quá tinh vi và vi tế để có thể nhận thức được. Tâm phải rộng mở và tĩnh lặng để nghe.

Điều chúng ta đang tìm cách làm ở đây là đặt tâm vào trạng thái đúng để hiểu cái gì là thật.

H: Chúng tôi buông bỏ mọi lo lắng bằng cách nào?

M: Ông chẳng cần bận tâm đến những lo lắng của ông. Chỉ *hiện hữu*. Đừng cố tìm cách tĩnh lặng; đừng biến "giữ im lặng" thành một công việc để thực hiện. Đừng nôn nóng để "giữ im lặng", và cũng đừng khổ sở để "được hạnh phúc". Chỉ biết rõ là ông hiện hữu và duy trì trạng thái đó. Đừng bảo: "Được rồi, Ta hiện hữu, kế tiếp là gì?" Trong cái "Ta hiện hữu" không có gì kế tiếp. Đó là một trạng thái phi thời.

H: Nếu nó là một trạng thái phi thời thì bằng cách này hay cách khác nó sẽ tự khẳng định.

M: Ông là cái ông là, bất kể thời gian, nhưng liệu có ích gì cho ông nếu ông không biết điều đó và không theo đó để hành động? Bình bát của ông có thể là bằng vàng ròng, nhưng nếu không biết điều đó, ông vẫn là kẻ xin ăn. Ông phải biết giá trị nội tại của ông, tin tưởng giá trị đó, và thể hiện nó trong sự buông bỏ tham ái và lo sợ hàng ngày.

H: Nếu tôi biết chính tôi, liệu tôi sẽ không còn tham ái và lo sợ?

M: Dù cho ông đã có cái nhìn mới nhưng những thói quen của tâm sẽ còn lảng vảng một thời gian, thói quen mong chờ cái biết quá khứ, lo sợ cái không biết tương lai. Bao giờ ông còn có đủ mọi ý tưởng về chính ông thì ông chỉ biết ông qua lớp màn mỏng đan dệt bằng những ý tưởng đó. Để biết chính ông như ông là, ông phải buông bỏ tất cả mọi ý tưởng. Ông không thể nghĩ tưởng ra mùi vị của nước nguyên chất mà chỉ có thể biết được nước nguyên chất bằng cách loại bỏ tất cả mùi vị ra khỏi nước.

Bao giờ còn mải mê với lối sống hiện tại của ông thì ông không thể buông bỏ nó. Sự phát hiện không thể xảy ra chừng nào ông còn bám víu vào cái quen thuộc. Chỉ khi nào nhận ra trọn vẹn nỗi đau khổ vô biên của cuộc đời và nổi loạn chống lại nó thì lúc đó lối thoát mới được tìm ra.

H: Bây giờ tôi có thể thấy được bí mật của cuộc sống vĩnh cửu là ở trong bao chiều này của sự tồn tại, mà Ấn Độ luôn luôn là người canh giữ.

M: Đó là sự bí mật công khai và luôn luôn có người sẵn lòng và sẵn sàng chia sẻ. Đạo sư thì rất nhiều, nhưng môn đồ gan dạ thì chẳng có bao nhiêu.

H: Tôi rất sẵn sàng học hỏi.

M: Học từ chương thì chưa đủ. Ông có thể biết lý thuyết, nhưng nếu không đích thân chứng nghiệm chính ông như một trung tâm của sự hiện

hữu phi nhân cách và tuyệt đối, của tình yêu và cực lạc, thì kiến thức từ chương chỉ là vô ích.

H: Vậy tôi phải làm gì?

M: Tìm cách hiện hữu, chỉ hiện hữu. Từ ngữ quan trọng hơn cả là "tìm cách". Mỗi ngày dành thời gian tĩnh tọa, và tìm cách, chỉ tìm cách, vượt ra ngoài tính cách con người với những tập nhiễm và ám ảnh của nó. Đừng hỏi bằng cách nào vì không thể giải thích được. Ông chỉ tiếp tục tìm cách cho đến khi thành công. Nếu kiên trì thì không thể thất bại. Điều quan trọng tối hậu là sự chân thành và lòng thành khẩn. Chắc chắn ông đã chán ngấy làm con người mà ông là, bây giờ đã đến lúc ông thấy được sự cần thiết cấp bách phải thoát khỏi sự đồng hóa chính mình với một mớ ký ức và thói quen. Thái độ kiên quyết chống lại những cái không cần thiết đó là bí quyết để thành công.

Xét cho cùng, ông là cái ông hiện hữu trong từng khoảnh khắc của đời ông, nhưng ông không bao giờ biết điều đó, ngoại trừ, có lẽ, chỉ vào lúc ông vừa mới ngủ dậy. Tất cả những gì ông cần là biết rõ sự hiện hữu, không phải như một phát biểu bằng ngôn từ, mà là một thực tế thường tại. Biết được ông *hiện hữu* sẽ cho ông thấy cái ông *là*. Tất cả rất đơn giản. Trước tiên, tạo ra một sự tiếp xúc thường xuyên với chính ông, luôn luôn ở với chính ông. Tất cả phước báu đều tuôn chảy vào sự biết rõ chính mình. Bắt đầu bằng cách là một trung tâm quan sát, nhận thức chủ định, rồi triển khai thành một trung tâm của tình yêu trong hành động. "Ta hiện hữu" là một hạt giống nhỏ bé nhưng sẽ phát triển thành một đại thụ là điều rất tự nhiên mà không có dấu vết nào của sự cố gắng.

H: Tôi thấy trong tôi có nhiều xấu xa. Tôi không cần phải thay đổi hay sao?

M: Xấu xa chỉ là cái bóng của sự mất tỉnh thức. Trong ánh sáng của sự tỉnh thức, nó sẽ héo tàn và rơi rụng.

Mọi tùy thuộc vào người khác đều vô ích, vì cái gì người khác có thể cho thì người khác có thể lấy đi. Chỉ cái gì là của ông vào lúc đầu mới là của ông vào lúc cuối. Không chấp nhận bất cứ hướng dẫn nào, ngoại trừ từ bên trong, và, đến lúc đó ông còn phải từ bỏ tất cả ký ức vì chính ký ức sẽ lừa dối ông. Dù cho ông không biết gì về cách thức và phương tiện thì cứ vẫn giữ im lặng và nhìn vào trong; sự chỉ dẫn chắc chắn sẽ đến. Ông không bao giờ bị bỏ rơi và không biết bước kế tiếp sẽ là gì. Vấn đề là ông có thể trốn tránh bước kế tiếp. Đạo sư luôn luôn có đó để cho ông can đảm qua

kinh nghiệm và thành công của chính Đạo sư. Nhưng chỉ những gì ông tìm ra bằng chính sự tỉnh thức của ông, bằng nỗ lực của chính ông thì mới vĩnh viễn thuộc quyền sử dụng của ông.

Nên nhớ rằng, không gì ông có thể nhận thức được lại là của chính ông. Không có gì đến với ông từ bên ngoài là giá trị; chỉ có sự nhận thức và hiểu biết của chính ông mới quan trọng và mang tính khám phá. Ngôn từ, dù nghe hay đọc, chỉ tạo ra những hình ảnh trong tâm, nhưng ông không phải là một hình ảnh của tâm. Ông là khả năng nhận thức và hành động ở đằng sau và bên ngoài hình ảnh.

H: Có vẻ như ông khuyên tôi hướng ngã đến độ vị kỷ. Thậm chí tôi không được quan tâm đến người khác hay sao?

M: Sự quan tâm đến người khác của ông mới là vị kỷ, tự tư tự lợi và hướng ngã. Ông chẳng hề quan tâm đến người khác vì họ là những con người mà chỉ vì họ làm cho hình ảnh ông có về chính ông thêm phong phú và cao thượng. Và điều chủ yếu trong sự vị kỷ là chỉ quan tâm đến sự bảo vệ, bảo tồn thân tướng của mình và làm cho thân tướng đó ngày càng sinh sôi nảy nở. Ta muốn nói thân tướng là tất cả những gì liên quan đến danh xưng và hình tướng của ông – gia đình, bộ tộc, đất nước và chủng tộc của ông. Ràng buộc với danh xưng và hình tướng của riêng mình là vị kỷ. Người nào biết mình không phải là thân hay tâm thì không thể nào vị kỷ, vì người đó không có gì để vị kỷ. Hoặc, ông có thể cho rằng người đó "vị kỷ" nhân danh bất cứ ai người đó gặp, vì sự an sinh của mọi người là chính sự an sinh của người đó. Nhận thức "Ta là thế giới, thế giới là chính Ta" trở nên rất tự nhiên, và, một khi nhận thức được như thế thì không thể nào vị kỷ. Vị kỷ có nghĩa là thèm muốn, chiếm hữu, tích lũy, nhân danh một phần đối với toàn thể.

H: Một người có thể có rất nhiều của cải do thừa kế, hay hôn nhân, hoặc do may mắn.

M: Nhưng nếu không giữ thật chắc thì người khác sẽ chiếm đoạt của ông.

H: Trong trạng thái hiện nay của ông, ông có thể yêu thương người khác như một con người?

M: Ta là tha nhân, tha nhân là chính Ta; tha nhân và Ta khác nhau về danh xưng và hình tướng, nhưng không có sự tách biệt. Ở tại cội nguồn của hiện hữu, chúng ta là một.

H: Thế không phải đó là như thế khi có tình yêu giữa con người?

M: Đó là như thế, nhưng con người không biết điều đó. Họ cảm nhận được sự thu hút, nhưng không biết được lý do.

H: Vì sao tình yêu lại có tính cách chọn lựa như thế?

M: Tình yêu không lựa chọn, tham ái mới lựa chọn. Trong tình yêu không có người lạ. Khi tâm điểm của lòng vị kỷ không còn nữa, mọi ham muốn lạc thú và sợ hãi đau khổ chấm dứt thì một người không còn bận tâm đến hạnh phúc; bên ngoài hạnh phúc là sự xúc cảm mãnh liệt thuần túy, là năng lượng vô tận, là trạng thái tuyệt vời chảy ra từ một cội nguồn vĩnh cửu.

H: Thế không phải tôi bắt đầu bằng cách giải quyết vấn đề về cái đúng và cái sai cho chính tôi?

M: Cái gì vui thích thì người ta cho là tốt, và cái gì đem lại đau khổ thì được cho là xấu.

H: Đúng, với những người bình thường như chúng tôi thì như thế. Còn với ông – trong cảnh giới bất nhị - thì thế nào? Theo ông, cái gì là tốt và cái gì là xấu?

M: Cái gia tăng đau khổ là xấu và cái giải trừ đau khổ là tốt.

H: Như vậy ông phủ nhận đau khổ là tốt lành. Có nhiều tôn giáo cho đau khổ là tốt lành và cao thượng.

M: Nghiệp, hay định mệnh, chỉ là sự thể hiện của một quy luật đem lại lợi ích: Xu hướng của vũ trụ thiên về sự quân bình, hài hòa và hợp nhất. Bất cứ lúc nào, bất cứ gì xảy ra bây giờ, là đều cho sự tốt lành nhất. Sự việc xảy ra có vẻ như đầy đau đớn và xấu xa như một nỗi khốn khổ đầy cay đắng và vô nghĩa, nhưng nếu xét đến cả quá khứ lẫn tương lai thì đó vẫn là cho sự tốt lành nhất – như con đường duy nhất thoát ra khỏi một tình huống đầy tai họa.

H: Có phải một người chỉ chịu đau khổ vì những tội lỗi của mình gây ra?

M: Một người đau khổ cùng với cái mà người đó nghĩ mình là. Nếu ông cảm thấy mình là một với nhân loại thì ông đau khổ cùng với nhân loại.

H: Ông tự nhận mình là một với vũ trụ, như thế sự đau khổ của ông không có giới hạn nào trong thời gian và không gian!

M: **Hiện hữu là đau khổ**. Phạm vi nhận dạng chính mình của Ta càng hẹp, thì sự đau khổ do tham ái và lo sợ gây ra càng sâu sắc.

H: Giáo lý Cơ đốc chấp nhận đau khổ như là sự thanh tẩy và làm cho con người trở nên cao thượng, trong khi Ấn giáo nhìn đau khổ bằng con

mắt ghê tởm.

M: Cơ đốc giáo là một cách sắp xếp ngôn từ, và Ấn giáo lại là một cách khác. Cái chơn thật ở đằng sau và bên ngoài ngôn từ, không thể truyền đạt được, chỉ có thể chứng nghiệm trực tiếp, và hệ quả của nó bùng nổ trên tâm. Nếu không còn vọng cầu bất cứ gì khác thì có thể có nó một cách dễ dàng. Cái không thật do tưởng tượng tạo ra và được duy trì bởi tham ái.

H: Không thể có đau khổ nào là cần thiết và tốt lành?

M: Đau khổ tình cờ hay ngẫu nhiên thì bất khả tránh và nhất thời; còn đau khổ do cố ý, cam chịu – cho dù với chủ đích tốt lành nhất – thì vô nghĩa và tàn ác.

H: Ông không trừng phạt tội ác?

M: Trừng phạt chỉ là một tội ác khác được hợp pháp hóa. Nếu xã hội được xây dựng trên sự ngăn ngừa, thay vì trừng phạt thì có ít tội ác hơn; ngoại trừ một vài trường hợp cần được trị liệu bằng y khoa, như rối loạn thân tâm.

H: Ông có vẻ như không cần đến tôn giáo?

M: Tôn giáo là gì? Một đám mây trên trời. Ta sống trên trời, Ta không sống trong mây – tức là vô số ngôn từ được ghép lại với nhau. Bỏ đi những cái dài giòng thì cái gì còn lại? Chân lý còn lại. Ngôi nhà của Ta ở trong cái bất biến – nó có vẻ như trạng thái thương xuyên hòa hợp và hợp nhất của những cái đối nghịch. Người ta đến đây để học về cách sống đích thực trong trạng thái như thế, về những trở ngại đối với sự thể hiện của trạng thái đó, và, một khi đã nhận thức được, người ta biết cách an định nó trong ý thức, như thế sẽ không có sự va chạm giữa hiểu và sống. Tự thân trạng thái đó ở ngoài tâm và không cần phải được học. Tâm chỉ có thể chú ý đến các chướng ngại; thấy chướng ngại là chướng ngại – là đủ, vì tâm hành sử dựa vào tâm. Khởi sự bằng cách bắt đầu: Chú ý đên thực tế ông *hiện hữu*. Không lúc nào ông có thể nói "Ta không hiện hữu", mà ông chỉ có thể nói "Ta không nhớ". Ông biết rõ trí nhớ thì không đáng tin cậy. Phải nhìn nhận rằng vì mải mê với những vấn đề nhỏ nhen của con người nên ông quên mất cái mà ông là; cố lấy lại ký ức đã mất bằng cách loại bỏ tất cả những gì đã biết. Trong khi làm như thế ông không được biết trước cái gì sẽ xảy ra, hay cái xảy ra có đáng mong cầu hay không; mọi ước đoán chỉ tạo ra ảo tưởng. Trong sự tìm kiếm nội tại, sự bất ngờ là tất yếu; cái được phát hiện chắc chắn ở ngoài mọi tưởng tượng. Cũng như một đứa bé còn trong bụng mẹ không thể biết cuộc đời sau khi được sinh ra, vì nó không có bất cứ gì

trong tâm để hình thành một bức tranh có giá trị, thì tâm cũng không thể dựa trên cái hư giả để nghĩ ra cái thật, ngoại trừ bằng cách phủ định: "Không phải cái này, không phải cái kia". Nhận cái không thật là thật chính là chướng ngại, thấy cái giả là giả và loại bỏ cái giả là đem thực tại vào hiện hữu. Những trạng thái như vô cùng trong sáng, tình yêu bao la, hoàn toàn vô úy – lúc này chỉ là ngôn từ được tô thêm mầu sắc – và chỉ có thể được xem như là những gợi ý. Ông cũng giống như một người mù hy vọng được nhìn thấy sau cuộc giải phẫu mắt – với điều kiện là ông không được trốn tránh cuộc giải phẫu! Trạng thái của Ta qua ngôn từ thì hoàn toàn không quan trọng, và cả sự lệ thuộc vào ngôn từ cũng thế. Chỉ thực tế mới quan trọng.

H: Không thể có tôn giáo nếu không có ngôn từ.

M: Tất cả tôn giáo văn tự chỉ là một đống chữ nghĩa dông dài. Tôn giáo thể hiện bộ mặt thật trong hành động, trong hành động thầm lặng. Muốn biết đức tin của một người thì chỉ cần nhìn vào hành động của người đó. Đối với hầu hết mọi người, phục vụ cho thân, tâm là tôn giáo của họ. Có thể họ có những ý tưởng về tôn giáo, nhưng họ không hành động theo những ý tưởng đó mà chỉ đùa giỡn với chúng. Người ta thường rất yêu thích những ý tưởng về tôn giáo, nhưng hành động tôn giáo thì không.

H: Ngôn từ rất cần thiết cho sự truyền đạt.

M: Trao đổi thông tin – đúng. Nhưng truyền đạt thật sự giữa con người thì vô ngôn. Để thành lập và duy trì quan hệ thì phải có sự thấy biết một cách trìu mến thể hiện trong hành động trực tiếp. Không phải những gì ông nói mà những gì ông làm mới quan trọng. Ngôn từ được tâm đặt ra và chỉ có ý nghĩa trên bình diện của tâm. Từ ngữ "bánh mì" ông không thể ăn mà cũng không thể sống bằng nó; nó chỉ chuyên chở một ý tưởng. "Bánh mì" chỉ có ý nghĩa khi nào có hành động ăn thực sự. Cũng như thế, Trạng thái Bình Thường (*Normal State*) mà Ta nói với ông không phải là ngôn từ, những gì mà các từ ngữ này chuyên chở thì rất ít; chỉ khi nào thân chứng, ông mới thấy được sự viên mãn và cái đẹp của nó.

Sự hữu ích của ngôn từ thì giới hạn, nhưng chúng ta không đặt ra giới hạn nào cho ngôn từ, và, vì thế chúng ta đưa chính mình đến bờ tai họa. Những ý tưởng cao cả của chúng ta phải được quân bình tương xứng bằng những hành động cao cả. Chúng ta nói về Thượng đế, Chân lý và Tình yêu, nhưng thay vì thân chứng chúng ta chỉ có các định nghĩa. Thay vì đào sâu,

khơi rộng hành động thì chúng ta chỉ ghi khắc các định nghĩa, và tưởng tượng rằng chúng ta biết được cái chúng ta có thể định nghĩa!

H: Nếu không dùng ngôn từ, làm sao một người có thể truyền đạt kinh nghiệm?

M: Ngôn từ không thể truyền đạt được kinh nghiệm. Kinh nghiệm đi cùng với hành động. Một người xúc cảm mãnh liệt trong kinh nghiệm sẽ phát sinh tin tưởng và can đảm. Người khác cũng có thể hành động và đạt được kinh nghiệm từ hành động. Ngôn giáo có sự hữu ích riêng, nó chuẩn bị cho tâm xả bỏ những huân tập khỏi chính nó.

Một người đạt đến sự trưởng thành về tâm khi nhận thức được rằng tất cả những gì ở bên ngoài đều không có giá trị, và trái tim sẵn sàng buông bỏ tất cả. Lúc đó cái thật mới có cơ hội và nắm lấy. Mọi trì hoãn, nếu có, là do tâm không sẵn sàng muốn thấy, hay buông bỏ.

H: Chúng ta hoàn toàn cô độc đến thế sao?

M: Ồ không, chúng ta không cô độc đâu. Những ai có đều có thể cho. Và không thiếu người cho như thế. Tự thân thế giới là một vật cho tối thượng, được duy trì bởi sự hy sinh đầy yêu thương. Nhưng người nhận xứng đáng, trí tuệ và khiêm tốn, thì chẳng có bao nhiêu. "Hãy xin và ông sẽ được" là quy luật muôn đời.

Ông học được vô số chữ nghĩa, ông nói ra không biết bao ngôn từ. Ông biết đủ mọi thứ, nhưng ông không biết chính ông. Cái Ta không thể được biết qua ngôn từ - chỉ sự thấy biết rõ ràng qua thân chứng mới phát hiện được cái Ta. Nhìn vào trong và tìm kiếm bên trong.

H: Loại bỏ ngôn từ là điều vô cùng khó khăn. Đời sống tâm thức của con người là một giòng liên tục những ngôn từ.

M: Vấn đề không phải là dễ hay khó. Ông không có giải pháp thay thế nào khác. Hoặc là ông thử, hoặc là không. Tùy ông.

H: Tôi đã thử rất nhiều lần nhưng đều thất bại.

M: Thử nữa. Nếu ông tiếp tục thử, một cái gì đó sẽ xảy ra. Nếu không tìm cách thì ông chịu bế tắc. Hoặc là ông biết tất cả những ngôn từ đúng, viện dẫn kinh điển, xuất sắc trong tranh luận, nhưng vẫn chỉ là một cái túi đựng xương. Hoặc là ông chỉ là một người rất tầm thường, kín đáo và khiêm tốn, nhưng sáng rực với hảo tâm từ ái và trí tuệ thâm sâu.

***

99. Cái được nhận thức không thể là người nhận thức

Hỏi: Tôi hiện đi khắp nơi, tìm hiểu nhiều môn phái Yoga khác nhau để thực hành, nhưng đến nay vẫn không thể quyết định môn phái nào thích hợp nhất cho tôi. Tôi rất biết ơn nếu được ông chỉ bảo một lời khuyên đúng đắn. Kết quả của sự tìm kiếm này làm tôi ngao ngán ý tưởng đi tìm chân lý, vì theo tôi nó vừa không cần thiết vừa rắc rối. Cuộc sống thú vị như nó là, và tôi thấy không có lý do gì để làm cho nó tốt đẹp hơn.

Maharaj: Cứ tự nhiên ở trong trạng thái hài lòng của ông, nhưng liệu được bao lâu. Tuổi trẻ, sinh lực, tiền của đều trôi qua nhanh hơn ông tưởng. Đau khổ - cho đến nay vẫn được tránh né – sẽ đuổi theo ông. Nếu muốn vượt lên khỏi đau khổ ông phải đón tiếp nó và ôm ấp nó. Từ bỏ mọi thói quen và sự lệ thuộc, sống một cuộc sống bình dị và điều độ, đừng gây đau khổ cho một sinh vật nào – đó là nền tảng của *Yoga*. Muốn tìm thấy thực tại ông phải thành thật trong từng hành vi nhỏ nhặt nhất của đời sống thường ngày. Không thể nào có dối trá trong việc đi tìm chân lý. Ông nói cuộc đời ông thật thú vị. Có thể là thế - như lúc này. Nhưng ai là người thọ dụng nó?

H: Thú thật là tôi không biết người thọ dụng lẫn cái được thọ dụng. Tôi chỉ biết sự thọ dụng.

M: Rất đúng. Nhưng thọ dụng là một trạng thái của tâm – nó đến rồi đi. Chính tính cách vô thường của nó làm cho nó có thể nhận thức được. Ông không thể ý thức về cái không thay đổi. Tất cả ý thức là ý thức về sự thay đổi. Nhưng chính nhận thức về sự thay đổi – không phải nó cần phải có một hậu cảnh bất biến?

H: Hoàn toàn không. Ký ức về trạng thái trước đó – được so sánh với hiện thực của trạng thái hiện tại tạo ra kinh nghiệm về sự thay đổi.

M: Giữa cái được nhớ và hiện thực có một khác biệt căn bản, có thể quan sát được từ lúc này sang lúc khác. Không vào bất cứ thời điểm nào, hiện thực lại là cái được nhớ. Giữa hiện thực và cái được nhớ có sự khác biệt về tính chất, không phải chỉ đơn thuần về cường độ. Hiện thực thì hiển nhiên là như thế. Ông không thể hoán chuyển hiện thực với cái được ghi nhớ bằng bất cứ cố gắng nào của ý chí hay tưởng tượng. Thế nào, cái gì ban cho hiện thực đặc tính độc nhất vô nhị này?

H: Hiện thực thì thật, trong khi có rất nhiều bất định về cái được nhớ.

M: Đúng thế, nhưng tại sao? Mới khoảnh khắc trước đây cái được nhớ là hiện thực, và chỉ trong khoảnh khắc hiện thực sẽ là cái được nhớ. Cái gì làm cho hiện thực là độc nhất vô nhị? Chính ý thức về sự có mặt của ông. Trong ký ức và mong đợi có một nhận thức rất rõ rằng đó là một trạng thái

của tâm đang được quan sát, còn trong hiện thực nhận thức trước tiên là: Có mặt và biết.

H: Vâng, tôi thấy điều đó. Chính sự biết tạo ra khác biệt giữa hiện thực và cái được ghi nhớ. Một người nghĩ về quá khứ hay nghĩ đến tương lai, nhưng có mặt trong cái *bây giờ*.

M: Dù đi đến bất cứ đâu, ông luôn luôn đem theo ý thức ở đây và bây giờ. Điều này có nghĩa là ông không tùy thuộc vào không gian và thời gian, hay nói cách khác thời gian và không gian ở trong ông – ông không ở trong thời gian và không gian. Chính sự đồng hóa cái Ta của ông với thân xác – dĩ nhiên, là cái giới hạn trong không gian và thời gian – tạo cho ông cái cảm giác hữu hạn. Trong thực tế, ông là vô hạn và vĩnh cửu.

H: Làm sao tôi biết được cái Ta vô hạn và vĩnh cửu này của tôi?

M: Cái Ta mà ông muốn biết đó, có phải là một cái Ta thứ hai nào đó chăng? Ông được tạo thành bởi nhiều cái Ta? Rõ ràng, chỉ có một cái Ta, và ông là cái Ta đó. Cái Ta mà ông *là* là cái Ta duy nhất có. Tháo gỡ và từ bỏ tất cả những ý tưởng sai lầm ông có về chính ông thì cái Ta hiển hiện, với tất cả vẻ huy hoàng của nó. Chính tâm ông ngăn che sự thấy biết chính ông.

H: Làm sao đoạn trừ tâm? Liệu có thể có cuộc sống không tâm trên bình diện con người?

M: Không hề có cái như tâm. Chỉ có các ý nghĩ mà một số là sai lầm. Từ bỏ những ý nghĩ sai lầm, vì chúng là hư giả và ngăn che cái nhìn của ông về chính ông.

H: Ý nghĩ nào là đúng và ý nghĩ nào là sai?

M: Khẳng định thì thường sai lầm, còn phủ định thì đúng.

H: Một người không thể sống bằng cách phủ định tất cả!

M: Chỉ bằng cách phủ định một người mới có thể sống. Khẳng định là ràng buộc. Nghi vấn và phủ định là cần thiết. Nó chính là điều kiện quan yếu của sự nổi loạn, và nếu không nổi loạn thì không có tự do.

Không hề có cái Ta thứ hai, hay cái Ta siêu việt nào để tìm kiếm. Ông là cái Ta siêu việt, chỉ cần từ bỏ tất cả những ý nghĩ sai lầm ông có về chính ông. Cả sự tin tưởng lẫn lý trí đều cho ông thấy rằng ông không phải là thân, hay những tham ái và lo sợ của thân. Mà ông cũng chẳng phải là tâm với những ý tưởng hoang đường của tâm, hay ông là cái vai trò mà xã hội bắt ông phải đóng, con người ông bị đòi hỏi phải là. Loại trừ cái hư giả, cái chơn thật sẽ tự đến.

Ông nói ông muốn biết cái Ta của ông. Ông là cái Ta của ông – ông không thể là bất cứ gì khác ngoại trừ cái mà ông là. Liệu biết có tách biệt với hiện hữu? Bất cứ gì ông có thể biết bằng tâm của ông đều thuộc về tâm, mà không thuộc về ông. Ông chỉ có thể nói về ông như: "Ta hiện hữu, Ta biết, Ta thích điều đó".

H: Tôi nhận thấy sống là một trạng thái đầy đau khổ.

M: Ông không thể sống vì ông là chính sự sống. Chính con người mà ông tưởng tượng là ông đau khổ, chứ không phải ông. Hãy làm cho con người đó biến mất trong sự tỉnh thức. Con người chỉ là một mớ ký ức và thói quen. Giữa sự thấy biết về cái không thật và sự thấy biết về bản tánh chơn thật của ông là một hố thẳm, nhưng một khi quán triệt diệu thuật của sự thấy biết thuần túy ông vẫn có thể vượt qua dễ dàng.

H: Tôi chỉ biết là tôi không biết chính tôi.

M: Làm sao ông biết là ông không biết chính cái Ta của ông? Sự sáng suốt trực tiếp của ông cho ông biết rằng ông biết chính ông trước tiên, vì không có gì tồn tại đối với ông nếu không có ông ở đó để kinh nghiệm sự tồn tại của nó. Ông tưởng tượng ông không biết cái Ta của ông, vì ông không thể mô tả cái Ta của ông. Ông luôn luôn có thể nói: "Ta biết Ta hiện hữu", và bác bỏ phát biểu "Ta không hiện hữu" vì không đúng. Tuy nhiên, bất cứ gì có thể mô tả được đều không phải là cái Ta của ông, và cái mà ông là thì không thể mô tả được. Ông chỉ có thể biết cái Ta của ông bằng cách *là* chính ông mà không có bất cứ cố gắng nào nhằm định nghĩa chính mình và mô tả chính mình. Một khi hiểu được ông không là gì có thể nhận thức được hay có thể tưởng tượng được, bất cứ gì xuất hiện trong phạm trù ý thức đều không thể là cái Ta của ông – thì ông sẽ dùng chính ông để loại trừ mọi sự đồng hóa chính mình như là một phương cách duy nhất khả dĩ đưa ông đến sự nhận thức sâu sắc hơn về cái Ta của ông. Ông tiến tới một cách đơn giản bằng sự tống ra – như một hỏa tiễn. Biết được ông không ở trong thân hay trong tâm, mặc dù ông biết rõ cả hai, đã là biết rõ chính mình.

H: Nếu tôi không phải là thân hay tâm, làm sao tôi biết cả hai? Làm sao tôi có thể nhận thức một cái gì đó hoàn toàn xa lạ với chính tôi?

M: "Không có gì là ta" là bước đầu tiên. "Mọi thứ đều là ta" là bước kế tiếp. Cả hai đều treo trên ý tưởng: "Có một thế giới". Khi cả ý tưởng này cũng bị loại bỏ thì còn lại cái mà ông là: cái Ta phi đối đãi. Ông là *nó* ngay

đây và bây giờ, nhưng sự thấy biết của ông bị ngăn che bởi những ý tưởng sai lầm về chính cái Ta của ông.

H: Đúng. Tôi nhìn nhận rằng tôi hiện hữu, tôi đã hiện hữu, và tôi sẽ hiện hữu – ít ra là từ lúc sinh ra cho đến khi chết. Tôi không hoài nghi về sự hiện hữu của tôi, ngay đây và bây giờ. Nhưng tôi thấy vẫn chưa đủ. Cuộc đời tôi vắng thiếu an vui phát sinh từ sự hài hòa giữa bên trong và bên ngoài. Nếu chỉ có tôi hiện hữu, còn thế giới đơn thuần là phóng ảnh của tôi thì tại sao lại có sự bất tương hợp?

M: Chính ông tạo ra sự bất tương hợp rồi kêu ca! Khi ông tham ái, lo sợ, và đồng hóa chính ông với cảm thọ của ông tức là ông tạo ra đau khổ và ràng buộc. Khi ông sáng tạo – với tình yêu và trí tuệ - và vẫn không bị trói buộc vào những gì ông tạo ra thì kết quả là hài hòa và an lạc. Nhưng dù điều kiện của tâm có thế nào, thì làm sao nó có thể tác động được ông? Chỉ có sự đồng hóa chính ông với tâm ông mới làm cho ông vui mừng hay đau khổ. Nổi loạn chống lại sự lệ thuộc của ông vào tâm, thấy được những ràng buộc của ông là do ông tạo ra, rồi bẽ gẫy những mắt xích của sự ràng buộc và giải thoát. Luôn giữ trong tâm cứu cánh tự do cho đến khi nó bừng nở trong ông thì lúc đó ông đã hoàn toàn tự do. Tự do đó không phải một cái gì trong tương lai xa xôi khiến ông phải trần lao tìm kiếm, mà nó lúc nào cũng là của ông để ông sử dụng! Giải thoát không phải là một sự thụ đắc mà là một thái độ can đảm, can đảm tin rằng ông đã tự do, và hãy hành động dựa trên sự tin tưởng đó.

H: Nếu cứ hành động theo ý tôi thì tôi sẽ đau khổ.

M: Ấy thế mà ông tự do. Hậu quả của các hành động ông làm tùy thuộc vào xã hội mà trong đó ông sống, cùng với những quy ước của nó.

H: Tôi có thể hành động thiếu thận trọng.

M: Cùng với lòng can đảm sẽ xuất hiện trí tuệ và từ bi, cùng kỹ năng trong hành động. Ông sẽ biết phải làm gì, và bất cứ gì ông làm đều lợi lạc cho tất cả.

H: Tôi nhận thấy nhiều phương diện của chính tôi xung đột lẫn nhau và trong tôi không hề có an lạc. Tự do và can đảm, trí tuệ và từ bi ở chỗ nào? Mọi hành động của tôi chỉ đào sâu thêm cái hố thẳm mà trong đó tôi tồn tại.

M: Ông cảm thấy như thế vì ông cho mình là một ai đó, hay một cái gì đó. Dừng lại, quan sát, tìm hiểu, và đặt những câu hỏi đúng, đi đến những kết luận đúng và can đảm hành động theo những kết luận đó rồi xem chuyện gì xảy ra. Những bước đầu tiên có thể làm cho ông hụt hẫng, nhưng

rồi sự rối loạn sẽ qua đi và an lạc xuất hiện. Ông biết rất nhiều về chính ông, còn người biết thì ông không biết. Tìm ra ông là ai – người biết của cái bị biết. Kiên trì quan sát bên trong, luôn luôn nhớ rằng những gì được nhận thức đều không phải là người nhận thức. Bất cứ gì ông thấy, nghe, hay nghĩ tưởng đến, thì nên nhớ rằng ông không phải cái đang xảy ra, mà ông là người biết nó xảy ra. Lặn sâu vào trong ý thức "Ta hiện hữu" và chắc chắn ông sẽ khám phá ra trung tâm nhận thức mang tính vũ trụ, tính vũ trụ ấy cũng như ánh sáng soi sáng thế giới. Tất cả những gì xảy ra trong vũ trụ đều xảy ra đối với ông – nhân chứng thầm lặng. Ngược lại, bất cứ gì được thực hiện đều được thực hiện bởi chính ông, nguồn năng lượng vũ trụ và vô tận.

H: Khi nghe nói mình là nhân chứng thầm lặng, là năng lượng vũ trụ thì hiển nhiên ai cũng phấn khởi. Nhưng làm sao từ một phát biểu mang tính ngôn từ một người có thể đạt được cái biết trực tiếp? Nghe suông không có nghĩa là biết.

M: Trước khi có thể biết một cái gì đó trực tiếp, không có sự can thiệp của ngôn từ thì ông phải biết người biết. Cho đến bây giờ ông vẫn xem tâm là người biết, nhưng thật ra không phải thế. Tâm làm cho ông u mê bằng những hình ảnh và ý nghĩ, để lại những vết hằn trong ký ức. Ông cho những gì được ghi nhớ là cái biết. Cái biết thực sự thì luôn luôn tươi, mới, và bất ngờ. Nó dâng trào từ bên trong. Khi ông *biết* cái ông *là* thì ông cũng *là* cái ông *biết*. Giữa biết và hiện hữu không hề có khoảng trống.

H: Tôi chỉ có thể biết tâm bằng tâm.

M: Bằng mọi cách, hãy dùng tâm ông để biết tâm ông. Điều đó hoàn toàn hợp lý và cũng là sự chuẩn bị tốt nhất để ra khỏi tâm. Hiện hữu, biết và hưởng dụng đều là của ông. Điều này rất dễ vì ý thức "Ta hiện hữu" luôn luôn ở với ông. Rồi gặp chính ông là người biết, tách biệt với cái bị biết. Một khi biết được chính ông là sự hiện hữu thuần túy thì niềm vui sướng tự do là của chính ông.

H: Đây là pháp môn *Yoga* gì?

M: Việc gì phải bận tâm? Lý do khiến ông đến đây là ông không bằng lòng với cuộc sống mà ông biết nó, cuộc sống của thân ông và tâm ông. Ông có thể tìm cách làm cho tâm và thân ông tốt đẹp hơn bằng cách điều ngự và uốn nắn chúng theo một lý tưởng nào đó, hoặc là ông cắt bỏ hoàn toàn **cái gút mắc của sự đồng hóa chính mình**, và quan sát thân và tâm

ông như là một cái gì đó đang xảy ra nhưng không có cách nào ràng buộc được ông.

H: Tôi có thể gọi con đường điều ngự và tu tập là *Raja Yoga*, con đường của sự thoát ly là *Gnana Yoga*, và sự tôn thờ một lý tưởng là *Bhakti Yoga*?

M: Ông muốn gọi cách gì thì túy ý. Ngôn từ chỉ là biểu thị nhưng không giải thích. Điều Ta chỉ giáo là phương cách giải thoát cổ đại và đơn giản nhất – thông qua sự hiểu biết. Hiểu rõ tâm ông thì sự bám víu của nó vào ông sẽ tuột ra. Tâm hiểu biết sai lầm, hiểu biết sai lầm chính là bản chất của tâm. Hiểu biết đúng là cách trị liệu duy nhất, dù ông gọi nó bằng bất cứ danh xưng gì. Đó là phương cách cổ điển nhất và cũng là hiện đại nhất, vì nó giải quyết tâm như chính tâm là.

Không gì ông làm sẽ thay đổi được ông, vì ông chẳng cần thay đổi. Ông có thể thay đổi thân, tâm ông, nhưng luôn luôn vẫn là cái gì đó bên ngoài ông thay đổi, chứ không phải ông. Việc gì phải bận tâm thay đổi? Chỉ cần nhận ra một lần và vĩnh viễn rằng không phải thân, hay tâm ông, mà thậm chí cũng không phải ý thức của ông là chính ông thì ông sẽ đứng riêng một mình trong bản tánh chơn thật của ông bên ngoài cả ý thức lẫn vô thức. Không một cố gắng nào – mà chỉ có sự hiểu biết rõ ràng – mới có thể đưa ông đến đó. Truy nguyên những hiểu biết sai lầm của ông và loại bỏ chúng, tất cả chỉ có thế. Chẳng có gì để kiếm và phát hiện, vì không có gì bị mất. Hãy an nhiên và quan sát cái "Ta hiện hữu". Giữ an tịnh, tĩnh lặng; thực tại sẽ nổi lên, hay đúng hơn là nó sẽ đem ông vào.

H: Thế không phải trước tiên tôi phải loại bỏ thân và tâm?

M: Ông không thể, vì ngay chính ý tưởng đó ràng buộc ông với thân và tâm. Chỉ cần hiểu và đừng chú ý đến chúng nữa.

H: Tôi không thể không chú ý vì tôi đã hợp nhất được đâu?

M: Cứ tưởng tượng ông đã hợp nhất trọn vẹn, ý nghĩ và hành động của ông hoàn toàn phối hợp. Điều đó sẽ giúp gì cho ông? Nó không giải thoát được ông ra khỏi sự nhận lầm chính ông là thân hay tâm. Mà nó giúp ông thấy một cách chính xác rằng tâm và thân "không phải ông". Chỉ thế thôi.

H: Ông muốn tôi nhớ để quên?

M: Phải, có vẻ là như thế. Nhưng không phải là không thể. Ông có thể làm được. Hãy bắt đầu một cách thành khẩn. Sự mò mẫm chập choạng của ông đầy hứa hẹn. Chính sự tìm kiếm của ông là sự khám phá. Ông không thể thất bại.

H: Vì chúng ta phân hóa nên mới đau khổ.

M: Chúng ta còn đau khổ khi nào ý nghĩ và hành động của chúng ta còn bị thôi thúc bởi tham ái và lo sợ. Thấy được sự vô ích của tham ái và lo sợ thì nguy hiểm và hỗn loạn mà chúng tạo ra sẽ lắng xuống. Đừng tìm cách thay đổi chính ông, chỉ cần thấy được sự vô ích của mọi thay đổi. Cái thay đổi vẫn tiếp tục thay đổi trong khi cái không thay đổi lúc nào cũng đợi chờ. Đừng mong đợi cái luôn luôn biến dịch đưa ông đến với cái bất biến – điều này không bao giờ xảy ra. Chỉ khi nào thấy được chính ý nghĩ về sự thay đổi là sai lầm và từ bỏ nó thì cái không thay đổi mới có thể xuất hiện ở đúng chỗ của nó.

H: Đi đến đâu ai cũng bảo tôi rằng tôi cần phải thay đổi thật sâu sắc trước khi có thể thấy cái chơn thật. Tiến trình thay đổi có chủ đích và áp đặt cho chính mình được gọi là *Yoga*.

M: Mọi thay đổi chỉ tác động được tâm. Muốn là cái ông là – ông phải vượt ra ngoài tâm để vào sự hiện hữu của chính ông. Cái tâm mà ông để lại phía sau là gì thì chẳng quan trọng, điều quan trọng là ông để lại nó phía sau vĩnh viễn. Điều này, một lần nữa, là bất khả nếu không có sự giác ngộ chính mình.

H: Cái gì xảy ra trước? Từ bỏ tâm, hay, giác ngộ chính mình?

M: Giác ngộ chính mình chắc chắn phải xảy ra trước. Tâm không thể tự vượt ra khỏi chính nó. Nó phải bùng nổ.

H: Không có sự khám phá trước khi có sự bùng nổ?

M: Năng lượng gây nổ phát ra từ cái chơn thật, nhưng ông phải chuẩn bị tâm sẵn sàng cho vụ nổ. Lo sợ luôn luôn trì hoãn nó cho đến khi một cơ hội khác xuất hiện.

H: Tôi cứ tưởng cơ hội luôn luôn có sẵn.

M: Trong lý thuyết thì đúng. Trong thực tế một tình huống phải xảy ra khi hội đủ tất cả các yếu tố cần thiết cho sự giác ngộ chính mình. Tuy nhiên, đừng nản chí. Sự an trú trong thực tế "Ta hiện hữu" sẽ tạo cho ông cơ hội khác. Vì, thái độ thu hút cơ hội. Tất cả những gì ông biết đều là gián tiếp. Chỉ "Ta hiện hữu" là trực tiếp và chẳng cần đến bằng chứng. Hãy ở với cái "Ta hiện hữu".

***

100. Hiểu đưa đến Tự do

Hỏi: Chuyên viên thẩm vấn ở nhiều nước trên thế giới đều có những thủ thuật buộc nạn nhân của họ thú tội, và nếu cần, họ có thể biến đổi cả nhân cách của người đó. Bằng những hành hạ thể xác cũng như tinh thần có tính

toán và chọn lựa, hoặc bằng sự thuyết phục họ có thể tiêu diệt nhân cách cũ của nạn nhân và thay thế bằng một nhân cách mới. Người bị thẩm vấn nghe đi nghe lại không biết bao nhiêu lần rằng hắn là kẻ thù của nhà nước, là tên phản bội tổ quốc, rồi đến một ngày nào đó trong hắn có sự thay đổi, rồi hắn bắt đầu cảm thấy – với tất cả sự tin tưởng – rằng mình là tên phản bội, là kẻ nổi loạn hoàn toàn đáng khinh, và đáng bị trừng trị thật khắt khe. Tiến trình này được gọi là tẩy não.

Tôi bàng hoàng khi nhận thấy nhiều phương pháp thực hành của các tôn giáo và *Yoga* rất giống với tiến trình tẩy não này. Cũng hành hạ thể xác và tinh thần, biệt cư trong cô độc, mặc cảm tội lỗi mãnh liệt, tuyệt vọng, và một ý muốn đào thoát bằng sự chuộc tội và hoán cải, chấp nhận một hình ảnh mới về chính mình và biến mình thành hình ảnh đó. Cũng sự lập lại một số công thức: "Thượng đế là đấng trọn lành; Đạo sư là người biết; Đức tin sẽ cứu rỗi ta". Trong cái gọi là tu tập *Yoga* hay tôn giáo, cùng một bộ máy tẩy não đó hoạt động. Tâm được làm cho tập trung vào một ý tưởng nhất định để loại trừ những ý tưởng khác, và sự tập trung được củng cố mãnh liệt bằng những kỷ luật nghiêm khắc và sự hành xác thật đau đớn. Người thực hành một phương pháp tu tập nào đó đã trả một cái giá rất cao bằng chính cuộc sống và hạnh phúc của mình, và để bù lại những gì người đó nhận được phải vô cùng quan trọng. Sự hoán cải được sắp đặt trước này – dù nói ra hay không nói ra, tôn giáo hay chính trị, đạo đức hay xã hội – có vẻ như thật và lâu bền, nhưng vẫn có một cái gì giả tạo trong đó.

Maharaj: Ông nói rất đúng. Trải qua những đối xử tàn nhẫn, tâm trở nên lệch lạc và bị tê liệt. Tình trạng của tâm trở nên rất nguy kịch, và dù tâm có cam kết một cái gì đi nữa thì kết quả cũng chỉ thêm ràng buộc.

H: Vậy các phương pháp tu tập – Sadhana – được đặt ra để làm gì?

M: Nếu không thực hiện những cố gắng phi thường thì không thể cho rằng cố gắng sẽ không đưa ông đến đâu. Cái Ta quá tin vào chính nó; nếu không làm cho nó hoàn toàn thối chí thì nó sẽ không bỏ cuộc. Tin tưởng suông bằng lời lẽ chưa đủ. Chỉ thực tế cụ thể mới cho thấy hình ảnh của chính mình là cái không tuyệt đối (*absolute nothingness*).

H: Tẩy não làm cho tôi điên loạn, còn Đạo sư làm cho tôi sáng ý. Hành vi thì tương tự nhưng động cơ và mục đích thì hoàn toàn khác. Những điểm tương đồng có lẽ chỉ là ngôn từ.

M: Khuyến khích, hay cưỡng bức phải chịu đau khổ hàm chứa bạo lực, và quả của bạo lực thì không thể nào ngọt.

Trong đời có những hoàn cảnh đau khổ hiển nhiên, nhưng ông vẫn phải chấp nhận một cách bình thản. Cũng có những tình huống do ông tạo ra, vì cố tình hay vô ý. Và ông học từ tình huống đó để sự tái diễn không xảy ra.

H: Hình như con người phải đau khổ, như thế chúng ta phải học cách khắc phục đau khổ.

M: Đau khổ cần phải được chịu đựng. Không hề có cái như là khắc phục đau khổ, và cũng chẳng cần phải luyện tập. Luyện tập là cho tương lai, rèn luyện thái độ là dấu hiệu của sợ hãi.

H: Khi biết cách đối diện đau khổ, tôi không còn đau khổ, không sợ đau khổ, và do đó tôi hạnh phúc. Điều này cũng xảy ra tương tự với một tù nhân. Tên tù chấp nhận hình phạt là công bằng và thích đáng, do đó hắn không chống lại bọn cai tù và Nhà nước. Tất cả các tôn giáo chẳng làm gì khác hơn ngoài việc rao giảng sự chấp nhận và quy thuận. Chúng tôi được khuyến khích nhận tội, chịu trách nhiệm về tất cả những xấu xa trên thế giới, và nhận chính mình là nguyên nhân duy nhất của những xấu xa đó. Vấn đề của tôi là: Tôi không thấy có gì khác biệt giữa tẩy não và tu tập – *Sadhana*, ngoại trừ một điều là trong *Sadhana* người ta không bị bức chế về thể xác. Tuy nhiên, yếu tố ám thị cưỡng bức vẫn có mặt trong cả hai.

M: Như ông đã nói, sự tương đồng chỉ là ở bề ngoài, thế thì cần gì phải nói đi nói lại về điều này?

H: Thưa ông, sự tương đồng không phải chỉ là ở bề ngoài. Con người là một sự hiện hữu phức tạp, cùng một lúc hắn vừa là người buộc tội, vừa là kẻ bị buộc tội, vừa là quan tòa, vừa là cai tù, và vừa là kẻ xử tội. Hầu như không có gì là tự nguyện trong pháp môn tự nguyện – *Sadhana*. Một người bị sai sử bởi những động lực ngoài sự hiểu biết và kiểm soát của chính mình. Bằng những cố gắng gian khổ và kéo dài, tôi có thể chuyển hóa đôi chút tâm lý và vật lý – và đó là *Yoga*. Tôi muốn biết ông có đồng ý với tôi rằng *Yoga* hàm ý bạo lực?

M: Ta đồng ý rằng *Yoga* – theo sự trình bày của ông – có nghĩa là bạo lực, và Ta không hề biện hộ cho bất cứ hình thức bạo lực nào. Con đường của Ta hoàn toàn bất bạo lực. Ta hàm ý chính xác điều Ta nói: Bất bạo lực. Hãy tìm ra cho chính ông xem đó là cái gì. Ta chỉ nói: Nó là bất bạo lực.

H: Tôi không dùng sai ngôn từ đâu. Khi một Đạo sư bảo tôi thiền quán mười sáu tiếng đồng hồ một ngày và suốt đời, thì tôi không thể làm như thế mà không cực kỳ thô bạo với chính tôi. Như thế Đạo sư đúng hay sai?

M: Không gì có thể buộc ông thiền quán mười sáu tiếng một ngày, trừ khi ông cảm thấy muốn làm như thế. Đó chỉ là một cách nói cho ông biết: "Hãy an trú với chính ông, đừng đánh mất ông trong những cái khác". Vị Đạo sư sẵn sàng chờ đợi, nhưng tâm thì không đủ kiên nhẫn.

Không phải vị Đạo sư, mà chính tâm thô bạo và sợ hãi sự thô bạo của chính nó. Cái gì thuộc về tâm thì tương đối; tìm cách biến nó thành cái tuyệt đối là một sai lầm.

H: Nếu tôi cứ thụ động thì chẳng có gì thay đổi. Nếu tôi năng động thì không thể tránh khỏi thô bạo. Liệu tôi có thể làm cái gì mà không vô ích mà cũng không thô bạo?

M: Dĩ nhiên, có một cách không vô ích mà cũng không thô bạo nhưng vô cùng hữu hiệu. Chỉ quan sát chính ông như ông là, thấy chính ông như ông là, chấp nhận chính ông như ông là, và đi sâu hơn vào cái ông là. Bạo lực hay bất bạo lực chỉ mô tả thái độ của ông với người khác; cái Ta trong tương quan với chính nó thì không bạo lực mà cũng chẳng bất bạo lực – hoặc là nó biết chính nó, hoặc là nó không biết chính nó. Nếu nó biết chính nó thì tất cả những gì nó làm đều đúng; nếu nó không biết chính nó thì tất cả những gì nó làm đều sai.

H: Ông bảo tôi biết chính tôi như tôi là, nghĩa là thế nào?

M: Trước khi có tâm thì đã có "Ta hiện hữu". "Ta hiện hữu" không phải là một ý nghĩ trong tâm. Tâm xảy ra đối với Ta, Ta không xảy ra đối với tâm. Thời gian và không gian ở trong tâm, còn Ta ở ngoài thời gian và không gian, thường hằng và hiện diện khắp nơi.

H: Ông nghiêm túc đấy chứ? Ông thật sự muốn nói rằng ông tồn tại khắp nơi và trong mọi lúc?

M: Phải, đúng thế. Đối với Ta điều đó hiển nhiên cũng như sự tự do di chuyển đối với ông. Thử tưởng tượng cái cây hỏi con khỉ: "Ông thật sự nghiêm túc khi nói rằng ông có thể di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác?" Và con khỉ trả lời: "Phải, đúng thế".

H: Và ông cũng ở ngoài mọi tương quan nhân quả? Ông có thể làm được phép lạ?

M: Tự thân thế giới là một phép lạ. Ta ở ngoài mọi phép lạ - Ta tuyệt đối bình thường. Đối với Ta mọi thứ xảy ra như chúng phải xảy ra. Ta không can thiệp bằng sự tạo tác. Những phép lạ cỏn con có ích lợi gì đối với Ta trong khi phép lạ vĩ đại nhất lúc nào cũng đang xảy ra? Đi sâu hơn nữa vào

trong chính ông, tìm kiếm bên trong, không hề có bạo lực hay bất bạo lực trong sự khám phá chính mình. Hủy diệt cái hư giả thì không phải bạo lực.

H: Khi thực hành sự tìm hiểu chính mình, hay đi vào bên trong, với ý nghĩ tôi sẽ được lợi lạc không bằng cách này thì cũng cách khác, như thế tôi vẫn chạy trốn cái tôi là.

M: Rất đúng. Sự tìm hiểu chơn thật bao giờ cũng vào trong một cái gì đó, chứ không phải ra khỏi một cái gì đó. Khi tìm hiểu làm sao để được, hay tránh một cái gì đó thì Ta không thật sự tìm hiểu. Muốn biết bất cứ gì, Ta phải chấp nhận nó – hoàn toàn.

H: Vâng, muốn biết Thượng đế tôi phải chấp nhận Thượng đế - khủng khiếp quá!

M: Trước khi chấp nhận Thượng đế, ông phải chấp nhận chính ông, điều đó còn khủng khiếp hơn nữa. Những bước đầu tiên trong sự chấp nhận chính mình thì chẳng thích thú chút nào, vì những gì ông thấy không phải là cảnh hạnh phúc. Ông cần tất cả can đảm để đi xa hơn. Giúp ông là sự im lặng. Hãy quan sát chính ông trong sự im lặng hoàn toàn, đừng tìm cách mô tả ông. Nhìn vào sự hiện hữu mà ông tin vào ông, và nhớ rằng những gì ông thấy đều không phải là ông. "Ta không là cái này – Ta là gì?" là hành vi tìm hiểu chính mình. Không có phương tiện nào khác để giải thoát, mọi phương tiện đều trì hoãn. Kiên quyết bác bỏ cái không phải là ông cho đến khi cái Ta thật hiện ra trong sự trống không tuyệt vời của nó, cái "vô nhất vật" – *not-a-thing* – của nó.

H: Thế giới trải qua những thay đổi nhanh chóng và quan trọng. Mặc dù thay đổi cũng xảy ra ở các nước khác nhưng có thể thấy rõ hơn ở Mỹ. Một mặt là sự gia tăng của tội ác, và một mặt là những sự thiêng liêng thật sự. Nhiều cộng đồng đang được thành lập, và một số có trình độ rất cao về hạnh liêm chính và khắc khổ. Có vẻ như cái ác đang tự hủy diệt bằng chính những thành tựu của nó, giống như ngọn lửa tiêu thụ nhiên liệu của nó, trong khi cái thiện – giống như sự sống – làm cho chính nó trường tồn.

M: Bao giờ còn phân chia sự kiện thành thiện và các thì có thể là ông đúng. Thật ra, cái thiện trở thành ác, và cái ác trở thành thiện bằng chính sự thỏa mãn nó.

H: Thế còn tình yêu?

M: Khi trở thành dục vọng thì tình yêu hủy diệt.

H: Dục vọng là gì?

M: Nhớ - tưởng tượng – mong chờ. Nó thuộc về cảm giác và ngôn từ. Một hình thức của sự mê đắm.

H: Có phải Brahmacharya – diệt dục – là tất yếu trong Yoga?

M: Sống trong kiềm chế và trấn áp thì không phải Yoga. Tâm phải hoàn toàn không còn tham ái và thanh thản. Điều đó đến với sự hiểu rõ, chứ không phải bằng sự quyết tâm, tức là một hình thức khác của ký ức. Một cái tâm hiểu thì không còn tham ái và lo sợ.

H: Tôi có thể làm cho tôi hiểu bằng cách nào?

M: Bằng cách thiền quán, có nghĩa là chú ý. Hoàn toàn biết rõ vấn đề của chính ông, quan sát từ mọi khía cạnh, xem nó tác động đến cuộc sống của ông như thế nào. Rồi mặc kệ nó. Ông không thể làm gì hơn được.

H: Liệu điều đó có giải thoát tôi?

M: Ông thoát khỏi những gì ông đã hiểu. Những thể hiện bề ngoài của tự do có thể cần đến thời gian để xuất hiện, nhưng chúng luôn luôn có đó. Đừng mong đợi sự toàn hảo. Không hề có toàn hảo trong sự thị hiện. Các chi tiết chắc chắn phải va chạm. Không một vấn đề nào có thể được giải quyết rốt ráo, nhưng ông có thể thoát ra khỏi nó, đến một bình diện mà ở đó nó không hoạt động.

***

101. Người giác ngộ không nắm bắt mà cũng không chấp thủ

Hỏi: Bậc giác ngộ - *Gnani* – hành động như thế nào khi cần thực hiện một điều gì đó? *Gnani* có lập kế hoạch, quyết định các chi tiết và cách thực hiện không?

Maharaj: *Gnani* hoàn toàn hiểu rõ một tình huống và biết ngay những gì cần phải làm. Tất cả chỉ có thế. Những gì còn lại tự xảy ra, mà hầu hết là vô thức. Sự đồng nhất của *Gnani* với tất cả những gì hiện hữu trọn vẹn đến độ *Gnani* đáp ứng với vũ trụ thế nào thì vũ trụ cũng đáp ứng với *Gnani* như thế. *Gnani* tin tưởng tuyệt đối rằng khi một tình huống được nhận thức thì các sự kiện sẽ đem lại sự đáp ứng tương xứng. Người thường chỉ quan tâm đến chuyện riêng tư, tính toán những rủi ro và cơ hội của mình, còn *Gnani* vẫn vô tư, và chắc chắn rằng mọi chuyện sẽ xảy ra như chúng phải xảy ra; và cái gì xảy ra chẳng quan trọng, vì tối hậu thì sự tái lập quân bình và hòa hợp là tất yếu. Trung tâm của vạn vật luôn luôn ổn định.

H: Tôi hiểu được tính cách con người là ảo tưởng, và sự xa lìa trong tỉnh thức nhưng không mất đi ý thức về chính mình là điểm chúng ta giao tiếp

với thực tại. Ông có thể cho biết ngay lúc này ông là một con người hay là một ý thức biết chính mình?

M: Ta là cả hai. Nhưng nếu không bằng ngôn từ được con người tạo ra, và bằng những gì không phải là Ta thì cái Ta thật không thể được mô tả. Tất cả những gì ông có thể nói về con người thì không phải cái Ta, và ông không thể nói gì về cái Ta mà lại không nói về con người như nó là, như nó có thể là, hoặc nó phải là. Tất cả các thuộc tính đều thuộc về con người. Cái thật ở ngoài mọi thuộc tính.

H: Có những lúc ông là cái Ta, và có những lúc ông là con người?

M: Làm sao có thể như thế? Con người là cái mà Ta xuất hiện đối với người khác. Đối với chính Ta, Ta là sự trải rộng vô biên của ý thức, trong đó vô số con người xuất hiện và biến mất trong chuỗi diễn tiến vô tận.

H: Vì sao con người, đối với ông là hư ảo, lại có vẻ là thật đối với chúng tôi?

M: Ông, tức cái Ta – cội nguồn của tất cả hiện hữu, ý thức và hỷ lạc – truyền thực tại cho bất cứ gì ông nhận thức. Sự trao truyền thực tại này luôn luôn xảy ra trong cái bây giờ, mà không vào bất cứ lúc nào khác, vì quá khứ và tương lai chỉ ở trong tâm. "Hiện hữu" chỉ áp dụng cho cái bây giờ.

H: Thế không phải vĩnh cửu cũng bất tận?

M: Mặc dù hữu hạn nhưng thời gian thì bất tận, vĩnh cửu ở trong khoảnh khắc của cái bây giờ. Chúng ta không thấy được nó vì tâm luôn luôn di chuyển như con thoi giữa quá khứ và tương lai. Tâm không chịu dừng lại để chú ý đến cái bây giờ. Nhưng nếu có một sự chú ý nào được gợi lên thì tâm có thể dừng lại tương đối dễ dàng.

H: Cái gì gợi sự chú ý?

M: Lòng thành khẩn, dấu hiệu của sự trưởng thành.

H: Và làm sao có sự trưởng thành?

M: Bằng cách giữ tâm minh mẫn và trong sạch, bằng cách sống cuộc sống của ông trong sự thấy biết trọn vẹn từng khoảnh khắc như nó xảy ra, bằng cách tìm hiểu và loại trừ tham ái và lo sợ ngay khi chúng sinh khởi.

H: Một sự tập trung như thế có thể được chăng?

M: Cứ thử xem. Từng bước một thì dễ dàng. Năng lực tuôn chảy từ sự thành khẩn.

H: Tôi nhận thấy mình chưa đủ thành khẩn.

M: Phản bội chính mình là một vấn đề nghiêm trọng. Nó làm tâm chết lần chết mòn như căn bệnh ung thư. Phương thức trị liệu là tư duy trong

sáng và ngay thẳng. Phải hiểu rằng ông đang sống trong một thế giới của những cái hư giả, hãy tìm hiểu những cái hư giả đó và phát hiện ra gốc rễ của chúng. Chính sự cố gắng làm như thế sẽ khiến ông thành khẩn, vì trong sự cố gắng chơn thật là an lạc.

H: Nó sẽ đưa tôi đến đâu?

M: Nó sẽ đưa ông đến đâu nếu không phải là sự toàn hảo của chính nó? Một khi đã an định trong cái bây giờ, ông chẳng còn chỗ nào khác để đi. Cái ông là thì phi thời, và ông thể hiện nó một cách vĩnh cửu.

H: Ông là một hay nhiều?

M: Ta là một nhưng xuất hiện như là nhiều.

H: Tại sao cái một lại xuất hiện?

M: Hiện hữu, và biết thì tốt lành.

H: Nhưng cuộc đời thì buồn thảm.

M: Vô minh gây ra đau khổ. Hạnh phúc theo liền sau hiểu.

H: Vì sao vô minh lại gây ra đau khổ?

M: Nó là căn nguyên của tham ái và lo sợ, là những trạng thái đau khổ và nguồn gốc của những sai lầm bất tận.

H: Tôi chứng kiến nhiều người được cho là đã giác ngộ nhưng vẫn cười, khóc. Không phải điều đó cho thấy họ vẫn chưa thoát ra khỏi tham ái và lo sợ?

M: Họ có thể cười, khóc tùy theo cảnh ngộ nhưng bên trong họ thản nhiên và trong sáng, vô tư quan sát những phản ứng tự sinh khởi của họ. Những biểu hiện bề ngoài thường gây ngộ nhận, và trường hợp của một người giác ngộ thì còn hơn thế.

H: Tôi không hiểu được ông.

M: Tâm không thể hiểu, vì tâm được huấn luyện để nắm bắt và chấp thủ, còn người giác ngộ thì không nắm bắt mà cũng không chấp thủ.

H: Cái gì là cái tôi giữ lại, còn ông thì không?

M: Ông là sản phẩm của ký ức; ít ra thì ông tưởng tượng chính ông là như thế. Ta hoàn toàn không do tưởng tượng mà có. Ta là cái Ta là, không thể đồng hóa Ta với bất cứ trạng thái vật lý hay tâm lý nào.

H: Một tai nạn có thể làm mất đi tính tự tại của ông.

M: Sự thật lạ lùng là nó không thể mất đi. Trước sự ngạc nhiên của Ta, Ta vẫn là như Ta là – thấy biết thuần túy và tỉnh thức đối với tất cả những gì xảy ra.

H: Ngay cả vào lúc lâm tử?

M: Thân xác chết đi có là gì đối với Ta?

H: Thế ông không cần nó để giao tiếp với thế giới?

M: Ta không cần đến thế giới, mà Ta cũng không ở trong thế giới. Thế giới mà ông nghĩ tưởng đến - ở trong tâm ông. Ta có thể thấy nó qua mắt ông và tâm ông, nhưng Ta hoàn toàn biết rõ rằng đó chỉ là một phóng ảnh của ký ức; nó chỉ được thực tại giao tiếp tại điểm thấy biết – chỉ có thể là ngay bây giờ.

H: Có vẻ như sự khác biệt duy nhất giữa ông và tôi là trong lúc tôi cho rằng tôi không biết cái Ta thật của tôi, thì ông lại quả quyết rằng ông biết cái Ta của ông rất rõ. Liệu còn có sự khác biệt nào nữa giữa ông và tôi?

M: Không hề có sự khác biệt nào giữa ông và Ta; mà Ta cũng không thể nói rằng Ta biết chính Ta. Ta biết rằng không thể nào mô tả được Ta hay định nghĩa được Ta. Bên ngoài mọi tầm với xa nhất của tâm có một cảnh giới bao la, và cảnh giới đó là nhà Ta, là chính Ta. Và cảnh giới bao la đó cũng còn là tình yêu.

H: Ông thấy tình yêu ở khắp nơi còn tôi chỉ thấy hận thù và đau khổ. Lịch sử của nhân loại là lịch sử của tàn sát, cá nhân lẫn tập thể. Không sinh vật nào khác lại thích thú chém giết hơn con người.

M: Nếu truy tìm các nguyên do, ông sẽ tìm thấy tình yêu, tình yêu chính mình và của riêng mình. Con người gây chiến với nhau vì cái mà họ tưởng tượng là họ yêu quý.

H: Chắc chắn tình yêu của họ phải đủ chơn thật thì họ mới sẵn sàng chết cho tình yêu đó.

M: Tình yêu thì vô giới hạn. Cái gì chỉ giới hạn cho một số ít thì không thể được gọi là tình yêu.

H: Ông biết tình yêu vô giới hạn đó?

M: Có, Ta biết.

H: Nó cảm thấy như thế nào?

M: Tất cả đều được yêu và đáng yêu. Không loại trừ bất cứ gì.

H: Ngay cả đối với những kẻ xấu xa và tội phạm?

M: Tất cả đều ở trong ý thức của Ta; tất cả là của Ta. Phân chia chính mình thành thích và không thích là hành động điên rồ. Ta ở ngoài cả hai. Nhưng Ta không hề xa lạ.

H: Ở ngoài thích và không thích là trạng thái thờ ơ.

M: Thoạt tiên thì có vẻ là như thế. Kiên trì ở trong trạng thái thờ ơ đó, rồi nó sẽ bừng nở thành tình yêu thâm nhập tất cả và trùm khắp tất cả.

H: Có những lúc tôi cảm thấy như thế khi tâm trở thành một đóa hoa và một ngọn lửa, nhưng chúng không tồn tại lâu và cuộc đời lại trở về với sự xám ngắt thường ngày.

M: Vô thường là quy luật trong thế giới của cái cụ thể. Không thể kinh nghiệm được cái thường hằng vì nó vô giới hạn. Ý thức bao hàm những sự luân phiên, thay đổi tiếp nối thay đổi; khi một sự kiện hay một trạng thái chấm dứt thì một cái khác bắt đầu. Cái không có giới hạn thì không thể được kinh nghiệm theo ý nghĩa thông thường của từ ngữ. Một người chỉ có thể *là* nó, dù không hề hay biết, và một người có thể biết nhưng cái đó lại không phải là nó. Chắc chắn không phải toàn thể nội dung của ý thức luôn luôn động.

H: Nếu cái tịnh không thể biết được, thế thì nhận ra nó có mục đích gì, và ý nghĩa gì?

M: Nhận ra cái tịnh có nghĩa là trở thành cái tịnh. Và mục đích là sự tốt đẹp cho tất cả chúng sinh.

H: Sống là chuyển động. Bất động là chết. Chết có ích lợi gì cho sống?

M: Ta nói về cái tịnh, không phải cái bất động. Ông trở nên tịnh trong sự ngay thẳng. Ông trở thành một quyền năng làm cho tất cả ổn định. Điều đó có thể hàm ý hoặc không hàm ý một hoạt động mãnh liệt bên ngoài, nhưng tâm vẫn ở trong một trạng thái sâu lắng và tĩnh lặng.

H: Khi quan sát tâm, tôi thấy nó luôn luôn thay đổi; trạng thái này tiếp nối trạng thái khác, muôn mầu muôn vẻ, còn ông thì hầu như miên viễn ở trong cùng một trạng thái an lạc.

M: Các trạng thái đều xảy ra trong tâm và không quan trọng. Đi vào trong, vượt ra ngoài. Đừng tiếp tục để nội dung của ý thức mê hoặc. Khi đạt đến những tầng lớp sâu kín của sự hiện hữu chơn thật, ông sẽ nhận ra vở tuồng trên bề mặt của tâm chẳng ảnh hưởng đến ông bao nhiêu.

H: Nhưng là vở tuồng thì vẫn thế!

M: Một cái tâm tĩnh lặng không phải là một cái tâm chết.

H: Ý thức luôn luôn chuyển động – nó là một thực tế có thể quan sát được. Ý thức tịnh là một mâu thuẫn. Khi ông nói về một cái tâm tĩnh lặng, đó là cái tâm gì? Thế không phải tâm cũng là ý thức?

M: Chúng ta nên nhớ rằng ngôn từ được sử dụng theo nhiều cách, và tùy theo ngữ cảnh. Thực tế là chỉ có rất ít khác biệt giữa ý thức và vô thức – về căn bản chúng đồng như nhau. Trạng thái thức khác với trạng thái ngủ vì sự có mặt của nhân chứng. Một tia sáng của tánh biết soi sáng một phần của

tâm, và phần đó trở thành giấc chiêm bao của chúng ta – hay ý thức khi thức – còn tánh biết xuất hiện như nhân chứng. Thường thì nhân chứng chỉ biết ý thức. *Sadhana* tìm cách xoay nhân chứng trở lại trước tiên với sự ý thức của nó, rồi với chính nhân chứng trong sự thấy biết chính mình. Thấy biết chính mình là *Yoga*.

H: Nếu tánh biết là trùm khắp, vậy liệu một người mù sau khi giác ngộ có thể thấy?

M: Ông nhầm lẫn nhận thức thuộc giác quan với tánh biết. Người giác ngộ biết chính mình như mình là. Người giác ngộ cũng biết rõ thân mình bị khuyết tật, và tâm bị mất đi một khả năng nhận thức do giác quan đem lại. Nhưng người giác ngộ không hề bị ảnh hưởng bởi sự khiếm khuyết hay không khiếm khuyết thị giác.

H: Một cách cụ thể hơn: Khi một người mù trở thành người giác ngộ, thị giác của người đó có được phục hồi không?

M: Trừ khi mắt và não bộ của người đó trải qua một sự thay mới, còn không thì làm sao có thể thấy?

H: Liệu mắt và não bộ của người có trải qua một sự thay mới không?

M: Có thể có mà cũng có thể không. Tất cả còn tùy vào định mệnh và ân đức. Nhưng người giác ngộc chủ động một phương cách nhận thức tự sinh khởi, phi giác quan khiến người giác ngộ có thể biết sự vật trực tiếp mà không qua sự trung gian của các giác quan. Người giác ngộ ở ngoài tất cả những gì có thể nhận thức được và khái niệm hóa được, ở ngoài phạm trù của không gian và thời gian, danh xưng và hình tướng. Người giác ngộ không phải là cái được nhận thức hay người nhận thức, mà là yếu tố đơn giản và mang tính vũ trụ làm cho nhận thức khả hữu. Thực tại ở ngay trong nội vi ý thức, nhưng thực tại không phải ý thức hay bất cứ gì thuộc nội dung của ý thức.

H: Cái gì là hư giả - thế giới, hay cái biết của tôi về thế giới?

M: Có thế giới nào ở bên ngoài cái biết của ông? Liệu ông có thể vượt ra ngoài cái ông biết? Ông có thể mặc nhiên công nhận một thế giới ở bên ngoài tâm, nhưng đó vẫn chỉ là một ý niệm không được chứng minh, và không thể chứng minh được. Kinh nghiệm của ông là bằng chứng của ông, và nó chỉ có giá trị với ông. Còn ai có thể có kinh nghiệm của ông, khi người đó chỉ thật vào lúc xuất hiện trong kinh nghiệm của ông?

H: Tôi cô đơn một cách tuyệt vọng đến thế sao?

M: Đúng thế, khi ông là một con người. Trong sự hiện hữu chơn thật của chính ông, ông là cái toàn thể.

H: Ông là một phần của thế giới tôi có trong ý thức, hay ông độc lập?

M: Những gì ông thấy là của ông, những gì Ta thấy là của Ta. Hầu như không có gì chung cho cả hai.

H: Phải có một yếu tố chung nhất nào đó để hợp nhất ông và tôi.

M: Muốn tìm ra yếu tố chung nhất ông phải loại bỏ tất cả mọi khác biệt. Chỉ vũ trụ là chung nhất.

H: Điều làm cho tôi ngạc nhiên là trong khi ông bảo rằng tôi chỉ là sản phẩm của ký ức và vô cùng giới hạn, nhưng tôi tạo ra một thế giới bao la và phong phú dung chứa tất cả mọi thứ, kể cả ông và những gì ông chỉ giáo. Làm sao sự bao la này được tạo ra và dung chứa trong sự nhỏ bé của tôi là điều tôi cảm thấy khó hiểu. Có thể ông nói với tôi tất cả sự thật, nhưng tôi chỉ nắm bắt được một phần rất nhỏ của sự thật đó.

M: Nhưng đó là một thực tế - cái nhỏ phóng chiếu ra cái toàn thể tuy nó không thể dung chứa cái toàn thể. Dù thế giới của ông có vĩ đại và trọn vẹn đến đâu thì nó vẫn mâu thuẫn với chính nó, vô thường, và hoàn toàn là ảo ảnh.

H: Nó có thể là ảo ảnh nhưng vô cùng kỳ diệu. Khi nhìn, nghe, sờ mó, ngửi, nếm, tư duy và cảm thọ, ghi nhớ và tưởng tượng, tôi không thể nào không sửng sốt về tính sáng tạo mầu nhiệm của tôi. Tôi nhìn qua kính hiển vi hay kính viễn vọng và thấy đủ loại kỳ quan. Tôi truy theo dấu vết của một nguyên tử và nghe tiếng thì thầm của các vì sao. Nếu tôi là người sáng tạo duy nhất của tất cả những điều kỳ diệu đó, thì chắc chắn tôi phải là Thượng đế! Nhưng nếu là Thượng đế, tại sao tôi có vẻ nhỏ bé và vô tư lực ngay cả với chính tôi?

M: Ông là Thượng đế, tại ông không biết đó thôi.

H: Nếu tôi là Thượng đế thì thế giới tôi tạo ra phải thật.

M: Nó thật trong tánh thể, nhưng không thật ở biểu hiện bên ngoài. Khi không còn tham ái và lo sợ thì ngay lập tức cái nhìn của ông trong sáng và ông sẽ thấy mọi vật như nó là. Hoặc, ông có thể cho rằng *Satoguna* tạo ra thế giới, *Tamoguna* ngăn che nó, và *Rajoguna* làm cho nó biến dạng.

H: Điều đó chẳng giúp tôi được bao nhiêu, vì nếu tôi hỏi Gunas là gì, thì câu trả lời là: Cái sáng tạo, cái ngăn che, cái làm cho biến dạng. Thực tế vẫn là – một cái gì đó không thể tin được đã xảy ra đối với tôi, và tôi không hiểu cái gì đã xảy ra, như thế nào, và tại sao.

M: Hừ, tìm hiểu là sự khởi đầu của trí tuệ. Thường xuyên và kiên định tìm hiểu là *Sadhana*.

H: Tôi ở trong một thế giới mà tôi không hiểu, do đó tôi sợ nó. Đây cũng là kinh nghiệm của mọi người.

M: Ông vừa tách ông ra khỏi thế giới, do đó thế giới làm cho ông đau đớn và sợ hãi. Tìm ra sai lầm của ông thì ông không còn sợ hãi.

H: Ông bảo tôi từ bỏ thế giới trong khi tôi muốn hạnh phúc trong thế giới.

M: Nếu ông đòi hỏi cái bất khả, ai có thể giúp ông? Trong cái hữu hạn thì chắc chắn đau khổ và lạc thú thay phiên nhau. Nếu muốn tìm hạnh phúc chơn thật, bền chắc và bất biến, ông phải bỏ lại phía sau thế giới với những đau khổ và lạc thú của nó.

H: Làm sao thực hiện?

M: Chỉ từ bỏ vật lý mới là dấu hiệu của sự thành khẩn, nhưng sự thành khẩn không giải thoát. Phải có sự hiểu biết đi cùng với khả năng nhận thức tỉnh thức, khao khát tìm hiểu và truy cứu thật sâu xa. Ông phải kiên quyết trong sự cứu độ chính ông khỏi tội lỗi và đau khổ.

H: Cái gì là tội lỗi?

M: Tất cả những gì ràng buộc ông.

*****

Chân thành chia sẻ với những ai có đầy đủ phước báu tiếp thu trọn vẹn tuyệt tác hiện đại này của nền Đạo học cổ điển Đông phương.

Người dịch Vũ Toàn

Tháng 1 năm 2008

Vutoan49@hotmail.com

***

Phụ lục 1

Nisarga yoga – yoga tự nhiên

Nếu không có những ngọn đèn điện và tiếng ồn của xe cộ lưu thông trên đường phố thì một người không thể biết mình đang ở vào thời kỳ nào của lịch sử nhân loại khi ngồi trong căn hộ nhỏ hẹp của Đạo sư *Nisargadatta Maharaj*. Căn phòng phảng phất một phong cách phi thời – các đề tài đàm luận siêu vượt thời gian vì chúng luôn luôn có giá trị đối với mọi thời đại, và cả các phương cách mà mỗi đề tài được dẫn giải và quán xét cũng thế. Nhiều thế kỷ, nhiều ngàn năm, và nhiều thời đại đã trôi qua nhưng con

người còn đối diện với những vấn đề vô cùng cổ đại nhưng vẫn luôn luôn mới mẻ.

Những cuộc đàm đạo và những lời chỉ giáo có lẽ vẫn y như mười ngàn năm trước, và cũng sẽ không thay đổi vào mười ngàn năm sau. Vẫn có những chúng sinh hữu thức thắc mắc về thực tế hành vi ý thức của chính mình, rồi lần mò đi tìm cội nguồn và mục đích của ý thức. Ta từ đâu đến? Ta là ai? và Ta sẽ đi về đâu? Những câu hỏi như thế không có sự khởi đầu và cũng không có sự kết thúc. Biết được câu trả lời là một sứ mệnh bức thiết, vì nếu không hoàn toàn hiểu rõ chính mình – cả trong thời gian lẫn trong cái vô thời – thì cuộc đời chẳng khác giấc chiêm bao, áp đặt lên chúng ta bởi những quyền năng mà chúng ta không biết, và cho những mục đích mà chúng ta không hiểu.

Maharaj không phải là một người có sở học cao rộng. Đằng sau ngôn ngữ *Marathi* – một thổ ngữ chính của vùng Tây Ấn và Trung Ấn – người ta không hề nhận ra một kiến thức uyên bác nào. *Maharaj* hầu như không đề cập đến quyền năng và rất ít khi viện dẫn kinh điển; tuy nhiên, sự phong phú đến độ kinh ngạc về di sản tâm linh của Ấn Độ có vẻ như tàng ẩn trong ông hơn là hiển lộ bên ngoài. Không hề có một tịnh xá sang trọng nào đã từng được xây dựng quanh *Maharaj*, và hầu hết môn đồ của ông là giới lao động bình dân, họ quý trọng từng cơ hội được thỉnh thoảng thân cận ông một vài giờ trong ngày.

Bình dị và khiêm tốn là những nguyên tắc chính trong cuộc sống và giáo pháp của *Maharaj*; ông chưa hề phong cho mình một địa vị cao cả - bề ngoài lẫn bên trong. Cái thể tánh của hiện hữu mà ông thuyết giảng – ông thấy nó trong mọi người cũng rõ ràng như ông thấy nó trong chính ông. *Maharaj* xác nhận ông đã thấy được nó còn người khác thì chưa, nhưng theo ông sự khác biệt này chỉ là nhất thời và không mấy quan trọng, ngoại trừ đối với tâm và nội dung luôn luôn thay đổi của nó. Khi được hỏi về trường phái *Yoga* của ông, *Maharaj* cho biết ông không có pháp môn nào để dạy, không có một hệ thống nào – dù là thần học, vũ trụ học, tâm lý học hay triết học – để trình bày. *Maharaj* chỉ biết bản tánh chơn thật của ông cũng như của những người đến nghe ông thuyết giảng, và ông chỉ cho họ thấy. Tuy nhiên, người nghe không thể thấy được nó vì họ không thể thấy cái hiển nhiên bằng cách nhìn đơn giản và trực tiếp. Tất cả những gì họ biết đều được biết bằng tâm, qua sự kích động của các giác quan. Thực tế cho

thấy chính tâm cũng chỉ là một công cụ giác quan, nhưng chẳng mấy ai biết được điều này.

Nisarga Yoga, pháp môn *Yoga* tự nhiên của *Maharaj*, đơn giản đến độ làm cho người nghe bối rối: Tâm – tức là cái trở thành tất cả - phải nhận ra và thâm nhập vào chính hiện hữu của nó – không phải hiện hữu thế này hay thế kia, hiện hữu ở đây hay ở đó, hiện hữu lúc đó hay bây giờ - mà chỉ là sự hiện hữu phi thời.

Sự hiện hữu phi thời này chính là cội nguồn của cả sự sống lẫn ý thức. Đối với thời gian và không gian, cũng như tương quan nhân quả, nó là cái toàn năng, là nguyên nhân phi nhân duyên, bao trùm tất cả, vĩnh cửu – hiểu theo nghĩa không có sự khởi đầu, không có sự kết thúc, và luôn luôn hiện tại. Vì phi nhân duyên nên nó tự do, vì bao trùm tất cả nên nó biết, vì không bị phân chia nên nó hạnh phúc. Nó sống, nó yêu, và an lạc bất tận; nó hình thành và tái hình thành vũ trụ. Mọi người đều có nó, mọi người đều *là* nó, nhưng không phải ai cũng biết chính mình như mình là, nên đồng hóa chính mình với danh xưng, hình tướng của thân xác, và nội dung của ý thức.

Để sửa sai sự ngộ nhận thực tại của chính mình, cách duy nhất là nhận thức hoàn toàn mọi hành hoạt và tướng trạng của tâm, biến tâm thành công cụ để khám phá chính mình. Khởi thủy tâm chỉ là một công cụ trong sự tranh đấu để sinh tồn mang tính sinh hóa (*biological survival*). Tâm đã phải học các quy luật về lề thói của Thiên nhiên để chinh phục Thiên nhiên. Những gì tâm đã làm, đang làm cùng với Thiên nhiên là nâng cuộc sống lên một bình diện cao hơn. Trong tiến trình này, tâm thụ đắc nghệ thuật tư duy và truyền đạt bằng biểu tượng – tức nghệ thuật và diệu dụng của ngôn ngữ. Ngôn từ trở nên quan trọng. Ý tưởng và những khái niệm trừu tượng trở thành biểu hiện của thực tại, như thế khái niệm được thay thế cho cái thật, và hậu quả là con người sống trong thế giới của ngôn từ, đầy những ngôn từ và bị thống trị bởi ngôn từ.

Hiển nhiên, ngôn từ vô cùng hữu ích trong hành sử với sự việc và con người. Nhưng cũng chính ngôn từ làm cho chúng ta sống trong một thế giới hoàn toàn là biểu tượng, và do đó, hư giả. Để thoát ra khỏi nhà tù chữ nghĩa và trở về với thực tại, một người phải chuyển được sự chú ý vào ngôn từ sang những gì ngôn từ muốn đề cập đến – tức là chính sự việc.

Từ ngữ thường được sử dụng thông thường nhất và cũng đầy cảm xúc, và ý tưởng là từ ngữ "Ta với bất cứ gì và với tất cả, từ thân xác cho đến cái Tuyệt đối. Trong thực tế, "Ta" đóng vai trò như một vật chỉ điểm (*pointer*)

nhắm vào một kinh nghiệm trực tiếp, tức thời và vô cùng quan trọng. Hiện hữu, và biết mình hiện hữu là vô cùng thiết yếu. Và để được chú ý đến, một vật phải có liên quan đến sự tồn tại hữu thức của một người, tức là tiêu điểm của mọi tham ái và lo sợ. Vì, mục đích tối hậu của mọi tham ái là gia tăng và củng cố ý thức tồn tại này; còn tất cả sợ hãi – trong bản chất của nó – là sợ sự diệt vong của chính mình.

Lặn sâu vào ý thức về cái "Ta" – vô cùng thật và vô cùng sinh động – để đến tận cội nguồn của nó chính là cốt tủy của *Nisarga Yoga*. Vì không liên tục, ý thức về cái "Ta" phải có một cội nguồn mà từ đó nó chảy ra, và cũng là nơi chốn nó trở về. Nguồn gốc vô thời của sự hiện hữu hữu thức này là cái *Maharaj* gọi là *Swarupa* – bản chất của chính mình, sự hiện hữu của chính mình.

Về phương pháp để nhận ra sự đồng nhất tối thượng của chính mình với sự hiện hữu của chính mình, *Maharaj* không đưa ra một sự bắt buộc nào. Theo ông, mỗi người có con đường riêng để đến với thực tại, không thể có một quy luật nào để áp dụng chung cho mọi người. Nhưng dù bằng bất cứ con đường nào, cửa ngõ mở vào thực tại vẫn là ý thức "Ta hiện hữu". Chính bằng sự quán triệt tính cách quan trọng của cái "Ta hiện hữu", và vượt ra khỏi nó để đến tận cội nguồn của nó mà một người có thể giác ngộ trạng thái tối thượng, cũng là trạng thái tiên nguyên và tối hậu. Khác biệt giữa bắt đầu và kết thúc chỉ có ở trong tâm. Khi u mê hay động loạn thì tâm không thể nhận ra cội nguồn. Khi trong sáng tâm trở nên ảnh phản chiếu trung thực của cội nguồn. Cội nguồn thì lúc nào cũng thế - ở ngoài tối và sáng, ngoài sinh và tử, ngoài hữu thức lẫn vô thức.

Sự an trú trong ý thức "Ta hiện hữu" này là *Nisarga Yoga* – một pháp môn *Yoga* đơn giản, dễ dàng và tự nhiên. *Nisarga Yoga* không hề có bí quyết, không có sự lệ thuộc, không đòi hỏi phải chuẩn bị và cũng chẳng cần nhập môn. Bất cứ ai – là một hiện hữu hữu thức – bối rối về chính sự tồn tại của mình, và thành khẩn muốn tìm ra cội nguồn của chính mình, đều có thể nắm bắt ý thức "Ta hiện hữu" luôn luôn hiện tại, và kiên trì an trú trong ý thức đó cho đến khi mây mù ngăn che tâm tan biến thì trái tim của hiện hữu hiển lộ với tất cả vẻ huy hoàng của nó.

Kết quả của sự kiên trì thực hành *Nisarga Yoga* là một người trở nên có ý thức và năng động trong những gì mà mình trước kia vẫn không có ý thức và thụ động. Sự khác biệt không thuộc về bản chất mà chỉ trong sự thể hiện – cũng như một thỏi vàng và một món trang sức bằng vàng được tạo ra từ

thỏi vàng đó. Cuộc sống vẫn tiếp tục, nhưng là một cuộc sống tự sinh khởi và tự do, đầy ý nghĩa và hạnh phúc.

Trạng thái tự nhiên và tự sinh khởi này được *Maharaj* mô tả rất linh hoạt, nhưng cũng như một người mù bẩm sinh không thể hình dung được ánh sáng và mầu sắc, thì một cái tâm chưa giác ngộ không thể hiểu được những mô tả như thế. Những mô tả như hạnh phúc an nhiên, vô tư trìu mến, tính phi thời và phi nhân duyên của sự vật và hiện hữu – nghe thật lạ tai và không tạo được cảm ứng. Nhưng qua trực giác chúng ta vẫn cảm nhận được chúng mang một ý nghĩa sâu xa, và thậm chí còn tạo trong chúng ta một sự mong ước kỳ lạ về cái bất khả diễn tả đó như *Maharaj* vẫn nói: Ngôn từ chỉ là phương tiện chỉ điểm, chúng cho biết phương hướng nhưng không đi cùng với chúng ta. Chân lý là thành quả của hành động thành khẩn, ngôn từ đơn thuần chỉ là phương tiện dẫn lối đi đường.

Maurice Frydman
Người dịch "I AM THAT"
Từ tiếng Ấn sang tiếng Anh

[1] Psyche: Nguyên gốc tiếng Hy lạp – Psyche gồm ba thành phần: Hơi thở (breath), linh hồn (soul) và tâm (mind). Từ ngữ này rất phổ biến trong Tâm lý học (Psychology) của Tây phương, nhưng không có thuật ngữ chính xác tương đương trong Triết học và Đạo học Đông phương. Tạm gọi là "vọng tâm". Ghi chú của người dịch.

[2] Turiya: Trạng thái siêu ý thức của định (Samadhi), tức trạng thái thứ tư của hồn (soul), trong đó hồn trở thành một với Brahman, tức Tánh biết Tối thượng.

[3] Sadhana: Sadh có nghĩa là đi thẳng đến mục đích để thành công. Sadhana là pháp môn đưa đến chứng đắc Siddhi.

[4] Gunas: Các đặc tính hoặc thuộc tính của vật chất vũ trụ (qualities of cosmic matter). Theo thuyết Samkhya, vật chất vũ trụ có ba thuộc tính là: Sattva – chiếu sáng (illuminating), Rajas – khởi động (activating), và Tamas: Kiềm giữ lại (restraining).

[5] Bhagawan là tên gọi khác của Sri Ramana Maharshi, một bậc giác ngộ khác của Ấn Độ (1879 – 1950). Ramanashram là tịnh xá Ramana. Sri có nghĩa là Ngài, tiếng để bày tỏ sự tôn kính. Người dịch.

[6] Cuộc đối thoại này và một số đối thoại khác ở những trang kế tiếp xảy ra vào năm 1971, là thời gian đang có chiến tranh ở Đông Hồi (East Pakistan) bây giờ là Bangla Desh.

[7] Chit: Ý thức vũ trụ (Universal Consciousness)

[8] Gunas: Thuộc tính, đặc tính của vật chất vũ trụ.

[9] Nhóm chữ "I am" được hiểu là "Ta hiện hữu" hoặc "Ta là" tùy theo ngữ cảnh của các đối thoại. Ghi chú của người dịch.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET